

DIỆP HÁCH NHAN TRẮT NGHI DÂN

# CẨM CUNG DIỄM SỬ

*Dịch giả: ÔNG VĂN TÙNG*



vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC



# LỜI GIỚI THIỆU

Những năm cuối cùng của triều Thanh và nhân vật Từ Hy Thái hậu, sử liệu để lại quá nhiều, sách viết không đếm xuể; gần đây điện ảnh, vô tuyến truyền hình ở Đại lục, Đài Loan, Hồng Kông xuất hiện liên tục, người sắm vai Từ Hy không ít, lớn thì siêu sao Lưu Hiểu Khánh, nhỏ cũng là những ngôi sao mới mọc. Hàng tỉ độc giả trở thành khán giả. Các nhà văn đua nhau viết, đủ thể loại. Mỗi người chọn một thể loại. Khai thác một mặt, phong cách mỗi người một vẻ.

Cuốn sách này mang tên là “Cấm cung diễm sử” cũng là có ý riêng. Bởi lẽ, tác giả của những loại hình trên, phần lớn dựa vào tư liệu, hồ sơ... thậm chí cả hồ sơ gốc trong cung nhà Thanh, rồi từ đó mà chọn lọc, thêm bớt, hư cấu, miêu tả; văn phong tùy theo từng thể loại và cá tính người viết. Nói chung đều là những tác phẩm nghiêm túc, công phu, nhưng dù sao vẫn phải dựa vào sách vở và thông qua chủ quan của người viết.

Lần này, dưới tay bạn đọc lại có một cuốn viết về Từ Hy và bí mật trong cung cấm vào thời Thanh mạt. Nhưng có nhiều chỗ đại đồng tiểu dị.

Trước hết là do tác giả.

Tác giả sinh năm 1912 người dân tộc Mãn, họ Diệp Hách Nhan Trát (thị) tên là Nghi Dân, họ gán với Từ Hy Diệp Hách Na Lạp (thị) sau Từ Hy hai đời, gọi bà ta là bà cô. Cha ông là Dục Thái từng làm Đốc biện phủ Nội vụ trong cung triều Thanh, bác là Dục Hiền từng làm Tuần phủ Sơn Đông, Sơn Tây. Bố vợ là Ân Bồi từng làm Tổng quản của phủ Khanh Thân vương. Thời trẻ trong gia đình cất giấu nhiều bút tích, ghi chép tỉ mỉ xác thực, lại thường có nhiều bậc quý hiển của triều Thanh lui tới trò chuyện, vì thế

mà biết được nhiều sự thật trong cung cấm. Vào những năm 30, tác giả từng giữ chức trưởng ban báo chí A Đông Bắc Bình, chủ bút tờ “Dân cường báo” hiện là nhà nghiên cứu suốt đời cho Viện Văn sử Bắc Kinh, đã cho ra đời nhiều cuốn “Bí mật cung cấm”.

Tác giả hiện còn sống, một ông già tám mươi thông thái từng trải, mắt thấy tai nghe những chuyện “người thực việc thực” mà ghi lại. Đó là điều đáng quý. Hơn nữa, với một thời đại sóng gió, sử liệu phong phú, nhân vật đông đúc như thế, có thể viết nên những bộ trường thiên hàng chục tập, nhưng tác giả chỉ gói gọn trong ba bốn trăm trang, đủ biết tác giả đã chọn lọc đến chừng nào. Mặt khác, tác giả chọn cách viết chương hồi theo truyền thống tiểu thuyết của Trung Quốc, chi tiết chọn lọc, lời văn giản dị, chỉ mấy dòng đã lột tả được tính cách từng người, cách dựng cảnh sinh động, không bình luận theo chủ quan, mà vẫn bộc lộ được tư tưởng của tác giả.

Vì vậy, khi cuốn sách ra đời, từ Đài Loan, Hồng Kông đã gửi thư liên hệ xin được xuất bản cuốn sách này.

Đề từ cho cuốn sách, tác giả Dã Mãng đã ghi:

Khuyến quân thư hải thá lưu bộ

Ảnh thị khán bãi độc thử thư

Tạm dịch:

Khuyên ai đạo gót qua rừng sách

Xem chán phim rồi đọc sách này.

Sau cùng, xin nói thêm một chút. Người dịch cuốn sách này có bậc đồng tộc tiền bối là Ông Đồng Hòa, đại thần và là thầy dạy của Hoàng đế Quang Tự, một học giả, một người trung thực nhưng cũng bị một tấn bi kịch do bàn tay của Từ Hy, cho nên cũng có biết ít nhiều về thời kì đó.

Âu cũng là chút duyên.

Xin giới thiệu cùng bạn đọc

Hà Nội mùa thu 1999

# Hồi thứ nhất: HUỆ TRUNG TRÁCH VỢ SAO SINH YÊU NỮ NGỌC LAN ỨNG TUYỂN TẤN PHONG QUÝ NHÂN

Ngày 29 tháng 11 năm 1835 (tức ngày mồng 10 tháng 10 năm Đạo Quang thứ 15), sáng sớm, trong dinh thự của một họ tộc Mãn Thanh là Diệp Hách Na Lạp thị ở Phương Gia Viên phía đông thành Bắc Kinh, phu nhân của Diệp Hách Na Lạp Huệ Trung là Phú Sát thị đang chuyên dạ. Lúc bấy giờ Huệ Trung sắp ở vào tuổi “nhị lập”, mừng không biết đề đâu cho hết, thậm khấn trời cầu phật ban cho mình một quý tử. Tiếng Phú Sát thị kêu thất thanh “ôi đau quá, đau chết mất thôi” mỗi lúc một thê thảm hơn.

Đứa trẻ vừa sinh ra, Huệ Trung đã vội vàng hỏi: “Con trai hay con gái?”. Phú Sát thị không còn sức để trả lời chồng nữa. Bọn a hoàn xung quanh nhao nhao:

- Kính chúc lão gia may mắn, phu nhân sinh thiên kim tiểu thư ạ. Huệ Trung nghe vậy thở dài:
- Mong một thằng con trai thì lại sinh ra vịt giòi. Một a hoàn liền mau miệng nói:
- Lão thái gia ở phòng trên nghe nói tiểu phu nhân sinh cháu đang mừng lắm ạ.

Đứa bé cứ khóc ngằn ngặt mãi không chịu nín. Bên ngoài bỗng có người gõ cửa cùng tiếng nói to: “Có việc”. Lão quản gia vội vàng chạy ra, thấy hai nha dịch của nha môn bộ Hình đem đến một tờ “truyền phiêu”, hạn cho Cảnh Thụy phải đem nộp 28.000 lạng bạc cho nha môn bộ Hình. Lão quản gia không đem tờ truyền phiêu lên phòng của lão thái gia Cảnh Thụy mà đưa cho Huệ Trung xem trước. Huệ Trung xem xong, biết ngay có kẻ muốn làm cho cả nhà mình khuynh gia bại sản liền dặn quản gia không nên cho lão gia biết, để điều tra xem xét rõ ràng ra sao đã rồi mới báo cho cha sau. Hai vạn tám nghìn lạng bạc! Có bán cả nhà cả đất đi cũng khó mà lo đủ số tiền lớn như vậy. Thế là Huệ Trung bắt đầu trút hết bực dọc lên đầu Phú Sát thị đã sinh ra một con a đầu. Ông ta bước vào phòng sản phụ, lớn tiếng quát vợ sao sinh ra một con a đầu. Phú Sát thị cũng không chịu được nữa, liền nói:

- Ông đừng chửi rủa tôi, có một nửa là phần của ông đấy. Sao ông lại trọng nam khinh nữ thế?

Huệ Trung bực dọc:

- Sao lại trùng hợp nhau như vậy chứ! Nó ra đời trước rồi bộ Hình mang tai họa đến sau.

Rồi kể lại cho Phú Sát thị chuyện triều đình bắt nộp hai vạn tám nghìn lạng bạc. Phú Sát thị nghe thấy món tiền lớn như vậy, buột nghĩ: “Hay là đứa nhỏ sinh vào giờ dữ, liệu có phải là yêu tinh hay không?”. Huệ Trung nói:

- Hay ta cứ chôn sống quách nó đi!

Phú Sát thị nghe vậy bỗng chùng xuống:

- Người gặp nạn lớn thì cũng có phúc lớn. Huệ Trung tiếp:

- Bà sinh ra đứa trẻ này rõ ràng là làm cho ông trời tức giận mới sai người đến đòi nhà mình hai vạn tám nghìn lạng bạc như vậy.

Huệ Trung trong cơn tức tối liền đưa tay ra định bóp cổ đứa trẻ. Nhưng đột nhiên, đứa trẻ khóc ầm lên. Hình như nó nghe được trận đối đáp của cha mẹ, hình như biết được là Huệ Trung sắp sửa hành hung nó vậy. Huệ Trung bất giác thu tay về.

Phú Sát thị ngập ngừng:

- Biết đâu sau này nó lại là một nương nương.

Huệ Trung đáp:

- Nếu thực có làm được nương nương thì chẳng qua cũng dạng Lã Trĩ Vô Tắc Thiên mà thôi.

Nhưng tại sao có chuyện ngay khi đứa bé sinh ra. Hình bộ liền đưa truyền phiếu đến đòi hai vạn tám nghìn lạng bạc? Câu chuyện như sau:

Ông nội của Huệ Trung là Cát Lang A, năm 1801 (tức năm Gia Khánh thứ 6), giữ chức Trung thư nội các triều đình, được thăng quan lục phẩm, liệt vào hàng nhị đẳng kinh tế, được triều đình tặng danh như sau: “Thao thủ cần, chính sự cần, tài vụ trường, niên lực tráng”, nghĩa là nghiêm chỉnh chấp hành quy củ nhà nước, cần mẫn làm việc, có tài năng, sức khỏe tốt. Sau đó, ông ta được bổ nhiệm làm Kinh chương quân cơ, đến năm Gia Khánh thứ 14, được điều từ quân cơ sang làm viên ngoại lang ngân khố thứ bộ Hộ (ngân hàng), năm sau chính thức được quản lý ngân khố. Năm Gia Khánh thứ 20, Cát Lang A chết khi còn đang làm việc.

Ông nội Cát Lang A của Huệ Trung qua đời một thời gian dài, kinh thành xảy ra một vụ đại án, ngân khố bộ Hộ hao quỹ hơn chín triệu 250 ngàn lạng.

Đạo Quang hoàng đế biết được tin này, nộ khí bùng bùng, liền cầm bút phê: “Lòng hận lũ quỷ câu kết với nhau! Không thể tha một tên nào được”, rồi chửi mắng tất cả quan lại kiểm tra ngân khố là lũ “vô lương tâm, liên kết với nhau ăn cắp, phản bội đất nước”. Sau đó, vị đại hoàng đế này lập tức hạ một đạo chỉ dụ:

“Tất cả những người đã nhận chức quan quản kho, ngự sử kiểm tra kho và cả các đình thư từ năm Gia Khánh thứ 5 đến nay đều phải bị tra xét cẩn thận từng người một, rồi nghiêm khắc trị tội. Xử phạt bồi thường và biện pháp để bù đắp ngân khố bị mất như thế nào, những người có trách nhiệm phải bẩm tấu cụ thể sau”.

Hoàng đế Gia Khánh thấy chuyện tham ô hoành hành như vậy lo lắng vô cùng, ăn không ngon ngủ không yên, nếu không ra sức chinh đốn các quan lại, chẳng bao lâu nữa, triều đình sẽ trở thành cái thuyền thủng đáy, nên lại hạ một đạo chỉ dụ nữa, nêu rõ: “Tất cả các quan quản kho, ngự sử kiểm tra kho từ năm thứ 5 Gia Khánh trở lại, căn cứ vào danh sách, mỗi người mỗi năm cầm quyền phải nộp 1200 lạng. Đối với những người đã chết thì con cháu phải nộp tiền thay”.

Ý chỉ của Hoàng thượng ai còn dám trái! Huệ Trung không còn cách nào, đành nói với cha tất cả mọi việc. Lão phu Cảnh Thụy được tin con dâu sinh cháu nội đang vui mừng khôn xiết, thấy con trai bước vào phòng liền nói:

- Bọn a hoàn nói là con có được đứa con gái, vậy phải cố gắng mà nuôi dạy nó. Người Mãn chúng ta sung sướng nhất là được con gái đầu lòng, tức là đơm hoa trước, kết quả sau, đại cát đại lợi đấy con ạ.

Huệ Trung mặt buồn rười rượi, đứng trước mặt cha không nói một lời nào. Cảnh Thụy thấy vậy nói:

- Nhìn con buồn thế kia, cha biết là con không thích sinh con gái rồi.

Sao con lại trọng nam khinh nữ thế? Trong đầu con chỉ có mỗi một điều là trai tôn quý gái hạ tiện mà thôi. Con thử nghĩ xem, nếu các bậc cha mẹ trên thế gian đều chỉ sinh con trai thì thế giới này sao tồn tại được? Vợ con lần đầu tiên tro da nơ hoa, vậy là đại cát đại lợi rồi".

Huệ Trung lúc này mới lên tiếng:

- Đại cấp, đại cấp, chẳng còn cách nào không “đại cấp” nữa rồi.

- Con điên à?

- Con không điên.

- Mau cút đi cho khuất mắt ta!

Huệ Trung thấy cha bực tức vậy, trong lòng hơi chút hối hận: lẽ ra không nên xả một lúc cả hai nỗi bực dọc của mình trước mặt cha, liền nhận lỗi:

- Thưa cha, cha đừng giận con. Trong lòng con có việc khó xử, sợ cha biết lại thêm lo lắng.

Ông già nghe vậy, ngỡ con dâu và đứa cháu mới sinh có gì không ổn, vội hỏi:

- Sao? Mẹ con nó làm sao hả?

- Dạ không, mẹ con chúng nó đều bình an vô sự cả, có điều...

- Điều gì, cứ ngập nga ngập ngừng thế, mau nói ra cho ta nghe!

- Dạ, thưa cha, ngân khố nha môn bộ Hộ có chuyện ạ. Cảnh Thụy hỏi:

- Có liên quan gì đến nhà ta hả?

- Dạ, không, thưa cha. Ngân khố bộ Hộ tổn hao hơn 9 triệu lạng bạc. Nghe nói Hoàng thượng tức giận đã có lệnh truyền tất cả những người đã làm việc ở ngân khố bộ Hộ từ năm Gia Khánh thứ năm đến giờ, mỗi người mỗi năm cầm quyền phải nộp 1.200 lạng. Ai đã qua đời thì con cháu phải nộp thay ạ.

- Cái gì? Thế thì còn gì là vương pháp nữa!

- Dạ, Hoàng thượng lời vàng ý ngọc, lời Hoàng thượng chính là vương pháp.

Huệ Trung nói xong liền rút tờ “truyền phiếu” từ trong người ra đưa cho cha xem. Cảnh Thụy xem xong, sợ đến ngất xỉu, Huệ Trung vội lay gọi:

- Cha ơi, tỉnh lại đi cha.

Mấy a hoàn cũng sợ hãi, nhao nhao kêu lên:

- Thái gia tỉnh lại đi!

Cảnh Thụy nằm trên chiếc ghế Thái sư một lúc lâu, có vẻ đã dần dần tỉnh lại.

Ngày 10 tháng 10 năm đó, Huệ Trung đã buồn vì nỗi sinh con gái, lại thêm Triều đình đưa lệnh đến đòi nộp tiền, không cách nào khác, đành bán nhà bán đất. Gia sản ông nội là Cát Lang A để lại giờ đem bán cả. Cuộc sống sau này không biết sẽ ra sao.

Lại nói đến đứa trẻ do Phú Sát thị sinh ra năm đó, không ngờ thông minh hiểu biết hơn người, hơn một tháng tuổi đã nhìn ra được sắc diện, tâm tình của đại nhân. Huệ Trung và Phú Sát thị không những không ghét bỏ nó, ngược lại yêu thương, coi nó như sợi dây hộ mệnh cho cả hai vợ chồng. Huệ Trung ngày ngày đến bộ Lại làm việc. Thực ra, ông ta cũng chỉ giữ một chức quan nhĩ đẳng nhỏ nhoi, trông coi việc ghi chép trong bộ Lại nên công việc cũng chẳng có bao nhiêu. Huệ Trung thường về nhà sớm hơn giờ quy định, bước vào trong nhà, việc đầu tiên là bế con gái một lúc. Bé gái sau khi được 100 ngày tuổi, đã biết gọi bà, gọi mẹ.

Theo tục lệ của người Mãn Thanh, khi đứa trẻ được 7 tháng tuổi, tức là khi vừa biết bò, cha mẹ sẽ để rất nhiều đồ vật bên lò sưởi, cho trẻ tự ý cầm. Trong các đồ vật ấy, trẻ cầm vật nào thì sau này sẽ có thiên hướng về hướng đó. Ví dụ, nếu đứa trẻ cầm vào cái kéo thì sau này sẽ giỏi việc thêu thùa may vá. Hôm đó, Phú Sát thị để trên bếp cả giỏ kim chỉ, bút, sách, son phấn, đồ trang sức quý, tiền và cả một bó hoa lan cho con tự chọn.

Bé gái sau khi được đặt bên bếp sưởi lập tức bò về phía các thứ đồ. Huệ Trung, Phú Sát thị cùng bọn a hoàn đứng vây quanh hết như xem thi đấu, thấy đứa bé bò thẳng lên phía trước, một tay nắm lấy hộp phấn, một tay nắm bó hoa lan. Hai vợ chồng Huệ Trung và bọn a hoàn cùng cười vang lên, Phú Sát thị nói:

- Sau này đừng có gọi là tiểu a đầu nhé. Nói đến đây, Huệ Trung cướp lời:

- Con a đầu nhỏ này về sau chắc chắn thích làm duyên, làm đẹp, chắc chắn sẽ yêu quý cái đẹp...

Phú Sát thị lại tiếp tục câu nói dở của mình:

- Ông xem nó nắm chặt bó hoa lan rồi. Sau này chúng ta sẽ gọi nó là Lan Nhi nhé.

Bọn a hoàn bên cạnh cũng đồng thanh nói:

- Tên là Lan Nhi hay lắm a.

Thời gian thấm thoát thoi đưa, Lan Nhi cũng lớn dần lên. Huệ Trung mời một gia sư đến nhà dạy dỗ cho con. Thầy đặt cho Lan Nhi một tên hiệu học trò là Ngọc Lan. Mấy năm học hành, Ngọc Lan đã thay mấy vị thầy dạy, mà tất cả đều do tự thầy xin thôi dạy. Ngọc Lan mỗi khi được thầy dạy cho một điển cố hay một câu chữ nào đều hỏi lại đến tận đầu tận cuối làm thầy tắc tị, không biết trả lời ra sao nữa. Ngọc Lan thường đưa ra những câu hỏi khó, thầy không trả lời được, thì cứ vờ này vờ nọ, lại còn uốn éo, bẻ cong những điều đã học được, thực là một đứa con gái học gì bán nấy, vô cùng giao hoạt. Các thầy biết Ngọc Lan sinh vào năm Ất Mùi, tức là cảm tinh con dê, nhưng tính cách của Lan giao hoạt gấp hai lần chó sói. Ai cũng nói với Huệ Trung rằng:

- Lệnh ái thông minh hơn người, bi nhân vô cùng kính trọng.

Lúc này, Phú Sát thị đã sinh con gái thứ hai, đặt tên là Uyển Trinh.

Huệ Trung vốn là người Bắc Kinh, ông cha ba đời đều làm quan, tuy không đại hiển quý, nhưng cũng đều thuộc bậc tứ phẩm, ngũ phẩm. Năm Đạo Quang thứ 14, Huệ Trung trúng tuyển vào hàm môn bộ Lại, chuyên lo việc ghi chép. Chức quan tuy nhỏ, nhưng cũng chỉ có người Mãn mới được làm mà thôi. Huệ Trung làm việc kề cận các quan lãnh đạo nên việc thăng tiến cũng nhanh chóng hơn người, đến năm Đạo Quang thứ 26, đã ngồi đến ghế chủ sự ban văn tuyển, tháng 2



năm Đạo Quang thứ 29 được Đạo Quang hoàng đế phong chức nhất đẳng kinh sát. Bấy giờ, Ngọc Lan đã 14 tuổi. Tiếp sau đó, Huệ Trung lại phụng chỉ chuyển sang bộ phận quân cơ, làm việc cho đạo phủ. Huệ Trung cũng thầm mong mỗi một chức quan tri phủ cho mình. Vận quan của ông cũng đến lúc phát: vào tháng 10 nhuận năm đó, Huệ Trung nhận chức Lang trung, đến ngày 17/10, nội các phụng thương dụ, công bố Huệ Trung đi nhận chức Đạo viên đạo Quy Thòa Sơn Tây. Phú Sát thị hỏi:

- Nha môn đạo Quy Thòa Sơn Tây ở tận đâu?

Huệ Trung đáp:

- Xa lắm đấy, ở mãi tận Mông Cổ cơ. Nha môn ở thành Quy Thòa, là một nơi rất lạnh, mình đến đây chủ yếu để duy trì trị an, diện tích mình quản cũng lớn lắm đấy: ngoài thành Quy hóa ra còn có Tát là Tề, sông Thanh Thủy, Phong Trấn, Thác Lạp Khắc, Ninh Viễn và Lâm Cách Nhĩ nữa.

- Sao ông biết tường tận nơi ấy vậy? - Phú Sát thị hỏi.

Huệ Trung đáp:

- Đương nhiên rồi, nếu không, Hoàng thượng chọn tôi đến đó làm quan lão gia để làm gì!

Phú Sát thị nói:

- Ông đừng tự phụ quá thế, nếu không phải Lan Nhi đưa việc quan đến cho ông thì đừng hòng Hoàng thượng đưa ông đi!

Lan Nhi đứng bên cạnh nghe cha mẹ nói chuyện với nhau liền nói:

- Thừa cha, đến thành Bắc Kinh, cha cũng chưa đi hết thì đến vùng biên cương lạnh giá ấy sao được. Nếu cha đi phải đi cùng cả nhà, kéo mẹ con chẳng yên lòng đâu.

Huệ Trung đáp:

- Mẹ con sắp sinh rồi, đi lại cũng không thuận tiện. Hơn nữa ở đó cũng phức tạp lắm.

Phú Sát thị nói:

- Nếu chẳng mang thai tôi cũng không muốn đi làm bà quan đâu.

- Huệ Trung nói :

- Lần này đi mang theo cả tùy viên và lại có nhiều thân tín đi cùng, có gì đâu mà sợ.

Cũng thật bất ngờ, trước khi Huệ Trung lên đường nhận chức ba hôm, Phú Sát thị đã trở dạ sinh con trai, thật đúng là song hỉ lâm môn. Huệ Trung mừng vui khôn tả, nói:

- Tôi lên đường chậm vài hôm cũng không sao. Tôi muốn đặt tên cho con xong rồi mới đi.

Ngọc Lan nghe vậy liền nhanh nhẩu:

- Cha thường ngày thích hoa quế, trong sân nhà ta cũng có một cây quế, vậy đặt tên em là Quế Tường là hay nhất ạ.

Huệ Trung nghe xong liền đồng ý.

Sau đó Huệ Trung dẫn đầu một đoàn tùy tùng lên đường nhận chức. Khi đến Quy Hóa, ngôi chưa ấm chỗ, bọn tùy viên đã hiến mưu cho Huệ Trung nhanh chóng tiếp quản cục thuế vụ và tự nhận làm cục trưởng cục này.

Huệ Trung cùng đám tùy viên của mình đối dưới lửa trên, quả nhiên sau khi nhận chức không lâu cũng được tuần phủ Sơn Tây là Cung Du đánh giá rất cao, năm đó, khi báo cáo lên Hoàng thượng về thành tích của Huệ Trung, đã liệt vào hàng đầu quan lại. Ông ta đã viết trong bản tấu rằng:

Qua kiểm tra, Huệ Trung đạo viên đạo Quy Thóa, sau khi tiếp quản công việc, tuy mới chỉ vài tháng nhưng tận tâm làm việc, lại kiên nghị tiếp quản các phòng thu thuế trực lệ, đây là có công v.v... Hoàng đế Đạo Quang đã phê liên 4 chữ son “bộ Hộ đã biết”, ý muốn nói có thể chấp nhận được.

Huệ Trung tuy được tuần phủ yêu mến nhưng cũng không quen với gió rét miền Bắc nên thường viết thư về nhà, kể lại nỗi khổ cực nơi biên cương xa lạnh. Ngọc Lan sau khi đọc thư cha liền gợi ý mẹ:

- Cha con nếu muốn được rời khỏi Quy Thóa thì nhất định phải qua cửa bộ Lại trước đã. Cửa này qua rồi thì việc gì cũng xong hết mẹ à.

Cả nhà làm theo mưu kế của Ngọc Lan, quả nhiên chi tiêu tốn có 300 lạng bạc, mà kết quả thực không ngờ được. Năm Đạo Quang thứ 30, cũng là năm Hàm Phong thứ nhất (1850), tiểu hoàng đế Hàm Phong khi vừa lên ngôi báu đã hạ chỉ chuyển Huệ Trung về Ninh Trì, An Huy giữ chức Thái quang đạo.

Tuần phủ Sơn Tây là Cung Du nhận được thánh chỉ của Hoàng thượng với nội dung: “Điều Huệ Trung đến Vô Hồ, An Huy, giữ chức Thái quang đạo”, trong lòng nghĩ thầm “tương lai người này chắc chẳng tầm thường”, nên đích thân đến thành Quy Hóa chúc mừng Huệ Trung. Huệ Trung được tin ngỡ mình nằm mơ, không biết thật giả ra sao nữa, nghĩ mãi không hiểu nổi, tại sao Hoàng đế lên ngôi lại bổ nhiệm ngay mình lên chức trước tiên.

Hàm Phong Dịch Ninh sau khi lên ngôi liền tổ chức thi tuyển tố nữ bát kỳ vào cung lần thứ nhất. Ngọc Lan năm đó 17 tuổi, cũng thuộc đối tượng ứng tuyển. Tộc trưởng “bách thập hộ” đã ghi tên vào phủ nội vụ, một thời gian sau, tên Ngọc Lan lấp lánh ghi trên bảng. cả nhà Diệp Hách Na Lạp thị tung bừng chuẩn bị đưa tiểu thư vào cung.

Còn Huệ Trung sau khi nhận tin được thăng chức liền mau chóng làm các thủ tục bàn giao. Bàn giao xong, lại tham gia đủ các loại tiệc chia tay của các đơn vị trực thuộc, tiệc chia tay của nha môn tuần phủ v.v..., cứ như vậy nán nã hơn một tháng ở Quy Thóa.

Về đến kinh thành, Huệ Trung mới biết chuyện con gái trúng tuyển thi tố nữ vào cung. Khi Huệ Trung vào cung báo cáo tình hình, các quan đại thần đều biết chuyện tiểu thư nhà ông ta đã trúng tuyển, ngày nhập cung cũng đã được xác định là hai ngày mùng 8, mùng 9 tháng 2 năm Hàm Phong thứ hai. Huệ Trung biết vậy trong lòng do dự, không biết lên đường nhận chức trước hay chờ đưa con vào cung xong mới đi. Con gái nếu trúng tuyển vào cung còn quan trọng gấp nhiều lần việc lên đường nhận chức. Huệ Trung đã đem việc này bàn với nhiều vị đại thần thân quen, ai cũng khuyên ông cứ đợi kết quả việc con gái vào cung ra sao rồi hãy lên đường.

Thời gian thấm thoát, năm mới đã sang, Phú Sát thị đã chuẩn bị xong quần áo tư trang cho con gái xuất giá.

Huệ Trung nói với vợ:

- Vạn nhất nếu Lan Nhi không trúng tuyển, tôi e rằng đến Vô Hồ, An Huy nhận chức Thái quang đạo cũng muộn mất.

Lan Nhi nghe vậy liền nói:

- Xin cha cứ yên tâm, con đảm bảo sẽ trúng tuyển.

Quả nhiên, ngày mùng 8 tháng 2, Lan Nhi được báo đã trúng tuyển, được Hoàng thượng lập tức phong là Lan Quý nhân. Trong số những người cùng trúng tuyển khi đó, còn có cả Trình tần (sau là Từ An Hoàng hậu). Từ đó có thể thấy Lan Quý nhân sau khi Hàm Phong lên ngôi không được đứng hàng thứ nhất, thứ nhì, thứ ba mà chỉ ở hàng thứ tư mà thôi.

Theo các tài liệu còn lại ở phủ nội vụ triều Thanh, bản tấu ngày 28 tháng hai năm Hàm Phong thứ 2 viết: “Ngày 11 tháng hai năm Hàm Phong thứ 2, Hoàng đế tuyên chi: Trần Tần, Vân Tần tiến cung ngày 27/4; Lan Quý nhân, Lê Quý nhân ngày 9/5 được vào đại nội. Khâm thủ”.

Huệ Trung khi biết con gái đã chính thức được phong là “Lan Quý nhân” rồi, hòn đá nặng trên ngực mới trút xuống được. Thực ra được làm quý nhân thì cũng chẳng cao sang gì cho lắm, nhưng dù gì mình cũng có thể xếp vào hàng cha vợ của vua. Được làm tứ đẳng quốc trượng cũng vinh quang lắm rồi. Trật tự hậu cung nhà Thanh đã quy định rõ ràng rằng: Sau hậu là phi; sau phi là tần; sau tần là quý nhân.

Sau một hồi bận rộn đưa con gái vào cung xong xuôi, Huệ Trung mới trở về với công việc của mình: sắp xếp đưa cả gia đình đến Giang Nam, chính thức nhận chức Thái quang đạo Ninh Trì ở Vô Hồ vào tháng 7 năm đó. Đạo đó đóng ở Vô Hồ, hạ lưu sông Trường Giang, có năm phủ và một châu trực thuộc phủ An Khánh, phủ Vi Châu, phủ Ninh Quốc, phủ Trì Châu, phủ Thái Bình và châu Trực Lệ Quảng Đức. Như vậy Huệ Trung cai quản 24 huyện, kiêm luôn cả chức phụ trách thuế vụ cửa sông Vô Hồ. Vô Hồ thuộc đất Giang Nam, là vùng đất trù phú, rất phát triển nghề cá và sản xuất lúa gạo, nên làm quan ở đây khác nào chuột sa chĩnh gạo; làm một Thái quang đạo thì càng nhiều món béo bở. Tục ngữ đã nói từ xưa rằng: “Trì phủ thanh liêm một năm, 10 vạn bạc hoa văn ít”. Nhưng 10 vạn bạc thực không thấm thía gì nếu làm quan ở Vô Hồ.

Huệ Trung khi đến Vô Hồ nhận chức đã mang theo cả Phú Sát thị và con gái thứ hai Uyển Trinh, con trai út Quế Tường. Khi Thái quang đạo mới đến, quan viên khắp năm phủ và một châu đều lần lượt đến chúc mừng, lập quan hệ. Trong các bữa tiệc Huệ Trung tổ chức mời đồng僚 đến dự đều có gái đẹp dâng rượu, và đặc biệt lần nào cũng cho con gái Uyển Trinh cùng dự. Nhìn các cô gái đàn đàn, hát hát, Uyển Trinh lập tức học theo ngay, về đến nhà lại lẩm nhẩm hát lại. Phú Sát thị rất không hài lòng về chuyện Huệ Trung cứ đưa Uyển Trinh đi dự tiệc. Bữa tiệc nào cũng có cả kỹ nữ hầu hạ, vậy sao có thể để Uyển Trinh cũng đến đó chứ! Hai người đã cãi nhau đến mấy lần, nhưng Huệ Trung nhất định không nghe, tiếp tục để Uyển Trinh xuất hiện trong những bữa tiệc đãi quan trên, đãi tuần phủ, trị đãi, phan đãi v.v... Tất cả bọn quan lại này đều rụng rời trước vẻ đẹp của Uyển Trinh. Các phủ đài về đến nhà liền hết sức cả ngợi Uyển Trinh đẹp như tiên giáng thế, phu nhân các phủ đài nghe vậy đều muốn được thấy dung nhan Uyển Trinh, nên thi nhau mời Uyển Trinh đến nhà. Huệ Trung thực sự mong muốn như vậy. Về phần mình, Uyển Trinh cũng hiểu rằng muốn đường quan tước của cha mình thông suốt thì nhất thiết phải lôi kéo được tất cả những vị quan này, kể cả sư gia cũng vậy. Các bà quan luôn lấy làm vinh dự mỗi khi được Uyển Trinh đến thăm nhà. Chính vì thế con đường quan tước của Huệ Trung vô cùng thông suốt. Uyển Trinh cũng hiểu rõ ràng rằng đã là đàn ông, bất kể quan to hay nhỏ, thậm chí cả bọn tay chân cũng đều như nhau cả, mình chẳng qua cũng chỉ là trò mua vui trong đám quan trường mà thôi. Tuy tuổi còn nhỏ nhưng Uyển Trinh đã nhìn rất rõ bọn đạt quan hiển quý cả ngày lẫn đêm trong tay các cô gái chôn đầu xanh, nửa mê nửa tỉnh, tham ô đồi bại, nịnh trên quát dưới, bên ngoài đạo mạo mở miệng ra là nhân với nghĩa, nhưng thật ra xấu xa đồi bại không ai bằng.

Từ sau khi Huệ Trung nhận chức, người dân khắp năm phủ một châu khốn khổ vô cùng vì thuế má chồng chất, tề nạn khắp nơi, tiếng trống đòi thuế suốt ngày dồn dập, quan lại tranh nhau bức bách nhân dân, tiếng kêu khổ vang tận trời xanh.

## Hồi thứ hai: QUÂN THÁI BÌNH PHẢN THANH GÂY NẠN LỚN ĐẠO VÔ HỒ SỢ TỘI TƯ GIẾT MÌNH

Nạn tham ô đòi bại như một con mãnh thú trực tiếp gặm ghè cắn xé đe dọa nhân dân, xác chết đầy đường đầy chợ cho điều bầu quạ mổ. Trong khi đó, lũ tham quan ô lại vẫn ăn chơi trác táng, như loài quỷ đói hút hết xương hết tủy của nhân dân. Ngồi chờ chết đói chết rét chẳng thà cùng nhau vùng dậy. Năm Hàm Phong thứ 2, hàng ngũ đội quân Thái Bình càng ngày càng lớn mạnh. Quân khởi nghĩa nông dân như sóng như bão bắt đầu đánh trả quân triều đình Mãn Thanh. Chính phủ Mãn Thanh khi đó thăng tổng đốc Lương Giang là Lục Kiến Doanh làm Khâm sai đại thần đứng đầu 3000 quân trấn áp quân khởi nghĩa. Nhưng quân Thanh đã bị quân Thái Bình đánh cho tan tác ngay trên đường hành quân.

Lục Kiến Doanh cố sống cố chết chạy đến Cửu Giang, mười bảy con người thấy tình thế nguy cấp liền lên hai chiếc thuyền chạy về hướng Nam Kinh. Khi đến Hộ Cảng cách thượng du Vô Hồ 40km, nghe nói ở Vô Hồ chỉ có 1000 lính tốt phòng thủ, biết rằng số lính này không thể làm nên trò trống gì trước nghĩa quân Thái Bình, nên khi đến Vô Hồ, Lục Kiến Doanh lập tức cùng Tổng binh trấn Phúc Sơn là Trần Thắng Nguyên và Thái quảng đạo Ninh Trì Huệ Trung nghiên cứu, bàn bạc đối sách. Ba người sau cùng quyết định: chuyển quân ở Hộ Cảng, thượng du Vô Hồ về Đông Lương Sơn - một vùng hạ du cách Vô Hồ 15km.

Huệ Trung thường thì gan to lấp cả trời, nhưng lúc này thì đang run cầm cập lo sợ vô cùng. Ông ta chưa bao giờ gặp phải tình thế như thế này, trống ngực đập dồn dập, trong lòng thầm nghĩ: “Ông đường đường là một Khâm sai đại thần mà làm cho công việc ngày càng rối tung lên thế, đúng thật là ”càng giãy càng nhanh chết“. Bây giờ ngồi đây chờ chết mà được ấy sao?”. Huệ Trung còn đang nghĩ lung tung thì một nhân viên của nha môn tuần phủ chạy vào, mặt tái mét, nhìn thấy Huệ Trung liền khóc rống lên, lắp bắp rằng:

- Thưa, tuần phủ đại nhân đã bị quân Thái Bình giết chết rồi. An Khánh cũng đang bị quân Thái Bình vây đánh.

Huệ Trung nghe vậy nói:

- Có Khâm sai đại nhân ở đây, nhà ngươi có thể bẩm báo tường tận cho đại nhân biết.

Viên chức nọ nghe nói có Khâm sai đại nhân do Hoàng thượng cử đến vội vàng quỳ xuống khấu đầu: Lục Kiến Doanh đỡ người này dậy, hỏi việc tuần phủ An Huy bị giết đầu đuôi ra sao. Người này liền kể lại tường tận việc các quan văn võ trong nha môn nháo nhác chạy trốn, các đại nhân trị đãi, phan đài bồi riu vợ con chạy nạn ra sao. Khâm sai đại nhân Lục Kiến Doanh giả vờ trấn tĩnh quay sang nói với tổng binh Trần Thắng Nguyên và Huệ Trung:

- Thắng bại trong chiến đấu cũng là chuyện bình thường thôi. Các ông hãy cố gắng đề bảo vệ giang sơn nhà Đại Thanh.

Rồi lại quay sang nói với Huệ Trung:

- Lương thực vô cùng quan trọng với dân. Các ông có thể mang người đến Đông Lương Sơn lo việc lương đài càng sớm càng tốt để an lòng quân dân.

Huệ Trung nghe lệnh, đáp: “Tuân lệnh”, rồi lại nói với Lục Kiến Doanh:

- Lương Sơn xưa nay là căn cứ địa của nhà Thanh ta, thành trì kiên cố, bị chức nghĩ rằng lo việc

lượng đãi rồi vẫn phải hoàn thành trách nhiệm của người đứng đầu một đạo. Ấn tín, sổ sách tài chính vô cùng quan trọng cho nên lần này, bí chức sẽ cùng tổng binh Trần Thắng Nguyên áp tải một vạn lạng bạc vốn là tiền lương, thưởng cho nhân viên, binh lính đến Lương Sơn luôn, tránh xảy ra tổn thất sau này.

Nói xong, Huệ Trung cùng Trần Thắng Nguyên khép nép xin lui ra. Sự thực thì trong đầu Huệ Trung đã tính toán cả rồi: Lương Sơn có kiên cố đến đâu cũng không chống cự nổi thế như chẻ tre hiện nay của quân Thái Bình, sớm muộn gì cũng như cả nằm trên thớt mà thôi, lúc ấy vợ con mình chắc chắn sẽ trở thành miếng mồi ngon cho bọn nghĩa binh đó. Chính vì vậy, Huệ Trung đã bàn riêng với Trần Tổng binh:

- Cứ nhìn tình thế hiện nay, toàn bộ nha môn phủ đài đều đã thực hiện kế “vườn không nhà trống”, còn có thể sắp xếp lương đài ở đâu được chứ? Hai ta nếu làm thế chẳng khác nào tìm đường mà về với diêm vương! Bây giờ tôi tặng cho ông 1000 lạng bạc, ba mươi sáu chước, chước chuồn là hơn hết!

Rồi Huệ Trung giao cho Trần Thắng Nguyên 1000 lạng bạc, dặn dò ông ta hãy mau mau mà trốn về nhà. Huệ Trung đến từ biệt Lục Kiến Doanh một lần nữa, rồi sai người đưa Phú Sát thị, Uyển Trinh và Quế Tường về huyện Kinh lách nạn ở phủ Ninh Quốc, còn mình đem theo ngân phiếu, chạy đến chỗ tuần phủ Giang Tô Dương Văn Định tạm thời lánh nạn. Chẳng bao lâu quân Thái Bình chiếm được thành Nam Kinh, Dương Văn Định lo sợ Nam Kinh thất thủ thì Trấn Giang sao có thể giữ vững được.

Tin Nam Kinh thất thủ bay đến hoàng thành, Hoàng đế Hàm Phong giận dữ vô cùng, hệt như người ngồi trên đồng gai nhọn. Hoàng đế lập tức cách chức và tra cứu trách nhiệm Khâm sai đại thần, tổng đốc Lương Giang Lục Kiến Doanh, lệnh cho Triệu Thiên Tước nhận chức tuần phủ An Huy. Các đại thần trong triều đều can ngăn, rằng Triệu Thiên Tước còn phải lo việc quân, không thể đi An Huy được. Hàm Phong Hoàng đế đành phải thu hồi mệnh lệnh, điều Hình bộ thượng thư Lý Gia Đoan đi nhận chức tuần phủ An Huy.

Lý Gia Đoan vừa đến nhận chức, lập tức nhận được một đạo chỉ dụ của triều đình, nội dung như sau:

“Bọn nghịch tặc từ sau khởi nghĩa Vũ Xương đã làm loạn cả vùng Giang Tây, An Huy, Giang Nam. Các quan văn võ ở những nơi này, trừ những người đã hy sinh để bảo vệ thành trì, còn lại tất cả đều có tội. Lệnh cho tuần phủ phải tra rõ tên họ của tất cả các quan lớn nhỏ của vùng Cửu Giang, Giang Tây, vùng duyên hải An Huy và vùng bị quân nổi loạn những nhiều thuộc tỉnh Giang Tô xem những ai đã bỏ thành trốn chạy lấy thân, lập tức cách chức xử tội theo luật. Việc này phải làm thật nhanh, nếu chần chừ sẽ bị xử nặng”.

Lý Gia Đoan khi điều tra đến Huệ Trung, Đạo viên Thái quang đạo Ninh Trì, An Huy, thì dù có gắng mấy cũng không biết ông ta hiện đang ở đâu. Tất cả bọn nhân viên cấp dưới cũng chỉ biết Huệ Trung đã chạy trốn, chứ không ai dám nói ông ta chạy đi đâu. Lý Gia Đoan cũng thấy khó xử. Ông biết chắc Huệ Trung là một Quốc trượng, nếu điều tra đến cùng rồi bẩm báo lên trên, Lan Quý nhân biết được thì cái mũi trên đầu ông ta sẽ khó mà ổn được. Rồi ông ta nghĩ đến Bao Chứng thời nhà Tống: để tiếng thơm vạn cổ hay để người đời ngàn năm chửi rủa đây? Lý Gia Đoan quyết định thực hiện tiếp một trận công tâm, nói rõ ngọn ngành hơn thiệt, bọn nhân viên, binh lính mới tiết lộ cho ông ta những tin tức đồn đại về Huệ Trung. Lý Gia Đoan căn cứ vào lời nói của bọn người này, tấu lên Hoàng đế Hàm Phong rằng: “Đạo viên Thái quang đạo Ninh Trì, An Huy đóng tại huyện Vô Hồ, trước đó có tin là đã đem theo vàng bạc, ấn tín chạy đến lánh nạn ở phủ Trấn Giang, Giang Tô, nay lại nghe nói đang trốn ở kinh huyện, thuộc phủ Ninh Quốc, đã hỏi nhiều quan lại các nơi thực ông ta đang ở đâu nhưng chưa có trả lời”.

Hoàng đế Hàm Phong nhận được bản tấu lập lò của Lý Gia Đoan, lập tức gửi đi một đạo thương

đều có ý trách hỏi: “Huệ Trung là một giám ti, vùng đất ông ta cai quản bị bọn tặc loạn quấy rối, tại sao lại mang bạc vàng, ấn tín chạy khắp nơi lánh nạn? Hiện nay Huệ Trung đang ở đâu, những nơi đồn đại là thực hay hư, lệnh tra xét rõ ràng rồi tâu lên cụ thể”. Hoàng đế cũng rất quan tâm đến nguyện vọng của Lý Gia Đoan mong Hoàng thượng hạ chỉ bổ sung người vào chỗ trống của đạo viên Vô Hồ nên ngay hôm ấy tuyên bố rằng: “Huệ Trung không có mặt, lệnh cho Linh Xuân nhanh chóng đến Thái quang đạo Ninh Trì bổ sung vào chỗ trống của Huệ Trung”.

Lý Gia Đoan sau khi nhận được chỉ dụ thì không có động tĩnh gì, thậm chí mong Linh Xuân đến càng sớm càng tốt. Ông này sau khi nhận được chỉ dụ, trong lòng cũng mơ hồ lo sợ. Hoàng thượng tại sao lại hỏi: “Huệ Trung thực ra hiện đang ở đâu?”, rồi lại hỏi: “Những nơi đồn đại Huệ Trung đang ẩn trốn là thực hay giả?” Lý Gia Đoan cảm thấy lo lắng thực sự. Những lời trong bản tấu của ông ta đều là nghe được từ miệng bọn quan viên tùy tùng. Nếu Huệ Trung không ở Trấn Giang, cũng không có ở phủ Ninh Quốc thì mình chắc chắn sẽ bị quy vào tội khi quân. Hoàng thượng cuối cùng có chỉ rằng: “Những nơi Huệ Trung đã chạy đến là thật hay giả?”, câu hỏi này rõ ràng không phải không có ý. Lý Gia Đoan trước đây cũng có quen biết Lan Quý nhân nên càng chắc chắn rằng Hoàng thượng đã nghe lời thủ thi của Lan Quý nhân rồi. Ông ta biết những lời “thủ thi nửa đêm” này lợi hại hơn bất cứ thứ vũ khí gì nên trong lòng cảm thấy ân hận: mình lẽ ra không nên bảm tấu hết với Hoàng thượng những điều nghe thấy từ bọn thủ hạ mới phải.

Lý Gia Đoan sau đó đành phải gửi công văn đến chỗ tuần phủ Giang Tô Dương Văn Định, hỏi xem Huệ Trung thực sự đang ở đâu. Không lâu sau, ông này nhận được công văn trả lời, mới biết Huệ Trung đang ốm liệt giường. Huệ Trung khi trốn ở Trấn Giang đã nghe được rất nhiều tin tức, biết tin triều đình sẽ xử tội tất cả những người bỏ thành chạy trốn, tổng binh Vương Bằng ở trấn Lạng Sơn đã bị xử lý, án sát Trương Hi Ninh và phó tướng Canh Âm Thái cũng bị đày đi Tân Cương vì bại trận, nên trong lòng lo sợ, tự nghĩ đến phận mình: Đành rằng đã danh chính ngôn thuận xin Lục Kiến Doanh cùng tổng binh Trần Thắng Nguyên áp tải vàng bạc, ấn tín đến Lương Sơn, nhưng rõ ràng là mình đã lừa ông ta; việc đưa cho Trần Thắng Nguyên 1000 lạng tiền công quỹ, bảo ông ta bỏ trốn về nhà, nếu Lan Quý nhân, chứ chưa nói đến triều đình biết được thì mạng của mình cũng khó được bảo toàn. Nhưng biết đâu Hoàng thượng còn nể mặt mình? Huệ Trung cứ nghĩ đi nghĩ lại: Nếu danh dự không còn thì sao sống nổi trên cõi đời này! Cứ như vậy, ông ta ăn không ngon, ngủ không yên, Dương Văn Định nhiều lần khuyên bảo nhưng cũng chẳng ăn thua gì. Không ăn không ngủ, lại thêm suy nghĩ không yên, ông ta đổ bệnh liệt giường. Ngày mùng 3 tháng 6 năm Hàm Phong thứ 3 (1855), Huệ Trung qua đời ở phủ Trấn Giang, thọ 47 tuổi.

Phú Sát thị cùng con gái Uyển Trinh, con trai Quế Tường và bọn họ hoàn toàn tùy tùng lánh nạn ở huyện Kinh phủ Ninh Quốc, mãi không nhận được tin tức gì của Huệ Trung, trong lòng thấp thỏm không yên. Một hôm, một tên gia đình từ phủ Trấn Giang hồng học chạy đến báo tin, cả nhà mới biết đại nhân đã qua đời vì bệnh tật. Mọi người khóc lóc liên hồi, Phú Sát thị đau đớn không còn muốn sống nữa. Một gia đình ít tuổi đã khuyên Phú Sát thị kìm nén đau thương để lo hậu sự cho đại nhân, còn khuyên Phú Sát thị đem theo cả hai con đến Trấn Giang phủ chịu tang rồi đưa linh cữu đại nhân về Bắc Kinh theo đường thủy, nếu thiếu tiền có thể nhờ đồng liêu cũ của đại nhân giúp đỡ. Phú Sát thị nghe vậy nói:

- Bây giờ vẫn còn tiền, không sợ thiếu, chỉ mong khi đến phủ Trấn Giang, đồng liêu cũ của đại nhân mỗi người giúp một tay, mang được linh cữu đại nhân bình yên về đến Bắc Kinh là được rồi.

Tất cả bạn hữu của Huệ Trung khi biết tin phu nhân cùng tiểu thư, thiếu gia đến Trấn Giang phủ đều nhiệt tình giúp đỡ, đưa linh cữu ra tận bến tàu. Các đồng liêu đã tổ chức nghi lễ tiễn biệt trọng thể cho Huệ Trung ngay tại bến tàu.

Tri huyện Thanh Giang là Ngô Đường có một người bạn làm đạo đài ở Bắc bị chết. Người thân dùng thuyền đưa linh cữu ông này về quê. Ngô huyện lệnh đã chuẩn bị sẵn 200 lạng vàng, sai người chực sẵn ở bến Thanh Giang, nếu thấy thuyền chở linh cữu bạn về qua đó thì mang đến viếng. Trên đời thật lắm chuyện trùng lặp ngẫu nhiên: thuyền chở linh cữu của Huệ Trung cũng đi qua bến đó.

Tên sứ giả nhìn thấy là cờ tam phẩm treo trên chiếc thuyền chở linh cữu, không hỏi han gì, lập tức đem 200 lạng vàng dâng lên. Phú Sát thị thấy vậy, nghĩ nhất định là bạn thân của chồng viếng tặng liền nhận lấy cất đi.

Lúc đó, Ngô huyện lệnh cùng mọi người cũng ra đến bến sông. Sứ giả sau khi hành lễ, thưa với ông ta rằng:

- Tiểu nhân đã đưa vàng lên chiếc thuyền chở tang có treo cờ kia rồi.

Ngô huyện lệnh tiến lên phía trước hỏi han, vỡ lẽ người chết là đạo viên Thái quang đạo Huệ Trung, tức giận đùng đùng, lệnh cho sứ giả lập tức đi đòi 200 lạng vàng về. Trong số các đồng僚 đi cùng, một người thấy vậy khuyên ông ta rằng:

- Huệ Trung là đạo Thái đạo Vô Hò, là người được Hoàng thượng tin cậy. Tôi nghe nói con gái ông ta cũng đã vào cung, được phong làm quý nhân. Vàng ông đưa cho họ có ghi tính danh, quan hàm đầy đủ. Lần này về kinh, họ nhất định sẽ nói với cô con gái trong cung. Hôm nay kết duyên, sau này chắc chắn sẽ có lợi. Tôi khuyên ông nên nhịn đi một, hai bữa rượu, đừng tiếc nữa.

Ngô huyện lệnh nghe xong dịu lại, không bắt sứ giả đi đòi vàng lại nữa.

Cùng lúc đó trên chiếc thuyền tang, Phú Sát thị nói với Uyển Trinh:

- Xưa đã có câu: “Người còn tình nghĩa còn; Người đi trà cũng lạnh”. Ngô huyện lệnh quả là người có tình có nghĩa. Trong lúc khó khăn này, có được mấy người tử tế giúp đỡ như thế!

Khi ba mẹ con về đến Phương Gia viên ở trong Triều Dương Môn, từ phía lân bang đều biết Huệ Trung là một quốc trượng nên dù biết rằng ông ta chết không vinh quang gì, họ vẫn kéo đến đông đủ, lo lắng chôn cất như lo cho người nhà vậy.



## Hồi thứ ba: MÊ GÓT SEN ĐẠO QUANG TUYỂN TỬ XUÂN NGHE SỞ CẢ HÀM PHONG SÙNG Ý TẦN

Cha của hoàng đế Hàm Phong là hoàng đế Đạo Quang, một người rất điệu nghệ trong chuyện ong bướm phong lưu, ông ta cảm thấy nữ nhân trong các đội kỳ được tiến vào cung bàn chân rất to, tuy nhìn mãi thì cũng quen mắt. Ông ta rất muốn đi ngược lại với gia pháp, đón các cô gái người Hán vào cung. Các đại thần can gián rằng:

- Tuyển các thiếu nữ người Hán vào cung là làm trái với gia pháp của triều ta, tuyệt đối không được.

Đạo Quang hoàng đế nói:

- Tuyển các thiếu nữ người Hán rồi đưa vào vườn Viên Minh chứ không cho nhập cung. Trong gia pháp đâu có điều khoản nào nói là không cho đi vào hoa viên?

Các quan đại thần thấy hoàng đế bị sắc đẹp làm hôn mê thần trí, bèn hỏi:

- Hoàng thượng thấy các thiếu nữ người Hán đáng yêu ở điểm nào? Đạo Quang hoàng đế nói:

- Từ xưa tới nay ai mà chẳng biết đến đường viên mê hồn dưới gấu váy của các thiếu nữ người Hán? Câu chuyện gót sen của Phan phi lễ nào các khanh không biết?

Các quan đại thần đồng thanh nói:

- Chúng thần biết, Phan phi tên chữ là Tiểu vương, là phi tử của Đông Hôn hầu thời Nam Tề. Sau khi Đông Hôn hầu xưng vương, liền phong cho bà ta thành Phan Quý phi.

Có một vị đại thần còn bổ sung thêm:

- Đông Hôn hầu còn xây cho Phan Quý phi ba tòa cung điện, có tên là: Thần Tiên điện, Vĩnh Thọ điện và Ngọc Thọ điện. Trên nền của ba tòa cung điện này đều được khảm đầy những đóa hoa sen vàng; Đông Hôn hầu cho Phan phi nhảy múa ở trên nền đầy hoa sen đó. Đó chính là câu chuyện “bộ bộ sinh liên hoa” vậy.

Vị đại thần to gan này còn nói với Đạo Quang hoàng đế:

- Nhưng xin Hoàng thượng muôn vàn không được quên rằng về sau quân nhà Lương tiến vào Kiến Khang, Đông Hôn hầu đã bị giết.

Đạo Quang hoàng đế vừa nghe xong, lập tức nổi trận lôi đình, ra lệnh tổng giam ngay ông ta vào ngục.

Nguyên là Đạo Quang hoàng đế rất muốn tìm cho mình một cô gái xinh đẹp mê đắm như Tây Thi dưới chân núi Trữ là nước Việt xưa kia để đưa vào vườn Viên Minh cho mình hưởng thụ. Trong khoảng thời gian nửa năm tìm kiếm khắp cả nước, trước sau đã tìm được gần một trăm mỹ nhân. Số thiếu nữ này đều là nửa mua nửa cướp đem về. Trong số các cô gái này lại thêm một lượt chọn lựa nữa, tìm ưu tú trong ưu tú, tìm đẹp trong đẹp, cuối cùng chọn ra 4 thiếu nữ mỹ miều nhất, số còn lại đều coi như không được tuyển, bị các đại thần dùng tiền tùy theo dung mạo mà mua hết. Bốn mỹ nữ được chọn đều là những người mắt long lanh trắng bóng, thân hình yếu điệu, thướt tha làm rung động lòng người, chỉ một nụ cười cũng đủ làm nghiêng nước nghiêng thành.

Bốn thiếu nữ đẹp như thiên tiên này được cho ở trong đình quán, đặt cho những cái tên thật đẹp. Một người là Mẫu Đơn Xuân, một người là Hải Đường Xuân, một người là Hạnh Hoa Xuân và một người là Vũ Lăng Xuân. Đạo Quang hoàng đế là một ông vua tham luyện nữ sắc, chỉ tìm chuyện hưởng lạc, làm cho vị hoàng đế Hàm Phong Dịch Ninh trẻ tuổi cũng bắt chước theo gương “hái nhụy” của Đạo Quang hoàng đế.

Nàng Mẫu Đơn Xuân ở trong cung phía Đông của vườn Viên Minh, cung viện có tên là Mẫu Đơn đài. Nàng Hải Đường Xuân ở trong cung phía Bắc vườn Viên Minh, có tên là Khởi Ngâm đường; Nàng Hạnh Hoa Xuân ở trong một cung điện bên ven hồ trong vườn Viên Minh, có tên là Hạnh Hoa Xuân quán; Nàng Vũ Lăng Xuân ở trong một tấm cung được xây nổi trên mặt hồ Nam Trì trong vườn Viên Minh gọi là Vũ Lăng Xuân sắc.

Theo lời kể rằng hoàng đế Đạo Quang cả ngày mê luyện Tứ Xuân, đến nỗi người con trai là Dịch Ninh hư hỏng cũng chẳng bảo ban gì, đặc biệt là bỏ bê triều chính không màng gì đến chuyện quốc sự nữa.

Tháng 11 năm 1840 (năm Đạo Quang thứ 20) trong cuộc chiến tranh nha phiến, đại biểu của Anh quốc có một người tên là Ilu đưa ra điều ước đơn phương bất bình đẳng “Điều ước Xuyên Tị”. Đạo Quang hoàng đế phái khâm sai đại thần là Kỳ Thiện Độ Áo đi đàm phán với đại biểu toàn quyền Anh quốc là Ilu. Kỳ Thiện nhất nhất đều hứa hẹn với những hạng mục yêu cầu của tên xâm lược đề ra, chỉ có việc cắt đất Hương Cảng thì tỏ ra là mình không thể làm chủ được, muốn xin ý chỉ của triều đình. Tên này thấy rõ được sự thối nát, nhu nhược của triều đình nhà Thanh, dùng một trăm chiến thuyền để gây áp lực với Kỳ Thiện.

Ngày mùng 7 tháng Giêng năm 1841, quân Anh đột nhiên phát động tiến công, dùng sức mạnh chiếm đóng pháo đài Đại Giác và pháo đài đã Giác. Kỳ Thiện sợ đến vỡ mặt kinh hồn, vội đến cầu hòa với Ilu, thế nhưng quân Anh vẫn lần lượt từng bước một, dùng sức mạnh áp đặt “điều ước Xuyên Tị” cho đến ngày 20 thì đơn phương công bố ngoài việc cắt đảo Hương Cảng ra còn yêu cầu chính phủ nhà Thanh bồi thường chiến tranh 6 triệu lượng bạc và khôi phục lại Quảng Châu làm nơi thông thương. Kỳ Thiện chỉ miễn cưỡng đáp ứng bằng lời điều khoản cắt nhượng đất Hương Cảng và bồi thường chiến tranh 6 triệu lượng bạc. Ngày 13 tháng 2, Ilu ép Kỳ Thiện phải ký tên đóng dấu, thế nhưng lúc ấy Kỳ Thiện đã bị triều Thanh cách chức, ngày 24 bị bắt giải về kinh, Đạo Quang hoàng đế phái cháu là Dịch Sơn làm Tỉnh Nghịch tướng quân, Thượng thư Long Văn và Đề đốc Hồ Nam Dương Phương làm Tham tán đại thần, cùng phụ trách việc quân sự ở Quảng Đông. Đầu tháng 4, Dịch Sơn đánh nhau với quân xâm lược suốt 7 ngày, các pháo đài bên ngoài thành Quảng Châu bị triệt hạ hoàn toàn, 1 vạn 8 nghìn quân Thanh chạy biến sạch sành sanh không còn ra thể thống gì cả. Dưới sự chủ trì của Dịch Sơn, bọn địch lập ra một điều khoản đình chiến mới, ép quân Thanh trong vòng sáu ngày phải lui ra khỏi thành Quảng Châu. Sau đó bại tướng Dịch Sơn thì không bị Triều đình xử tội, nhưng Lâm Tắc Từ và Trịnh Đình Trinh là hai người kiên quyết chống Anh lại bị phạt. Mấy ngày hôm ấy tinh thần Đạo Quang hoàng đế vô cùng hoảng loạn. Ông ta liền phái Kỳ Anh nguyên giữ chức Thịnh Kinh tướng quân với danh nghĩa là Khâm sai đại thần đến Triết Giang, lại cho Y Lí Bố là người được quân Anh quý mến làm quân sư giúp đỡ cho Kỳ Anh. Y Lí Bố là người như thế nào? Hắn là người trong hoàng tộc Ái Tân Giác La, là người trong đội Hoàng Kỳ của Mãn Châu, là người rất sợ pháo trên tàu chiến của quân địch, chủ trương thỏa hiệp với người Anh. Hắn công kích Lâm Tắc Từ là “Đoạn tuyệt ngoại thương châm ngòi chiến tranh”. Hắn đã tự tiện thỏa hiệp đình chiến với quân Anh, là một tên bán nước cầu vinh bị Kỳ Anh ruồng rẫy, như vậy mà lại nhận được sự trọng dụng của hoàng đế Đạo Quang.

Ngày 29-8-1842 (năm Đạo Quang thứ 22) Kỳ Anh và Y Lí Bố ký điều ước Nam Kinh với đại biểu Anh quốc trên một chiếc chiến hạm của Anh. Điều ước Nam Kinh là Điều ước bất bình đẳng đầu tiên của lịch sử Trung Quốc thời cận đại.

Trong điều ước tổng cộng có 13 khoản. Nội dung chủ yếu là:

1/ Cắt nhượng đảo Hương Cảng, bồi thường nha phiến, kinh doanh, quân phí tổng cộng 21 triệu lạng bạc.

2/ Mở cửa năm nơi: Quảng Châu, Phúc Châu, Ma Cao, Ninh Ba và Thượng Hải làm cửa khẩu thông thương.

3/ Giá thuế xuất nhập khẩu hàng hóa vào Trung Quốc nhất thiết phải do Trung, Anh cùng bàn bạc.

4/ Bãi bỏ chế độ công hành, cho phép thương nhân người Anh và thương nhân người Hoa tự do buôn bán.

Quyền tự chủ của Trung Quốc trên các phương diện như toàn vẹn lãnh thổ, thuế quan, tư pháp và lãnh hải cơ hồ đều bị một viên quan tằm thương của Hoàng đế Đạo Quang đem đi bán hết. Thời ấy dân chúng có câu ngạn ngữ rằng: “Đạo Quang, đảo quang (đổ sạch) đạo quang (cướp sạch) dân chúng gặp tai ương”.

Sau khi Đạo Quang mất, con trai thứ tư là Dịch Ninh đăng cơ kế vị. Đạo Quang hoàng đế có 9 người con tất cả tại sao lại chọn con thứ tư làm người kế vị? Đó bởi vì Dịch Ninh là con của hoàng hậu, ngoài ra đều là con của các phi tử.

Sau khi Đạo Quang hoàng đế mất, tân đế đăng cơ. Vị hoàng đế trẻ tuổi Dịch Ninh này chính là Hàm Phong hoàng đế. Ông ta vốn cũng phần hân lắm, chấp nhận ném mặt nằm gai, nghĩ cách làm đất nước giàu mạnh, thế nhưng những điều thương quyền nhục quốc đáng hổ thẹn của tiên triều nhiều như hoa tuyết. Sau này ông ta liền kế tục “chí cha”, chiếm cả Tứ Xuyên làm của riêng cho mình. Chuyện kể rằng Từ Hy vào cung năm Hàm Phong thứ 2, được phong làm Lan Quý nhân, sau đó lại được phong làm Ý Tần. Thế nhưng toàn bộ tâm trí của hoàng đế Hàm Phong lại đặt cả vào Tứ Xuyên trắng trẻo như ngà, mắt đen huyền, thân hình yếu điệu kia. Bởi vì các thiếu nữ người Mãn khi sinh ra không có tục bó chân, vậy thì làm sao có được nét đẹp dưới viên gấu váy của các thiếu nữ người Hán? Ý Tần tuy có được vẻ đẹp mỹ miều, sau khi bà ta nhập cung cũng đã một thời được hoàng thượng sủng hạnh nhưng bà ta vẫn chưa phải là đối thủ của Tứ Xuyên. Với lại trong cung đâu phải chỉ có mỗi mình Ý Tần? Trong số đó, trước hết phải kể đến hoàng hậu Nữu Hỗ Lộc thị cùng với Vân Tần, Lệ Quý nhân, Uyển Quý nhân, Dung Thường tại, Hân Thường tại v.v... Dần dần, Hàm Phong hoàng đế đã quên mất Ý Tần tận ngoài chín tầng mây rồi.

Một hôm, trong lúc vô tình, Hàm Phong hoàng đế dẫn bọn thái giám đi trên một con đường quanh co uốn khúc đến vườn Viên Minh đi qua cầu đá, chỉ thấy đèn đài lầu các vây quanh vườn hoa tú lệ năm màu bảy sắc như đi vào tiên cảnh. Hàm Phong ngẩng đầu lên nhìn ra xa, thấy có một tấm bảng đá lớn, trên đó khảm 4 chữ lớn rất huy hoàng: “Động thiên thâm xứ”. Đi đến gần tấm bảng lớn này, thấy cây cỏ xanh tươi, quả là nơi Động Thiên thâm xứ xanh tươi. Bỗng nhiên từ đâu đó vọng tới giọng hát du dương rất dễ nghe theo điệu Nam Quốc. Hàm Phong hoàng đế rất mê thanh sắc liền hỏi bọn nội giám tùy tùng:

- Ai đang hát vậy?

Viên thái giám tùy gia nói:

- Lan Quý nhân được tấn phong làm Ý Tần hát.

Hàm Phong nghe xong, chậm bước tiến vào “Động Thiên thâm xứ”, qua nhiên nhìn thấy một thiếu nữ. Hàm Phong ngấm kỹ từ đầu đến chân, thấy nàng mày liễu lưng ong, dung nhan diễm lệ, da thịt nõn nà, dáng người như cành liễu dưới ánh trăng, kiều diễm như đóa phù dung soi bóng nước. Lúc này Ý Tần quỳ trước mặt Hàm Phong tâu:

- Vạn tuế, vạn thọ vô cương. Hàm Phong hoàng đế như bưng tỉnh cơn mê, đột nhiên nhớ ra: “Ồ. Năm ngoái có một đêm vào giờ Dần, đã sủng hạnh một nàng Lan quý nhân, rồi thăng thành Ý Tần, chính là nàng đó chẳng?”

Hoàng đế Hàm Phong còn nhớ rất rõ, thái giám trực ban bọc nàng trần như nhộng trong một cái chăn và cống đến trước ngự sàng, cũng gió xuân thổi nhẹ như hôm nay, cảnh tượng còn như đang hiện ra trước mắt. Thế là Hàm Phong hoàng đế bật cười vang lên, nói:

- Mau đứng lên!

Hoàng đế và nàng Tần hai người lập tức cùng nhau bước vào phòng. Hàm Phong hỏi:

- Khi nãy trẫm nghe thấy nàng hát một khúc rất uyển chuyển hay lắm. Tần nói:

- Nô tài mạo phạm long nhan, tội đáng chết vạn lần. Hàm Phong nói:

- Trẫm rất thích nghe nàng hát lại một khúc.

Lúc này, khoe thu ba của Ý Tần long lanh, thần sắc vô cùng quyến rũ. Hàm Phong gọi trà, tên thái giám hầu hạ vội bung vào một chén trà thơm, rồi vội vàng lui ra ngoài. “Gọi trà” chính là câu tiếng lóng thường dùng để đuổi bọn người hầu ra ngoài.

Ý Tần không hề run sợ, liền hát khúc “Hạ lý ba nhân” là một bài ca của nước ở. Giọng hát uyển chuyển, tình ý dạt dào, Hàm Phong hoàng đế trước thanh sắc, như say như mê. Hát xong, Hàm Phong hoàng đế xuýt xoa khen không dứt lời. Hai tay Ý Tần bưng chén ngọc, dâng lên Hàm Phong hoàng đế, Hàm Phong hoàng đế một tay nhận lấy chén trà, không ngần ngại một tay vuốt ve đôi má thơm nức của Ý Tần đầy tình ý, sau đó đặt chén trà xuống, cũng không kịp uống nữa, thuận tay kéo nàng lên ngự sàng ôm chặt lấy tám thân yêu kiều của nàng. Ý Tần nửa chống cự nửa mời mọc đưa Hàm Phong lên đỉnh Vu Sơn. Ý Tần ni non ngọt ngào, Hàm Phong đã bị Ý Tần cho ăn “thuốc lú”, đương nhiên là đem hết những mê đắm nhóm Tứ Xuân dồn lên mình Ý Tần. Đó cũng là lúc Ý Tần bước vào hồng vận. Hàm Phong hoàng đế liền viết một đạo ân chi, lệnh cho nàng Na Lạp thị kia vào ở trong cung Khôn Ninh. Ý Tần Diệp Hách Na Lạp thị vốn có đủ ma lực của Vũ hậu và Lã hậu. Vì vậy, trong chuyện chăn gối nàng phục vụ Hàm Phong rất tận tình, làm Hàm Phong luôn đeo dính lấy nàng. Nàng còn biểu lộ học vấn của mình và tỏ ra mình ham học không hề biết mệt trước mặt hoàng đế, phàm là đọc sách, làm văn, học chữ, hội họa v.v... đều trình lên cho hoàng thượng xem, rồi dần dần tiến từng bước một, đạt đến mục đích thay hoàng thượng phê duyệt tấu chương.

Ngày tháng trôi qua như bóng câu ngoài cửa sổ, năm Hàm Phong thứ 6, hoàng đế lại giáng một đạo chỉ dụ: Tấn phong Ý Tần làm Quý phi.

Trong hoàng cung nội viện, phàm là những quý nhân, thường tại v.v..., bất kể đến trước hay đến sau, thấy Lan Quý nhân thăng nhanh như hỏa tiễn lên Ý Tần, từ Ý Tần lên Quý phi. Nàng Nữ Hộ Lộc thị kia, vào cung rồi dĩ nhiên được phong làm hoàng hậu, đứng về địa vị thì khi ấy Na Lạp thị vẫn chỉ là một “Lan quý nhân” nhỏ nhoi mà thôi. Nhìn thấy hoàng hậu Nữ Hộ Lộc thị vẫn phải cung kính hành lễ quỳ lạy. Thế nhưng Lan quý nhân vốn không phục, lúc ấy nghĩ rằng: Hoàng thượng đã mê đắm ta, sớm muộn gì ta cũng sẽ cho Nữ Hộ Lộc thị mi vào lãnh cung, đừng vội, hai tháng nay ta đã mất kinh, nếu như sinh ra con trai, ta sẽ bắt Nữ Hộ Lộc thị mi cúi đầu lạy ta.

Ý Quý phi trong lòng biết rõ rằng hoàng thượng là một người hiền lành nhu nhược, là một người thật thà trầm mặc ít lời, vì vậy đã có diệu kế để đoạt lấy chức hoàng hậu về tay mình. Gần đây, Ý Quý phi một mặt nịnh nọt Nữ Hộ Lộc thị, một mặt quyến rũ Hàm Phong, nói xấu Nữ Hộ Lộc thị, làm ly gián mối quan hệ của hoàng thượng với hoàng hậu. Quả nhiên hành động đó đã đem lại kết quả. Hàm Phong nghe những lời ni non thâm thì bên tai, bắt đầu chán ghét hoàng hậu. Từ đó Hàm Phong hoàng đế luôn tin dùng và nghe lời Ý Quý phi. Số quý nhân, thường tại từ trước tới giờ

chưa một lần được Hàm Phong triệu hạnh (gọi đến ngủ) đều nhìn Ý Quý phi với cặp mắt ganh ghét nhòm ngó, chỉ có hoàng hậu Nữ Hộ Lộc thì vẫn còn là người đang trong cơn mê.

Từ trong đại nội cho đến vườn Viên Minh, trên dưới đều nhìn Ý Quý phi với cặp mắt đề phòng. Bọn họ, ai chẳng biết câu chuyện Hoàng hậu Lã Trĩ của Hán Cao Tổ ghen với Thích phu nhân như thế nào. Sau khi Lưu Bang mất, là Hậu sai võ sĩ trói Thích phu nhân lại, chặt đứt cẳng tay cẳng chân, sau đó còn móc mắt của Thích phu nhân, đốt tai, đồng thời lệnh cho ngự y đắp thuốc cứu bà ta, không cho Thích phu nhân chết, đặt tên cho là “người lợn” nhốt trong chuồng xí. Đến nay lại có Ý Quý phi, ai mà chẳng sợ?

“Ngự phu thuật” của Ý Quý phi quả nhiên đem lại hiệu quả.

Lại nói chuyện Ý Quý phi mang thai đã được hai tháng, mặc dù Hàm Phong có vô khối hậu, phi, tần, thường tại, đáp ứng v.v... nhưng nào đã có ai sinh được cho hoàng thượng một đứa con trai? Lan Quý phi bản lĩnh cao cường đã đoạt được Hàm Phong hoàng đế từ trong đám “Tứ Xuân” vào lòng mình, thật là: “Hậu cung giai mỹ tam thiên nhân, tam thiên sủng ái tại nhất thân” vậy. Vì thế người khác làm sao có được cơ hội đẻ hoài thai được?

Ý Quý nhân ngày càng chắc chắn về đứa con trong bụng mình. Một hôm, Hàm Phong hoàng thượng bãi triều trở về, Ý Quý phi nói với Hàm Phong rằng:

- Hoàng đế đại hi lâm môn rồi!

Hàm Phong hỏi:

- Đại thần ngoài biên cương báo cáo rằng bọn giặc Tây phương xâm phạm vào biên cương, thư tín cấp báo bay về như hoa tuyết, đại hi lâm môn nổi gì? Đại họa lâm môn thì đúng hơn.

Ý Quý phi nói:

- Vạn tuế chớ nghe những lời hư trương thanh thế của các đại sứ ngoài biên cương, liệt tổ liệt tông thời Đại Thanh chúng ta, năm nào giặc Tây chẳng phải đã từng đưa đồ tiến cống đến thiên quốc Đại Thanh, đến triều quỳ lạy?

Các đại sứ ngoài biên cương chẳng ai tốt cả. Tuy Dương di xâm phạm lãnh thổ của chúng ta, đại thần ngoài đó phải có nhiệm vụ bảo vệ biên cương chứ.

Hàm Phong nghe vậy thấy có lý.

Ý Quý phi nói:

- Xin bẩm tâu với hoàng thượng về đại hi lâm môn! Hoàng thượng, Người thử đoán xem?

- Đoán gì? Mau nói xem có chuyện vui gì?

- Nô tài đã có tin vui.

Hàm Phong không hiểu “lời lóng” của phụ nữ, hỏi:

- Vui gì?

Ý Quý phi cười khúc khích nói:

- Nô tài đã mất kinh hai tháng nay rồi.

Hàm Phong chẳng hiểu tí gì về ý tứ của câu nói này, vội hỏi:

- Kinh gì?

Ý Quý phi lại cười khúc khích, nói:

- Trong bụng của nô tài đã có con rồi.

Hàm Phong nghe thấy vậy vui mừng nhảy cẫng lên, hỏi:

- Là thái tử hay là công chúa?

Quý phi nói:

- Tám chín phần mười là thái tử!

- Sao nàng biết?

- Ô, hoàng thượng không rõ thôi, từ xưa đến nay, khi phụ nữ mang thai thì thường đoán được trước là trai hay gái. Đó là căn cứ vào thai phụ thích ăn thứ gì để mà phán đoán.

Hàm Phong hỏi:

- Nàng thích ăn gì?

- Nô tài thích ăn của chua.

- Ăn của chua thì làm sao?

- Chua nam cay nữ.

- Thế nào gọi là chua nam cay nữ?

- Ô, trong thời gian hoài thai, nếu muốn ăn của chua thì đứa con trong bụng chắc sẽ là con trai, nếu là muốn ăn của cay, thai nhi trong bụng sẽ là con gái.

Hàm Phong nghe nàng nói thích ăn của chua, nhất định đứa con trong bụng nàng sẽ là một thái tử, vui mừng đến nỗi chẳng nói được lời nào nữa, ông ta vội chạy đến Phật đường quỳ lạy Từ Tôn nương nương nguyện cầu Người phù hộ cho hoàng thái tử ra đời bình an.

Ý Quý phi thấy hoàng thượng chạy ra ngoài, không biết là đã xảy ra chuyện gì, vội gọi bọn thái giám tùy tùng đuổi theo mới biết rằng vạn tuế đi lễ Phật.

Chiều tối ngày hôm ấy, Hàm Phong gạt tất cả các chuyện lớn nhỏ trong nước ra ngoài đầu óc, một lòng mong mỏi Ý Quý phi sớm sinh thái tử. Ông ta lại chạy đến cung Khôn Ninh của Ý Quý phi. Ý Quý phi nói với Hàm Phong:

- Vạn tuế, tại sao thái tử trong bụng thiếp cứ giãy đạp loạn cả lên, nó quả là không ngoan!

Hàm Phong nói:

- Đại khái là nó muốn được chui ra nhanh đó mà.

- Vạn tuế, người đừng đùa nữa.

Hàm Phong huyền thuyên chuyện đông chuyện tây với Ý Quý phi, hỏi:

- Nhà nàng còn có những ai?

Ý Quý phi nói:

- Trong nhà nô tài giờ chỉ còn lão mẫu nuôi dưỡng em trai em gái tất cả ba người. Mấy năm trước cha của nô tài bất hạnh đã mất ở nhiệm sở An Huy rồi.

- Cha nàng tên là gì?

- Cha thiếp tên là Huệ...

Hàm Phong không đợi Ý Quý phi nói hết câu đột nhiên nghĩ đến một người tên là Huệ Trung đã từng làm Thái Quang đạo ở An Huy, khi trước vì chạy trốn quân Thái Bình đã bỏ chức đạo tẩu, sau đó Triều đình lại sai Hình bộ thị lang Lý Gia Đoan đến đảm nhiệm chức Tuần phủ An Huy. Sự việc còn như ở trước mắt. Lý Gia Đoan kia còn viết một bản tấu về Huệ Trung. Hàm Phong hoảng để nghĩ tới đây, vẫn còn chút day dứt nói với Ý Quý phi rằng:

- Từ việc lớn đến việc nhỏ của quốc gia, đều nằm trong đầu trẫm. Việc của cha nàng, trẫm đã biết từ lâu, nghe nói mẹ nàng dẫn một con trai một con gái về kinh, một nam một nữ đó hóa ra là em trai và em gái của nàng. Từ khi nàng vào cung mấy năm nay, trẫm rất ít hỏi đến chuyện gia đình của nàng, chỉ biết rằng nàng vẫn còn mẹ đang nuôi một em trai một em gái.

Quý phi nói:

- Em gái của nô tài là Uyển Trinh. Năm nay 17 tuổi.

Hàm Phong nói:

- Nàng có nhớ họ không?

Quý phi nói:

- Thân trong thâm cung đâu có tự do bằng dân chúng trăm họ, nhưng nào dám trái lại với gia pháp tổ tông để lại? Làm sao dám tùy tiện ra khỏi cung cấm về nhà thăm người thân?

Hàm Phong nói:

- Nàng đã là một quý phi tôn quý, không giống những người thường, trẫm cho phép nàng về nhà thăm người thân.

Quý phi chợt động tâm cơ, nói:

- Khi nãy nô tài đã nói qua rằng em gái của nô tài năm nay 17 tuổi, nô tài nghĩ em trai của Vạn tuế Thất vương gia cùng tuổi với em gái nô tài, có thể cho làm phúc tấn của Thất vương gia được không?

Hàm Phong nói:

- Tại sao nàng không nói sớm! Đã là đồng canh, đúng là một đôi do ông trời tác hợp, nhất định trăm sẽ hạ chi “chỉ hôn” là xong thôi. Lần này nàng về nhà thăm người thân, nàng hãy đem chuyện này thưa với mẹ nàng.

Quý phi vội tạ ơn hoàng thượng.

Sớm hôm sau, Hàm Phong hoàng đế lệnh cho thái giám đưa kim ngân tải bảo đến nhà Ý Quý phi, đồng thời hạ chỉ cho Thất vương gia Dịch Huyền với em gái của Quý phi là Uyển Trinh kết hôn.

Tám giờ sáng ngày hôm ấy, cung thái giám thổi kèn đánh trống đến nhà Diệp Hách Na Lạp thị ở Phương Gia Viên, đưa đến 8 gánh trần phẩm, vào tận trong nhà, lại báo rằng quý phi sẽ về vào buổi trưa. Mẹ gia Phú Sát thị cho đến Uyển Trinh, Quế Tường ba người đột nhiên tiếp được thánh chỉ, tất cả đều như đang nằm trong mộng. Gia pháp triều Thanh, cung nữ, hoàng hậu hay phi tử đều vậy: đã vào trong cung, nếu không phải là người thân được gọi vào triều kiến thì vĩnh viễn chẳng bao giờ được gặp mặt người thân. Nếu cha mẹ được triệu kiến, thì cũng phải dùng lễ vua tôi để gặp.

Từ sớm cả một vùng Phương Gia Viên đã được cấm vệ quân đứng đầy để bảo vệ. Lời của dân chúng từ miệng người này sang tai người khác, không ai biết là đã xảy ra chuyện gì. Có người nói:

- Các người đâu nhìn thấy, từ sáng sớm đã có 8 gánh hòm long phượng được gánh vào trong nhà của Na Lạp thị quý phi.

Có người nói:

- Có lẽ quý phi sắp ngồi kiệu về thăm nhà rồi đấy.

Người cả vùng Phương Gia Viên đến xem mỗi lúc một đông nghìn nghịt. Quân cấm vệ ra sức giữ trật tự cho được cũng đến bỏ cả hơi tai. Chưa đến 11 giờ, một đoàn người ngựa rầm rộ tiến đến. Trước cửa nhà Na Lạp thị, nghi trượng nghiêm túc tề chỉnh, tiếp đó là kèn trống tung bừng. Cảnh diễn ra như thế nào, không cần nói cũng rõ. Chỉ thấy một cô xe thêu loan phượng vàng chóc tiến vào. Phú Sát thị nghĩ rằng con mình đã là quý phi tôn quý, đâu phải người thường liền quỳ mọp trước ngựa để tiếp, nhưng đã có một cung giám vội đến đỡ dậy nói: “Miễn lễ”. Bọn em gái Uyển Trinh, em trai Quế Tường, bà con lối xóm cho đến cô ba dì bảy đều đến quỳ mọp trước xe loan cả một lũ.



## Hồi thứ tư: QUÝ PHI ÂN SÙNG SINH THÁI TỬ QUÂN ANH, PHÁP BẮN PHÁO DỌA HOÀNG THÀNH

Trở lại chuyện Ý quý phi mang thai, mẹ con gặp nhau nước mắt tuôn rơi. Bọn cung nữ dìu quý phi vào đến trung đường, ngồi lên ghế cao. Phú Sát thị dẫn đầu họ tộc, đứng thành hàng yết kiến. Quý phi đã nói chuyện với hầu hết bạn bè quen mặt trong số đó.

Quý phi xưa kia, khi còn là một a đầu nhỏ, thường đến mua đậu phụ của nhà họ Tiết ở Phương Gia Viên. Ông này thấy con bé ăn nói hoạt bát, yêu quý vô cùng, thường véo vào mũi nó. Hôm nay, họ Tiết cũng đến góp vui, nhưng ông chỉ quỳ mà không dám ngẩng mặt lên. Còn cậu thanh niên trong nhà bán đậu, trước đã lên ôm chặt và hôn say sưa cô bé sau tấm bàn quỳ, nay quỳ mọp nấp sau bàn, cúi gằm mặt rướn mắt nhìn, trong lòng lo sợ quý phi sẽ nhận ra mình.

Rất nhiều người sau khi được quý phi gặp mặt không muốn ra về, nấp trong phòng bên quyền luyện nhìn trộm sang phòng chính. Trong phòng lúc này chỉ còn lại Phú Sát thị, Uyển Trinh, Quê Tường, mẹ con bắt đầu giải bày nỗi niềm ly biệt. Các cung nữ và thái giám đều đứng hết ngoài hành lang đợi lệnh.

Một lúc sau, bữa tiệc thịnh soạn đã được bày ra. Trong cung đã cử người chuẩn bị những thứ này từ trước. Một bàn tiệc được đặt ở chính giữa nhà thêm bốn bàn bốn góc và bốn bàn nữa ở nhà dưới. Thái giám trưởng cùng cung nữ tạm thời đứng ra tiếp khách. Quý phi ngồi bàn giữa trong phòng chính; Phú Sát thị cùng Uyển Trinh, Quê Tường và một vài thân quý cùng ngồi với quý phi, họ hàng cũ và lân bang hàng xóm ngồi cả ở bốn bàn bốn góc và nhà dưới. Bọn người đi theo hầu hạ quý phi cùng ăn ở lượt thứ hai. Dưới sự chỉ đạo của thái giám trưởng và cung nữ, mọi việc đều nhịp nhàng, quý củ, đầu vào đây.

Trong bữa ăn, quý phi kể cho mọi người nghe vài chuyện vui vẻ trong cung, ai nấy đều hi ha thích thú lắm. Tiệc tan, họ mới lần lượt ra về. Quý phi gọi thái giám trưởng đến bên, nói:

- Chiều mai sẽ hồi cung, giờ chỉ cần bọn cung nữ thân tín và hai thái giám ở lại thôi.

Thái giám trưởng vâng lệnh. Ngoài số người được chỉ định ở lại, tất cả những người khác đều trở về cung trước.

Khách về hết rồi, chủ nhà được thanh thoi. Quý phi nói chuyện với mẹ và em đến tận đêm khuya. Quê Tường đã ngủ. Quý phi quay sang nói với em gái:

- Chị đã chọn cho em một người, cũng đã được Hoàng thượng ân chuẩn cho kết duyên cùng Dịch Huyền, em thứ bảy của Hoàng thượng. Người này năm nay 17 tuổi, rất khỏe mạnh, nhân hậu.

Phú Sát thị nghe vậy, niềm vui lộ rõ trên nét mặt; còn Uyển Trinh thì vừa thích vừa xấu hổ, cứ cúi mặt hoài không chịu ngẩng lên.

Quý phi lại nói:

- Lần này con về thăm nhà là được Hoàng thượng đặc biệt ân chuẩn. Em cũng được đích thân Hoàng thượng chỉ hôn. Chiều mai con sẽ về cung.

Phú Sát thị biết con ngày mai đã trở về cung, không kìm được nước mắt tuôn rơi.

Quý phi nói:

- Con đã tâu với Thánh thượng trước rồi, lần này về cung sẽ đưa em đi cùng.

Uyển Trinh nghe tin đột ngột ấy, tim đập loạn xạ, thực là một chuyện cô chưa từng nghĩ đến. Còn Phú Sát thị thì khóc nức nở, nói:

- Con bước chân đi liền mấy năm mới trở lại một lần, giờ lại đưa tiếp em gái vào cung, nhà chị còn lại mẹ với Quế Tường, mọi việc sẽ ra sao đây!

Quý phi thấy vậy nói luôn:

- Xin mẹ cứ yên tâm, con sẽ cho vài cung nữ và người làm đến đây hầu hạ, không phải lo lắng gì cả. Giờ con đang mang thai, nếu sinh ra thái tử thì giang sơn nhà Đại Thanh sẽ chẳng phải là của chúng ta hay sao! Sau này em trở thành phúc tấn của Thất vương gia rồi thì mẹ sợ gì mà không ra vào cung liên tục chứ!

Phú Sát thị nghe con nói vậy mới cảm thấy yên tâm. Mẹ con còn nói chuyện đến gà gáy mới đặt mình nằm nghỉ.

Phú Sát thị trong lòng không yên, vừa thiếp đi đã tỉnh dậy ngay, bước ra ngoài chuẩn bị đồ và quần áo cho Uyển Trinh. Một lúc sau, quý phi cũng tỉnh dậy, thấy vậy liền hỏi:

- Mẹ dậy sớm thế làm gì?

- Mẹ dậy chuẩn bị cho em con vài thứ đồ tùy thân. - Phú Sát thị đáp.

Quý phi liền nói:

- Ôi, em chỉ cần mặc một bộ quần áo trên người thôi, không phải mang theo gì cả. Trong cung thứ gì mà chẳng có. Mẹ không phải lo lắng gì đâu.

Uyển Trinh lúc này cũng đã tỉnh giấc, vội vàng sửa sang trang điểm, dặn mẹ đừng lo lắng gì cho mình.

Cả nhà náo nhiệt suốt buổi sáng, quá trưa kiệu loan đã đến, cấm vệ binh, người phục dịch, hộ tống đầy đường đầy phố. Mẹ con lại gặt lệ tiễn biệt nhau.

Quý phi sau khi vào đến đại nội liền sắp xếp chỗ ăn ở cho Uyển Trinh, cất đặt ba cung nữ hầu hạ, rồi hai chị em ngồi với nhau nói chuyện lễ tiết trong cung.

Quý phi nói:

- Lúc ở nhà chị không dám hỏi chuyện của cha, sợ mẹ đau lòng. Bây giờ em nói cho chị nghe sự thật thì cha đã chết như thế nào?

Uyển Trinh đáp:

- Khi quân Thái Bình Thiên quốc đánh vào Vô Hồ, cha đưa mẹ, Quế Tường và em chạy đến huyện Kinh phủ Ninh Quốc lánh nạn, sau đó cha lại đi đâu nữa không ai rõ. Đến tháng sáu năm Hàm Phong thứ ba, đột nhiên có người đến báo cha đã mất ở Trấn Giang, khổ thân mẹ đã dẫn em và Quế Tường đến tận Trấn Giang chịu tang. Lúc đó thật là tiền hết, người cũng chẳng còn. May mà có mấy người bạn tốt của cha giúp khâm liệm rồi đưa quan tài ra tận bến sông. Khi thuyền chở linh cữu đến huyện Thanh Giang thì có một người bạn của cha, nghe nói là Tri huyện Thanh Giang đã đưa lên thuyền 200 lạng. Người này tên là Ngô Đường. Chị sau này nhớ đừng quên người đã giúp chúng

ta lúc khó khăn ấy nhé.

Quý phi đáp:

- Em yên tâm, sau này có cơ hội chị nhất định sẽ báo ơn người này. Hoàng đế Hàm Phong thấy quý phi đã trở về cung, trong lòng mừng vui, đúng với cảm giác “một ngày không gặp như ba thu xa cách”. Hoàng đế không hề quên việc chi hôn cho Thất vương gia Dịch Huyền với em gái quý phi, nên hỏi ngay quý phi khi về nhà đã nói tới việc chi hôn hay chưa.

Quý phi trả lời ngay:

- Ta ơn vạn tuế quan tâm, nô tài đã dẫn em gái vào cung rồi ạ.

- Hàm Phong nói.

- Vậy mau mau dẫn em nàng tới đây. Trẫm phải tận mắt ngắm dung nhan em nàng mới được.

Thái giám thị tòng nghe vậy vội cùng mấy cung nữ dìu Uyển Trinh tới. Quý phi dẫn Uyển Trinh đến bái kiến hoàng thượng, Uyển Trinh liền dập đầu hành lễ. Hàm Phong nhìn thấy cô gái, lòng cũng rung động, lập tức hạ chỉ chọn ngày hành lễ kết hôn cho Dịch Huyền với Na Lạp thị Uyển Trinh. Hoàng đế cũng theo luật phân phủ xuất cung, tặng cho đôi vợ chồng cả khu phủ ấp ở hồ Thái Bình trong Tuyên Trục Môn.

Ý quý phi sau khi về thăm nhà không lâu, ngày 23 tháng 3 năm Bính Thìn 1865 (năm Hàm Phong thứ sáu) thì sinh con trai ở cung Trữ Tú, đặt tên là Tái Thuần. Đây là con trai độc nhất của Hoàng đế Hàm Phong, sau chính là Hoàng đế Đồng Trị.

Hàm Phong, mỗi ngày sau buổi thiết triều đều đến cung Trữ Tú thăm Ý quý phi và hoàng thái tử. Ông cười, hỏi quý phi:

- Nàng xem nó giống ai?

- Đương nhiên là giống vạn tuế gia rồi!

- Nàng xem nó giống trẫm ở điểm nào?

- Nô tài thấy cái mặt xinh xinh của nó giống nhất đấy ạ.

- Thế tại sao nó không chịu mở mắt?

- Ngày mai nó sẽ mở mắt.

- Sao thế?

- Người cũng giống như con mèo mới sinh, trong lúc “tắm tam”, phải dùng tay vạch ra thì mới mở mắt được.

- Nàng nói “tắm tam” có nghĩa là gì vậy?

- Trẻ con sau khi sinh được ba ngày thì phải đem ra tắm. Đó là “tắm tam”.

- Ô, trẫm hiểu rồi. Như thế ngày mai sẽ là ngày tắm tam. Nàng vừa nói mèo cũng giống con người, cũng có tắm tam sao?

- Vạn tuế gia lại trêu thiếp rồi. Mèo đương nhiên là chẳng thể tắm tam rồi. Tắm tam còn gọi là “thiền bồn”, thường thì trẻ con nhà dân thường cứ cho vào cái chậu giặt quần áo tắm là được, nhưng trong hoàng gia thì phải tắm bằng chậu vàng kia.

Hoàng đế Hàm Phong nhớ ra, nói:

- À, đúng. Hôm qua giám cung sử Tiền Trung Thái bẩm rằng đã chuẩn bị xong chậu vàng và lụa là để tắm tam rồi.

Quý phi liền nói:

- Tối qua, thái giám trưởng cũng đã nói với thiếp biết bệ hạ đã hạ thánh chi rằng ngày 25, tất cả các phi tần, cung nữ ở tam cung lục viện và phúc tấn các phủ đều đến tắm tam cho Thái tử.

- Ừ, nàng không nhắc thì ta cũng quên mất. Đúng là buổi thiết triều sáng hôm qua trẫm đã phê chuẩn lệnh này.

Đúng giờ Ngọ hai khắc ngày 25, lúc mọi người tắm rửa cho thái tử, Hàm Phong nhìn thấy rất nhiều người đã quên mặt nhưng cũng có nhiều uyển tần, dung quý nhân quên mặt mà không nhớ nổi tên. Ông hình như đã qua đêm với những người này, nhưng tên của họ thì không sao nhớ ra được. Các phúc tấn và công chúa, có người Hoàng đế đã biết mặt, cũng có người Hoàng đế còn chưa gặp bao giờ. Khoảng giờ Ngọ ba khắc (15 phút sau), thái tử đã tắm rửa xong xuôi, mọi người tranh nhau vớt vòng vàng, tiền giấy vào “nước thánh” trong chiếc chậu bằng vàng.

Các phi tần quý nhân khắp tam cung lục viện đều đến chúc mừng. Bọn họ cả năm cũng khó được nhìn mặt hoàng thượng lấy một lần. Hậu cung có đến hơn 3000 người đẹp, nhưng cả hơn 3000 phần sủng ái của Hoàng thượng đều dồn hết cho quý phi rồi. Họ vô cùng tức tối, đổ kị Ý quý phi một lúc được tăng liền ba cấp. Hoàng thượng không thèm ngó đến họ thì sao họ có thể sinh con được kia chứ!

Đến ngày Hoàng tử đầy tháng thì tin Hoàng đế có được thái tử đã truyền đi khắp nước. Ngày đầy tháng mừng hai tháng tư, khắp thành Bắc Kinh nhà nào cũng đốt pháo, hát trò, nhảy ương cả ăn mừng. Buổi tối, tre con cũng kéo khắp đường trên phố dưới, đốt đèn lồng, diễn kịch chúc phúc. Hoàng cung chẳng khác nào tết đến, phi tần, cung nữ, thái giám... tất cả đều được thưởng. Khắp hoàng cung, đâu đâu cũng dán đầy chữ “phúc”, có cả thái giám đọc bài hát vui. Cả hoàng thành vô cùng náo nhiệt.

Ý quý phi sau khi sinh nở, cảm thấy người yếu đi rất nhiều. Ngự y chẩn đoán rằng: “Mạch của quý phi chìm và yếu; bụng bị ảnh hưởng sau sinh, ruột, dạ dày khô, phải dùng hồi phú, sinh hóa thang chữa trị, uống vào buổi trưa”. Sau vài lần uống thuốc, lại mời hai ngự y là Lý Văn Thanh và Khuông Trung đến khám cho quý phi, thấy “mạch đã tạm ổn, các bệnh đã thuyên giảm nhưng sữa không nhiều”.

Hàm Phong biết Ý quý phi thiếu sữa, lập tức cho tìm nhũ mẫu vào cung.

Nhưng trời không mưa thuận gió hòa. Năm 1860 (tức năm thứ mười Hàm Phong), chính phủ Anh, Pháp cử hai đặc sứ đem quân sang xâm lược Trung Hoa. Lúc đó, quân Thái Bình Thiên Quốc lại tiến hành công phá vùng Giang Nam, chiếm được Hàm Dương, Thường Châu, Vô Tích. Liên quân Anh, Pháp cũng đã tiến vào tận Bát Lý Kiều ở Bắc Kinh. Thù trong giặc ngoài cùng một lúc gây tai họa, chính phủ nhà Thanh vội vàng cử Tăng Cát Lâm Tâm dẫn đầu quân đội cùng quân kỵ binh Nội Mông tiến hành chống đỡ giặc Tây ở Bắc Kinh, Thiên Tân. Quân đội Trung Quốc dùng đao, thương và những vũ khí lạc hậu khác đối chọi với súng, đạn pháo của người Tây nên kết cục vẫn thảm bại.

Lúc này, thượng thư bộ Hộ kiêm thống lĩnh quân đội cử môn đệ đốc Túc Thuận vội vàng mật bàn với Dĩ Thân vương Tải Viên và Trịnh Thân vương Đoan Hoa:

- Quân địch nếu kéo vào Bắc Kinh, chẳng lẽ chúng ta cùng giờ tay chịu trời? Hoàng thượng là chủ của một nước, nhất định phải được bảo vệ an toàn.

Trịnh Thân vương hỏi:

- Vậy nhị huynh có cách gì không? Tải Viên đáp:

- Chỉ có một cách là chạy khỏi hoàng cung, tìm một nơi an toàn trước đã.

Túc Thuận nói:

- Nếu vậy chỉ có thể rút về Thừa Đức, Nhiệt Hà thôi.

Mọi người sau khi đã nghiên cứu kỹ càng, liền kéo đến khuyên giá. Nhưng Hoàng đế Hàm Phong lúc đó như kiến trên chảo lửa lại khẳng khái nhất định không đi, nói:

- Trẫm là chủ của một nước, sao có thể bỏ mà đi được! Trẫm sẽ học theo Sùng Trinh Hoàng đế đòi Minh, lấy cái chết để tạ ơn thiên hạ.

Quần thần thấy hoàng thượng nhất định không chịu đi đều khóc rống cả lên.

Quân địch đã đến trước cửa thành. Quân cơ đại thần Cảnh Thọ chợt nảy ra một ý, nói:

- Bây giờ nếu muốn Hoàng thượng dời Bắc Kinh đến Thừa Đức lánh nạn thì chỉ có một người khuyên bảo được thôi.

Đại thần Khuông Nguyên nói:

- là Ý thái phi có phải không?

Đỗ Hàn, Tiêu Hữu Doanh, Trịnh Thân vương và mọi người cùng đồng thanh “Phải rồi! Phải rồi”. Lúc đó, Mục Âm nói:

- Nhưng chúng ta không thể trực tiếp đi gặp thái phi được. Việc này nhất định phải nhờ tiểu An tử (tức thái giám An Đức Hải. ND), phải nói rõ nếu không đi thì chỉ còn cách ngồi chờ chết mà thôi.

Mục Âm vội vã đi tìm và nói rõ với tiểu An tử. Lúc đó, tiểu An tử đang cùng thái phi nói chuyện giấc Tây sắp đánh vào thành. Sau khi nghe Mục đại nhân nói hết đầu đuôi, tiểu An tử vội vàng chạy vào bẩm lại với thái phi. Tiểu An tử nói:

- Các đại thần đều khuyên bệ hạ về Thừa Đức, Nhiệt Hà lánh nạn nhưng vạn tuế gia nhất định đòi học theo gương Sùng Trinh treo cổ trên núi khi xưa. Các đại thần đều rất lo lắng nên bảo tiểu nhân mời thái phi đến khuyên giá.

Thái phi nghe vậy, nói:

- Được rồi, vạn tuế gia không muốn sống, nhưng ta và thái tử còn biết cần cái mạng của mình chứ.

Nói xong, thái phi vội vàng đến gặp Hàm Phong hoàng đế, nói rõ tình hình đại cục hiện tại, còn

đưa ra ý kiến tạm thời cử Lục vương gia (em thứ sáu của Hàm Phong. ND) ở lại bảo vệ thành.

- Vạn tuế tại sao lại cứ khăng khăng đòi học theo Sùng Trinh thế? Vạn tuế hoàn toàn có thể bỏ nhiệm Lục vương gia làm đại thần toàn quyền ở lại nghị hòa với quân Anh, Pháp kia mà!

Hàm Phong nghe vậy vẫn im lặng không nói. Thái phi lại tiếp:

- Hoàng thượng một khi tử nạn, thử nghĩ xem thái tử sẽ bị giặc Tây giết chết đấy.

Hàm Phong nghe vậy vội vàng nói:

- Hãy mau truyền chỉ, cho gọi Dịch Hân đến đây.

Rồi lệnh cho Di Thân vương Tải Viên, Đạng Thân vương Đoan Hoa, Thượng thư bộ Hộ Túc Thuận, Quân cơ đại thần Cảnh Thọ, Khuông Nguyên, Đỗ Hàn, Tiêu Hựu Doanh, và Mục Âm chuẩn bị hộ gia “tuần thú” Thừa Đức, rồi trao quyền cho Dịch Hân - một người đã quen việc đối phó với Tây ở lại kinh thành lo việc ngoại giao với liên quân Anh, Pháp.

Hàm Phong vội vàng đưa Hoàng thái hậu Nữ Hộ Lộc thị, Ý thái phi Diệp Hách Na Lạp thị cùng một số phi tần và đại thần rời khỏi Bắc Kinh. Đám Tứ Xuân mà Hàm Phong hằng lo sợ sẽ rơi vào tay giặc Tây cũng được ông đem đi theo.

Chặng đường từ Bắc Kinh đến Thừa Đức, hàng ngàn thân hào, thương gia lũ lượt kéo theo kiểu loan của Hoàng thượng.

Thừa Đức là một sơn trang nghỉ mát quy mô hùng vĩ huy hoàng, nguy nga tráng lệ, nằm ở phía đông bắc Bắc Kinh, phải đi qua Mật Vân, Loan Bình, qua cửa Cổ Bắc. Nơi ấy có núi bao quanh, rừng xanh suối mát, phong thái hào hùng, đẹp như tiên cảnh. Giữa khu rừng tùng bách xanh tươi, một đỉnh lâu vút cao, đẹp tuyệt.

Suốt dọc đường đi, Hoàng đế Hàm Phong lòng nặng như chì, không biết bọn Tây đã vào đến kinh thành hay chưa, vườn Viên Minh không biết ra sao rồi, lục Vương gia đã xử lý ra sao?... Tất cả các đại thần tùy tùng cũng ruột gan như lửa đốt. Họ cũng cùng chung ý nghĩ với Hoàng thượng.

Hàm Phong và tất cả đại thần không thể yên tâm về chuyện cung thân vương ở lại Bắc Kinh lo ngoại giao với quân Anh, Pháp. Dịch Tế Vương gia lúc đó ở Bắc Kinh đã không chỉ ký “Điều ước Bắc Kinh” với quân Anh, Pháp mà còn phải ký cả “Điều ước Trung, Nga bổ sung” (cũng gọi là “Điều ước Trung, Nga Bắc Kinh”). Từ sau cuộc chiến tranh nha phiến lần thứ hai, chính phủ nhà Thanh đã bị bắt ép, lần lượt ký hết điều khoản này đến điều khoản khác, nội dung chủ yếu là:

1/ Điều ước Bắc Kinh, tăng tám triệu lạng bồi thường cho Anh, Pháp so với “Điều ước Thiên Tân”, lại còn phải đền tiền thiệt hại xương máu cho Anh 500 nghìn lạng và Pháp 200 nghìn lạng.

“Điều ước Thiên Tân” vừa nói tới trên đây vì đâu mà có? Tháng năm năm Hàm Phong thứ chín (tức tháng 6/1859), thuyền của Anh, Pháp ngao ngược tiến vào cửa Đại Cồ, bị tướng quân phụ trách biên phòng Tăng Cát Lâm Tâm na pháo kịch liệt, bốn tàu Anh bị bắn chìm, một chiếc khác không chìm nhưng không còn khả năng chiến đấu. Nhưng quân Anh, Pháp không cam tâm với thất bại này. Đầu năm thứ mười Hàm Phong (1860), liên quân Anh Pháp đã đưa một lực lượng lớn tấn công dữ dội, Hoàng đế Hàm Phong và triều thần hoảng hồn khiếp vía. Các triều thần đã tiến cử Hà Quế Thanh, một người trước vốn quen làm việc với người Tây đang giữ chức tổng đốc Lương Giang đứng ra giải quyết việc này. Hà Quế Thanh theo ý chỉ Hoàng thượng đã xin nghị hòa với công sứ nước Anh. Sau đó, công sứ Anh, Pháp buộc phía Trung Quốc chấp nhận vô điều kiện bốn yêu cầu, trong đó có việc xin lỗi vì sự kiện bắn pháo ở Đại Cồ khẩu, thực hiện nghiêm chỉnh “Điều ước Thiên Tân”.

Sau đây chúng tôi sẽ nêu rõ tiếp các nội dung chủ yếu trong hàng loạt điều ước không bình đẳng mà Trung Quốc đã buộc phải ký:

2/ Ngoài năm cửa khẩu đã mở trong chiến tranh nha phiến, còn phải mở thêm bảy cửa khẩu nữa ở vùng duyên hải là cửa Thiên Tân, Ngưu Trang, Đẳng Châu, Đài Nam, Đàm Thủy, Triều Châu, Kinh Châu và bốn cửa khẩu nữa ở Trấn Giang, Nam Kinh, Cửu Giang và Hàn Khẩu. Ngoài ra, Trung Quốc phải mở thêm cửa khẩu Khách Ma Cát Nhĩ ở Tân Cương dành riêng cho Nga.

3/ Thuyền bè nước ngoài được tự do quá lại ở các cửa khẩu thông thương vùng duyên hải, tự do thông thương ở khu vực Trường An, người nước ngoài được quyền tự do du lịch, thông thương trong nội địa Trung Hoa.

4/ Các giáo hội nước ngoài có quyền tự do hoạt động trên lãnh thổ Trung Quốc, các giáo sĩ làm nhiệm vụ phiên dịch của Pháp được toàn quyền mua bán ruộng đất và tùy ý xây dựng trên vùng ruộng đất đã mua bán trên lãnh thổ Trung Hoa.

5/ Trung Quốc không có quyền xử lý các vụ án bị can là người nước ngoài. Tất cả các vụ án xảy ra giữa người Trung Quốc và người nước ngoài sẽ do quan lại địa phương của Trung Quốc và lãnh sự quán nước ngoài cùng xử lý.

6/ Thuế xuất nhập khẩu các mặt hàng tính bình quân là 5%, trừ ba mặt hàng là chè, thuốc phiện và lụa. Ngoài ra, các mặt hàng nước ngoài nếu đưa vào sâu trong lãnh thổ Trung Quốc để tiêu thụ thì chỉ phải nộp thêm 2,5% thuế mà không phải chịu thêm bất cứ hình thức thuế nào khác.

Điều ước thông thương Trung - Anh còn nêu rõ: “Tổng lý đại thần phải mời người Anh giúp đỡ giải quyết công tác thuê vụ”, có nghĩa là sẽ tạo một căn cứ hợp pháp để người nước ngoài quản lý hải quan Trung Quốc.

7/ Thuốc phiện sẽ được coi là mặt hàng hợp pháp nhập khẩu vào Trung Quốc.

8/ Trong điều ước phải có quy định rõ ràng cho phép thợ thủ công Trung Quốc được ra nước ngoài hành nghề. Điều này đã hợp pháp hóa cho việc đưa một đội ngũ lớn thợ thủ công Trung Quốc sang các nước phương Tây hành nghề.

9/ Công sứ nước ngoài khi đến Trung Quốc được quyền vào thẳng Bắc Kinh với tư cách của người đi chinh phục.

Điều ước này đã biến Trung Quốc trở thành một nước nửa thuộc địa, những kẻ thống trị Trung Quốc cũng đã thực sự trở thành công cụ đắc lực cho bọn xâm lược Tây phương.

# Hồi thứ năm: ĐIỆN YÊN BA, HÀM PHONG ĐẾ BĂNG HÀ TÁM ĐẠI THẦN BỊ TỪ HY GIẾT HẠI

Hàm Phong Hoàng đế lánh nạn ở sơn trang nghỉ mát, lòng nặng lo âu, thân thể suy nhược, hơi thở chỉ còn thoi thóp. Lúc đó, bên giường chỉ có Hoàng hậu Nữ Hộ Lộc thị và tám vị đại thần thân tín. Hàm Phong biết mình không còn gắng thêm được nữa nên nói với hoàng hậu:

- Người khiến ta phải lo lắng nhiều chính là Ý phi Na Lạp thị. Cô ta chắc chắn sẽ dựa vào việc Thái tử Tái Thuần kế vị ngôi hoàng đế để hoành hành ngang ngược, cho nên nàng phải nhớ kỹ điều này: hai con dấu “ngự thưởng” và “đồng đạo đường” của ta nhất định không được để rơi vào tay Na Lạp thị.

Nói rồi, Hoàng đế quay sang truyền khẩu dụ với tám đại thần: Trịnh Thân vương Đoan Hoa, Di Thân vương Tái Viên, Thượng thư bộ Hộ Túc Thuận, Quân cơ đại thần Cảnh Thọ, Khuông Nguyên, Đỗ Hàn, Tiêu Hữu Doanh và Mục Âm rằng:

- Ta phó thác cho các vị phò trợ tiểu đế Tái Thuần của ta.

Dặn dò xong, giọt nước mắt ly biệt của Hoàng đế rơi xuống gò má. Ngày 22 tháng 8 năm 1861 (năm Hàm Phong thứ 11), Hàm Phong băng hà, kết thúc 11 năm mang giấc mộng Hoàng đế ở dương gian.

Hoàng hậu Nữ Hộ Lộc thị sai thái giám lập tức báo cho quý phi biết tin. Na Lạp thị nghe được tin này, không những không rơi lệ khóc than, ngược lại trong lòng cảm thấy vui mừng. Tám vị đại thần vâng theo khẩu dụ của vua, sau khi bàn bạc đã quyết định ngày lành để lập hoàng đế mới, lấy hiệu là “Kỷ Tường”.

Lan quý phi mặc quần áo tang, bồng con trên tay dâng cơ hoàng đế. Theo luật, triều đình đã phong hoàng hậu Nữ Hộ Lộc thị là Từ An thái hậu, thái phi Na Lạp thị là Từ Hy thái hậu. Trong cung, mọi người gọi Từ An là “Thượng mẫu Thái hậu”, Từ Hy là “Thánh mẫu Thái hậu”.

Khi chạy đến Thừa Đức, Hoàng đế Hàm Phong đã đưa “ngự tì” của triều đình cho Cung Thân vương Dịch Hân ở lại Bắc Kinh dùng khi giao thiệp với người Tây, còn mình chỉ mang theo “ngự thưởng” và “đồng đạo đường” để đóng dấu mỗi khi ban dụ chỉ hoặc mệnh lệnh. Hàm Phong khi còn sống đã nghe các quan huyện bà thường giữ ấn tín cho chồng, nên đã đưa lại hai con dấu “ngự tì” tạm thời đó cho vợ của mình - hoàng hậu Nữ Hộ Lộc thị giữ.

Hoàng đế Hàm Phong mất đi, Từ Hy vốn là một Quý phi, một bước đã nhảy lên trở thành Thái hậu. Nhưng chưa có được “ngự tì” tạm thời trong tay nên bà ta đã dùng hết kế này đến cách khác để chiếm đoạt hai con dấu. Các đại thần gặp phải không ít khó khăn mỗi khi ban bố công văn. Trong khi đó, Từ An Thái hậu vẫn như người nằm mơ, không hề hay biết gì cả.

Từ Hy giờ trò bàn bạc với Từ An - một người xưa nay chưa bao giờ có mưu mô gì trong đầu: bí mật cho An Đức Hải cải trang trở về Bắc Kinh gặp Lục vương gia Dịch Hân đang lo việc ngoại giao với người Tây, mời Vương gia về Thừa Đức lo việc hậu sự cho Hoàng đế và xử lý bọn tám đại thần Túc Thuận... về tội ngang ngược chuyên quyền, khinh thị triều đình ở Bắc Kinh, sau đó tiến hành tổ chức nội các mới.

Một tuần sau, Lục Vương gia Dịch Hân quả nhiên đã về đến Thừa Đức, còn mang theo cả danh sách nội các mới nữa. Tám đại thần thấy Lục Vương gia đột nhiên xuất hiện, vội hỏi:



- Không có chiếu thư tại sao ông lại đột ngột rời kinh? Công việc ở đó bây giờ ai lo?

Dịch Hân đáp:

- Các đại thần còn lại trong kinh rất đông. Kinh thành đã yên bình trở lại. Ta về đây để trở tang hoàng thượng và thăm hỏi hai cung thái hậu.

Túc Thuận hỏi ngay:

- Ông được chỉ định là đại thần nghị hòa, nhưng khi gặp việc lớn lại độc đoán quyết định một mình. Sao không xin ý kiến của triều đình?

Dịch Hân tức tối:

- Ta là đại thần toàn quyền, có đủ quyền để quyết định mọi chuyện. Hơn nữa, trong kinh cũng còn có nhiều đại thần ở lại cùng bàn bạc. Như vậy sao có thể nói ta độc đoán chuyên quyền?

- Trong mắt ông không còn có triều đình nữa rồi. Nga hoàng mượn gió bẻ măng kiếm có có công điều đình với quân Anh, Pháp, ông không thèm xin ý kiến của triều đình, lập tức ký “Điều ước Bắc Kinh” với họ. Ông không có cách nào để đối phó hay sao? - Túc Thuận cũng bắt đầu lớn tiếng.

- Ông không biết cụ thể nội tình sự việc, không được phát ngôn bừa bãi!

- Các người một lũ đại thần trong kinh nửa say nửa tỉnh, cho người ngoại bang tùy ý cắt đất chia nhà, còn mình thì đàn hoa bướm khách, ăn chơi phe phỡn. Các người tưởng ta không biết hay sao?

Năm Hàm Phong thứ mười (1860), sau khi Hàm Phong đã chạy về Nhiệt Hà, Thừa Đức, Nga hoàng mượn có có công trong việc điều đình với Anh, Pháp giảm bớt áp lực quân sự tiến công vào Bắc Kinh, đã buộc chính phủ Mãn Thanh phải ký “Điều ước Bắc Kinh Nga - Trung”. Vì vậy, Túc Thuận đã đem điều ước thương quyền nhục quốc này ra chất vấn Dịch Hân. Túc Thuận tiếp tục nói:

- Nhà người, khi tiến hành ngoại giao với phía Nga, với tư cách là một đại thần toàn quyền ở lại trấn giữ kinh thành, đã có thái độ gì trước yêu cầu vô lý, muốn xâm chiếm giang sơn đại Thanh của chúng ta? Chẳng lẽ chúng ta chịu buông tay dâng cả giang sơn này cho người Tây hay sao?

Dịch Hân đáp:

- Ông không có tư cách để hỏi ta.

Túc Thuận lại tiếp:

- Ta phụng theo di chiếu của tiên đế phò trợ tiểu hoàng đế, sao không có tư cách hỏi người?

Lúc đó, Dịch Hân mới nói:

- Túc Thuận, nhà người đừng có phát điên lên như thế. Lần này ta đến Thừa Đức là vâng theo chiếu thư của tiểu hoàng đế đó!

Túc Thuận trầm nghĩ: “Tiểu hoàng đế còn đang trong tay ta, tên tiểu lục tử này có thể giờ trò gì đây”, liền cao giọng hỏi:

- Nhà người vừa nói phụng chiếu thư của tiểu hoàng đế đến đây, vậy chứng cứ ở đâu?

Dịch Hân lập tức đưa bản chiếu thư có dấu “ngự thưởng” và “đồng đạo đường” ra trước mặt Túc Thuận, khiến cho Túc Thuận cứng lưỡi, nhưng trong lòng không khỏi nghi ngờ.

Những người chủ yếu mà kinh thành đã bí mật chọn ra để tổ chức nội các gồm có: Diệp Hách Na Lạp thị Từ Hy, Nữ Hộ Lộc thị Từ An, Thuần Thân vương Dịch Huyền, Duệ Thân vương Nhân Thọ và Cung Thân vương Dịch Hân. Dịch Hân Lục Thân vương ban ngày không tiện gặp Từ Hy nên mãi tận đêm khuya mới theo An Đức Hải vào tận tẩm cung của Từ Hy (cách điện Cần Chính khoảng một dặm). Hai người hành động vô cùng bí mật, không một ai phát hiện ra cả.

Từ Hy dự định sẽ đưa linh cữu trở về Bắc Kinh. Vinh Lộc và đội vũ trang của hân sẽ hộ tống hai cung thái hậu cùng tiểu hoàng thượng đi trước rồi linh cữu sẽ đi theo đằng sau. Trước hết, Dịch Hân phải lập tức trở lại Bắc Kinh, liên lạc với phó đô thống Thắng Bảo giữ vững trị an cho kinh thành. Hai chị em mật đàm hết đêm, đến khi trời mờ sáng, Dịch Hân mới dời khỏi tẩm thất của Từ Hy.

Trời sáng hân, Thái hậu hai cung liền truyền chỉ cho tám đại thần, nội dung như sau: “Lệnh cho nhân viên chuẩn bị xa giá, định ngày phụng an linh cữu tiên đế hồi kinh”. Túc Thuận và những người khác nhận được ý chỉ bất ngờ ấy đều giật mình hoảng sợ.

Tám đại thần triệu tập hội nghị khẩn cấp. Mọi người đều cho rằng đây là âm mưu quỷ kế của Dịch Hân chứ mẹ con Na Lạp thị sức mây mà nghĩ ra nổi.

Mọi người đều nhất trí không thể làm như vậy được. Một đại thần nói:

- Bây giờ sẽ không đao to búa lớn gì cả, cứ lấy lời nhẹ nhàng mà nói thôi. Bây giờ kinh thành chưa được yên ổn, phải đợi thời cơ rồi mới về kinh được.

Tám người nhất trí cử Tài Viên đi diện kiến hai cung thái hậu. Ai dè Từ Hy vừa nghe lời bẩm tấu đã đập bàn quát lớn:

- Các ngươi muốn gia danh Thiên tử mà ra lệnh cho chư hầu phải không? Trong mắt các ngươi có còn Thái hậu không hả?

Xong quay sang thái giám ra lệnh:

- Mau đuổi Tài Viên ra khỏi đây cho ta!

Di Thân vương Tài Viên nghe vậy sợ ngã cả xuống đất. Mấy tên thái giám liền lôi ông ta ra ngoài.

Lúc đó, Từ Hy thái hậu kiêu hãnh nghĩ rằng: “Con ta đã làm hoàng đế rồi, lẽ nào ta không thể cho bọn nhà ngươi mỗi đứa một mảnh vải lụa!”

Di Thân vương sau khi bị lôi ra ngoài, vội vàng truyền đạt ý chỉ của Từ Hy thái hậu với các đại thần khác. Mọi người cúi đầu tuân chỉ, chuẩn bị ngày 26 tháng 10 đưa linh cữu về kinh.

Tất cả triều thần tập trung ở điện Kính Thành tiến hành lễ khởi giá. Tiểu hoàng đế đích thân làm lễ tế rượu, Túc Thuận là người chỉ huy chính. Linh cữu Hàm Phong được 128 người dùng cáng khiêng. Quân cơ đại thần Cảnh Thọ dắt tiểu hoàng đế đến trước cửa lớn hành cung trực tang. Lúc đó, chiếc kiệu màn đen của hai cung thái hậu đã chờ sẵn ở trước cửa hành cung, đợi khi hành lễ kết thúc sẽ đưa thái hậu và tiểu hoàng đế trở lại Bắc Kinh.

Túc Thuận nói nhỏ với các vị đại thần khác:

- Về đến kinh thành thì đầu chúng ta chắc khó được bảo toàn. Một vị khác lại nói:

- Đợi con mụ Võ Tắc Thiên kia đi đến giữa đường thì giải quyết đi cho xong.

Người nữa lại nói:

- Các ông không thấy bọn tay chân của bà ta hung hăng như chó săn ấy à?

Một người khác kết luận:

- Tiên hạ thủ vi cường!

Nhưng chỉ huy cấm vệ quân ở Thừa Đức là Vinh Lộc - người trực tiếp nghe mệnh lệnh chỉ huy của các đại thần đã bị Từ Hy mua sống mất rồi.

Tám vị đại thần bó tay không tìm được phương kế nào cả. Túc Thuận đau lòng bật khóc. Di Thân vương và Đạng Thân vương thấy vậy, trong lòng xúc động vô cùng. Di Thân vương liền hỏi Túc Thuận:

- Theo ông thì phải làm sao đây? Túc Thuận đáp:

- Hai ông lấy danh nghĩa là thân vương gia hãy cùng hộ giá cho hai cung. Khi đến cửa Cổ Bắc thì cho khoảng mười người giả danh thổ phi giết chết Na Lạp thị đi. Sau đó, trước mặt Từ An và tiểu hoàng đế, hãy giết nốt bọn thổ phi ấy. Như vậy vừa trừ xong Na Lạp thị, lại vừa diệt khẩu được.

Đạng Thân vương nghe vậy, lắp ba lắp bắp nói:

- Nhờ tất cả các huynh lo liệu.

Túc Thuận động viên:

- Hai vị vương gia cứ yên tâm. Đến lúc đó, tôi sẽ dẫn vệ binh tiếp ứng.

Di Thân vương vốn nhất gan, nghe Túc Thuận nói vậy liền nghĩ: “Túc Thuận nhà ngươi sao muốn mượn dao giết người như thế? Rồi sau này, bao nhiêu tội nợ sẽ đổ cả lên đầu hai vương gia chúng ta”. Túc Thuận thấy Di Thân vương có vẻ do dự, liền nói:

- Hai cung thái hậu mâu thuẫn rất lớn, bằng mặt mà chẳng bằng lòng; tiểu hoàng đế còn nhỏ, chưa hiểu biết, xin hai vương gia cứ yên tâm. Làm như thế, về đến kinh thành chúng ta mới có thể yên ổn được.

Cho dù Túc Thuận có trăm phương ngàn kế thì cũng không ranh ma hơn được Na Lạp thị. Trước khi khởi giá, bà ta đã chuẩn bị nghiêm ngặt. Vinh Lộc và cả bọn vệ sĩ vũ trang đầy đủ luôn theo sát hộ giá. Vệ binh của Tái Viên cũng nằm hết trong tay Vinh Lộc, chỉ còn hai, ba thị vệ vũ trang là tâm phúc của Tái Viên và Đoan Hoa, nhưng họ làm sao địch lại được đám vệ binh như đồng như thép của Vinh Lộc. Chúng bảo vệ chặt kiêu loan của hai cung khiến Túc Thuận không sao xoay xở được.

Túc Thuận đi sau cùng linh cữu, đoán có lẽ hai cung thái hậu và tiểu hoàng đế đã đến cửa Cổ Bắc liền ra roi đánh ngựa vọt lên. Nhưng kiêu của Từ Hy đã đi trước rất nhiều. Túc Thuận gấp rút đuổi theo. Khi bọn người của Túc Thuận đuổi đến Mật Vân, trời bỗng đổ mưa rào. Túc Thuận mừng thầm cho là ý trời đã giúp, nhưng hai cung thái hậu đã lệnh cho quân lính đội mưa mà đi, không được dừng lại.

Túc Thuận dẫn theo một đám vũ trang đội mưa đuổi tiếp đằng sau. Vinh Lộc khi phát hiện một đám người ngựa đang đuổi đằng sau, liền ra lệnh bảo vệ kiệu nghiêm ngặt hơn. Vừa đuổi kịp kiệu loan của hai cung thái hậu, Túc Thuận vội vàng xuống ngựa thỉnh an.

Từ Hy hỏi:

- Nhà ngươi sao không theo sau cùng linh cữu?

Túc Thuận đáp:

- Linh cữu vẫn được yên ổn, xin thái hậu yên lòng. Thần trên đường thấy phía trước mưa gió âm ảm nên đội mưa vượt lên để hộ giá.

Túc Thuận thấy Từ Hy vẻ mặt bưng bưng, Vinh Lộc cũng lộ rõ vẻ đờ đờ sát khí, đám quân sĩ vũ trang lại bị ngăn từ rất xa, hầu như không có một tí cơ hội nào để hành động cả.

Từ Hy thái hậu vô cùng nghi hoặc, quát tháo Túc Thuận và hai vị Di, Đặng thân vương, lệnh cho họ quay lại đi hộ linh cữu. Khi ba người đi khỏi, nghe Vinh Lộc bẩm báo, Từ Hy mới biết rõ mình suýt nữa đã bị Túc Thuận ám sát.

128 người khiêng quan tài cứ lần lần đi chậm như sên, rất lâu sau mới đến được Mật Vân. Túc Thuận lúc đó liền bảo Tài Viên và Đoan Hoa theo hộ linh cữu về kinh, còn mình cáo ốm, xin cùng gia quyến ở lại Mật Vân hai ngày nghỉ ngơi, nhưng thực ra là để nghe động tĩnh ra sao.

Hai cung Thái hậu khi về tới ngoại thành Bắc Kinh, thấy Cung Thân vương, Thuần Thân vương dẫn đầu đại thần đã quỳ đón từ trước.

Từ Hy thái hậu từ lâu đã nóng lòng muốn trở lại Bắc Kinh, nên khi vừa vào tới nội viện hoàng cung liền bảo Thuần Thân vương Dịch Huyền triệu tập hội nghị ngự tiền khẩn cấp. Thái hậu lạnh lùng đi thị sát lại một lượt hành cung. Chỉ một lúc sau, Dịch Huyền đã tới báo cáo các đại thần đã tề tựu đông đủ. Từ Hy lập tức đi tới điện Thái Hòa, thấy Từ An cũng đã ở đó rồi, liền bước tới, ngồi xuống bên cạnh Từ An, cùng nghe Dịch Hân báo cáo quá trình ký kết điều ước Bắc Kinh. Sau khi nghe hết bản báo cáo, Từ Hy liền nói:

- Tình thế bây giờ thù trong giặc ngoài. Bọn Túc Thuận khi ở Thừa Đức tha hồ mượn danh thiên tử mà sai khiến chư hầu. Nay Hoàng thượng đã băng hà, chúng ta mẹ góa con côi, không còn là gì trong mắt họ nữa rồi. Họ muốn làm gì thì làm, không ai ngăn cản được. Bây giờ linh cữu tiên đế vẫn đang ở trên đường, tám con hổ đói đó vẫn chưa đến được kinh thành, nhưng khi họ đến thì chúng ta chắc chắn sẽ không còn yên ổn được, tiểu hoàng đế nhất định sẽ trở thành con rối trong tay bọn họ, ta và Từ An thái hậu chắc không còn cách nào thoát khỏi nanh vuốt của bọn chúng. Khi ở Thừa Đức, lúc tiên đế băng hà, bọn chúng còn ngai các đại thần trong triều nên mới phong ta làm Từ Hy thái hậu, phong Hoàng hậu làm Từ An thái hậu. Chúng cũng không thêm thương lượng với đại thần các ngài ở lại trong cung, cũng không thêm nói qua với ta và hoàng hậu một tiếng, tự ý chọn ngày kế vị và đặt tên hiệu của Tài Thuần là “Kỳ Tương”. Nay bọn lang sói ấy sắp về đến đây cùng với linh cữu hoàng đế, sự việc đã gấp gáp lắm rồi, mong các vị sớm đưa ra quyết định.

Nói xong, liền khóc tương lên.

Các đại thần nghe Từ Hy nói vậy, không ai không nghiêng rặng kèn kẹt. Có người cho rằng: hai chữ “Kỳ Tương” nghe không ổn. Dịch Hân nói:

- Hoàng đế nay còn nhỏ tuổi, hai cung Thái hậu tất nhiên phải ở bên phò trợ. Tôi nghĩ nên dùng hai chữ “Đồng Trị” đặt niên hiệu, các ông xem như thế có được không?

Mọi người đều gật đầu chấp nhận. Hai cung Thái hậu cũng tỏ ý tán thành. Một đại thần đưa ra ý kiến lập tức bố trí nhốt giam bọn Túc Thuận ngay khi họ về đến kinh thành, vị khác lại hiến kế sai quân đội đi bắt tám tên gian tế ngay lập tức. Nhưng có một đại thần phản đối ý kiến trên, cho rằng:

- Dừng đến quân đội thì cũng không có gì đáng nói, nhưng thực sự là không thể bắt người trong khi nghênh tiếp linh cữu của tiên đế. Hay cứ để họ trở về đến phủ đệ rồi lập tức ra tay, như vậy sẽ tránh được hỗn loạn trong triều.

Mọi người đều nhất trí tán đồng ý kiến trên.

Ba ngày sau khi hai cung hồi kinh, linh cữu cũng được đưa tới kinh thành. Đi cùng linh cữu có Di Thân vương Tái Viên, Đặng Thân Vương Đoan Hoa, Quân cơ đại thần Cảnh Thọ, Khuông Nguyên, Đỗ Hàn, Tiêu Hữu Doanh và Mục Âm, chỉ thiếu có một mình Túc Thuận. Rất nhiều thương gia trước bỏ kinh thành theo vua đi lánh nạn, nay cũng lục tục kéo về theo.

Hai cung Thái hậu cùng Dịch Hân thương lượng, tìm cách bắt và trị tội tám tên gian thần. Dịch Hân bày mưu:

- Muốn bắt thì phải bắt vương trước, mà chủ yếu là Túc Thuận. Đối với Tái Viên và Đoan Hoa thì phải lựa mà tìm cách khác nhau.

Từ Hy cắt ngang:

- Nhỏ cỏ thì phải nhổ tận gốc, người xưa đã nói rồi, trừ không hết hậu họa khó lường đó. Có điều, có thể chia ra nhanh, chậm, sớm, muộn khác nhau.

Cuối cùng, ba người đi đến quyết định sẽ chia ra tám nhóm thực hiện việc bắt bớ này. Nhóm đầu tiên do Dịch Huyền dẫn đầu, cùng bọn võ sĩ lập tức quay lại Mật Vân, nhóm thứ hai dưới sự chỉ huy của Nhân Thọ kéo đến phủ của Đặng Thân vương, khi đến, nghe nói Đặng Thân vương Đoan Hoa đã tới phủ của Di Thân vương Tái Viên, nhóm thứ ba được phân công đi bắt Di Thân vương thì cùng một lúc kéo được cả hai vị thân vương về nhốt trong Tôn nhân phủ. Các nhóm bốn, năm, sáu, bảy, tám cũng lần lượt đem phạm nhân về bắt nhốt kín lại.

Nhóm thứ nhất đến Mật Vân đúng vào lúc đêm khuya thanh vắng, qua do thám, biết được Túc Thuận đang ở trong đệ trái của Tri phủ Chử Khê Nguyên. Chử Khê Nguyên đã theo giá hầu hai cung về kinh, gia quyến ông ta cũng đã thu xếp về lại kinh đô thu hồi những tàn tích, nhà cửa còn lại nên Túc Thuận và gia quyến điềm nhiên chiếm cứ cả khu nhà ở rộng lớn của Chử Khê Nguyên.

Cánh cửa lớn trước khu đệ trái tạm thời của Túc Thuận đã được khóa chặt. Bọn vệ sĩ như hùm như sói, theo lệnh của Dịch Hoàn lập tức phá tan cánh cổng chứ không thèm đợi bọn lính canh ra mở.

Cả khu nhà ở mệnh môn lơ lạt ánh trăng, đèn đuốc mờ mờ. Bọn lính canh khi thấy quân triều đình kéo tới, biết ngay Túc Thuận đã bị triều đình cách chức. Dịch Huyền quát hỏi:

- Túc Thuận đang ở đâu?

Một gia đình vừa tỉnh ngủ lấp bắp trả lời :

- Đại nhân ở trong phòng của bà tư ạ. Dịch Huyền gằn giọng:

- Mau dẫn ta đến đó. Tất cả bọn a hoàn, gia đình, lính canh đều tỉnh dậy, người ngợm run cầm cập, ai cũng biết chuyện tày đình sắp đến. Tên gia đình vừa rồi lại lấp bắp:

- Lão gia đang ở Tây Hoa sảnh ạ.

- Mau dẫn đường - Dịch Huyền quát.

Khi cả bọn người kéo đến Tây Hoa sảnh, mở toang cả cửa phòng, thấy Túc Thuận đang cùng bà vợ thứ tư chìm trong giấc mộng. Túc Thuận khi tỉnh dậy, thấy Dịch Huyền dẫn đầu bọn võ sĩ đã vào chặt trong phòng, lập tức vùng dậy, chửi bới ầm ĩ. Bà tư quần áo xộc xệch, ngồi bái hoải một chỗ. Dịch Huyền nói:

- Ta phụng ý chỉ đến bắt nhà ngươi.

Nói xong, lệnh cho Túc Thuận lập tức mặc quần áo vào. Túc Thuận lúc đó tim đập chân run, lúng ta lúng túng, lấy nhầm quần của vợ, mặc mãi không vừa, về sau mới biết không phải quần của mình, lại đi tìm quần, vừa mặc, vừa hỏi:

- Ta phạm tội gì mà đòi bắt?

Dịch Huyền đáp:

- Nhà ngươi chuyên quyền bạo ngược, ngăn cản việc nghị hòa, mật sát bạn bè Anh, Pháp, lừa dối triều đình, lại còn nói là không có tội à?

Dịch Huyền thấy Túc Thuận đã mặc xong quần áo, lập tức ra lệnh cho vệ sĩ trói chặt ông ta lại. Túc Thuận vừa giãy giụa, vừa chửi bới rằng:

- Chúng mày phụng chỉ của ai hả? Thằng bé sáu tuổi mà biết hạ chỉ bắt người à? Đây rõ ràng là con yêu nữ Na Lạp thị muốn tác yêu tác quái với ta.

Chúng mày đều là lũ chó dưới chân của Na Lạp thị cả. Các ngươi muốn làm điên đảo cả giang sơn Đại Thanh. Thi thể Hoàng thượng vẫn chưa lạnh, bộ mặt chó đều của Na Lạp thị đã hiện rõ rồi.

Một đoàn người ngựa như lũ sói điên nửa đêm hồng học quay về đến Bắc Kinh. Trời còn chưa sáng, Túc Thuận lập tức bị áp giải đến Tôn nhân phủ. Tôn nhân phủ là nơi giải quyết các sự việc có liên quan đến hoàng thất tôn tộc. Thấy Tái Viên, Đoan Hoa đã bị trói gô trong phủ, Túc Thuận hăm hăm nói:

- Bây giờ các ngươi thấy rõ tâm địa của Na Lạp thị rồi hả?

Thực ra, ngay sau khi Hàm Phong băng hà, lúc còn ở Thừa Đức, Túc Thuận đã nhìn ra dã tâm tiềm quyền đoạt ngôi của Na Lạp thị nên khuyên Di Thân vương, Đoan Thân vương tiêu diệt càng sớm người đàn bà này càng tốt. Nhưng hai thân vương đã phản đối. Giờ đây tất cả bọn họ đã nằm trong tay Na Lạp thị.

Các cửu khanh, học sĩ trong Tôn nhân phủ lập tức làm một bản cáo trạng kết tội tám người do Túc Thuận đứng đầu. Ngay hôm sau, Từ Hy thái hậu lập tức mượn danh hoàng đế Đồng Trị, hạ một đạo chỉ gia ân cho từng người một: Túc Thuận ngộng cuồng phản bội triều đình, theo đúng luật xử tội lăng trì, nay gia ân xử trảm. Trầm nề tình Tái Viên, Đoan Hoa là người trong tôn thất nên gia ân tự vẫn. Ngự tiền đại thần Cảnh Thọ được phong làm quốc thích của triều đình, thấy sai không phản đối nên cách chức, gia ân trở về sống yên với gia tộc, miễn không khiển trách. Bình bộ thượng thư Mục Âm nhiều năm là đại thần quân cơ, cũng xếp vào hàng cao quý trong quan lại mà phạm phải trọng tội nay cách chức, điều về quân đài để lập công chuộc tội.

Sử bộ thượng thư thị lang Khuông Nguyên, thư lý hữu thị lang Đỗ Hàn, thái phó thị lang Tiêu

Hữu Doanh bó tay giương mắt nhìn bọn đoạt quyền tiếm ngôi không dám động tĩnh gì nên cách chức, gia ân miễn truy xét trách nhiệm.

Tất cả những người non gan sợ vạ trong triều thấy các đại thần tay chân tiên đế đã thất thế nên đều đổ cả về phe thái hậu, không những ủng hộ Từ Hy mà còn cao giọng tung hô vạn tuế. Đại học sĩ Gia Trinh thấy tám đại thần ngự tiền của tiên đế đã bị trị tội lập tức tập trung quần thần cùng ký tên tấu thỉnh hai cung thái hậu buông rèm chấp chính.

Giám sát ngự sử Sơn Đông đạo là Đồng Nguyên Thuận còn dâng tấu sớ rằng: “Tân đế tuổi nhỏ, không thể tự mình chấp chính, kính mời hai cung thái hậu buông rèm nghe chuyện triều đình. Năm xưa, Hòa Hi Đặng hoàng hậu thời Hán, Khang Hiến Chử hoàng hậu thời Tấn, Nhuệ Tri Túc hoàng hậu thời Liêu đều trở thành thái hậu giám triều sau khi hoàng đế mất, sử sách muôn đời tán tụng...”

Vén vén từ ngày 20 tháng 2 năm Hàm Phong thứ 11 (ngày 1/3/1861) đến ngày 25 tháng 3 năm Đồng Trị thứ nhất (23/4/1861), Từ Hy thái hậu đã giành được thắng lợi huy hoàng, cả cung điện giăng đèn kết hoa chào mừng. Mặc dù vậy, Từ Hy vẫn nom nớp lo sợ việc cướp đoạt quyền lực, buông rèm chấp chính sẽ không thực hiện được nên đã mật chiếu, cho gọi tâm phúc của mình là phó đô thống Thắng Bảo đến bàn bạc. Thắng Bảo hiến kế cho mời đại học sĩ Chu Tô Bồi đến, sai ông này tìm ra tài liệu về các hoàng hậu buông rèm chấp chính trong lịch sử để làm căn cứ. Chu Tô Bồi lại tiến cử thêm lễ bộ hữu thị lang Trương Chí Vạn, Hử Thọ Bằng ở Hàn lâm viện cùng nghiên cứu các sự kiện buông rèm chấp chính từng diễn ra trong lịch sử. Cả bốn người ngày đêm miệt mài soạn ra cuốn “Trị bình bảo kiếm”, nội dung sát thực, sinh động. Cuốn sách này trở thành vũ khí đặc lực của Từ Hy thái hậu để đoạt ngôi tiếm quyền. Bảo Thắng không chỉ tích cực tham gia nghiên cứu soạn thảo cuốn “Trị bình bảo kiếm” mà còn sử dụng lực lượng quân đội trong tay, áp chế các đại thần có ý phản đối việc thái hậu buông rèm chấp chính. Không chỉ có thế, ông này còn tấu trình một bản sớ, nội dung là: “Trong tình thế hiện nay, thái hậu thân lý vạn cơ, chiếu đối quần thần là hợp tình thiên hạ, hợp phép quốc gia, các thân vương trợ tá phò cận tận tâm vì vua nhỏ cũng là việc thuận với lòng người. Văn hậu thời xưa trong những năm đầu Thuận Trị tuy không công khai việc buông rèm, nhưng việc chấp chính là có thật...”. Hai cung thái hậu Từ Hy và Từ An lập tức cho quần thần thảo luận nội dung bản tấu. Vậy là cả những người vốn không tán thành việc thái hậu buông rèm chấp chính cũng phải gờ cả hai tay đồng ý nội dung bản tấu. Từ Hy lúc đó 27 tuổi đã tiếm được chính quyền vẫn không quên việc trấn áp bên trong và quy gởi đầu hàng ngoại bang bên ngoài. Sau khi mọi việc đã lắng xuống, Từ Hy đã yên vị trên kim loan điện thì việc luận công ban thưởng bắt đầu. Cung Thân vương Dịch Hân được ủy nhiệm nghị bàn mọi việc quân cơ, nắm giữ đại quyền của một tổng lý hàm môn quân chính. Vinh Lộc được thăng hộ bộ thượng thư kiêm đại thần phủ nội vụ. Thuận Thân vương Dịch Huyền được phong làm đại thần ngự tiền, đại thần lãnh sự hàm, nắm giữ các doanh trại quân thần cơ...

Túc Thuận bị giết, cả tộc Mãn Thanh ai nấy đều có vẻ sung sướng. Túc Thuận là người thuộc dòng họ Ái Tân Giác là thị tộc Mãn, là em của Đặng Thân vương Đoan Hoa. Phần lớn những người trong Mãn tộc đều căm giận ông ta. Năm xưa, trong cuộc chinh đồn nạn tham ô của các quan lại, Túc Thuận đã thẳng tay trừng trị, khiến cho những người thường quen làm xằng làm bậy điên đảo và căm hận. Thậm chí một vài người đã được hoàng đế Hàm Phong che chở cũng vẫn không thoát được khỏi tay đao phủ của Túc Thuận. Túc Thuận lúc đó không sợ nể gì quyền quý, sẵn tay dao chém giết rất nhiều người. Chính vì thế Hàm Phong vừa mới qua đời, Túc Thuận đã bị Từ Hy thái hậu - một người trước đây từng bị ông ta áp chế trả thù và không thể tránh khỏi tội chết.

Năm 1858 (năm thứ tám Hàm Phong), quan chủ khảo cuộc thi hương là Bách Tuấn, người thuộc tộc Chính lam kỳ Mông Cổ, do làm việc gian trá đã bị dâng tấu đòi xử chém. Hàm Phong sau khi duyệt tấu chương đã dùng bút đỏ phê rằng: “Tội không thể không truy, tình có thể tha thứ”. Nhưng Túc Thuận vẫn mặt sắt vô tư, nói với hoàng thượng rằng:

- Cho dù về tình có thể tha thứ nhưng về tội không thể không truy cứu.

Hình bộ thượng thư Triệu Quang Thời lúc đó đứng bên cạnh nghe vậy không dám nói gì, hoàng thượng cũng do dự, Túc Thuận liền lấy bút phê chuẩn vào sớ. Cuối cùng, Bách Tuấn đã bị giết.

Đến năm Hàm Phong thứ 11, chỉ duy nhất Từ Hy sinh được thái tử nên Từ Hy dựa vào thế của con trai Tải Thuận dám cãi lại Hàm Phong, kiêu căng, ngang ngược, hoành hành. Túc Thuận đã nhìn trước hậu quả của việc này liền nhắc lại câu chuyện Câu Dục trước mặt hoàng thượng. Phu nhân Câu Dục

Triệu Tiệp Dư của Hán Vũ Đế sống trong cung Câu Dục sinh được con trai, được Hán Vũ Đế lập làm thái tử. Hán Vũ Đế lo sợ sau này con nhỏ, mẹ ý thế con mà lộng hành ngang ngược nên đã ban cho Triệu Tiệp Dư được chết. Thái tử đó sau chính là Hán Chiêu Đế. Túc Thuận nhắc lại câu chuyện này trước mặt Hàm Phong, có ý muốn cũng giết chết Từ Hy như Hán Vũ Đế đã từng giết Câu Dục phu nhân, chỉ giữ lại mình Đồng Trị. Chính Hàm Phong lúc bệnh nặng ở Thừa Đức cũng đã thấy trước việc Từ Hy sau khi trở thành Thái hậu sẽ bài xích Từ An Nữ Hộ Lộc thị, biết được Túc Thuận là người nhìn cao trông rộng, song tiếc rằng ông chưa dám mạnh tay xử lí. Còn Túc Thuận, ông ta có nhu nhược đối với Từ Hy không? Tác giả cho rằng khi Hàm Phong sắp trút hơi thở cuối cùng, cái mệnh của Từ Hy cũng đã nằm trong tay của Túc Thuận rồi, song tiếc rằng ông ta và cả bảy đại thần khác đã nhiễm quá nặng tư tưởng “quân mệnh thần tử thần bất can bất tử, phu khiêu tử vong tử bất can bất vong” nên không dám ra tay, để cuối cùng cả bọn rơi vào lưới của Từ Hy. Từ xưa đến nay, thắng làm vua thua làm giặc cũng là lẽ thường tình. Từ Hy thắng lợi luận công ban thưởng, đương nhiên vẫn không quên việc tiêu diệt tay chân bè đảng của Túc Thuận. Chính vì thế bao nhiêu người, kể cả bọn văn nhân quân tử trước đi theo Túc Thuận nay đều chạy cả theo Từ Hy, thậm chí quay lưng chửi bọn Túc Thuận là lũ gian thần. Đọc cuốn “Chuyện kể về Túc Thuận nhà Thanh” có viết rằng: “Túc Thuận cậy được Hàm Phong ân sủng, câu kết với anh trai là Đặng Thân vương Đoan Hoa và Di Thân vương Tải Viên âm mưu tiếm quyền đoạt vị. Sau chính biến Tân Dậu, Đoan Hoa, Tải Viên bị xử tử chết, Túc Thuận bị xử trảm. Lúc hành hình người xem đông nghịt tranh nhau nhặt gạch đá ném, ai nấy đều hoan hỉ”. Đây là ghi chép của những người đứng về phía kẻ chiến thắng nên chúng ta cũng không lấy làm lạ.



# Hồi thứ sáu: THÀNH THIÊN TÂN THỢ SỬA GIÀY HÀNH KHẮT PHÒNG HOẠN QUAN LÝ LIÊN ANH TỊNH THÂN

Ở huyện Đại Thành có một người chuyên làm nghề sửa giày, mọi người đều gọi là “Lý gọt da”, tên thật là Lý Đức Thuận, ngày ngày dắt vợ con, gồng gánh theo hòm xiềng đồ nghề đi xin ăn khắp thôn cùng xóm vắng.

Vợ của Đức Thuận là Từ thị bé con trai út ba tuổi Bảo Thái còn Lý Đức Thuận thì gánh hai con trai lớn là Lý Quốc Thái chín tuổi và Lý Anh Thái bảy tuổi cùng công cụ đồ nghề trên vai, đi hết thôn này sang thôn khác bày đồ nghề ra chữa giày hỏng. Ban ngày, Từ thị bồng bế, dắt díu ba con đi lần từng hộ xin ăn.

Công việc của Lý Đức Thuận cũng không được suôn sẻ. Từ thị hằng ngày đi xin ăn cũng bấp bênh, nhục nhằn vô kể. Một hôm, Từ thị nói với Lý Đức Thuận:

- Bây giờ ở nông thôn, nhà nào cũng chỉ còn có người già, đàn bà và trẻ nhỏ. Chúng ta thử đến thành Thiên Tân xem có được hay không.

“Lý gọt da” đáp:

- Phải đấy. Từ ngày chạy nạn đến giờ, tiền ăn xin và tiền khâu giày của chúng ta kì cốp cũng được hơn 500 đồng to và hơn 1000 đồng nhỏ rồi. Mai chúng ta thử lên xe đi Thiên Tân xem sao, bất quá thì mất 180 đồng to thôi, mà đỡ được mưa gió đầu đường xó chợ.

Ba đứa trẻ nghe được, biết là sắp đến thành Thiên Tân, đều sung sướng nhảy cẫng cả lên.

Năm vợ chồng cha con lên một chiếc xe ngựa lớn, ngày đi đêm nghỉ, rồi cũng đến được thành Thiên Tân.

“Lý gọt da” bày đồ sửa giày trong khu tập trung người nghèo ở Thiên Tân.

Từ thị vẫn ngày ngày đem con đi xin ăn. Một hôm, có người đàn ông chừng 40 tuổi, ăn vận giống một thương nhân gặp Từ thị ở ngoài đường. Người này nhìn đi nhìn lại Từ thị rồi thận trọng hỏi:

- Này chị, tôi trông chị có vẻ quen quen. Chị là người ở vùng nào vậy?

- Tôi là người huyện Đại Thành. Ở đây không ổn nên phải chạy tới đây, chẳng còn cách nào khác nên phải đi xin ăn mà sống.

- Ôi, chị là chị Đức Thuận có phải không? Tôi là Thẩm Văn Lương ở thôn Đông, là khách quen cũ của anh Đức Thuận mà. Thế anh Đức Thuận sao không thấy ở đây?

- Cha lũ nhỏ bày hàng sửa dép ở ngoài chợ.

- Vậy tốt rồi. Tôi đang ở trong khu nhà trọ Tam Nguyên trước mặt kia. Chị bảo anh tối nay đến đó tìm tôi. Nhớ đừng quên đấy nhé!

Ngay tối hôm đó, Lý Đức Thuận tìm đến khu trọ Tam Nguyên gặp Thẩm Văn Lương. Đồng

hương gặp nhau, nước mắt giọt dài giọt ngắn. Lý Đức Thuận kể chuyện huyện Đại Thành bình hoang ngựa lạc, cả nhà phải bỏ nhà bỏ cửa chạy lấy thân dọc đường ăn xin ăn mày mà sống, vừa kể vừa đau lòng không cảm nổi nước mắt. Thắm Văn Lương liền an ủi Đức Thuận rằng:

- Thôi đừng khóc nữa. Anh có khó khăn gì thì cứ nói với tôi. Tôi sống ở thôn Đại Hữu, ngoại thành phía Tây Bắc Kinh, nhà có bốn người, cả vợ và hai con nữa, cuộc sống cũng không đến nỗi khó khăn lắm. Tôi thường mang hàng qua lại giữa Bắc Kinh - Thiên Tân, buôn bán cũng tạm tạm.

Lý Đức Thuận nói:

- Ngày ngày tôi bày đồ sửa giày ở Thiên Tân cũng chẳng ăn thua gì. Tôi biết anh có con trai làm thái giám trong cung, thật là sung sướng quá trời. Tôi có ba thằng con trai, giờ đều trở thành gánh nặng cả. Anh xem thế nào giúp đỡ tôi, đưa thằng thứ hai vào cung làm thái giám, được thế tôi sẽ nhẹ gánh hơn.

Thắm Văn Lương đáp:

- Được rồi, được rồi. Đã là đồng hương thì ai nỡ từ chối nhau. Anh về bàn bạc với chị xem, ăn xin ở Thiên Tân cũng không phải là kẻ lâu dài. Anh chị xem xem sáng sớm mai cùng tôi về Bắc Kinh. Nhà tôi vẫn còn phòng để trống, cả nhà anh sẽ tạm ở đây. Bây giờ anh về bàn với chị xem sao.

Lý Đức Thuận nghe vậy vội nói:

- Bà ấy chắc chắn sẽ đồng ý thôi. Thực là anh đã cứu chúng tôi rồi. Thắm Văn Lương ngắt lời:

- Anh chị nếu chuyển đến thôn Đại Hữu ở Bắc Kinh, anh vẫn có thể treo biển “Lý gọt da” mà chữa giày.

Lý Đức Thuận vội vàng đứng lên vòng tay làm lễ với Thắm Văn Lương, miệng nói:

- Tôi về sắp xếp một lát, sáng sớm mai sẽ tới đây với anh.

Hai ngày sau, cả sáu người đã đến thôn Đại Hữu, phía Tây thành Bắc Kinh.

Vợ của Thắm Văn Lương thấy có đồng hương đến, vui mừng khôn xiết. Bà này từ lâu đã mong muốn có được một người đồng hương làm bạn. Bà xăng xái chuẩn bị hai giường hai chăn để cả nhà Đức Thuận ngủ đêm. Vợ chồng Đức Thuận thấy vậy cảm ơn lia lịa. Vợ của Thắm Văn Lương còn nói:

- Anh chị vừa mới chân ướt chân ráo tới đây, thôi cứ ăn cơm cùng chúng tôi. Đồng hương mình đều là người trong một nhà mà.

Lý Đức Thuận nghe vậy, đáp:

- Thật phiền anh chị quá. Thắm Văn Lương ngắt lời:

- Sao cứ khách khí quá thế, anh Lý?

Lý Đức Thuận lại dè dặt:

- Tôi cũng sẽ treo cái biển “Lý gọt da” của mình lên, rồi mua đồ đạc sau. Anh chị thấy thế có được không?

Vợ của Thảm Văn Lương đáp:

- Anh Lý đừng lo. Mình là người trong nhà cả, góp gạo thổi com chung cũng được, việc gì phải chia anh chia tôi cho mệt.

Vợ chồng Lý Đức Thuận nghe vậy mừng ra mặt, lập tức ưng thuận.

Thôn Đại Hữu xưa nay chưa có hàng sửa giày, vì vậy chỉ vài ngày sau cái tên “Lý gọt da” đã truyền khắp thôn. Mọi người biết anh ta sửa giày, khâu giày chắc chắn lại rẻ tiền nên giày hơi hỏng là đã vớt vào hàng cho Lý Đức Thuận sửa ngay. Chính vì thế, việc làm ăn của ông ta ngày càng thuận lợi.

Hôm đó, Lý Đức Thuận suốt ngày ngồi nói chuyện với Thảm Văn Lương. Ông ta muốn đưa thằng con thứ Lý Anh Thái vào cung làm thái giám. Lý Anh Thái còn nhỏ, nghe nói được đưa vào hoàng cung, sướng quá nhảy cẫng cả lên, vừa nhảy vừa hét.

- Sắp được vào gặp Hoàng thượng rồi - sắp được vào gặp Hoàng thượng rồi!

Sau hôm đó Thảm Văn Lương bèn đi vào Tử Cấm thành xin gặp con trai Thảm Liên Thăng năm đó 17 tuổi. Thảm Văn Lương nói rõ với con chuyện chú “Lý gọt da” có thằng con trai tám tuổi muốn đưa vào cung làm thái giám. Thảm Liên Thăng nghe xong liền nói:

- Nó mới tám, chín tuổi thì chi cần nói với Tổng quản một tiếng là xong, cha ạ.

Nói xong, Thảm Liên Thăng lập tức vào báo với tổng quản An Đức Hải.

An Đức Hải nói:

- Nó mới tám, chín tuổi thì rất tốt, rất hợp với điều kiện trong cung. Mau gọi nó vào đây!

Thảm Liên Thăng vội nói:

- Dạ thưa, nó vẫn chưa đến ạ. Đây là do cha tôi giới thiệu đến, hỏi tôi xem có được hay không. Giờ tổng quản đồng ý rồi, ngày mai tôi bảo mọi người dẫn nó đến.

An Đức Hải đáp:

- Ừ, mai dẫn nó đến đây.

Hôm sau, Thảm Văn Lương, “Lý gọt da” và Lý Anh Thái cùng đến cửa Thần Vũ gặp Thảm Liên Thăng. Thảm Liên Thăng đưa Anh Thái vào gặp An Đức Hải. Khi nghe Liên Thăng báo dập đầu chào tổng quản, Anh Thái lập tức quỳ xuống khấu đầu ba lần. An Đức Hải hài lòng nói:

- Thằng bé này khá lắm. Rồi hỏi:

- Cháu tên là gì?

- Cháu là tiểu nhị.

Thảm Liên Thăng đứng ngoài nói xen vào:

- Tiểu nhị chỉ là tiểu danh thôi. Em còn có tên gì khác nữa không?

Anh Thái liền đáp:

- Ở nhà cha đặt tên cho cháu là Anh Thái.

- Cháu họ gì? - An Đức Hải hỏi.

- Dạ, họ Lý. Có lúc cha gọi cháu là Lý Anh Thái. An Đức Hải nghĩ rất nhanh rồi nói:

- Ở nhà cháu có tên là Lý Anh Thái, giờ vào cung rồi, ta sẽ đặt cho cháu một cái tên khác.

Anh Thái mau miệng:

- Cháu thích gọi bằng tên ở trong cung An Đức Hải nói:

- Từ rày về sau ta đặt tên cho cháu là Liên Anh.

Thẩm Liên Thăng nhắc Lý Liên Anh khấu đầu tạ ơn xong, quay sang hỏi An Đức Hải:

- Thừa Tổng quản, lúc nào có thể đưa Lý Liên Anh vào phòng hoạn quan ạ?

- Người hãy đưa nó đi ngay bây giờ đi.

Thẩm Liên Thăng dẫn Lý Liên Anh vào phòng hoạn quan. Liên Thăng không được trực tiếp dẫn Liên Anh vào trong phòng. Một thái giám khác đứng ngay cửa nắm lấy tay Lý Liên Anh rồi nói:

- Đi theo ta. Câu nói này biểu thị Lý Liên Anh đã thực sự ra nhập đội ngũ các thái giám trong cung rồi. Lúc này, Anh Thái vẫn chưa biết vào trong đó làm gì, bụng nghĩ thầm chắc được vào gặp Hoàng thượng.

Thẩm Liên Thăng nhìn Lý Liên Anh bước vào phòng rồi mới quay người bước đi.

Trong lúc Anh Thái vẫn còn ngơ ngác thì vị thái giám đi bên nói:

- Mau cởi hết quần áo ra.

Lý Liên Anh sợ hãi khóc gào lên:

- Không, cháu về với mẹ, cháu về nhà cơ.

Thái giám tịnh thân lập tức lột hết cả quần áo của Liên Anh. Liên Anh nhìn thấy con dao ở trên giường, nghĩ là người này muốn giết mình liền khóc náo cả lên. Thái giám tịnh thân đã quen với chuyện này liền bế thốc cậu lên giường, trói chặt lại. Lý Liên Anh gào khóc inh ỏi. Thái giám tịnh thân dọa:

- Mày nín đi thì tao cho về nhà; còn khóc tao sẽ giết mày đấy.

Lý Liên Anh vội vàng đáp:

- Vậy cháu không khóc nữa.

Thái giám tịnh thân lúc này cũng dịu giọng:

- Thế mới ngoan chứ. Mai sẽ có người đưa cháu về nhà.

Lý Liên Anh lúc đó cảm thấy hơi yên tâm trở lại. Thái giám tịnh thân đưa cho cậu một quả trứng gà luộc chín đã bóc vỏ, bảo:

- Ngoan nào, bây giờ cháu cắn nát quả trứng này ra nhưng đừng có nuốt vào bụng.

Thái giám thấy quả trứng đã bị nhai giập liền nhanh chóng làm công việc tịnh thân của mình. Liên Anh cảm thấy đau nhói không thể chịu được, nhưng quả trứng còn đầy ở trong mồm, có gào khóc cũng không sao ra tiếng được. Liên Anh hôn mê không còn biết gì nữa. Khi tỉnh dậy, cậu bé thấy thái giám đang bôi một loại thuốc cao cho mình. Ngoài ra, để tiện lợi được dễ dàng, thái giám tạm thời để một ống quần nhỏ vào bộ phận sinh dục. Đợi đến lúc da thịt liền lại, mọi người sẽ bỏ cái ống đó đi.

Sau khi bộ phận sinh dục đã bị cắt rồi, Lý Liên Anh cũng không còn cảm thấy đau đớn nữa. Thực ra, trong cung cũng có một loại thuốc giảm đau đặc trị.

Lý Liên Anh lúc đó vẫn không biết chuyện gì đã xảy ra, cảm thấy trong bụng đói đói liên nhau nhỏ quả trứng trong miệng rồi nuốt dần vào bụng. Thái giám tịnh thân ở bên đồ từng thìa, từng thìa nước đường vào miệng, Lý Liên Anh nuốt từng hớp ngon lành. Lúc này cậu đã biết thái giám tịnh thân không dùng dao giết mình, nhưng cũng cảm thấy phần thân dưới có gì đó khác lạ. Thái giám nhẹ nhàng nói:

- Cháu đừng sợ. Lúc cha đưa cháu tới đây có nói rõ cho cháu chuyện gì không? Đây là nhà của hoàng thượng, ngày nào cháu cũng được ăn thịt ăn cá đấy, thích không? Nhưng mà trẻ con hễ vào đây đều phải cắt bỏ các vật thừa của mình đi. Cháu yên tâm, bác đã cắt và vứt bỏ cái vật thừa của cháu đi rồi.

Liên Anh thấy cái ông to lớn này không những không giết mình, ngược lại còn nói chuyện nhẹ nhàng, lại thấy quý mến ông. Trong lòng, cậu bé cũng thực sự tin là muốn được ăn thịt ăn cá thì phải vứt bỏ cái vật thừa trong người đi. Nhưng Liên Anh vẫn thắc mắc không biết cái vật thừa ấy ở chỗ nào.

Đúng lúc ấy, vị thái giám quay sang nói với cậu.

- Cháu này, cái vật thừa ấy chính là cái con chim mà cháu hay đi hái ý. Con chim này sau lớn lên có thể gây tai họa đấy. Hôm nay cắt bỏ cái mầm họa ấy đi rồi thì cháu cứ yên tâm mà ăn thịt ăn cá.

Đúng lúc ấy có hai tiểu thái giám bước vào. Thái giám tịnh thân liền nói với họ.

- Lại đây, hai người phải chăm sóc cẩn thận người bạn nhỏ này đây.

Lý Liên Anh thấy hai người bạn này chắc chỉ lớn hơn mình hai, ba tuổi. Thái giám sai một người dọn cơm, còn một người lấy trà cho Lý Liên Anh, lại dặn là phải cố gắng cùng chơi vui với Lý Liên Anh nữa. Dặn xong, ông quay ra, đi về phòng nghỉ ngơi.

Lý Liên Anh uống xong cốc trà, tiểu thái giám còn lại đã dọn cơm lên rồi. Liên Anh vẫn nằm trên chiếc giường tịnh thân, thấy quả là có rất nhiều thịt cá, lại có cả món ăn mà cậu chưa biết phải gọi là gì nữa.

Hai thái giám nhỏ chăm sóc Liên Anh rất chu đáo. Một thái giám nhẹ nhàng đỡ cậu dậy, ở tư thế nửa nằm nửa ngồi, người còn lại xúc từng thìa cơm cho cậu.

Tiểu thái giám hỏi:

- Đàng ấy tên là gì?

- Em... em tên là... tiểu nhị, à, à không phải, tiểu nhị là tên nhỏ, cha em đặt tên là Lý Anh Thái. Hôm đầu vào nhà Hoàng thượng, có một chú đặt tên cho là Lý Liên Anh.

- À, ra đàng ấy họ Lý.

Liên Anh vừa ăn, vừa nghịch ngợm cầu chỉ hai tiểu thái giám, rồi quay sang hỏi thái giám cho uống trà:

- Anh tên là gì?

- là Tống Bảo Thuận.

Còn thái giám đang đút com cho Liên Anh tự giới thiệu mình: “Tớ là Lưu Thúc Thiện”. Ba cậu bé càng nói chuyện càng vui vẻ. Lý Liên Anh thực sự quên hẳn việc về nhà.

Tống Bảo Thuận, Lưu Thúc Thiện cùng nhau chăm sóc Lý Liên Anh, chuẩn bị cơm canh ngon lành, lại còn đồ phân, đồ nước giải cho tiểu Lý nữa. Khoảng một tháng sau, Liên Anh đã hoàn toàn bình phục, cái ống quân tạm thời dùng để thải nước cũng được vứt đi. Có điều, giọng nói của cậu phảng phất như giọng con gái.

Trong những năm tháng đó, phòng tịnh thân không chỉ có ở trong cung mà còn có cả ở ngoài chợ nữa, và đây cũng là một nơi làm ăn được. Nhưng phòng tịnh thân được coi là chính tông thì phải được trong cung thừa nhận và chủ phòng phải được chức quan thất phẩm tri ma. Có phòng tịnh thân của Hoa Ngũ gia ở ngõ kế toán, phía Nam đường Trường An và của tiểu đạo lưu ở xưởng gạch ngói Địa An Môn là nổi tiếng hơn cả.

Hai phòng tịnh thân này chuyên thu nạp hai loại bé trai: một loại là con nhà nghèo khó, một loại là do bọn Phách Hoa Tử đem đến. Những đứa trẻ này sau khi đã được quan thất phẩm nghiệm thu thì không phải nộp lệ phí làm thủ tục, sau đó đưa vào cung làm thái giám, mỗi tháng có thể được lĩnh ba, bốn lạng bạc, trừ hai lạng tiền phí quản lý hoặc phí phẫu thuật, số còn lại đem cho gia đình.

Cuối thời Thanh, bọn Phách Hoa Tử vô cùng ngang ngược, hoành hành khắp đầu đường cuối chợ. Thủ đoạn bắt cóc trẻ con của chúng là tẩm một loại thuốc mê vào khăn tay, sau đó dí khăn vào mặt đứa trẻ. Đứa bé ngủ vào một cái là hôn mê ngay, lập tức bị chúng bắt cóc đi. Hồi đó những gia đình mất con bao giờ cũng tìm đến chỗ Hoa Ngũ gia hoặc chỗ tiểu đạo lưu đầu tiên.

Còn Lý Liên Anh là do bố mẹ nhờ người giới thiệu, tự nguyện vào cung làm thái giám. Bố mẹ cậu cũng phải chờ nửa năm sau mới được vào cung lĩnh tiền lương của con. Sau đó họ có nhiều cơ hội hơn để thỉnh thoảng vào gặp con mình.

Khi đi vệ sinh, các thái giám cũng phải ngồi như phụ nữ chứ không đứng mà đại được. Bộ phận sinh dục của họ bị cắt đi, còn lại cũng chỉ gần giống âm hộ của phụ nữ mà thôi. Dù sao thì cũng có ngoại lệ. Tịnh thân được 8-10 năm sau, thường họ sẽ lại mọc lên một cơ quan sinh dục mới. Những thái giám trong cung đều lo sợ điều này. Trong cung đã có quy định sẽ kiểm tra thái giám theo một thời hạn nhất định, phát hiện người nào mọc lại bộ phận sinh dục thì phải đem đi cắt lại. Mà lần tịnh thân này đau đớn gấp nhiều lần tịnh thân khi còn nhỏ.

Nói về Lý Liên Anh, những ngày sau đó ở trong cung quan hệ với mọi người đều rất suôn sẻ. Khi 14, 15 tuổi, Liên Anh được An Đức Hải đưa vào cung Càn Ninh. Lúc bấy giờ ở Thượng Hải rất lưu hành một kiểu tóc mới. Phụ nữ quý tộc trong cung đua nhau để tóc theo kiểu này. Thực ra, trong cung cũng chịu ảnh hưởng rất nhiều của trào lưu nước ngoài. Thái hậu ra lệnh cho phòng thái

giám làm tóc phải ra ngoài cung học kiểu đầu mới đó. Đã mấy người được cử ra ngoài học, khi trở về cung, thái hậu vẫn không hài lòng. Lý Liên Anh biết chuyện liền bạo gan tìm Thẩm Liên Thăng, nhờ người này nói hộ với tổng quản An Đức Hải, nói là mình chắc chắn sẽ học được kiểu tóc mới về hầu hạ thái hậu. Thẩm Liên Thăng mang chuyện này nói lại với An Đức Hải, quả nhiên được chấp nhận ngay.

Lý Liên Anh ra ngoài cung, không hề đến chỗ thợ cắt tóc học nghề mà chỉ đứng ngoài cửa các kỹ viện lớn quan sát kỹ cách chải đầu của các kỹ nữ rồi quay về cố gắng khắc khổ chải theo như thế. Trong nhiều ngày, Lý Liên Anh đã mò mẫm đến rất nhiều kỹ viện và cũng có quan hệ thân thiết với rất nhiều kỹ nữ, vì thế học được cái bí quyết để chải kiểu đầu mới này. Sau đó, Liên Anh được An Đức Hải bổ sung vào phòng làm tóc cho Thái hậu.

Một hôm, thái giám trưởng phòng làm tóc sai Lý Liên Anh chải đầu cho Thái hậu. Thái hậu và Liên Anh mới gặp đã tỏ ra có duyên với nhau. Sau khi Liên Anh chải đầu xong, Thái hậu soi gương cứ tấm tắc cười rồi nói:

- Ta đã cho đổi đến mấy người ra ngoài học kiểu tóc mới mà chưa ai làm nên hồn cả. Không ngờ nhà ngươi chải được đẹp như vậy.

Thái hậu rất thích kiểu tóc mới vừa đẹp lại vừa đơn giản, không phức tạp như kiểu tóc rẽ hai ngôi của người Mãn. Sau khi chải đầu xong, Lý Liên Anh còn uốn cho tóc mai của Thái hậu cong cong rất tự nhiên. Không chỉ có thế, Liên Anh còn trang điểm rất kỹ khuôn mặt của Thái hậu. Mỗi lần chải đầu xong, Liên Anh rất chú ý xoa thêm một lớp phấn nước làm từ lá hoa hồng lên mặt và dùng miếng bông nhỏ bôi son hồng lên môi thái hậu.

## Hồi thứ bảy: HOẠN QUAN BAN NGÀY CỘT DÂM HẬU BẢO TRÌNH CẢ GAN CHÉM TIỂU AN

Trong khi luận công ban thưởng, Từ Hy cũng không quên Ngô huyện lệnh ở Thanh Giang năm xưa đã dâng lên chiếc thuyền tang của Huệ Trưng 200 lạng bạc. Bây giờ cũng đã đến lúc báo ơn. Từ Hy liền ra lệnh tra tìm Ngô Đường từng giữ chức huyện lệnh Thanh Giang để thăng chức cho ông ta.

Người có nhiệm vụ tra tìm Ngô Đường dâng sớ tâu rằng: Ngô Đường hiện đang bị bắt giam ở nha môn bộ Hình Bắc Kinh. Thì ra do tham ô những nhiều, nhân dân phẫn nộ đã tố cáo lên trên, Ngô Đường bị lôi ra xét xử và phải ngồi tù mười năm. Từ Hy biết vậy liền sai thái giám cận kề An Đức Hải bí mật đi truy xét những kẻ tố cáo và các quān đã xử tội Ngô Đường. An Đức Hải không phân biệt trắng đen thật giả, ra lệnh bắt giam tất cả những người này, sau đó, người bị giết, người bị đem bỏ tù, người thì bị đem đi đày biệt xứ.

Ngô Đường được thăng làm Tổng đốc Tứ Xuyên. Quan giám ngục tận tay đem giấy tờ đến giao cho Ngô Đường và chúc mừng ông ta. Ngô Đường ngỡ ngàng bước ra khỏi nhà lao, nghe nói triều đình thăng mình làm Tổng đốc Tứ Xuyên, ngỡ đang nằm mơ, cắn mạnh vào đầu ngón tay cái, máu chảy toé toét, đau đớn vô cùng mà vẫn không dám tin đó là sự thật. Ông ta nghi hoặc hay triều đình đã nhận nhầm người.

- Ngô Đường, người có nhớ chuyện ba năm trước, lúc còn nhận chức ở Thanh Giang đã dâng 200 lạng bạc trên bến Giang Phổ không?

Lúc đó Ngô Đường đã mê man bất tỉnh. Từ Hy chờ mãi không thấy phản ứng gì cũng thấy nghi hoặc hay người này không phải Ngô Đường? Thái hậu một mặt lệnh cho An Đức Hải đưa ông ta sang phòng phía Tây nghỉ ngơi một chút, một mặt chăm chú đọc lại hồ sơ vụ án Ngô Đường đang bày trước mặt, lòng thầm nghĩ nếu là nhầm họ nhầm tên thì sẽ đưa người này trở lại nhà giam. Nhưng sau khi đọc kỹ tập hồ sơ do An Đức Hải trình lên, Thái hậu biết người này đích thực là Ngô Đường, không sai rồi.

An Đức Hải, sau khi thấy Ngô Đường đã tỉnh lại liền vạy vạy hỏi đi hỏi lại nhiều lần, cũng khẳng định đây đúng là Ngô Đường, đã từng là tri huyện Thanh Giang, liền nói rõ cho Ngô Đường biết đầu đuôi sự việc. Ngô Đường nghe xong mới cảm thấy bình tâm trở lại. Liền đó, An Đức Hải lại đi bẩm tấu với Thái hậu. Từ Hy nghe xong, nói:

- Tiểu An Tử, hãy nói với Ngô Đường là phải giữ bí mật chuyện năm xưa dâng 200 lạng lên thuyền tang, tuyệt đối không được để người ngoài biết đầu đuôi nhé. Bảo ông ta hãy đến Tứ Xuyên nhận chức, chịu khó lập công báo hiếu triều đình, không được ngang ngược tham ô hối lộ như trước nữa.

Ngô Đường nghe An Đức Hải truyền lại ý chỉ của Thái hậu xong liền quỳ mọp xuống khấu đầu tạ ơn rồi lên đường nhận chức.

Thời gian thấm thoát thoi đưa, chỉ chớp mắt mười mấy năm đã trôi qua. Tháng 6 ở Bắc Kinh, trời oi ả như trong lò nung, người nào người ấy giam mình trong nhà. Không khí ngột ngạt, bức bối đến chốc cũng tìm chỗ râm nằm ẹp xuống lấy hơi mát của đất, thở phì phò. Hoa thạch lựu nở đỏ rực như đuốc. Hoa bìm bìm không chịu nổi cái nóng như lửa đốt buồn rầu rũ rượi là cúi cả xuống. Chiều tà, già trẻ lớn bé mới dắt díu nhau như ốc sên bò ra khỏi nhà, tìm ra hè phố hóng mát.

Mặc dù vậy, những người sống trong thâm cung vẫn hầu như không biết thiên hạ còn có thu



đông xuân hạ. Lúc đó, “chàng trai” tiểu An Tử 24 tuổi đang cùng Thái hậu trẻ Từ Hy 35 tuổi ngồi trên giường trong cung Trường Xuân nói chuyện đông dài. Hai người nhắc đến cuộc sống vui vẻ trước kia, bàn đến việc chuẩn bị đại hôn lễ cho Hoàng thượng. An Đức Hải nói:

- Hoàng thượng chuẩn bị đại hôn lễ, mà số quần áo từ Giang Nam tiến cống chẳng lấy gì làm đặc sắc cho lắm.

Thái hậu có vẻ đồng tình:

- Ô, gần đây hàng dệt của Hàng Châu, Tô Châu toàn là những thứ hàng bôi bác qua loa, không thứ gì ra hồn cả.

- Nghe nói hàng thêu ở Áo Đông rất tinh xảo, hay ta cử người đi xem xem.

- Cử ai đi bây giờ?

An Đức Hải gợi ý:

- Nếu Thánh mẫu hạ chỉ sai đại thần đi chắc chắn sẽ gây bàn tán xôn xao. Nô tài muốn tự mình đến Áo Đông xem xét hàng thêu ở đó, chỉ sợ thánh mẫu không bằng lòng.

Thực ra, tiểu An Tử cũng giống như đã số các đại thần trong cung, không say rượu thịt đầy mâm, chỉ thèm được tiêu dao sơn thủy. Từ Hy Thái hậu cũng hiểu rằng tiểu An Tử trong cung lâu ngày buồn chán, muốn được ra ngoài cho hả hê một bận. Nhưng Thái hậu không thể rời xa tiểu An Tử đến một phút, chuyện buồn, chuyện khô trong lòng cũng chỉ có thể than thở với hán mà thôi, nên nói:

- Người cũng biết rồi đấy, tổ chế triều ta không cho phép thái giám tự mình đi xa 40 mươi dặm. Nếu ta hạ chỉ cho người đi đặt quần áo cưới cho Hoàng thượng, chỉ cần một bản tấu phản đối của các đại thần là ta cũng rắc rối rồi.

An Đức Hải khôn ngoan phản đối:

- Đại hôn lễ của Hoàng đế Đồng Trị là việc lớn trong thiên hạ, vậy mà Thái hậu vẫn cứ nhắc đi nhắc lại chuyện tổ chế với tấu chương. Nô tài xem cứ kéo dài mãi thế này thì Thái hậu chẳng còn tí tự do nào cả. Thái hậu cũng biết đấy, các vương công đại thần, rồi cả Từ An Thái hậu nữa, ai cũng nói phiền phiền thôi. Vậy tại sao thánh mẫu lúc nào cũng tuân thủ tổ chế, phép tắc thế?

Tiểu An Tử vốn là kẻ ma mãnh, vậy là đã qua được cửa của Từ Hy. Thái hậu nghe hán nói xong liền phán:

- Nhà ngươi nếu muốn đi thì chỉ được bí mật mà đi thôi. Các đại thần biết được mà dâng sớ lên thì ta cũng không che chở được cho người đâu.

Trước khi An Đức Hải lên đường, Thái hậu còn lo lộ chuyện, dặn đi dặn lại An Đức Hải là: “Người chỉ nên mang theo 2 thái giám cùng đi, trên đường nhớ cẩn thận, không được xuất đầu lộ diện đâu đấy. Nhớ là nhanh nhanh mà trở lại kinh thành. Hay người cải trang thành thương nhân mà đi cho yên ổn”.

Ngày 13/8/1869 (tức ngày 6 tháng 7 năm thứ 8 Đồng Trị), An Đức Hải như ngựa sông chuồng, không quản gì đến lời dặn của Từ Hy, dẫn theo một đoàn tùy tùng, trống dong cờ mở rầm rộ kéo qua Đông Trục Môn kéo về hướng Thương Châu. Chiếc thuyền lớn xuôi dòng theo hướng Hồ Na, trên thuyền phấp phới lá cờ với hàng chữ lớn: “Khâm sai phụng chỉ đặt may long bào”. Đoàn thuyền

của An Đức Hải đi đến đâu, dân chúng như nêo đứng chặt hai bên bờ ngó nghiêng thích thú. Mỗi khi qua bất kể châu huyện nào, An Đức Hải cũng tha sức vơ vét, chán rồi mới chịu rời đi khiến ai nấy bàn tán, oán thán không ngừng.

Khi đoàn thuyền đã qua Thương Châu, đến địa giới Phủ Đức Châu, tỉnh Sơn Đông, viên tri châu là Triệu Tân Hoạch được tin thái giám An Đức Hải ngồi thuyền có cấm cờ khâm sai đại thần chuẩn bị đi qua, vội vã báo tin cho tuần phủ Sơn Đông là Đinh Bảo Trinh ở phủ Tế Nam biết, mục đích là để tăng cường bảo vệ. Đinh Bảo Trinh được tin thầm nghĩ: “Tại sao việc này không được triều đình thông báo trước? An Đức Hải là một thái giám được Từ Hy thái hậu ân sủng đưa lên làm thái giám tổng quản, nhưng dù có như vậy thì trước khi đi đâu, cũng phải có thánh chỉ của triều đình thông báo trước mới phải. Hay đây là chuyến đi bí mật. Nhưng bí mật mà lại sai một thái giám với đầy đủ cờ quạt của triều đình? Rõ ràng là làm loạn vương pháp rồi. Triều đình sao có thể coi thường tổ chế như thế!”.

Thế rồi, Đinh tuần phủ thảo ngay một bản tấu, sai người đem thẳng về Bắc Kinh báo cáo với Cung thân vương. Cung thân vương Dịch Hân hằng ngày thấy An Đức Hải quyền uy quá lớn, đến long bào của Hàm Phong, có lần Từ Hy còn cho hắn mặc thử nên cũng không có cảm tình với hắn. Các đại thần trong triều nhiều người cũng chỉ tức khí mà không ai dám nói gì cả. Thậm chí tiểu Hoàng đế cũng có phần nể sợ An Đức Hải. Một lần, khi còn nhỏ, lúc cùng tiểu thái giám chơi trò nặn đất, tiểu Hoàng đế Đồng Trị đã moi mắt của người đất, rồi chặt bỏ đầu, nói đây là đầu của An Đức Hải. Có lần, Đồng Trị vẽ một người lên giấy rồi lấy dao khoét mắt khoét mũi, cũng nói đó là An Đức Hải. Rồi có lần, Hoàng đế lặng thinh tìm đến phòng ngủ của mẫu hậu, thấy mẫu hậu và tiểu An Từ đang ôm chặt lấy nhau ở trên giường. Chính vì thế mà Từ Hy và cả An Đức Hải đều rất ghét bỏ tiểu hoàng đế.

Cung Thân vương Dịch Hân cảm thấy giật mình khi nhận được bản tấu của Đinh Bảo Trinh. Cả triều đình không ai hay biết chuyện này cả. Dịch Hân lập tức vào cung xin diện kiến Từ Hy Thái hậu, nhưng đúng lúc Thái hậu đang xem kịch trong vườn. Cung Thân vương lại vào xin gặp Từ An. Từ An Đông Thái hậu sau khi đọc duyệt bản tấu của Đinh Bảo Trinh liền nói:

- Tiểu An Từ rời cung lúc nào, tại sao ta không biết? Lẽ ra cái gì cũng phải theo luật pháp mà làm chứ! Dù sao việc này cũng nên nói qua với Tây Thái hậu.

Cung Thân vương nói:

- An Đức Hải đã vi phạm tổ chế, tự mình rời khỏi kinh thành, không coi luật pháp ra gì, tội phải nghiêm trị, Thái hậu nên lập tức lệnh cho Đinh Bảo Trinh bắt giam xử tội.

Từ An suy nghĩ hồi lâu rồi nói:

- Tây Thái hậu sủng ái nhất tiểu An Từ, nếu ta hạ chỉ nghiêm trị, sợ bà ấy không hài lòng. Vì thế, ta không tiện đứng ra xử lý việc này.

Cung Thân vương lúc ấy rất muốn mượn dao để trừ khử An Đức Hải nên nghe Đông Thái hậu nói thế lập tức tỏ ý phản đối:

- Tây Thái hậu thì cũng không được đi ngược lại phép tắc tổ tiên, coi thường gia pháp triều ta. Bây giờ có An Đức Hải thì sẽ chẳng có phép tắc tổ chế gì cả. Chuyện này Thượng mẫu Thái hậu hay Thánh mẫu Thái hậu đứng ra lo liệu được đây? Thần kính mong Thượng mẫu Thái hậu lập tức hạ chỉ xử lý việc này. Nếu Tây Thái hậu có điều gì phản đối, chúng thần sẽ đứng về chính nghĩa.

Cung Thân vương vốn là một nhà ngoại giao lão luyện nên mới vừa giờ ngôn đã khiến Đông Thái hậu không còn nói thêm gì được nữa. Để bảo vệ tôn nghiêm của mình, Từ An Thái hậu đành nói:

- Chuyện đã đến thế đành lệnh cho quân cơ thi hành chỉ dụ đem tới Sơn Đông cho Đình tuần phủ mà thôi.

Cung Thân vương lập tức lui ra, lệnh cho quân cơ thảo chỉ dụ rồi đóng ấn tín của Đông Thái hậu vào đó. Nội dung chỉ dụ đại khái là: “Thái giám An Đức Hải tự ý rời cung, nếu không nghiêm trị sẽ làm ô danh người trong cung nội. Lệnh cho đốc phủ Trục Lệ, Sơn Đông, Giang Tô sai nhân viên lập tức truy bắt, giết ngay tại chỗ, không cần báo lại thỉnh chỉ triều đình”.

Khi công văn tới phủ Tế Nam, An Đức Hải đã vượt qua ranh giới phủ này tiến về phía Nam. Đình Bảo Trinh vội sai Trình Thắng Vũ ở phủ Đông Xương truy đuổi. Nhưng Trình Thắng Vũ cũng là một tên gian狡, biết vụ án này cũng không dễ làm, giết chết An tổng quản thì đầu mình khó giữ nên cáo bệnh không dám thi hành. Đình Bảo Trinh được tin Trình Thắng Vũ bị ốm liền sai tổng binh Vương Trục dẫn binh đi vây bắt. Vương Trục là người Tào Châu, mới hơn 20 tuổi, vô cùng dũng cảm, không sợ quyền uy. Sau khi nhận lệnh người này lập tức dẫn theo hơn 100 người, ngày đêm truy đuổi, đến địa phận tỉnh Thái An mới bắt kịp được An Đức Hải. An Đức Hải thấy một đoàn người ngựa từ sau ào ào đuổi tới, không khỏi giật mình, tuy vậy vẫn đứng trên mũi thuyền cao giọng hỏi:

- Bọn cường đạo ở đâu dám đến làm loạn thuyền của lão phu? Vương tổng binh như con ngựa non không thêm sợ hổ, sẵn giọng đáp:

- Triều đình có chỉ bắt ngươi!

Tổng binh cũng biết rõ rằng thuyền này có treo long kỳ, người bên trên chắc chắn là An Đức Hải chứ không ai khác, nên hạ luôn một lệnh, đám sĩ tốt lập tức nhảy lên thuyền, trói gô tất cả bọn An Đức Hải.

An Đức Hải đâu dễ để bọn “đạo tặc” trói gô như thế, nên vừa giãy vừa chửi bới:

- Đến đương kim Hoàng thượng cũng không dám động đến ta, các ngươi dám kẻ grooms lên cổ thái tuế gia này hả? Liệu chừng kéo chết không xong đây!

Hơn 20 người tùy tùng theo An Đức Hải cả nam cả nữ đều sợ đồ mồ hôi hột, quỳ mọp xuống đất xin tha mạng. Dù vậy, Vương Tổng binh xuất thân thuộc hạng võ biên, không những thẳng tay không chừa một ai mà đến cả An Đức Hải cũng bị trói gô lôi về phủ Tế Nam.

Cả đám phạm nhân bị giải về phủ Tế Nam, đưa thẳng vào nha môn tuần phủ. Trên đường, người đứng đông nghịt như nê m cối, bàn tán xôn xao. Có người nói:

- Đình Tuần phủ lão gia bắt giữ khâm sai đại thần, lại là tổng quản thái giám nổi tiếng trong triều, những người bị bắt theo đều là nhân viên tùy tùng đây. Người khác lại nói: “Đừng có nói linh tinh, là thổ phỉ mạo danh khâm sai đại thần đây. Đám con gái kia là phu nhân bị ép buộc và con gái nhà lành bị bắt cóc đây”.

Khi cả đám phạm nhân bị giải đến trước hàm môn, Đình Bảo Trinh hỏi:

- Người dẫn đầu kia có phải An Đức Hải không? An Đức Hải giận dữ:

- Tên tiểu nhân Đình Bảo Trinh kia, mắt ngươi mù mà tìm ngươi cũng mù luôn hả? Lão phu mà ngươi cũng không nhận ra còn dám ngồi làm bù nhìn ở phủ đài à?

Đình Bảo Trinh lúc đó không hề sợ hãi, ung dung đứng lên giọng cao thánh chỉ của triều đình rồi lớn giọng đọc: “... sai nhân viên lập tức truy bắt, giết ngay tại chỗ, không cần báo lại thỉnh chỉ triều

đình”.

An Đức Hải nghe vậy mới bắt đầu cảm thấy lo sợ, nói:

- Liệu có phải triều đình nhâm lẫn hay không? Mong ngài phúc tấu hỏi lại triều đình, nếu đúng, An mỗ chết cũng không oán thán.

Đinh Bảo Trinh nghiêm giọng nói:

- “Giết ngay tại chỗ, không cần báo lại thỉnh chỉ triều đình”, người còn chưa nghe rõ à?

An Đức Hải mới giờ trò cầu khẩn:

- Thỉnh cầu đại nhân phúc tấu triều đình và Thái hậu Từ Hy, An mỗ sẽ không quên đại ân đại đức của ngài.

Đinh Bảo Trinh vẫn đanh thép:

- Đừng có lảm nhảm. Dao phủ, đem giết hắn cho ta!

An Đức Hải lại cất giọng cầu xin, nhưng chưa nói hết câu đầu đã lìa khỏi cổ. Đinh Bảo Trinh tấu báo triều đình sự việc của An Đức Hải, số phạm nhân còn lại đều bị áp giải cả về hoàng cung trị tội.

Bản tấu khi được đưa tới Bắc Kinh, Cung Thân vương đã cố ý không tìm gặp Từ Hy Thái hậu mà đi thẳng tới chỗ Từ An. Từ An Thái hậu còn chỉ thị rằng: lập tức treo cổ hai thái giám Trần Ngọc Lân và Lý Bình An, số còn lại giao cho Hình bộ, tùy theo tội trạng mà xử phạt.

## Hồi thứ tám: ĐỨC HẢI BỊ GIẾT TỪ HY RƠI LỆ LIÊN ANH THAY THẾ, THÁI HẬU HÀI LÒNG

Tin An Đức Hải bị giết truyền đến tai thái giám tâm phúc của Từ Hy thái hậu. Lý Liên Anh mừng như mở cờ trong bụng. Tuy hẳn cũng được Thái hậu sủng ái, nhưng so sánh với An Đức Hải thì Lý Liên Anh còn kém xa vài bậc. Liên Anh vội vàng bẩm báo với Thái hậu tin này. Từ Hy nghe xong, nói:

- Chuyện này là thực hay giả, sao Đông Thái hậu không nói gì với ta? Trong triều có kẻ ghen ghét tiểu An Từ cố ý bịa chuyện ra như thế, cũng không đáng để tin.

Lý Liên Anh vội tiếp:

- Nghe nói đã có đến vài đạo chỉ về chuyện này, chắc không phải chuyện bịa đâu.

Thái hậu có vẻ nghi ngờ:

- Nhà ngươi đừng có nghe hơi nôi chỗ kiêu như thế. Hãy đi thám thính xem sự thể ra sao rồi về đây bẩm báo với ta.

Từ Hy Thái hậu cũng là bí mật cho tiểu An Từ xuất cung mà thôi. Thực ra, bà ta cũng rất sợ hẳn làm loạn ngoài cung. Dù vậy, Thái hậu vẫn lo lắng hay có kẻ nào lên phụng chỉ tiểu hoàng đế, giấu bà ta mà giết chết tiểu An Từ mất rồi.

Lý Liên Anh sau đó đi thẳng đến vương phủ của Cung Thân vương, nói rằng:

- Tính khí của Tây Thái hậu, chắc Vương gia cũng rõ quá rồi. Việc lớn thế này không để Thánh mẫu biết, Thái hậu sẽ không bỏ qua đâu.

Cung Thân vương Dịch Hân nói:

- Việc xử chết An Đức Hải là làm theo gia pháp tổ chế, không có gì phải bàn cãi.

Lý Liên Anh liền bác lại:

- Nếu nói đến tổ chế gia pháp thì việc hai cung buông rèm chấp chính có phải đã tuân theo tổ chế không?

Cung Thân vương tức thời cứng họng, không nói được gì cả. Lý Liên Anh quay người bước thẳng ra ngoài. Cung Thân vương vội kéo hẳn lại, dẫn vào phòng trong, lấy ra vô số bạc vàng châu báu, mong Liên Anh nhận cho rồi giúp Thân vương toàn vẹn việc này. Lúc đó, thái độ Liên Anh trở nên vô cùng vui vẻ rồi đưa ra một kế:

- Vinh Thọ đại công chúa vốn là người luôn ở bên cạnh và được Thánh mẫu yêu thương vô cùng, sao không nhờ công chúa thu xếp cho việc này? Công chúa nếu nói không được, nô tài ở bên cạnh sẽ giải hòa cho vương gia. Sau này nô tài vẫn phải nhờ vương gia giúp đỡ, xin đừng bao giờ quên chuyện hôm nay!

Cung Thân vương có một người con gái trước đây được gả cho phò mã Chí Đoan. Nhưng Chí Đoan mệnh đoản, sau khi được một trai là Lân Quang thì qua đời theo hầu tiên tổ. Đứa con quả phụ này của Cung Thân vương được Hàm Phong lúc còn sống yêu chiều nhiều nhất. Sau khi Hàm

Phong băng hà, Từ Hy vì muốn lôi kéo Cung Thân vương nên cũng nhận cô ta làm con gái, đưa vào trong cung, phong làm Vinh Thọ công chúa.

Thực ra, Vinh Thọ công chúa cũng biết rằng cái chết của An Đức Hải là do chính cha mình sắp đặt. Hôm đó, theo lời cha, công chúa cũng vào tiếp kiến Thái hậu. Từ Hy nhìn thấy đại công chúa liền hậm hực nói:

- Cha của con làm việc hay đấy nhỉ?

Đại công chúa giả bộ ngờ ngác không biết gì. Lý Liên Anh đứng bên liền nói:

- Chuyện của An Tổng quản ấy mà.

Đại công chúa nói:

- Hôm nay có người trong cung nói qua nói lại chuyện này, thần có đi hỏi lại cha rồi. Cha nói An Tổng quản ra ngoài chơi bởi quá mức nên Tuần phủ Sơn Đông Đinh Bảo Trình đệ trình mật tấu với triều đình. Lúc đó Thái hậu đang xem kịch trong vườn, cha thần thiếp sợ kinh động Thái hậu, không dám bẩm báo nên mới chuyển qua chỗ Từ An Thái hậu, sau đó xử lý theo phép tắc tổ chế nhà Thanh ta.

Từ Hy Thái hậu nghe công chúa nhắc đến 2 từ “tổ chế”, thầm nghĩ rõ là hai cha con đã bàn bạc mớm lời cho nhau nên xui mặt xuống, nói:

- Toàn lời biện hộ cho cha ngươi thôi!

Thực ra, Từ Hy cảm thấy vô cùng tức tối, nhưng không thể nói rõ với đại công chúa biết mình đã sai tiểu An Từ ra ngoài đặt quần áo cưới cho Hoàng thượng, mọi buồn bực cứ nén chặt ở trong lòng. Đại công chúa lại quỳ xuống khấu đầu 3 lần, Từ Hy Thái hậu hậm hực nói:

- Lần này ta khai ân, nhưng về nói lại với cha ngươi rằng lần sau nếu có việc gì giấu giếm thì đừng trách ta vô tình.

Từ Hy vô cùng đau đớn trước cái chết của An Đức Hải, nhưng may có tiểu Lý Từ bên cạnh cũng khuây khỏa phần nào. Lâu dần, Thái hậu cũng dịu bớt nỗi đau trước cái chết của An Đức Hải.

Từ Hy không trút tức tối lên đầu Cung Thân vương và đại công chúa mà trút cả lên đầu Từ An Thái hậu, lúc nào cũng nghĩ đến chuyện báo thù. Ba ta cũng thường ngồi trút bầu tâm sự với Lý Liên Anh. Liên Anh nói:

- Thái hậu ân đức như biển, đã khai ân cho Cung vương gia rồi còn tức tối với Đông Thái hậu gì nữa cho mệt. Phải lấy chuyện lâu dài làm trọng.

Nhưng Từ Hy thỉnh thoảng nhớ lại khi Hàm Phong mới chết ở Nhiệt Hà, tiểu An Từ đã bí mật chạy đi chạy lại giữa Nhiệt Hà - Bắc Kinh giúp bà ta liên hệ với Dịch Hân, bàn mưu tính kế, thực hiện thành công chính biến năm Tân Hợi, nước mắt lại chảy ra giàn giụa.

Lý Liên Anh rất nhanh chóng đã hoàn toàn thay thế được vai trò của An Đức Hải. Lúc đầu tiểu Lý Từ cũng giữ phép tắc và cung kính hầu hạ Thái hậu trẻ tuổi; nhưng sau đó trong vòng lôi kéo của Từ Hy, hẳn cũng đồng lõa giờ trò má ép tay kẻ cùng Thái hậu. Từ Hy sung sướng vô cùng, truyền báo trong cung từ nay Lý Liên Anh sẽ kế chức tổng quản trước đây của An Đức Hải.

Năm 1873 (tức năm Đồng Trị thứ 12), đại hôn lễ của Hoàng đế 18 tuổi Đồng Trị được cử hành

trọng thể. Hai cung Thái hậu chấm dứt việc buông rèm chấp chính. Việc này chính thức diễn ra đúng vào ngày 26 tháng giêng và công bố cho toàn dân được biết.

Kỳ thực, việc chấm dứt buông rèm chấp chính cũng chỉ là hình thức mà thôi. Từ Hy Thái hậu đã tâm đến thế sao có thể dễ dàng từ bỏ chính quyền! Tất cả sáu chương Đồng Trị và các đại thần phê duyệt đều phải đem lên trình với Từ Hy, có điểm nào không hợp ý Thái hậu thì Tiểu Hoàng thượng sẽ bị quất mắng như một đứa trẻ, trách cứ liên hồi.

Hoàng đế Đồng Trị khi đó, dưới sự dạy dỗ của thầy giáo Lý Hồng Tảo và sự dẫn dắt của các đại thần phò chính đã có được khả năng phân tích độc lập trên một vài khía cạnh. Hoàng thượng trong lòng thầm nghĩ: Mẫu hậu đã rút lui vào hậu trường rồi, có sao can thiệp linh tinh vào việc triều chính? Ngay trong chuyện hôn nhân của mình, Hoàng thượng cũng không được tự do. Đồng Trị có một hoàng hậu và 3 phi tử: Du Phi, Tầm Phi, Tần Phi, nhưng nếu không được Thái hậu đồng ý thì cũng không được phép quan hệ với bất cứ ai cả. Hàng tháng, Hoàng thượng chỉ được quan hệ với mỗi phi một lần, với hoàng hậu 2 lần mà thôi.

Theo quy định trong cung, Hoàng thượng nếu muốn ân sủng Hoàng hậu, Hoàng hậu sẽ được ngồi kiệu hoa đưa thẳng vào tẩm cung của Hoàng thượng; còn nếu là Phi tử thì người Phi tử đó sẽ được thái giám bọc trong một tấm thảm, trên người không mặc bất cứ một loại áo quần nào cống vào trong tẩm cung của Hoàng thượng. Đến tẩm cung, thái giám sẽ đặt người Phi tử lên giường. Sáng sớm hôm sau, thái giám lại đến quỳ trước long sàng, miệng hô: “Cát lợi, hạnh phúc vô cương”, rồi nói qua bức rèm rằng: “Giờ lành đã đến, thỉnh tấu Hoàng thượng, xuân phong mấy độ?”. Thường thì Hoàng thượng không trả lời gì cả. Thái giám lại gói phi tử đó trần truồng trong tấm thảm cống về tẩm cung.

Việc được Hoàng thượng sủng hạnh, phi tử phải lột hết quần áo rồi thái giám cống vào tận long sàng là một bí mật trong cung. Thực ra đây là chế độ truyền lại từ thời hoàng đế thứ 9 Chu Hậu Tông của thời Gia Tĩnh triều Minh. Câu chuyện như sau: Chu Hậu Tông có một phi là Tào thị và một tần là Phương thị. Luận theo thứ tự, rõ ràng Tào Phi cao hơn Phương Tần một bậc. Nhưng Gia Tĩnh hoàng đế Chu Hậu Tông lại phong Phương thị làm hoàng hậu mà ghét bỏ Đoan Phi Tào thị. Tào thị ghen tức nhưng không dám ra mặt phản đối liền câu kết với Ninh Tần và hai cung nữ khác là Dao Thục Cao và Quan Mai Tú âm mưu chờ khi Hoàng thượng ngủ say, hai cung nữ này sẽ dùng sợi lụa thắt cổ Chu Hậu Tông cho đến chết.

Nửa đêm hai người rón rén luồn sợi dây lụa vào cổ Hoàng thượng và dùng sức thì nhau kéo xiết chặt. Có điều trong lúc vội vàng họ đã không buộc chặt nút thông lưng nên kéo mãi kéo mãi nút dây vẫn không chặt. Chu Hậu Tông giật mình thức dậy thấy vậy nhảy vọt ra khỏi giường.

Từ đó trở đi, Hoàng đế triều Minh không còn tin tưởng các phi, tần nữa. Họ đặt ra quy định các phi, tần khi được Hoàng thượng sủng hạnh đều phải cởi hết quần áo rồi thái giám bọc vào một tấm thảm cống đến long sàng.

Lại nói về Lý Liên Anh, sau khi An Đức Hải chết được thăng làm tổng quản, thật đúng là một bước lên tiên. Hẳn ý vào quyền lực Thái hậu, trong triều không coi ai ra gì. Các vương công đại thần ai muốn vào tiếp kiến Thái hậu đều nhất thiết phải lo cho qua cửa của Lý Liên Anh, không có sẽ được nghe câu trả lời: “Thái hậu đang nghỉ” hoặc “đang cùng triều thần luận đàm chính sự”. Mọi người ai muốn tiếp kiến Thái hậu đều phải chuẩn bị “lệ phí cửa ra vào” trước, đầu xuôi thì đuôi mới lọt.

Năm 1885 (năm Quang Tự thứ 11), quân đội Pháp tấn công Lương Sơn, xâm chiếm vùng hải khẩu Trấn Nam. Triều Thanh cử Phùng Tử Tài giữ chức quân vụ ngoài cửa khẩu Quảng Tây, lãnh đạo các cánh quân của Vương Hiến Kỳ, Vương Đức Bạng, Tô Nguyên Xuân tiến hành chống trả. Họ đã đánh bại quân Pháp ở cửa Trấn Nam. Ngày 4/4 (tức ngày 19/2 âm lịch), đại thần phụ trách ngoại giao Lý Hồng Chương ký kết “Điều ước đình chiến” với phía Pháp. Ngự Sử Chu Nhất Tân

dâng số chủ chiến, triều đình liền cử Lý Liên Anh đi tuần duyệt hải quân. Đúng lúc đó, các tỉnh Sơn Đông, Trục Lệ, Sơn Tây, Tứ Xuyên, Phúc Kiến bị nạn lụt lớn. Chu Nhất Tân liền mượn cơ đó trình lên triều đình một bản tấu chương:

“Việc tổng quản thái giám Lý Liên Anh theo Thuần Thân vương phụng chỉ đến Thiên Tân duyệt binh sẽ gây họa diệt vong như thái giám được Huyền Tông sủng ái Phúc Triết gây ra cho nhà Đường thời xưa. Gia pháp triều ta đặt ra rất nghiêm ngặt với bọn hoạn thị. Trong cung Thế Tông đã lập thiết bài nghiêm chỉnh chấp pháp. Khi Thánh mẫu Thái hậu buông rèm chấp chính, An Đức Hải đã mạo danh vì việc công trốn ra ngoài ăn chơi trác táng và đã bị nghiêm trị theo đúng luật. Nay việc Lý Liên Anh sắp cùng Thuần vương gia dâng hoàng cờ kiệu đến Thiên Tân tuần duyệt Hải quân là đề tài bàn luận râm ran trong dân chúng. Đây là điều không thể xảy ra trong triều đình, đến dân chúng cũng không thể chấp nhận. Hơn nữa, trong buổi đại lễ duyệt quân lại xuất hiện một tên hoạn quan trên lễ đài thì có còn giữ

được thể chế nghiêm túc của quân đội hay không? Chuyện giám quân đời Đường không lẽ không có ý nghĩa gì hay sao? Triều ta pháp chế nghiêm minh, không thể nhắm mắt bỏ qua việc này. Hoạn thần xưa nay giỏi việc nịnh nọt, chẳng biết việc quân, kéo bè kết đảng, gây chuyện thị phi, thường là mầm tác yêu tác quái. Hoàng thái hậu và Hoàng thượng anh minh chẳng lẽ lại bị Lý Liên Anh lừa gạt?”.

Từ Hy Thái hậu xem xong bản tấu này liền nổi trận lôi đình, sau đó cười nhạt và đưa bản tấu cho Lý Liên Anh, nói:

- Xem này, chuyện kiểm duyệt hải quân ở Thiên Tân lại trở thành cáo trạng cho khanh rồi đó.

Thái hậu nói xong liền lấy bút son phê vào bản tấu: “Ngự sử Chu Nhất Tân vu khống triều đình, đã kích nhân thân nên giáng chức giảm lương làm gương cho người khác”. Từ đó, trong cung không ai dám đã động đến Lý Liên Anh nữa.

Tháng 6 năm 1899 (tức năm Kỷ Hợi, đời Quang Tự), cây cỏ quanh thành và ngoại ô Bắc Kinh đều héo khô chết cả. Ruộng nương thôn trang đều như bị lửa thiêu úa tàn héo hết. Nhân dân đói khổ, thiếu ăn thiếu uống, bữa lưng bữa vực, người thì bán vợ đẻ con, người thì đi đào củ mài, rau dại, bóc vỏ cây qua bữa hằng ngày, xác chết đầy đường, tre mò côi đầy chợ.

Từ Hy Thái hậu là người mê tín thần phật. Trước tình cảnh đó, Thái hậu cho rằng chắc có gì đắc tội với trời nên ra sức cầu xin giảm tội. Thái sử Thẩm Bắc Sơn đã mượn cơ hội này để trừ diệt Lý Liên Anh. Ông nhờ Hộ bộ thị lang Anh Niên trình lên triều đình bản tấu hưởng ứng phong trào cầu xin giảm tội của Thái hậu. Anh Niên xem nội dung, thấy bản tấu không hề đưa ra giải pháp nào cho việc giải quyết cái nghèo, cái khó của dân chúng mà toàn là kẻ tội Lý Liên Anh nên đã từ chối không đệ lên triều đình. Thẩm Bắc Sơn tức quá liền đến Thiên Tân, đem bài viết của mình về Lý Liên Anh đăng trên một tờ báo của người Tây - báo “Quốc văn” với tựa đề là: “Một chuyện gần đây của Trung Quốc”, trong đó nêu rõ: “... Lý Liên Anh trong triều, trên dựa vào Thái hậu, dưới kéo bè kết phái, hoành hành ngang ngược, uy hiếp nhân dân, là mầm họa không thể tránh khỏi. Từ xưa đến nay trải bao triều đại Tần, Hán, Đường, Minh, tai họa hoạn quan không triều nào không có. Hoạn quan Triệu Cao nhà Tần, Tào Tiết, Trương Nhượng nhà Hán, Vương Trán, Ưng Trục, Lưu Cận, Ngụy Trung Hiền nhà Minh đều là người gây tai họa, bức hại nhân dân. Mục đích của chúng là dối lừa thiên tử, thao túng trong ngoài để đạt được ý đồ hèn hạ của mình. Ninh Tông đã chết bởi tay hoạn quan Trần Hồng Chí, Kinh Tông cũng đã chết bởi tay Lưu Khắc Minh, triều ta cũng phải hết sức cẩn thận, không thể lặp lại câu chuyện Phúc Triết một lần nữa. Gia pháp triều ta nghiêm khắc, sao có thể để một tên hoạn quan tiêu nhân bản chuyện chính sự được! Chúng ta cần phòng xa từ trước, đừng để lâm vào nạn cũ của các triều xưa. Ngày nay, Lý Liên Anh chỉ là một hoạn quan mà vai vế quyền uy vô kể. Số người bị hấn buộc tội, bãi quan, hàm oan... nhiều không kể xiết. Nghe nói tên thái giám này tích trữ hàng vạn hòm vàng bạc; nếu không phải là tham ô những nhiều thì làm sao có được số bạc vàng nhiều đến như vậy. Lý Liên Anh đã khiến cho trời cảm đất



phần, người nước trong nước ngoài bàn tán xôn xao, làm tổn hại đến uy danh Thái hậu, gây hoảng loạn cho thần dân. Tội ấy không thể dung tha. Hiện nay, cái mầm họa ấy đang lớn dần lên trong cung nội, chưa biết ngày nào phát tác gieo họa lớn cho thiên hạ. Lý Liên Anh đối với Thái hậu là con chó liếm mặt chủ, đối với Hoàng thượng cũng chẳng hề bằng mặt bằng lòng. Những năm gần đây, trên là đại thần, dưới là nô bộc, kẻ ra người lại cửa nhà Lý Liên Anh nhiều như nước suối. Những kẻ câu kết với Lý Liên Anh bẻ cong pháp luật, không coi gia pháp ra gì thì giàu lên nhanh chóng không ai ngờ được. Bây giờ không giết được Lý Liên Anh và bè đảng của hắn thì sự an nguy của Hoàng thượng thật không sao lường nổi. Nước chảy một khe lâu dần cũng thành suối thành sông. Nước trong khe đã khó chặn ngang khi đã thành suối thành sông rồi thì càng không bao giờ ngăn được. Lý Liên Anh kết bè kết đảng, lũng đoạn cả triều đình. Nay gian đảng trong triều chỗ nào cũng có, trong ngoài đều biết, chỉ lơ là một chút thì tai họa sẽ giáng xuống ngay. Lý Liên Anh chẳng qua cũng chỉ là một tên quan hoạn tiểu nhân, có gì đáng để triều đình thương tiếc? Triều ta thấy kẻ ác phải trừ ngay tận gốc, như thế mới hy vọng tồn tại lâu dài, bền vững bên cạnh Thái Sơn. Bọn gian thần hiện còn núp náu ở khắp các phủ huyện, thiết nghĩ triều đình đã tha lưới thì cố gắng đánh luôn một mẻ. Người Tây bây giờ được đăng chân, lân đăng đầu, đào bới, vơ vét bao nhiêu cũng không thỏa mãn. Lý Liên Anh sống trong triều nội nhưng cố tình nhắm mắt kéo bè kết đảng không từ bất cứ thủ đoạn nào để vơ vét cho mình. Những kẻ như vậy có bao giờ được tin dụng ở bất cứ nước nào trên thế giới đâu. Kính mong Thái hậu, Hoàng thượng ra tay diệt trừ hậu họa, đề phòng tai ương, đảm bảo sự yên ổn sau này”.

Tờ báo Quốc văn đã đăng tải toàn bộ nội dung bài viết này. Phủ Thuần Vương biết tin đầu tiên. Thuần Thân vương Dịch Huyền tâm đắc nói:

- Bài viết này hay lắm. Thảm Bắc Sơn đã dũng cảm nói hết mọi điều, không sợ hãi, giấu giếm gì cả.

Phúc tấn của Dịch Huyền sau khi xem xong nội dung bài báo, cũng cảm thấy chị mình quá mức dung túng Lý Liên Anh như vậy thì giang sơn nhà Đại Thanh sớm muộn gì cũng mất bởi tay hắn mà thôi, nên bàn với chồng rằng:

- Mau đem bài báo này vào cung bẩm với Thái hậu! Bọn bè của Thảm Bắc Sơn đều khuyên ông ta rằng:

- Sao lại liều lĩnh đến thế không biết. Thái hậu không dám chọc chạch gì đến người Tây chứ chẳng lẽ lại không dám giết ông hay sao? Ba mươi sáu chước, chước chuồn là yên ổn nhất lúc này.

Về sau, qua nhiều người thúc giục Thảm Bắc Sơn đành chạy về phía Nam. Nhưng không đầy một tháng sau bị nha môn huyện Giang tô bắt và tống giam trong ngục. Công sứ các nước hết sức quan tâm đến sự kiện này, đều tỏ ý muốn bảo vệ Thảm Bắc Sơn. Tin người nước ngoài muốn can thiệp để bảo vệ mình bay vào trong ngục. Thảm Bắc Sơn nghe được, kháng khái nói:

- Tôi là người Trung Quốc, lẽ nào lại phải dựa vào sự bảo hộ của người ngoài!

Còn chuyện Lý Liên Anh được Từ Hy Thái hậu sủng ái, ban thưởng cho mặc áo màu vàng, đầu đội mũ quan nhị phẩm đã được truyền đi khắp trong, ngoài Trung Quốc. Hơn 200 năm kể từ khi nhà Thanh nắm giữ vương quyền, Lý Liên Anh là tên hoạn thần duy nhất được sủng ái đến độ như thế. Đến cả Tiểu Hoàng thượng Đồng Trị cũng vô cùng nể sợ Lý Liên Anh. Các đại thần văn võ trong triều không một người nào dám coi thường hắn cả. Một tên đại thái giám đã một thời rộng rãi quyền nghiêng cả trong triều ngoài nội, coi trời bằng vung như vậy, sau khi Tây Thái hậu về châu trời được hai năm hắn cũng phải chịu nạn đầu lìa khỏi xác. Nhưng đó là chuyện về sau.

# Hồi thứ chín: CHƠI KỸ VIỆN HOÀNG THƯỢNG PHẢI CẢI TRANG NHIỆM GIANG MAI ĐỒNG TRỊ ĐẾ BĂNG HÀ

Mỗi khi đêm xuống Hoàng đế Đồng Trị đều cảm thấy bút rút không yên, muốn quan hệ vợ chồng với hậu, phi, tần nhưng nếu không có khẩu dụ của Từ Hy thì Hoàng đế cũng không dám dấn động gì đến cả. Chính vì thế, tình cảm giữa hai mẹ con càng ngày càng lạnh nhạt. Ngược lại, Đồng Trị luôn tìm được tình cảm yêu thương ấm áp từ nơi Đông cung Từ An Thái hậu - thứ tình cảm không bao giờ có được từ chính mẹ đẻ của mình - nên Đồng Trị càng ngày càng thân thiết với Đông cung Thái hậu. Từ Hy thì lại luôn cho rằng Đông cung Thái hậu cố tình lôi kéo Đồng Trị, gây sát mẻ trong quan hệ mẹ con, nên càng oán hận Từ An hơn trước.

Vị hoàng đế hữu danh vô thực Đồng Trị bắt quyền trong triều, trong chính trị, khủng hoảng về tinh thần nên càng ngày càng không màng gì đến chuyện triều chính nữa. Hoàng đế Đồng Trị đã thực sự “bãi công” trong công việc chính trường. Từ khi nhà Thanh bắt đầu chấp chính, đây cũng là vị hoàng đế đầu tiên như thế.

Đồng Trị sống mãi trong thâm cung như ếch ngồi đáy giếng, không biết rằng bên ngoài cung còn có một thế giới đảo điên rộng lớn. Đồng Trị thường rất thân thiết với Tải Đăng, con trai của Cung Thân vương. Một hôm, Đồng Trị tò mò hỏi:

- Này Tải Đăng, khanh chắc là biết thế giới bên ngoài đại nội thế nào nhỉ?

Tải Đăng nghe thế lập tức thấy phấn chấn hẳn lên, hai mắt như nhảy múa, quay sang nói với Đồng Trị:

- Trời ơi, Hoàng thượng không biết đấy thôi, bên ngoài cung cái gì cũng có, hay ho vô cùng! Bên ngoài tiền môn có một chỗ vô cùng náo nhiệt, cứ đi thẳng phía đó rồi rẽ theo hướng Nam sẽ đến Thiên Kiều...

Tải Đăng đang nói dở, Đồng Trị liền ngắt lời:

- Thiên Kiều đó cao bao nhiêu, có thể lên trời không?

- Troi ơi, chỉ là một cái cầu đá to, rộng một tí thôi.

- Sao không dẫn lên trời mà vẫn gọi là Thiên Kiều?

- Hoàng thượng lại không hiểu rồi. Hoàng thượng thường được xưng tụng là Thiên tử. Cửa phía Bắc hoàng cung chúng ta gọi là Thiên An Môn. Từ Thiên An Môn nhìn về phía Nam thì thấy Vĩnh Định Môn. Bên ngoài Vĩnh Định Môn có một con sông. Dân chúng muốn vào được thành Bắc Kinh, nhất thiết phải vượt qua con sông ấy. Về sau đã xây một cây cầu qua sông, đặt tên là Thiên Kiều với ý nghĩa là cầu hướng tới nơi ngự của Thiên tử.

Hoàng thượng vỡ lẽ:

- À, hóa ra là như thế. Vậy khanh mau nói cho ta biết ở ngoài đó náo nhiệt như thế nào?

- Ngay ở chỗ Thiên Kiều đã có thuyết thư, hát kịch, múa gậy, ảo thuật, phim kéo, có cả tấu, cả hàng bán sữa đậu, có thiếu nữ hát múa v.v..., náo nhiệt vô cùng. Quần áo bách tính bình dân mặc

không giống như trong cung ta, Hoàng thượng mà nhìn thấy chắc chắn sẽ thích thú lắm.

Tiểu hoàng đế Đồng Trị nghe Tái Đăng nói vậy tim đập rộn ràng như muốn bay ngay ra khỏi cung cấm, vội kéo tay Tái Đăng nói:

- Mau dẫn ta ra ngoài cung cho vui vẻ đi.

Tái Đăng đáp:

- Không được. Nhỡ bọn thái giám coi cửa biết được, tâu lên với Thái hậu thì nô tài chịu sao hết tội?

Đồng Trị nghe Tái Đăng nói vậy bỗng hãi hùng run rẩy như con sâu bị thả vào lòng chim

- Được rồi, được rồi.

- Tái Đăng gõ đầu reo lên, rồi ghé sát vào tai Hoàng thượng nói nhỏ.

- Đợi đến khi trời tối, chúng ta sẽ hóa trang rồi chuồn ra khỏi cung.

Đồng Trị nghe vậy liền vỗ tay sung sướng, gật đầu khen hay.

Chờ mãi rồi cũng đến tối. Đồng Trị và Tái Đăng mỗi người đội lên đầu một cái mũ quả dưa, chân chửi lúc lâu ở phía trong Ngọ môn rồi cả hai run rẩy bước ra ngoài. Thái giám gác cổng tuy có nhận ra Tái Đăng nhưng vì sợ nên không dám ho he gì. Hắn nghĩ rằng chắc Tái Đăng lại rủ rê bạn bè trác táng ra ngoài chứ nằm mơ cũng không dám nghĩ đây chính là đương kim Hoàng thượng.

Hai người bá vai nhau ra khỏi Ngọ môn, Đoan môn, qua cả quảng trường Đại Thanh môn tới Chính dương môn, thấy đoàn đoàn tốp tốp người cùng nhau đi chơi đêm, thật vui vẻ vô cùng. cả hai lẫn vào trong đoàn người. Trên đường, tiểu hoàng đế Đồng Trị hết ngó đông lại nhìn tây, thấy tâm hồn cực kỳ thư thái. Nhưng dù cho bên ngoài cung có hấp dẫn đến chừng nào, hai người cũng không dám chơi lâu. Ngộ nhớ có ai đó trong cung nhìn thấy hoặc Thái hậu có việc đòi triệu kiến Hoàng thượng thì sự tình sẽ không dễ dàng giải quyết được. Hai người chỉ dám loanh quanh không đầy một canh giờ liền vội vàng quay về cung cấm.

Sau khi trở về, Hoàng thượng càng cảm thấy không thể chịu đựng hơn nữa cái không khí lạnh lẽo, âm ỉ và cô hủ trong cung, lúc nào đầu óc cũng muốn hướng ra thế giới bên ngoài kỳ diệu mà mình đã một lần được thưởng thức, ngắm nghía.

Hai hôm sau, Đồng Trị và Tái Đăng liền kể cho hai tên tiểu thái giám Văn Hi và Quế Bảo nghe những gì đã thấy ở ngoài cung. Văn Hi 17 tuổi, vốn đã trải qua cuộc sống bên ngoài nên lập tức hưởng ứng, nói:

- Cảnh đêm mà vạn tuế vừa nói đó cũng thường thôi. Nếu từ đó đi thẳng theo hướng Tây Nam sẽ đến 8 ngõ lớn rất nổi tiếng. Trong số đó có ngõ Thạch Đầu, bên trong toàn là kỹ viện. Đến đây chơi thì mới thực là sung sướng.

Đồng Trị chớp mắt, buồn buồn hỏi:

- Sao lại gọi là kỹ viện?

Văn Hi đáp:

- Đây là nơi tập trung rất nhiều cô nương xinh đẹp.
- Các cô nương ở đó làm gì?
- Họ nhìn thấy những người có tiền thì tiếp đón rất nồng nhiệt.
- Sao lại phải tiếp đón? Tiếp đón như thế nào?
- Đủ cả ăn, uống, chơi bời, nghe hát, sung sướng lắm ạ.

Hoàng đế Đồng Trị trong hoàng cung đã buồn đến tận xương tận tủy rồi nên nghe Văn Hi nói như vậy càng muốn đi tìm một nơi để vui vẻ chơi bời. Hoàng đế sống mãi trong hoàng cung thật đúng như sống trong một chiếc lồng, không được hưởng một tí tự do nào cả. Đồng Trị khơi nào:

- Đi, họ cần bao nhiêu nguyên bảo, kim định, chúng ta sẽ cho bấy nhiêu. Rồi quay sang nói với Tái Đăng:

- Tối mai, bốn chúng ta sẽ cải trang rồi ra khỏi cung.

Tái Đăng đáp:

- Nô tài không cần hóa trang. Nô tài thường xuyên dẫn người ra vào cung, bọn coi thành đều sợ nô tài như sợ cọp. Vạn tuế và Văn Hi, Quê Bảo có thể cải trang rồi cùng lên ra khỏi cung. Cứ đút cho bọn chó canh cổng mỗi đứa một ít kim định, nói là thưởng cho chúng, là không còn phải sợ hãi gì cả. Có điều nhất định không thể để chúng nhận ra Vạn Tuế, vì như vậy không dễ đối phó đâu.

Đồng Trị nói:

- Trước lúc xuất cung, trăm sẽ chuẩn bị sẵn kim định cho khanh. Đến lúc ấy, khanh thưởng cho họ là được rồi.

Chiều tối hôm sau, cả bốn người ra khỏi cung một cách dễ dàng. Văn Hi đi đầu, dẫn mọi người đi dạo một vòng xem phố phường náo nhiệt, rồi đi về phía Tây tìm đến ngõ Thạch Đầu. Các nhà trong khu phố này đều treo đèn, kết hoa trước cửa, cả khu phố đèn đuốc huy hoàng. Trên mỗi chiếc đèn lồng trước cửa đều có những chữ như: phường Túy Hi, phường Túc Tương, phường Tử Quyên, phường Thuyền Quyên v.v... Chữ được viết theo kiểu phỏng Tống. Hai bên cửa lớn còn treo cả câu đối chữ hồng nữa.

Bốn người chậm rãi bước vào phường Túy Hi. Đồng Trị nhìn hai hàng câu đối treo ngoài cửa:

“Hữu gia lộc ngọc vi kiều nữ

Hoa lí tâm sư đáo hạnh đàn” liền nói:

- Đôi câu đối này không chỉnh, về trên ăn trộm tứ thơ của Liễu Tông Nguyên, về dưới ăn trộm tứ thơ của Tiền Khởi.

Tái Đăng tiếp luôn:

- Đây là sưu tập Đường Thi một cách tinh xảo, sao gọi là ăn trộm?

Đồng Trị hoàng đế nghe vậy mất hứng, quay đầu lại nhìn Tái Đăng, trên mặt lộ vẻ không hài lòng. Tái Đăng lập tức tỉnh ngộ. Như vậy là mạo phạm lời vàng ý ngọc của Hoàng thượng nên vội

chấp tay nói khẽ:

- Xin Hoàng thượng tha tội, nô tài mạo phạm.

Quê Bảo đứng bên cạnh biết Tái Đăng xưng hô như vậy ở nơi này không hay liền nói chêm vào:

- Ở đây vui thật, vui thật đấy! Văn Hi cũng nói:

- Phường Túy Hi là phòng trà cao cấp. Chúng ta mau vào trong đi.

Cả bốn người hòa nhập cùng những khách làng chơi khác vào sâu trong phường Túy Hi. Chủ phường thấy bốn thanh niên ăn mặc có vẻ khác người, nghĩ thầm đây chắc chắn là công tử nhà quan, nên lập tức ra lệnh đưa họ lên phòng của Xuân Hương cô nương. Đây là căn phòng ba gian, hai sáng, một tối ở phía Bắc, ngay cạnh hành lang. Trong phòng đèn bật sáng trưng. Giữa phòng là một bàn bát tiên mặt đá có chạm hoa văn, hai bên là hai ghế tựa có đệm thêu hoa mẫu đơn. Trên bàn bày sẵn hai đĩa sứ trắng men hoa nền đỏ tím, đựng đầy hoa quả. Dụng cụ uống trà, hút thuốc cũng đã được chuẩn bị đầy đủ. Có một cái giá xinh xắn đóng theo kiểu cầu thang bằng gỗ gụ đặt dựa vào bức tường phía Đông, tầng dưới là sách vở ngay ngắn, tầng trên là vài thứ đồ cổ xinh xinh, trên cùng là một chiếc đồng hồ báo thức của Tây. Sách vở và đồ trang trí trong phòng chắc chắn được tặng bởi các công tử lãng mạn con quan hay các chính khách phong lưu thời thượng. Bốn góc gian phòng ngoài đều đặt các giá hoa, trên là bốn bình hoa tươi, hương thơm ngan ngát. Một chiếc bàn viết đặt trước cửa sổ, giấy, nghiên, bút, mực đầy đủ cả. Bên cạnh bức tường ngăn có một chiếc tràng kỷ, trên tràng kỷ đặt một cây đàn cổ. Trên tường có treo hai bức tranh chữ của danh nhân; một bức tranh sơn thủy của Ngô Lịch, bức còn lại là tranh mã nữ được dán bởi kiểu giống tranh cổ, chữ ký bên trên mờ không rõ nên cũng không biết được là tranh của ai.

Chủ phường cao giọng gọi: “Xuân Hương tiếp khách”. Trước mắt bốn người, một tuyệt đại mỹ nhân 17, 18 tuổi thông thả từ phòng trong bước ra. Hai lọn tóc nhỏ búi trên đầu cộng với vẻ đẹp hoa nhường nguyệt thẹn cùng tư thế mảnh mai thướt tha như Đại Ngọc hợp hết hồn của bốn chàng trai. Nàng mặc trên mình chiếc áo kép cổ cao màu xanh nhạt thêu hoa dáng điệu mảnh mai, tha thướt, yếu điệu vô cùng. Hoàng đế Đồng Trị không ngăn nổi thích thú nhìn một lượt từ đầu đến chân và phát hiện đôi giày đoan thêu hoa màu đỏ xinh xinh dưới tà váy màu thanh lưu. Hoàng đế mỉm cười, tinh nghịch nghĩ rằng: Thảo nào các thái giám gia trong triều nhắc đi nhắc lại rằng tiên đế Hàm Phong khi còn sống thích nhất là đôi chân bó nhỏ của gái Hán. Đúng lắm, quả không sai tí nào!

Xuân Hương mời cả bốn người vào phòng trong. Đồng Trị lúc ấy hồn vía đã lơ lửng tận tâng mây lúc nào không biết nữa rồi.

Phòng ngủ trong cùng có một chiếc bàn trang điểm khắc chạm tinh xảo kê đối diện cửa ra vào, một chiếc giường tương phi kê ở phía Bắc và một bàn viết ở bên cạnh cửa sổ, trên bàn có một bức tranh tổ nữ đang vẽ giờ, chắc chắn do Xuân Hương vẽ. Đồng Trị hỏi:

- Đây là tranh ai vẽ?

Xuân Hương đáp:

- Vẽ cho vui thôi, xin đừng cười.

Nói rồi mời bốn người ngồi xuống. Xuân Hương qua trang phục của 4 người, cũng đoán ra là hai chủ hai tớ.

Đồng Trị mặc một chiếc áo khoác ngắn bằng lụa màu tím, buộc thắt lưng màu xanh da trời, đầu đội mũ quả dưa bằng đoan xanh có đính viên hồng ngọc; Tái Đăng cũng mặc một chiếc áo khoác ngắn bằng lụa màu nâu, thắt tím, đội mũ có đính viên ngọc xanh. Hai người ngồi trên giường, còn

Xuân Hương ngồi giữa, kiêu ngả ngả, nửa ngồi nửa nằm tựa trên chiếc gối thêu hoa hai tay ôm chặt Đồng Trị và Tái Đăng. Lúc đó, Đồng Trị và Tái Đăng chẳng còn phân biệt chủ tớ gì hết.

Văn Hi và Quý Bảo mỗi người mặc trên mình một chiếc áo kép dài bằng vải xanh, lưng đeo thắt lưng màu đen, chấp tay cung kính đứng ở 2 bên. Đồng Trị quay sang bảo họ ngồi xuống. Hai người vái một vái rồi mới lần lượt ngồi xuống hai cái ghế bên cạnh bàn sách.

Chủ phòng đưa lên một chiếc cặp lồng, trong đựng đầy ngô sen, hạt sen tẩm đường, đào chín cùng táo, lê, dưa v.v... Xuân Hương cầm con dao bạc cắt chiếc ngô sen ra làm đôi rồi đưa vào tận miệng Đồng Trị, Tái Đăng mỗi người một miếng. Đồng Trị, Tái Đăng ngoan ngoãn há miệng như chim non chờ chim mẹ mớm mồi. Xuân Hương quay sang nhìn Văn Hi, Quý Bảo nói với họ.

- Xin mời tự nhiên, chớ cho một lát.

Văn Hi và Quý Bảo đều ngượng đỏ cả mặt, nói: “vâng, không sao ạ”. Xuân Hương đặt con dao bạc xuống bàn, nhặt một hạt dưa lên miệng xinh xắn, nhả bỏ vỏ rồi ôm chặt lấy cổ Đồng Trị, đẩy nhân hạt dưa ra đầu lưỡi, nhẹ nhàng đưa sang tận miệng Đồng Trị. Đồng Trị thích thú đón lấy hạt dưa. Đối với tiểu hoàng đế, đây là lần đầu tiên được hưởng thụ theo kiểu độc đáo thế này. Xuân Hương lại nhặt một hạt dưa nữa rồi quay sang với Tái Đăng. Nhưng Tái Đăng đã quá quen, lập tức hôn chặt đôi môi Xuân Hương, mãi không chịu buông tay khỏi cái cổ trắng ngần của người đẹp. Đồng Trị thấy vậy liền hiểu ngay. Lần thứ hai khi Xuân Hương đưa hạt dưa vào cổ mình thì tiểu Hoàng đế không phí phạm bỏ qua nữa, lập tức ôm thật chặt và hôn lên môi Xuân Hương một cái hôn dài không dứt.

Xuân Hương đứng lên khỏi chiếc giường trúc, đi ra phòng ngoài mang hai bát trà vào, đưa lên tận tay Đồng Trị và Tái Đăng rồi lại quay ra rót hai cốc nhỏ đặt lên bàn trước mặt Văn Hi và Quý Bảo, nói:

- Phiên hai vị phải đợi lâu, xin mời uống trà!

Văn Hi và Quý Bảo nhấp một ngụm nước rồi cũng nói: “Xin cứ tự nhiên, cảm ơn nhiều”.

Văn Hi thấy Đồng Trị đã uống hết bát trà liền gơ hai tay đỡ lấy bát. Quý Bảo cũng bước tới trước mặt Tái Đăng đỡ cái bát bưng ra ngoài. Xuân Hương ngả người giữa Đồng Trị và Tái Đăng. Đồng Trị cất tiếng hỏi về cuộc sống thường nhật của người dân. Có nhiều chuyện Đồng Trị nghe mà chẳng hiểu gì hết. Đến lúc Xuân Hương hỏi quý danh và tuổi tác của công tử, Tái Đăng sợ Đồng Trị lơ miệng liền đáp:

- Chúng tôi là anh em con chú con bác, cùng họ Giả và bằng tuổi nhau, năm nay mười bảy.

Văn Hi và Quý Bảo khi nghe Xuân Hương hỏi đều sợ toát cả mồ hôi, nghe Tái Đăng trả lời như vậy mới yên tâm trở lại.

Xuân Hương cũng không phải dạng bình thường. Nàng cũng đã học được trong số khách quen của mình rất nhiều điển tích, thơ ca. Đồng Trị đã trả lời trôi chảy tất cả các câu hỏi của Xuân Hương. Chính vì vậy, cả hai người trong lòng đều có vẻ tiếc là đã gặp nhau quá muộn.

Chẳng mấy chốc đã đến 12 giờ khuya, Tái Đăng lo sợ nói với Đồng Trị:

- Khuya quá sợ không vào được đâu.

Đây là câu nói “lóng” của 2 người. Xuân Hương nghe chẳng hiểu gì cả. Đồng Trị đáp:

- Vội gì. Cứ bọn chó giữ cổng một kim định là được rồi.

Xuân Hương nghe nói: “Chó giữ cổng” “kim định” càng không hiểu gì hết.

Bốn người còn chơi một lúc nữa trong phòng rồi mới đứng lên đi về. Khi sắp ra ngoài, Đồng Trị rút trong người ra 2 đồng kim định đặt trên giá sách. Xuân Hương nhìn thấy giật mình: Từ ngày vào kỹ viện đến giờ mới thấy một vị khách hào phóng đến thế.

Cả Đồng Trị và Tài Đăng đều cảm thấy rung động trước Xuân Hương. Cả hai đều nghĩ trong bụng rằng: lần sau sẽ đến một mình chứ không gọi kẻ kia đi cùng nữa. Cả hai người đều có ý “rượu ngon giữ uống một mình”.

Chập tối hôm sau, Tài Đăng một mình đến phòng Túy Hi gặp Xuân Hương. Xuân Hương thấy tài chủ đến, tiếp đón vô cùng nhiệt tình. Xuân Hương hỏi:

- Người anh em của công tử sao không đến?

Tài Đăng đáp:

- Anh ta có thú vui khác rồi. Đừng hỏi đến anh ta làm gì cho mệt.

Tối ấy Tài Đăng mang theo toàn tiền lẻ, xúng xoảng xúng xoảng trong túi. Xuân Hương lại nghĩ Tài Đăng mang nhiều kim định hơn tối hôm qua, nên khéo léo nói:

- Đồ công tử mang theo đừng để trong người, cứ bỏ ra một chỗ, khi về lại lấy đi có được không?

Tài Đăng nói:

- Chẳng giấu nàg, hôm nay ta mang theo hơn một lạng bạc. Xuân Hương nghe nói đến “bạc” trong lòng có vẻ không vui.

Tài Đăng nói:

- Túi bạc này nàg cứ cầm cả đi.

Xuân Hương lập tức nhận ngay:

- Được rồi, vậy để đây nhé.

Tài Đăng cũng gấp gáp không kém:

- Tối nay chỉ có hai chúng ta thôi.

Vừa nói, vừa dè Xuân Hương nằm hẳn xuống giường.

Xuân Hương khéo léo:

- Công tử hôm qua nho nhã biết bao, sao hôm nay lại trở nên như vậy?

Đúng lúc hai người đang bước vào ngưỡng cửa của kẻ mua người bán thì có tiếng gọi to ở cửa, một người xông xộc từ ngoài chạy vào. Người đó chính là hoàng đế Đồng Trị.

Hóa ra, Đồng Trị cũng đợi đến khi trời tối, móc vài thứ nguyên bảo, cố làm ra vẻ đường hoàng

oai phong nói với bọn thái giám canh công:

- Trẫm đi tìm Tái Đăng, mấy người không được nói năng gì đâu đấy. Thái hậu mà biết ta sẽ lấy đầu các ngươi.

Bọn thái giám sợ hãi vâng dạ liên hồi.

Đồng Trị một mình đến phường Túy Hi, vào phòng của Xuân Hương, thấy Tái Đăng và Xuân Hương gần gũi nhau qua mức, không kìm được tức giận mắng vào mặt Tái Đăng:

- Mau cút đi!

Tái Đăng thấy Vạn tuế gia gia đến vội vàng buông Xuân Hương, nhặt vội quần áo và cả bao bạc biến sang phường Từ Quyên.

Sau khi Tái Đăng đi rồi, Đồng Trị mới hỏi Xuân Hương:

- Sao nàng lại cởi quần áo cùng ngủ với hắn?

Xuân Hương lúc trước đã âm ức trước thói thô lậu của Tái Đăng, lại nghe

Đồng Trị có ý trách, không kìm được nữa khóc òa lên:

- Không phải thiếp cởi quần áo mà là người anh em của chàng không giữ khuôn phép. Thiếp đang cố thoát khỏi anh ta thì chàng đến. Anh ta vẫn chưa đạt được tham vọng của mình. Hôm nay anh ta biến thành một người khác hẳn, không giống tôi qua tí nào cả.

Đồng Trị Hoàng đế thì vẫn như tôi hôm qua điềm đàm ngồi nói chuyện với Xuân Hương về thơ ca và các danh nhân. Thực ra hoàng đế đến kỹ viện vì trong hoàng cung buồn đến nỗi không chịu được nữa, muốn ra ngoài cho thoải mái ma thôi. Xuân Hương thấy Đồng Trị lấy lễ đãi người, giữ đúng phong độ của công tử trong môn phủ, cảm thấy mến phục vô cùng. Nhưng nàng cũng cảm thấy khó chịu vì Đồng Trị chẳng đoái hoài đến chuyện ái ân. Hai người ngồi nói chuyện suốt hai canh giờ. Rồi Đồng Trị đứng dậy nói là phải về cung. Xuân Hương không muốn vậy nên cố nài:

- Già công tử, chẳng lẽ ngài không nể mặt Xuân Hương một chút sao? Đồng Trị đáp:

- Ta đến đây song thân đều không biết gì cả. Nếu đêm nay không trở về thì chắc chắn sẽ bị trách mắng.

Xuân Hương nghe vậy biết chẳng thể giữ được công tử rồi. Trước khi ra về, Đồng Trị để lại bốn vật nguyên bảo. Xuân Hương thấy vậy hỏi:

- Già công tử, đừng để nhiều thế lại đây. Thiếp nhận một cái đã là nhiều quá rồi.

Đồng Trị đáp:

- Nhà ta có cả kho vàng kho bạc, một tí nguyên bảo này chẳng đáng gì đâu.

Xuân Hương nhắc nhở tới mai nhất định phải đến. Đồng Trị gật đầu đồng ý.

Đồng Trị về rồi, Xuân Hương trở lại trong phòng, suy nghĩ miên man: chẳng lẽ cả đời làm kỹ nữ hay sao? Cá chậu, chim lồng sao bằng cảnh tự do tự tại! Trong lòng cô gái thầm mong được hoàn lương cùng vị công tử trung hậu họ Giả.



Tối hôm sau, Đồng Trị lại tìm đến phường Túy Hi. Xuân Hương thấy công tử đến, bất giác rơi nước mắt. Đồng Trị thấy vậy không hiểu chuyện gì đã xảy ra, vội hỏi:

- Sao nàng lại khóc? Nàng có tâm sự gì? Hay ai đã bắt nạt nàng rồi? Xuân Hương gạt nước mắt, nói:

- Không phải. Thiếp nhìn thấy công tử nên chạnh lòng nghĩ đến thân thế nhà mình. Cha thiếp trước là quan lục phẩm, một tri sự huyện ở Giang Tô. Nhưng tuần phủ Giang Tô độc ác nói cha thiếp cấu kết với quân Thái Bình. Thế là triều đình hạ chỉ chém đầu cả nhà. Lúc đó thiếp đang ở với bà ngoại ở huyện Đôn Đồ nên tránh được cái chết. Rồi ông bà ngoại thiếp lần lượt qua đời. Khi 16 tuổi, thiếp bị anh họ hiếp dâm, sau đó đem bán vào phường kỹ nữ. Từ con gái của một thi thư đạt lễ thiếp trở thành kỹ nữ trong phường, lòng thiếp lúc nào cũng muốn thoát khỏi bể khổ nơi đây, xin công tử hãy cứu thiếp ra.

Đồng Trị nghe xong câu chuyện, biết thảm họa nhà Xuân Hương là do tiên đế Hàm Phong gây ra, trong lòng cảm thấy xót thương. Nhưng khi nghe Xuân Hương cầu cứu mình đưa cô ta ra khỏi kỹ viện thì Đồng Trị bỗng thấy bối rối. Rõ là có lòng, nhưng hoàng đế biết mình không làm được điều ấy, đành lựa lời khuyên giải Xuân Hương:

- Tôi hiểu được cảnh ngộ của nàng. Nhưng nhà tôi nền nếp khát khe, mẹ tôi còn ác hơn hổ báo. Nếu tôi đưa nàng về, bà sẽ chẳng dung tha cho nàng đâu. Tôi khuyên nàng hãy chọn lựa kỹ càng trong những khách làng chơi xem có ai thật tâm, lương thiện thì thương lượng với người ta. Nếu người ta bảo đảm được sau khi đón nàng về, nàng không bị bỏ mẹ và vợ cả lấn át thì hãy đồng ý. Nếu người ấy chưa thành thân với ai, đón nàng về cưới làm vợ cả là tốt nhất.

Xuân Hương đáp:

- Thiếp hiểu lời của công tử rồi. Thiếp biết là gia đình công tử nền nếp khát khe. Nhưng công tử so sánh mẹ mình với hổ báo thì có gì đó không ổn.

Đồng Trị đáp:

- Ta nói lỡ lời rồi. Sau này ta sẽ nói cho nàng biết gia đình ta là một gia đình thế nào. Hôm nay ta không nói cho nàng nghe được.

Xuân Hương hỏi:

- Vậy khi nào chàng có thể nói cho thiếp nghe?

- Khi ta đến gặp nàng lần cuối.

- Vậy từ giờ công tử ngày nào cũng phải đến đây cơ.

Đồng Trị đáp:

- Dĩ nhiên rồi!

Từ đó, Đồng Trị đã mua được bọn thái giám canh cổng, tối nào cũng vậy, đúng giờ đúng khắc lại tìm đến phường Túy Hi gặp gỡ Xuân Hương. Có hôm còn dám ngủ lại trong phường Túy Hi. Chính vì vậy, Hoàng đế cũng cảm nhận rõ thế nào là “hoa đại thơm hơn cả hoa hồng”.

Nhưng có một hôm, Đồng Trị bước vào ngõ Thạch Đầu thì gặp ngay một vị đại thần đã gần sáu mươi tuổi, cũng xuống kiệu và đi thẳng vào phường Túy Hi. Đồng Trị núp trong bóng tối, cố nhìn

kỹ, nhận ra đó là đại thần Hoát Lộc. Vị đại thần này mắt mờ chân chậm, đương nhiên chẳng thể nhìn ra tiểu Hoàng đế Đồng Trị cũng đang ở đây. Đồng Trị thấy rõ ràng ông ta đã đi vào căn phòng phía Đông rồi mới vội vàng chạy thẳng vào phòng của Xuân Hương, tìm đập thành thích, mặt mày hoảng hốt. Xuân Hương thấy vậy sinh nghi, hỏi:

- Công tử sao có vẻ hoảng hốt như vậy?

Đồng Trị không trả lời mà hỏi lại.

- Cô gái ở phòng phía Đông kia tên là gì?

Xuân Hương nghĩ Đồng Trị có tình ý gì với người khác nên lộ vẻ ghen tuông nói:

- Công tử lại muốn có mới nới cũ rồi phải không?

- Ái chà, nàng lại nghĩ đi đâu rồi đó. Vừa nãy ta nhìn thấy một người quen đi đến căn phòng phía Đông.

- Người đó khoảng bao nhiêu tuổi?

- Gần sáu mươi.

- Công tử quen ông ta à?

- Là... là... là bạn.

- À vậy thiệp hiệu rồi. Có phải công tử có quan hệ với trong cung không?

- Không, chẳng có quan hệ gì cả.

Xuân Hương nói:

- Phường Túy Hi có một người tên là Linh Long được một đại thần trong triều đình bao trọn gói. Chẳng ai biết tên của đại thần này cả. Công tử quen được đại thần trong triều nên tôi đoán là có quan hệ với hoàng cung. Hôm trước công tử cũng nói nhà mình có kho vàng, kho bạc. Ngoài hoàng gia, ai có thể có ngân khố, kim khố được!

Đồng Trị nghĩ thầm: Xuân Hương suy đoán giỏi lắm. Cô ta đã đoán ra mình có quan hệ mật thiết với hoàng gia thì mình chẳng thể đến phường Túy Hi nữa rồi. Hoàng đế quyết định nói thật với Xuân Hương nên hỏi:

- Xuân Hương, nàng có tin ta không?

- Từ trước đến giờ Xuân Hương có lúc nào không tin công tử?

- Nàng tin ta thật, ta sẽ nói thật cho nàng biết. Nhưng nàng nhớ phải giữ kín chuyện ta nói. Ngộ nhờ người khác biết được thì sẽ xảy ra chuyện lớn đấy.

- Xuân Hương đảm bảo sẽ không nói cho người khác biết, được chưa?

- Thật không?

- Công tử vẫn chưa tin sao?

- Nói thật với nàng, Linh Long đã được vị đại thần kia bao toàn bộ rồi. Điều đó có nghĩa là ông ta sẽ thường xuyên đến đây. Nếu ta đến đây bị ông ta nhận ra thì sẽ chẳng hay chút nào.

- Sao lại chẳng hay chút nào?

- Nàng sẽ thề với ta một chuyện nhé!

- Quan trọng đến thế kia à?

- Ừ.

- Được rồi.

Và Xuân Hương quỳ thật xuống đất, nói:

- Trên có Quan thế âm bồ tát chứng giám. Những bí mật mà công tử nói với tôi, nếu tôi để lộ ra sẽ không được chết yên ổn.

Xuân Hương thề xong, đứng dậy hỏi:

- Công tử đã yên tâm chưa?

Đồng Trị gạt đầu, gạt nước mắt, nói:

- Xuân Hương, tối nay ta đến đây để từ biệt nàng...

Xuân Hương thấy công tử rơi nước mắt cũng bối rối không yên.

Đồng Trị lại tiếp:

- Hôm nay ta đem đến cho nàng 5 thứ nguyên bảo nữa. Nàng phải cố tìm cách hoàn lương cùng một người khách nào đó trung hậu, lương thiện. Ta... ta không phải là công tử họ Giả, mà là... là đương kim Hoàng thượng... Đồng Trị...

Xuân Hương nghe vậy vội vàng quỳ xuống, nói:

- Tiểu dân không biết, thật là có tội. Rồi dập đầu nhận lỗi.

Đồng Trị nói:

- Không thể trách tội nàng được. Nàng không có tội. Người có tội chính là ta. Ta ở trong cung luôn luôn bị áp chế, cảm thấy trong lòng khổ sở nên lên ra ngoài cung cho vui vẻ một chút.

Xuân Hương nghe xong, nói:

- Đúng là Hoàng thượng và tiểu dân đều là những người cùng hoạn nạn. Nhưng cho dù có như thế, tiểu dân cũng không được chuyện trò dông dài với Hoàng thượng.

Đồng Trị ngắt lời:

- Nàng nên nhanh chóng chọn lấy một người tri âm tri kỷ mà thoát khỏi bể khổ này.

Xuân Hương đáp:

- Vâng. Trước kia, ông anh họ sau khi hãm hiếp đã bán dân nữ với giá 100 lạng. Khi ở đây, tiền phòng khách trả đều bị chủ phường thu hết. Bà ấy nói tiểu dân muốn hoàn lương thì phải trả cho bà ấy 1000 lạng. Số tiền Hoàng thượng cho hôm nay cũng đủ 1000 lạng rồi. Vì vậy, Hoàng thượng chính là Hoàng thượng của thiếp, đã cứu cuộc đời của thiếp rồi.

Hoàng thượng nghe những lời nói đầy nước mắt của Xuân Hương, chạnh nhớ tới tâm sự phiền não của mình, liền nói:

- Ta và nàng đều gặp phải tai ương trong cuộc sống. Thái hậu tuy là mẹ đẻ của ta, nhưng bà luôn dùng thủ đoạn buông rèm chấp chính, nắm hết tất cả quyền lực. Ta chỉ là một Hoàng đế bù nhìn mà thôi.

Hai người sau khi đã dốc cạn tâm sự của mình, Đồng Trị không chờ Xuân Hương níu kéo, chủ động ở lại đêm đó, làm một buổi “liên hoan” cuối cùng. Hai người cùng nằm trên giường và cùng trách lão trời già sao có tháng nhuận mà chẳng có đêm nhuận. Đồng Trị vẫn lo cho Xuân Hương sau khi hoàn lương không gặp được người tử tế. Xuân Hương nói:

- Thiếp cũng đã tính kỹ rồi. Nhà thiếp theo đạo Phật, sau này đưa trả một nghìn lạng cho chủ phường xong, thiếp sẽ tìm đến am Tam Tiên cắt tóc làm ni cô. Thiếp xưa nay thường lui tới am này.

Đồng Trị nghe thế đột nhiên nghĩ: hay là ta cũng làm hòa thượng. Làm hòa thượng sẽ cùng ni cô này đầu gối tay ấp, thế là tuyệt vời nhất. Nhưng mẫu hậu suốt ngày bức ép thế này, có lẽ làm hòa thượng cũng không xong. Hoàng đế trong lòng nghĩ vậy, tay thì ôm chặt lấy Xuân Hương và miệng thì nói hết những gì đang nghĩ. Xuân Hương nghe xong, nói:

- Như vậy không được đâu. Cẩm kỳ đầu tiên của người xuất gia là nhục dục. Ni cô hay hòa thượng đều là những người đã nhìn rõ hồng trần rồi mới xuất gia. Vì thế không được nhiễm một tí bụi trần nào cả, trong tâm tưởng, mọi thứ đều là không cả. Thiếp sau này cũng như thế. Từ sáng mai ngủ dậy, thiếp sẽ không còn màng đến sắc đẹp hay dục vọng nữa rồi. Đêm nay là đêm thiếp đã được làm Hoàng hậu!

Từ khi Xuân Hương bước ra khỏi cuộc đời, Đồng Trị đêm ngày trong lòng nặng trĩu, khi buồn bức cũng chẳng biết đi đâu. Một hôm, Hoàng thượng bí mật cho gọi Văn Hi đến, nói:

- Lần trước, ngự coi và Tái Đăng dẫn ta đến kỹ viện ở ngõ Thạch Đầu, nhưng có đại thần thường xuyên đến kỹ viện đó nên trăm không tiện đến nữa. Nhà ngự coi còn biết có nơi nào yên tĩnh hơn không? Nơi nào mà các đại thần không biết là được.

Văn Hi đáp:

- Nơi yên tĩnh hơn thì có nhưng nô tài sợ Thái hậu biết được thì nô tài sẽ không thoát khỏi tội chết đâu.

Đồng Trị nói:

- Cứ chấp tội bí mật ra ngoài thì người trong cung không ai biết đâu. Có điều ngự coi không được cho Tái Đăng biết.

Văn Hi đồng tình:

- Vạn tuế cứ yên tâm. Có một số kỹ viện trong kinh thành đăng ký đăng hoàng, được coi là hợp pháp, số nữa không đăng ký, chỉ hoạt động lén lút. Vùng phía Nam kinh thành, gần Thiên Kiều tìm đâu chả được.

Đồng Trị hỏi:

- Họ có treo đèn lồng ngoài cổng không?

- Nếu treo đèn lồng ngoài cổng thì không bị coi là lét lút rồi.

- Làm thế nào để biết được đây là kỹ viện?

- Trước đây chỉ cần xem nhà nào trước cửa có treo chữ “Gia đình thanh tĩnh” thì vạn tuế gia có thể vào được.

- Tại sao lại viết như thế?

- Vì trong một ngõ có nhà người trong sạch, cũng có nhà người hay chơi bời. Khách biết ngõ này có nhiều kỹ viện bất hợp pháp nên tìm đến, nhiều khi vào nhầm những nhà nền nếp trong sạch, khiến cho gia đình họ náo loạn cả lên. Đầu tiên, những nhà loại này viết 4 chữ “Gia đình thanh tĩnh” trước cửa để khách chơi đừng có tìm vào nhà họ. Nhưng sau đó, những kỹ nữ thường xuyên có khách quen là người có thân thế, không muốn quan hệ với những khách hỗn tạp mọi tầng lớp nên cũng treo bốn chữ đó trước cửa nhà. Về sau người ta không phân biệt được đâu là thật, đâu là giả nữa.

Đồng Trị lại hỏi:

- Nếu trăm đến đó thì phân biệt như thế nào?

- Cái này nô tài cũng không dám chắc. Nhưng có một bí mật là một số địa phương đã bao một vài nhà nào đó, trước cửa có dán hàng chữ: “Nhà ở của quan viên, người lạ miễn vào”. Vạn tuế thấy nhà nào có treo chữ đó thì mạnh dạn bước vào.

- Liệu các đại thần triều đình có đến đó không?

- Vạn tuế cứ yên tâm.

Sau khi được Văn Hi hướng dẫn vài lần, Đồng Trị liền tự mình tìm đến khu ngõ vùng gần Thiên Kiều. Hoàng đế nhìn thấy một nhà có treo hàng chữ, đại loại như “nhà ở của quan viên, người lạ miễn vào” liền đẩy cửa bước vào. Quả nhiên, khi Đồng Trị bước vào trong sân liền thấy 3 cô gái trẻ từ trong nhà bước ra đón. Sau khi ngồi yên trong phòng, một người đàn bà đứng tuổi giới thiệu:

- Đây là em Nhã Cầm, đây là Ngọc Lan, đây là Tố Trân. Công tử chọn đứa nào cũng được.

Đồng Trị dừng mắt tại cô thứ hai. Ngọc Lan lập tức hiểu ý, nói:

- Mời công tử đi theo tiểu nữ.

Đồng Trị đứng ngay lên đi theo Ngọc Lan.

Đồng Trị được Ngọc Lan phục vụ chu đáo, càng cảm nhận được sự tự do tự tại trong cuộc sống thứ dân. Quần áo của họ tuy không đẹp đẽ như Xuân Hương, nhưng cũng sạch sẽ, thơm mát. Ngọc Lan nắm lấy tay Đồng Trị, kéo vào phòng trong, đầu tiên là rót trà, gọt táo rồi sau đó ôm Đồng Trị cùng nằm trên giường trò chuyện. Lúc đó, Đồng Trị mới cảm thấy trong cung hết như diễn kịch trên khán đài, không tự nhiên như trong dân dã. Đồng Trị hỏi tuổi, Ngọc Lan đáp “mười tám”. Khi cô gái hỏi đến tên tuổi của mình, Đồng Trị đáp:

- Tôi họ Triệu, tên là Thiên Dân, bằng tuổi nàng. Sau đó lại quay sang hỏi:

- Cha nàng làm nghề gì?

- Trước kia, khi quân Anh, Pháp đánh vào thành Bắc Kinh, cha tham gia quân đội rồi không may chết trận. Mẹ một mình phải nuôi ba con gái nên không còn cách nào khác, ba chị em đành phải tiếp khách nuôi thân.

Đồng Trị thấy Ngọc Lan nói rất đáng thương liền móc trong túi một thứ nguyên bảo nhỏ bằng vàng đưa cho cô gái. Ngọc Lan hỏi:

- Đây là cái gì?

- Nàng không biết à? Cứ vào trong hỏi mẹ rồi sẽ biết. Ngọc Lan ngây thơ nói:

- Vậy chàng đợi một tí nhé. Tôi đi hỏi mẹ rồi sẽ quay lại ngay. Nói rồi nhảy ngay xuống giường đi hỏi mẹ xem đây là cái gì. Bà mẹ vừa nhìn thấy nguyên bảo liền sợ hãi nói:

- Ôi mẹ ơi, tại sao lại có nguyên bảo bằng vàng ở đây? Riêng cái nguyên bảo này đủ nuôi chúng ta hơn 10 năm đấy con ạ. Hay người khách kia là bọn cường đạo cướp bóc? Nếu thế thì đừng có làm cho ông ta tức giận. Để ông ta đi đi thôi. Chúng ta cũng không dám giữ cái nguyên bảo này đâu con ạ.

Ngọc Lan phản đối.

- Mẹ nói linh tinh cái gì thế? Người khách ấy họ Triệu, tên là Thiên Dân, là một tú tài nho nhã, có thể là công tử trong vương phủ đấy mẹ ạ.

Bà mẹ nói:

- Anh ta nếu không phải là đạo tặc mà là một tú tài thì con phải chăm sóc cẩn thận, tìm cách giữ anh ta ở đây. Con phải trở hết tài mới được. Không khéo lần sau anh ta lại chĩa súng đến một thứ nguyên bảo to hơn chứ chả chơi.

Ngọc Lan sung sướng chạy vào chỗ Đồng Trị, nói:

- Mẹ tôi nói đây là nguyên bảo, chỉ có trong hoàng gia hoặc nhà của các vương gia. Tôi nghĩ chàng phải là công tử trong vương phủ.

Đồng Trị nghe vậy bật cười thành tiếng.

Ngọc Lan đối xử rất nồng thắm với Đồng Trị, rồi lại thỏ thẻ vào tai:

- Công tử hôm nay không được đi đâu đấy. Đêm nay công tử không ngủ lại đây, mẹ sẽ mắng em tiếp đãi không chu đáo, rồi sẽ đánh em nữa.

Vừa nói, cô gái vừa ôm chặt lấy Đồng Trị, hôn tới tấp. Đồng Trị bất ngờ trước cách làm như vậy, lập tức đồng ý ở lại.

Ngọc Lan vừa rót trà, dọn đồ điểm tâm cho Đồng Trị, vừa soi gương chải tóc, trang điểm lại cho mình. Đồng Trị thấy Ngọc Lan trang điểm xong xinh đẹp, gọi cảm quá mức, không kìm được nữa, lập tức cởi bỏ quần áo. Nhìn thấy tấm thân đầy đặn tràn trề của Ngọc Lan, Đồng Trị không còn nhớ đến thứ gì khác, lao ngay vào cuộc mây mưa.

Đồng Trị càng ngày càng táo tợn, từ đó, cả ngày cùng Ngọc Lan hoan lạc. Vài tháng sau, Hoàng đế nhiễm bệnh giang mai, toàn thân mọc đầy mụn nhọt, rồi đến cả đầu cũng lở loét, trông rất ghê. Đồng Trị nghiêng rằng chịu đau, không dám mời thái y, càng không dám nói với Thái hậu, cứ một mình âm thầm chống chọi với đau đớn.

Từ Hy Thái hậu thấy Đồng Trị tinh thần bất ổn, da vàng, người héo cũng rất lo lắng, lập tức hỏi xem bệnh tình ra sao. Đồng Trị không dám nói thật, lấp liếm cho qua chuyện. Từ Hy Thái hậu lập tức lệnh cho thái giám truyền gọi thái y Đào Bảo Sinh vào cung chữa trị.

Tải Đăng sau khi biết chuyện Hoàng thượng mắc bệnh da liễu, nghĩ ngay việc này có liên quan đến mình, trong lòng thấp thỏm không yên, lúc nào cũng sợ Hoàng Thái hậu tra ra manh mối thì mình như bỏ đi. Tải Đăng càng nghĩ càng lo sợ. Đến Văn Hi và Quê Bảo cũng ngày đêm lo sợ. Hai người sợ vụ án bị tra ra sẽ không tránh được tội chết nên cùng nhau trốn ra ngoài Thần Vũ Môn, nhảy xuống sông tự tử.

Tải Đăng biết Từ Hy Thái hậu cho người đi mời thái y Đào Bảo Sinh vào khám bệnh cho Hoàng thượng vội vàng chạy thẳng đến nhà thái y, nói hết cả bệnh của Hoàng thượng cho Đào Bảo Sinh nghe, nói khéo để Đào Bảo Sinh biết mà lo liệu thuốc men cho đúng. Sau đó, Tải Đăng còn nói với thái y rằng:

- Thái hậu gọi ông vào xem bệnh cho Hoàng thượng nhưng nhất định không được nói bệnh của Hoàng thượng mắc phải từ kỹ viện. Nếu ông nói Hoàng thượng mắc bệnh hoa liễu, Thái hậu chắc chắn sẽ truy hỏi sao lại có bệnh hoa liễu trong hoàng cung, sao Hoàng thượng ra ngoài cung được, ai dẫn Hoàng thượng ra khỏi cung, rồi những ai trong cung để cho Hoàng thượng ra ngoài, v.v... Cứ như thế, không nói thì ông cũng biết là bao nhiêu người bị rơi đầu rồi đấy. Hôm nay tôi đến để báo cho ông biết rằng nếu ông hé ra đây là bệnh hoa liễu truyền nhiễm ở kỹ viện thì tôi sẽ không tha cho ông đâu.

Đào Bảo Sinh thấy Tải Đăng sát khí đằng đằng sợ run cả đầu gối, lắp ba lắp bắp xin tuân lệnh.

Từ Hy Thái hậu vô cùng tin tưởng Đào Bảo Sinh. Từ sau khi An Đức Hải chết đi, Thái hậu rất sủng ái ông này, bao nhiêu nỗi niềm cô độc đều nói cả với ông ta. Những khi ham muốn trong lòng Thái hậu nổi lên, Đào Bảo Sinh cũng ngoan ngoãn thuận tùng.

Lý Liên Anh sau khi phát hiện ra chuyện này đã bí mật tâu lại với Cung Thân vương Dịch Hân rằng gần đây, thái y ngự viện Đào Bảo Sinh thường xuyên đến xem bệnh cho Tây Thái hậu, có khi còn ngồi nói chuyện riêng tư với Thái hậu đến tận đêm khuya. Chuyện Đào Bảo Sinh coi nhẹ vương pháp như vậy, vương gia không thể bỏ qua, có điều đừng để Tây Thái hậu biết được. Cung Thân vương không dám trách cứ Tây Thái hậu mà đổ tất cả lên đầu Đào Bảo Sinh. Ông kể lại chuyện này cho Chính đường nha môn bộ Hình nghe. Chính đường bộ Hình liền cho gọi Bảo Sinh tới, đích thân thẩm vấn suốt ba đêm liền, dùng hình cụ bức cung. Bảo Sinh sợ hãi nhận tội liền bị khép tội, bắt phải tự vẫn. Nhưng đây là chuyện sau này.

Quay lại chuyện Đồng Trị. Bệnh tình Hoàng đế mỗi ngày một trầm trọng. Bốn vị danh y cùng hội chẩn, nhưng họ nằm mơ cũng không dám nghĩ rằng Hoàng đế đã ra khỏi cung mà nhiễm phải bệnh hoa liễu từ kỹ viện. Chính vì thế, họ hoàn toàn căn cứ vào kết quả kiểm tra của Đào Bảo Sinh, kê đơn trị bệnh đầu mùa cho Hoàng thượng.

Đồng Trị đã uống rất nhiều thuốc nhưng bệnh tình không những không thuyên giảm mà còn trầm trọng hơn. Ngày 5 tháng 12 năm Đồng Trị thứ 13 (1874), bệnh tình Hoàng đế vô cùng nguy khốn. Hôm đó, Đồng Trị đang nằm ở điện Dưỡng Tâm, cảm thấy trong người quá khó ở vội lệnh cho thị tòng thái giám truyền báo Hoàng hậu A Ngụ Đặc thị, Đông cung Từ An Thái hậu cùng ân sư - Lễ bộ thượng thư Lý Hồng Tào đến mà không hề nhắc nhở gì tới mẹ đẻ của mình - Tây cung Thái hậu.

Đến giờ Dậu, cung nữ vào bẩm báo: “Hoàng hậu gia đến”. Hoàng đế Đồng Trị nghe tiếng khóc của Hoàng hậu từ từ mở mắt. Hai hàng nước mắt lăn xuống má Hoàng đế. Đồng Trị nói:

- Trẫm có lỗi với nàng.

Hoàng hậu quỳ trước giường, sụt sịt khóc và nói:

- Hoàng thượng bảo trọng.

Đồng Trị Hoàng đế lại hỏi:

- Ân sư đã đến chưa?

Thái giám đáp:

- Lý đại nhân đến rồi.

Lý Hồng Tảo bước lên, quỳ trước long sàng, nói:

- Thần đã đến rồi.

Nói xong không cảm được nước mắt. Lúc đó có tiếng khóc to bên ngoài điện vọng vào. Thái giám bẩm báo: “Đông Thái hậu đã đến”. Đông Thái hậu Từ An bước tới trước giường, đưa tay xoa đầu Đồng Trị, nói:

- Quan âm bồ tát phù hộ cho Hoàng thượng, nhân li nạn, nạn li thân, nhất thiết tai ương hóa vi trần.

Nói xong lại khóc to lên.

Đồng Trị Hoàng đế nói:

- Xin tha lỗi cho con bất hiếu.

Hoàng đế nói xong, thấy lòng chưa xót, không kìm được dòng nước mắt nóng hổi. Rồi Hoàng đế nói với Lý Hồng Tảo lúc đó đang quỳ ở phía đầu giường.

- Ân sư, bước lại gần đây.

Hoàng đế cầm lấy tay Lý Hồng Tảo, nói:

- Trẫm bệnh nặng không qua khỏi rồi. Hoàng hậu sau này cậy nhờ ân sư phò tá.

Hồng Tảo nghe vậy khóc nức lên, đáp:

- Thần không dám trái lệnh.

Đồng Trị lại tiếp:

- Trẫm không có con trai, khi quy tiên rồi sẽ phải lập người thừa tự. Trẫm thấy Tái Đăng là người đoan chính, có thể chọn làm thừa tự.

Lý Hồng Tảo đứng trước giường viết lại khẩu dụ này. Hoàng hậu A Ngư Đặc thị thấy vậy thảm



nghĩ: việc này không bàn bạc với Tây Thái hậu, tự mình quyết định rồi xuống chiếu thư thì có khác nào đã chọc vào tổ ong.

Lý Hồng Tảo viết xong chiếu thư liền trình lên Từ An Thái hậu rồi nói:

- Có thể công bố cho các đại thần được rồi.

Thái hậu nói:

- Lý đại thần phải đem chiếu thư này sang chỗ Từ Hy Thái hậu trước mới được.

Đúng lúc đó, ngự y quan sát thấy Hoàng đế Đồng Trị đã trút hơi thở cuối cùng, hưởng dương 19 tuổi.

Đồng Thái hậu, Hoàng hậu, cung nữ, thái giám... thấy Hoàng đế băng hà đều khóc òa lên. Tiếng khóc như lay đổ cả cây cột trụ điện Dưỡng Tâm. Lý Hồng Tảo nghe lời Đồng Thái hậu Từ An vội vàng cầm tờ di chiếu chạy sang cung Trường Xuân - chỗ ở của Tây Thái hậu Từ Hy. Ông này vào trong cung rồi liền quỳ xuống, rút tờ di chiếu từ trong tay áo trình lên Thái hậu trước rồi mới bẩm báo tin dữ.

Từ Hy Thái hậu đọc hết bản thảo chiếu liền đứng bật dậy, thẳng tay xe nát, vứt toẹt xuống đất, gần giọng hỏi Lý Hồng Tảo:

- Ai viết?

- Dạ, là Hoàng thượng khẩu dụ rồi thần viết lại ạ.

Từ Hy tức tối: “Tạo phản, tạo phản à?”. Rồi dằn mạnh tay đẩy văng cả hai cung nữ đỡ hai bên, nội khí hăm hăm đi thẳng đến điện Dưỡng Tâm.

Từ Hy Thái hậu vào trong điện Dưỡng Tâm, thấy Đồng Trị đã tắt thở, không nói một lời nào mà quay sang quát to vào mặt tên thái giám tùy tùng: “Nhà ngươi muốn chết à? Hoàng thượng giá bằng sao không sang báo với ta?”. Tên thái giám sợ quá quỳ mọp xuống, mặt cắt không còn giọt máu.

Từ Hy quay ra, thấy Hoàng hậu nước mắt nhạt nhòa quỳ dưới đất, lại có cả Từ An ở đây từ lúc nào, lòng càng hăm hực như lửa thêm dầu, thầm nghĩ: “Đồng Thái hậu cũng đã đến đây. Tại sao chỉ riêng một mình không biết? Trong lòng mi có còn ta - mẹ đẻ của mi hay không? Mi đúng là loại Hoàng đế súc sinh vô lương tâm. Nếu biết sớm thế này ta đã chôn sống mi từ trước!”.

Rồi Từ Hy ra lệnh cho người trong cung không được đưa tin Hoàng đế giá băng ra ngoài, chỉ loan tin Hoàng đế bệnh tình nguy kịch lập tức đòi triệu kiến quần thần. Quần thần đến, đều bị các thái giám ngăn lại ngoài cửa, không cho vào trong. Tất cả đều phải quỳ ngoài cửa điện chờ nghe ân chỉ của Thái hậu.

Từ Hy Thái hậu bước ra ngoài, nói với quần thần:

- Hoàng thượng sức khỏe nguy kịch, lại không có con. Nếu có việc gì xảy ra, các khanh thử xem ai có thể kế thừa đại thống?

Tất cả các vương công đại thần đều không một ai dám ngẩng đầu lên. Có ai dám loạn ngôn bao giờ! Mấy phút im lặng chẳng thấy động tĩnh gì. Từ Hy lại tiếp:

- Ta thấy con trai của Thất vương gia Dịch Huyền năm nay 4 tuổi thông minh hơn người có thể kế thừa đại thống. Các khanh thấy thế nào?

Các đại thần lấp ba lấp bắp, có người trong lòng tức tối nhưng không dám nói ra. Đưa con trai của em gái Thái hậu lên ngôi Hoàng đế, cái quan hệ quần quần áo áo này chẳng sẽ tạo thêm một bù nhìn nữa hay sao? Mặc dù vậy, nghĩ đến cái chết thê thảm của bọn Túc Thuận khi xưa, các đại thần không ai dám hé một lời nào. Cả khu đại điện im lặng trầm xuống.

Từ Hy thấy không ai nói gì nên lớn tiếng:

- Hoàng thượng giá băng rồi!

Vương công đại thần nghe xong, ngơ ngàng một hồi, rồi tất cả cùng òa lên khóc. Thất vương gia Thuần Thân vương Dịch Huyền khóc hết cả hơi.

Cung Thân vương Dịch Hân thấy Thất vương gia ngã vật ra vội vàng đỡ ông ta dậy, dìu vào điện bên cạnh nghỉ ngơi.

Từ Hy Thái hậu chọn Dịch Diễm, con trai của Thất vương gia Dịch Huyền là có lý của bà ta. Dịch Diễm là con đẻ của em gái bà nên khi làm Hoàng đế tất sẽ phải tùng thuận nghe lời. Hơn nữa, Dịch Diễm mới bốn tuổi nên càng dễ uốn nắn nghe lời. Dịch Diễm lại là cháu của Hàm Phong. Hoàng hậu A Ngư Đặc thị cũng là thím dâu góa phụ của Dịch Diễm. Bao nhiêu cái thân cận đó đủ đảm bảo sự danh chính ngôn thuận rồi. Dịch Diễm sau chính là Quang Tự Hoàng đế. Còn Hoàng đế Đồng Trị 19 tuổi thì từ đó chỉ còn là người của lịch sử mà thôi.

Từ Hy Thái hậu sau đó ban bố một bản chiếu thư giả, nội dung như sau: “Năm nay (Đồng Trị thứ 13), trầm mắc bệnh đậu mùa, khó mà nín lại ở trần gian được. Nghĩ đến chuyện chăm nom dân chúng là điều quan trọng, nay thông báo cho mọi người được biết để lo tìm người kế tục ngai vàng. Được ân chi của hai cung Thái hậu, con trai của Thuần Thân vương là Dịch Diễm sẽ kế tục ngai vàng, sắc phong làm Hoàng thượng. Dịch Diễm hiếu thuận, thông minh, chắc chắn sẽ thực hiện tốt sự ủy thác này”.

Như vậy, Dịch Diễm được coi là cháu trai của Từ Hy theo họ nội, thực chất là cháu ruột theo họ ngoại. Hoàng hậu của Đồng Trị là A Ngư Đặc thị khi biết chiếu thư giả được ban ra, trong lòng tự nói với mình rằng: “Đây rõ ràng là gạt lừa thiên hạ”. Sau đó, Đồng Trị được đặt hiệu là Mục Tông. Năm sau chính là năm Quang Tự thứ nhất.

Quang Tự Dịch Diễm mới bốn tuổi bị cướp ra khỏi lòng mẹ là phúc tấn của Thuần Thân vương Dịch Huyền. Khi Dịch Diễm vào cung, Từ Hy liền ra lệnh cấm không cho người nhà vào gặp mặt. Nếu Dịch Huyền vì việc công vào gặp con trai thì vẫn phải giữ nguyên lễ vua tôi, tức là cha gặp con cũng phải khấu đầu hành lễ. Còn mẹ của Dịch Diễm càng khó có cơ hội gặp con.

Các quan văn võ khi bẩm báo quốc gia đại sự với tiểu Hoàng đế thì thật đúng như đàn gảy tai trâu. Hoàng đế tuy ngồi trên bảo tọa nhưng vì quá nhỏ nên phải có người hầu hạ hai bên. Cung Thân vương Dịch Hân đứng bên trái, Thuần Thân vương Dịch Huyền đứng bên phải. Các đại thần dâng sớ lên đều do các thân vương đón lấy. Nếu có việc gì cần khấu đầu thì đại thần sẽ được lệnh tiến lên phía trước mấy bước, quỳ xuống rồi tấu hoặc nói với Thái hậu qua bức rèm. Thực ra việc “buông rèm” không phải là một bức rèm lụa mà có thể dùng rèm trúc hoặc rèm gỗ nan thưa, nói chung là chỉ để mặt không đối mặt, mắt không trực tiếp nhìn vào mắt nhau là được.

# Hồi thứ mười: TUYỂN HOÀNG HẬU, QUANG TỰ CHỌN TRÂN PHI TẶNG “NHƯ Ý” TỪ HY TÌM CHÁU GÁI

Màn kịch một bù nhìn thứ hai đã bắt đầu. Sau khi Đồng Trị băng hà, Từ Hy lập tức tổng giam Hoàng hậu A Ngư Đặc thị vào lãnh cung, cho ăn uống theo chế độ phạm nhân. Bó của Hoàng hậu cũng bị cách chức Thị lang ngay sau đó. Ba Phi tử của Đồng Trị là Du Phi, Tuần Phi và Tấn Phi cũng bị giam lỏng cùng một chỗ, hàng ngày làm việc may vá như nô tì. Hoàng hậu A Ngư Đặc thị sau đó đã chết trong cung Trữ Tú, tuổi mới đang 19.

Đông cung Thái hậu Từ An sau khi biết tin này vội vàng đến nơi, thấy trên mặt Hoàng hậu hai hàng lệ nóng hổi vẫn chưa khô. Đông Thái hậu đau đớn khóc to một hồi lâu, rồi cũng bất lực mà quay ra.

Có người cho rằng Hoàng hậu tuyệt thực chết. Những người hiểu biết hơn trong cung thì nói rằng: “Tây Thái hậu cho người đem cơm có tẩm độc đến”. Như vậy ai đúng ai sai? Nếu dựa trên bản tính ác độc bần dân thiên hạ ai ai cũng biết của Từ Hy thì mọi người chắc đều đoán được rồi.

Nhiệm vụ của Hoàng đế Quang Tự là đóng một vai chịu tình chịu tội ngồi trước rèm khi hai cung Thái hậu buông rèm chấp chính. Hoàng đế như con gà rù ngây ngô ngồi nhìn các vị đại thần quỳ dưới bệ rồng bẩm báo quốc sự. Chính vì Quang Tự tuổi còn quá nhỏ nên có lúc đang ngồi chấp chính lại hét lên đòi đi tè. Thân vương bảo giá bên cạnh vội bế Hoàng thượng ra khỏi tòa bảo tọa.

Thường thì phần lớn thời gian của Quang Tự là để học tập bên cạnh an sư. Cùng với tuổi mỗi ngày mỗi lớn, hoàng đế dần dần hiểu được sự như bại, bất tài của các đại thần triều Thanh. Cùng với sự chỉ dạy sáng suốt của thầy giáo Ông Đồng Hòa, ý thức chính trị của Quang Tự đã dần dần chín chắn hơn. Ông Đồng Hòa là thầy dạy của hai đời Hoàng đế.

Từ ngày Quang Tự biết nhận chữ, Ông Đồng Hòa ngày ngày đến thư phòng trong cung Dục Khánh dạy chữ cho Hoàng đế. Thấy Quang Tự đã trưởng thành, lại có tinh thần khắc khổ học tập, một mực kính trọng thầy, vị thầy giáo đáng kính đã nói hết với Quang Tự những uất ức, phần nộ chất chứa trong lòng suốt bao nhiêu năm trời. Rồi ông kê cho Quang Tự nghe lịch sử hưng, bại của các triều đại, chuyện Minh Trị của Nhật Bản duy tân, chuyện Thiên hoàng của Nhật Bản sau khi chấp chính đã diệt trừ hủ bại, chinh đốn triều chính ra sao. Ông cũng nói đến chuyện các nước thi nhau xâu xe giang sơn Đại Thanh, chuyện triều đình câu kết với nước ngoài, tâng quyền nhục quốc, chuyện đại thần triều đình tham lam vô độ, những loạn vương pháp, chuyện Thái Bình thiên quốc, chuyện Nghĩa Hòa Đoàn, v.v... Tất cả mọi chuyện, ông đều giảng lại một cách rõ ràng, rành mạch, khái quát, hùng hồn.

Quang Tự Hoàng đế nghe xong, máu huyết sục sôi, nổi giận bùng bùng. Hoàng đế không nghe tiếp lời thầy dạy mà phần nộ cất ngang:

- Trẫm phải đi nói rõ ngọn nguồn với Thái hậu mới được.

Rồi xăm xăm bước ra ngoài cửa. Ông Đồng Hòa thấy vậy vội vàng chặn lại, khuyên Hoàng đế:

- Hoàng thượng đừng nóng vội. Triều đình đến bước như hôm nay không phải là hậu quả của một ngày hai ngày. Theo ý thần, Hoàng thượng phải bình tĩnh lại mà nghĩ kế lâu dài. Hơn nữa, Hoàng thượng đang kích động thể này, vào gặp Thái hậu nhất định sẽ sinh chuyện lớn đấy.

Quang Tự bây giờ mới cảm thấy rõ ràng chuyện cường quốc nước ngoài ký kết hàng loạt điều ước bất bình đẳng với Thanh triều, nào là cắt đất, bồi thường, nào là thăm hỏi, xin lỗi, rồi những cuộc chinh phạt bên trong đã khiến cho muôn dân cảm hờn đến tận xương tủy rồi. Nghĩ vậy, Hoàng đế trong lòng phẫn nộ, ngửa mặt lên trời than: “Trẫm là loại Hoàng đế thế nào đây!”.

Ông Đồng Hòa nói:

- Chẳng mấy nữa Hoàng thượng sẽ lập hậu. Đợi đến sau khi cử hành hôn lễ, hai cung Thái hậu tất sẽ phải lui về hậu cung. Đến khi Hoàng thượng tự mình chấp chính sẽ thực hiện tiền đồ của mình. Lúc ấy cũng chưa muộn đâu.

Quang Tự nghe lời giáo huấn của thầy, đồng ý gật đầu.

Năm Quang Tự thứ 15 (1889), Hoàng đế Quang Tự tròn 18 tuổi. Đây là tuổi kết hôn của Hoàng đế. Từ Hy Thái hậu ra lệnh cho phủ nội vụ xuất ra 5 triệu lạng để chuẩn bị đại lễ, danh nghĩa là để “tuyển hoàng hậu” nhưng thực ra tất cả do một tay Thái hậu thao túng.

Từ Hy nát óc tính chuyện lập hậu xong, Hoàng hậu nhất định phải biết phục tùng mình. Bà ta từ lâu đã tính toán xong đâu vào đấy cả rồi. Hoàng hậu sẽ không phải ai khác mà chính là con gái của em trai mình: Quê Tường. Quang Tự Dịch Diễm cũng chẳng phải người xa lạ, do em gái ruột của mình sinh ra. Nhưng nếu Dịch Diễm sau này tự cho mình là Đệ nhất Thiên tử không coi ai ra gì; hoặc gia các đại thần vẽ đường cho hấn trái lời thì lúc đó Hoàng hậu sẽ trở nên hữu dụng.

Đến một hôm, Từ Hy Thái hậu đặc ân giảng chỉ: “Đại hôn lễ của Quang Tự đã chuẩn bị xong, định trung tuần tháng 10 sẽ cử hành long trọng”.

Rồi cũng đến ngày tuyển Hoàng hậu. Hôm đó, những người đến ứng tuyển Hoàng hậu và Phi tử xếp thành hàng dài để Hoàng thượng chọn lựa. Mặc dù vậy, tiếng là Hoàng thượng tự chọn nhưng Hoàng hậu thì đã được định sẵn rồi. Quang Tự cũng biết trước rằng trong đám người ứng tuyển có em họ Diệp Hách Na Lạp thị Tĩnh Phấn lớn hơn mình 3 tuổi, nhưng trong lòng không thích cô này. Thực ra trong số đó, Quang Tự vừa ý một người con gái xinh đẹp - con lớn của Thị lang Trường Tự. Ngoài ra, cô con gái thứ 2 của thị lang cũng có mặt ở đây.

Quang Tự đã đi thẳng về hướng cô con gái lớn của thị lang Trường Tự, nhưng bị Lý Liên Anh kéo tay lại, bắt phải làm theo kế hoạch đã định trước của Từ Hy, chọn con gái Quê Tường Diệp Hách Na Lạp thị - Lý Liên Anh còn dọa:

- Thái hậu đang nhìn Hoàng thượng đó.

Quang Tự bị ép phải lấy người mình không yêu, đành đưa ngọc “như ý” cho người không như ý.

Đó chính là Na Lạp thị Hoàng hậu - người không bao giờ được cùng chung chăn gối với Quang Tự, sau được phong làm Long Dụ Hoàng hậu.

Vậy là cháu gái của Từ Hy đã “trúng tuyển” làm Hoàng hậu. Cuối cùng, dưới sự sắp đặt của Lý Liên Anh, Quang Tự hoàng đế cũng thỏa mãn được một ý nguyện nhỏ: chiếc vòng vàng được đeo vào cổ hai cô con gái Tha Tha Lạp thị của Trường Tự. Thực ra Lý Liên Anh làm như vậy vì trước đó ông ta đã được Thị lang rút bớt một khoản tiền lớn rồi. Hai chị em nhà Tha Tha Lạp thị sau chính là Trần Phi và Cẩn Phi.

Những người đến dự tuyển nhưng không trúng hậu, phi đều được thưởng lễ hậu hĩnh rồi quay về phủ đệ. Họ chỉ là vật điểm xuyết mà thôi. Thực ra các vương công đại thần có con đi ứng tuyển cũng đã bỏ ra rất nhiều tiền để vận động này nọ. Nhưng họ không hùng hậu hơn viên ngoại Thị lang

Trường Tự, không có nhiều tiền để đút lót cho Lý Liên Anh. Nếu không phải Từ Hy đã chỉ định cháu mình từ trước thì Trần Phi được chọn làm Hoàng hậu.

Sau khi Hoàng thượng chọn xong Hoàng hậu và các phi tử, dưới sự chỉ đạo của Thái hậu, các đại thần mới chuẩn bị nghi thức tuyên Hoàng hậu. Đây là luật lệ của nhà Thanh truyền lại từ trước. Dù vậy cũng chỉ là hình thức mà thôi.

Khi Hoàng hậu đã được chính thức thông qua thì phải chuẩn bị đem lễ đến nhà Hoàng hậu. Sáng sớm hôm đó, tiết án được bày chính giữa điện Thái Hòa. Chánh phó sứ thần và văn võ bá quan đều mặc triều phục, chờ đợi ở nơi đã được định sẵn. Giờ lành đã đến, mọi người cùng quỳ xuống nghe quan tuyên chế tuyên đọc:

- Hoàng đế khâm phụng ý chỉ của Hoàng thái hậu, nạp con gái của Phó đô thống Quế Tường là Na Lạp thị làm Hoàng hậu, lệnh các khanh dâng quà mừng, hành lễ.

Đọc xong, quan phụ trách lễ cùng phó quan bước xuống, dưới sự chỉ đạo của ngự trưởng bước ra khỏi điện Thái Hòa đến thẳng dinh phủ của Hoàng hậu.

Tiết án được bày tại phòng chính trong dinh phủ Hoàng hậu. Cha đẻ của Hoàng hậu là Quế Tường mặc triều phục đứng ở ngoài cửa nghênh đón. Quan chánh, phó lễ bước vào trong, bày lễ tiết án. Mẫu thân của Hoàng hậu quỳ trước phòng lớn nhận lễ, sau đó dẫn đầu toàn thể gia đình hướng về phía hoàng cung hành lễ tạ ân.

Ngày cử hành hôn lễ, khắp trong ngoài thành ai ai cũng mặc áo quần đẹp đẽ, nhà nhà giăng đèn kết hoa tỏ ý chúc mừng. Nội viện hoàng cung càng trang hoàng đẹp đẽ muôn phần. Khắp các ngự đạo đều rải thảm đỏ. Giờ lành đã đến. Lễ bộ đường quan dẫn Hoàng đế mặc lễ phục bước ra ngoài.

Hoàng hậu trong phòng hoa nhìn thấy em họ, mặt mày tươi rói, mắt cười mày nheo. Hoàng thượng nhìn thấy bà chị họ thì mặt mày ảm đạm. Từ Hy nhận ra vậy thất vọng muôn phần.

Cuối cùng cuộc hôn nhân cưỡng ép lấy ván cũng thành thuyền. Quang Tự bắt buộc phải lấy kẻ không yêu. Nhưng điều đau lòng hơn nữa là sau đại hôn lễ, việc hoàng thượng chấp chính chỉ là danh nghĩa mà thôi. Mọi quyền hành chấp chính vẫn nằm cả trong tay Từ Hy Thái hậu. Điều ấy khiến Quang Tự hoàng đế càng thêm buồn khổ. Việc yêu thương Trần Phi cũng không được dễ dàng. Thái hậu đã sai người giám sát Trần Phi chặt chẽ.

Từ Hy Thái hậu đối với Quang Tự cũng khi nhất khi buông, nhưng mong Hoàng thượng hồi tâm chuyển ý. Mặt khác, Thái hậu cũng dặn dò Hoàng hậu phải biết nhẹ nhàng, lại còn thêm rằng: “Đàn ông không thắng nổi những lời đường mật đâu”.

Về mặt chính trị, Từ Hy cũng có nhân nhượng Quang Tự mấy phần. Mỗi lần gặp mặt, khi Hoàng đế hành lễ vãn an buổi sáng, Thái hậu đều tỏ ra vô cùng khách khí. Đặc biệt sau khi Hoàng đế đích thân chấp chính, những tấu chương Quang Tự đã phê chuẩn, Từ Hy đều nhất loạt đồng ý. Ngày mùng 3 tháng 3, Trương Chi Động dâng sớ xin xây dựng đường sắt Lư Hán, Quang Tự liền đem việc này thương lượng cùng Thái hậu. Trước đây, Từ Hy vốn kiên quyết phản đối việc này, lúc này lại vui vẻ phê chuẩn. Để chấn hưng ngành công nghiệp nhẹ, các đại thần đều kiến nghị thành lập cục dệt may ở Thượng Hải. Chuyện này cũng bị Từ Hy phản đối tức thời. Nhưng trong những ngày này, Quang Tự thấy Thái hậu có vẻ ôn hòa liền đem chuyện ấy ra thương lượng. Quả nhiên cũng được thông qua.

Thực ra mà nói, Quang Tự cũng không được sáng suốt cho lắm. Hoàng hậu đã có ý “rót mật đường”, nhưng Quang Tự lại chẳng hề chấp nhận, khiến cho Hoàng hậu lúc đầu là xấu hổ, sau chát chúa thành tức tối và cuối cùng đi mách với Thái hậu. Thái hậu nói:

- Cái thằng hôn quân này vuốt mặt mà không biết nể mũi!

Sau đó, cho hả tức, Từ Hy đã phản đối tất tẩn những gì Quang Tự nêu ra và lệnh cho Lý Liên Anh, Tôn Dục Văn bố trí thái giám tâm phúc khắp trong ngoài cung điện của Quang Tự theo dõi hành động của Hoàng thượng. Hàng ngày có đại thần nào vào yết kiến Hoàng thượng đều bị chúng trình sát tường tận rồi mới sai thái giám vào báo lại với Hoàng thượng.

Từ Hy sống ở Di Hòa Viên nhưng lại yêu cầu Hoàng thượng ngày ngày phải đến đó bẩm báo mọi việc với Thái hậu. Từ Hy cũng có một tiểu thái giám đặc lực tên là Khấu Liên Tài được phái sang hầu hạ Hoàng thượng, nhưng thực ra cứ bảy ngày lại bí mật tẩu lại hành động của Quang Tự cho Thái hậu nghe. Mặc dù vậy, vị thái giám trẻ tuổi này tính cách đàng hoàng, rất thông cảm với những bất hạnh của Quang Tự. Anh ta biết Hoàng thượng khi bốn tuổi đã bị dứt ra khỏi lòng mẹ. Theo chế độ nghiêm ngặt trong cung thì mẹ đẻ cũng không được gặp. Có lúc cha đẻ Thuần Thân vương gặp con trong triều nội, cúi đầu hành lễ mà không nói được một tiếng tình riêng nào cả.

Hàng ngày, lúc sáng tinh mơ, Hoàng đế Quang Tự phải vượt hơn 40 dặm đến Di Hòa Viên thỉnh an Thái hậu. Khi đến trước cổng Lạc thọ đường, có lúc Hoàng thượng phải đứng ngoài chờ Thái hậu truyền chỉ mới được vào tiếp kiến. Khi gặp Thái hậu rồi, bao giờ cũng phải nói “Thỉnh an thánh mẫu” trước rồi mới bẩm báo các việc trong triều. Thường thì Thái hậu không nói một câu nào cả. Quang Tự Hoàng đế mệt mỏi trở lại Từ cấm thành. Có hôm, Hoàng đế bị Thái hậu mắng té tát một trận, lùi thui quay về. Chính vì vậy, Quang Tự khổ não vô cùng.

Khấu Liên Tài trong lòng canh cánh làm thế nào để giúp được Hoàng thượng. Từ Hy Thái hậu lạnh nhạt với Hoàng thượng như vậy một phần là do Lý Liên Anh hàng ngày đã bẩm báo gian dối nhiều điều với Thái hậu. Điều này, Khấu Liên Tài biết rõ mồn một. Cuối cùng, anh ta bạo gan dâng lên Thái hậu một bản điều trần: xin dừng việc diễn kịch trong nội viên, dừng thi công các công trình ở Di Hòa Viên, dừng việc chuẩn bị khai chiến với Nhật Bản, thỉnh Thái hậu về cung giải quyết công việc, xin cách chức Lý Hồng Chương.

Khấu Liên Tài dâng bản điều trần chẳng khác nào đổ thêm dầu vào cơn tức tối của Thái hậu. Thời gian gần đây, Từ Hy đã hao tâm tốn sức về quan hệ giữa hoàng đế và hoàng hậu, lại thêm chuyện quân Nhật chiếm lĩnh pháo đài phòng vệ phía nam Uy Hải chưa biết giải quyết theo cách nào. Chính phủ nhà Thanh đã phái Trương Âm Hằng, Thiệu Hữu Liêm đi Nhật nghị hòa, cùng gặp nhau ở Quảng Đảo. Phía Nhật từ lâu đã không coi hai người này ra gì nên công khai yêu cầu phía nhà Thanh cử Lý Hồng Chương làm đại biểu toàn quyền. Tiếp đó, đề đốc hải quân Bắc Dương là Đinh Nhữ Xương tự sát, tin hải quân Bắc Dương thất bại liên tiếp đưa về hoàng cung.

Từ Hy Thái hậu tức tối đưa bản điều trần cho Lý Liên Anh. Lý Liên Anh nói:

- Thằng chó nô tài vô lương tâm này, ta sẽ tính sổ với mày. Phải hỏi nó xem nó có biết được đưa đến chỗ Vạn tuế để làm gì hay không.

Từ Hy nói:

- Bản điều trần này là do nó viết. Nhưng nó chắc chắn không phải kẻ chủ mưu. Sau nó chắc hẳn có người khác thao túng.

Từ Hy xem lại kỹ càng bản điều trần, thấy giọng văn không thông, chữ viết sai cũng nhiều nên nói với Lý Liên Anh:

- Gọi nó lại đây. Ta phải hỏi cho ra nhẽ mới được.

Lý Liên Anh lệnh cho năm tên tiểu thái giám lực lưỡng đi xích Khấu Liên Tài rồi dẫn tới gặp Thái hậu. Năm tên thái giám thấy tổng quản tức khí hầm hầm nên tuy trong lòng còn nghi hoặc

không biết Khấu Liên Tài mắc tội gì và thông thường tù nhân bị xích phải là tử tù, nhưng cũng không dám hỏi mà cung cúc cầm xích đi về phía hoàng cung.

Vào đến đại nội, năm tên tiểu thái giám vào thẳng phòng của nhị tổng quản Thôi Ngọc Quý, nói:

- Chúng tôi theo lệnh Thái hậu đến bắt Khấu Liên Tài.

Thôi Ngọc Quý giật mình hỏi:

- Liên Tài là người của chúng ta. Sao lại bắt anh ta?

Tiểu thái giám đáp:

- Tổng quản sai thì chúng tôi cứ bắt.

Thôi Ngọc Quý dẫn năm tên tiểu thái giám đến điện Cần Chánh bắt Khấu Liên Tài. Quang Tự Hoàng đế đang phê duyệt tấu chương thấy cả đám thái giám sấn sổ kéo vào, sợ quá tim đập thành thịch. Bọn Thôi Ngọc Quý nói:

- Phụng ý chỉ Thái hậu...

Quang Tự nghe đến đây rụng rời cả chân tay, khi nghe lảng máng: “bắt Khấu Liên Tài” mới biết không phải tai họa giáng xuống đầu mình.

Khấu Liên Tài đang trong phiên trực, nghe nói có người đến bắt mình liền hiểu ngay bản điều trần đã mang tai họa cho mình. Mặc dù vậy, anh ta vẫn không hề sợ hãi. Năm tên thái giám lập tức xích cổ Khấu Liên Tài rồi đẩy lên một chiếc xe kéo thẳng về Di Hòa Viên, dẫn tới Lạc Thợ đường. Từ Hy biết tin Khấu Liên Tài đã bị áp giải đến liền quát to:

- Giải thẳng chó nô tài ấy vào đây.

Bọn thái giám áp giải Khấu Liên Tài như một tên đạo tặc đến trước mặt Thái hậu, ấn Liên Tài quỳ xuống. Lý Liên Anh còn giơ chân đạp mạnh khiến cho người thái giám trẻ tuổi ngã lăn ra đất. Từ Hy nhìn thấy Khấu Liên Tài, cười nhạt, nói:

- Ta cho người đến chỗ Hoàng thượng, người đã làm những gì, hả? Người lại dám đứng về phía Hoàng thượng hòng tính toán cả ta. Người có biết là Thái giám không được phép tham gia chính sự hay không?

- Dạ, biết. Nhưng vì đã gấp quá rồi. Nước mất nhà tan, ngày tàn sắp đến nên nô tài đã phá lệ cũ.

- Giỏi lắm! Người làm giỏi lắm! Ta hỏi người: trong những điều người viết ra, mấy điều là do Hoàng thượng gợi ý?

- Hoàng thượng không biết ạ.

- Hoàng thượng không biết. Thế Trần Phi có biết không?

- Trần Phi càng không biết.

- Giỏi lắm. Ta hỏi lại lần nữa, người phải nói thật. Trần Phi nói mấy điều trong bản điều trần?

- Dạ thưa, dám làm dám chịu. Bản điều trần nô tài dâng lên hoàn toàn là vì giang sơn Đại Thanh, không hề có tí tư tình nào cả.

- Nói láo! - Nụ cười đã tắt trên mặt Từ Hy, cả khuôn mặt nặng chịch, cau có khiến ai cũng phải khiếp - Người biết mình phạm vào tội chết không?

Khấu Liên Tài đáp:

- Dạ biết. Nô tài dám chịu tội chết để dâng lên bản tấu này.

- Đã thế thì đừng trách ta nhẫn tâm. Người đâu! Lôi nó ra giao cho bộ hình xử lý.

Chính đường nha môn bộ Hình phụng mệnh, xử Khấu Liên Tài mắc tội can dự triều chính nên theo luật trói đem ra chợ chặt đầu thị uy.

Từ Hy Thái hậu rất lâu sau vẫn còn tức tối vì bản điều trần của Khấu Liên Tài. Từ Hy thường nghĩ: Khấu Liên Tài nếu không được Trân Phi bày mưu và Hoàng thượng đứng sau ủng hộ thì gan đâu mà dám viết điều trần. Chính vì vậy, bao nhiêu thù hận đều dồn hết lên đầu Trân Phi và Quang Tự.

Long Du Hoàng hậu không hài lòng với Quang Tự một mặt vì ghen với Trân Phi, mặt khác cũng bởi cho rằng mình là người nhà của Thái hậu lẽ ra phải được thắng thế ở mọi nơi, mọi lúc mới phải. Sẵn Quang Tự lạnh nhạt với mình nên Long Du liền bỏ sang Di Hòa Viên cùng sống với Thái hậu. Long Du cũng nhân cơ hội này nói với Thái hậu rằng:

- Không được để Hoàng thượng và con hồ ly Trân Phi lăng lợ muốn làm gì thì làm trong Đại Nội được, chỉ bằng cho Hoàng thượng với Trân Phi đến Di Hòa Viên làm việc dưới tầm mắt của Thái hậu, tránh để chúng làm xằng làm bậy.

Từ Hy Thái hậu nghe vậy, lập tức hạ một đạo chỉ dụ: “Lệnh cho Hoàng thượng đúng hẹn phải đến ngay nghe việc chính sự trong Di Hòa Viên!”.

Các đại thần biết việc này đều phẫn nộ, nhưng không ai dám nói ra, đành phải sáng sáng đi kiệu đến ngoại ô phía Tây dự buổi “triều sớm”, tấu trần những báo cáo của đại thần biên cương đến từ bốn phương tám hướng trong cả nước với Hoàng đế.

Buổi “triều sớm” của các triều đều diễn ra vào lúc bình minh, các đại thần vào cung trực tiếp tấu bày quốc sự với Hoàng đế, chỉ khác là bây giờ phải cưỡi ngựa phi như bay đến Di Hòa Viên cho kịp buổi triều sớm, người thì nửa đêm đi xe đi kiệu tới, người thì ở đến muộn buổi triều, đành phải đến trọ ở phòng triều trong Di Hòa Viên từ ngày hôm trước, đợi trời sáng dâng tấu.

Hành cung của Hoàng đế Quang Tự chuyển đến Di Hòa Viên đã làm cho Trân Phi hết sức khổ sở. Trong Di Hòa Viên, Thái hậu giám sát năng rất nghiêm ngặt, muốn lên lút gặp mặt Hoàng đế cũng vô cùng khó khăn.

Hoàng đế Quang Tự ở tại Y Lan Đường, Hoàng hậu thấy Hoàng thượng đã đến Di Hòa Viên, ở gần Thủy Lâu đài, lẽ nào mình lại cam chịu cô tịch; ba nghĩ mới cưới không bằng xa lâu, cô nhân nói: nắng hạn gặp mưa rào, củi khô gặp lửa đỏ, có lẽ Hoàng thượng sẽ hồi tâm chuyển ý chăng.

Hai hôm nay Trân Phi âu sầu ủ rũ trong tâm cung của mình, nửa bước cũng không rời được. Quang Tự rất nhớ nhưng năng nhưng không có dụ chỉ của Thái hậu cũng không dám mạo muội gặp mặt. Nửa đêm, Quang Tự thấy Hoàng hậu đột nhiên tìm đến, thỉnh an Hoàng thượng xong, liền liếc mắt đưa tình, nép sát vào người Hoàng thượng, chàng chàng thiếp thiếp lời kéo chào mời. Nhưng



Hoàng thượng vẫn lạnh như băng, không hề để ý gì đến bà khiến bà rất tức tối, nói:

- Bệ hạ là người thật vô tình, trong mắt chỉ có Đắc Kỷ thôi!

Quang Tự tính tình đứng đắn, nghe Hoàng hậu ví mình với vua Trụ thời nhà Thương liền to tiếng cãi cọ với Hoàng hậu. Hoàng hậu ý có Thái hậu đứng phía sau cũng không chịu kém, lớn tiếng mắng nhiếc Trần Phi. Quang Tự thoát cái long nhan thịnh nộ, xông đến hăm hăm giáng cho Hoàng hậu một cái tát khiến trâm cài đầu của bà ta rớt cả xuống đất.

Hoàng hậu bị sỉ nhục há lại cam chịu làm ngơ sao? Bà ta khóc lóc đòi Thái hậu phân xử. Thái hậu nghe xong rất giận dữ, lập tức truyền cho Quang Tự vào điện.

Hoàng thượng bước vào điện, quỳ hai gối xuống.

Thái hậu nói:

- Bệ hạ nghe lời con hồ ly lăng lợ đánh Hoàng hậu, nó bảo Bệ hạ đánh Bệ hạ cũng dám hả?

Quang Tự nói:

- Không phải con nghe lời của Trần Phi mà là con nhất thời hồ đồ, lần sau không dám nữa.

Từ Hy Thái hậu nghĩ bụng: “Quở trách Hoàng thượng ngắt quá có khi lại phản tác dụng, cứ dùng lời ngon ngọt khuyên nhủ là hơn”. Bèn nói với Quang Tự:

- Đứng dậy đi! Hoàng hậu có điểm nào không phải với Bệ hạ? Bệ hạ nên nghĩ lại đi. Ai mà chả có lỗi lầm, đến Khổng Phu Tử còn nói: “Lỗi lầm của quân tử như nhật thực nguyệt thực vậy, người người đều thấy, sửa đổi, người người đều phục”. Cho nên Khổng Tử nói, “Lỗi lầm mà biết sửa chữa còn hơn cả cái thiện nữa”. Bệ hạ đã tự biết mình nhất thời hồ đồ, sửa chữa được là tốt.

Hoàng hậu ở bên cạnh thấy Hoàng thượng tự nhận lỗi, trong lòng vẫn bán tín bán nghi.

Đêm đó Hoàng hậu lại mạnh dạn đến tẩm cung của Quang Tự thăm dò Hoàng thượng xem là rút cuộc nhận lỗi xong có thực hiện lời hứa không. Quả nhiên Hoàng thượng miễn cưỡng nói với Hoàng hậu rằng:

- Hôm qua trẫm không nên dùng vũ lực. Hoàng hậu tương kế tựu kế, đêm đó thoát y ngủ cùng ở tẩm cung.

Hàng năm Từ Hy Thái hậu thường đến Di Hòa Viên nghỉ mát vào mùa hè cho nên Di Hòa Viên còn được gọi là “Hạ cung”. Còn đến mùa thu lại dẫn Hoàng thượng trở về hoàng cung đón Tết Trung thu, đợi đến mùa xuân năm sau lại về “Hạ cung”.

Tết Trung thu đã đến, Từ Hy Thái hậu theo lệ cũ phải tặng một món lễ vật cho gia đình em gái ở Thuận Thân vương phủ để bày tỏ tình chị em. Sáng sớm ngày 12, Từ Hy lệnh cho tiểu thái giám Lý Tam Thuận đến Nam Phủ tặng cho hai ngàn lạng bạc và một ít bánh Trung thu, ngoài ra còn có một số vải vóc nữa. Bánh Trung thu do phòng ngự thiện tinh chế, không giống với bánh bình thường ngoài chợ.

Lý Tam Thuận dẫn hai viên cung dịch gánh quang gánh, trước lúc đi, Thái hậu dặn dò là đến Thuận Thân vương phủ phải bí mật giao bạc cho đích thân Thất Phúc tấn.

Lý Tam Thuận đến Ngộ Môn trong cung. Trung Hòa, Thường Hòa, hai tên lính gác trực ban

đòi Lý Tam Thuận xuất trình “giấy qua cửa”. Lý Tam Thuận nói:

- Phụng chỉ của Thánh mẫu Thái hậu đến Thuận Vương phủ tặng quà Trung thu.

Lính gác nói:

- Xuất trình giấy qua cửa là do trên quy định. Lý Tam Thuận nói:

- Cái con me này, còn không bảo mở cổng ra hả?

Hai tên lính gác thấy Lý Tam Thuận trừng mắt thì sợ hãi lùi về sau mấy bước. Chương Kinh Long Xương bước đến nói với Lý Tam Thuận:

- Mang đồ đi qua cửa cung phải có giấy chứng nhận mang đồ qua cửa.

Lý Tam Thuận lại mắng Chương Kinh Long Xương một chập, nhất quyết đòi đi qua. Lúc này có hai tên lính gác trực ban khác, một người tên là Ngọc Lâm, một người tên là Tường Phúc từ phòng trực ban bước ra, thấy Ngô Môn có chuyện cũng xúm đến, biết Lý Tam Thuận không có giấy qua cửa liền kiên quyết tuân thủ theo quy định, ngăn cản không cho đi. Nói:

- Yêu cầu xuất trình giấy là chức trách của lính gác cửa. Lý Tam Thuận lập tức nổi nóng, nói:

- Đây là phụng chỉ thường riêng cho vương gia, các ngươi dám không cho qua cửa hả!

Chương Kinh Long Xương nói:

- Này, cái thằng nhãi ranh không biết gì, nội giám mang đồ ra vào qua bốn cửa của Tử Cấm Thành đều có quy định riêng: “Kẻ không có giấy ghi rõ tên tự tiện ra, vào đánh!”. Này có biết không?

Lý Tam Thuận sợ lỡ mất đồ đặc mà Thái hậu giao cho liền giải thích.

- Xưa nay tiền thưởng cho vương gia đại thần đều không có giấy qua cửa, chỉ có thiếp hồng.

Vừa nói vừa móc thiếp hồng ra đưa cho lính gác xem. Nhưng Chương Kinh và bọn lính gác đều không xem, kiên quyết đòi phải có giấy qua cửa của Cảnh Vận Môn mới cho qua.

Lý Tam Thuận đành phải đến Cảnh Vận Môn lĩnh giấy qua cửa, vừa đi chưa xa, bọn lính gác ở Ngô Môn lại hét gọi quay lại. Lý Tam Thuận quay lại, lúc này Ngọc Lâm bước đến trước mặt Tam Thuận, thoát cái vịn tay phải của hắn, một tên lính gác khác là Tường Phúc cũng xông đến, túm chặt lấy vạt áo Lý Tam Thuận, hai người ấn hắn xuống đất, đầm đá một thôi một hồi rồi lôi Lý Tam Thuận vào ngõ trong cửa của Ngô Môn.

Lý Tam Thuận ngã gãy xương sườn bên trái, ngất lịm đi. Chương Kinh Long Xương thấy sự việc trở nên rắc rối to, liền vội vàng phái Thường Hòa đến phòng trực ban ở Cảnh Vận Môn báo cáo với thống lĩnh hộ quân Nhạc Lâm.

Nhạc Lâm vội đến Ngô Môn, thấy sự việc nghiêm trọng bèn một mặt sai viên Ti Thục trưởng là Lập Tường đưa Lý Tam Thuận vào phòng trực ban, mặt khác lấy lý do là thái giám không chịu phục tùng, thảo sớ tấu nói rằng: Thái giám và lính gác cùng cãi nhau, Thái giám theo hầu của Tây Thái hậu là Lý Tam Thuận bị lính gác đánh bị thương, xin giao lính gác cho bộ Hình xét xử.

Từ Hy Tây Thái hậu đang bị cảm nặng, biết Lý Tam Thuận không những chưa ra khỏi cửa

cung ma còn bị bọn hộ quân Ngọ Môn đánh cho một trận, bà ta nghĩ bụng. “Cả cái triều đình trên dưới này trong mắt không coi Thái hậu ta ra cái gì sao?”. Thế là mắng nhiếc loạn xị lên. Đông Thái hậu Từ An nghe tiếng bèn đến an ủi Từ Hy, khuyên bà ta không nên nghĩ ngợi lung tung.

Từ Hy nói:

- Chị à, chị xem em còn chưa chết mà đến hộ quân cũng khinh thường em quá vậy.

Từ An Thái hậu cũng tức tối nói:

- Ta phải giết chết đám hộ quân này, em đừng đau buồn nữa.

Hoàng đế Quang Tự đọc sớ tấu của Nhạc Lâm, vào ngày 13 tháng 8 bèn thông qua nội các, ban bố dụ chỉ, nói rằng:

“Ngày 13 tháng 8 năm Quang Tự thứ 6, nội các phụng thượng dụ, hôm qua quan binh trực ban ở Ngọ Môn có ấu đã thái giám làm lỡ mất đồ tặng phẩm. Hôm nay theo Nhạc Lâm tấu rằng: Thái giám không chịu cho ngăn cản, cãi nhau với binh đinh, xin giao binh đinh cho bộ Hình thẩm vấn giải quyết, đồng thời tự xin xử trảm, tình tiết đã tấu bày không phù hợp. Cửa cấm nơi trọng yếu nguyên phải truy hỏi nghiêm mật, nếu thái giám mua đồ tặng vật mà không hỏi han rõ ràng, động cái là ấu đã cũng thuộc loại không ra sự thể gì. Đại thần phủ nội vụ trước tổng quản sẽ cùng bộ Hình thẩm vấn xử lý bọn Ngọc Lâm nghiêm ngặt, thống lĩnh hộ quân Nhạc Lâm, Chương Kinh Long Xương, Ti Thước trưởng Lập Tường giao cho bộ Hình nghị xử, khâm thử”.

Mười sáu quan viên cao cấp gồm đại thần phủ nội vụ Tổng quản Ân Thừa, Thượng thư bộ hình Văn Dục, Tôn Nhân phủ Thuần Thân vương Dịch Huyền...

Để làm cho Từ Hy Thái hậu nguôi giận, vụ án này được xử như sau: Trung Hòa Hệ Giác là chủ đánh trăm trượng; tù giam hai năm, mãn hạn tù chịu thêm ba chục trượng nữa; Ngọc Lâm bị cách chức hộ quân, đánh cho trăm trượng, do là người thuộc Bát Kỳ nên xử bằng roi; Tường Phúc cách chức hộ quân, đánh cho trăm trượng, Thường Hòa không ra tay tại hiện trường nên miễn cho.

Lý Tam Thuận lúc đó muốn đến nơi thống lĩnh hộ quân ở Cảnh Vận Môn để lĩnh giấy qua cửa không cần kiến nghị gì với hộ quân Ngọc Lâm. Thống lĩnh hộ quân Nhạc Lâm thiếu đôn đốc kiểm tra binh đinh, giao cho bộ Binh tuân chỉ xử lý; Ti Thước trưởng Lập Tường, Chương Kinh Long Xương đã qua xử lý nên miễn cho.

Từ Hy Thái hậu xem kết quả thẩm sát thắc mắc tại sao không xử tử từng tên hộ quân một đi? Trong lòng bà vẫn rất không ưng ý liền lại lấy danh nghĩa của Quang Tự, hạ một chỉ dụ, nói:

“Bọn Ân Thừa tấu là đã thẩm tra rõ việc hộ quân trực ban đánh thái giám bị thương, thẩm vấn tỉ mỉ, khâm thử. Đại thần quân cơ lập tức truyền cho các nha môn phủ nội vụ, bộ hình và phủ Tôn Nhân biết”.

Chỉ dụ này vốn do một tay Từ Hy Thái hậu thao tác, khi Hoàng đế bù nhìn Quang Tự biết thì chỉ dụ đã ban ra rồi. Ông nói với Thị lang bộ Lễ Trần Bảo Thâm, người vừa đến triều kiến:

- Khanh có biết chuyện hộ quân Ngọ Môn ấu đã thái giám không? Trần Bảo Thâm đáp:

- Thần cũng đến vì việc đó đây.

- Ngày 13, Thái hậu lấy danh nghĩa của trẫm phát ra một chỉ dụ về việc này, nội các trình bản thảo lên cho trẫm phê duyệt, trẫm đã nhấn mạnh những từ “cấm môn nơi trọng yếu phải truy hỏi

nghiêm mật”, nào ngờ Thái hậu vẫn hận vì chưa giết được bọn hộ quân, cứ như thế, sau này thái giám tự tiện mang đồ vật ra ngoài, hộ quân thì sơ tội để mặc cho thái giám ra vào thoải mái, thì có hộ quân gác cửa với không có cũng như nhau cả!

Trần Bảo Thâm nói:

- Lòi Vạn tuế nói cực kỳ đúng, tiếc rằng Thánh mẫu không biết hậu quả của việc nghiêm phạt hộ quân!

- Ông nói tiếp - Lý Tam Thuận mang đồ ra khỏi cung, bất kể là phụng mệnh người nào, hộ quân gác cửa vẫn phải có trách nhiệm xét hỏi. Lý Tam Thuận ý thế Thái hậu, muốn đem đồ ra vào cửa cung thoải mái tự do, giả dụ các thái giám khác sau này cũng có thể giả mạo thánh chỉ, đem những vật phẩm quý báu trong cung ra ngoài thì hậu họa thật vô cùng!

Quang Tự nói:

- Tình cảnh của trẫm sư phụ không phải không biết, trẫm vẫn biết sư phụ nổi tiếng một thời vì dám dâng sớ bàn chuyện...

Trần Bảo Thâm biết ngay trong lời nói của Hoàng thượng có ẩn ý, ngầm bảo với ông rằng, lần này đem hộ quân trung thành với nhiệm vụ ra đánh trẫm trượng trên thực tế là đã phá hoại quy chế ở cửa cấm. Trần Bảo Thâm hiểu ý, về nhà thảo một bản tấu trình bày rõ về tính quan trọng của cửa cấm, dâng lên vào ngày mùng 4 tháng 12.

Phàm là trong cung nhận được tấu sớ của đại thần đầu tiên phải qua Từ Hy Thái hậu đọc duyệt. Hôm đó, Từ Hy Thái hậu đọc thấy sớ tấu của học sĩ nội các, thị lang bộ Lễ Trần Bảo Thâm viết rằng:

“... Hộ quân có chức trách tra xét ở cửa cấm, canh gác nơi nội sư ra vào, đều có quy chế riêng. Lần này bộ Hình xét xử bọn Ngọc Lâm, nói rằng chúng không nên ẩu đả ở nơi cấm địa, không bảo chúng không nên tra xét thái giám. Dụ chi từ đó phán xét chặt hơn, nói chúng không được coi thường chống lại ý chỉ, cũng không nói là chúng không được tra xét thái giám. Bình đình Thần Vũ Môn mắc tội không tra xét để ra vào tùy ý, tội xử là cách chức; bình đình Ngọ Môn do tra xét thái giám ra vào dẫn đến phạm luật gây tranh cãi phần nộ trong cung, tội cần khiển trách...”.

Trần Bảo Thâm dâng lên bản sớ tấu này, Quang Tự xem xong, vỗ bàn khen ngợi. Từ Hy, Từ An và rất nhiều đại thần đều cảm thấy có lý, Từ Hy Thái hậu giạt mình bưng tỉnh, Từ An Thái hậu cũng hỏi hân nói:

- Ta phải xá tội cho đám hộ quân này!

Theo quy định thời Càn Long: Phàm mang đồ đi ra khỏi cửa cung đều phải xin phòng kính sự và Cảnh Vận Môn cấp phiếu chứng nhận. Trong luật lệ triều Thanh cũng quy định rõ: Nội giám và phụng ngự nội sử, các quan quân giữ cửa đều phải thu giữ bằng hiệu ấn tín của người này, ghi tên đóng dấu vào sổ, viết rõ là đi đến nơi nào, làm việc gì, khi quay về cũng phải nhất loạt kiểm tra.

Lúc đó, Từ Hy gợi ý với Quang Tự, với đại thần phụ nội vụ Ân Thừa đến bảo ông truyền lại cho bộ Hình lập tức thu hồi tờ thượng dụ “thăm vấn tỉ mỉ hơn”.

# Hồi thứ mười một: TẮM MÌNH PHƯỢNG LÝ THÁI GIÁM KỲ LUNG “HẦU” DÂM HẬU CÙ HỌA SĨ HẾT LÒNG

Từ Hy Thái hậu ở góa vào tuổi 27, vẫn còn giữ được nguyên vẻ đẹp quyền rũ của người phụ nữ trẻ, nụ cười nghiêng thành để lộ hai hàm răng trắng đều tắp nhưng cũng không che được tâm địa ác độc xảo trá nham hiểm và dâm dăng. Thuốc nhuộm tóc của Pháp được nhập khẩu ở Thượng Hải đã biến bộ tóc xanh của Thái hậu thành màu đen nhánh. Trên đầu gài bông hoa sắc sỡ. Chân đi đôi giày lụa có khảm ngọc trai, đá quý. Thái hậu dạo bước trong Di Hòa Viên dưới ánh nắng lấp lánh của bầu trời khiến mọi người hoa mắt.

Trong ngày xuân đẹp trời này, Thái hậu vui vẻ gọi tiểu Lý từ đến chải đầu kiểu “hai bím tóc”, “cái đuôi chim yến” của kiểu đầu này trông giống như thật.

Lý Liên Anh giúp Thái hậu chải tóc, mặc dù tốn thời gian và công sức, nhưng kỹ thuật chải tóc của Lý Liên Anh không ai có thể sánh kịp. Thái giám Lưu Hỷ - một gã chải tóc có tiếng, khi nhìn thấy Lý Liên Anh chải tóc, cũng không ngớt lời ca ngợi.

Tóc Thái hậu dài bốn thước, mềm mại như lông thiên nga đen như lông quạ. Khi chải tóc phải chia làm hai phần, một phần trên đỉnh còn phần kia buông từ tai trở xuống sau khi dùng hai cái trâm ngà voi cài lên đầu, Thái hậu đi rửa mặt. Khi rửa mặt có dùng các loại nước hoa, xà phòng thời xưa.

Rửa mặt xong, các cung nữ lại mang đến một loại nước hoa và mỡ thực vật hòa lẫn với nhau. Thái hậu dùng tay lấy loại dầu này bôi lên mặt đến khi da mặt trắng và mềm mại. Sau đó, Lý Liên Anh rắc một ít nước hoa lên đầu Thái hậu. Công đoạn cuối cùng mới là gài hai bím tóc lên. Trên hai bím tóc, gắn đầy những viên đá lấp lánh, những bông hoa được làm từ ngọc trai và cả những bông hoa tươi vừa hái.

Hôm nay, Thái hậu mặc bộ áo dài màu xám nhạt có thêu hoa mẫu đơn, thay đôi giày kia bằng một đôi giày đế hoa màu trắng cao ba tấc. Mũi giày màu hồng bị vạt áo dài che kín chỉ để lộ “đế hoa” cao ba tấc. Đế hình bình hoa này được làm từ gỗ, được sơn một lớp màu trắng hoặc được dán một lớp vải trắng. Hình dáng của chiếc đế hình bình hoa này trông giống như chiếc lưng eo bé nhỏ của các cô bé yêu điệu thực nữ. Bên ngoài chiếc áo dài, Thái hậu còn khoác chiếc áo len cộc tay, thêu màu xanh da trời. Năm chiếc cúc ngọc trai bằng hạt tảo giống như mắt hổ trên hai vạt của chiếc áo khoác ngoài rất gây được sự chú ý của mọi người.

Hậu phi và các công chúa ở xung quanh Thái hậu cũng đều diện giày cao thêu hoa màu trắng. Trong ngự hoa viên trăm nghìn tiếng chim hót, rừng hoa muôn tía nghìn hồng, họ vừa đi vừa nói chuyện, mười mấy đôi giày đế bình hoa bước cộp cộp trên đường tạo thành một bản nhạc giao hưởng.

Vị chủ tể thống trị 400 triệu người này thường khoe mình là người sở hữu nhiều của quý nhất. Chỉ nói riêng về chiếc áo khoác ngoài kia đã khảm tới 3500 viên ngọc trai. Trên khuôn mặt của người phụ nữ trung niên này chưa hề xuất hiện một nếp nhăn nào.

Sau bữa ăn tối, Thái hậu thường đi tắm, đầu tiên là bắt cung nữ hầu kỳ lung, bà ta không vừa ý vì bọn cung nữ kỳ quá nhẹ, Thái hậu muốn Lý Liên Anh kỳ lung cho mình mới đã. Nhưng nói ra như thế nào đây? Thái hậu sợ bọn cung nữ khinh bỉ chê cười. Do vậy, trước khi bọn cung nữ chuẩn bị xông nước tắm, Thái hậu đã gọi Tiểu Lý Từ vào đợi sẵn ở phòng trong, sau đó Thái hậu cho bọn

cung nữ ra ngoài và nói “để ta tự tắm”. Bọn cung nữ ra khỏi phòng rồi, Thái hậu liền vào gọi Lý Liên Anh ra, gọi vào phòng hầu tắm cho mình, đồng thời bắt Lý Liên Anh cởi quần áo trước khi vào phòng. Lúc đó, Tiểu Lý Tử có phần sợ hãi, khi nhìn thấy Thái hậu trừng mắt bảo nhanh cởi quần áo hần sợ kháng chỉ bèn cởi hết quần áo bước vào phòng tắm. Từ Hy Thái hậu cũng nhanh chóng cởi quần áo bước vào phòng tắm. Tiểu Lý Tử ở trong phòng tắm nhìn thấy Thái hậu bước vào tim đập thình thịch. Nhưng Thái hậu khi thấy phần dưới của mình và Tiểu Lý Tử cũng như nhau có khác chẳng chút ít liền nói:

- Tiểu Lý Tử, ngươi cũng không có cái kia thì sợ gì?

Tiểu Lý Tử lúc đó rất hận bố mẹ hần, tại sao lại bắt hần làm thái giám, mặc dù cũng là một trang nam tử nhưng lại thiếu mất “cái kia”. Khi nhìn thấy Thái hậu cười nói tự nhiên Tiểu Lý Tử mới yên tâm chút. Tiểu Lý Tử ngưỡng mộ thân thể đầy đà mượt mà của Thái hậu, bờ vai trắng ngần, bầu ngực đầy đặn, cặp đùi tròn trịa mềm mại và cặp mắt cá chân nhỏ nhắn. Khi đó Lý Liên Anh nhớ đến bàn chân bó từ hồi nhỏ của mẹ hần, làm sao lại có bàn chân đẹp đến như vậy? Nhìn thấy vẻ đẹp yêu kiều và vóc dáng làm say đắm lòng người của Thái hậu, Lý Liên Anh cảm thấy tinh thần rối loạn.

Bỗng nhiên có tiếng Thái hậu gọi:

- Tiểu Lý Tử, nhanh bước vào bồn tắm kì lưng cho ta, ta thấy toàn thân nổi ngứa lên rồi đây!

Tiểu Lý Tử liền lấy khăn mặt giúp Thái hậu kì người... Từ hôm đó trở đi, Tiểu Lý Tử ban ngày thì phục vụ Thái hậu còn ban đêm thì cùng Thái hậu diễn trò trên giường.

Từ Hy Thái hậu hiểu rất rõ thuật dưỡng sinh. Mỗi bữa ăn lựa chọn một vài món ăn có chất dinh dưỡng trong hơn 120 món sơn hào hải vị. Mỗi ngày thái hậu uống ba lần sữa người vào buổi sáng, trưa, tối. Những người cung cấp sữa được phủ Nội vụ tuyển chọn, họ là những thiếu phụ vừa sinh con được vừa tròn một tháng. Sau khi vào cung, họ không được phép trở về nhà sống với chồng và gia đình, không được ăn thức ăn mặn, mỗi ngày nhà bếp nấu món chân giò cho họ ăn, không được cho một tí tẹo muối nào. Mỗi ngày đều phải tắm gội. Trong thời gian Thái hậu uống sữa, bất kể là mùa xuân, mùa hạ, mùa thu hay mùa đông, họ đều phải mặc một chiếc áo đơn mỏng màu đỏ, phải để mở cúc áo hở bầu vú, ngồi ở một tư thế cố định đúng tầm miệng của Thái hậu, thái hậu uống sữa giống như đứa trẻ con bú tí, mỗi lần bú khoảng nửa cân, sau đó những người cho bú này phải cúi đầu cảm tạ Thái hậu trước khi ra ngoài.

Từ Hy Thái hậu cũng hiểu rất rõ nghệ thuật làm đẹp. Trước khi đi ngủ, Thái hậu thường sai bọn cung nữ đập trứng, bỏ lòng đỏ, lấy lòng trắng cho vào lòng bàn tay xoa nhẹ, rồi bôi lên mặt, sau khoảng mười lăm phút những cơ bắp trên mặt sẽ co lại. Nếu như cứ để cơ bắp co lại sau một đêm những nếp nhăn trên mặt sẽ biến mất, sáng sớm hôm sau dùng nước rửa sạch. Sau đó cung nữ bê đến một loại nước hoa được chế biến một cách đặc biệt, kết hợp với mỡ thực vật xát lên mặt. Ngày nào cũng vậy, khuôn mặt của Thái hậu càng trắng trẻo và mềm mại. Dáng yêu kiều thực nữ và vẻ đẹp làm say đắm lòng người của Thái hậu không ngờ lại thu hút được một số đào kép nổi tiếng trong giới nghệ sĩ đương thời như: Đàm Hâm Bồi, Tôn Cúc Tiên, Uông Quế Thần, Dương Tiểu Lâu...

Từ Hy Thái hậu là người rất mê kịch hát, trong cung đình cũng có đội kịch có tên gọi Nam Uyển hý ban, nhưng những thành viên của đội kịch này đều là những thái giám. Thái hậu không vừa ý lời tiếng hát của bọn họ, ẻo ọt âm sắc không rõ ràng, vì vậy bà ta thường tìm các đội hát kịch ở bên ngoài, diễn xong, cũng có lúc lấy danh nghĩa là mời các nghệ sĩ hay hát kịch, Thái hậu thường để Dương Tiểu Lâu ở lại “nói chuyện kịch hát”.

Ngày mỗi ngày một dài lê thê. Và lại Thái hậu không chịu nổi sự cô đơn một mình trong phòng. Thái hậu thường nhớ lại những kỷ niệm đẹp đã qua. Hiện nay mặc dù đã có Lý Liên Anh làm bạn nhưng rốt cuộc thì gió mùa thu sao thể sánh được với gió xuân. Lý Liên Anh cũng tự biết sức mình,

hắn cũng biết tìm những gì tốt nhất cho Thái hậu. Ở bên ngoài, Lý Liên Anh có quen một chàng trai người phía nam, họ Quân tên là Cù An, người này tính tình du đãng, dâm ô, không có việc xấu gì không làm. Hắn thích hát những bài dân ca phương Nam, biết tấu những âm thanh lả lướt, đồng thời cũng biết vẽ vẽ ít nhiều về thư họa. Lý Liên Anh nghĩ người này sẽ rất hợp với thái hậu, bèn một mình dẫn anh ta vào cung. Thái hậu vừa nhìn thấy con người này đã bị tiếng sét ái tình dội xuống, Thái hậu hận là sao không gặp người này sớm hơn. Thái hậu nói với Lý Liên Anh:

- Đưa hắn vào cung sợ người ta bàn tán. Hiện nay bên cung Như ý đang thi chọn người biết hội họa, người hãy cho anh ta làm việc ở cung đó. Như vậy chẳng phải là danh chính ngôn thuận sao?

Thái hậu ban cho Quân Cù An một phủ ở gần cổng Hoa Đông Môn cách trời chỉ một thước ra lệnh cho anh ta ở đó mỗi ngày phải vào cung để ca hát “hội họa”.

Từ đó trở đi công quán của Quân Cù An và “ngoại gia” Lý Liên Anh cùng có thể coi như nhau được. Phủ của Quân Cù An có tới hơn ba chục người hầu. Nào ngờ vui quá hóa buồn. Thái hậu nói là vì tức giận với Quang Tự mà bị bệnh khó tiêu. Lý Liên Anh liền bảo bốn cung nữ hầu hạ Từ Hy Thái hậu rằng:

- Không được để bất kỳ một cung nữ hay một thái giám nào bước vào. Bốn cung nữ phải kín miệng như bưng.

Bốn cung nữ này là tâm phúc của Thái hậu. Vào những ngày này thì Từ An Thái hậu, các Vương gia và các đại công chúa đến hỏi thăm sức khỏe của Thái hậu, bốn cung nữ này đều trả lời rằng:

- Thánh mẫu cơ thể bất an, đang nghỉ ngơi! Vì vậy không cho phép bất cứ ai vào.

Bốn cung nữ này có tên gọi là: Phúc, Lộc, Thọ, Hỷ. Phúc và Lộc là hai người chuyên mặc quần áo cho Thái hậu còn Thọ và Hỷ là người cài trâm ngọc cho Thái hậu.

Lý Liên Anh ra lệnh cho Phúc Nhi nói với phủ thái giám rằng:

- Tây Thái hậu gần đây không muốn ăn cơm, để bảo đảm thánh thể của Thái hậu truyền cho phủ Nội vụ tìm một người có sữa vào cung.

Các quan đại thần của phủ Nội vụ lập tức cho người đi khắp nơi để tìm người mẹ trẻ, hôm sau tìm ngay được một người họ Quan đưa vào cung.

Tây thái hậu bị ốm nặng. Lý Liên Anh liền truyền cho hai thái y, Lý Đức Lập, Trang Thủ Kính vào cung Tri Xuân. Thái hậu nằm trên giường, thò bàn tay qua bức rèm, thái y quỳ ở phía ngoài bức rèm khám bệnh, hai ông khám một hồi mà vẫn không biết là bệnh gì liền rút lui ra ngoài.

Ra khỏi phòng, hai ông liền hỏi Lý Liên Anh tình hình sinh hoạt của Thái hậu. Lý Liên Anh nhất nhất nói rõ hết như lời Thái hậu. Trở lại phủ thái y, hai ông suy nghĩ rất lâu, cuối cùng Lý Đức Lập nói:

- Thái hậu tim mạch bình thường, chẳng qua là do can hỏa vượng mà bị như vậy, chứ không phải bị cảm lạnh.

Trang Thủ Kính nói:

- Theo ý kiến của tôi thì chỉ là do bị nóng trong mà thôi, tốt nhất là ta trình lên thuốc giải nhiệt.

Lý Đức Lập cũng đồng ý với ý kiến này, thế là hai vị thái y kê đơn thuốc, thuốc được bào chế ở phòng bào chế thuốc trong cung và chính tự tay Lý Liên Anh sắc cho Thái hậu. Thái hậu uống hết hai thang ma không thấy khỏi bệnh. Lý Liên Anh càng lo lắng đành phải nhờ sứ thần Tiết Phúc Thành mời người anh của anh ta là chuyên gia phụ sản ở Vô Tích tên là Tiết Phúc Trường đến khám bệnh cho Thái hậu.

Ngày hôm đó, Tiết Phúc Trường vào cung. Con người độc ác, xấu xa - Tiểu Lý Tử - đưa Tiết Phúc Trường vào phòng của thái giám trong cung Trường Xuân, ra lệnh cho Tiết Phúc Trường ngồi xuống rồi nói:

- Quy củ ở trong cung rất nghiêm không giống như ở bên ngoài đâu, khi anh bước vào trong phòng phải đi nhẹ, nói nhỏ, mắt không được nhìn ngang, hãy cẩn thận với cái đầu của anh đấy.

Tiết Phúc Trường sợ hãi đến run người, khi bước vào phòng của Thái hậu, Lý Liên Anh nói:

- Có một sản phụ, anh hãy đến khám cho bà ấy đi.

Tiểu Lý Tử mời Tiết Phúc Trường ngồi trước giường Thái hậu, mời Thái hậu cho tay qua bức rèm để bắt mạch. Sau khi khám bệnh xong Tiết Phúc Trường cho một liều thuốc bổ dưỡng sau khi sinh, liều thuốc rất hiệu nghiệm.

Từ Hy Thái hậu cần một người hầu đáng tin cậy, Lý Liên Anh liền tâm rắng:

- Nô tài có một cô em gái năm nay 23 tuổi tên là Lý Lệ Quỳnh có thể cho gọi vào cung để hầu hạ Thái hậu không?

Thái hậu nói:

- Tại sao ngươi không nói là có một người em gái? Lý Liên Anh đáp:

- Em của nô tài mới đưa đến cách đây không lâu, đi đường gặp nhiều trắc trở, nghe nói nô tài làm quan ở trong cung liền tìm đến. Mẹ của nô tài cũng đã mất rồi.

Từ Hy nói:

- Hãy nhanh dẫn cô ta vào cung đi!

Ngày hôm sau, Lý Liên Anh liền dẫn em gái vào cung, cô ta khá xinh đẹp, thông minh, rất vừa ý Thái hậu. Thái hậu nói:

- Từ nay về sau hãy gọi cô ta là Đại cô nương! Thế là Lý Lệ Quỳnh ở bên cạnh hầu hạ Thái hậu.

Sau khi mẹ mất, Lý Lệ Quỳnh sống bơ vợ không nơi nương tựa, về sau cô nghe anh Ba nói anh Hai đang làm việc ở Tử Cấm Thành liền đến kinh thành nghe ngóng. Anh Ba ở ngoài cung đã ba tháng mà không dám vào cung hỏi, nếu hỏi nhằm đầu mất như chơi. Có lần ở Tây An môn gặp một vị thái giám già, anh Ba liền đem tuổi và năm vào cung của anh Hai ra hỏi. Vị thái giám kia vừa nghe xong liền nói:

- Nếu thật đó là anh Hai ngươi thì ngươi có tin được không? Anh ta là một người rất quan trọng bên cạnh Hoàng Thái hậu".

Chính vì tin tức mà vị thái giám già tốt bụng cho biết, anh em Lý Liên Anh mới có dịp gặp nhau.



Đầu tiên Lý Lệ Quỳnh cũng không muốn vào cung, bởi vì cô biết rằng khi đã vào cung rồi thì sẽ rất khó ra, có thể sẽ vĩnh viễn mất đi tuổi thanh xuân của mình. Lý Liên Anh nói với em gái:

- Trong triều cũng có người thạo việc, em chỉ cần làm theo lời anh, bảo đảm là em sẽ được chọn làm Hoàng hậu.

Lệ Quỳnh nói:

- Lời của anh Hai bây giờ em nghe không hiểu, những công chúa, quý phi đều là con gái của Cung Vương các phủ, đều ở trong đội Bát Kỳ của phủ Nội vụ, thì nói gì đến chúng ta, chỉ là một cung nữ bình thường.

Lý Liên Anh nói:

- Em thật hồ đồ, việc ở trong cung, em chỉ biết một chữ biết thế nào được hai. Tục ngữ nói, Hoàng thượng có tam cung lục viện, 72 phi tần, đó là qui định của mọi triều trước, triều đại này tuy đã được xóa bỏ, nhưng ngoài một Hoàng hậu và hai Quý phi ra, Hoàng thượng vẫn có thể tự do lựa chọn những người khác nữa. Trong số các cung nữ, nếu có người nào tài sắc hơn người vẫn có thể được Hoàng thượng phong làm Quý nhân. Quý nhân nếu sinh được Hoàng tử thì có thể phong làm Quý phi. Nếu vị Hoàng tử này là con một, đương nhiên có thể lên ngôi. Mặc dù do Quý phi sinh ra, nhưng người sinh cũng được phong làm Hoàng hậu. chỉ cần vài năm ở trong triều là em cũng có thể sẽ trở thành người như Từ Hy Thái hậu bây giờ thôi. Từ Hy Thái hậu trước kia chẳng phải là một quý nhân bình thường hay sao? Do Đông cung Thái hậu không sinh được con. Quý phi sinh được con trai là Đồng Trị. Đồng Trị được lên ngôi thì Quý phi cũng được một bước lên trời, được phong làm Từ Hy Thái hậu bây giờ. Nếu em khéo mồm chài một chút, được Hoàng thượng để ý đến, tận tâm phục vụ người, anh sẽ bảo Thái hậu tác động thêm thì việc em trở thành Quý nhân cũng sẽ rất đơn giản, đến lúc đó các mệnh phụ của các phủ nhìn thấy em sẽ phải vắn an em, nếu em được lòng trời sinh cho Hoàng đế Quang Tự một hoàng tử, thì em có thể được phong làm Hoàng hậu như trở bàn tay thôi. Bà Hoàng hậu bây giờ Quang Tự rất ghét. Quang Tự hiện giờ không có Hoàng tử, đến lúc đó thì bà ta sẽ được em cho ra rìa ngay.

Lệ Quỳnh nghe những lời của anh Hai nói như mơ cờ trong bụng, liền cầu cứu anh:

- Việc của em trông cậy cả ở anh Hai, anh Hai hãy để ý giúp đỡ em.

Hoàng đế Quang Tự không ham mê nữ sắc, từ nhỏ Quang Tự thích nhất là đọc sách, nhìn thấy diện mạo của Lý Lệ Quỳnh mặc dù trong lòng không thích nhưng do Quang Tự luôn có thái độ tốt với đầy tớ, đặc biệt là luôn tỏ ra bao dung cung nữ, thái giám, nô tỳ, kẻ dưới, Lý Lệ Quỳnh lại hiểu nhầm là Quang Tự thích cô, từ đó càng để ý chăm chút sắc đẹp. Lý Liên Anh cũng nghĩ Quang Tự có tình ý với em gái mình, liền nhờ các phu nhân của các sứ thần Anh, Mỹ, Pháp mua cho quần áo, các đồ mỹ phẩm như nước hoa, xà phòng, phấn để trang điểm. Mỗi lần gặp Quang Tự, Lý Lệ Quỳnh đều tìm cách quyến rũ, kêu gọi.

Một hôm, Lý Lệ Quỳnh tay cầm cái lấy rẩy tai nói:

- Thiếp có một cái lấy rẩy tai của Pháp rất tuyệt vời, để thiếp lấy rẩy tai cho Hoàng thượng?

Quang Tự nói ngay:

- Tai trẫm không ngứa.

Lại có một lần Lý Lệ Quỳnh mặc một chiếc áo da màu hồng nhạt có thêu chữ vàng. Trong cung chỉ có một mình Lý Lệ Quỳnh ăn mặc như vậy. Ngày hôm đó, lúc gặp Quang Tự, sau khi vắn an, Lý Lệ Quỳnh vừa cười vừa nói với Hoàng thượng:

- Thừa Hoàng thượng, nô tì một ngày không nhìn thấy Long nhan thì trong lòng không yên!

Quang Tự thấy Lý Lệ Quỳnh ăn nói tùy tiện như vậy liền nghiêm mặt:

- Sao ngươi lại có thể thiếu đứng đắn như vậy!

Lời nói của Quang Tự khiến Lệ Quỳnh đỏ chín mặt, chán chường đi tìm anh Hai than thở:

- Hoàng thượng nói em là người thiếu đứng đắn, tất cả đều tại anh... nói rồi cô thút thút khóc.

Lý Liên Anh nghe xong bảo:

- Em ạ, em đừng nóng vội, phải bình tĩnh nhẫn nại, phải tiến từng bước. Sau này phải thông minh hơn mới được, phải nhìn sắc mặt của Hoàng thượng mà làm. Mấy ngày hôm nay quân Nhật xâm lược vùng duyên hải, việc đại sự như vậy Hoàng đế làm sao có thể vui được. Qua một vài ngày nữa, khi mọi việc đã qua, Hoàng thượng sẽ bình tĩnh hơn. Hoàng thượng là người biết ăn nói, người rất hòa nhã và đồng tình với nô tì, không tin ngày mai em hãy thử lại xem?

Lý Lệ Quỳnh rấp tâm muốn làm Hoàng hậu, ruột nóng như lửa đốt, không nhẫn nại được một ngày liền đi tìm Hoàng thượng, không ngờ khi cô vừa bước lên bậc vào cung Dục Khánh thì Quang Tự đã nhìn thấy, khi cô há hững bước vào cung Dục Khánh liền bị Quang Tự đuổi về. Lệ Quỳnh xấu hổ quá. Trở về phòng mình cô khóc nức nở, vút đây xuống đất những đồ mỹ phẩm cao cấp mà Lý Liên Anh nhờ người nước ngoài mua, cô thể là sẽ không bao giờ đi tìm “gã Hoàng thượng khốn nạn đó”.

Sau sự việc này, Lý Liên Anh lại đến gặp em gái. Vừa bước vào phòng mùi nước hoa sặc lên mũi, nhìn quanh, Lý Liên Anh thấy dưới đất đầy quần áo, vải vóc, mảnh vụn lọ nước hoa, em gái đầu tóc rũ rượi ngủ trên giường. Lý Liên Anh đánh thức em gái dậy, nghe em kể lại sự việc, rất cău giận lập tức đi tâu với Thái hậu:

- Hoàng thượng hôm nay trêu ghẹo em gái thân! Thái hậu nghe xong rất tức giận nói:

- Ta đã biết hôn quân bất tài này không đứng đắn, lại dám trêu ghẹo em gái ngươi, hãy bảo với Đại cô nương lần sau không để ý đến vị hôn quân này nữa.

Lý Lệ Quỳnh biết là bị anh Hai lừa liền muốn dời khỏi cung. Về sau Viên Thế Khải biết sự việc này, vì muốn lấy lòng Lý Liên Anh nên đã giúp em gái Lý Liên Anh tìm một người chồng tốt tên là Bạch Thọ Sơn người Bát Kỳ, làm Lang trung phủ Nội vụ. Sau khi kết hôn cuộc sống của họ rất sung túc. Viên Thế Khải muốn tâu với Hoàng thượng để Thọ Sơn làm đại thần luyện quân nhưng Thọ Sơn không chịu. Viên Thế Khải liền nhờ Lý Liên Anh thuyết phục Thọ Sơn. Nhưng Bạch Thọ Sơn là người chân chính, coi thường Viên Thế Khải, anh ta nói với Lý Liên Anh:

- Nhờ anh Hai nói lại với Viên Thế Khải là Thọ Sơn này không dám tuân lệnh.

Thì ra Bạch Thọ Sơn đã sớm biết Lý Hồng Chương và Viên Thế Khải câu kết với nhau làm việc xấu, lại cùng câu kết với cả Lý Liên Anh. Lý Lệ Quỳnh ôm hận trong lòng, đương nhiên là tán thành cách nhìn của chồng, phản đối bọn lòng lang dạ sói kia.

Chuyện kể rằng Đông Thái hậu Nữ Hộ Lộc nghe tin Thái hậu bị bệnh, để thất sâu mối thân tình, bà liền đi thăm hỏi. Tới cung Trường Xuân, chưa vào đến bên trong đã nghe tiếng Hỷ Nhi ra nghênh đón:

- Thánh mẫu sức khỏe không tốt, dặn nô tì phàm là những người đến vấn an thì không dám phiền.

Từ An Thái hậu nói:

- Sức khỏe của Thánh mẫu không tốt, ta đã có ý đến hỏi thăm, ta không phải như các quan đại thần khác.

Lúc đó ở bên trong Từ Hy Thái hậu đã nghe được cuộc đối thoại của Đông cung Thái hậu và Hy Nhi. Từ Hy sợ Từ An bước vào phòng, nên chui vào chăn giả vờ ngủ. Từ An Thái hậu bỏ mặc những lời ngăn cản của Hy Nhi bước vào phòng ngủ của Từ Hy. Từ An nói:

- Không cần kinh động đến Thái hậu, ta sẽ ngồi đây đợi em ta tỉnh dậy. Từ An Thái hậu ngồi đợi một tiếng đồng hồ, Từ Hy nằm trong chăn không thể chịu đựng hơn được nữa liền ngó đầu ra ngoài thấy Từ An Thái hậu ngồi ở đó vội nói:

- Chị đến lúc nào vậy, xin hãy thứ lỗi vì em không ra tiếp đón. Mấy ngày hôm nay dạ dày em không được tốt, không muốn ăn, chỉ cần ngồi xuống là hoa mắt chóng mặt. Mọi việc đại sự trong triều đều do chị gánh vác.

Từ An nói:

- Em đừng nên lo lắng, phải giữ gìn sức khỏe, mọi việc trong triều không cần quan tâm làm gì.

Từ Hy Thái hậu với lòng đã nghi và vốn đã không vững tin, lại bị những lời nói khó hiểu của Đông cung, trong lòng rất hận Từ An. Mặc dù trong lòng tức tối nhưng bề ngoài vẫn vâng vâng dạ dạ, không dám thất lễ. Còn Từ An với bản tính tốt của mình thì lại không thể nhìn ra sự thù hận của Từ Hy Thái hậu.

Sau đó không lâu Từ An Thái hậu bị bệnh, đã qua mấy ngày mà không khỏi, thuốc của Phủ thái y cũng không có kết quả. Từ Hy Thái hậu đến cung Chung Túy hỏi thăm sức khỏe của Từ An. Từ Hy bưng đến một bát nhân sâm tự tay mình nấu cho Từ An uống. Ngày hôm sau qua nhiên bệnh của Từ An khỏi hẳn, Từ An rất cảm động. Hai ngày sau, Từ An đến thăm Từ Hy, Từ Hy rất nhiệt tình tiếp đãi. Từ An đột nhiên nhìn thấy tay trái của Từ Hy có quần miếng băng liền hỏi:

- Tay em bị làm sao vậy?

Từ Hy đáp:

- Hôm trước em nấu bát canh cho chị, cắt một miếng thịt cho vào bát canh nấu. Em đã xem câu chuyện “cắt thịt trị bệnh” trong sách nên em cũng làm như vậy.

Từ An nghe xong tin quá cảm động rơi nước mắt.

- Em có lòng tốt như vậy, chị làm sao có thể ngồi yên được. Ngày hôm sau Từ An lại đến cung của Từ Hy nói chuyện, bày tỏ thái độ cảm động của mình với Từ Hy. Hai người vừa ngồi xuống Từ An nói:

- Chị em chúng ta đã ở với nhau hai mươi năm nay còn thân hơn cả chị em ruột của chị. Hiện nay có một vật chị đã giữ nhiều năm là do tiên đế truyền lại cho chị. Nếu như về sau có rơi vào tay người khác sẽ nghi ngờ chúng ta chi bằng mặt không bằng lòng.

Từ Hy Thái hậu nghe xong trong lòng rất lo lắng nhưng bề ngoài có vẻ rất trấn tĩnh hỏi:

- Chị ơi, đó là bảo vật gì vậy?

Từ An rút ra chiếu thư của Tiên đế đưa cho Từ Hy.

Chiếu thư viết: “Na Lạp Thị nếu sau này có cậy thế ức hiếp người, không tôn trọng luật nước có thể xử theo gia pháp...”.

Từ Hy xem được những dòng chiếu thư này, mặt biến sắc, nhưng lập tức giữ được bình tĩnh, run run cầm tay Từ An Thái hậu khóc và nói:

- Em đã ở cùng Tiên đế hơn 10 năm, đồng tâm đồng ý, một lòng tương thân tương ái, em thật không ngờ Tiên đế lại viết ra chiếu thư này, ngày hôm nay nếu không có chị đưa cho xem thì em vẫn đang ở trong mộng vậy.

Từ An Thái hậu an ủi Từ Hy một hồi rồi cầm chiếu thư trong tay Từ Hy cho vào ngọn nến đốt và nói:

- Ta đã phục mệnh Tiên đế rồi.

Điều này cho thấy người viết đã tham khảo một bản chiếu thư khác mà Hàm Phong giao cho Đông cung Từ An.

Tây cung vì sinh được quý tử, không thể không tôn làm Thái hậu, nhưng con người này tuyệt không thể tin. Tức nếu không có việc gì, người cũng có thể giải quyết được. Người đó không có điều gì sai sót, vẫn để cho hưởng ân lễ vẹn toàn. Nhưng nếu tỏ ra xằng bậy, người nên triệu tập các đình thần lại, đọc rõ tuyên chi của trẫm, lập tức ban cho được chết để trừ hậu họa v.v...

Từ Hy nhìn ngọn lửa đang thiêu cháy chiếu thư và nghĩ thầm rằng: “Từ An ơi Từ An, cái chiếu thư này người đã giấu hai mươi năm nay, người giấu ta kỹ quá đấy! Ở Thừa Đức, ta đã thấy người tốt với Túc Thuận, người dường như đã đưa ta lên đoạn đầu đài, người đã mất bao công sức, hôm nay lại tự chui đầu vào rọ! Hôm nay ta không thanh toán với người thì lại phải đợi đến bao giờ?

Vào bây giờ sáng ngày 10/3 năm thứ 7 đời Quang Tự (1881), Cung Thân vương Dịch Hân, quân cơ đại thần Ta Tôn Đường, Thượng thư đại học sĩ Lý Hồng Tảo, Thị lang Vương Văn Thiệu cùng nhau đến gặp 2 Thái hậu Từ An và Từ Hy. Sau giờ Ngọ trong cung bỗng có chi truyền ra rằng: Từ An Thái hậu băng hà. Lúc đó Từ An mới 45 tuổi, triều đình trên dưới không khỏi kinh ngạc.

Từ An Thái hậu là người trong hàng ngũ Bát Kỳ ở Tương Hoàng Mãn Châu, tên là Nữ Hộ Lộ thị. Bà là con gái của Đạo Đài Mục Dương A ở đạo Hữu Giang Quảng Tây, được phong Tán vào năm thứ 2 đời Hàm Phong (năm 1852) làm Quý phi và được lập làm Hoàng hậu. Khi Từ Hy vào cung được phong làm Lan Quý phi, gặp Hoàng hậu đều phải quỳ lạy. Đến tháng 2 năm thứ 4 đời Hàm Phong, Lan Quý phi được phong làm Ý Tán. Từ khi có tin vui sinh được con trai đã được tăng lên ba cấp, không phải là Hoàng hậu mà cũng được là Thái hậu.

Sáng mùng 10 tháng 3, Từ An vẫn cùng với các quan đại thần nghị sự, khi ăn cơm trưa Từ An bỗng kêu đau bụng, các cung nữ và thái giám rất sợ hãi, thủ lĩnh thái giám phái người đến cung Trường Xuân mời Tây Thái hậu Từ Hy, truyền cho thái y đến xem bệnh, đến cung Càn Thanh mời hoàng đế Quang Tự, đồng thời cũng phái người đến mời vợ chồng người em Từ An Thái hậu vào cung...

Tây Thái hậu đến giường của Từ An, Từ An Thái hậu đã tắt thở. Bà ra lệnh cho các vương công đại thần, lục bộ cửu khanh đại thần phủ Nội vụ, hàng ngũ Bát Kỳ đứng ngoài chờ triệu kiến. Khi các thái y chạy đến và Quang Tự từ phòng sách xuống thì Từ An Thái hậu đã băng hà được một lúc lâu rồi. Quang Tự quỳ xuống bên giường gục xuống người Từ An khóc lóc thảm thiết. Sau đó không

lâu, vợ chồng Quảng Công gia cũng đến.

Quảng Công hỏi:

- Không nghe thấy tin chị ốm tại sao bỗng nhiên lại qua đời vậy? Một cung nữ nói:

- Sắp đến giờ ăn trưa thì Tây Thái hậu cho người mang bánh ngọt đến, Đông Thái hậu ăn được hai miếng thì kêu đau bụng.

Từ Hy Thái hậu nghe xong liền nói:

- Con nô tì kia, người muốn gây chuyện rắc rối hay sao? Nói rồi Từ Hy trừng mắt sai người đem nô tì đó ra ngoài. Người cung nữ này chính là người tâm phúc bên cạnh Từ An Thái hậu tên là Cầm Nhi. Tiểu Cầm liền quỳ xuống nói:

- Lần sau nô tì không dám.

Nhưng thái giám tâm phúc của Từ Hy vẫn lôi cô ra ngoài cung Trường Xuân thẩm vấn và sẽ giết cô. Vợ chồng Quảng Công trong lòng đã rõ mọi việc, đây chính là do Tây Thái hậu mưu sát nhưng họ không dám nói ra.

Đêm khuya, Từ Hy Thái hậu lên điện. Bà ta cho triệu kiến Cung Thân vương Lý Hồng Tảo, Bảo Vân. Dặn Cung Thân vương rằng: Từ An Thái hậu không may qua đời, các quan lại nhà môn đều phải đi tang. Bà còn viết chiếu: “Truyền cho Cung Thân vương Dịch Hân, Thuần Thân vương Dịch Huyền, Đại học sĩ Bảo Vân, đại học sĩ Lý Hồng Tảo, Thượng thư bộ Công Vinh Lộc... Tổ chức tang lễ, Bộ Lễ phải viết điều văn. Đồng thời truyền khẩu dụ cho phủ Nội vụ phát tang phục cho các nha môn, mọi người trong phủ vào cung hành lễ.

Ngày hôm sau, bộ Lễ đem đến trình bản hành lễ. Bản hành lễ viết rằng: Từ Hy Thái hậu dẫn các quyền thuộc trong cung ngày ngày hành lễ. Các Quý phi ngày ngày dẫn phúc tấn mệnh phụ hành lễ.

Từ Hy Thái hậu xem xong bản hành lễ rất tức giận, lập tức cho triệu Cung Thân vương Dịch Hân đến và hỏi:

- Bản hành lễ mà bộ Lễ trình tại sao lại có tên ta, việc này ta không hiểu nên cho triệu khanh đến.

Cung Thân vương Dịch Hân đáp:

- Đưa Thái hậu vào trong bản hành lễ chính là để làm tấm gương cho các quần thần.

- Từ An Thái hậu là Thái hậu chẳng lẽ ta không phải là Thái hậu hay sao? Đều là Thái hậu tại sao ta lại phải mặc tang phục chịu tang? Huống hồ Mục tôn Hoàng đế là người ta sinh ra, Từ An Thái hậu đã từng sinh ra ai chưa?

- Đây cũng là quy định của gia pháp, trong triều Hoàng Thái hậu không thể không tuân theo?

- Tuân theo thì cũng phải có cái lẽ của nó, đây là gia pháp của triều nào vậy?

- Từ An Thái hậu là Thượng mẫu Hoàng Thái hậu, Thánh mẫu Thái hậu tất nhiên phải đi hành lễ rồi.

Từ Hy thấy Lục Vương gia Dịch Hân ăn nói rất sắc bén, không muốn cùng ông ta tranh luận tiếp, bèn nói:

- Người hãy lui ra ngoài và gọi Lý Hồng Tảo và Diên Tích ở bộ Lễ vào đây.

Tây Thái hậu nghiêm giọng hỏi Diên Tích:

- Trong cuộc hành lễ đại tang của Đông Thái hậu, tại sao lại bắt ta hành lễ, các người hãy nói đi!.

Diên Tích không chút vội vàng từ tốn đáp:

- Dạ đó là thần tuân theo lệ cũ ạ.

Tây Thái hậu nói:

- Ta không nghe nói cái lệ là Thái hậu phải hành tang đại lễ cho Thái hậu bao giờ cả. Ta và Đông Thái hậu không có gì khác nhau, tại sao ta lại phải chịu tang bà ấy? Nếu ta chết trước bà ấy, liệu Từ An Thái hậu có chịu tang cho ta không?

- Theo lệ là không.

- Tại sao vậy?

- Thượng mẫu Hoàng Thái hậu vào cung trước thánh mẫu Hoàng Thái hậu, do đó hạ quan không thể không...

Diên Tích chưa nói hết câu, Từ Hy đã hiểu, thì ra là khi bà vào cung mới chỉ là Lan Quý nhân nhỏ nhoi, Từ An đã là Hoàng hậu rồi. Nghe những lời của Diên Tích, Tây Thái hậu bật khóc, vừa khóc vừa nói:

- Vậy trong mắt các người có còn có ta hay không?

Lý Hồng Tảo liền nói:

- Nếu Thái hậu không coi các Hoàng đế cũ là Hoàng đế, không coi Đông cung Thái hậu là Hoàng hậu, không thừa nhận mình là Tây Thái hậu thì các quần thần cũng không dám đưa vào danh sách này.

Những lời này như đánh vào tâm can Từ Hy khiến bà ta không nói được lời nào. Lặng đi một lúc, Thái hậu đã nghĩ ra, hiện giờ kẻ kinh địch đã bị tiêu diệt, đi làm đại lễ cũng đáng, bèn nói:

- Các người hãy ra ngoài, ta sẽ đi hành lễ.

Lý Hồng Tảo và Diên Tích lui ra ngoài, trên đường Diên Tích nói với Lý Hồng Tảo:

- Chúng ta đã không hổ thẹn với các liệt tổ liệt tông, chết cũng không có gì ân hận nữa rồi.

Về cái chết của Đông cung, mọi việc bên trong, Hoàng thượng cũng chỉ biết đại khái. Trân Phi nói với Hoàng đế Quang Tự:

- Đông Cung là do Thánh mẫu Từ Hy Thái hậu hại chết, điều này không còn phải nghi ngờ gì nữa.

Quang Tự nói:

- Việc này là do Tiên đế Hàm Phong đi chiếu lại.

Trần Phi nói:

- Trời làm việc ác còn khó có thể làm, tự mình làm việc ác thì khó có thể sống yên được; ác giả ác báo, đáng tiếc là Thánh mẫu không phải là phật đồ, nếu đệ tử của phật làm điều ác thì khi chết sẽ không được yên thân, bị vào vạc dầu.

Liên Anh. Lý Liên Anh lại thêm mắm thêm muối vào để tâu lên Từ Hy Thái hậu.

Họ đâu có ngờ rằng những lời nói vừa rồi đã bị thái giám ở bên cạnh Hoàng đế do Lý Liên Anh phái đến nghe được và đã đem bẩm báo lại cho Lý Liên Anh.

- Nếu Thánh mẫu hạ chỉ sai đại thần đi chắc chắn sẽ gây bàn tán xôn xao. Nô tài muốn tự mình đến Áo Đông xem xét hàng thù ở đó, chỉ sợ thánh mẫu không bằng lòng.

Thực ra, tiểu An Tử cũng giống như đa số các đại thần trong cung, không say rượu thịt đầy mâm, chỉ thêm được tiêu dao sơn thủy. Từ Hy Thái hậu cũng hiểu rằng tiểu An Tử trong cung lâu ngày buồn chán, muốn được ra ngoài cho hả hê một bận. Nhưng Thái hậu không thể rời xa tiểu An Tử đến một phút, chuyện buồn, chuyện khổ trong lòng cũng chỉ có thể than thở với hán mà thôi, nên nói:

- Người cũng biết rồi đấy, tổ chế triều ta không cho phép thái giám tự mình đi xa 40 mươi dặm. Nếu ta hạ chỉ cho người đi đặt quần áo cưới cho Hoàng thượng, chỉ cần một bản tấu phản đối của các đại thần là ta cũng rắc rối rồi.

An Đức Hải khôn ngoan phản đối:

- Đại hôn lễ của Hoàng đế Đồng Trị là việc lớn trong thiên hạ, vậy mà Thái hậu vẫn cứ nhắc đi nhắc lại chuyện tổ chế với tấu chương. Nô tài xem cứ kéo dài mãi thế này thì Thái hậu chẳng còn tí tự do nào cả. Thái hậu cũng biết đấy, các vương công đại thần, rồi cả Từ An Thái hậu nữa, ai cũng nói phiến phiến thôi. Vậy tại sao thánh mẫu lúc nào cũng tuân thủ tổ chế, phép tắc thế?

Tiểu An Tử vốn là kẻ ma mãnh, vậy là đã qua được cửa của Từ Hy. Thái hậu nghe hán nói xong liền phán:

- Nhà người nếu muốn đi thì chỉ được bí mật mà đi thôi. Các đại thần biết được mà dăng sớ lên thì ta cũng không che chở được cho người đâu.

Trước khi An Đức Hải lên đường, Thái hậu còn lo lộ chuyện, dặn đi dặn lại An Đức Hải là: “Người chỉ nên mang theo 2 thái giám cùng đi, trên đường nhớ cẩn thận, không được xuất đầu lộ diện đâu đấy. Nhớ là nhanh nhanh mà trở lại kinh thành. Hay người cải trang thành thương nhân mà đi cho yên ổn”.

Ngày 13/8/1869 (tức ngày 6 tháng 7 năm thứ 8 Đồng Trị), An Đức Hải như ngựa sông chuồng, không quản gì đến lời dặn của Từ Hy, dẫn theo một đoàn tùy tùng, trông dong cò mở rầm rộ kéo qua Đông Trục Môn kéo về hướng Thương Châu. Chiếc thuyền lớn xuôi dòng theo hướng Hồ Na, trên thuyền phấp phới là cờ với hàng chữ lớn: “Khâm sai phụng chỉ đặt may long bào”. Đoàn thuyền của An Đức Hải đi đến đâu, dân chúng như nêo đứng chặt hai bên bờ ngó nghiêng thích thú. Mỗi khi qua bất kể châu huyện nào, An Đức Hải cũng tha sức vơ vét, chán rồi mới chịu rời đi khiến ai nấy bàn tán, oán thán không ngừng.

Khi đoàn thuyền đã qua Thương Châu, đến địa giới Phủ Đức Châu, tỉnh Sơn Đông, viên tri châu là Triệu Tân Hoạch được tin thái giám An Đức Hải ngồi thuyền có cấm cờ khâm sai đại thần chuẩn bị đi qua, vội vã báo tin cho tuần phủ Sơn Đông là Đinh Bảo Trinh ở phủ Tế Nam biết, mục đích là để tăng cường bảo vệ. Đinh Bảo Trinh được tin thầm nghĩ: “Tại sao việc này không được triều đình thông báo trước? An Đức Hải là một thái giám được Từ Hy thái hậu ân sủng đưa lên làm thái giám tổng quản, nhưng dù có như vậy thì trước khi đi đâu, cũng phải có thánh chỉ của triều đình thông báo trước mới phải. Hay đây là chuyện đi bí mật. Nhưng bí mật mà lại sai một thái giám với đầy đủ cờ quạt của triều đình? Rõ ràng là làm loạn vương pháp rồi. Triều đình sao có thể coi thường tổ chế như thế!”.

Thế rồi, Đinh tuần phủ thảo ngay một bản tấu, sai người đem thẳng về Bắc Kinh báo cáo với Cung thân vương. Cung thân vương Dịch Hân hằng ngày thấy An Đức Hải quyền uy quá lớn, đến long bào của Hàm Phong, có lần Từ Hy còn cho hắn mặc thử nên cũng không có cảm tình với hắn. Các đại thần trong triều nhiều người cũng chỉ tức khí mà không ai dám nói gì cả. Thậm chí tiểu Hoàng đế cũng có phần nể sợ An Đức Hải. Một lần, khi còn nhỏ, lúc cùng tiểu thái giám chơi trò nặn đất, tiểu Hoàng đế Đồng Trị đã moi mắt của người đất, rồi chặt bỏ đầu, nói đấy là đầu của An Đức Hải. Có lần, Đồng Trị vẽ một người lên giấy rồi lấy dao khoét mắt khoét mũi, cũng nói đó là An Đức Hải. Rồi có lần, Hoàng đế lặng thinh tìm đến phòng ngủ của mẫu hậu, thấy mẫu hậu và tiểu An Từ đang ôm chặt lấy nhau ở trên giường. Chính vì thế mà Từ Hy và cả An Đức Hải đều rất ghét bỏ tiểu hoàng đế.

Cung Thân vương Dịch Hân cảm thấy giật mình khi nhận được bản tấu của Đinh Bảo Trinh. Cả triều đình không ai hay biết chuyện này cả. Dịch Hân lập tức vào cung xin diện kiến Từ Hy Thái hậu, nhưng đúng lúc Thái hậu đang xem kịch trong vườn. Cung Thân vương lại vào xin gặp Từ An. Từ An Đông Thái hậu sau khi đọc duyệt bản mật tấu của Đinh Bảo Trinh liền nói:

- Tiểu An Từ rồi cung lúc nào, tại sao ta không biết? Lẽ ra cái gì cũng phải theo luật pháp mà làm chứ! Dù sao việc này cũng nên nói qua với Tây Thái hậu.

Cung Thân vương nói:

- An Đức Hải đã vi phạm tổ chế, tự mình rời khỏi kinh thành, không coi luật pháp ra gì, tội phải nghiêm trị, Thái hậu nên lập tức lệnh cho Đinh Bảo Trinh bắt giam xử tội.

Từ An suy nghĩ hồi lâu rồi nói:

- Tây Thái hậu sủng ái nhất tiểu An Từ, nếu ta hạ chỉ nghiêm trị, sợ bà ấy không hài lòng. Vì thế, ta không tiện đứng ra xử lý việc này.

Cung Thân vương lúc ấy rất muốn mượn dao để trừ khử An Đức Hải nên nghe Đông Thái hậu nói thế lập tức tỏ ý phản đối:

- Tây Thái hậu thì cũng không được đi ngược lại phép tắc tổ tiên, coi thường gia pháp triều ta. Bây giờ có An Đức Hải thì sẽ chẳng có phép tắc tổ chế gì cả. Chuyện này Thượng mẫu Thái hậu hay Thánh mẫu Thái hậu đứng ra lo liệu được đây? Thần kính mong Thượng mẫu Thái hậu lập tức hạ chỉ xử lý việc này. Nếu Tây Thái hậu có điều gì phản đối, chúng thần sẽ đứng về chính nghĩa.

Cung Thân vương vốn là một nhà ngoại giao lão luyện nên mới vừa giờ ngón đã khiến Đông Thái hậu không còn nói thêm gì được nữa. Để bảo vệ tôn nghiêm của mình, Từ An Thái hậu đành nói:

- Chuyện đã đến thế đành lệnh cho quân cơ thi hành chi dụ đem tới Sơn Đông cho Đinh tuần phủ mà thôi.



Cung Thân vương lập tức lui ra, lệnh cho quân cơ thảo chi dụ rồi đóng ấn tín của Đông Thái hậu vào đó. Nội dung chi dụ đại khái là: “Thái giám An Đức Hải tự ý rời cung, nếu không nghiêm trị sẽ làm ô danh người trong cung nội. Lệnh cho đốc phủ Trục Lệ, Sơn Đông, Giang Tô sai nhân viên lập tức truy bắt, giết ngay tại chỗ, không cần báo lại thỉnh chỉ triều đình”.

Khi công văn tới phủ Tế Nam, An Đức Hải đã vượt qua ranh giới phủ này tiến về phía Nam. Đinh Bảo Trinh vội sai Trình Thắng Vũ ở phủ Đông Xương truy đuổi. Nhưng Trình Thắng Vũ cũng là một tên gian xảo, biết vụ án này cũng không dễ làm, giết chết An tổng quản thì đầu mình khó giữ nên cáo bệnh không dám thi hành. Đinh Bảo Trinh được tin Trình Thắng Vũ bị ốm liền sai tổng binh Vương Trục dẫn binh đi vây bắt. Vương Trục là người Tào Châu, mới hơn 20 tuổi, vô cùng dũng cảm, không sợ quyền uy. Sau khi nhận lệnh người này lập tức dẫn theo hơn 100 người, ngày đêm truy đuổi, đến địa phận tỉnh Thái An mới bắt kịp được An Đức Hải. An Đức Hải thấy một đoàn người ngựa từ sau ào ào đuổi tới, không khỏi giật mình, tuy vậy vẫn đứng trên mũi thuyền cao giọng hỏi:

- Bọn cường đạo ở đâu dám đến làm loạn thuyền của lão phu? Vương tổng binh như con ngựa non không thềm sợ hổ, sẵn giọng đáp:

- Triều đình có chỉ bắt ngươi!

Tổng binh cũng biết rõ rằng thuyền này có treo long kỳ, người bên trên chắc chắn là An Đức Hải chứ không ai khác, nên hạ luôn một lệnh, đám sĩ tốt lập tức nhảy lên thuyền, trói gô tất cả bọn An Đức Hải.

An Đức Hải đâu dè để bọn “đạo tặc” trói gô như thế, nên vừa giãy vừa chửi bới:

- Đến đương kim Hoàng thượng cũng không dám động đến ta, các ngươi dám kẻ grooms lên cổ thái tuế gia này hả? Liệu chừng kéo chết không xong đấy!

Hơn 20 người tùy tùng theo An Đức Hải cả nam cả nữ đều sợ đổ mồ hôi hột, quỳ mọp xuống đất xin tha mạng. Dù vậy, Vương Tổng binh xuất thân thuộc hạng võ biên, không những thẳng tay không chừa một ai mà đến cả An Đức Hải cũng bị trói gô lôi về phủ Tế Nam.

Cả đám phạm nhân bị giải về phủ Tế Nam, đưa thẳng vào nha môn tuần phủ. Trên đường, người đứng đông nghịt như nê-mô, bàn tán xôn xao. Có người nói:

- Đinh Tuần phủ lão gia bắt giữ khâm sai đại thần, lại là tổng quản thái giám nổi tiếng trong triều, những người bị bắt theo đều là nhân viên tùy tùng đấy. Người khác lại nói: “Đừng có nói linh tinh, là thổ phỉ mạo danh khâm sai đại thần đấy. Đám con gái kia là phu nhân bị ép buộc và con gái nhà lành bị bắt cóc đấy”.

Khi cả đám phạm nhân bị giải đến trước hàm môn, Đinh Bảo Trinh hỏi:

- Người dẫn đầu kia có phải An Đức Hải không?

An Đức Hải gặng dữ:

- Tên tiểu nhân Đinh Bảo Trinh kia, mắt ngươi mù mà tìm ngươi cũng mù luôn hả? Lão phu mà ngươi cũng không nhận ra còn dám ngồi làm bù nhìn ở phủ đài à?

Đinh Bảo Trinh lúc đó không hề sợ hãi, ung dung đứng lên giơ cao thánh chỉ của triều đình rồi lớn giọng đọc: “... sai nhân viên lập tức truy bắt, giết ngay tại chỗ, không cần báo lại thỉnh chỉ triều đình”.

An Đức Hải nghe vậy mới bắt đầu cảm thấy lo sợ, nói:

- Liệu có phải triều đình nhảm lẫn hay không? Mong ngài phúc tấu hỏi lại triều đình, nếu đúng, An mỗ chết cũng không oán thán.

Đinh Bảo Trinh nghiêm giọng nói:

- “Giết ngay tại chỗ, không cần báo lại thỉnh chỉ triều đình”, người còn chưa nghe rõ à?

An Đức Hải mới giờ trò câu khẩn:

- Thỉnh cầu đại nhân phúc tấu triều đình và Thái hậu Từ Hy, An mỗ sẽ không quên đại ân đại đức của ngài.

Đinh Bảo Trinh vẫn đanh thép:

- Đừng có lảm lời. Dao phủ, đem giết hắn cho ta!

An Đức Hải lại cất giọng cầu xin, nhưng chưa nói hết câu đầu đã lìa khỏi cổ. Đinh Bảo Trinh tấu báo triều đình sự việc của An Đức Hải, số phạm nhân còn lại đều bị áp giải cả về hoàng cung trị tội.

Bản tấu khi được đưa tới Bắc Kinh, Cung Thân vương đã có ý không tìm gặp Từ Hy Thái hậu mà đi thẳng tới chỗ Từ An. Từ An Thái hậu còn chỉ thị rằng: lập tức treo cổ hai thái giám Trần Ngọc Lân và Lý Bình An, số còn lại giao cho Hình bộ, tùy theo tội trạng mà xử phạt.

# Hồi thứ mười hai: TRÂN PHI NGỌC NGÀ THẨM THẾ ĐÒN GẬY QUANG TỰ ĐÃ TÌNH NGẬM ĐĂNG CẢNH CUNG

Từ Hy Thái hậu sống trong cảnh nước nhục mất quyền, nhìn thấy tấu trình của Khang Hữu Vi đã nổi cáu, lại thấy phái thân Hoàng thượng chủ trương chiến tranh thì như đổ dầu vào lửa. Lý Liên Anh chớp thời cơ châm chích thêm: “Hoàng thượng không nắm bắt được thời cơ, hoàn toàn chịu ảnh hưởng của Văn Đình Thúc và Khang Hữu Vi, trong đó gây sóng gió, kích động Hoàng thượng lại là Trân Phi”.

Thế là tiếng hô đầu tranh chống Nhật đã bị Thái hậu dập tắt. Trong thành Bắc Kinh bề ngoài tạm thời bình yên vô sự. Văn Đình Thúc và một số người tinh thần suy sụp, không dám nói, sống mà như chết.

Vốn Trân Phi có nhờ Văn Đình Thúc ở ngoại quốc mà y cho hai bộ Âu phục, một bộ hàng len dạ màu vàng nhạt, một bộ màu xanh nhạt, kích cỡ trước kia đã đo rồi. Ở Thượng Hải, Văn Đình Thúc còn mua cho Trân Phi một cái máy ảnh. Trân Phi mặc bộ đồ Âu màu xanh xám, búi tóc, nàng nghĩ là mấy ngày hôm nay Hoàng đế rất buồn phiền, tại sao lại không đi giải sầu cho Hoàng thượng. Vì vậy Trân Phi mạnh dạn đến điện Y Lan tìm Hoàng thượng, đồng thời ra lệnh cho thái giám tâm phúc mang máy ảnh đi theo, ra lệnh cho một tiểu thái giám canh gác nếu Thái hậu đến phải lập tức bẩm báo để kịp thời lẩn trốn.

Quang Tự vừa nhìn thấy Trân Phi tới qua nhiên long nhan tươi tỉnh, nói:

- Nàng mặc bộ Âu phục này còn đẹp hơn các phu nhân của các sứ giả Trân Phi thấy Quang Tự thích bền thừa dịp nói luôn:

- Thiếp chụp cho Hoàng thượng một kiểu ảnh được không? Quang Tự bảo:

- Cái máy ảnh lần trước nàng nói cho trẫm nghe là cái này ư?

- Bẩm vâng ạ. Thiếp đoán hôm nay sẽ không bị người của Thái hậu nhìn

- Tại sao vậy?

- Thái hậu và Hoàng thượng chẳng phải là có cùng một nỗi khổ hay sao?

Vì vậy hôm nay thiếp đến giải buồn cho Hoàng thượng. Chúng ta vào cung Ngọc Lan chụp ảnh đi.

Nói rồi đi từ từ vào vườn hoa Ngọc Lan, các thái giám bước theo sau. Quang Tự chỉnh lại trang phục, Trân Phi nói: “Hoàng thượng cười đi” rồi chụp tách một cái. Trân Phi bảo: “xong rồi”. “Không ngờ bọn người Tây lại làm được đồ chơi hay như vậy, rất là thần kỳ” - Quang Tự nghĩ thế.

Hai người ngồi trên đôn lưu ly, Trân Phi giảng giải cho Quang Tự kết cấu, nguyên lý cách tạo ảnh của máy ảnh, Quang Tự không ngớt gật đầu tán thưởng.

Trân Phi lén lút mặc Âu phục, cùng Quang Tự chụp ảnh, mặc dù cảm thấy rất hạnh phúc, nhưng vẫn nơm nớp sợ hãi.

Trân Phi dám to gan vào điện Y Lan nơi Quang Tự ở chính là bởi vì Trân Phi đã có một chỗ trú kín đáo. Thì ra ở phía đông nam điện Y Lan của Di Hòa Viên có một tấm gương to, chỉ cần xoay tấm gương là một người có thể vào trú ẩn. Bí mật này Thái hậu và tay chân của bà cũng không thể ngờ được.

Nhưng đứng ở bờ sông lâu làm sao có thể không ướt chân. Tiểu thái giám được Trân Phi giao cho việc canh gác không để ý đến xung quanh, bỗng thấy ba người ở phía cung Thái hậu đang tiến vào điện Y Lan thì hoảng lên vội vàng chạy vào điện bẩm báo. Tên thái giám tâm phúc của Thái hậu đã phát hiện ra thái giám của Trân Phi, đoán là Trân Phi đến đây, liền vội vàng đuổi theo, vừa chạy vừa hét đứng lại! Thái giám tâm phúc của Trân Phi chạy đến điện Y Lan hét to:

- Nhanh lên, nhanh lên! Người của Thái hậu đến!

Nhưng tên do thám của Thái hậu chạy rất nhanh, bắt kịp tên tiểu thái giám của Trân Phi, chạy đến trước mặt Quang Tự và Trân Phi. Hai tên thái giám của Thái hậu không sợ trời, không sợ đất, không sợ hoàng đế và Trân Phi, cũng không chịu quỳ lạy Hoàng thượng, hai tên bắt lấy Trân Phi. Đúng lúc đó Lý Liên Anh được tin cũng tự mình dẫn một bọn tiểu thái giám chạy đến, nhìn thấy quân mình bắt được Trân Phi, trong lòng nghĩ Trân Phi to gan kia, lần này người không thể thoát được rồi!

Bọn thái giám lôi Trân Phi đến trước mặt Thái hậu. Thái hậu vừa nhìn thấy cho rằng đó là một người nước ngoài, nhưng nhìn kỹ thì ra là Trân Phi. Trân Phi quỳ xuống trước mặt Thái hậu. Thái hậu nói: “Người chuyên nịnh hót mê hoặc lòng người, ngày ngày vui chơi, sàm tấu bên cạnh Hoàng thượng vẫn còn chưa đủ hay sao mà còn câu kết với Văn Đình Thức tham dự vào việc chính sự?”.

Trân Phi vừa khóc vừa nói:

- Tiệp nữ từ khi vào cung không dám nghe chuyện bên ngoài, tiệp nữ chỉ có quan hệ thầy trò với Văn Đình Thức, cũng chưa từng viết thư cho Văn Đình Thức, cúi xin Thái hậu minh xét.

Thái hậu nói:

- Các người hãy lột bộ Âu phục kia ra, đánh cho 80 trượng.

Lệnh vừa ban ra, mấy tên thái giám giống như bọn sói đói kéo tuột quần áo Trân Phi ra, ngay cả quần lót áo lót cũng bị lột sạch. Trân Phi giống như một con vật bị thương, hai tay che ngực, run rẩy bầy, trần truồng quỳ trước mặt Thái hậu. Các cung nữ và thái giám ở hai bên không thể không lấy tay che mặt.

“Đánh”! Lệnh vừa ban ra, trong chớp mắt Trân Phi đáng thương đã bị đánh toi bởi, máu chảy khắp người, giống như con dê bị lột da. Hoàng đế Quang Tự vội vàng chạy đến, nhìn thấy quang cảnh này thì biến sắc vội quỳ xuống trước Thái hậu cầu cứu:

- Xin Thái hậu khai... - tiếng “ân” chưa thốt ra đã bị thụt lại. Từ Hy Thái hậu mặt vẫn lạnh như tiền chậm rãi uống trà nói:

- Hãy đưa Hoàng đế sang phòng khác, bắt con tiệp nữ kia giam lại.

Giọng của Từ Hy rất nhỏ nhưng các cung nữ và thái giám đều sợ đến phát run.

Lột sạch quần áo đánh phi tàn là lần đầu tiên xảy ra của đời Thanh trong hơn 200 năm lại đây. Từ Hy nghĩ rằng Trân Phi dám mặc Âu phục và chơi máy ảnh Tây là có liên quan đến anh trai và thầy của cô, vì vậy liền ra chiếu thư viết rằng: “Giáng Trân Phi xuống làm Quý nhân; cách chức Văn

Đình Thức, thị Lang bộ Lễ Chí Nhuệ - anh của Trần Phi - điều đến Sơn Đông, tránh được việc câu kết trong ngoài, khâm thờ”.

Từ Hy Thái hậu vừa viết xong chi dụ, liền nói với Lý Liên Anh: “Đưa Trần Phi vào đại nội dưỡng thương”.

Tết Đoan Ngọ cũng đã đến, Trần Phi bị thương tích đầy mình, Từ Hy Thái hậu mới yên tâm để Quang Tự đến Trung Nam Hải làm việc.

Năm 1894 (năm thứ 12 đời Quang Tự) Trần Phi đã phải chịu một hình phạt chưa từng có trong lịch sử, sau khi bị giáng xuống làm quý nhân, các quần thần trong triều có những lời bàn tán xôn xao. Những lời bàn tán này vô tình lọt vào tai Lý Liên Anh, Lý Liên Anh liền bẩm lại với Thái hậu, Từ Hy nói: “Bọn họ lại muốn chống lại hay sao?”.

Thái hậu đặt một tấm bảng ở trước cổng cung Cảnh Nhân nơi Trần Phi ở, trên tấm bảng viết:

Ngày mùng một tháng giêng năm thứ 12 đời Quang Tự. Phụng chỉ Hoàng Thái hậu, Hoàng hậu cai quản lục cung, các cung tần mỹ nữ, nếu có người không tuân theo gia pháp, trước mặt Hoàng đế đảo lộn phép tắc, can dự vào quốc chính, khi Hoàng hậu nghiêm khắc tra xét, cứ sự thực tâu bày, tội nặng sẽ trừng trị, quyết không dung tha, khâm thờ.

Trần Phi nằm dưỡng bệnh trên giường đã được gần nửa năm, cơ thể cũng đã dần dần hồi phục, thái giám ra lệnh cho cô ra khỏi giường quỳ xuống tiếp thánh chỉ.

Sau khi thái giám treo tấm bảng xong đi khỏi, Trần Phi chăm chú xem thánh chỉ, cô không khóc mà lại cười, trong lòng nghĩ: Bà ta là một loại yêu quái, độc ác, đánh ta thịt nát máu chảy mà vẫn ngụy tạo thánh chỉ, tức giận thay!

Trần Phi bước đến thư án lấy bút vẽ một con cua. Một cung nữ bên cạnh Trần Phi hỏi:

- Vẽ con cua này là có ý gì?

Trần Phi đáp:

- Để xem bà ta lộng hành đến bao giờ. Cung nữ rơi lệ đáp:

- Quý Phi không nên gây thêm phiền phức nữa, chẳng nhẽ nỗi đau khổ của Quý Phi vẫn chưa đủ hay sao? Trần Phi nhìn cung nữ, khóc nói:

- Người hãy đem nó đốt đi!

Quang Tự sống ở Trung Nam Hải, cách Trần Phi một dải ngân hà. Thái giám tâm phúc Vương Thương đưa ra một ý kiến ban đêm đưa Quang Tự đi thuyền đến cung Cảnh Nhân gặp Trần Phi, các thái giám canh cửa đều đồng tình với viên thái giám của Quang Tự.

Quang Tự vẫn không dám mạo hiểm, đầu tiên Hoàng đế sai Vương Thương bí mật chuyển lời đến Trần Phi, sau đó dần dần gửi những bức thư tình cho nhau. Rồi có một lần Quang Tự đã vào cung Cảnh Nhân gặp Trần Phi. Hai người gặp nhau, vui mừng rơi lệ, Vương Thương ở ngoài canh gác. Như Ngưu Lang và Chức nữ, bao lời đường mật tuôn ra không dứt. Đây đúng là những giây phút quý báu của họ. Nhưng Vương Thương đã bắt đầu lo lắng lắm, đứng ngoài cửa sổ ho khẽ để báo cho hai người nhưng họ không nghe thấy. Vương Thương đành phải gõ vào cửa kính gọi khẽ:

- Hoàng thượng, trời sắp sáng rồi!

Đến lúc này Trân Phi mới giục Hoàng thượng mặc áo ra đi.

Ra khỏi cung Cảnh Nhân, Quang Tự vẫn như ngây như dại, bước theo Vương Thương về cung Doanh Đài, nằm trên giường nhớ lại những cảm giác vừa qua.

Thời gian dần trôi, ba năm đã đi qua, ở Sơn Đông thôn Cự Dã phát sinh vụ án tôn giáo, Đức mọn có này để đi xâm lược vịnh Giao Châu.

Vụ án tôn giáo Cự Dã còn được gọi là “Vụ án tôn giáo Tào Châu”. Năm 1897 các thầy tu truyền giáo người Đức đã xúi khiến các giáo đồ ức hiếp nhân dân ở các thôn gần Tào Châu Sơn Đông, khiến nhân dân công phẫn. Tháng 11, nhân dân thôn Cự Dã giết chết 12 thầy tu truyền giáo người Đức. Sau việc này, ở các xã Tế Ninh, Thanh Tương, Đơn huyện, Vũ Thành nhân dân cũng rất hưởng ứng việc này. Sau khi sự việc xảy ra, Đức mọn có các thầy tu bị sát hại bắt chính phủ Thanh phải thương lượng, đồng thời đưa một chiến hạm vào vịnh Giao Châu. Triều đình nhà Thanh đành phải ký hiệp định với Đức, có một số qui định quan trọng về việc xử lý vụ án tôn giáo Cự Dã như sau: Cách chức tuần phủ Sơn Đông Lý Bính Hoành, bồi thường cho Đức 225 nghìn lạng bạc, bắt 9 người dân trong đó hai người bị xử tử, 3 người bị tù đầy, triều đình Thanh phải bảo vệ các thầy tu truyền giáo Đức.

# Hồi thứ mười ba: KHÔNG CÒN ĐƯỜNG THOÁT HOÀNG THƯỢNG PHẢI YÊU, CHUYÊN LẠ MUÔN ĐỜI THÁI GIÁM LẤY VỢ

Ông Đồng Hòa phụng lệnh Quang Tự cùng Khang Hữu Vi thảo luận về các biện pháp, làn sóng đổi mới đã lan rộng trong cả nước. Từ Hy Thái hậu rất muốn phế truất ngôi vua Quang Tự, nhưng thời Thế chưa đến lúc, nếu phế truất Quang Tự, thì trong nước ở phía Nam có hội đồng minh Tôn Trung Sơn, ở phía Bắc có biến pháp Khang Hữu Vi, tất cả đều có quan hệ với nước ngoài. Để dụ dỗ hoàng đế Quang Tự hút thuốc phiện, bọn Lý Liên Anh đã nói thuốc phiện có thể làm cho cơ thể khỏe mạnh, trừ được bách bệnh, Lý Liên Anh cũng kiếm cho Hoàng đế một cái tàu rất đẹp. Ngoài ra bọn chúng còn cho Quang Tự đọc những cuốn sách khiêu dâm, dụ dỗ chơi cơ bạc. Mặt khác Lý Liên Anh cũng phái bọn nội giám ra ngoài cung tuyên truyền rằng đạo đức của Hoàng đế Quang Tự bại hoại làm tổn hại đến danh dự, thuần phong mỹ tục. Nhưng những âm mưu này đều bị thân tín của Quang Tự biết, hơn nữa trong nước và ngoài nước đều ủng hộ Quang Tự cho nên dũng khí của Quang Tự được tăng lên bội phần.

Vào một đêm đầu thu, ngoài trời trăng sáng, không gian yên tĩnh. Quang Tự rất nhớ Trân Phi, nhưng lần này Hoàng đế không phải lén lút nữa mà dùng quyền lực vốn có của một hoàng đế. Đêm đó, Quang Tự truyền khẩu dụ cho một tên thái giám đến phòng của Trân Phi tại cung Cảnh Nhân của Lục Cung để triệu hạnh Trân Phi. Sự việc này không hiểu do đâu mà Lý Liên Anh lại biết bèn bàn mưu với Thái hậu dùng kế thay xà đổi cột, tức là thay Trân Phi bằng Hoàng hậu Long Dụ. Thái hậu nghe xong trầm ngâm một lát rồi nói:

- Không ổn đâu.

- Tại sao lại không ổn ạ?

Từ Hy đáp:

- Dùng chặn quần Hoàng hậu liệu có được không?

Theo gia pháp, khi Hoàng thượng triệu hạnh các phi tần, phải quần phi tần trần truồng trong tấm chăn và khênh đến giường vua. Còn nếu là sủng ái Hoàng hậu thì không phải như vậy, tức là dùng kiệu hoa long phượng khênh Hoàng hậu đến. Lý Liên Anh thấy Thái hậu không quyết được liền nói:

- Thái hậu không phải suy nghĩ nhiều, nô tài nói cũng có cái lý của nó, trước kia chẳng phải Thái hậu cũng đã giả thánh chi hay sao? Đây gọi là bụng đói làm càn, để đạt được mục đích của mình thì không từ mọi thủ đoạn.

Thái hậu nói:

- Không từ thủ đoạn cũng được, giả mạo thánh chi cũng được, nhưng bảo Hoàng hậu cởi quần áo chặn quần liệu hoàng hậu có chịu không?

Lý Liên Anh đáp:

- Nô tài bảo bọn thái giám nói với Hoàng hậu rằng: Thái hậu biết hôm nay Hoàng thượng sủng ái Hoàng hậu, nên truyền cho bọn thái giám không dùng kiệu Long Phượng mà dùng chặn quần, đây là ý chỉ của Thái hậu, Hoàng hậu chắc chắn không dám không tuân chi.

Tối hôm đó trăng rất sáng. Ánh trăng tỏa xuống không gian yên tĩnh vắng vẻ của cung đình. Viên thái giám quỳ xuống trước mặt Hoàng hậu Long Dụ nói:

- Hoàng thượng truyền khẩu dụ Hoàng hậu đến ngự tiền hầu Hoàng thượng. Nhưng theo ý của Thái hậu, hôm nay thay bằng việc quán chần vào cung.

Hoàng hậu nghe xong rất tức giận: “Đây chẳng phải là làm trái gia pháp hay sao?” Nhưng rồi lại nghĩ: “Tối hôm nay Hoàng thượng sủng ái ta, đây là cơ hội hiếm có, Hoàng thượng đã hỏi tâm chuyển ý rồi. Ý chỉ của Thái hậu không thể không tuân theo, có thể Thái hậu có dụng ý khác”. Hoàng hậu suy nghĩ một hồi lâu rồi từ từ cởi bỏ quần áo.

Ánh trăng rọi xuống nội viện hoàng cung, sự yên tĩnh trong cung rất đáng sợ, ánh trăng cũng để lại bóng gập khúc của viên thái giám đang công Hoàng hậu vào cung.

Quang Tự đang nóng lòng chờ đợi, khi Quang Tự nghe thấy tiếng bước chân của thái giám, các cung nữ đã vén bức màn, viên thái giám nhẹ nhàng đặt “Trân Phi” xuống Long Sàng và cúi đầu cáo từ. Hoàng đế Quang Tự rất vui vẻ, như mở cờ trong bụng. Cảm giác của Hoàng thượng giống như nắng hạn gặp mưa, như lâu ngày mới gặp cố nhân. Nhưng khi mở tấm chăn ra, Hoàng thượng kinh ngạc hết sức, đây lại là tấm thân và nụ cười của Hoàng hậu. Mất hết cả hứng thú, Hoàng thượng nghĩ: khẩu dụ của ta truyền sai hay là viên thái giám nghe nhầm? Hoàng hậu ra khỏi tấm chăn nghĩ là mặc dù Hoàng thượng gọi nàng không theo gia pháp nhưng dùng kiệu hay quán chần cũng chỉ là hình thức mà thôi, được Hoàng thượng sủng ái là điều quan trọng. Khi nhìn thấy Hoàng thượng ngây người, Hoàng hậu nghĩ Hoàng thượng đã cho gọi ta tại sao khi gặp lại có sắc mặt không vui như vậy? Hay là Hoàng thượng có ý đùa ta? Nhưng đã đến đây rồi thì hãy làm vui lòng Hoàng thượng, Hoàng hậu liền khóc nức nở. Người không phải là cỏ cây, sao có thể vô tình được?

Hoàng đế Quang Tự nhìn thấy tấm thân không một mảnh vải của Hoàng hậu mặc dù trong lòng không thích nhưng cũng bị tấm thân kia mê hoặc, những giọt nước mắt của Hoàng hậu đã khiến Hoàng thượng biết phải làm gì, đã đoán ra đây là dụng tâm của Thái hậu và Lý Liên Anh. Hoàng hậu là tâm phúc của Thái hậu sao không tương kế tựu kế. Thế là Hoàng thượng ôm Hoàng hậu, vừa vuốt ve an ủi vừa nói với Hoàng hậu:

- Trẫm trước đây không tốt với nàng, đó là do có người xúi giục chúng ta.

Hoàng hậu nghĩ Hoàng thượng muốn nói đến Trân Phi, liền thôi khóc cho rằng Quang Tự đã thật lòng hỏi tâm chuyển ý. Hoàng hậu ôm chặt lấy Hoàng thượng nói:

- Có phải Hoàng thượng muốn nói đến con hồ li lăng ló hay xúi giục không?

Hoàng thượng hỏi lại:

- Con hồ li lăng ló nào?

Hoàng hậu nói:

- Chẳng phải con hồ ly Trân Phi là gì?

Hoàng thượng nói:

- Không, trẫm muốn nói đến tên thái giám Lý Liên Anh chuyên xúi giục Thái hậu, nếu cứ tiếp tục như vậy thì ta và Hoàng hậu làm sao có được cuộc nhân duyên tốt đẹp?

Hoàng hậu im lặng, bụng nghĩ cách moi ra những hoạt động bí mật của Hoàng thượng và



Khang Hữu Vi trong những ngày gần đây, bà ta nói:

- Triều đình Đại Thanh bao nhiêu lần bị các cường quốc đánh bại, Hoàng thượng có kế sách gì làm cho dân giàu nước mạnh lên không?

Quang Tự nói:

- Mấy năm lại đây có không ít các đại thần trình rất nhiều chủ trương biến pháp lớn. Trong triều cũng có một số đại thần chủ trương giữ những qui tắc cũ. Nếu lấy những qui tắc cũ để ứng phó với các cường quốc, tự mình không biết biến pháp, mở mang các khoa đặc biệt, tiêu diệt quan viên tham nhũng, mở trường học, thì không vươn lên tự cường được.

Hoàng hậu hỏi:

- Sao hoàng thượng không đích thân làm?

Quang Tự nói:

- Phải loại bỏ Thế lực cũ, Thế lực cũ và Thế lực mới không thể cùng tồn tại được.

- Như Hoàng thượng nói vậy thì đầu tiên là phải loại bỏ các quan đại thần cũ phải không? - Hoàng hậu hỏi.

Quang Tự đáp:

- Không phải thế, các quan đại thần cũ dưới các thế lực mới có thể thay đổi, điều cần thiết là phải loại bỏ bọn tiểu nhân của thế lực cũ. Lý Liên Anh trước mặt Thái hậu thường làm việc thị phi, đổi trắng thay đen thì cần phải trừ tận gốc.

Hoàng hậu trong lòng đã rõ, người mà Hoàng thượng hận nhất không phải là Lý Liên Anh mà chính là Thái hậu, bèn cố ý nói:

- Nhưng người xúi giục Lý Liên Anh chính là Thái hậu.

Quang Tự không dám nói tiếp những lời về Thái hậu bèn lảng chuyện khác.

Trời đã hửng sáng, Cung điện Tử Cẩm Thành từ trong màu xanh nhàn nhạt dần dần chuyển sang ánh vàng rực rỡ. Hoàng hậu lại được tên thái giám quần vào chặn cổng về cung của mình.

Hoàng hậu Long Dự, người tâm phúc của Thái hậu sau khi đã biết được những tâm sự thầm kín của Quang Tự, liền vội vàng chải đầu rồi đi đến vấn an Thái hậu. Lý Liên Anh và Thái hậu cũng đang muốn biết việc tối hôm qua, đang chờ Hoàng hậu tới. Hoàng hậu đem hết những lời Quang Tự đã kích Lý Liên Anh, nói rằng Hoàng thượng đầu tiên loại bỏ Lý Tổng quản như Thế nào, sau đó là làm sao để loại bỏ được Thánh mẫu.

Vừa kể xong thì cũng đúng là lúc Quang Tự xin vào vấn an Thái hậu. Lý Liên Anh lê mề không cho vào, đợi mãi cho đến khi có ý chỉ của Thái hậu bảo Lý Liên Anh truyền Hoàng thượng vào. Quang Tự vừa nhìn thấy Hoàng hậu thì đã đoán ra một phần sự việc, quả nhiên Thái hậu rất tức giận, không nói một lời nào, tát hai cái cực mạnh vào mặt Quang Tự. Thái hậu đeo một bộ móng tay bằng vàng lại tát quá mạnh khiến một chiếc răng cửa của Quang Tự bị gãy. Hoàng đế Quang Tự không dám ngăn đầu, máu ở trong mồm chảy ròng ròng. Thái hậu nói:

- Loài dã tâm ăn thịt mẹ, loài hổ báo ăn thịt cha, người từ khi 4 tuổi đã vào cung được ta nuôi

lớn thành người, nhưng không ngờ người lại muốn hại ta.

Quang Tự cúi đầu bước ra ngoài, nghĩ: Cái con hoàng hậu đáng chết kia lại mang hết những lời của ta kể cho Thái hậu, nên hôm nay ta mới bị như vậy.

Ngày hôm sau, thái giám ở bên cạnh hoàng thượng Vu Hậu Trung đến một cửa hiệu lắp răng giả hỏi:

- Có người gãy một cái răng, muốn các anh đến nhà lắp răng giả?

Nha sĩ nói:

- Phải gọi người đó đến, không có người thì không thể làm được. Vu thái giám sốt ruột nói:

- Bảo người đi thì người phải đi.

Nha sĩ nghe khẩu khí của người nói hách dịch như vậy, liền nhìn kỹ lại thì ra đó là một thái giám, trong lòng rất sợ hãi, nhẹ nhàng nói:

- Công công, nếu người đó không đến thì thật sự là không thể lắp răng giả được đâu. Bởi vì có rất nhiều đồ không dễ gì mang đi được. Xin công công lượng thứ.

Vu thái giám nói:

- Được, người không đi phải không? ngày mà i cho người đóng cửa hiệu luôn.

Nói xong Vu thái giám quay đầu bước đi.

Nha sĩ nhìn thái độ của công công như vậy biết là người thay răng nhất định là một vương gia nào đó ở vương phủ, bèn nói:

- Được rồi, được rồi, xin công công bớt giận, đợi một lát rồi tôi xin đi. Viên nha sĩ đành phải mang các đồ nghề làm răng bước theo thái giám.

Nha sĩ nhìn thấy thái giám dẫn vào trong hoàng cung, trong lòng rất sợ hãi, không đoán ra là phải làm răng cho ai, làm không tốt thì sẽ mất đầu như chơi. Nha sĩ lưng vác nặng đồ nghề bước vào “mê cung”, bước vào một cung điện lớn, rồi lại một cung điện lớn khác, đi mãi mà chưa đến nơi, thật giống như đang trong mơ. Mọi người vẫn nói thâm cung sâu như biển quả là không sai chút nào. Đi mãi rồi họ cũng đến một cung điện rất lớn, viên thái giám dẫn nha sĩ vào một căn phòng. Trong phòng có một người đàn ông khoảng ba mươi tuổi, đầu đội một chiếc mũ nhỏ màu đen, trên mũ có gắn một hòn ngọc đỏ, mặc một chiếc áo dài lụa đen, thắt một chiếc dây lưng màu tím, chân đi đôi giày lụa, khuôn mặt buồn rầu đau khổ đang ngồi trên chiếc giường đơn màu đỏ. Trên giường có đặt một chiếc bàn nhỏ, trên chiếc bàn có một chén trà đang mở nắp bốc hơi nghi ngút. Người kia đang ngồi bên phải chiếc bàn, viên thái giám nói nhỏ với nha sĩ:

- Người hãy xem răng cho Hoàng thượng đi.

Nha sĩ nghe xong mới biết người đó là đương kim Hoàng đế Quang Tự, vội vàng quỳ xuống nói: “Nô tài tội đáng chết!” rồi toàn thân run rẩy không biết nói thêm câu gì.

Quang Tự bảo:

- Đứng dậy đi!

Nha sĩ đứng lên, cẩn thận xem xét, làm khuôn mẫu, khoảng một giờ sau nha sĩ nói:

- Hai ngày nữa nô tài sẽ mang răng giả vào cung.

Trước khi nha sĩ về, Quang Tự ban cho anh ta 10 lạng vàng. Thái giám Vu Hậu Trung đưa nha sĩ ra khỏi cung, trên đường về bị tiểu thái giám của Lý Liên Anh bắt giải đến cho Thái hậu. Từ Hy hỏi:

- Người ra khỏi cung để làm gì?

Vu thái giám đáp:

- Dạ, để mời nha sĩ cho Hoàng thượng.

Thái hậu nói:

- Răng Hoàng thượng bị làm sao?

Vu thái giám đáp:

- Răng Hoàng thượng bị mất một chiếc.

- Làm sao mà bị gãy?

- Dạ, dạ... vì ăn bánh nên bị gãy ạ?

- Noi láo!

- Dạ, nô tài không dám.

- Ai bảo người ra khỏi cung gọi nha sĩ?

- Dạ, dạ... tự nô tài đi ạ.

- Đồ nói láo!

- Dạ, nô tài không dám.

- Rốt cục là ai bảo người đi, nói mà u!

- Dạ, là Hoàng thượng ạ.

- Người có biết là dẫn người ngoài vào cung tội đáng chết hay không?

- Dạ, biết ạ!

- Biết là tốt rồi, Liên Anh, hãy lôi nó ra ngoài. Một vài tên thái giám kéo Vu thái giám ra ngoài. Đêm khuya, Vu thái giám rời khỏi cũi trần.

Gần đây, Hoàng đế Quang Tự cảm thấy rất buồn vì làm một ông hoàng đế nhu nhược. Tết trùng dương mùng 9 tháng 9, Quang Tự dẫn hai thái giám thân cận ra cổng Thần Vũ đến Cảnh Sơn. Trên núi Cảnh Sơn cây cối trùng điệp, xanh biếc, trên đó có xây dựng 5 ngôi đình. Ở giữa là đình Vạn Xuân, phía đông là đình Quan và đình Chu Thương, phía tây là đình Tập Hoa và Phúc Lâm.

Các đình này đều được sơn son thiếp vàng. Hoàng đế Quang Tự leo lên núi từ sườn phía đông, đi qua nơi hoàng đế cuối cùng của đời Minh là Sùng Trinh treo cổ chết, Quang Tự đứng lặng một hồi lâu, suy nghĩ miên mà n, không cảm được nước mắt. Quang Tự cất tiếng thở dài sau đó bước tiếp đến đình Vạn Xuân, nhớ về hoàng cung, giờ đây Tử Cấm Thành đang bị một lớp mây đen che phủ. Hai tên thái giám nhìn thấy mặt mày Hoàng thượng ủ rũ không vui, cũng không dám nói một lời nào. Quang Tự đi sang phía bắc, nhìn xuống đường Địa An Môn, nhìn những kiến trúc tinh xảo của triều Minh ở thành Bắc Kinh. Hoàng đế Sùng Trinh không phải là người không làm nên sự nghiệp, đáng tiếc là bị bọn quan lại tham ô hủ hóa khiến không thể chống đỡ nổi. Lý Tự Thành tạo phản có gì khác so với Nghĩa Hòa Quyền tạo phản ở Sơn Đông ngày nay đâu? Triều Minh đã bị diệt vong, hơn 200 năm Giang Sơn Đại Thanh chẳng nhẽ cũng giống như vậy hay sao? Quang Tự nhìn thấy mọi người đi lại rộn ràng nhộn nhịp trên đường Địa An Môn, nghĩ mọi người giống như những con chim nhỏ giữa bầu trời, không bị điều gì trói buộc, cuộc đời ta không bằng một người dân thường nữa!

Đúng lúc đó, ở phía đông nam bỗng vang lên tiếng kèn trống, Quang Tự bèn hỏi viên thái giám:

- Ở đâu đây có nhà hát phải không, các người có nghe thấy tiếng kèn trống không?

Thái giám nói:

- Không phải là nhà hát, mà là nhà Lý Tổng quản có việc vui mừng.

Quang Tự hỏi:

- Nhà Lý Tổng quản có việc vui mừng gì vậy?

Người thái giám kia có hận thù với Lý Liên Anh đáp: “Mấy ngày này ở bên ngoài cung mọi người cũng bàn tán về việc Lý Liên Anh lấy vợ ạ”.

Quang Tự nói:

- Thái giám sao lại có thể lấy vợ.

Tiểu thái giám nói:

- Làm vợ chồng gì! Ở chòi canh Tiểu Thạch Tác có quả phụ họ Ngô, trước đây đi làm công cho người ta, bà có một cô con gái năm nay 26 tuổi, tình nguyện gả cho Lý Tổng quản. Mấy ngày hôm nay, các quan lớn nhỏ trong triều đều đã đến chúc mừng Lý Tổng quản, ngựa xe ở đường Bắc Trường tắc không đi được.

Người thái giám lớn tuổi hơn một chút trong lòng xấu hổ không dám nói ra, nhưng khi nghe bạn mình nói như vậy cũng đem kể việc mấy ngày vừa rồi lên đi xem nhà Lý Tổng quản. Viên thái giám nói: “Nô tài cùng đi đến đó xem, rạp cưới được bắc rất cao, buổi tối chong đèn sáng như ban ngày. Chiếc kiệu hoa được ông chủ Tiêu hiệu Bồng Lai chuẩn bị cho, 32 nhạc công, đầu cạo trọc, đi ủng mới, mặc áo màu xanh; phía trước kiệu là 4 cặp bảo vệ mặc áo hoa khoác ngoài, ngoài ra còn có 8 người đầy tớ tay cầm hương trầm Tây Tạng, phía sau là 8 người thái giám áp tải. Hai bên kiệu có người đi kèm, cầm roi để dẹp đường!

Viên thái giám kia cũng tiếp lời:

- Còn phải nói, nô tài cũng lên đi xem, các nghệ sĩ hát kịch cũng biểu diễn ở nhà Lý Tổng quản 7 ngày, vai kép võ có Du mà o Đãi, Hoàng Bạng Nhi, Dương Tiểu Lầu, Mã Đức Thành. Vai mặt hoa

có Hà Quế Sơn, Kim Tú Sơn, Lưu Xuân Vĩnh, Lang Đức Sơn. Vai thứ có Mục Xuân Sơn, Lý Liên Trọng, Lý Thọ Sơn. Vai hề có Vương Trường Lâm, mà Đức Tử, Trương Hắc, Triệu Tiên Phảng. Vai chính dân có Kim Tử Vân, Trần Đức Lâm, Trương Tử Tiên, Thời Tiểu Phúc. Vai ba già có Cung Vân Thủ, Ta Ngọc Vân. Vai đào võ có Chu Huệ Phương, Dư Kim Cẩm...

Quang Tự nghe chán đến nỗi không muốn nghe tiếp nữa nói:

- Thôi người đừng nói nữa.

Hai tên thái giám thấy Hoàng thượng tức giận nên cũng không dám nói thêm câu nào nữa. Hoàng đế Quang Tự vừa đi xuống núi vừa nghĩ: Lý Liên Anh huênh hoang khoác lác như vậy, trong mắt hắn căn bản là không có Hoàng thượng. Càng nghĩ Hoàng đế càng tức giận, nói với hai tên thái giám:

- Các người hãy đến nhà Lý Liên Anh, lấy sổ ghi tên khách của nhà đó đến đây!

Hai viên thái giám ra khỏi Cảnh Sơn đi đến nhà Lý Liên Anh, vừa bước vào cổng nhân lúc mọi người không để ý đến, liền lấy cuốn sổ các quan khách ghi tên đang đặt ở trên bàn. Tên quan gia vừa nhìn thấy hai người thái giám thân cận Hoàng thượng liền hỏi:

- Các người làm gì vậy?

Hai viên thái giám đồng thanh nói:

- Chúng ta phụng chỉ Hoàng thượng đến, người dám làm gì nào, các người có tài cán thì hãy đi nói với Lý Tổng quản là hai lão đã mang đi rồi.

Nói xong, hai người liền đi khỏi. Việc này nhanh chóng được lan truyền trong nha tổng quản nhưng không ai dám đuổi theo. Lý Liên Anh biết việc này cũng đành phải bó tay, không ít các quan khách nhìn thấy sự việc không hay cũng không dám nói điều gì.

Quang Tự nhìn thấy danh sách quan khách trong cuốn sổ thì không khỏi kinh ngạc. Thì ra, các quan lớn nhỏ trong triều hầu như đến cả, ngay cả người thường nói xấu Lý Liên Anh với Quang Tự cũng đến. Quang Tự giận dữ ném cuốn sổ xuống đất, không nói lời nào.

## Hồi thứ mười bốn: ĐỘNG XUÂN TÌNH VÂN HẠC GIẤU GIAN PHỤ ĐÁNH CỜ TƯỚNG ĐẮC QUÝ MẮC VẠ CHẾT

Lại nói thái giám tâm phúc Thôi Đắc Quý, vì biết đánh cờ nên mỗi lần cùng Thái hậu đánh cờ giải sầu đều được thưởng rất hậu hĩnh, no cơm ấm cật sinh dân dật mọi nơi, ngoài cung có người phụng mệnh làm mối cho hắn ta. Vốn thái giám đã bị hoạn thì không thể lấy vợ được, nhưng có người giới thiệu cho hắn một cô gái mồ côi ở vùng tam giác Hải Điện, cô gái này là con của bà quả phụ Trương Gia Thị, đã đến lúc mãn tang. Trương Gia Thị đi mà y thuê vá mướn cho người ta, tiền công ít ỏi, quanh năm không đủ sống nên tình nguyện gả con gái Vân Hạc cho Thôi Đắc Quý làm cặp vợ chồng hờ. Được người giới thiệu thêm vào dăm câu ba điều, Thế là việc đã sắp đặt ổn thỏa, sau khi việc thành, người giới thiệu được Thôi lão gia thưởng cho hai trăm lạng bạc. Hai người liền thuê một ngôi nhà kiểu tứ hợp phòng nhưng cửa riêng sân riêng của lão địa chủ Phan Trường Hữu ở Lục Lang trang bên ngoài tường bao đằng sau của Di Hòa Viên. Thôi Đắc Quý còn đón cả mẹ vợ đến, cuộc sống của hai mẹ con nhà này thế cũng coi như là đã có chỗ dựa.

Từ sau khi bị gả cho Thôi Đắc Quý, Vân Hạc tuy không thiếu ăn thiếu mặc nữa nhưng lại tuyệt nhiên không được hưởng cuộc sống vợ chồng thật sự. Vì thế, nàng thường xuyên cãi cọ với mẹ, nói rằng đã đưa nàng vào lò lừa. Mẹ nàng hiểu rõ nỗi khổ tâm của con gái nhưng bà vẫn nói:

- Con à, chẳng phải là vẫn tốt hơn so với việc nhịn đói ra hợng hay sao? Vân Hạc đáp:

- Hồi đó mẹ lấy cha có hứng thú gì, bây giờ con có hứng thú gì? Sao mẹ không nghĩ một chút?

Trương Gia Thị nói:

- Mày cứ ăn no rồi rùng mỡ, nếu mày ngứa chỗ nào chỉ cần nhớ lại lúc nhịn đói là hết ngứa ngay con ạ.

Vân Hạc há có thể không ngứa? Cưới xong chưa đầy hai tháng, nàng đã thường xuyên đến hiệu tạp hóa Vĩnh Hưng ở ngoài thôn để mua kim mua chỉ gì đó, lâu ngày, nàng và cậu chủ hiệu tạp hóa Vĩnh Hưng đã liếc mắt đưa tình rồi dan díu với nhau.

Thôi Đắc Quý làm đầu sai trong cung, không biết Thái hậu vời gọi lúc nào, nên thường xuyên không về nhà, chỉ thỉnh thoảng mới tranh thủ thời gian qua nhà một lần để tận hưởng thú vui thiên luân. Vân Hạc nắm vững được quy luật về nhà của Thôi Đắc Quý liền lén lút đến nói rõ ngọn ngành với cậu chủ họ Triệu. Cậu chủ Triệu Học Thành nói:

- Không được mạo hiểm, nếu để Thôi đại lão gia biết thì tôi không còn đường sống đâu.

Vân Hạc nói:

- Đồ nhát gan, tôi biết rõ lúc nào Đắc Quý về, lúc nào không về, cậu cứ yên tâm.

Lúc đó là vào đầu tháng chín, trong cung ngoài cung đang nô nức chuẩn bị lễ chúc thọ cho Từ Hy Thái hậu vào ngày mừng mười tháng mười. Vân Hạc biết chắc chắn Thôi Đắc Quý phải lo liệu công việc trong cung rất bận, ngay cả ban đêm cũng không thể về nhà được. Nàng thuyết phục cậu chủ Triệu trước rồi giấu mẹ canh hai dắt Học Thành vào phòng ngủ của mình, bắt đầu từ mừng một tháng mười, chúng liên tục hò hẹn, cả đêm không ngừng nghỉ. Nhưng vào đêm ngày mừng bảy, hai người đang lúc gió giục mây vần, thì nghe thấy bên ngoài có người gọi cửa. Trương Gia Thị ngủ ở

căn phòng phía tây, nghe thấy có người gõ cửa, biết là con rể về vội trở dậy nói:

- Sao tận giờ này anh mới về?

Thôi Đắc Quý nói:

- Nhạc mẫu còn chưa nghỉ sao?

Trương Giả Thị đáp:

- Tôi đã đi nằm tư sớm, Vân Hạc cũng ngủ lâu rồi.

Thôi Đắc Quý nói:

- Tối nay trong cung không có việc gì, đã lâu không về nhà nên con muốn về xem ra sao.

Trương Giả Thị cũng không biết trong phòng con gái có gian phu, vẫn mở cửa cho con rể rồi về phòng mình tiếp tục ngủ.

Vân Hạc đang trong lúc mây mưa, không hề nghe thấy chút động tĩnh gì bên ngoài, chỉ có cậu chủ Triệu nhất gan, thấy bên ngoài dường như có tiếng động liền nói:

- Thôi lão gia trở về chẳng? Vân Hạc đáp:

- Đồ rần mối, đang sắp đến ngày sinh nhật Thái hậu, về làm sao được! Đang nói thì nghe thấy có người gõ cửa khe khẽ và gọi:

- Nương tử mở cửa! Nương tử mau mở cửa!

Lúc này Vân Hạc mới biết Đắc Quý đã về thật, sợ đến mức hồn bay phách lạc, như con vịt trời bị trúng tên, Triệu Học Thành kia cũng biến thành đồng bùn ở trên giường.

Vân Hạc nói:

- mà u, mau nắp xuống gầm giường.

- Nương tử mau mau mở cửa!

- Đây, đây.

Tim thị dường như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực, cậu chủ hiệu buôn họ Triệu kia đã trở thành con cá trong chậu. Vân Hạc mở cửa, Đắc Quý bước vào phòng, thấy thần sắc Vân Hạc không được tự nhiên, lại cúi đầu nhìn, thấy cạnh giường có đôi giày đàn ông, trên giường còn có một bộ quần áo đàn ông, xem ra lại không giống áo và giày của mình. Lại liếc thấy màn trướng trên chiếc giường, dây thép cũng đang run rẩy khe khẽ, Vân Hạc thì đang lấy bẫy toàn thân. Thôi Đắc Quý đoán ngay được rằng Vân Hạc là kẻ “ôm đàn này gậy đàn khác”, thấy màn trướng càng ngày càng rung dữ dội, biết là dưới gầm giường chắc chắn có gian phu liền vén phát tẩm màn che giường lôi cô cậu chủ Triệu ra.

Vân Hạc quỳ xuống trước mặt Thôi Đắc Quý, Triệu Học Thành cũng trần như nhộng quỳ sụp xuống, Thôi Đắc Quý càng giận dữ vớ lấy cái ống nhỏ ném thẳng vào Triệu Học Thành rồi đập cho Vân Hạc một cái ngã lộn nhào. Trương Giả Thị ở căn phòng phía tây nghe thấy trong phòng con gái có tiếng đồ vật đổ vỡ và tiếng chửi mắng, vội lật đật chạy sang. Vừa vào đã thấy con gái đang quỳ

xuống đất van xin Thôi Đắc Quý. Định thần nhìn ra, chỉ thấy cậu chủ của cửa hiệu tạp hóa mình trần thân trụi đang quỳ dưới đất run bần bật, mặt cắt không còn giọt máu, van nài:

- Tiểu nhân lần sau không dám nữa.

Thôi Đắc Quý tức tối hằm hằm nói với mẹ vợ:

- Các người câu kết với nhau, bà dung túng cho con gái nuôi trai trong nhà.

Trương Giả Thị bật khóc nói:

- Tôi quả thật không biết con giặc cái này có tình nhân.

- Nói đoạn xông vào đánh đấm, vừa khóc vừa nói với Vân Hạc

- Mày giầu tao dẫn trai vào nhà!

Rồi quay sang giận dữ đá cho Triệu Học Thành một chập.

Thôi Đắc Quý lúc này mới tin rằng không phải mẹ con họ câu kết với nhau làm chuyện đồi bại. Hắn bảo tên gian phu mặc quần áo vào, mời mẹ vợ nhìn cho rõ đôi nam nữ chó chết này rồi đi ra khỏi nhà.

Thôi Đắc Quý đi ra khỏi nhà, tới công đường bên ngoài Di Hòa Viên gọi lính tuần. Hắn đến công đường, Tôn Quân đới vừa thấy Thôi lão gia trong cung liền vội vàng tiến ra vãn an. Thôi Đắc Quý nói với Tôn Quân đới:

- Các ông cho hai người, nhà tôi có kẻ trộm mò vào, hiện đang giữ trong nhà. Các ông tạm thời giam nó lại.

Tôn Quân đới không dám chậm trễ, vội vàng phái hai tên lính tuần đến nhà Thôi lão gia.

Triệu Học Thành bị bắt đến công đường, khi hai tên lính tuần sắp ra khỏi cửa, Thôi Đắc Quý cản dặn:

- Bảo với Quân đới nhà các ngươi không được thăm vãn lấy khẩu cung gì nó, sáng mà i ta sẽ đến nhận người. Hai ngươi cũng không được phép nói chuyện với thằng ăn cắp này, nghe rõ chưa?

Hai tên lính tuần dạ ran rồi không nói năng gì, giải Triệu Học Thành đi. Thôi Đắc Quý trở vào trong nhà, thấy vợ đang khóc lên khóc xuống.

Hắn nghĩ, đối với Vân Hạc không nên bức bách quá, hù dọa ả tí chút cho lần sau chừa cái thói dắt trai về nhà đi thôi, biết nhận lỗi là được bởi vì hắn biết Vân Hạc lấy hắn làm chồng, quả thật cũng không có gì thú vị. Bèn nói với mẹ vợ:

- Sau này nhạc mẫu phải quản cô ấy nghiêm hơn nữa, không được tự tiện ra khỏi nhà, đàn bà còn trẻ rất dễ bị bọn xấu dụ dỗ, đàn ông trên thế gian này không có thằng nào tử tế cả đâu.

Thấy không khí đã dịu bớt, Vân Hạc như cất được tảng đá nặng trong lòng. Trương Giả Thị thấy con rể khoan hồng độ lượng như Thế cũng yên tâm quay về phòng mình ngủ tiếp.

Thôi Đắc Quý nói với Vân Hạc:



- Nàng đừng có sợ, việc này không trách nàng được, chỉ là mắc lừa người xấu thôi, chứ nàng sao đành tâm cho ta mọc sừng kia chứ? Ngoan nào, lên giường ngủ đi.

Thôi Đắc Quý ôm chặt lấy Vân Hạc, hôn hít vuốt ve. Vân Hạc trong lòng tuy cảm kích không nói ra được thành lời nhưng đồng thời nàng lại nghĩ: “Ông yêu tôi như Thế này cũng có giải quyết được vấn đề gì cho tôi đâu?”

Đêm đó không nói nữa, sáng sớm hôm sau, Thôi Đắc Quý trở dậy, trên đường về cung, hắn nghĩ việc xấu trong nhà không nên rêu rao ra, vì vậy khi tạt vào công đường, hắn nói với Quân đối.

- Các người thả thằng ăn trộm bắt được tối hôm qua ra, chẳng qua cũng là trong lúc đói rét bức bách, bắt đắc dĩ nó mới phải làm việc xấu thôi.

Triệu Học Thành từ một con hổ trở thành con chuột kia đã trải qua một đêm như ác mộng lại trở về cửa hiệu. Giấy không bọc được lừa, về việc này công đường đã nhanh chóng biết rõ. Nhưng đối với tin tức trai gái trong nhà Thôi đại lão gia, không ai dám nói cả. Đáng đời Thôi Đắc Quý liên tiếp gặp hạn, một hôm Từ Hy Thái hậu đến tắm cung phía Tây ở Lạc Thọ Đường, mặt mày khó đảm đảm, Lý Liên Anh sai người gọi Thôi Đắc Quý đến tháp tùng Thái hậu đánh cờ giải sầu.

Mấy năm gần đây mỗi lần giải sầu Thái hậu đều bắt tìm cho được thái giám Thôi Đắc Quý đến. Trong hàng thái giám, Thôi Đắc Quý vừa cảm thấy tự hào, vừa cảm thấy lo lắng. Tự hào là vì được cùng Thái hậu mặt đối mặt đánh cờ, lần nào cũng làm cho Thái hậu ưa thích, hơn nữa mỗi lần đánh cờ lại được thưởng một số tặng vật quý giá do đó địa vị của hắn trong hàng ngũ thái giám cũng ngày một cao. Thái hậu ưa thích Thôi Đắc Quý có lúc còn hơn cả Lý Liên Anh, bởi vì Thôi Đắc Quý thân Thế tráng kiện, cũng là kẻ hiếu sắc, so ra, Thái hậu cảm thấy có lúc Lý Liên Anh rất yếu ớt bất lực. Lý Liên Anh không khỏi thầm ghen. Còn Thôi Đắc Quý lo lắng là vì tháp tùng Thái hậu đánh cờ, Thái hậu buồn vui bất thường, thái giám hoặc cung nữ thường xuyên vì một chuyện nhỏ nhặt, không hợp với tâm ý của Thái hậu là nhẹ thì đánh đập, tống giam, nặng thì cho đi đóng giữ biên cương hoặc đánh đến chết. Đúng là “làm bạn với vua như chơi với hổ”.

Thôi Đắc Quý đến Tây tửm thất ở Lạc Thọ Đường, rạp đầu chào Thái hậu, thấy Lý Liên Anh đã bày biện sẵn bàn cờ ở cái bàn nhỏ trên giường lò bèn nghiêm trang thành kính xếp quân cờ, mời Thái hậu đi trước. Thái hậu vừa uống nước nhân sâm do cung nữ dâng lên vừa cầm quân cờ trừ trừ do dự. Trước đây, Thôi Đắc Quý hay để cho Thái hậu ăn nhiều hơn mấy con, hôm nay không hiểu tại sao Thôi Đắc Quý hơi tâm thần bất định. Thái hậu mãi vẫn không thắng được, các cung nữ và thái giám ở bên cạnh Thái hậu thấy sắc mặt bà tối sầm như ngày trời mưa nhưng Thôi Đắc Quý thì lại không hề nhận ra điều đó. Lúc này, Thôi Đắc Quý thấy Thái hậu có một con mã không có con nào bảo vệ mà lại bày ngay dưới nòng pháo, nhất thời tâm huyết trào dâng bèn ăn ngay con mã của Thái hậu. Nếu hắn ăn con mã đó mà không nói năng gì thì cũng thôi, nào ngờ mà xui quý khiến Thế nào hắn lại cứ mơ mơ màng màng nói:

- Nô tài giết chết con mã này của Lão Tổ tông!

Vừa nghe Thế Thái hậu không kìm được cơn thịnh nộ:

- Người cũng dám giết con mã của ta! Ngông cuồng! To gan! Ta phải giết cả nhà ngươi!

Thái hậu trút hết nỗi bức dọc mấy ngày hôm nay lên đầu Thôi Đắc Quý. Thôi Đắc Quý sợ hãi phủ phục xuống đất, rạp đầu lia lịa van xin.

Lời Thái hậu là “lời vàng ý ngọc”, lời ra phép theo. Các thái giám chỉ nghe thấy Lý Liên Anh lớn tiếng nói:

- Lôi hắn ra ngoài!

Một loạt tiếng dạ ran, các thái giám ào lên, mặc cho hấn kêu van, khóc lóc, trong chớp mắt, Thôi Đắc Quý đã trở thành thầy mà dưới những đòn trượng.

Lý Liên Anh trong lòng vô cùng vui sướng, lại nghe thấy Thái hậu nghiêm giọng nói:

- Mau đi tróc nã cả nhà Thôi Đắc Quý!

Những cung nữ và thái giám tâm có nhiều thiện lương vội vàng quỳ xuống cầu xin Thái hậu tha thứ.

Từ Hy Thái hậu giết Thôi Đắc Quý vốn là vì “quốc sự” mà giận cá chém thớt, việc xong bà cũng có chút hối hận, nguyên chỉ là đang đánh cò sao lại thành chuyện thật? Bèn nói:

- Các người đứng cả dậy, ta tạm tha cho cả nhà nó.

# Hồi thứ mười lăm: ĐÁNH TÀU NHẬT ĐĂNG THẾ XƯƠNG HY SINH KÝ KHẾ ƯỚC LÝ HỒNG CHƯƠNG BÁN NƯỚC

Mùa xuân năm Quang Tự thứ 20, Nhật Bản xâm lược Triều Tiên, quốc vương Cao Ly Lý Hy nhờ triều nhà Thanh giúp đỡ. Quang Tự phái viên Đề đốc Trực Lệ là Diệp Chí Siêu đi, cùng vào lúc đó, Lý Hy giao cho Hồng Khải Huân làm Chiêu Thảo sứ dẫn quân đi chiến đấu. Đến Kim Châu, đánh nhau mấy trận với Đông Học Đảng sau đó bị người của Đông Học Đảng dụ vào trong núi bao vây kín bốn mặt, Hồng Khải Huân phá vòng vây thoát ra được, Kim Châu mất vào tay giặc.

Viên Thế Khải, khâm sai của chính phủ nhà Thanh đóng ở Xêun, thấy Đông Học Đảng tiến đánh hoàng cung, ông ta lấy danh nghĩa là bảo vệ vua Hàn, dẫn ba tiểu đoàn quân đánh bộ vây thủ hoàng cung, đồng thời giấu Hàn vương Lý Hy vào một ngôi chùa cổ để bảo vệ. Viên Thế Khải rất có mưu lược, sức Đông Học Đảng không thể địch được, liền mời quân Nhật sang chống lại quân Trung Quốc. Nhật Bản nhớ bé kia điều động một vạn binh mã sang đã đánh bật quân Thanh ra khỏi Xêun, Viên Thế Khải sợ chết, lén lút đi nhờ tàu buôn đến Yên Đài gặp Lý Hồng Chương. Lý Hồng Chương xưa nay thường vẫn khoe khoang rằng có hải quân hùng mạnh, nhiều lần khoác lác với Từ Hy Thái hậu rằng hải quân của mình về phương diện quốc phòng thì vững như tường đồng vách sắt nhưng hôm nay gặp Viên Thế Khải lại nói:

- Tôi chỉ có một hai chục binh hạm, làm sao có thể đánh lại được với hải quân hùng mạnh của Nhật Bản? Hải quân của chúng ta toàn được huấn luyện bằng phương pháp châu Âu, hơn nữa bọn thống binh lại đã số đã du học ở Âu Mỹ. Nếu chẳng mà y thua ắt sẽ có đại thần trong triều tới truy cứu trách nhiệm, đến lúc đó, nhất định họ sẽ hỏi tại sao lại dùng số kinh phí to lớn để xây dựng hải quân vào việc xây dựng Di Hòa Viên, tất sẽ khởi quân hỏi tội.

Viên Thế Khải vốn là một anh ba phải, bao giờ cũng ngọt xót cái mồm, sử dụng hết tài nịnh nọt ra, nói:

- Ti chức cho rằng, hễ đánh nhau, ta chỉ có bại chứ thắng làm sao nổi. Lý Hồng Chương nói:

- Cứ đổ trách nhiệm lên đầu Hoàng thượng, nhưng tấu rõ tình hình của Nhật Bản cho triều đình, xin chỉ mà thi hành.

Hoàng đế Quang Tự đọc báo cáo xong, không dám tự tiện ra chủ trương liền trình nguyên bản tấu của Lý Hồng Chương lên Thái hậu. Thái hậu đang một lòng chuẩn bị cho lễ chúc thọ nên vừa thấy bản tấu này đã mừng mừng nể nể, lập tức phát dụ, phái họ Lý đốc quân đội thủy lục đi đánh đuổi giặc Nhật.

Lý Hồng Chương nhận được mệnh lệnh không đủ sức tự tin, trù trừ do dự mãi, ngoài là phụng mệnh nhưng trong lại ngậm ngậm chống lại. Triều đình thấy tin bại trận liên tiếp truyền về thì lại điện cho Phụng Thiên tướng quân Y Khắc Đường A, Cát Lâm tướng quân Trường Thuận, giục họ mau đến Bình Nhưỡng, lấy lại Xêun.

Đa số quan binh yêu nước của tiền tuyến Trung Quốc cùng chung mối thù, anh dũng chiến đấu. Hoàng đế Quang Tự lại được sự cổ vũ của thầy giáo Ông Đồng Hòa của mình và thầy giáo Văn Đình Thức của Trân Phi, lòng tràn đầy tự tin, chuẩn bị tuyên chiến với giặc Nhật. Hoàng đế Quang Tự đã thỉnh thị lên Từ Hy Thái hậu, bà ta thấy tin bại trận liên tiếp truyền về, cho rằng lễ mừng thọ sắp đến gần thì bất tất phải tiếp tục đánh nhau với Nhật Bản nữa. Được các đại thần yêu nước ủng hộ, Hoàng đế Quang Tự đã kiên quyết đích thân ban bố chiếu thư tuyên chiến với Nhật Bản. Cuộc

chiến đấu của sĩ tốt rất hiên ngang hăng hái nhưng do quân lương thiếu thốn, vũ khí không đủ, lại thêm Lý Hồng Chương luôn luôn nắm tay lôi lại, đề đốc Tả Tông Bảo do ông ta phái đi cũng vì đạn hết lương kiệt đã anh dũng hy sinh.

Cung Triệu San, Ngụy Nhữ Quý - các tướng quân trấn giữ Lữ Thuận đều kiên trì chống cự, nhưng rốt cuộc người ít không địch nổi kẻ thù đông, Lữ Thuận đã thất thủ. Triều đình lại hạ lệnh đốc toàn lực thủy quân Bắc Dương vào, hộ tống viện binh đến Cao Ly tham chiến. Đinh Nhữ Xương, đề đốc thủy quân Bắc Dương cũng phụng chỉ xuất binh, soái lĩnh mười ba chiến hạm, xuất phát từ quân cảng Uy Hải Vệ đập gió rẽ sóng tiến lên trên mặt biển mênh mông, thẳng tới vùng biển Đại Đông Cầu ở cửa sông Áp Lục.

Lục quân đã bại, hải chiến lại bị uy hiếp, Lý Hồng Chương chỉ ra lệnh cho Đinh Nhữ Xương đi tuần tra trên biển, hư trương thanh thế, nào ngờ mười hai quân hạm Nhật Bản rẽ sóng cưỡi gió, nhắm về phía Liêu Đông tiến thẳng đến Đại Đông Cầu. Lúc này Đinh Nhữ Xương đang phấn chấn vui vẻ cùng Đặng Thế Xương Quán đối tàu Trí Viễn quan sát cảnh biển trên boong tàu, đột nhiên có quân hiệu đến báo cáo:

- Trên mặt biển phía Tây Nam phát hiện có chiến hạm địch.

Đinh Nhữ Xương nghe thế không dám chậm trễ, lập tức lệnh cho Đặng Thế Xương về tàu chuẩn bị ứng chiến, lại đích thân dùng kính viễn vọng quan sát chiến hạm địch từ xa. Quả nhiên, một đội tàu mang cờ hiệu “Hồng Cao Dực” đang từ từ tiến đến gần. Nhìn kỹ ra thì hai chiếc dẫn đầu là hai tàu chủ lực mạnh nhất của hải quân Nhật Bản, hiệu Cát Da và hiệu Tây Hoàn. Một chiếc đột nhiên bắn ra quả đạn pháo đầu tiên, qua đạn bắn trúng vào cầu tàu Đinh Viễn. Đinh Nhữ Xương bất chấp pháo đạn, chỉ huy các chiến hạm bắn trả lại dữ dội, cuối cùng cũng bắn trúng được mạn phải của tàu địch, một luồng khói bốc lên cuộn cuộn, những chiến hạm còn lại của địch thấy thế đều rút lui.

Âm mưu vây đánh chiến hạm Đinh Viễn của quân hạm Nhật Bản chưa thực hiện được nên chúng liền thay đổi đội hình, tập trung hỏa lực vây bọc tấn công cánh phải của hạm đội Bắc Dương, tàu Trí Viễn đã trúng ba phát đạn liên, lửa cháy rừng rực, khói bốc lên cuộn cuộn. Trong giờ phút sinh tử tồn vong ấy, toàn thể quan binh đều biểu hiện khí khái anh hùng, lần lượt bắn trúng tàu Tây Hoàn và tàu Xích Thành của hạm đội Nhật. Nhưng vì đạn pháo đã dùng hết, một quả đạn khác của địch lại bắn trúng khoang chính của tàu Trí Viễn khiến cho tàu mất thăng bằng, tàu địch thì mỗi lúc một tiến gần. Vào giây phút ngàn cân treo sợi tóc đó, toàn thể quan binh đã thề nguyện cùng bị thiêu với chiến hạm và sau tiếng hô xung trận của Quán đối Đặng Thế Xương, tàu Trí Viễn mở hết tốc lực, như một con giao long dũng mãnh giữa biển khơi, bất ngờ lao thẳng vào tàu Cát Da trước mặt, nhưng trúng phải ngư lôi do tàu địch phóng ra, nên đã chìm xuống lòng biển sâu đang róc sùng sục như bị đun sôi.

Đặng Thế Xương, người chỉ huy anh hùng của đơn vị hải quân hiện đại đầu tiên của dân tộc Trung Hoa đã cùng với các binh sĩ dũng cảm của ông quên mình vì đất nước, chìm vào làn sóng biển biếc xanh một cách oanh liệt như vậy, chỉ có thuyền đá, thuyền rồng cho Từ Hy Thái hậu hành lạc và ba tàu thủy nhỏ mua từ nước ngoài với khoản tiền khổng lồ là được giữ gìn cẩn thận, trong Di Hòa Viên hủ nút kia mà thôi.

Cuộc chiến tranh Trung-Nhật đã kết thúc với sự thất bại hoàn toàn của phía Trung Hoa, chính phủ Thanh cử Lý Hồng Chương làm đại thần toàn quyền đứng đầu giảng hòa với Nhật Bản.

Quần thần trong triều đình nhà Thanh, các tú tài trong cả nước như bầy ong vỡ tổ. Hoàng đế Quang Tự lệnh cho các đại thần hiền kế sách, Văn Đình Thức liên hợp với các đại thần lại ra công văn, tâu thỉnh Cung Thân vương Dịch Hân ra chủ trì đại sự quân quốc. Hoàng đế Quang Tự một mặt sai quân cơ soạn chỉ, lệnh cho Cung Thân vương coi sóc quân cơ, mặt khác hạ dụ phán xử Lý Hồng Chương, kẻ vô phương tác chiến, cách đi ba ngày lông hoa của ông ta, tước bỏ áo khoác ngoài màu vàng.

Ngự Sử An Dục Tuấn dâng một tờ tấu, gay gắt lên án việc Lý Hồng Chương và Lý Liên Anh cấu kết với nhau làm việc xấu. Trong bản tấu nói: “Trung Nhật giảng hòa là do Lý Liên Anh đứng sau màn giật dây, Lý Hồng Chương không tranh đấu sinh tử, không tranh đấu lợi hại, không khích lệ tướng sĩ quyết tâm chiến đấu mà chỉ cúi đầu nghe lệnh, giờ cổ mặc cho người ta chém giết”.

Từ Hy Thái hậu đang vui mừng hí hửng chờ đón ngày lễ mừng thọ sáu mươi hoa giáp của bà ta nên bận rộn tít mù. Từ tháng tư, tháng năm, các tỉnh phủ và các khu vực như Mông Cổ, Tây Tạng, Thanh Hải đều đã nhận được dụ chỉ cử người đến chúc thọ và gợi ý cho các viên tì trong ngoài quyên bông để tỏ lòng thành. Từ Tết Đoan Ngọ đến Trung Thu, đề phủ các tỉnh và các tướng quân, tì đạo, châu huyện, nườm nượp không ngớt. Chen chặt các trạm dịch các nơi toàn là dân phu kiệu mã đem lễ đi chúc thọ Thái hậu. Những thương nhân tập trung hết ở thành Bắc Kinh, phô bày một cảnh tượng thật là thịnh vượng. Các hàng hóa vật phẩm kì dị thượng đẳng của các tỉnh cũng đều chuyển đến Bắc Kinh để bán, dự định địa điểm mừng thọ sẽ ở Bãi Vân trong Di Hòa Viên, phía tây kinh thành.

Bắt đầu từ Tây Uyển Môn qua cầu Ngự Hà ra Tây An Môn qua cầu Tây Tứ Bài, Tây Trục Môn, men theo đường ngự đạo thông qua Hải Điện thẳng đến Đông Cung Môn, những căn lều sặc sỡ mọc lên như nấm, phân ra làm sáu mươi cảnh điểm tượng trưng cho lễ mừng thọ sáu mươi tuổi. Lều rồng, đàn kinh chiến đài, cổng chào, đình đài, thật là đua nhau muôn màu khoe sắc.

Giấy mời phu nhân các công sứ triều đình đã phát đi nhưng tin tức chiến bại như sét giáng xuống đầu, Thái hậu giận dữ đến thẳng điện Càn Chính tìm Quang Tự hỏi tội.

Hoàng đế Quang Tự bỗng nhiên nghe báo có Thái hậu tới thì vô cùng bối rối, tìm ông dường như đã bị mấy tiếng “Thái hậu tới” nghiền vụn rồi. Định thần lại, biết rằng Thái hậu đến là không tốt, nhưng cũng đành phải đánh liều xuống điện quỳ tiếp.

Thái hậu bưng bưng nộ khí hỏi:

- Ai cho bệ hạ ra lệnh khai chiến với Nhật Bản để đến nông nỗi này, để xem bệ hạ kết cục như Thế nào? Không ngờ giang sơn của tổ tông lại bị mất vì tay bệ hạ!

Quang Tự quỳ dập đầu xuống nói:

- Đình thần nhất trí cho rằng Nhật Bản khinh ta quá đáng nên trẫm mới khai chiến với chúng.

Thái hậu nói:

- Bệ hạ nói đình thần nhất trí đề nghị bệ hạ khai chiến, Thế tại sao bệ hạ không nghe lời Lý Hồng Chương mà lại trút tội lên đầu hãn? Được rồi, được rồi, ta tạm để đó, mừng thọ xong sẽ có lời nói tiếp đây.

Để cứu vãn tình Thế nguy cấp này, Từ Hy Thái hậu một mặt lệnh cho Quang Tự mau chóng sức cho đề đốc Tứ Xuyên Tổng Khánh tới giúp việc quân vụ Bắc Dương, lệnh cho ngự tiền thủ vệ Công Quế Tường thống lĩnh binh mã các doanh trại đến trấn giữ Sơn Hải Quan, một mặt lấy danh nghĩa hoàng đế giáng chỉ xóa bỏ việc mở rộng lễ chúc thọ. Thượng dụ nói:

... Trẫm phụng theo ý chỉ của Từ Hy Thái hậu, từ sau tháng sáu năm nay, bọn giặc bắt đầu gây họa, xâm lược đất đai của ta, tìm cơ gây sự phá hủy chiến hạm của ta, bắt đắ dĩ ta phải hưng binh đi đánh dẹp. Hiện giờ can qua chưa dứt, việc trưng tập điều động vẫn không ngừng. Sinh linh hai nước đều gặp phải chiến tranh, mỗi lần nghĩ đến lại đau xót khôn cùng. Trước vì nghĩ đến nỗi khổ của sĩ tốt nên đặc biệt ban cho ba trăm vạn tiền trong nội kho để khao thưởng. Nay ngày lễ chúc thọ đã đến gần nhưng cũng lòng dạ đau mà bày biện lãng phí, nhận những lời chúc tụng? Nên tất cả các lễ chúc mừng đều phải đổi sang tổ chức tiết kiệm.

Mặc dù đôi lễ chúc thọ từ xa xỉ sang tiết kiệm nhưng các đại thần vẫn theo lệ gia phong danh hiệu “Sùng Hy” cho Thái hậu. Bởi vì mỗi lần đại lễ đều phải tấn phong cho bà một danh hiệu. Danh hiệu “Sùng Hy” này chính là được gia phong vào lần chúc thọ thứ sáu mươi. Mỗi lần gia phong đều phải tăng thêm bổng lộc.

Tên thụy sau khi chết của Từ Hy là “Hiếu Khâm”, đây là chuyện sau khi chết của bà ta, tạm thời nhắc đến trước: Danh hiệu và tên thụy của bà là Hiếu Khâm, Từ Hy, Đoan Hựu, Khang Di, Chiêu Dự, Trang Thành, Thọ Cung, Khâm Hiến, Sùng Hy, ngoài “Hiếu Khâm” ra, tất cả là mười sáu chữ. “Từ Hy” là do hoàng đế Đồng Trị, con trai bà đặt thêm cho khi lên ngôi. “Đoan Hựu” là Đồng Trị đặt thêm khi kết hôn. “Khang Di” là Đồng Trị đặt thêm sau khi tự mình chấp chính. “Chiêu Dự” là gia phong khi bà ta tròn bốn mươi tuổi. “Trang Thành” là hoàng đế Quang Tự gia phong cho khi lên ngôi. “Thọ Cung” là Quang Tự gia phong khi kết hôn. “Khâm Hiến” là gia phong khi bà quy chính. Bổng lộc của tám lần gia phong danh hiệu này mỗi năm là 384.000 lạng bạc.

Năm 1895 sau khi kí kết “Điều ước Mã Quan”, tiếng kêu than ai oán của nhân dân cả nước giống như sóng gào gió thét, trước việc triều đình nhà Thanh như con thuyền sắp bị lật đổ, dân tình vô cùng phẫn nộ. Hoàng đế Quang Tự nhiều lần dâng sớ tâu lên Từ Hy Thái hậu và đưa ra ý kiến, kiến nghị của mình nhưng đều bị khiển trách nghiêm khắc.

Hôm đó, hoàng đế Quang Tự đến điện Bài Vân, trước hết theo lệ thường trong cung hành đại lễ mẫu tử với Từ Hy, Từ Hy nhắm mắt dưỡng thần một lát rồi mới từ từ mở mắt ra, nghiêm nghị nói:

- Nghe Dịch Khuông nói, bệ hạ bảo với hán rằng nếu vẫn không giao quyền lực cho bệ hạ, phê chuẩn hiến pháp Duy Tân thì bệ hạ tha không làm hoàng đế chứ không cam làm ông vua mất nước, lời này có phải do bệ hạ nói không?

Quang Tự vừa nghe, trong lòng thót kinh hãi, chỉ cúi đầu nói:

- Con đã từng nói với Khánh Vương những lời này. Chỉ bởi vì từ khi thua ở cuộc chiến tranh Giáp Ngọ đến nay, Nhật Bản đã chiếm lĩnh Đài Loan, Nga chiếm lĩnh Lữ Đại, Đức đòi lấy Giao Châu, Pháp dòm ngó Lưỡng Quảng, các cường quốc khinh ta quá đáng. Cát đất bồi thường chiến phí, nước nhục bởi mất quyền, đời sống nhân dân ngày một tệ hại, Thế nước ngày một gấp rút, con đành phải mưu cầu kế mới để cứu nước cứu dân, nỗi khổ tâm của con kính mong Hoàng Thái hậu thấu hiểu cho.

Mấy câu nói này của Quang Tự nghĩa chính từ nghiêm đã làm Từ Hy xúc động; tình Thế đất nước ngày càng xấu đi, bà ta cũng biết là nó gắn liền với sự chuyên quyền độc đoán của mình. Cả đất nước đã đứng trước nguy cơ bị xâu xé chia nhau, bà ta biết rất rõ. Bà vẫn nhắm mắt căng thẳng suy nghĩ rồi cuối cùng dự định thử Quang Tự một chút, dù sao thì đại quyền quân chính cũng vẫn nằm trong tay mình. Vạn nhất duy tâm thất bại thì lại phế bỏ Quang Tự, lập một hoàng đế bù nhìn khác, há chẳng phải danh chính ngôn thuận sao? Thế là bà ta mở mắt nói với Quang Tự:

- Như lời bệ hạ nói, ta há không biết? Huống hồ ta vốn chẳng phải người một mực thủ cựu, bệ hạ thử nghĩ, mấy năm lại đây, tuyển chọn cử đại thần ra nước ngoài khảo sát, thanh niên ra nước ngoài du học, năm nay Viên Thế Khải lại luyện tân binh, đó chẳng phải là vì dân vì nước hay sao?

Quang Tự càng nghe khẩu khí của Thái hậu càng há hốc, không khỏi thẳng lưng lên.

Từ Hy nói tiếp:

- Nên nhớ không được vừa thua một đã trở thành thiên cổ hận, bệ hạ xem lần trước Triều Tiên có chuyện, ta và Lý Hồng Chương yêu cầu bệ hạ phải cẩn thận, không được khinh cử mà nh động, kết quả mới ra nông nổi Thế này đây.

Quang Tự nói:

- Lần trước Triều Tiên gặp nạn là do Nhật Bản khiêu khích với quân binh Đại Thanh ta, bắt đắ dĩ bị ép mà phải chủ chiến, chiến mà bất lợi, đó là do Lý Hồng Chương luyện binh bất lực, không phải lỗi của cuộc chiến tranh.

Quang Tự nói cho Từ Hy cứng họng, hồi lâu mới lên tiếng:

- Ra về bệ hạ hãy suy nghĩ cho kỹ đi.

Trên đường về, bên tai Quang Tự dường như vẫn văng vẳng câu nói: “Giang sơn của nước Đại Thanh là do đấng vạn tuế gánh vác; ký kết hòa ước với nước ngoài là điều mà đấng vạn tuế phải chịu; cái tên bị nguyên rủa muôn đời, ghi trong sử sách cũng là đấng vạn tuế...”. Đây là lời của Trần Phi, thấm sâu trong từng tế bào của hoàng đế Quang Tự...

Những lời nói này đã tăng thêm cho Quang Tự một sức mạnh tinh thần to lớn: À, ta không thể để lịch sử phê bình ta là vị hoàng đế không có năng lực được! “... Nước Đại Thanh là tiếng tăm của đấng vạn tuế, ghi trong sử sách...” âm thanh đó cứ chích mãi vào lòng Quang Tự.

Quang Tự về đến Đại Nội, Ông Đồng Hòa đang đợi gia trong thư phòng. Sau khi Ông Đồng Hòa ngênh giá khấu an, Quang Tự rất muốn kể lại những lời Thái hậu nói lúc nãy cho Ông sư phụ nghe. Trong tay Ông sư phụ cầm một bản sơ tấu của Khang Hữu Vi, trên bản tấu trình bày tỉ mỉ về những khó khăn trong tình hình hiện nay, không nỗ lực sáng tạo nền chính trị mới thì sẽ không thể cứu vãn được sự nguy vong. Quang Tự thấy bản sơ tấu này rất đáng coi trọng. Hoàng đế nói:

- Từ khi sư phụ tiến cử Khang Hữu Vi, mỗi lần ông ấy dâng sơ tấu ta đều hết sức chú tâm đọc kỹ, nhìn khắp các đại thần văn võ trong triều đình, rất là một phùng ngồi không ăn bám, quan lại cấp dưới kiến thức còn không nhiều bằng vạn dân bách tính. Có thể thấy việc khoa cử quyên nạp là chuyện sai lầm nhất. Hôm nay khấu kiến Thái hậu trong Di Hòa Viên, ta cũng rất tán thành việc duy tân đổi mới, xem ra Thái hậu cũng có chuyển biến.

Ông Đồng Hòa nói:

- Nay ta phải kiên quyết cầu trị, mưu cầu giàu mạnh, không phá cách dùng người và quảng khai ngôn luận thì không thể được.

Quang Tự nghe Thế liên nói:

- Sau này phạm là thuộc thần công sĩ thứ, hễ có ý kiến đối với tình hình thời sự đất nước đều có thể khai tấu bất cứ lúc nào, ngày mà i sẽ ban bố dụ chỉ, sư phụ thấy Thế nào?

Ông Đồng Hòa nói:

- Nước ta đất đai bao la, sản vật phong phú, dân chúng đông đúc, lại có năm nghìn năm lịch sử văn minh, nếu gắng sức nỗ lực chấn hưng thì Minh Trị của Nhật, Pie đại đế của Nga sao có thể vượt lên được?

Quang Tự nói:

- Nào ngờ vận nước không hay, dân chúng vô phúc, cứ gặp phải lũ tiểu nhân Từ Đồng, Lý Hồng Tảo, nhất là Lý Liên Anh, lúc nào cũng ở bên Thái hậu, nói ra nói vào gây chuyện cãi vã khiến cho triều cương bất chấn, các cường quốc thừa cơ tiến vào, đúng là vật tất tự rữa trước rồi sau mới sinh giỏi.

Ông Đồng Hòa nói:

- Sau chiến tranh Giáp Ngọ, Khang Hữu Vi tụ tập bạn đồng nhân, từng dâng lên rất nhiều thư nhưng đều có đại thần ngăn cản, không được ngự giám, nhân dân do kém hiểu biết đều chế giễu ông ta là thằng điên. Thần nghe nói khi ở Quảng Đông, Khang Hữu Vi đã từng lập học xá Trường Hưng, Trương Chi Động tổng đốc Lương Quảng đối với Khang Hữu Vi càng thêm kính trọng. Sau lại dạy học ở Quế Lâm, Quảng Tây, lập Cường Học hội ở Bắc Kinh. Quan gia không hiểu thời Thế đã ra nghiêm lệnh cấm chỉ, trong đó có đệ tử của Khang Hữu Vi, cử nhân Lương Khải Siêu, Lâm Húc, tiến sĩ ngự sử giám sát đạo Sơn Đông Dương Thâm Tú, còn có em ruột Khang Hữu Vi là Khang Quảng Nhân, có trung thư nội các Dương Nhuệ, Đàm Tự Đồng, con trai của cố tuần phủ Hồ Bắc Đàm Kế Tuần đều đã dạy học lâu năm, nhất là Đàm Tự Đồng là người xuất sắc trong đám quần kiệt, được đốc thần Trương Chi Động khen ngợi nhất, khâm phục nhất. Nay Hoàng thượng muốn đất nước giàu mạnh, không tích cực thu phục nhân tài, thanh trừ tệ nạn kéo dài lâu ngày không được. Chỉ riêng phái phản đối hiện nay, dâng sớ tấu đối với vi thần, hống hách ngăn cản, theo ý kiến thần, cùng với kỳ thần là cái đích của trăm mũi tên ở thượng thư phòng, chỉ bằng thần từ chức trước, thỉnh Hoàng thượng anh minh thăng chức bổ nhiệm Đàm Tự Đồng phò tá thánh cung, bình trị thiên hạ, đây là điều mà gần đây vi thần cảm nhận được từ sự kích thích của các bên, buộc phải tấu bày, xin cho phép thần được từ chức ngay.

Nói đoạn nước mắt như mưa. Vừa nghe sự phụ có ý ra đi, Quang Tự vừa khóc vừa nói:

- Hiện nay thời cuộc nguy ngập, phải dựa vào sự phụ cùng bàn đại kế, tại sao lại có lời như vậy? Nếu sự phụ ra đi, há chẳng phải là trăm mắt đi cánh tay đắc lực, mất đi tai mắt hay sao? Nhật Bản mượn gió bẻ măng, cưỡng ép nước Đại Thanh ký kết điều ước với chúng, Lý Hồng Chương lại đứng về phía kẻ địch, sợ Nhật Bản như sợ cọp, hấn và Nhật Bản ký kết khế ước, hai tay cung kính dâng đảo Đài Loan cho chúng, trăm không có mặt mũi nào nhìn chúng dân cả nước nữa, sự phụ nhất định không được về quê mới phải.

Lại nói về đế quốc Nhật Bản, từ năm 1868 trải qua việc Minh Trị duy tân đã bước vào con đường của chủ nghĩa tư bản, nhanh chóng chĩa thẳng mũi dùi xâm lược vào Triều Tiên và Trung Quốc. Chính phủ Nhật Bản định ra “chính sách đại lục” nhằm vào việc chinh phục Trung Quốc. Bước đầu là: xâm chiếm Đài Loan; bước hai là: chinh phục Triều Tiên; bước ba là: xâm chiếm phía Đông Bắc Trung Quốc, sau đó chinh phục cả Trung Quốc, tiến tới độc chiếm châu Á, xưng bá với thế giới. Chúng đã làm như thế nhưng lại thất bại.

Cuộc chiến tranh Trung-Nhật Giáp Ngọ tháng 8 năm 1894 kéo dài tám tháng, cho đến tháng 4 năm 1895 mới kết thúc. Tổng cộng có năm chiến dịch lớn: Một là chiến dịch Bình Nhưỡng, quảng đại quan binh yêu nước Trung Quốc đã anh dũng chiến đấu. Binh sĩ của tướng quân Tả Bảo Quý dưới sự soái lĩnh của ông đã dũng cảm chống chọi với địch, đánh cho quân Nhật toi bời tan tác. Trong khi dẫn đầu đoàn quân leo lên Huyền Vũ Môn phía bắc thành chi huy chiến đấu, ông đã chẳng mà y trúng đạn hy sinh. Phó tướng Diệp Chí Siêu đáng ra phải tiếp bước nhưng ông ta lại dẫn đầu rút bỏ lương thực khí giới, tháo chạy tan tác đến năm trăm dặm, lùi mãi đến bờ bắc sông Áp Lục. Trước đó tổng binh Tả Bảo Quý từng tấu bày với triều đình là “Diệp Chí Siêu phụng mệnh dẫn quân đến Triều Tiên, đóng ở Nha Sơn, tháng 7 khi quân Nhật Bản tấn công Nha Sơn, ông ta không chống cự, dẫn quân tháo chạy đến Bình Nhưỡng, lại ba hoa chiến công với triều đình, được bổ nhiệm làm thống lĩnh ở Bình Nhưỡng. Nhật Bản tấn công Bình Nhưỡng, ông ta lại không chuẩn bị phòng thủ, thấy kẻ địch đến gần liền lập tức bỏ thành mà chạy, dẫn đến việc Bình Nhưỡng thất thủ” vân vân... Hai là đại chiến dịch Hoàng Hải: hạm đội Bắc Dương của Trung Quốc có mười bốn quân hạm, còn hạm đội Nhật Bản chỉ có mười hai quân hạm. Trong trận đấu ác liệt giữa đôi bên, tàu Trí Viễn dưới sự chỉ huy của quân đội Đặng Thế Xương đã tung hoành trên biển và đã hy sinh oanh liệt. Ba là chiến dịch Liêu Đông: giặc Nhật đổ bộ lên bờ ở cửa Hoa Viên của bán đảo Liêu Đông, hùng bạo đánh Đại Liên, Lữ Thuận từ sau lưng. Trước hết chúng tấn công cửa ngõ của Lữ Thuận-Kim Châu, Cung Chiếu Dư - thống soái trấn thủ Kim Châu lúc đó thấy giặc Nhật tấn công Kim Châu liền vội vàng lên tàu phóng ngư lôi chuồn đến Yên Đài. Cung Chiếu Dư này vốn là kẻ tâm phúc của Lý Hồng



Chương, ông ta biết Lý Hồng Chương đang đóng giữ ở Yên Đài cho nên tới gặp Lý Hồng Chương. Lý Hồng Chương kia không hề có chút lòng tin nào đối với việc giao chiến với Nhật nên đã lùi đến Yên Đài, giữ gìn “nguyên khí” của quân đội. Cánh trưởng cánh hữu của lực quân trấn giữ Lữ Thuận lúc đó kiêm thống soái doanh đội một là Khương Quế Đề nghe nói Kim Châu đã thất thủ thì vội lệnh cho phó tướng Từ Bang Đạo ngay đêm đó phải phi đến Kim Châu, đoạt lại trận địa, nhưng do người ít không địch nổi giặc đông, đã chuyển dịch về Lữ Thuận hợp lực với Khương Quế Đề dàn trận đợi địch. Quả nhiên, đại đội binh mã quân Nhật đã rầm rộ kéo đến, cuối cùng thành bị phá, giặc Nhật tàn sát dã man 18000 quân dân trong thành, thây chất thành đống, thảm thương không nỡ nhìn. Bốn là chiến dịch Uy Hải Vệ: đề cường ép chính phủ Thanh khuất phục toàn diện, giặc Nhật đã tấn công Uy Hải Vệ. Vùng này là một trong những cảng khẩu quan trọng của hải quân Bắc Dương. Lúc này giặc khuyến dụ Đinh Nhữ Xương đầu hàng, Đinh kiên quyết từ chối, vào thời khắc khẩn cấp, đạn cùng lương kiệt, bị chiến hạm của giặc Nhật bao vây, Đinh Nhữ Xương đã quyết đoán kịp thời, hạ lệnh nổ mìn đánh đắm thuyền. Năm là chiến dịch ngoài Sơn Hải Quan: chính phủ Thanh thấy Hoài quân thất bại liền tiếp liền quyết định khởi dụng Trương quân, bổ nhiệm thủ lĩnh Trương quân, tổng đốc Lương Giang Lưu Khôn Nhất làm đại thần khâm sai, đốc soái Trương quân đóng giữ tại trong ngoài Sơn Hải Quan, xa hội vẫn có thể coi là bình an vô sự.

Ở đây phải trình bày một chút: Hoài quân là gì? Hoài quân là quân phiệt vũ trang phong kiến do Lý Hồng Chương đứng đầu. Năm 1853 khi quân Thái Bình tấn công An Huy, tại Hợp Phì, Lý Hồng Chương và Công bộ thị lang Lữ Hiền Cơ cùng cai quản đoàn luyện (tổ chức vũ trang phản động thời xưa), sau khi bị quân Thái Bình đánh bại, dưới sự giúp đỡ của Binh bộ thị lang Tăng Quốc Phiên đã đến vùng Lục An, Hoài Nam, mộ tập đoàn luyện hình thành một cánh quân khác. Bởi vì đội ngũ này đều chiêu mộ từ lưu vực sông Hoài cho nên gọi là “Hoài Dũng”, trong lịch sử gọi quân đội thuộc hệ thống của Lý Hồng Chương là “Hoài quân”. Còn Trương quân là Thế nào? Là quân đội vũ trang quân phiệt phong kiến do Tăng Quốc Phiên đứng đầu, đối kháng với nghĩa quân Thái Bình Thiên Quốc, ngoài lực quân ra còn có thủy quân, chiêu mộ binh sĩ có nguồn gốc từ Trương Hương cho nên gọi là Trương quân.

Chính phủ Thanh khai chiến với Nhật chủ yếu dùng quân Hoài và quân Trương. Nhưng ở chiến tranh Giáp Ngọ, từ đầu chí cuối, Lý Hồng Chương hoàn toàn áp dụng phương châm thỏa hiệp đầu hàng. Vào ngày 17 tháng 4 năm 1895 (năm Quang Tự thứ hai mốt), chính phủ Thanh đã ký kết “điều ước Mã Quan” với Nhật. Đây là điều ước do đại thần Lý Hồng Chương, người được chính phủ Thanh phái đi giảng hòa, ký kết với thủ tướng Nhật Bản tại lầu Xuân Phàm ở Mã Quan Nhật Bản nên còn gọi là “Điều ước lầu Xuân Phàm”, gồm có mười một điều, nội dung chủ yếu là:

1. Trung Quốc thừa nhận Triều Tiên hoàn toàn “tự chủ”.
2. Trung Quốc cắt nhượng toàn bộ đảo Đài Loan và tất cả các hòn đảo phụ thuộc cùng bán đảo Liêu Đông cho Nhật Bản.
3. Bồi thường quân phí cho Nhật Bản hai vạn lạng bạc trắng.
4. Mở cửa cho 4 thành phố lớn thông thương với nước ngoài.
5. Cho phép người Nhật Bản tùy ý thiết lập lãnh sự quán, nhà máy và nhập khẩu các loại máy móc tại những bến cảng thông thương của Trung Quốc.
6. Đãi ngộ tối huệ quốc phiên diện.
7. Trung Quốc không được bắt giữ những phần tử Hán gian phục vụ cho Nhật Bản.

Sau khi “Điều ước Mã Quan” ký kết, tin tức đã truyền đến Đài Loan. Nhân dân Đài Loan vô cùng căm phẫn, bà con nổi dậy bãi thị, các thân sĩ, hào phú Đài Loan thì soạn thảo “thư bố cáo với thị dân Đài Loan”, bày tỏ rằng “Tha là người người chiến đấu đến chết mà vẫn mất Đài Loan chứ

quyết không chịu cung kính dâng nhượng Đài Loan”.

Tuần phủ Đài Loan Đường Cảnh Tung nhận được mệnh lệnh của triều đình đành gạt nước mắt ra đi. Sau khi Đường Cảnh Tung trở về kinh, thị dân Đài Trung, Đài Nam và cả Đài Bắc đều căm hận chủ nghĩa không kháng cự của triều đình. Nhân dân Đài Loan phản kháng xâm lược, lũ lượt tổ chức “nghĩa dân quân” dưới sự lãnh đạo của Ngô Thang Hưng, Từ Tương, liều mạng với quân Nhật. Những Ngô Thang Hưng, Từ Tương theo chủ nghĩa yêu nước kia là người Miêu Lật thuộc tỉnh Đài Loan, còn nguyên quán của Từ Tương là Quảng Đông, xuất thân là học trò, thích đọc binh thư, hay tập luyện võ nghệ cho nên hai người phối hợp rất tốt, ba con nhất trí hưởng ứng, người thì quyên góp vũ khí, người thì quyên góp lương thực, người lại quyên góp tiền, những thanh niên khỏe mạnh thì hăng hái tòng quân. Họ vùng dậy phản kích ở Tân Trúc, kiên trì hơn một tháng trời, giết chết và bắt sống hơn trăm tên lính Nhật. Lúc này tổng binh, quân Hắc Kỳ Quảng Đông Lưu Vĩnh Phúc cũng dẫn một bộ phận binh sĩ tinh nhuệ đến, được mọi người cùng suy tôn là thủ lĩnh quân dân kháng Nhật. Với sự phối hợp của hai tướng Từ, Ngô, ông đã dụ địch tiến sâu vào suối Đại Giáp và Đài Trung, lập được một chiến công lớn.

Từ Tương cuối cùng đã hy sinh oanh liệt. Ngô Thang Hưng và Lưu Vĩnh Phúc thấy đại thế đã qua liền đi về Bạch Kiệt, không biết cuối cùng ra sao.

# Hồi thứ mười sáu: QUANG TỰ BIẾN PHÁP HÙNG TÀI NÔ NƯỚC HỌC SỸ TÁU TRẦN DUNG THẦN KINH TÂM

Lại nói Ông Đồng Hòa trong lòng vẫn ôm ấp ý định thoái chức liền đến gặp hoàng đế Quang Tự nói:

- Thần nói muốn ra đi, không phải là nhẫn tâm bội chủ, phụ lòng thánh ân mà quả thực là vì trong mắt tả hữu văn võ, thần rất bị đảng cũ căm ghét, gây ra sự phản đối với họ, chỉ bằng mau mau lui về là hơn.

Quang Tự nói:

- Nhất định không được.

Quang Tự biết tính khí của sư phụ kỳ quái nên rất khó xử, chỉ biết chảy nước mắt. Lúc này thái giám tâm phúc đang đứng ở thượng thư phòng hầu hạ trà nước vội quỳ xuống trước Hoàng thượng và Ông Đồng Hòa, nói:

- Hoàng thượng đã nói như thế, hay là xin Ông sư phụ hãy tính kế lâu dài, nếu vì vậy mà làm cho Hoàng thượng buồn rầu, chính là đã trúng kế kẻ thù, Hoàng thượng nếu mạnh khỏe một ngày cũng là phúc đức của muôn dân bốn biển, nay Ông sư phụ đã chịu trách nhiệm tiến cử bọn Đàm Tự Đồng, Hoàng thượng có thể lập tức lệnh cho họ chuẩn bị triệu kiến.

Ông Đồng Hòa cũng sợ phụ lòng thánh ân nên vua tôi hai người lại bàn bạc việc triệu kiến bọn Đàm Tự Đồng, cho đến khi công triều sắp đóng, Ông sư phụ mới cáo từ.

Sáng hôm sau, quả nhiên có dụ chỉ, ra lệnh triệu kiến Khang Hữu Vi tấu bày, Khang Hữu Vi lại đem lý lịch xuất thân và học nghiệp, danh dự của bọn Lương Khải Siêu ra tiến cử một lần nữa. Quang Tự lệnh cho Khang Hữu Vi đưa thư đến sáu người bọn Đàm, lệnh cho họ lập tức tới, cùng bàn bạc kế lớn của đất nước. Bỏ nhiệm Khang Hữu Vi làm cố vấn. Lương Khải Siêu trông coi bộ phận dịch sách, bỏ nhiệm bốn người Đàm Tự Đồng, Lưu Quang Đệ, Dương Nhuệ, Lâm Húc chủ trì biến pháp nơi quân cơ.

Tháng sáu năm thứ hai mươi tư niên hiệu Quang Tự, Hoàng đế hạ một đạo mệnh lệnh “Minh định quốc thi”, gồm có hai bản kèm theo danh sách những người tổ các duy tân. Toàn văn chiếu thị của “Minh định quốc thi” như sau:

“Mấy năm gần đây, thần công trong ngoài đều chú trọng thời thế, đã số chủ trương biến pháp tự cường, gần đây chiếu thư nhiều lần hạ xuống như mở khoa thi đặc biệt, giảm bớt nhân viên thừa, cải cách chế độ khoa thi võ, lập trung tiểu học đường, đều qua vài ba lần thẩm định, đắn đo suy xét cho tới khi hoàn thiện, vừa đề nghị thi hành, chỉ có phong khí còn chưa lớn lắm, theo lý mà nói là chưa thể đến nhất trí cái nào, hoặc giao cho bậc lão thành luôn lo lắng vì đất nước, cho rằng điều lệ cũ tất nên yên lặng mà giữ, pháp luật mới tất nên bãi bỏ, quần chúng nhao nhao lên, nói suông chỉ là vô bổ.

Thư hồi hiện nay thời cục như thế, nếu lấy có là tiền lương có hạn, vẫn không luyện binh, hôm nay binh không có thực học, công không có thầy giỏi, mạnh yếu so sánh với nhau, há có thể dùng gây để đánh đội quân tinh nhuệ vũ trang đầy mình sao? Trẫm chỉ lo đất nước bất ổn, hiệu lệnh không thi hành, tệ nạn tràn lan, tất dẫn đến việc phe phái tranh chấp, đánh đấm lẫn nhau, chỉ đi

theo con đường Tống Minh thói xấu lâu ngày, không có ích lợi gì cho tình hình chính trị đương thời. Tức lấy đại kinh đại pháp của Trung Quốc mà nói, tam hoàng ngũ đế, không bắt chước lẫn nhau. Chẳng hạn đông cầu hạ cát, Thề bát lương tồn, vì rất biết rõ tuyên thi, về sau thần công lớn nhỏ trong ngoài nước từ vương công cho đến thứ dân sĩ tốt đều nên nỗ lực tiến lên quyết tâm cố gắng, dùng đạo học nghĩa lý thánh hiền làm gốc rễ, lại cần mở rộng học tập những điều cần thiết cho thời thế từ phương Tây, hết sức coi trọng đề cứu chữa những tệ nạn thói nát trống rỗng, chuyên tâm chuyên ý, đã giỏi phải muốn giỏi hơn, chớ học tập được mỗi vẻ bề ngoài của nó, để thành thông tài năng kinh tế đạt biến. Kinh sư đại học đường là tấm gương cho các tỉnh, đặc biệt nên tổ chức đầu tiên. Các đại thần quân cơ, đại thần tổng lý sự vụ đất nước sẽ cùng bàn luận nghị tấu nhanh chóng. Tất cả các biên kiểm viện hàn lâm, ti viên các bộ, thị vệ đại môn, người dự bị, đề cử vào đạo phủ châu huyện. Lấy con em của các quan chức cấp dưới, thế chức bất kỳ, hậu duệ vô chức các tỉnh, người nào muốn vào học đường đều cho phép nhập học, đào tạo ra nhiều nhân tài cùng chung lo việc nước, không được qua loa tắc trách làm việc thiên tư bỏ dụng người thân quen. Khâm thủ".

Nội các ban bố chiếu chỉ này xong, nhân tài lúc đó đều nô nức đứng dậy. Trương Chi Động, Trần Bảo Chân dâng sớ nghị định về chương trình khoa cử. Tổng đốc Thương Trương Lý Đoan Phân dâng biểu trừng phạt Trần Tu Minh, xin cải cách luật lệ Đại Thanh, cử người sang Nhật Bản điều tra chính trị trước. Chủ sự bộ Lễ Vương Chiếu trong lúc Quang Tự bắt đắch chỉ đã từng dâng tấu xin sửa đổi thể chế chính trị, bị thượng thư Hoài Thập Bô bức hại, lần này cũng được gỡ rối trở lại bình thường, tăng thêm cho Vương Chiếu tam phẩm khanh ham, dự khuyết tứ phẩm kinh đường. Quang Tự lại lệnh cho Trương Nguyên Tế trông coi về đường sắt, hầm mỏ; Trương Âm Hoàn là đại thần đường sắt và hầm mỏ. Giao cho các quan tam phẩm Đoan Phương, Ngô Mậu Đình, Từ Luật Dân quản lý Cục nông công thương. Lúc đó toàn triều trên dưới, khí Thế hưng hực. Đúng là rồng mây hồ gió, tụ họp nhất thời.

Các quan viên lớn nhỏ thấy đều hăng hái tinh thần, cùng đóng góp kế sách, sức lực. Đương thời có ngự sử Tăng Tông Ngạn dâng sớ về việc nhà nông. Vương Tích Phiên dâng sớ về việc mở thương hội. Chủ sự bộ Hình Tiêu Văn Ngộ xin mở rộng kế hoạch xuất khẩu hàng hóa. Thứ Cát Sĩ Đình Duy Lỗ do thấy việc tính toán thu chi của bộ Hộ đều không có sổ sách ghi chép nên xin soạn ra các loại sổ sách quyết toán dự toán. Kỳ viên Vương Tuấn do thấy triều đình mở rộng ngôn luận, lắng nghe ý kiến của tất cả mọi người nên đã xin ban bố dụ chỉ rõ ràng, cho phép sĩ dân các tỉnh tổ chức báo chí tin tức và cho phép tự do ngôn luận. Viên Sướng do sinh kế của nhân dân tám kỳ toàn bộ dựa vào lương bổng, triều đình nay nỗ lực thi hành chính sách mới, đồ tiền luyện binh thì sinh kế của tám kỳ cần phải đặt kế hoạch ngay, một là làm cho con em tám kỳ có tri thức của nông công thương dân, có thể lập mưu sinh nghiệp, hai là kiểm tra ra những binh sĩ tinh nhuệ tráng kiện của tám kỳ, biên chế thành đội quân hùng mạnh, khi đất nước thanh bình có thể làm việc như công nông thương, lương trả cho họ sẽ không vô ích, binh có thực dụng.

Những sớ tiểu tấu triệt rõ ràng này đều rất hợp thời thế, cần phải thi hành ngay. Quang Tự xem sớ tấu xong đều cực kỳ khen ngợi và thu nạp hết, đáng tiếc là bọn tiểu nhân Vinh Lộc, Lý Liên Anh, Hoài Thập Bô suốt ngày thêm thất đặt điều nói xấu, đảo lộn đúng sai trước mặt Thái hậu, nói cứ đâu ra đấy.

Hai hôm nay Từ Hy Thái hậu đã đọc chiếu thư "Minh định quốc thị" và danh sách nhân viên bổ nhiệm trong nội các của Hoàng thượng, đang do dự thì lại nghe nói các đại thần, tiểu lại trong ngoài triều cho tới dân chúng trăm họ đều muốn lật đổ cơ nghiệp hai trăm năm của tổ tông, sửa đổi chế độ của tổ tông.

Những bản điều trần cải cách duy tân từ bên ngoài đưa đến nhiều như bướm bướm, Lý Liên Anh sai tâm phúc giả danh là phân tử duy tân ra ngoài cung thu nạp một số bản điều trần bí mật, trong đó có bản điều trần đề nghị lập tức bắt giữ Lý Liên Anh hỏi tội để ta lạ lỗi với dân chúng, đại đã số là hiến mưu hiến kế, chỉ trích vạch trần những triều thần thủ cựu đứng đầu là Từ Hy. Những bản điều trần này phần lớn đều lọt vào tay Lý Liên Anh.

Ở đây người viết xin nói rõ một chút: trong chiếu thư “Minh định quốc thị” hoàng đế Quang Tự đã nói: Kinh sư đại học đường là tấm gương cho các tỉnh, là bằng chứng thép cho việc hoàng đế Quang Tự nỗ lực cải cách, đặt lĩnh vực giáo dục lên vị trí hàng đầu. Kinh sư đại học đường là do sau chiến tranh Giáp Ngọ, Trung Quốc chiến bại, sĩ đại phu đau đớn trước nỗi nhục của đất nước, dần dần biết rằng khoa học của nước ngoài rất tiến bộ, cần phải học theo chương trình mới mới có Thể ngẩng đầu đuổi kịp được họ. Quang Tự đã áp dụng theo bản điều trần “Công xa thượng thư, thỉnh cầu biến pháp hưng học” của Khang Hữu Vi, trường đại học này đã ra đời đúng thời cơ đồng thời với chiếu thư “Minh định quốc thị”. Triều đình bổ nhiệm trạng nguyên Hàm Phong Tôn Gia Đình là đại thần quản học. đã số các sĩ tử xuất thân là cử nhân, tiến sĩ và những người có học thức khá sâu rộng đã vào đây nhập học. Năm Quang Tự thứ 26 (năm 1900) tiến sĩ Đồng Trị Hứa Cảnh Trừng kế nhiệm chức đại thần quản học, sau do chủ trương trần áp Nghĩa Hòa Đoàn, phản đối việc vây đánh sứ quán và tuyên chiến với nước ngoài nên bị Từ Hy Thái hậu giết chết, học sinh kinh sư đại học đường phân tán, trường bị đóng cửa một thời gian, những sử liệu trong ngoài nước của thư viện trường bị cướp sạch, vì Thế trường này phải đình chỉ đến hai năm, tới tháng 12 năm Quang Tự thứ 27 mới bắt đầu phục hưng. Sau “Điều ước Tân Sửu”, bổ nhiệm đại thần quản học Tôn Bách Hy làm hiệu trưởng.

Trong thời kỳ hoàng đế Quang Tự thực hành biến pháp duy tân quần chúng nhân dân nô nức bày mưu hiến kế, dâng bản điều trần đến ngoài Ngọ Môn, Lý Liên Anh sai rất nhiều người tâm phúc mạo nhận là phần tử duy tân, tìm kiếm những bản điều trần có lời lẽ xúc phạm đến Thái hậu nhất và dâng lên Thái hậu, từ đó xúi giục ly gián quan hệ của hai phái hoàng đế, Thái hậu, chúng giấu đốt hết những bản tâu trình dâng lên Hoàng thượng mà chúng thu được.

Những ngày đó, hoàng đế Quang Tự bận tít tít hết ngày sang đêm, trong những bản sớ tấu ngày một dâng lên trên ngự án của ông, bỗng nhiên ông phát hiện thấy một bản có lời lẽ kiên trung, rung động lòng người, do một học sĩ nội các là người Chính Bạch kỳ dân tộc Mãn, tiến sĩ thời Quang Tự, tên gọi Khoát Phô Thông Vũ viết ra.

Vị tiến sĩ này thấy Hoàng thượng hăng hái kiên quyết duy tân bèn soạn một bản điều trần cải cách. Bản điều trần viết:

“Nô tài Khoát Phô Thông Vũ, quỳ tấu xin định ra hiến pháp, triệu tập quốc hội để yên Trung Quốc, cung chiết ngưỡng thánh giám sự: Bắc thua Nga hoàng, đông bại Nhật Bản, Liêu Đài đã cắt, Giao, Lữ tiếp bước. Thần nghĩ: chủ lo quốc nguy, không thể chỉ ngẩng lên trời mà than. Được biết Hoàng thượng quyết tâm hăng hái, biến pháp duy tân, thần vô cùng vui mừng sung sướng, tưởng như Nghiêu Thuấn phục sinh vậy. Nay đã biến pháp, có thể trình bày muôn vạn sự việc. Thần sinh nhằm thời Nghiêu Thuấn nên dám dâng những lời vụn vặt nhỏ nhặt lên khinh nhờn đức Nghiêu Thuấn chăng? Thần nghe nói các nước Đông Tây sở dĩ hùng mạnh là đều do lập hiến pháp, mở quốc hội. Quốc hội là vua và tôi cùng bàn bạc chính pháp của một nước. Đại khái chính là thuyết tam quyền, Quốc hội lập pháp, Tòa án tư pháp, chính phủ hành pháp còn đức vua chung sức, lập định hiến pháp, cùng hưởng trị an.

Hoàng thượng tôn kính như thần thánh, không phải chịu trách nhiệm gì mà để chính phủ làm thay. Các nước Đông Tây đều thi hành thể chế chính trị này, cho nên vua và muôn dân hợp thành một thể, nước đã yên há lại không mạnh? Nước ta thi hành thể chế chính trị chuyên chế, vua và một số đại thần cùng trị vì đất nước, nước yên nhưng không mạnh? Đại khái là quần chúng muôn vạn người phải hơn một vài người là điều tất nhiên vậy. Trong phạm vi nước ta thì là trời thấy từ dân ta thấy, trời nghe từ dân ta nghe, cho nên dân tốt thì tốt, dân ác thì ác, là vì hoàng đế thân hỏi hạ dân thì có Hợp Cung, Nghiêu Thuấn hỏi ở Trâu Nghiêu thì có Kế Chương, Bàn Canh lệnh cho chúng dân đến triều, Chu Lê hỏi nước nguy không, Hồng Phạm nói: “Mưu tới khanh sĩ, mưu tới thứ dân”.

Mạnh Tử nói: “Đại phu đều nói, quốc dân đều nói”. Đây đều là mô hình của quốc hội, mà còn hàm ý là thượng nghị viện. Thời Xuân Thu sửa đổi chế độ tức lập hiến pháp, các vua sau đều tuân theo cho đến ngày nay. Vua tôi nước ta lâu nay đều trong pháp chế, tiếc là không có Quốc hội để

duy trì nó mà thôi. Điều mà các nước đang thi hành thực ra là kinh nghĩa của tiên thánh, vì vậy mà được cường thịnh. Ta có kinh nghĩa bỏ không mà không thi hành, vì thế mà suy nhược, rõ ràng đó là đại kinh trị quốc, công lý của nền chính trị, không thể đổi thay được. Nay ta biến hành tâm chính đó là kẻ tự cường. Cho nên thần trộm nghĩ chính trị phải có gốc có ngọn, không định trước cái gốc, mà cứ Thế để đi tắt ngọn là không thể được vậy. Theo nghĩa Xuân Thu thì sau một thời chia cắt loạn lạc, tất sẽ thắng bình, trên có vua Nghiêu Thuấn dưới có dân Nghiêu Thuấn. Huống nữa, Hoàng thượng thánh minh thần vũ, dẹp loạn dựng nên điều chính quả thực là vua Nghiêu Thuấn vậy. Nay ta trong tiếp thu cái hay của tam đại Nghiêu Thuấn, ngoài học tập cái hay của các nước Đông Tây, thi hành lập hiến, thành lập Quốc hội, thi hành chế độ tam quyền phân lập, nền chính trị Trung Quốc ắt sẽ cường thịnh, có thể tính ngày thành công được. Nếu lời có chỗ nghe được, xin triều đình bàn bạc thi hành, cho đến khi hiến pháp rõ ràng, trở thành điều lệ của nghị viện, những gì của các nước đã thành quy củ, đều có thể thu nạp mà thi hành đặng đuổi Hán, kịp Đường, vượt Tống, qua Minh mà vươn cao há chỉ làm cho Trung Quốc trị cường thôi sao? Mạnh Tử nói: “Không phải đạo của Nghiêu Thuấn không dám tỏ bày”, thần ngu muội tấu lên, không khỏi sợ hãi cúi mong thánh thượng xét soi, cần tấu”.

Đọc xong bản sớ tấu này, Quang Tự lập tức cho triệu kiến. Khoát học sĩ quỳ thỉnh thánh an đã xong, long nhan rạng rỡ, Quang Tự nói:

- Bản tấu trần của khanh rất hợp ý trẫm. Khoát Phổ Thông Vũ nói:

- Nô tài khảo sát chính trị các nước, một loại là quân chủ lập hiến, cái quân chủ lập hiến này là tiến hóa dần dần từ chuyên chính văn minh như nước Đức ở châu Âu có thể coi là mẫu mực; một loại là cộng hòa hư quân, quân chủ chỉ nhận tiền lương hàng năm là bao nhiêu đó còn mọi nhiệm vụ, chức ti thường công tế lễ, tất cả công việc hành chính ngoại giao, đều do thủ tướng nội các phụ trách.

Quang Tự nói:

- Như thế ông vua hóa ra chỉ là thứ dựng hờ lên sao?

Khoát học sĩ đáp:

- Tên gọi là cộng hòa không vua nhưng quan hệ của quân chủ vẫn rất lớn, thứ nhất là có thể gần bó lòng người, thứ hai là có thể giám sát cơ quan hành chính tối cao, lòng dân đã không lo phân tán thì quan lại cũng tránh được tệ nạn ngang ngược tàn ác.

Quang Tự nói:

- Nhưng trẫm muốn nhân dân ai nấy đều được hưởng hạnh phúc, ngôi vua thực không đủ tiếc.

Học sĩ nói:

- Mạnh Tử đã nói: dân vi quý, quân vi khinh, xã tắc thứ chi. Mạnh Phu Tử còn nói: đối với người phạm tội, chư hầu đều nói phải giết không thềm nghe, chư đại phu đều nói phải giết không thềm nghe, dân chúng đều nói phải giết, cuối cùng còn do thiên tử đích thân hỏi han quan sát điều tra rồi sau đó mới có thể giết hẳn.

Quang Tự nói:

- Trẫm muốn quét sạch những tệ nạn chính trị kéo dài hàng ngàn năm nay trước đã. Dân ần thật sự không thể thương đặt được. Có viên quan lớn ở Phong Cương bị vạch tội, trẫm phái người đi xét xử nhưng quan lại che giấu cho nhau, thù phụ vua chứ không chịu đắc tội với đồng dân. Đây là thói quen xấu, trẫm rất căm ghét. Cho nên cần cho phép nhân dân tự do trực tiếp dâng thư, phản

đổi từ dưới lên trên tầng tầng tiết chế.

Khoát học sĩ nói:

- Hoàng thượng kiên quyết cầu trị như thế, thần dân biết tin tất sẽ hưng khởi, chắc rằng trong vòng năm năm nước ta có thể hy vọng sánh ngang các cường quốc, Nhật Bản không thể đứng trước ta mãi được nữa.

Quang Tự nói:

- Trẫm đang lập chí như vậy.

Khoát học sĩ khấu đầu tạ ơn rồi lui ra.

Lại nói thể lực thủ cự bao vây lấy Từ Hy Thái hậu, khóc xin áp dụng phương pháp đổi đầu gay gắt. Thái hậu nói:

- Các người không phải khóc lóc như thế, ta sẽ đợi cho bọn chúng phản đến đỉnh điểm, hãy xem con khi Tôn nhảy cao được bao nhiêu, vút xa được bao nhiêu mà cuối cùng cũng chẳng thể nào vượt qua khỏi bàn tay của Phật tổ Như Lai đây.

Trên bầu trời của thành Bắc Kinh, mây đen dày đặc, một trận mưa to gió lớn sắp trút xuống. Từ Hy Thái hậu ép buộc Quang Tự bổ nhiệm Vinh Lộc, thân tín của bà làm tổng đốc Trực Lệ, thống soái quân đội, khống chế thành Bắc Kinh lúc đó đến mưa gió cũng không lọt được. Xung quanh Di Hòa Viên, Từ Cẩm Thành được giới bị nghiêm cấm như có giặc mạnh sắp tới, đúng như khí Thế chạm vào là bùng nổ.

Trong hoàng cung Lý Liên Anh tăng cường giám sát hoạt động của Quang Tự. Quang Tự hạ một chỉ thị viết tay, đuổi Lý Hồng Chương, tên giặc bán nước, tên chó săn của Từ Hy ra khỏi nha môn tổng lý. Từ Hy không hề chịu kém cũng hạ một mệnh lệnh viết tay, ép Quang Tự cách chức Ông Đồng Hòa, thầy giáo của mình và là thành viên chủ yếu của phe hoàng đế.

Cuộc đấu tranh giữa hai phe phái hoàng đế, Thái hậu đã đến giai đoạn căng thẳng nhất, một trận bão táp sắp giáng xuống, Từ Hy Thái hậu không làm thì thôi còn đã làm thì làm đến cùng, dứt khoát hạ một mệnh lệnh viết tay nữa, tăng thêm áp lực đối với Quang Tự: “Sau này phạm là đại thần từ nhị phẩm trở lên mà bổ nhiệm chức mới đều phải đến tạ ơn Thái hậu”.

Vinh Lộc hạ lệnh cho quân đội của Nhiếp Sĩ Thành tiến vào Thiên Tân, điều quân đội của Đồng Phúc Tường đến Trường Tân Điểm-Bắc Kinh. Hai phái hoàng đế-Thái hậu như đấu “pháp” với nhau, dùng trăm phương nghìn kế tranh thủ Viên Thế Khải, người đang đứng ở ngã tư đường.

Hôm đó, hoàng đế Quang Tự đang một mình tiếp kiến Đàm Tự Đồng trong ngự thư phòng ở cung Dục Khánh. Trong cuộc nói chuyện này, Đàm Tự Đồng nói:

- Hoàng thượng đã tự mình chấp chính thì là chúa tể của một nước, đại quyền há có thể dễ rơi? Hiện nay các đại thần trong triều tuyệt đại đã số đều ra mặt phản đối biến pháp, những kẻ hủ bại này giống như người mù, nhắm mắt không thèm nhìn tình thế các nước trên Thế giới, nếu không suy xét mau chóng vượt khỏi thì việc mất nước chỉ trong nay mà thôi. Mong Hoàng thượng đầu tiên phải nắm binh quyền trong tay. Con đường duy nhất hiện nay là liên lạc với Viên Thế Khải. Người này trước kia vốn là người ủng hộ sự nghiệp Duy Tân, tại sao Hoàng thượng còn không vời ông ấy đến ban cho trọng chức? Viên Thế Khải có trong tay quân đội với năm nghìn quân trang bị kieu mới, nếu lệnh cho ông ấy bảo vệ chung quanh kinh kỳ thì đại sự tất sẽ xong.

Quang Tự gật đầu lia lịa lại nói:

- Khanh hãy cùng Khang cố vấn bàn bạc tỉ mỉ đi.

Mâu thuẫn giữa hai phe đã lên đến đỉnh điểm. Thái giám cận vệ bên Thái hậu gọi bên Hoàng thượng là Hán gian vì người của phái Hoàng thượng đại đa số là người Hán, tục gọi là Hán quan. Bên Thái hậu tự xưng là phái ông Phật, bên Hoàng thượng gọi họ là nhóm lão mẫu.

Đêm hôm đó, Đàm Tự Đồng đến nhà Khang Hữu Vi. Đàm nói:

- Xem ra nhóm đại thần ngoan cố bên Thái hậu hiện nay đang tích cực hoạt động ngầm, cản trở thế lực duy tân, tôi cho rằng lúc này không thể không cấp tiến.

Khang Hữu Vi nói:

- Đáng lo ngại nhất là Vinh Lộc và Viên Thế Khải, bởi vì họ nắm hết binh quyền trong tay. Có điều Viên Thế Khải là người gió chiều nào che chiều ấy, nếu được hứa hẹn tước lộc, Viên Thế Khải sẽ bị lôi kéo ngay.

Đàm Tự Đồng nói:

- Người này là cháu trai của Viên Giáp Tam, Viên Giáp Tam là tiến sĩ khoa Canh Tuất thời Đạo Quang, tôi từng có mấy lần gặp mặt Viên Thế Khải, có thể nói dùng đại nghĩa được không? Dựa vào ba tấc lưỡi của tôi, lôi kéo được Viên Thế Khải về phía Hoàng thượng, đại sự tất thành.

Khang Hữu Vi nói:

- Các hạ có thể đi thăm dò một lượt thử xem, rất có ích đấy.



# Hồi thứ mười bảy: ĐÀM TỰ ĐỒNG THÂN THUYẾT VIÊN THẾ KHẢI VINH TỔNG ĐỐC ĐOẠN TÌNH TRẠI KIM HOA

Đàm Tự Đồng đập bệnh mượn cớ đệ sớ xin nghỉ ốm, phụng chỉ nhận năm ngày nghỉ, bèn mặc đồ thường dân, đi thẳng về phía tiểu trạm Thiên Tân để du thuyết Viên Thế Khải. Hôm ấy đến Thiên Tân, liền ở trong khu tô giới của người Pháp, quá Ngọ hôm sau mới lên xe đi đến tiểu trạm. Mặt trời vừa gác núi, ông ta liền đi vào dinh bái kiến Viên Thế Khải. Danh thiếp vừa trình lên, Viên Thế Khải trông thấy đã giật mình kinh hãi, vội phái người ra đón tiếp. Đàm Tự Đồng vào dinh, họ Viên quân phục chỉnh tề đã ra đứng tận ngoài cửa nghênh tiếp. Thấy Đàm Tự Đồng, Viên Thế Khải cung kính hành lễ, nói:

- Không biết ngài tới nên không đón tiếp từ xa, mong ngài lượng thứ! Đàm Tự Đồng cười đáp:

- Đâu dám, đâu dám. Hôm qua đệ xin Hoàng thượng cho nghỉ đến Thiên Tân chữa bệnh. Nhớ ra là các hạ đang luyện quân ở đây, lại chi cách nhau có một ngày đường, nên sắp xếp thời gian đến bái yết.

Viên Thế Khải tiếp lời:

- Tiên sinh là người trong Khu mật viện, danh vang tứ hải, hôm nay hạ cố đến thăm, Thế Khải tôi thật là “tam sinh hữu hạnh”.

Hai người đối đáp với nhau hết sức khách sáo, vừa nói chuyện, vừa cùng nhau đi vào đại sảnh, phân ngôi chủ khách mà ngồi. Viên Thế Khải chấp tay hỏi:

- Bệnh tình của tiên sinh ra sao mà phải xin nghỉ?

Đàm Tự Đồng đáp:

- Lúc đầu đệ thấy khí lực suy nhược, tưởng là chỉ cảm mạo sơ sơ không có gì quan trọng lắm. Hôm qua đến chỗ bác sĩ Tây khám đệ mới biết bệnh mình trầm trọng, đầu óc không được minh mẫn do bị tà khí xâm phạm, tay chân không chịu theo sự chỉ định của mình, thậm chí đến cả toàn thân cũng suy nhược. Cứ mỗi lần tái phát, bệnh lại trầm trọng hơn. Bệnh tình của đệ lần này thực sự nguy hiểm, phải dùng đến phương thuốc mới để điều trị mà y ra có thể chuyển nguy thành an được.

Viên Thế Khải nghe vậy tủm tỉm cười nói:

- Chẳng qua tiên sinh chỉ bị chút tà khí xâm nhập, khiến toàn thân không thoải mái đấy thôi. Theo đệ nghĩ, phàm là người bị tà khí xâm nhập đều phải dùng thuốc có công dụng mạnh mới được.

Đàm Tự Đồng nói:

- Thuốc hôm qua đệ dùng, công dụng cũng rất mạnh, nhưng tà khí hình như đã nhập vào tận tim mất rồi.

Viên Thế Khải tiếp:

- Tất cả các loại thuốc chữa bệnh, vị chính tuy tốt nhưng nếu các vị bổ trợ không hay thì cũng chỉ vô dụng mà thôi.

Đàm Tự Đồng đáp:

- Những lời tiên sinh vừa nói thật là sáng suốt, lại rất hợp với y lí. Đệ ngàn dặm lặn lội tới đây, cũng chỉ là vì thứ thuốc bổ trợ đó mà thôi.

Viên Thế Khải cố làm ra vẻ ngạc nhiên nói:

- Đây là nơi luyện tập quân sĩ, chỉ có thuốc súng chứ làm gì có thuốc chữa bệnh!

Đàm Tự Đồng nói:

- Thuốc ở ngay bên cạnh tiên sinh đó thôi! Viên Thế Khải nhũn nhặn:

- Ôi! Tiên sinh ngàn dặm đường xa lặn lội tới đây, nếu có thuốc, làm sao đệ lại dám không đưa!

Đàm Tự Đồng đáp:

- Chính tiên sinh là thầy thuốc, cũng chính là thuốc quý đấy, chỉ sợ không chịu đưa cho người khác mà thôi.

Viên Thế Khải nói:

- Tự cổ chí kim, lương y lương tướng đều lấy chữ nhân làm trọng, tể thế cứu dân mới là thiên chức của y gia. Đệ chẳng qua chỉ là một kẻ võ phu, sao có thể nói đệ vừa là lương y, vừa là thuốc quý!

Đàm Tự Đồng nghe vậy liền hỏi:

- Phải chăng tiên sinh muốn tể thế cứu dân? Viên Thế Khải đáp:

- Chỉ cần có thể tể thế cứu dân, dù có hi sinh thân mình đệ cũng đâu dám tiếc! huống chi là những thứ thuốc thang vật vãnh.

Đàm Tự Đồng nói:

- Tiên sinh đã có lòng nghĩa hiệp như vậy, đệ chỉ xin nói một lời, nếu ngài chịu nghe thì hân hạnh cho đệ lắm lắm.

Viên Thế Khải đáp:

- Tiên sinh có ý gì, xin cứ nói ra. Đàm Tự Đồng nói:

- Hiện nay nước ta đang bị các nước khác uy hiếp, xâm xé. Nền văn minh 5000 năm của chúng ta sở dĩ bị bọn chúng ăn sống nuốt tươi như vậy chủ yếu vì ta đang thiếu tướng tài, thầy giỏi, thuốc hay. mà y thay đương kim Hoàng thượng thông minh nhân từ. Sau Nghiêu, Thuấn, Văn Vương..., người như vậy chỉ có một mà thôi. Pie đại đế của nước Nga hay Nhật Hoàng Minh Trị đều không thể so được với ngài. Ngày nay, Hoàng thượng sáng suốt duy tân, đưa nước nhà đến sự phồn vinh, đưa quyền lực về tay nhân dân, từ việc nhỏ đến việc lớn, đều đích thân tham gia thảo luận. Tổng thống Pháp hay Mỹ thì cũng chỉ đến vậy mà thôi! Nước ta tài vật nhiều, dân số đông, khí Thế mạnh, chẳng tội gì phải chịu cảnh bần cùng khốn khổ, cũng chẳng tội gì chịu cảnh như một con cừu nghiền cổ trông chờ người ta dắt đi giết thịt. Hoàng thượng ngày nay quả là một vị minh chủ của triệu triệu muôn dân trăm họ!

Viên Thế Khải chấp tay nói:

- Các nước đang yêu cầu lập hiến, trong triều đình hai phái tân cựu đánh nhau, máu chảy thành sông, muôn dân lầm than, mà y nhờ Hoàng thượng có ý duy tân, hạ chỉ cho phép sĩ, nông, công, binh đề đạt ý kiến, cho xây dựng trường học đào tạo nhân tài, phế bỏ thi cử cổ hủ, giảm bớt những chức quan không cần thiết, giảm thuế khóa, bớt chi phí, chấn hưng quân đội cả hải, lục, bộ binh v.v... khiến cho dân chúng vô cùng tin tưởng. Đệ cho rằng ngày Trung Quốc lớn mạnh cũng chẳng còn bao xa nữa.

Hai người nói chuyện rất hợp ý tâm đầu. Đêm hôm ấy, Đàm Tự Đồng ngủ lại trong dinh. Hai người nằm bên nhau, Viên Thế Khải nói:

- Nếu được Hoàng thượng tin dùng thì dù cho gan óc lầy đất đệ cũng chẳng dám từ nan.

Hai người nói chuyện thâu đêm, mãi đến sáng hôm sau mới bịn rịn chia tay. Đàm Tự Đồng trở về kinh thành tâu với Hoàng thượng rằng Viên Thế Khải đã đồng ý về bên Hoàng thượng. Quang Tự nghe xong, lập tức hạ chỉ triệu Viên Thế Khải vào kinh cầu kiến.

Từ khi nhà vua ban bố “Minh Định quốc thi” quả thực là đã gây một tác động mạnh mẽ đến Viên Thế Khải, viên quan đang ngỡ ngàng trước ngã tư của sự lựa chọn. Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu và những người trong phái duy tân cũng đang ngày đêm thúc đẩy, tiến hành công việc. Hoàng đế Quang Tự liên tục cử người trong tôn thất hoặc các vương công đại thần ra nước ngoài, để phát hiện được người tài là lập tức trọng dụng ngay, bất kể đó là người Hán hay người Mãn, chỉ cần họ có lợi cho quốc gia, có lợi với việc quốc kế dân sinh. Hoàng đế đặc biệt coi trọng những học sinh trẻ tuổi có tài vì cho rằng họ chính là giường cột của đất nước sau này. Đồng thời, nhà vua còn đồng loạt đổi tên tất cả các viện sách của các châu, huyện thành học đường, ban bố 12 điều khoản thưởng cho công việc chấn hưng công nghệ; thành lập cục công thương, cục khai khoáng, chọn những học sinh xuất sắc cho sang Nhật Bản du học, lệnh cho đàn bà, phụ nữ không được quán quít, giữ rịt người thân bên mình, lệnh cho dân công ra sức đào vét kênh mương, đắp lại đường sá, trời tối mịt mới về nghỉ, sáng sớm hôm sau lại tiếp tục làm.

Từ khi Lý Hồng Chương thất Thế, Từ Hy Thái hậu ngoài mặt thì tỏ vẻ không màng chuyện chính sự, nhưng kỳ thực hễ trong triều xảy ra việc gì, lại bí mật cùng họ Lý thông tin cho nhau biết. Lúc này viên Bắc Dương đại thần, Trục Lệ tổng đốc là Vinh Lộc đã trở thành trọng thần, trong giữ bí mật, ngoài nắm binh quyền, thâu tóm hết quyền điều binh khiển tướng.

Kế theo sau Quang Tự, Vinh Lộc cũng có ý muốn lôi kéo Viên Thế Khải về phe mình. Bản thân Vinh Lộc cố nhiên đã nắm một số binh quyền, nhưng thực ra, toàn bộ cánh quân địa phận sông Tương, sông Hoài đều chỉ như những nhóm thổ phỉ, súng ống vũ khí chẳng có bao nhiêu. Quân thần cơ và tất cả quan quân trong tay Vinh Lộc đều vô cùng thối nát, chỉ một trận là tan hoang hết cả. Số quân của Đồng Phúc Tường, Nhiếp Sĩ Thành tuy có mạnh hơn một chút, nhưng xét về quân chế, trang bị, đãi ngộ thì vẫn kém xa quân của Viên Thế Khải. Đến đội quân thủy Bắc Dương trong cuộc chiến năm Giáp Ngọ cũng đã bị tiêu diệt sạch sành sanh rồi. Nếu lôi kéo được Viên Thế Khải cùng 5000 lực quân mới thành lập của ông ta về phía mình, bảo vệ kinh thành, trấn áp phái Duy tân thì có thể thấy thắng lợi ngay trước mắt mà chẳng hao tổn bao nhiêu công sức.

Nghĩ vậy nên Vinh Lộc vô cùng mong muốn lôi kéo Viên Thế Khải về phần mình. Nhưng họ Viên đã có dấu hiệu được Hoàng thượng mua chuộc mất rồi. Nghe nói Viên Thế Khải thuộc loại người thấy lợi quên nghĩa, lại là tay háo sắc, tuy ranh ma phản phúc nhưng dễ sa vào tròng gái đẹp và lợi lộc lắm, Vinh Lộc liền cho người đem 300 lạng vàng ròng đến tiêu trạm, nói là thăm hỏi, tặng quà, rồi mời Viên Thế Khải đến Thiên Tân dự tiệc, cùng nhau bàn bạc chuyện đối phó với Quang Tự nhân dịp duyệt binh sắp tới. Vinh Lộc cho rằng Thái hậu đã đến Thiên Tân duyệt binh thì Hoàng thượng không thể không đi. Chỉ cần Hoàng thượng đến, dựng lên một cuộc binh biến giả là hoàn toàn có thể bắt giam Hoàng thượng.

Viên Thế Khải thật đúng là lúc gặp vận đào hoa. Có một kỹ nữ danh tiếng mới từ Thượng Hải đến Thiên Tân, tên là Trại Kim Hoa. Cô này vốn tên Phó Thái Vân, kỹ nữ vùng Tô Châu... 13 tuổi bị cha bán vào kỹ viện, sau đó được gả làm thiếp cho tân khoa trạng nguyên Hồng Quân, từng cùng Hồng Quân đi sứ sang các nước Anh, Nga, Đức, Áo, Hà Lan v.v... Trại Kim Hoa thông minh hơn người, nói được rất nhiều thứ tiếng, được nữ vương, hoàng hậu các nước yêu quý. Nữ Hoàng Anh Victoria đã gọi cô này là “Mỹ nhân phương Đông”. Sau khi Hồng Quân mất, nhà họ Hồng khinh bỉ cô xuất thân từ kỹ viện, làm nhục gia phong nên đuổi Phó Thái Vân đi. Trong cơn tức giận, Phó Thái Vân đã đến Thượng Hải treo biển hành nghề, có ý muốn làm nhục gia phong nhà họ Hồng. Nhưng nhà họ Hồng đã liên kết với các quan chức Thượng Hải buộc cô ta phải rời đi. Phó Thái Vân trôi dạt đến Thiên Tân, đổi tên là Trại Kim Hoa tiếp tục bán thân nuôi miệng. Vinh Lộc vốn là tên háo sắc số một, nghe tin Trại Kim Hoa đến kỹ viện Xuân Minh, liền tìm đến thưởng hoa. “Trai anh hùng gái thuyền quyên” chẳng bao lâu sau, Trại Kim Hoa liền về nhà Vinh Lộc, trở thành ái thiếp của hắn.

Từ Hy Thái hậu luôn luôn nung nấu ý nghĩ dập tắt ngọn lửa duy tân, muốn gửi gắm hi vọng của mình cho Vinh Lộc. Song Vinh Lộc mang nặng trên mình trọng trách binh nhung, không thể rời xa Thiên Tân nửa bước. Vì vậy, Thái hậu phải phái Lý Liên Anh cải trang làm dân thường đi đến Thiên Tân bàn việc tiêu diệt Thế lực phái Duy Tân. Thái hậu đã điện trước, mật báo cho Vinh Lộc biết để chuẩn bị ra ga đón Lý Tổng quản. Một mặt khác ba ta lại nhân đó mà dò xét động tĩnh của Vinh Lộc.

Trưa hôm đó, Vinh Lộc mặc thường phục ra ga đón Lý Tổng quản. Tàu hỏa đến ga đúng giờ. Vinh Lộc nhìn ra ngay Lý Liên Anh cải trang thương gia đứng lẫn trong đám đông. Nhưng Vinh Lộc không đem theo tùy tùng nên Lý Liên Anh không nhận ra được. Thêm vào đây, cặp kính râm hầu như đã che hết khuôn mặt vốn to bè của ông ta. Vinh Lộc bước vượt lên vỗ tay vào vai Lý Liên Anh lúc đó đang ngoảnh trước ngó sau, họ Lý lúc ấy mới nhận ra Vinh đại thần. Hai người cùng ra khỏi nhà ga, đi thẳng về hành dinh nghỉ ngơi.

Sứ mạng của Lý Liên Anh là đến để bàn bạc chuyện tiêu diệt Tân đảng. Đang nói chuyện, Vinh Lộc chợt lóe lên một mưu mẹo khôn khéo hỏi:

- Sao ta không dùng kế điệu hổ ly sơn, lấy cớ duyệt binh mời Hoàng thượng và Thái hậu đến đây? Lúc đó Hoàng thượng chẳng phải như cá đã bỏ vào chậu, chim đã nhốt vào lồng rồi không?

Lý Liên Anh nói:

- Trung đường quả là Gia Cát tái sinh. Trung đường thử định xem lúc nào có thể tổ chức duyệt binh được?

Vinh Lộc đáp:

- Cần phải diễn tập trước đã. Để đến đầu tháng 9 là tốt nhất.

Lý Liên Anh nói:

- Bây giờ mới đầu tháng 8, như vậy vẫn còn một tháng nữa. Hãy cứ quyết định như vậy, tôi sẽ về tâu lên với Lão Tổ tông.

Những gì hai đấng bàn bạc với nhau đã bị Trại Kim Hoa đứng đằng sau bức bình phong nghe hết cả. Vinh Lộc nói tiếp:

- Nên đề phòng Hoàng thượng lời kéo Viên Thế Khải mất. Nghe nói họ Viên đã có quan hệ với Đàm Tự Đồng.

Trại Kim Hoa nghe thấy ba tiếng “Đàm Tự Đồng” thì vô cùng kinh ngạc. Nguyên Đàm Tự Đồng là người huyện Lưu Dương, tỉnh Hồ Nam, là con trai của tuần phủ Đàm Kế Tuần. Đàm Kế Tuần năm xưa có quan hệ rất thân thiết với Hồng trạng nguyên. Đàm Tự Đồng cũng chính là bạn nhảy của Trại Kim Hoa trên các sàn nhảy ngoại giao.

Vinh Lộc nói chuyện với Lý Liên Anh rất tâm đầu ý hợp. Bỗng thấy mùi hương lạ bay vào mũi, Lý Liên Anh nói:

- Mùi thơm từ đâu bay tới mà thấm vào tận gan ruột vậy? Vinh Lộc cười hì hì, đáp:

- Tổng quản vẫn chưa biết, bí nhân vừa nạp thêm một thiếp, vốn là ái thiếp của Hồng Quân trước kia.

Lý Liên Anh nói:

- Bây giờ đã là vợ của Trung đường rồi, sao chưa đưa ra cho ta gặp mặt.

Vinh Lộc vội vào phòng trong dẫn Trại Kim Hoa ra.

Trại Kim Hoa mặc trên người một chiếc áo khoác dài bằng lụa màu hồng đỏ mà y theo kiểu đầm nhìn Lý Liên Anh với ánh mắt khinh thị. Vinh Lộc giới thiệu.

- Đây là Lý Tổng quản đại nhân. Trại Kim Hoa khe gật đầu, nói:

- Kính chào ngài.

Lý Liên Anh vừa trông thấy tuyệt đại mỹ nhân như Thế cũng không cảm lòng nổi, hồn phách đảo điên. Trại Kim Hoa nói tiếp luôn:

- Xin lỗi, mời ngài cùng đại soái tiếp tục bàn bạc. Nói rồi lạnh lùng bỏ vào phòng trong.

Lý Liên Anh đột nhiên nghĩ ra một kế, liền nói nhỏ với Vinh Lộc:

- Tôi có ý không được hay cho lắm, chẳng biết có nên nói ra không.

Vinh Lộc đáp:

- Đã là tâm giao tri kỉ rồi, còn gì mà không nói với nhau.

Lý Liên Anh nói:

- Anh hùng tất nhiên chẳng thể rời xa mỹ nhân. Nhưng để có được giang sơn Đại Thanh, ý tôi là... là...

Lý Liên Anh ngập ngập ngừng ngừng khiến cho Vinh Lộc cũng cảm thấy khó hiểu, liền nói:

- Tổng quản cứ nói thẳng ra xem!

Lý Liên Anh đáp:

- Tôi nghĩ Viên Thế Khải là một tên háo sắc, vậy có thể đem phu nhân nhường cho ông ta.

Lời nói của Lý Liên Anh như dao sắc chích vào gan ruột Vinh Lộc. Thấy vẻ khó khăn của Vinh

Lộc, Lý Liên Anh tiếp luôn.

- Giang sơn Đại Thanh phụ thuộc hoàn toàn vào phu nhân.

Ngài nghĩ xem, nếu Viên Thế Khải với 5000 lực quân được trang bị vũ khí hiện đại mà rơi vào tay Hoàng thượng thì chẳng những ái Thế của Trung đường không còn, mà ngay mạng sống của Trung đường cũng khó mà giữ nổi. Da đã bị lột thì sợi lông sao giữ được. Mong Trung đường cân nhắc cho kỹ!

Câu chuyện chia đôi gán ghép đôi chác của Lý Liên Anh đã bị Trại Kim Hoa đứng sau tấm bình phong nghe không sót một tiếng. Thực ra, Trại Kim Hoa cảm thấy vô cùng thích thú, bụng nghĩ: Vinh Lộc là tên lưu manh mặt mũi như Trư Bát Giới, có gì đâu mà lưu với luyến. Còn Viên Thế Khải là anh hùng thời nay, dũng mãnh, uy phong, đáng mặt anh tài. Nay cho ta ra khỏi hang chuột, được về núp bóng tùng quân thì đúng là trời xanh kết mới!

Bên ngoài, Lý Liên Anh không ngớt lời phân tích thiệt hơn. Vinh Lộc ảo não nói:

- Ôi Tổng quản không biết đó thôi, ái Thế của tôi có sức quyến rũ ghê gớm lắm!

Lý Liên Anh nói:

- Chính vì Thế tôi mới nghĩ ra kế sách này!

Vinh Lộc đáp:

- Thôi cung kính bắt như tòng mệnh, xin tuân theo ngài vậy.

Ngày hôm đó, Lý Liên Anh lên đường về kinh, Vinh Lộc mặc thường phục tiễn hân ra ga, sau đó quay về nghĩ cách mời Viên Thế Khải đến Thiên Tân cùng bàn kế sách. Tháng 8 năm Mậu Tuất, Viên Thế Khải nhận lời mời từ tiểu trạm đến Thiên Tân bái kiến Vinh Lộc. Trong lúc nói chuyện, Viên Thế Khải có ý ám chỉ việc ngại vàng Hoàng thượng không chắc chắn, Thế lực của Từ Hy Thái hậu hùng mạnh ra sao. Cuối cùng, hân chốt lại:

- Khang Hữu Vi xúi giục Hoàng thượng biến pháp, nuôi mộng lật đổ giang sơn triều đình Đại Thanh, thay đổi chế độ, tưởng là dễ dàng lắm. Thời Tổng Thần Tông, Vương An Thạnh có ý cải cách chính trị, khai hoang, làm thủy lợi, làm xanh ruộng đồng, miễn phục dịch, nuôi ngựa v.v... còn bao nhiêu việc nữa tôi cũng không nhớ hết. Những việc mà thằng gàn Vương An Thạnh đó làm cũng chính là những việc y như biến pháp duy tân ngày nay. Kết quả là dân trăm họ thuê khóa, lao dịch nặng nề, lòng dân rối loạn, bá quan dâng tấu chương tới tấp vạch trần đủ chuyện. Rõ ràng cách làm của Vương An Thạnh không phải là cách hay, chỉ tổ làm loạn thiên hạ. Bây giờ lại muốn dùng lại biến pháp Thương Ưởng, muôn dân trăm họ chẳng hận đến xương tủy ấy à. Rồi đại thần, quốc thích ai ai cũng hận. Sau khi Tàn Hiếu Công chết, Thương Ưởng chẳng bị “năm ngựa phanh thây” đó sao! Thời ấy, trong dân gian có câu “Thương Ưởng, Thương Ưởng, muôn dân trăm họ đã khổ sở lại còn gặp phải tai ương!”. Nay Khang Hữu Vi chẳng qua là một tên tú tài nghèo kiết xác nhưng không biết đến lời dạy của các cụ từ xưa “Tú tài tạo phản tam niên bất thành”. Lời xưa dạy đã rành rành hân không hiểu sự tình đất nước, bừa bãi học tập kinh nghiệm các nước khác. Hoàng thượng tuy có quyết tâm cao, nhưng một tay thì cũng chẳng làm được gì. Thế lực của phái thủ cựu rất lớn, lại có Thái hậu làm hậu thuẫn cho nữa. Những người sáng suốt nhìn xa trông rộng, ai cũng nhận ra điều ấy. Nghe nói Hoàng thượng triệu ngài vào có phải vì việc ấy không?

Viên Thế Khải đáp:

- Quả đúng như vậy.

Vinh Lộc liền tiếp:

- Lúc yết kiến Hoàng thượng ngài nên cân nhắc cho cẩn thận, đừng để bọn tú tài nghèo kiết đứng đầu là Hoàng thượng ấy lợi dụng. Ngài muốn lưu danh muôn thuở hay để lại tiếng xấu ngàn năm, xin hãy suy xét cho kỹ.

Viên Thế Khải lắng nghe, đầu gật như chày máy. Ông ta cho rằng lời nói của Vinh Lộc mới thực sự là những lời vàng đá cũng có thể coi như Thượng đế đã phù hộ. Nếu không, thiếu chút nữa ông ta đã tự đưa đầu vào thông lọng. Hôm nay Viên Thế Khải quả thực mừng tình sau một cơn mê dài.

Ngay sau đó Vinh Lộc lại đem hết kế hoạch mượn cố duyệt binh, mời Thái hậu và Hoàng thượng đến Thiên Tân rồi trừ bỏ Hoàng thượng nói cho Viên Thế Khải nghe.

Sàn nhảy Tử Trúc Lâm ở Thiên Tân đèn đuốc huy hoàng. Vinh Lộc có nhã ý mở riêng một buổi khiêu vũ đãi Viên Thế Khải. Sàn nhảy này vốn đã rất nổi tiếng từ đầu thời Quang Tự. Tại đó, Vinh Lộc đã giới thiệu ái thiếp của mình là Trại Kim Hoa cho Viên Thế Khải.

Trại Kim Hoa biết Viên Thế Khải chính là Thống lĩnh danh tiếng lấy lòng đang luyện quân trong tiêu trạm, nên đã chuẩn bị tiếp đãi rất nhiệt tình. Viên Thế Khải thì từ lâu đã nghe tiếng “Trại nhị gia chính là Trạng Nguyên phu nhân Phó Thái Vân, năm nay ngoài 20 tuổi, trái bao sóng gió nhưng nhan sắc không hề phai nhạt, nghĩ người này nên kết hợp với mình thì đúng là trời ban duyên lành.

Trại Kim Hoa mặc một bộ váy áo bằng lụa Ấn Độ màu nâu sẫm, cổ khoét rất rộng, để lộ vùng ngực trắng nõn nà, đôi vú nhô cao, gợi cảm chưa từng có. Đôi môi mọng thắm với hai lúm đồng tiền lúc cười làm ai cũng thiết tha rung động. Viên Thế Khải hai mắt nhìn chăm chú vào người đẹp, thêm muốn dâng lên ghen cổ.

Vinh Lộc giới thiệu hai người với nhau. Trong lúc bắt tay, Trại Kim Hoa cười rất tươi với Viên Thế Khải để lộ ra hàm răng đều tăm tắp sáng trắng như ngọc khiến Viên Thế Khải hồn xiêu phách lạc. Toàn cảnh ấy đập vào mắt Vinh Lộc. Ông này không những không ghen mà còn tỏ ý khuyến khích.

Viên Thế Khải ngồi bên phải bàn cà phê, Trại Kim Hoa ngồi giữa còn Vinh Lộc ngồi phía bên trái. Viên Thế Khải đứng dậy cầm tay trái của Trại Kim Hoa lên hôn nhẹ, sau đó đưa Kim Hoa ra sàn nhảy. Ông ta ôm chặt lấy vòng eo thon thả của Trại Kim Hoa, cùng xoay chuyển theo tiếng nhạc hài hòa. Đôi tất dài bằng tơ màu da chân, đôi chân được giải phóng từ năm 13 tuổi cùng những nhịp nhún nhẹ nhàng trên đôi giày cao gót của Trại Kim Hoa làm Viên Thế Khải tưởng như được lọt vào tiên cảnh.

Khi nhạc dừng, Viên Thế Khải như mơ như thực cùng Trại Kim Hoa trở lại chỗ ngồi. Một số quan chức và thương gia nước ngoài biết Trại Kim Hoa đã tới, liền xô đến vây quanh, thi nhau cung kính mời cô cùng nhảy. Trại Kim Hoa xì xỏ nói chuyện với họ bằng tiếng Tây. Vinh Lộc và Viên Thế Khải hoàn toàn chẳng biết cô ta đang nói gì.

Nhạc lại nổi lên, Trại Kim Hoa lại tiếp tục vào sàn nhảy cùng mấy vị lãnh sự ngoại quốc. Vinh Lộc nghĩ thầm: “Hết người này đến người khác thì nhau mời nhảy Thế này thì bao giờ mới xong”. Nhìn đồng hồ, thấy đã quá 12 giờ đêm, ông ta liền nói với Viên Thế Khải:

- Tối nay để Trại Kim Hoa tiếp ngài, ngài thấy được không?

Viên Thế Khải đang quá mong được vậy, nhưng không biết Trại Kim Hoa có đồng ý hay không nên nói:

- Ngài phải thương lượng trước với nàng mới được.

Vinh Lộc đáp:

- Cô ấy vốn là người phong lưu trong giao tiếp, việc này không lớn, chắc sẽ đồng ý thôi.

Viên Thế Khải tỏ vẻ:

- Vậy ra tôi cướp người yêu của người khác sao?

Vinh Lộc đáp:

- Chúng ta phải nhìn ra đại cuộc. Nhà Đại Thanh đang trong cơn nguy khốn. Lúc này ông có nghe cô ta nói tiếng Tây với đám người ngoại quốc không? Sau này nếu có đi lại giao tiếp với người Tây thì hãy để cô ta làm phiên dịch. Như vậy cũng chẳng mất mát gì, xin cứ nhận đi.

Những lời này quả đánh trúng tim đen Viên Thế Khải, khiến ông ta hồi lòng hồi dạ.

Thực ra, việc Vinh Lộc nhường Trại Kim Hoa cho Viên Thế Khải đã được bàn kỹ lưỡng với Trại Kim Hoa từ trước rồi. Trại Kim Hoa vốn thầm mong chuyện này, nhưng khi Vinh Lộc đem ra bàn bạc vẫn cố ý tỏ vẻ này nọ, khiến ông ta phải tốn mất một hồi dài thuyết phục. Trại Kim Hoa nói với Vinh Lộc:

- Tấm thân này đã thuộc về đại nhân, nguyện hầu hạ đại nhân suốt đời. Nếu đại nhân đem gả lại cho họ Viên ấy thì thiếp sẽ một chết là xong, chứ thề không lấy chồng khác.

Vinh Lộc tưởng Trại Kim Hoa thề thốt thật không chịu lấy chồng khác liền cầu xin năm lần bảy lượt, thậm chí quỳ xuống mà khóc. Trại Kim Hoa cũng quỳ xuống nói:

- Thề không bao giờ lấy Viên Thế Khải.

Vinh Lộc nghe vậy dễ dàng:

- Bây giờ, đảng của Hoàng đế và đảng của Thái hậu đang đấu tranh lẫn nhau. Ta muốn nàng đến với Viên Thế Khải cũng là vì đại cục, vì muốn bảo vệ giang sơn nhà Đại Thanh, khiến cho binh quyền của Viên Thế Khải không rơi vào tay Hoàng thượng. Giang sơn Đại Thanh hôm nay hoàn toàn phụ thuộc vào nàng đấy.

Trại Kim Hoa nghe vậy, áp đầu vào ngực Vinh Lộc, lấy tay áo che mặt, vờ khóc tím tím, nói:

- Thiếp thật không nỡ rời xa đại nhân. Đại nhân làm vậy là đã bắt thiếp làm một Điêu Thuyền rồi còn gì!

Vinh Lộc ôm chặt Trại Kim Hoa vào lòng, nói:

- Vậy hôm nay chúng ta sẽ diễn lại cảnh Vinh Lộc biết hiến Điêu Thuyền vậy!

Bây giờ Trại Kim Hoa mới chịu cười, Vinh Lộc biết ái thiếp đã đồng ý. Lại nói Trại Kim Hoa sau khi nhảy với người Tây, hết bản nhạc liền quay lại ghế ngồi nghỉ. Vinh Lộc nói với Trại Kim Hoa:

- Kim Hoa, thời gian không còn sớm nữa, nàng hãy mau về nghỉ với Viên Đốc luyện đi.

Trại Kim Hoa hiểu ý nghe ngay. Viên Thế Khải liền tiếp “xin thất lễ” đến vài lần với Vinh Lộc,



rồi khoác tay Trại Kim Hoa ra xe. Hai tên lính hầu theo sát đằng sau. Chiếc xe nổ máy từ từ ra khỏi Tử Trúc Lâm rồi phóng thẳng một mạch.

Về đến tiểu trạm, Trại Kim Hoa lập tức trở thành vợ bé kiêm phiên dịch cặp kè không rời xa một bước của Viên Thế Khải.

Hôm ấy, Viên Thế Khải đang nằm trên giường thả khói phun mây, Trại Kim Hoa cũng nằm đối diện bên bàn đèn, tay cầm một cây ngân trầm, tập trung tinh thần nung thuốc phiện rồi bỏ thuốc vào tẩu. Viên Thế Khải tay nắm lấy điếu, vừa hút ro ro vừa nói với Trại Kim Hoa:

- Mai tôi sẽ vào triều tấn kiến Hoàng thượng. Nàng cũng chuẩn bị đi theo vài hôm. Rồi chúng ta sẽ dành thời gian vui chơi thỏa thích.

Trại Kim Hoa nói:

- Đại nhân nay đã trở thành nhân vật quan trọng của nhà nước Đại Thanh rồi. Nghe nói Thái hậu và Hoàng thượng sẽ đến Thiên Tân duyệt binh...

Câu còn chưa nói hết, Viên Thế Khải vội bỏ điếu, nhòm dậy hỏi:

- Sao nàng biết? Trại Kim Hoa đáp:

- Không những thiệp biết mà thiệp còn biết cả mục đích của cuộc duyệt binh này nữa.

Viên Thế Khải liên tiếp hỏi:

- Mục đích gì? Ai nói cho nàng biết?

Trại Kim Hoa đáp:

- Kinh Trung đường đã nói cho thiệp biết từ lâu rồi.

Viên Thế Khải trầm nghĩ: “Hay Vinh Lộc đưa mình vào trông mã nhân kế, phái cô ta đến đây giám sát mình?”. Và để thăm dò lại, họ Viên liền hỏi:

- Nàng thấy chuyện này Thế nào?

Trại Kim Hoa cân nhắc: “Viên Thế Khải, người thuộc phái bảo hoàng hay phản hoàng đây?” nên cũng thăm dò:

- Đại nhân nghĩ sao về chuyện mượn cơ hội duyệt binh để bắt làm binh biến giữ Hoàng thượng!

Viên Thế Khải vừa nghe thấy hai chữ “binh biến” vội bật dậy, mặt tái mét, nói không ra lời. Trại Kim Hoa vốn rất từng trải trên vũ đài chính trị, thì ngược lại, bình tĩnh nói:

- Nước Anh đã lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, xây dựng nền quân chủ lập hiến từ Thế kỷ 17 nên bây giờ mới hùng mạnh như vậy. Nền cộng hòa của Mỹ chính là tấm gương sáng cho cả Thế giới noi theo. Vậy mà nước ta bây giờ vẫn bế quan tự thủ, ếch ngồi đáy giếng, còn tự nhận mình là Thiên quốc nữa. Nếu đem so với nền khoa học tiên tiến của các nước phương Tây thì chúng ta thua xa. Minh Trị tiến hành duy tân 30 năm đưa nước Nhật trở nên thịnh vượng như ngày nay. Nước Trung Hoa ta đất rộng, người đông, nhiều tài vật, nếu áp dụng chính sách của Khang Hữu Vi chỉ sau vài năm sẽ có thể đứng cùng hàng với các nước tiên tiến trên thế giới.

Viên Thế Khải nghe Trại Kim Hoa nói những lời hào hùng như vậy, cảm thấy cô này chắc không cùng giuộc với bọn Vinh Lộc, tim mới bớt nhảy loạn lên như lúc trước.

Thực ra Viên Thế Khải biết rõ những lời Trại Kim Hoa nói ra là hoàn toàn đúng đắn, song nghĩ đi nghĩ lại, thấy rằng việc ủng hộ đương kim Hoàng thượng là hoàn toàn bất lợi cho mình. Triệt tận gốc cái mầm cây non thì dễ, nhưng nếu để cho nó phát triển lớn mạnh lên thì địa vị của mình khó mà giữ được. Bây giờ đảng Duy tân của Hoàng thượng muốn lôi kéo mình, thực ra chỉ là sự lợi dụng nhất thời mà thôi. Bọn họ nếu thành công, chắc chắn sẽ đập mình ra ngay lập tức. Chỉ bằng ta cứ lấp cái mầm đang sinh sôi ấy trước, sau quay ra thu dọn sạch cái cựu đảng thối rửa, ngu si của Thái hậu đi. Như vậy, giang sơn Đại Thanh tất sẽ nằm trong tay ta!

Viên Thế Khải bảo Trại Kim Hoa thu dọn bàn đèn, sau đó ôm chặt vòng eo thon thả, mềm mại, vờ nói giọng tha thiết:

- Được rồi, được rồi, ta sẽ nghe lời nàng.

Sáng ngày mùng 10 tháng 8, Viên Thế Khải cùng ái thiếp Trại Kim Hoa và một nhóm tùy tùng chuẩn bị 9 giờ 15 phút sẽ lên đường đi Bắc Kinh. Đột nhiên thấy Trung quân phó tướng của Vinh Lộc là Từ Thế Xương đem đến một phong thư và một hòm lễ vật. Họ Từ nói lễ vật này không phải dành cho Viên Thế Khải mà là chuẩn bị thay cho Thế Khải dâng lên Lý Tổng quân, rằng muốn leo lên cao thì bắt buộc phải khai thông cái cánh cửa của Lý Liên Anh trước đã. Trong thư có viết: "Sợ rằng lễ vật của các hạ không hợp lòng Lý Tổng quân nên đã thay các hạ chuẩn bị lễ vật này".

Viên Thế Khải nói với Từ Thế Xương:

- Nhờ ngài thưa lại với đại soái rằng ơn tài bồi này, tôi thực không biết báo đáp ra sao.

Từ Thế Xương đáp:

- Đại soái thành tâm đãi người, xưa nay vẫn coi bộ hạ như chân tay vậy. Nói xong hành lễ rồi từ biệt ra về.

Từ Thế Xương đi rồi, Viên Thế Khải lệnh cho mở hòm ra xem, thấy bên trong có một chiếc đồng hồ quả lắc lớn, một chiếc đàn vĩ cầm có hình nữ nhân đang khiêu vũ, một cây san hô Triều Tiên, một khối ngọc phi thúy như ý, một tượng Phật Di Lặc bằng mã não, một pho tượng Quan Âm Bồ Tát bằng ngọc trắng, ngoài ra còn có một cuốn tranh sơn thủy của Vương Thạch Cốc, một bức họa Mỹ nhân ngủ mùa xuân của Đường Lục Như, một bức tranh nữ sĩ Đường Bác Hồ. Viên Thế Khải xem xong, nói với Trại Kim Hoa:

- Trung đường quan tâm chúng ta từng li từng tí. Ân đức ấy dầu chết cũng không được quên.

Trại Kim Hoa nói:

- Đến giờ rồi đó, khéo lại muộn giờ tàu!

Viên Thế Khải đáp:

- Coi nàng kìa, cứ như trẻ con vậy. Chúng ta đi xe chuyên dụng, giờ giấc đi hay dừng là ở chúng ta.

Gần trưa, Viên Thế Khải đã tới Bắc Kinh, xuống xe đi tới khách sạn Hiền Lương Tự trong phố Kim Ngưu.

Được biết Hoàng thượng đang nghỉ ở Di Hòa Viên, thư ký của Viên Thế Khải liền đề xuất ngày 13/8 sẽ đến vấn an Hoàng thượng. Nghi ngơi nốt nửa ngày, hôm sau, Viên Thế Khải bắt tay vào việc chuẩn bị lễ vật tiến các vương phủ. Hai ngày 11 và 12, viên thư ký thi hành lệnh trình lễ vật lên Lý Liên Anh. Lý Liên Anh nhìn thấy toàn đồ quý, ruột nở ra từng khúc. Viên Thế Khải cũng đưa quà đến các ban trong cung Thái hậu. Các đại thần quan trọng và các ban thuộc phái Hoàng thượng, mỗi người cũng nhận được một gói quà rất hậu. Viên Thế Khải muốn trong lúc khởi đầu cứ lấy lòng hết cả hai phe đã.

Từ Lý Liên Anh đến các vương phủ, các đại thần bên cạnh Hoàng thượng, gặp Viên Thế Khải đều cung kính như gặp thiên thần giáng Thế, dường như ông ta sẽ đem lại cho Từ Cấm Thành niềm vinh quang vô hạn. Đảng của Thái hậu, đảng của Hoàng thượng đều đặt hết hi vọng lên mình Viên Thế Khải.

Sáng sớm ngày 13, Viên Thế Khải đi đến Di Hòa Viên tâu kiến Hoàng đế Quang Tự. Đám tùy tùng và lính bảo vệ đều bị giữ lại ở bên ngoài. Một lúc sau có lệnh truyền triệu Viên Thế Khải đến Ngọc Lan đường bệ kiến Hoàng thượng.

Lý Liên Anh đợi trước ở bên đường tỏ ý chúc mừng, sau đó nói:

- Mời ngài đi theo bản thái giám.

Viên Thế Khải lúc ấy tự nhiên cảm thấy run run. Thực ra trong lòng đã mang ý phản nghịch, lại là lần đầu tiên vào bệ kiến Hoàng thượng sao mà không run cho được.

Hoàng đế Quang Tự tâm sự nặng nề ngồi ngay ngắn trên bảo tọa. Viên Thế Khải sợ đến nhũn cả người, chân tưởng như không còn sức đỡ, cúi đầu quỳ trước ngự án, hành lễ tam quỳ cửu bái, tung hô: “Thần Viên Thế Khải khấu kiến Hoàng thượng thánh ân!”.

Hỏi: Có phải quan luyện binh tiểu trạm Viên Thế Khải đấy không?

Đáp: Dạ, chính là tiểu thần.

Hỏi: Khanh ở tiểu trạm luyện binh mấy năm rồi?

Đáp: Thần huấn luyện quân sĩ ở tiểu trạm đã được ba năm.

Hỏi: Tất cả có bao nhiêu quân?

Đáp: Trước có 5000 quân, nhưng gần đây quân số đã tăng lên gấp đôi rồi ạ.

Hỏi: Tướng quân xuất thân từ đâu?

Đáp: Dạ, từ Bắc Dương giảng võ đường.

Hỏi: Số tân binh khanh đang luyện tập có chịu sự quản chế của Vinh Lộc không?

Viên Thế Khải nghe vậy biết ngay Hoàng thượng đã có ý từ trước, hần bỗng thấy lo lo: hay Hoàng thượng đã biết cuộc mật đàm giữa mình và Vinh Lộc? Nghĩ vậy, tự nhiên luống cuống. Nhưng Viên Thế Khải nghĩ ngay ra rằng bí mật này Hoàng thượng chắc chắn không thể biết được. Quả nhiên, Hoàng thượng tưởng rằng Thế Khải lần đầu vào bệ kiến, trong lòng sợ hãi nên động viên:

- Nhà nước đang bắt tay vào việc xây dựng chính phủ mới, mong khanh cố gắng luyện quân cho tốt để bảo vệ và hỗ trợ cho chính phủ. Nay trong triều đình có nhiều người bảo thủ ngoan cố,

triều thần không phải trong một lúc đã lĩnh hội được chủ trương của trẫm. Nhưng các đại thần này khi tình ngộ ra, chắc chắn sẽ ra sức hợp lực để cùng xây dựng lại Đại Thanh ta hùng mạnh.

Quang Tự Hoàng đế vẫn chưa quên việc quân trong tay Viên Thế Khải có chịu sự quản chế của Vinh Lộc không, đây là vấn đề rất quan trọng, nên hỏi lại:

- Tân binh mà khanh đang luyện có thuộc quyền quản chế của Vinh Lộc không?

Đáp: Lực quân đang được huấn luyện ở tiểu trạm là do... do... đại thần quản chế ạ.

Hỏi: Do Vinh Lộc quản chế cũng được. Ý trẫm là bất kể do ai quản chế thì tân binh cũng là để bảo vệ giang sơn Đại Thanh. Nhưng gần đây, triều đình suy tàn, không có kế nào cứu nước cứu dân, nên các nước mạnh thì nhau kéo đến xâm xé, được đằng chân lân đằng đầu. Nếu không lập lại kỉ cương thì nguy cơ mất nước sẽ không Thế tránh khỏi. Mong các khanh có tinh thần tự chủ yêu nước yêu dân, hướng về đại cục. Mong Vinh đại thần và khanh cùng hợp tác với nhau hỗ trợ triều đình, hỗ trợ chính phủ mới.

Đáp: Thần không dám bê trễ việc triều đình. Hôm nay xin khởi bẩm Hoàng thượng, dù óc gan lầy đất sau này cũng không dám từ nan.

Quang Tự Hoàng đế nói:

- Tốt lắm. Sau này chính phủ mới thành công, trẫm quyết không phụ khanh.

# Hồi thứ mười tám: ĐẢNG DUY TÂN THẤT BẠI, KHANG, LƯƠNG CHẠY TRỐN SÁU QUÂN TỬ GIỮA PHÁP TRƯỜNG CHỬI MẮNG TỪ HY

Viên Thế Khải trở về đến khách sạn ở phố Kim Ngự, thấy Trại Kim Hoa đang ngồi nói chuyện với một người trạc ba mươi tuổi trong phòng ngủ, sắc mặt hai người đều lộ vẻ lo sợ, trong lòng vô cùng hoài nghi, nghĩ rằng nhất định là khách làng chơi cũ tìm đến để lá hoa ong bướm. Viên Thế Khải mặt nóng bừng bừng, muốn hỏi cho cặn kẽ rõ ràng, sau này khỏi quanh co chối cãi.

Hóa ra người lạ mặt tên gọi Phương Đại Thành chính là gã lái xe cho nhà họ Hồng khi Hồng Quân còn tại Thế, cũng đã từng theo Hồng Đại nhân đi đến nhiều nước.

Khi Hồng Quân từ chức, liền đem anh này về theo. Từ khi Trại Kim Hoa ra khỏi nhà họ Hồng, Phương Đại Thành cũng thất nghiệp luôn. Gần đây nghe tin Công sứ phu nhân, Bắc Dương Đại thân Vinh Lộc và Viên Thế Khải có quan hệ mật thiết với nhau, lại nghe nói Viên Thế Khải và Công sứ phu nhân sống ở phố Kim Ngự, suy đi tính lại mãi, hắn bèn quyết định tìm đến để kiểm bát cơm ăn. Hôm đó, vừa mà y Viên Thế Khải lên xe đi ra ngoài mới dám vào hỏi thăm chủ nhân.

Suốt hai ngày nay, Trại Kim Hoa đang hết sức bồn chồn lo lắng vì chuyện Viên Thế Khải, Vinh Lộc, Lý Liên Anh hợp nhau mưu giết hại Quang Tự thì đúng Phương Đại Thành mò đến, mặt tươi lên hơn hớn ngay.

Sau khi thăm hỏi tình hình, Phương Đại Thành kể từ ngày hắn rời bỏ nhà họ Hồng, Trại Kim Hoa liền sai anh ta bí mật đi tìm Đàm Tự Đồng ở hồ Lạn Mạn. Phương Đại Thành nói:

- Trước kia, Hồng Đại nhân đã từng qua hồ Lạn Mạn thăm lão gia Đàm Kế Tuần. Tôi cũng có biết Hồng Đại thiếu gia.

Nguyên là, năm 1889 lúc Đàm Kế Tuần nhận chức tuần phủ Hồ Bắc, có kết thân với Hồng Quân. Sau khi Hồng Quân qua đời, Phương Đại Thành và Phó Thái Vân đều rời khỏi nhà họ Hồng. Phó Thái Vân đổi tên là Tào Mộng Lan, đến Thượng Hải làm kỹ nữ. Đây cũng là vì do nhà họ Hồng bức ép mà phải làm như vậy. Lúc đó, Phương Đại Thành cũng đến Thượng Hải mưu sinh. Nhà họ Hồng lại câu kết với thân sĩ Thượng Hải, buộc Phó Thái Vân chuyển đi nơi khác. Phó Thái Vân lại bỏ đến Thiên Tân hành nghề, lấy tên là Trại Kim Hoa.

Trại Kim Hoa không thể ngờ rằng Phương Đại Thành lại đến tìm mình, càng không ngờ rằng tìm đến chủ yếu là để kiếm miếng cơm manh áo. Trại Kim Hoa nói:

- Tìm một công việc bây giờ không phải là dễ, nhưng trước hết anh hãy giúp tôi đến Đàm gia đưa tin, rằng Vinh Lộc, Lý Liên Anh và Viên Thế Khải nhận lệnh của Từ Hy mưu hại Hoàng thượng nhân dịp Hoàng thượng và Thái hậu đến Thiên Tân duyệt binh vào tháng 9 tới. Bây giờ anh nhanh chóng đến báo cho Đàm Đại thiếu gia biết, sau đó quay lại đây ta nói chuyện sau...

Chưa nói hết câu thì Viên Thế Khải bước vào phòng. Trại Kim Hoa liền nói sơ tình hình của Phương Đại Thành. Viên Thế Khải nghe xong mới hết hoài nghi.

Đàm Tự Đồng sau khi nhận được tin, nghĩ bụng: Viên Thế Khải lúc ở tiểu trâm chẳng phải đã nói rõ ràng ý định với mình rồi, sao bây giờ hắn lại có hành vi quay lưng phản bội như vậy. Đã Thế hai hôm sau, hắn còn kiên quyết ủng hộ biến pháp Duy Tân nữa kia! Đàm Tự Đồng bán tín bán nghi vào cung bệ kiến Hoàng đế Quang Tự. Đàm Tự Đồng nói:

- Nghe nói Thái hậu và Vinh Lộc hợp mưu, dùng kế điệu hổ ly sơn, bắt giam rồi mưu hại Vạn tuế, sau đó nắm giữ Tân Đảng, không biết tin này có thực hay không?

Quang Tự cảm thấy tai họa lớn sắp giáng xuống đầu mình. Nhà vua hỏi Đàm Tự Đồng:

- Khanh có kế gì không?

Đàm Tự Đồng nói:

- Những điều mà Viên Thế Khải nói với thần lúc còn ở tiểu trạm Thiên Tân trái ngược hẳn những điều hắn đã tâu lên bệ hạ ngày hôm kia, chứng tỏ hắn “miệng mật bụng dao”.

Quang Tự nói:

- Khanh có kế gì để thay đổi tình hình nguy hiểm đó không? Đàm Tự Đồng đáp:

- Cần phải dùng kế rút củi đáy nồi, phải diệt tận gốc, đẩy Viên Thế Khải vào con đường hắn đã vạch ra thì mới có thể chuyển nguy thành an được.

Quang Tự nghe rồi, lấy bút viết một thư dụ, trao cho Đàm Tự Đồng.

Vào khoảng chập tối, Đàm Tự Đồng đến gặp Viên Thế Khải. Viên biết rõ lần này Đàm Tự Đồng phụng chỉ đến đây. Hai người gặp nhau, tỏ ra vô cùng thân thiết.

Đàm lên tiếng trước:

- Xin có lời hỏi thăm. Hôm trước các hạ tấn kiến Hoàng thượng, Hoàng thượng vui vẻ lắm mà.

Viên:

- Hôm trước ngưỡng diện thiên sắc, thấy không được vui, tôi rất lấy làm xấu hổ.

Đàm:

- Bây giờ lại có kẻ phản đối duy tân, muốn mưu sát Hoàng thượng.

Viên:

- Vua gặp nạn thì bệ tôi phải đương đầu, nào dám chối từ. Đàm:

- Nghe nói đầu tháng 9, nhân dịp Thái hậu và Hoàng thượng đi Thiên Tân duyệt binh, có người muốn bắt giữ Hoàng thượng, các hạ có nghe được tin này không?

Viên Thế Khải giật mình, nói:

- Tôi cũng đã nghe qua, nhưng không biết cụ thể.

Đàm Tự Đồng liền rút thánh chỉ của Hoàng thượng ra, đưa cho Viên Thế Khải. Viên Thế Khải lập tức quỳ xuống tiếp chỉ, thấy chỉ lệnh cho Viên đi bắt Vinh Lộc. Viên Thế Khải nói:

- Giết Vinh Lộc bây giờ cũng chỉ như giết một con chó. Dời duyệt binh xong bắt cũng không muộn.

Đàm Tự Đồng nói:

- Nếu các hạ thật lòng muốn cứu nước, thì đừng đợi duyệt binh xong, có thể tuyên đọc mật chi của Hoàng thượng càng sớm càng tốt, danh chính ngôn thuận, bắt giữ Vinh Lộc đúng luật, sau đó công bố để an dân, vào cung bẩm báo lên Hoàng thượng. Nếu các hạ không nhẫn tâm giết Vinh Lộc thì xin đến Di Hòa Viên nói với Tự Đồng, các hạ sẽ được hưởng vinh hoa phú quý.

Viên Thế Khải nói:

- Đàm công coi Khải tôi thuộc loại người nào vậy? Khải tôi trung với nước, nào dám bỏ việc không làm.

Đàm Tự Đồng nói:

- Nếu các hạ có tấm lòng sắt son cứu nước như vậy, nhà Đại Thanh có thể từ đây hưng vượng lên được rồi!

Lúc sắp ra về, Đàm Tự Đồng còn nhấn mạnh:

- Nếu việc bắt Vinh Lộc để chậm đến tháng 9 e rằng sẽ có biến.

Viên Thế Khải nói:

- Xin tấu Hoàng thượng yên tâm. Khải tôi nhất định sẽ tìm ra diệu kế! Đàm Tự Đồng đi rồi, Viên Thế Khải nói với Trại Kim Hoa:

- Đàm Tự Đồng da mặt sạm, lại có nốt ruồi ở giữa trán, sợ rằng sẽ có họa sát thân. Ông ta cổ động nhà vua phản đối Vinh Trung đường. Vinh Trung đường đối với tôi ân cao như núi, tôi nào dám thành kẻ bất nhân!

Trại Kim Hoa nói:

- Đàm Tự Đồng ủng hộ Hoàng thượng phản đối Vinh Trung đường, vậy ý ngài Thế nào?

Viên Thế Khải nói:

- Đàm Tự Đồng giả mạo thánh chi, đòi tôi giết Vinh Lộc sau đó công bố để an dân, vào cung bẩm báo với Hoàng thượng là hết sức sai lầm. Hơn nữa Vinh Lộc cũng có thể coi là cha mẹ thứ hai của tôi, là cánh tay đắc lực của Thái hậu, bảo vệ Vinh Trung đường cũng chính là bảo vệ Hoàng thái hậu, là bảo vệ giang sơn nhà Đại Thanh.

- Vậy Đại nhân có ý gì? - Trại Kim Hoa lại hỏi.

- Ta sẽ lập tức đi Thiên Tân báo cáo với Vinh Trung đường, một hai ngày sau trở về chơi với nàng sau.

Trại Kim Hoa trong lòng trầm nghĩ: giang sơn nhà Đại Thanh có ngày sẽ mất bởi bàn tay của Viên Thế Khải. Rồi lại nghĩ, phải tính cách gì đây để thay đổi tình Thế bây giờ, làm sao thuyết phục Viên Thế Khải làm theo lời của Đàm Tự Đồng vừa nói. Nghĩ vậy, Trại Kim Hoa liền nói:

- Mấy chục năm lại đây, nước Trung Quốc ta nhục nhã thảm thương, há chẳng phải do triều đình thối nát bất tài? Nếu Đại nhân nhất quyết ủng hộ phái thủ cựu, phản đối phong trào đổi mới, đứng về phía Thái hậu và Vinh Lộc thì chính là tự chôn mình trong nấm mồ sâu rồi đó! Mong Đại

nhân hãy đứng về phía Hoàng thượng. Ngài thử nghĩ xem, chính bọn dung thân thối nát đó đã làm cho Đại Thanh ta khổ sở vì thù trong giặc ngoài, trở thành cái cây sắp chết khô rồi sao. Mong ngài cân nhắc kỹ càng xem sẽ vun trồng cho chồi non phát triển lành mạnh, khỏe khoắn, hay là cứ ôm mãi cái gốc cây sắp chết vì khô già kia?

Viên Thế Khải nói:

- Phận gái đâu có biết được mọi việc trong thiên hạ. Cây khô vẫn hoàn toàn có thể hồi xuân, đơm hoa, kết trái. Nàng đừng nói nhiều, ý ta đã quyết.

Trại Kim Hoa nói:

- Ngài hoàn toàn có quyền quyết định sẽ làm như Thế nào. Tôi phận gái thực là không thể nhìn xa trông rộng được. Nhưng có một việc, rất mong Đại nhân trước khi đến Thiên Tân, phải nghĩ và giải quyết giúp tôi.

Viên Thế Khải nói:

- Việc gì, nàng nói mau đi. Trại Kim Hoa đáp:

- Người lái xe trước kia là Phương Đại Thành, nay đến Bắc Kinh tìm kẻ sinh nhai, mong ngài giúp anh ta tìm một việc gì đó để làm.

Viên Thế Khải nói:

- Để ta viết một lá thư cho Khánh Thân vương, bảo thưởng cho anh ta một chức quan béo bở là được chứ gì.

Nói xong liền vội vàng viết một lá thư, đưa lại cho Trại Kim Hoa. Sau đó, Viên Thế Khải mang theo vệ binh, lấy xe tới Bắc Kinh đi tới Thiên Tân.

Trại Kim Hoa suốt đêm không sao ngủ được, chỉ mong trời sáng Phương Đại Thành đến, bảo anh ta đưa cái tin cấp bách này đến cho Đàm đại thiếu gia, rồi sau đó bảo hẩn cầm thư đến gặp Khánh Thân vương.

Trên đường đêm tối mịt mùng, trong lòng Viên Thế Khải rối như mớ bòng bong. Tiếng nói của Đàm Tự Đồng, tiếng nói của Quang Tự, của Trại Kim Hoa, rồi tiếng dận dò của Vinh Lộc cứ xen lẫn nhau vọng lại. Tiếng của cả hai phái như đánh nhau trong đầu hẩn. Viên Thế Khải rất bồn chồn, ngồi đứng không yên. Cuối cùng, hẩn ta quyết định: Tiêu diệt Tân Đảng, sau đó tiêu diệt hết bọn dung thân bè đảng của Thái hậu. Như vậy mình mới có cơ nắm trong tay toàn bộ quyền lực nhà Đại Thanh!

Như đang nằm mộng, khi đến Thiên Tân gặp Vinh Lộc, Viên Thế Khải báo cáo lại tường tận việc tiêu diệt Vinh mà Đàm Tự Đồng đã nói ra. Vinh Lộc nhận được tin tình báo quan trọng này vội vàng đem xe phóng thẳng tới Di Hòa Viên, Bắc Kinh.

Nửa đêm, cả Di Hòa Viên im lặng như tờ, dường như chỗ nào cũng có bóng đen ẩn nấp. Vinh Lộc vào bên trong, liền đi thẳng đến chỗ Tổng quản Lý Liên Anh. Lý Liên Anh mắt nhắm mắt mở, sau khi nghe Vinh Lộc báo cáo, vừa vội vàng chạy về phía Lạc Thọ đường, vừa nói với Vinh Lộc.

- Vinh Đại nhân đợi ở bên ngoài một lát, để tôi vào bẩm với Thái hậu rồi mời Đại nhân vào sau.

Lý Liên Anh một mình bước vào phòng ngủ của Thái hậu, cung nữ Xuân Hương đang gác đêm



thì thầm nói:

- Đại thúc, tại sao đang đêm Thế này lại đến? Lão Tổ tông đang ngủ say. Lý Liên Anh không thèm đáp nửa lời, cứ Thế đi thẳng vào phòng, thấy Thái hậu quả nhiên đang ngủ rất say, vội lay Thái hậu tỉnh dậy. Thái hậu mở hai con mắt nhập nhèm, nhìn chăm chăm một lúc, hóa ra là tiểu Lý tử, tưởng là nửa đêm không ngủ được lại đến đòi giải sầu, nói:

- Tiểu Lý tử, mấy ngày nay ta chẳng có muốn cái trò đó. Lý Liên Anh nói:

- Tôi cũng không có ý đó. Tôi đến là để báo với Thái hậu đại sự không xong rồi.

Hắn liền kể lại toàn bộ câu chuyện Vinh Lộc nửa đêm tìm đến Bắc Kinh. Thái hậu nghe xong, tức tối bật dậy, mặc quần áo, bước xuống đất, lập tức truyền cho Vinh Lộc vào phòng, quên cả việc đi rửa lớp trứng gà đắp lên mặt tối trước khi đi ngủ, giờ đang khô nứt và bóc ra từng mảng.

Ba người mật đàm một hồi lâu, nhìn lên chiếc đồng hồ tay vẫn chưa đến 4 giờ rưỡi, liền truyền lệnh khởi gia về cung. Trời sớm tinh mơ, khắp đoạn đường từ Di Hòa Viên về đến Hoàng thành không thấy một bóng người nào. Trên mặt đường, lớp đất vàng tươi được đầm kỹ, rất bằng phẳng. Từ Hy Thái Hậu ngồi ngay ngắn trên kiệu, mắt như tóe lửa, muốn làm sao giết cho sạch “tên hôn quân và bầy Hán gian đang vây quanh hắn”.

Đại kiệu của Lý Liên Anh và Vinh Lộc tiếp liền sau kiệu rồng của Thái hậu.

Trên đường không có tiếng gì khác ngoài tiếng móng ngựa của vệ binh.

Đoàn người ngựa rầm rập tiến đều.

Lý Liên Anh ngồi trên kiệu, trong lòng vui như hoa nở, dường như đang phấn khích lắm, cảm thấy như vừa uống xong một bát mật ong. Hắn nghĩ thầm: “Ta mà phải gọi nhà ngươi là Vạn Tuế gia à? - Hôm nay, ta gọi nhà ngươi là “Vạn tủy”. Khi ở trong vườn, ba người đã hẹn nhau rằng vào đến thành sẽ chia làm ba mũi tiến quân; Thái hậu và một đám cung nữ, thái giám cứ vào Nam Hải Tự nghỉ ngơi trước ở Nghi Loan điện; Vinh Lộc bố trí giới nghiêm quân đội, tăng cường phòng vệ hoàng cung. Lý Liên Anh dẫn đầu một đoàn thái giám đi thẳng vào Hoàng cung, bắt Hoàng đế Quang Tự đến Nam Hải Tự trong Doanh Đài. Đồng hồ báo thức tự động của Tây gõ đều 5 tiếng như báo hiệu có tang. Quang Tự đã dậy từ lâu, đang tập trung tinh thần phê duyệt tấu chương nơi ngự án.

Tiểu Lý tử thành lĩnh dẫn đầu một đoàn thái giám tâm phúc xông vào nội điện, hô lên một tiếng: “Vạn tuế gia” sau đó cười và nói:

- Phụng chỉ của Thái hậu, kính mời Hoàng thượng ngự giá đến Nam Hải Tự, có việc quan trọng cần thương lượng.

Quang Tự đoán rằng tai họa đã đến rồi. Quả nhiên, nụ cười trên môi Lý Liên Anh vụt tắt, một tiếng lệnh phát ra, lũ hoạn quan lập tức xông vào, bắt trối Quang Tự như bắt trộm, rồi kéo ra khỏi cửa Tây Hoa Môn, đưa vào cửa Đông tức Tây Uyển Môn, kéo lên một chiếc thuyền.

Doanh Đài vốn là một hòn đảo bốn bề là nước. Quang Tự bị lôi lên thuyền không kịp được nước mắt chảy ròng ròng. Lý Liên Anh nói:

- Vạn tuế gia, sự tình đã đến nước này, khóc cũng không kịp nữa rồi. Thái hậu sẽ đến ngay bây giờ đây, Vạn tuế gia ở đây có sợ buồn không, có cần phải gọi Trần Phi đến hầu hạ không?

Lý Liên Anh nói xong liền bỏ đi, chỉ để lại mấy tên nội giám đứng canh phòng Hoàng đế.

Khoảng một tiếng sau, Thái hậu dẫn theo Hoàng hậu, phi tần, trong đó có cả Trân Phi từ Nghi Loạn điện đi sang. Quang Tự Hoàng đế vội vàng quỳ xuống nghênh đón. Lúc này, Khánh Thân vương, Lê Thân vương, Đại thần Cương Nghi, Vương Văn Thiệu, Liêu Thọ Hằng vv... cũng đã kịp đến. Thái hậu vừa nhìn thấy Quang Tự đã cao giọng mắng:

- Giỏi lắm, nhà ngươi định giết Vinh Lộc trước, sau đó giết đến ta. Nhà ngươi thử nghĩ xem: khi vào cung mới có 4 tuổi, ta lập ngươi làm đế, một lòng nuôi dưỡng ngươi thành người. Nếu không có ta hết lòng đứng lên che chở bảo vệ, liệu ngươi có ngày hôm nay hay không? Ngươi muốn biến pháp duy tân ta cũng không phản đối. Tại sao nhà ngươi lại nghe lời xúc xiểm của kẻ khác mà lập mưu hãm hại ta. Ngươi thử nghĩ xem như Thế có đáng không?

Quang Tự quỳ phục dưới đất, run cầm cập không nói ra lời. Thái hậu nói tiếp:

- Ta nghĩ rằng người mệnh bạc, làm gì có phúc phận làm Hoàng đế? Bây giờ các thân quý trọng thân, từ trên xuống dưới đều một lòng mong ta chấp chính, không ai đứng về phía ngươi cả. Một lũ đại thần nhà Hán nổi giáo cho giặc, mà ngươi cho là tốt, nhất loạt đều là một lũ Hán gian!

Thái hậu nói đến đây, tức tối vô cùng. Mấy vị vương gia, đại thần nghe tin chạy tới, lúc này đều quỳ cả xuống xin tha cho Hoàng thượng.

Trân Phi cũng quỳ xuống trước mặt Thái hậu, cầu xin tha tội cho Hoàng thượng. Từ Hy nghe xong nhảy chồm lên quát:

- Giỏi cho con hồ ly kia dám cả gan nói thi với bà!

Trân Phi lúc này cũng chẳng thiết gì đến mạng sống của mình, liền nói:

- Hoàng thượng là vua của một nước, Thánh mẫu cũng không được tự ý phế truất.

Câu còn chưa nói hết thì “bốp” một tiếng, một cái tát trời giáng của Thái hậu làm Trân Phi đỏ cả máu mũi. Thái hậu còn giờ chân đạp mạnh, tức tối hét:

- Liên Anh, trói con hồ ly này lại cho ta.

Mấy tên thái giám trói chặt Trân Phi áp giải đến Bắc Tam Sờ, góc ngoài phía Bắc của Ngự Hoa Viên trong Đại nội. Mấy vị thân vương đại thần lúc này cũng sợ hãi, không dám tiếp tục xin tha cho Hoàng thượng nữa.

Từ Hy Thái hậu sau đó ra lệnh bắt hết những người trong Tân Đảng. Vinh Lộc đã bố trí phòng vệ trong cung, nhưng sợ Viên Thế Khải hai lòng nên lập tức quay về nhiệm sở ở Thiên Tân, quan sát động tĩnh bọn tân binh ở tiểu trạm.

Quang Tự bị nhốt trong Doanh Đài, trở thành tội phạm chính trị cao cấp. Thái hậu sau đó sai Cửu Môn đề đốc Phúc Côn đi bắt Khang Hữu Vi, Đàm Tự Đồng, Lương Khải Siêu, Dương Nhuệ, Lâm Húc, Khang Quảng Nhân, Dương Thâm Tú và những người khác. Khang Hữu Vi được tin liền thông báo cho Đàm Tự Đồng, Dương Nhuệ và mọi người biết rồi lập tức rời khỏi kinh thành, lên tàu hỏa đi Thiên Tân. Đến Thiên Tân vẫn cảm thấy chưa an toàn, liền mua một tấm vé thương thuyền rời lên tàu.

Vinh Lộc ở Thiên Tân nhận được điện báo của Cửu Môn đề đốc từ Bắc Kinh, nội dung như sau:

- Phụng chỉ Thái hậu lòng bắt Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu đang lẩn trốn gần đây, quyết không để lọt.

Vinh Lộc nhận được điện, biết là đại sự đã thành, trong lòng vô cùng hoan hỉ. Hắn nghĩ rằng Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu có quan hệ với người Tây, nhất định sẽ lên tàu Tây để trốn ra nước ngoài, lập tức lệnh cho Hậu bổ Đạo đài Tiền Tích Lâm đem quân đi lục soát các nơi. Có người mật báo Khang Hữu Vi đã lên thương thuyền đi thượng Hải rồi. Tiền Đạo đài liền nghĩ: “Khang Hữu Vi được Hoàng thượng tin sủng, là nhân vật anh hùng thời nay, nếu bị bắt, chắc chắn sinh mệnh khó bảo toàn được, chẳng tha cứ để cho ông ta chạy trốn. Vạn nhất sau này Hoàng Thượng lại nổi lên được thì họ Tiền ta cũng có thể tấu lên triều đình sự việc này, một tên tiểu quan Đạo đài như ta cũng có thể được thăng Tuân phủ chứ chả chơi. Hơn nữa, đây là tin do dân chúng mật báo, ta cũng chẳng phải đi truy cứu làm gì cho mệt”.

Mật thám do Vinh Lộc phái đi cũng được tin Khang Hữu Vi đã lên thương thuyền, liền hạ lệnh cho Đạo đài Tiền Tích Lâm lên thuyền của Trung Quốc đuổi theo, dứt khoát phải bắt về bằng được. Tiền Đạo đài lần này không dám không tuân lệnh, lại nghĩ: “Nếu chênh mảng việc Vinh đại thần đã giao để Khang Hữu Vi trốn thoát thì ta chỉ còn nước dỡ nhà mà đi nơi khác, bèn lên tàu truy đuổi.

Tàu nhỏ neo chưa được bao xa, Tiền Đạo đài phát hiện ra một chiếc binh hạm Anh quốc đi đằng sau tàu của mình, cũng không hề cảm thấy ngạc nhiên. Hóa ra lãnh sự quán Anh phát hiện có tàu Trung Quốc đang đuổi theo chiếc thương thuyền chở Khang Hữu Vi, liền điện báo lệnh cho chiếc binh hạm ở cửa sông gần đó đi bảo vệ chiếc thương thuyền mà Khang Hữu Vi đang đi.

Chỉ trong ít phút, chiếc binh hạm Anh đã vượt qua con tàu Trung Quốc. Tiền Đạo đài biết rằng phía trước chắc chắn có việc quan trọng, nên ra lệnh cho thủy thủ bám sát chiếc binh hạm Anh, còn mình lấy ống nhòm ra nhìn. Qua ống nhòm, Tiền Tích Lâm thấy chiếc binh hạm Anh đuổi kịp thương thuyền chở Khang Hữu Vi, một vị võ quan Anh quốc đưa tay đỡ một người từ thương thuyền sang binh hạm, trong lòng biết chắc là Khang Hữu Vi chứ không ai khác, liền cho tàu chạy hết mã lực đuổi theo. Nhưng làm sao đuổi kịp được. Chiếc binh hạm Anh chẳng mấy chốc đã biến mất hút.

Tiền Đạo đài ra lệnh cho chiếc thương thuyền dừng lại. Khi hai chiếc thuyền đã kề sát nhau, Tiền Đạo đài liền dẫn quan binh nhảy xuống thương thuyền, cao giọng nói rõ cho thương chủ biết mục đích của mình. Thương chủ cười nói:

- Ngài muốn nói đến Khang Hữu Vi có đúng không? Tiếc rằng binh hạm nước Anh đã đón anh ta đi mất rồi!

Tiền Đạo đài thừa biết là ông ta nói thật, nhưng vẫn nói:

- Các hạ không cần phải giấu giếm. Tôi làm việc theo binh lệnh, không thể làm theo ý mình. Chúng tôi nhất định phải lên thuyền quý ngài kiểm tra một lúc.

Chủ thuyền đó nói:

Người nước tôi từ xưa đến nay không quen nói dối, nay tôi đã nói rõ cả rồi, cần gì phải kiểm tra thêm nữa?

Tiền Đạo đài nói:

- Nếu không kiểm tra, trở về chúng tôi không biết sẽ trình lên cấp trên như thế nào, mong các hạ lượng thứ.

Thuyền chủ nói:

- Ngay cả lệnh của Đại Hoàng đế của quý quốc, chúng tôi cũng có thể không nghe. Nhưng hôm nay nể mặt ngài, tôi đồng ý cho ngài lên thuyền kiểm tra, nhưng chỉ với một mục đích là tìm Khang

Hữu Vi thôi đấy.

Tiền Đạo đài dẫn một tốp quan binh kiểm tra từng ghé một. Khi nhìn thấy một người chừng 30 tuổi, liền hỏi: “Nhà người có phải là Khang Hữu Vi không?”, khiến cho cả thuyền sợ hãi. Tầm một tiếng sau mới kiểm tra xong, quả nhiên không thấy Khang Hữu Vi. Tiền Đạo đài dẫn binh quay về phục mệnh.

Nửa đêm trong thành Bắc Kinh, đường lớn ngõ dài im lặng đến rợn người, Phúc Côn cầm đầu một đoàn người ngựa đến Nam Hải hội quán Lộ Tây, nằm ở giữa phố Mễ Thi, bên ngoài Tuyên Vũ Môn, cũng không tìm thấy Khang Hữu Vi, liền nói:

- Bây giờ đến ngõ Lạn mà n để bắt Đàm Tự Đồng.

Cả tốp quan binh sục sạo ở nhà Đàm Tự Đồng suốt 2 giờ liền, đánh đập, khảo tra dã man các gia nhân nhưng những người này thà chết chứ không chịu khai chủ mình ở đâu.

Hoá ra, sau khi nhận được tin từ Khang Hữu Vi, nói là hãy nhanh chóng rời khỏi Bắc Kinh đi Thiên Tân, Đàm Tự Đồng không những không đi, mà còn tập trung Lâm Thúc, Lư Quang Đệ, Dương Thâm Tú, Khang Quảng Nhân, Dương Nhuệ v.v... bí mật họp tại Văn Hi hội quán ở phía tây chợ Hãn Lư, bên ngoài Tuyên Ngộ Môn.

Phương Đại Thành - người vừa mới nhận chức trợ lý Thuế vụ Sùng Văn Môn, đã từng là lái xe cho Trại Kim Hoa, khi đến tạ ân Khánh Thân vương ở trong Đức Thắng Môn, nghe nói Khánh vương đã triệu tập Phúc Côn, Viên Thế Khải, tìm cách truy bắt Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, Đàm Tự Đồng, v.v... bèn vội vàng tìm đến Đàm gia báo tin. Nào ngờ Đàm Tự Đồng không có nhà. Phương Đại Thành rối bời cả lên. Gia nhân nhà họ Đàm biết được Phương Đại Thành đứng về phía mình, nên đã nói cho anh ta biết địa điểm của Văn Hi hội quán.

Phương Đại Thành vội vàng lên xe tay đến Văn Hi hội quán, báo tin khẩn cấp cho Đàm Tự Đồng, giục ông này mau mau chạy trốn. Phương Đại Thành còn chưa nói hết thì có người từ ngoài chạy vào báo:

- Bên ngoài có một người Mỹ muốn vào cầu kiến. Dương Nhuệ nói:

- Bây giờ đang họp khẩn cấp, làm gì có thời gian để tiếp khách nước ngoài. Vừa nói dứt lời thì đã thấy người Mỹ đó bước vào đến sân rồi. Đàm Tự Đồng không còn cách nào từ chối, đành phải mời ông ta vào phòng trong.

Người Mỹ bắt tay từng người, nói:

- Bì nhân là tùy viên cơ quan Đại sứ quán Mỹ, nghe tin chính phủ thủ cựu của quý quốc đã bắt giam Đại hoàng đế, sinh mạng của các vị ở đây cũng đang bị đe dọa, nên đến đây, muốn đề bảo vệ chư vị. Xin mời hãy lập tức theo bì nhân đến Đại sứ quán tạm thời lánh nạn rồi tính kế sau.

Đàm Tự Đồng nói với ông ta:

- đã tạ nhĩ ý của ngài. Trước tình thế đất nước hiện nay, Đàm Tự Đồng tôi và các bằng hữu ở đây không ai dám lo cho thân mình mà bỏ bệ công việc tìm ra kẻ sách cứu nước cứu dân. Nếu như không qua được, chúng tôi nguyện hy sinh cứu nước. Biện pháp ở các nước đều phải bắt đầu từ việc đổ máu. Ngày nay, Trung Quốc nếu không có những người đổ máu cho biện pháp thì chắc sẽ không bao giờ hưng vượng lên được. Nếu phải chết, Đàm Tự Đồng tôi sẽ chết đầu tiên.

Người Mỹ nghe nói vậy, liền nói với giọng vô cùng kính trọng:

- Các vị thật không hổ là những nhà chí sĩ yêu nước. Người Mỹ chúng tôi vô cùng kính trọng tinh thần trung liệt như vậy. Nghe nói Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu đã được Đại sứ quán Anh, Nhật bảo vệ rời khỏi kinh thành rồi. Kính mời các vị nhanh chóng cùng tôi rời đi.

Đàm Tự Đồng nói:

- Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu hai người đó đã ra khỏi kinh thành, chắc chắn sẽ có cách cứu nước. Mỗi chúng tôi đều có chí nguyện riêng của mình.

Người Mỹ nói:

- Các vị kiên quyết ý định vực sôi như vậy, từ xưa đến nay, người quân tử đều lấy đức để yên dân, bị nhân cũng không dám nài ép các vị chạy trốn nữa.

Nói xong, thở dài ra đi. Phương Đại Thành cũng vừa khóc vừa khuyên Đàm Tự Đồng nên dời đi. Đàm Tự Đồng nói:

- Anh mới nên nhanh chóng rời đi chỗ khác, không nên nán lại ở đây để tránh cái họa lao tù. Cho tôi gửi lời hỏi thăm đến Hồng phu nhân.

Phương Đại Thành bước đi, nước mắt rơi lã chã.

Đúng lúc đó, một bọn quan quân, dẫn đầu là Phúc Côn ập vào. Phúc Côn hăm hăm hỏi 6 người đang bí mật họp bàn:

- Ai là Đàm Tự Đồng? Đàm Tự Đồng đáp:

- Chính là ta.

Phúc Côn liền hỏi những người còn lại.

Đàm Tự Đồng nói:

- Nhà ngươi không cần phải hỏi nhiều. Ta biết nhà ngươi chính là Cửu Môn đề đốc Phúc Côn. Nay nước nhà đang nguy nan bị ngoại bang tranh nhau xâm xé, lại đi phản đối Hoàng thượng biến pháp duy tân. Giang sơn nhà Đại Thanh chẳng mấy nữa sẽ bị tiêu diệt bởi tay lũ các ngươi. Ngày tàn của Tây Thái hậu cũng sắp đến rồi đó!

Phúc Côn không để cho Đàm Tự Đồng nói tiếp liền hạ lệnh, một bầy lang sói Thanh binh liền lao vào trói chặt 6 chí sĩ yêu nước.

Phúc Côn giải 6 người đến nha môn Hình bộ chờ xét xử. Sáu người anh hùng cùng bị giam trong một gian phòng, mắt mở trừng trừng chờ xử tử. Đột nhiên, có một sai dịch trẻ tuổi từ ngoài bước vào, hạ giọng nói nhỏ với Đàm Tự Đồng.

- Phía ngoài có một hiệp khách họ Vương, sai tôi vào đưa tin cho các vị, rằng đêm nay, ông ấy sẽ đến đón các vị. Xin đừng lo lắng.

Đàm Tự Đồng nói:

- Ta vì nước hy sinh, quang minh chính đại, chẳng lẽ vì sợ mà phải trốn đi sao?

Nói xong liền cầm lấy bút, viết lên tường:

Lòng muốn giết gian

Sức chưa đủ mạnh

Phải chết tại đây

Mong sao đi sớm.

Hình bộ thượng thư Triệu Thư Kiều không chờ thẩm vấn, theo đúng như ý chỉ, định tội xử chém. Quan Thừa thẩm Hà Nại Doanh nói:

- Chưa có cáo trạng rõ ràng, sao có thể định tội chém được?

Triệu Thư Kiều nói:

- Bọn này khâm giao trọng phạm, cứ theo tội mà định, người không phải nhiều lời. Sau đó lệnh cho trưởng cáo thảo lệnh xử trảm. Từ Hy Thái hậu nhìn vào bản tấu, lập tức phê một chữ “khá”.

Sáng sớm ngày 28/9/1899 (tức ngày 23/8 năm Quang Tự thứ hai mươi bốn) mây đen dày đặc, trời đất mịt mù, bụi bay sàn sạt, sấm nổ ì ùm. Sáu vị quân tử bị áp giải đến pháp trường. Hai bên đường, người đứng đông như nêm cối. Khi xe chở tử tội ra khỏi cổng Thái Thị của Tuyên Vũ Môn, ai ai cũng thấy sáu người anh hùng ưỡn ngực, ngẩng cao đầu, dáng vẻ ung dung. Trời tự nhiên đổ mưa ào ạt. Nhân dân bên đường không ai không rơi nước mắt.

Từ Hy Thái hậu nghe tin đã nhờ tận gốc Đàm Tự Đồng và các bạn hữu, liền nói:

- Nếu không có Vinh Lộc và Viên Thế Khải cùng ra tay giúp sức thì mạng của ta hôm nay cũng khó bảo toàn.

# Hồi thứ mười chín: PHẾ QUANG TỰ, VU BỆNH BẮT PHỤC THUỐC THẦY THUỐC TÂY THẨM BỆNH NĂM TÌNH HÌNH

Từ Hy Thái hậu mạo danh Quang Tự, viết một đạo thượng dụ giả, nội dung như sau: “Gần đây tình hình thời sự có nhiều thay đổi, triều đình đã ngày đêm cố gắng tìm biện pháp để an dân trị nước, muốn dùng biện pháp để tự cường. Tất cả những việc đã làm, thấy đều vì quốc kế dân sinh, vì non sông xã tắc. Trẫm tối ngày bận việc, thật vất vả không sao kể xiết.

Không ngờ Khang Hữu Vi lại cầm đầu khởi xướng ra tà thuyết, dối chúng mị dân. Nhiều kẻ tội đồ còn hùa theo phụ họa, lợi dụng thời cơ biến pháp để âm mưu làm loạn nước nhà. Mấy hôm trước, bọn phiến loạn đã tụ tập với nhau, định bao vây Di Hòa Viên, bắt cóc Hoàng Thái hậu, hãm hại cả Trẫm, may sao đã phát giác ra, phá tan gian kế của chúng. Trẫm nghe tin bọn phiến loạn đã tự lập ra hội Bảo Quốc, tuyên bố bảo vệ Trung Quốc, không bảo vệ nhà Thanh, thật là trò phản nghịch ngàn lần đáng phê bỏ. Trẫm được sự dạy dỗ của Thái hậu, sùng ái triều thần, lấy hiếu để trị dân, điều này ai ai cũng biết. Học thuyết của Khang Hữu Vi đòi bại, hằng ngày nói ra toàn những lời phản đạo, phi kinh, phi pháp v.v... Nếu không được tổ tiên phù trợ, vạch mặt chúng ra thì không biết việc này sẽ đi đến đâu. Khang Hữu Vi là kẻ cầm đầu phản nghịch, giờ đã chạy trốn nên lệnh cho đốc phủ các tỉnh nghiêm khắc tra xét, bắt về triều đình trị tội. Cử nhân Lương Khải Siêu câu kết với Khang Hữu Vi, lời lẽ xằng bậy ngông cuồng, cũng phải đem ra nghiêm trị. Khang Quang Nhân, em trai Khang Hữu Vi và ngự sử Dương Thâm Tú, Quân cơ kinh chương Đàm Tự Đồng, Lâm Húc, Dương Nhuệ, Lưu Quang Đệ câu kết với Khang Hữu Vi gây mầm tai họa. Bọn Dương Thuyết mỗi khi được triệu kiến vào cung liền nói ra toàn lời phản nghịch, bảo vệ cho bọn giặc phi, thực rõ là lòng dạ gian ác vô cùng. Tất cả bọn chúng giờ đã được giao cho bộ binh thẩm vấn, trị tội theo pháp luật...”

Trước khi bản chỉ dụ giả mạo này được ban ra, thì sáu vị quân tử đã anh dũng tự nghĩa rồi. Biện pháp đã tan thành mây khói, tồn tại được 103 ngày.

Sau khi sự việc xong xuôi đầu bào đầy, Từ Hy Thái hậu luận công ban thưởng. Vinh Lộc phụng mệnh, được đưa vào cung, thăng làm Hiệp biện Đại học sĩ kiêm Binh bộ Thượng thư; thăng cho Viên Thế Khải làm Hộ lý đại thần, gia phong Tây Uyển môn nội kỵ mã.

Vinh Lộc phụng mệnh vào cung, lập tức đi gặp Lý Liên Anh. Cả hai hí hửng chúc nhau đại sự đã thành. Không thể nói hết sự vui mừng thỏa mãn của bọn chúng. Nhân lúc Tiểu Lý Tử đang vui sướng tột bậc, Vinh Lộc nói:

- Thái hậu chinh đồn triều đình, chủ yếu nhờ vào lực lượng của Tổng quản. Nhưng Thế lực cũ của Đế đảng vẫn còn rất mạnh, cần phải hết sức lưu tâm, bất kể Thế nào cũng không để cho chúng ngóc đầu lên được.

Lý Liên Anh nói:

- Thượng thư nói rất đúng. Tôi sẽ bẩm trước việc này với Thánh mẫu, đợi thượng thư đền bái kiến Thái hậu trở về sẽ tiếp tục tấu trần. Theo ý tôi, bọn cầm đầu gian đảng, kẻ thì bị giết, kẻ thì chạy trốn, nhưng còn Hoàng thượng là đầu sỏ của bọn chúng, tại sao chúng ta chẳng giải quyết ngay đi cho hết họa về sau.

Vinh Lộc nói:

- Bọn người ngoại quốc hiện nay rất ủng hộ Hoàng thượng, Khang Hữu Vi và bọn chó má ấy.

Chính vì Thế tạm thời chưa thể hành động được.

Lý Liên Anh lại nói:

- Theo ý tôi thì ta cứ làm như thế, bề ngoài hãy cứ đề cao Hoàng thượng lên, rồi cùng một lúc chuẩn bị liên hai việc: một mặt cần phải đánh gãy ngọn cờ của Quang Tự, một mặt lại nêu ra những luận điệu cũ của chúng ta. Đợi đến lúc thích hợp, sẽ đưa Đại A ca của Đoan vương Tái Y lên thay, sau đó bí mật thủ tiêu Hoàng thượng đi. Làm như vậy có trời cũng không biết được.

Vinh Lộc nói:

- Tôi đến tiếp kiến Thái hậu sẽ nói trước chuyện này, xem thái độ của Thái hậu thế nào rồi hẵng hay.

Vinh Lộc vào tiếp kiến Thái hậu, Từ Hy tỏ ra vô cùng cảm kích.

Vinh Lộc nói:

- Hoàng thượng từ ngày cử hành đại hôn lễ đến nay chẳng có con cái gì. Thái hậu cũng nên nghĩ đến việc lập trước một vị Tự quân để nối ngôi.

Từ Hy liền nói:

- Trong đám trẻ từ ba đến năm tuổi ở các gia tộc gần gũi, chỉ có mỗi Đại A ca con trai của Đoan Vương là được thôi. Nhưng lần trước, khi chúng ta công bố tin này liền bị các nước phản đối ầm ầm nên phải bỏ. Hơn nữa, đến bây giờ cũng chưa tìm ra được một Tự quân thích hợp.

Vinh Lộc nói:

- Lúc đó khác, bây giờ khác. Bọn Duy Tân đã bị trấn áp rồi. Thần cho rằng bây giờ cứ lẳng lặng mà đưa Đại A ca vào cung đợi đến lúc thích hợp sẽ ra tay trừ bỏ nốt cái mầm họa Hoàng thượng kia đi, nói là bị bạo bệnh băng hà. Khi đó, Đại A ca sẽ danh chính ngôn thuận mà ngồi trên Bảo điện. Thái hậu nói:

- Kế này hay lắm. Thế nhưng nhà người nhất định không được để lộ thiên cơ. Trời biết đất biết, người biết ta biết, rồi Tiểu Lý Tử cũng biết nữa thì không chỉ là mất đi bí mật mà mạng sống của ba chúng ta cũng mất đi theo đó.

Vinh Lộc đáp:

- Thái hậu cứ yên tâm.

Sau khi ra khỏi Hoàng cung, Vinh Lộc không về nhà mà lại đi thẳng đến phủ Đoan Vương yết kiến Tái Y. Đoan Vương thấy Thượng thư Vinh Lộc đến, vội vàng chạy ra nghênh tiếp. Hai người sau khi vào thư phòng ngồi nghỉ, Vinh Lộc nói:

- Tôi vừa vào tiếp kiến Thái hậu xong. Thánh thượng dạo này ngọc thể bất an, không muốn duy tân nữa rồi. Cả triều đình đang bình yên vui vẻ. Thái hậu hôm nay lại nhắc đến chuyện lập Tự quân, tôi đã kiến nghị lập đã Lạp Cát A Ca, Thái hậu rất đồng ý tôi đề cử Đại A ca cho nên đến đây báo hi cho Đoan Vương. Có điều trước mắt không nên để lộ tin này ra vì thế lực cũ của Đế đảng vẫn còn tương đối mạnh.

Đoan Vương nghe Vinh Lộc nói vậy, vô cùng cảm tạ tri ân.



Tiền Vinh Lộc ra về rồi, Đoan Vương quay vào phòng riêng, liền nói lại tin này với phu nhân. Vị phu nhân của Đoan Vương không ai khác, chính là khuê nữ của Thừa Ân Công, tức là cháu của Thái hậu.

Hôm sau có một người bà con thân thích đến chơi Đoan phủ. Phúc tấn liền đem chuyện con trai mình sắp được tấn phong Tụ quân nói với người này. Người này về đến nhà lại nói cho một người bạn thân biết. Cái tin bí mật đó lại được nói lại cho bạn thân của cô ta đang làm việc tại một tòa báo. Cứ như vậy, đến ngày thứ ba thì tin lại đến tận Hồng Kông. Khang Hữu Vi lúc đó đang ở Hồng Kông nghe được tin đó, lập tức viết một bài gửi đăng trên một tờ báo Anh quốc. Bài báo này đã được phát đi rất nhiều nước trên thế giới.

Bài báo đã chỉ trích kịch liệt Tây Thái hậu phản đối Tân Đảng, giả cáo Hoàng đế bị bệnh, lập mưu đưa Đại A ca lên ngôi, cướp quyền đoạt vị, muốn mãi mãi được buông rèm chấp chính, thao túng bòn bù nhìn, khiến cho mọi người không ai chấp nhận được.

Nhưng ngôn luận vẫn chỉ là ngôn luận. Ý định phế truất Quang Tự của Triều đình đã quá rõ ràng rồi. Từ Hy Thái hậu lại một lần nữa giả danh Quang Tự, viết một đạo thượng dụ rằng:

“Ngày nay quốc sự gian nan, rất nhiều điều đã cũ nát cần phải thay đổi. Trẫm mỗi ngày giải quyết không biết bao nhiêu công việc, tối ngày lo lắng trăm bề. Ngược lại thời gian, từ những năm Đồng Trị đến nay, Thái hậu Từ Hy đã hai lần buông rèm chấp chính, lo lắng việc triều đình, cho dù thời thế nguy nan đến mấy cũng chuyển họa thành an, chưa chịu thất bại bao giờ. Trẫm vì xã tắc giang san, đã nhiều lần khấn cầu Từ ân chấp chính, tạo phúc cho thần dân thiên hạ. Trẫm sẽ dẫn đầu vương công đại thần đến điện Cần Chính hành lễ. Khâm thử”.

Đạo thượng dụ này ban ra làm cho cả nước hoang mang kinh ngạc, bàn tán xôn xao. Mọi người đều hết sức bất bình trước việc bãi bỏ biến pháp, sát hại sáu vị quân tử và bắt giam Quang Tự.

Từ Hy Thái hậu cũng bắt đầu cảm thấy lo lắng. Vinh Lộc nói:

- Đây là do Hoàng thượng kính thỉnh Thái hậu chấp chính. Người bên ngoài làm sao mà biết được nội tình bên trong của sự việc. Dụ lệnh kia đã công bố rồi thì cứ thả tên hôn quân kia ra cũng không sao.

Hôm đó, Hoàng đế Quang Tự được thả ra khỏi Doanh Đài, đến điện Cần Chính, dẫn đầu bá quan trong triều hành lễ. Hoàng đế đã thi lễ đúng quy phép với Hoàng Thái hậu, kính thỉnh Thái hậu chấp chính và nhận lỗi trước Thái hậu.

Từ Hy Thái hậu tươi cười nói:

- Quân tử thì cũng có lúc sai, như mặt trăng với mặt trời có lúc lẫn lộn với nhau. Biết được lỗi của mình đã là đáng quý lắm rồi. Người biết lỗi vậy là tốt.

Màn kịch này của Thái hậu chẳng qua cũng chỉ là kế hoãn binh mà thôi. Bà ta muốn giảm bớt áp lực chính trị trong và ngoài nước đối với mình, còn ý định phế truất Quang Tự thì không phút nào lảng xuống.

Lý Liên Anh nói:

- Phê truất Hoàng thượng không phải là việc một lúc làm ngay được, phải mời Gia Cát Lượng đến thì mới ổn.

Thái hậu hỏi:

- Gia Cát Lượng nào?

Lý Liên Anh đáp:

- Ngoài Vinh Lộc Thượng thư ra còn ai khác nữa?

Không lâu sau, Thái hậu ra một đạo chỉ, nói dối là Hoàng thượng thánh thể bất an, lệnh thái y đến xem xét. Thái y theo ý của Thái hậu, sau khi bắt mạch xem bệnh đành kê ra một đơn thuốc, bảo thái giám tự tay sắc. Nhưng Hoàng thượng biết mình không bệnh tật, một mực không chịu uống thuốc.

Lý Liên Anh hận Hoàng thượng đến tận xương tận tủy, hằn ghi: “Cái thằng ”vạn tụy” đáng ghét này có giấy giũa mấy cũng chẳng giũa nổi ba ngày”, rồi cho mấy tên thái giám thân thể lực lưỡng cùng đến khuyên Hoàng thượng phục thuốc, nói là lệnh của Thái hậu, không uống không được. Cứ như vậy khiến Quang Tự tức mà phát bệnh. Thái hậu ra lệnh cho nội các hằng ngày đánh công văn đến các tỉnh, thông báo bệnh tình của Hoàng thượng, truyền đốc phủ các tỉnh giới thiệu danh y vào kinh chữa bệnh cho Hoàng thượng.

Đốc phủ các tỉnh không dám kháng chỉ, cứ lần lượt giới thiệu danh y vào kinh. Công sứ các nước tại Bắc Kinh lại tưởng là Hoàng thượng bị bệnh thật, vô cùng chú ý theo dõi sự kiện này. Công sứ Pháp thông báo với triều đình, sẽ cử bác sĩ Pháp vào cung để khám bệnh cho Hoàng thượng. Lý Liên Anh biết được tin này, liền nói:

- Nếu cho bác sĩ Tây vào cung, khám biết Hoàng thượng không có bệnh, sẽ truyền tin đi. Lúc đó mọi người sẽ nói chúng ta lừa dối họ.

Thái hậu nói:

- Người Tây đến, chúng ta cứ tạ tuyệt, nói là Thái y đã chữa lành bệnh cho Hoàng thượng rồi là xong.

Thái hậu chưa nói hết lời thì một thái giám cầm vệ từ ngoài bước vào bẩm: “Bên ngoài có hai người Tây, nói là đến khám bệnh cho bệ hạ”.

Vinh Lộc nói:

- Mau ra ngoài nói lại với họ là Hoàng thượng đã hoàn toàn bình phục rồi, cảm ơn lòng tốt của họ.

Thái giám cầm vệ bước ra ngoài, chẳng mấy sau lại quay vào bẩm:

- Họ nhất định cứ đòi vào cung, nói rằng Hoàng đế quý quốc khỏi bệnh rồi chúng tôi cũng phải vào kiểm tra lại chính xác xem thánh thể còn chỗ nào chưa hồi phục.

Thái hậu nói:

- Vậy thì ra mời họ vào.

Nói xong bà ta liền cho thái giám thị tòng đi mời Khánh Thân vương đến nghênh tiếp, đưa họ vào cung.

Hai bác sĩ người Tây, một già, một trẻ đi vào cung điện. Người già khoảng 50 tuổi, mặt xương xương, tay cầm một chiếc túi da đen, đáng vẻ vô cùng lịch lãm. Người trẻ đi sau chừng 30 tuổi, có

về là trợ lý, mang theo một chiếc túi có dấu hồng thập tự, nói tiếng Trung Quốc cực lưu loát. Khánh Thân vương dẫn họ bước vào phòng ngủ của Quang Tự. Lý Liên Anh cười hì hì, mời hai người ngồi xuống.

Quang Tự nằm trên long sàng, không thèm mở mắt, cũng không hề lên tiếng, trong lòng vô cùng tức tối. Bác sĩ người Pháp dùng ống nghe, kiểm tra kĩ càng ngực và bụng của Hoàng đế, sau đó lấy dụng cụ ra đo huyết áp. Sau một hồi, ông ta nói:

- Tâm trạng của Đại Hoàng đế hoàn toàn bình thường, không còn dấu tích gì của bệnh tật nữa.

Về việc lập Tự, Từ Hy Thái hậu đã tập trung các đại thần thân tín mật nghị. Thái hậu nói:

- Hoàng thượng là do ta nuôi dạy từ nhỏ, nhưng không ngờ không biết ghi ơn lại còn bất hiếu với ta, thậm chí còn cấu kết với bọn gian nhân phía Nam định mưu hại ta. Đồ lấy oán báo ơn như vậy, liệu có xứng làm Hoàng đế hay không? Hơn nữa Hoàng thượng không có con cái, người mang trọng bệnh, để tránh những tai họa về sau, ta định lập Đại A ca nhà Đoan Vương làm Tự quân, các khanh thử cân nhắc xem. Còn ta, ta đã quyết rồi. Đứa trẻ này thông minh hơn người, tất cả các khanh chắc cũng đã biết.

Quần thần nghe xong đều vâng vâng dạ dạ. Thái hậu lại nói:

- Hoàng thượng sau khi thoái vị cũng nên để lại một tên hiệu nào đấy. Về việc phong hiệu, Võ hậu trước kia đã phong Đường Trung Tông hoàng đế là Lý Lăng Vương, Cảnh Thái đế triều Minh khi bị truất ngôi cũng được phong làm Vương. Sách xưa đã dạy, cứ Thế mà làm.

Hai hôm sau, quả nhiên Phổ Tuấn con trai của Đoan Vương được đưa vào cung. Quang Tự bị ép phải thoái vị. Từ Hy Thái hậu lần thứ 3 giả danh Quang Tự, công bố một đạo thượng dụ do chính bà ta cùng Vĩnh Lộc, Lý Liên Anh thảo ra, nội dung như sau:

“Trẫm tuổi còn trẻ, vào cung kế thừa đại thống mọi việc ngừng xin Thái hậu buông rèm chấp chính, ân cần dạy dỗ, từ việc lớn đến việc nhỏ không sai sót điều gì. Bây giờ thời Thế đổi thay, chỉ muốn cố gắng ra công trị quốc, kính báo từ ân, xứng đáng với trọng trách Mục Tông Nghi Hoàng đế đã ủy thác. Bao nhiêu năm nay dân chúng phồn vinh, việc lớn việc nhỏ ngày đêm giải quyết. Trẫm luôn lấy xã tắc giang sơn làm trọng, nên thường xuyên có lòng kính thỉnh Thái hậu chấp chính. Hơn một năm nay, sức khỏe của Trẫm suy giảm nghiêm trọng, việc tể lễ ở giao đàn tể miếu tổ tông cũng không thân hành thực hiện được. Lúc này vận nước nguy nan, ngừng thấy thâm cung ngày đêm lo phiền, không lúc nào được rảnh rang ngồi nghỉ, ăn ngủ không yên. Nhớ xưa tổ tông lập nghiệp gian nan, Trẫm vô cùng lo lắng không sao gánh vác nổi, lại lúc đầu ghé vai gánh vác đã từng vâng theo ý chỉ của Thái hậu, đợi Trẫm có hoàng tử sẽ lập Tự kế thừa Mục Tông Nghi hoàng đế. Mỗi quan hệ liên tiếp như vậy, thật hết sức trọng đại, lo lắng đến điều đó, thật không thể dung thứ cho mình, song bệnh tật nhiều, mong sao khỏi được! Lần nữa cúi xin Thánh từ, chọn trong tôn thất người gần nhất, cẩn thận hiền hậu, lập Tự nối dõi dòng Mục Tông Nghi Hoàng đế để vì tương lai đại thống. Tha thiết khẩn cầu mong được chấp thuận, lấy Phổ Tuấn con của đã là Đoan Vương Tải Y làm con kế thừa Mục Tông Nghi hoàng đế Khâm thừa ý chỉ, hân hạnh vô cùng, kính cẩn nghênh tôn từ huấn, phong con trai của Tải Y làm hoàng tử, đem đạo dụ này báo cho biết, khâm thờ.”

Sau khi Đạo thượng dụ này được ban bố, Hoàng đế Quang Tự mới biết. Quang Tự xem xong, ứa hai hàng nước mắt.

Sau biến pháp Mậu Tuất, Chu Hồng Đăng lãnh đạo Sơn Đông Nghĩa Hòa Đoàn khởi nghĩa. Ngày 14/3/1899 (ngày 3 tháng 2 năm Quang Tự thứ hai mươi lăm) triều đình phong kiến nhà Thanh đã cử Dục Hiến làm Tuần phủ Sơn Đông. Dục Hiến sau khi nhận chức đã dẹp được Chu Hồng Đăng lùi về tận Sâm là điện nằm giữa bình nguyên với huyện Ân. Triều đình nhà Thanh lại tiếp tục đưa xuống cho Sơn Đông một đạo chỉ dụ rằng: “Nghĩa Hòa quyền dân nổi tiếng là cừu giáo. Ngụ dân

phần lớn đã trở thành phản loạn, lệnh Tuần phủ Sơn Đông nghiêm trị.”

Dục Hiền lập tức truyền lệnh cho Lữ Xương Di ở phủ Tế Nam thi hành mệnh lệnh, sau đó phái một đội quân đi dẹp. Chẳng ngờ bị quyền dân đánh lại, binh tướng bị giết đến vài chục người, đại bại quay về. Dục Hiền lúc đó mới cảm thấy được sức mạnh của quyền dân. Ông ta tin rằng khi công, quyền thuật mà quyền dân sử dụng có thể chống lại được vũ khí, muốn họ quay đầu trở lại để dùng lực lượng này chống trả ngoại bang xâm lược.

Lúc này, nước ngoài bắt đầu lên tiếng phản đối việc đưa Đại A ca lên ngôi. Khang Hữu Vi đã thành lập “Hội bảo cứu Đại Thanh Hoàng đế” ở Canada, viết bài gửi cho nhiều tòa báo ở châu Âu, phản đối việc đưa Phổ Tuấn lên ngôi, tiếp tục làm bù nhìn, khiến cho chính phủ các nước hết sức chú ý, điện báo cho các sứ thần đang ở Đại sứ quán tỏ rõ quan điểm ủng hộ Hoàng đế Quang Tự, phản đối sự độc tài của Từ Hy.

Tải Y thấy việc phế, lập Hoàng đế cứ dằng dằng mãi không có quyết định rõ ràng, cho rằng người Tây ở nước ngoài chọc gậy bánh xe, khiến cho con trai mình không được làm Hoàng đế, liền nắm chặt lấy Dục Hiền, người đã nắm được quyền lãnh đạo Nghĩa Hòa quyền Sơn Đông, giục ông này cấp tốc tiến hành chống lại người Tây. Dục Hiền nhận được một bức mật thư của Tải Y, dặn dò ông ta phải ra sức bảo vệ quyền dân, không cần phải tuân theo thánh chỉ tiêu diệt họ.

Dục Hiền được tin con trai của Đoan Vương có thể được lên ngôi Hoàng thượng liền đứng về phía Đoan Vương Tải Y, lập tức viết thư chúc mừng Đoan Vương, đồng thời thông báo: “Có một loại thần quyền gươm đao không chạm được vào người, đúng là thiên thần truyền xuống thế gian để phò trợ nhà vua mới, hoàn toàn có thể dựa vào sức mạnh của Nghĩa Hòa quyền chống lại ngoại bang.”

Đoan Vương nhận được mật báo của Dục Hiền, trong lòng vô cùng sung sướng cho rằng nhiều thiên binh thiên tướng như vậy xuống trần, chắc chắn sẽ đối phó được với lực lượng ngoại bang. Vậy nên lập tức vào tấn kiến Thái hậu, bẩm báo việc này, Từ Hy nghe xong, nói:

- Đây là tà thuật làm mê hoặc con người, không thể tin được. Dục Hiền sau khi nhận được chỉ thị của Đoan Vương, lòng thầm hi vọng sau này được vua mới che chở liền lập tức xuống lệnh khen thưởng quyền dân, đổi tên Nghĩa Hòa Quyền thành Nghĩa Hòa Đoàn, tự mình chỉ huy ngày đêm luyện tập. Ông ta cho phép Nghĩa Hòa Đoàn công khai hành động dưới danh nghĩa “Phục Thanh diệt Tây”.

Nghĩa Hòa Quyền đổi tên thành Nghĩa Hòa Đoàn, lại được Dục Tuần phủ đứng sau ủng hộ, tinh thần chống giặc Tây càng lên cao ngùn ngụt. Đầu tiên, họ giết chết các cha cố ở các nhà thờ của người Tây, thậm chí giết cả những giáo đồ theo Thiên Chúa giáo. Tỉnh Sơn Đông bấy giờ có hơn 100 huyện, huyện nào cũng có nhà thờ, như vậy số người bị giết nhiều biết bao nhiêu! Dục Hiền thấy vậy liền ra lệnh cho Nghĩa Hòa Đoàn chỉ được giết các mục sư, cha cố người Tây chứ không được giết giáo đồ ở nhà thờ. Họ cũng là người dân Trung Quốc, chỉ cần biết bỏ đạo, cải tà quy chính, quyết tâm làm lại từ đầu thì đều được bảo vệ.

# Hồi thứ hai mươi: CỬ ĐẠI THẦN NGẦM ĐẾN PHỦ TRÁC CHÂU CHIẾU QUYỀN DÂN TUYÊN CHIẾN QUÂN TÁM NƯỚC

Nghĩa Hòa Đoàn Sơn Đông được Dục Hiền ủng hộ liên liên tiếp đốt phá giáo đường, giết chết giáo sĩ, người nước ngoài vô cùng căm tức Dục Hiền. Ngày 5/12/1899, Công sứ Mỹ một mực yêu cầu triều Thanh cất chức Dục Hiền, gợi ý trọng dụng Viên Thế Khải, đưa tân binh mới được luyện tập ở tiểu trạm Thiên Tân đến Sơn Đông trấn áp Nghĩa Hòa Đoàn.

Tối đó, triều đình điện lệnh triệu tập Dục Hiền về cung.

Viên Thế Khải đến Sơn Đông, kết tội Nghĩa Hòa Đoàn và quyền dân có liên hệ với Nghĩa Hòa Đoàn là “quyền phi”, nhất loạt bị giết chết. Thủ lĩnh Đại đao hội là Chu Hồng Đăng cũng bị bêu đầu thị chúng.

Suốt mấy tháng liền, Viên Thế Khải đã tiêu diệt tận gốc những đám quân Nghĩa Hòa Đoàn ẩn hiện ở các huyện Đông Xương, Tào Châu, Tế Ninh, Duyên Châu, Tế Nam. Ở rất nhiều thôn trang, trên cành cây bên đường lủng lẳng không biết bao nhiêu cái đầu lâu còn bệ bết máu.

Dục Hiền phụng chiếu về đến Bắc Kinh, việc đầu tiên là đến phủ Doan Vương bái kiến Doan Vương. Dục Hiền nói:

- Muốn Trung Quốc có được nền tự chủ trước hết phải tiêu diệt bọn người Tây. Nghĩa Hòa Đoàn thần thông lợi hại, hoàn toàn có thể tin cậy vào họ được.

Tải Y nói:

- Lý Hồng Chương không tin, Thái hậu cũng không tin.

Dục Hiền nói:

- Trẫm nghe không bằng một thấy. Nếu Thái hậu tận mắt nhìn thấy mới có thể chứng thực cho lời nói của văn sinh.

Doan Vương nói:

- Thái hậu thường rất tin tưởng ta, nhưng trong vấn đề Nghĩa Hòa Đoàn thì chưa chắc đâu. Ngày mai, ngươi sẽ cùng ta vào bái kiến Thái hậu.

Hôm sau, Doan Vương và Dục Hiền cùng vào bái kiến Thái hậu, kể cho Thái hậu nghe rất nhiều chuyện thần thánh của Nghĩa Hòa Đoàn. Dục Hiền nói:

- Trẫm nghe không bằng một thấy, thần đã nhìn tận mắt có người dùng dao liên tục chặt mấy lần vào đầu đoàn dân, mà vẫn không đứt.

Từ Hy Thái hậu đã từng nghe nói Nghĩa Hòa Đoàn khi giao chiến với quân thù, đao kiếm không chạm được vào da thịt, bèn nói với Dục Hiền:

- Ngày nay, người Tây đã can thiệp vào việc triều chính, ta không thể không điều ông đi nơi khác. Ta quyết định cử ông làm Tuần phủ Sơn Tây. Việc liên quan đến Nghĩa Hòa Đoàn, cần phải

thận trọng suy xét lại. Ông cứ đi trước, ta và các đại thần sẽ họp bàn thương lượng rồi quyết định sau.

Sau khi về cung Thái hậu liền đem những chuyện phi thường của Nghĩa Hòa Đoàn kể lại cho Vinh Lộc phu nhân nghe. Vinh Lộc vốn là người ở Kỳ Chính Bạch Mãn Thanh, họ là Qua Nhĩ Giai thị, đã từng nhận chức Viên ngoại lang của ngân khố bộ Hộ vào năm Hàm Phong thứ 9. Lúc đó, Triều đình ban hành ngân phiếu và tiền giấy, Vinh Lộc liền câu kết với bọn thương nhân, tham ô tiền của. Vì thế mà bị bắt. Thượng thư bộ Hộ lúc đó là Túc Thuận đã tấu lên triều đình đòi xử trảm. Họ hàng Qua Nhĩ Giai thị đã bỏ một khoản tiền lớn lo lót quan trên quan dưới mới tránh được tội chết cho hắn. Những năm Đồng Trị, Vinh Lộc lại bỏ ra một món tiền, mua được chức Hậu bổ đạo viên hàm, rồi chuyển sang doanh trại thần cơ, nhận chức Dục trưởng, sau được thăng lên chức Phó thống. Vinh Lộc tiếp tục dựa vào Cung Thân vương Dịch Hân, được điều vào bộ Hộ, kiêm chức Tổng quản nội vụ phủ đại thần, năm Quang Tự đầu tiên, được thăng chức Thống lĩnh thực bộ quân, năm Quang Tự thứ tư được thăng lên Công bộ Thượng thư, sau đó do tham ô, hắn lại bị bãi miễn chức quan, mãi đến năm Quang Tự thứ 17, mới được phong Tây An tướng quân. Năm Quang Tự thứ 20, nhân dịp vào cung chúc thọ Từ Hy Thái hậu 60 tuổi, Vinh Lộc lại đến cửa Cung Thân vương Dịch Hân, thông qua mối quan hệ của Dịch Hân, bắt quen được với Lý Liên Anh. Hắn nhận ra rằng nếu qua được cửa của Lý Liên Anh thì con đường mở đến kinh thành sẽ không còn khó khăn nữa. Vinh Lộc đã đem rất nhiều châu báu, cổ vật... trong nhà đến biếu Lý Liên Anh, Lý Liên Anh liền hết sức ca ngợi hắn trước mặt Thái hậu. Quả nhiên Vinh Lộc được Thái hậu tin cậy, giao cho chức Thống lĩnh quân bộ Bắc Kinh, chuyên nắm binh quyền.

Vinh Lộc hết sức ca ngợi tài năng đức độ của vợ mình với Lý Liên Anh. Lý Liên Anh làm loa phát thanh truyền tin đến tai Thái hậu. Từ Hy lập tức triệu Vinh Lộc phu nhân vào cung. Bà ta quả thật là biết ăn biết nói, biết lẽ trái phải, miệng dẻo như kẹo, rất vừa lòng Thái hậu. Thái hậu trong những năm về già còn đứng ra tác hợp cho con gái của Vinh Lộc với Thuần Thân vương Tải Phong. Hai người sinh ra Phổ Nghi. Chính vì Thế mà Vinh Lộc sau này đã trở thành ông ngoại của Tuyên Thống đế. Nhưng đó là chuyện về sau.

Trở lại chuyện Thái hậu kể lại cho Vinh Lộc phu nhân nghe chuyện Nghĩa Hòa Đoàn, bà này nói:

- Vinh Lộc thường không tin Nghĩa Hòa Đoàn có phép thuật linh thiêng. Tì tử cho rằng cứ cứ người đi đến tận nơi điều tra cận kề mới biết rõ được Nghĩa Hòa Đoàn bản lĩnh ra sao.

Thái hậu cho lời bà ta nói là rất phải.

Một mặt Từ Hy Thái hậu lệnh cho Dục Hiền chuyển sang làm tuần phủ Sơn Tây, mặt khác triệu kiến hai vị đại thần Triệu Thụ Kiều, Cương Nghị vào cung. Thái hậu nói với họ:

- Theo lời tấu của Dục Hiền, Nghĩa Hòa Đoàn tài giỏi phi thường. Vậy hai ông hãy đến cứ điểm của Nghĩa Hòa Đoàn kiểm tra thực tế, quay về bẩm báo rồi chúng ta sẽ có quyết định sau.

Cương Nghị và Triệu Thụ Kiều ra khỏi cung, trên đường về hai người rỉ tai nói nhỏ với nhau:

- Lần này Thái hậu đúng là đã đẩy chúng ta vào chỗ chết. Nếu đi Sơn Đông thì thật là có đi mà không có về. Tên tiểu nhân Dục Hiền đã trốn ở Sơn Tây, Viên Thế Khải cũng phải đem theo tân binh mới được luyện tập ở tiểu trạm mới dám đến Sơn Đông đấy.

Triệu Thụ Kiều nói:

- Không đến Sơn Đông thì có Thế thắng đến Trác Châu Trực Lệ. Nghe nói đây chính là cứ điểm của Nghĩa Hòa Đoàn.

Cương Nghị nói:

- Đây là cứ điểm thì đây là hang ổ quân giặc.

Triệu Thư Kiều đáp:

- Không vào hang hổ sao bắt được hổ con?

Cương Nghị nói:

- Nếu không bắt được hổ con, chẳng phải là sẽ bị hổ bố ăn sống nuốt tươi sao?

Cuối cùng, hai người quyết định đi tiếp, đến nơi hẵng hay.

Nghĩa Hòa Đoàn ở Sơn Đông bị Viên Thế Khải làm cỏ cho một trận, đều chạy dồn cả về Trục Lệ. Nghe nói Dục Hiền đã nhận chức tuần phủ Sơn Tây liền lũ lượt kéo nhau về Sơn Tây, khiến cho Nghĩa Hòa Đoàn Sơn Tây càng thêm lớn mạnh.

Dục Hiền tăng cường huấn luyện quyền dân, lệnh cho các huyện chế tạo đao sắt. Đoàn dân mỗi người có một dao giắt ở thắt lưng, khiến cho mục sư, cha cố ở Ứng Châu, Hồn Nguyên, Dương Cao, Phong Điền, Đại Đồng... không còn chỗ dung thân. Nghĩa Hòa Đoàn công bố, những giáo dân đã bị lừa gạt mê muội, nếu muốn cải tà quy chính, bỏ đao sẽ được bảo hộ an toàn. Một lần, có ngôi nhà thờ ở phủ Bình Dương bị Nghĩa Hòa Đoàn đốt cháy, huyện phủ Bình Dương trong công văn đã gọi Nghĩa Hòa Đoàn là “phỉ”. Dục Hiền thấy được, trong công văn phúc đáp lớn tiếng trách mắng, nói Đoàn dân Nghĩa Hòa Đoàn đều là lương dân yêu nước.

Lý Hồng Chương biết việc Thái hậu nghiêng về phía Nghĩa Hòa Đoàn, tin tưởng vào yêu thuật của họ, lại muốn lợi dụng sức mạnh của Nghĩa Hòa Đoàn để đối phó lại lực lượng nước ngoài sẽ dẫn đến tai họa lớn nên có ý muốn rời đi nơi khác. Vừa mà y viên Tổng đốc Lương Quảng là Chung Lân mắc tội, bị giáng chức. Lý Hồng Chương nghe tin liền đi tìm Lý Liên Anh. Lý Liên Anh nói với Thái hậu:

- Chung Lân bị giáng chức, cứ cho Lý Hồng Chương đi thay là ổn.

Thái hậu lập tức phê chuẩn. Lý Hồng Chương biết việc đã xong, trong lòng vui vẻ, vô cùng cảm ơn Lý Liên Anh đã đỡ lời cho, vội vàng đến khấu kiến Thái hậu rồi lên đường đi ngay.

Ngày 6/5/1900, Triệu Thư Kiều, Cương Nghị bắt đầu xuất phát từ Bắc Kinh, lên đường đến thành Trác Châu, cứ điểm của Nghĩa Hòa Đoàn.

Trước lúc lên đường, hai người đến nhận lệnh chỗ Thái hậu. Thái Hậu nói:

- Tôn chỉ của Nghĩa Hòa Đoàn là phù Thanh diệt Tây, những quyền dân trung quân ái quốc này đương nhiên đáng được khen ngợi, nhưng e rằng bọn xấu cũng đã len lỏi vào trong hàng ngũ của họ. Trẫm nghe không bằng một thấy, lần này hai ông ra đi phải làm cho rõ xem có thật là Nghĩa Hòa Đoàn có khả năng tránh được súng đạn đao thương hay không. Biết rõ rồi chúng ta sẽ tìm cách giải quyết.

- Chúng thần đi lần này nhất định sẽ điều tra sáng tỏ ngọn ngành.

Hai người trước khi đi, cũng đến thỉnh giáo Đoan Vương. Đoan Vương cổ vũ họ một hồi, điều thêm một tiểu đội bộ binh, một tiểu đội kỵ binh tùy tùng.

Cương Nghị, Triệu Thu Kiều đi xe ra khỏi Vĩnh định Môn, đến thành trì Mã Gia, liền gọi quan địa phương ở đây đến hỏi tình hình. Quan địa phương nói:

- Hiện nay, Nghĩa Hòa quyền có khoảng năm, sáu vạn người, tập trung cả ở vùng Trác Châu. Lư Câu Kiều hiện đang cố dừng binh trấn thủ.

Hai người Triệu, Cương chuẩn bị đến Trác Châu xem rõ thực hư. Từ Mã Gia đến Lư Câu Kiều, họ dừng lại ăn trưa ở nhà hàng Hiếu Nguyệt. Nghỉ ngơi một lúc, lại tiếp tục lên đường, qua Trường Tân điểm, đến địa phận huyện Lương Hương. Cương Nghị nói:

- Sáng mai chúng ta có Thể đến Trác Châu rồi, không vào hang hổ không bắt được hổ con...

Chưa nói hết câu thì quan tri sự huyện Lương Hương là Tôn Gia Lợi đã xuất hiện, nghênh đón hai vị Khâm sai đại thần.

Tối hôm đó nghỉ lại ở huyện Lương Hương, Cương, Triệu liền hỏi han tình hình Nghĩa Hòa Đoàn. Tôn Gia Lợi thưa:

- Bì huyện phụng chỉ đã niêm yết cáo thị, cấm quyền dân luyện tập. Quyền dân muốn có được thân hình rắn chắc, dao kiếm không chạm được vào người thì phải được uống nước thánh ở sông Lư Ly. Từ khi bì huyện đuổi đi, tình hình của họ ra sao, bì huyện không rõ lắm!

Ba người vẫn đang nói chuyện thì Tri sự huyện Trác Châu là Tư Đồ Ích đang lánh nạn ở Lương Hương xin vào khấu kiến khâm sai đại nhân. Hai người Cương, Triệu liền hỏi:

Cương Nghị đáp:

- Nhà ngươi tại sao không ở Trác Châu, đến Lương Hương có việc gì?

Tư Đồ Ích đáp:

- Em trai của bí chức ở Trác Châu bị Nghĩa Hòa quyền cho là chó săn nên đã giết chết, bêu đầu làm gương. Chính vì Thế, bí quan phải dắt theo gia quyền, chạy suốt đêm đến Lương Hương lánh nạn.

Cương Nghị hỏi:

- Quyền dân ở Trác Châu bây giờ tất cả có bao nhiêu?

Tư Đồ Ích đáp:

- Trong thành ngoài thành ai ai cũng là quyền dân cả, bì huyện cũng không biết có bao nhiêu.

Triệu đại thần nghe vậy, nổi cơn thịnh nộ quát:

- Cái loại quan phụ mẫu như nhà ngươi liệu có ích gì? Hỏi có bao nhiêu quyền dân thuộc địa phận mình cai quản cũng không biết. Nhà ngươi phạm tội trốn tránh không làm tròn nhiệm vụ, biết không?

Cương Nghị hỏi:

- Vậy rốt cuộc nhà ngươi chạy đến Lương Hương bao lâu rồi?



- Dạ thưa, gần... gần hai tháng rồi ạ.

Triệu Thư Kiều nói:

- Tóm lại tình hình quyền dân ở Trác Châu như thế nào, nhà ngươi hãy mau mau nói ra.

Tư Đồ Ích đáp:

- Bọn loạn dân này không có khuôn phép kỷ cương gì cả. Chúng đi đến đâu là tìm mọi cách để bắt bớ tống tiền đến đó. Hễ có viên quan nào phản đối hay chống cự, chúng đều cho là chó săn chỉ biết nghe lời chủ...

Cương Nghị đập bàn đánh rầm một cái, đến Triệu Thư Kiều cũng phát khiếp, còn Tư Đồ Ích và Tôn Gia Lộc thì hồn phách lên mây. Triệu Thư Kiều bình tĩnh lại được, hiểu ngay ra rằng những điều mà Tư Đồ Ích vừa nói là hoàn toàn xằng bậy khác hẳn với tôn chỉ của Nghĩa Hòa Đoàn mà Thái hậu đã nói.

Cương Nghị nói:

- Khẩu hiệu của Nghĩa Hòa Đoàn là bảo vệ Trung Nguyên, tiêu diệt bọn giặc Tây, nhà ngươi sao dám gọi quyền dân yêu nước là đạo tặc?

Tôn Gia Lộc thấy sự việc không ổn, liền cất giọng nói:

- Theo bí chức được biết, Nghĩa Hòa quyền dân quả thực là những dân bình yêu nước. Họ vô cùng căm hận bọn tham quan ô lại.

Triệu Thư Kiều nói với Tư Đồ Ích:

- Như thế là đã quá rõ ràng. Nếu nhà ngươi không phải loại tham quan ô lại thì tại sao lại phải chạy tới đây lánh nạn, chẳng phải là quá sợ quyền dân đó sao! Nếu nhà ngươi thanh liêm, cố nhân đã nói: “vô dục tắc cương”, không tham lam bẩn thỉu thì chắc hẳn nhà ngươi đã truyền gọi bọn họ, thì đã nắm chắc được tình hình của họ như trong lòng bàn tay chứ.

Tôn Gia Lộc khôn khéo hơn Tư Đồ Ích, nghe vậy liền nói:

- Thống lĩnh họ Dương của bản huyện có lần đã thông báo lệnh truyền gọi Đại Sur huynh của Nghĩa Hòa Đoàn, vậy là bị họ cho rằng đã phi báng, coi thường thánh thần, liền phái ngay Nhị Sur huynh đến giết chết rồi.

Cương Nghị nghe xong, sợ rợn cả người, nghĩ đến bà vợ ba của mình vàng bạc châu báu đầy nhà. Vạn nhất tên Đại Sur huynh kia biết được thì không biết sẽ ra sao. Tuy vậy, vẫn cố làm ra vẻ điềm nhiên nói:

- Vậy thống lĩnh họ Dương kia nhất định phải là một tên quan ô lại. Tôn Gia Lộc nói:

- Bí chức trộm nghĩ, hôm nay có khâm sai đại thần ở đây, thì có thể truyền gọi anh em họ đến. Nghe nói sông Lưu Ly, miếu Quan Đế chính là thánh đàn của họ. Xưa nay vẫn truyền rằng nước sông Lưu Ly nổi tiếng là nước thánh, cho nên đã thành lệ uống nước thánh ở đó rồi. Sông Lưu Ly cách đây không đến 20 dặm, nếu sai người tin cậy đi báo tin có khâm sai đại thần đến, truyền gọi cả hai anh em họ, chắc họ sẽ vui mừng mà đến.

Triệu Thư Kiều nghe nói đến việc truyền gọi Đại Sur huynh, trong lòng thầm nghĩ lành ít dữ

nhiều, nhưng cũng còn mà y vì một số quân đi theo hộ tống, nếu xảy ra chuyện gì cũng có thể chống cự được. Triệu Thụ Kiều đưa mắt nhìn sang Cương Nghị. Cương Nghị lúng túng một lát, nói:

- Đã vậy thì gọi Trát doanh tổng Hồ Thần dẫn theo một tiểu đội quân do viên tri sự Trác huyện là Tư Đồ Ích dẫn đường, đến sông Lưu Ly truyền gọi Đại Sư huynh của Nghĩa Hòa Đoàn tới đây.

Tư Đồ Ích nghe vậy, sợ vãi đái ướt hết cả quần. Trát doanh tổng kia trong lòng cũng cảm thấy run run. Nhưng tên này rất khôn ngoan, liền nói:

- Nếu đưa cả một tiểu đội đi, rầm rầm hùng mạnh, Đại Sư huynh nhất định sẽ nghĩ rằng chúng ta đến tiêu diệt ông ta, và Tri sự Tư Đồ cũng không nhất thiết phải dẫn đường đâu, bí chức đã có cách rồi, chỉ cần một vài tên lính cưỡi ngựa theo tùy tùng là đủ, xin kính mời hai vị khâm sai đại thần đưa danh thiếp mời Đại Sư huynh. Họ cho rằng Khâm sai đại thần của triều đình mới tới thì nhất định sẽ không còn lý mà chối cãi nữa.

Hai người Triệu, Cương thấy rất có lý, lập tức lấy danh thiếp trong người ra đưa cho Trát doanh tổng. Lúc này, Tư Đồ Ích mới bỏ được hòn đá nặng trên ngực, thầm biết ơn thánh thần phù hộ. Nếu không, đến Trác huyện thì chỉ có đường chết mà thôi. Mà chết như vậy, thì uổng phí quá.

Khi Trát Doanh tổng cùng hai tên lính kỵ binh lên ngựa, hai vị Triệu, Cương luôn mồm dặn:

- Đến đó nói chuyện với họ phải thật khéo mồm khéo miệng uyển chuyển lọt tai, nhớ phải chuyển lời hỏi thăm của chúng ta đến họ trước đây nghe!

Trát doanh tổng cùng hai tên lính lên ngựa, nhằm thẳng hướng Quan Đế miếu sông Lưu Ly mà đi. Trên đường, Trát doanh tổng nghĩ: “Nghĩa Hòa Đoàn thật là ghê gớm, đến Dương thống lĩnh cũng còn bị giết, huống hồ ta chỉ là một viên quan tốp riu. Nếu có nói sai lời gì, thì mình chắc khó mà giữ nổi cái mạng này. Chết rồi lại còn mang tiếng là gian tế. Hơn nữa, mười năm trước mình cũng đã nhả mặt địa giới huyện này, thời gian tuy khá lâu rồi, nhưng chẳng may bọn dân ở đây nhận ra thì biết chạy sao cho thoát. Mấy năm tại đây, mình xoay vô khối quân lương, nếu Đại Sư huynh dùng chiếu yêu kính soi thấy mặt, chỉ có toi mà thôi. Đã vậy mấy năm kia mình ăn quen ở Hoàng An đạo đông cách điểm Cư Đậu năm dặm, nếu họ nhận ra mặt mình, đừng nói họ tóm lấy mình nộp cho Đại Sư huynh, mà đưa mình đến cho quyền dân, thì ai tha mạng cho mình.

Lão vừa đi vừa nghĩ, bất giác đã đến một quán trà ở quân trạm Đậu điểm. Còn mười dặm nữa mới đến được miếu Quan Đế sông Lưu Ly, bỗng nhớ ra là có người vùng này báo cho lão biết, ở đây năm xưa người ta gọi là Cựu điểm, qua mấy lần đổi tên, không biết bây giờ gọi là Đậu điểm hay là gì? Lão suy nghĩ đến nát cả óc, bỗng nảy ra một mẹo, nói với hai tên tùy tùng: “Chúng mày đi tìm hai người dân làng lại đây, phải ăn nói mềm mỏng một chút, không được dọa dẫm người ta đâu đấy”.

Hai tên tùy tùng đi một lát, quả nhiên bắt gặp hai người, khoảng năm mươi tuổi. Trát Tổng quản nói:

- Phiên hai ông vất vả quá.

Một trong hai người kia nhận ngay ra lão liền nói:

- Ôi, ngài đích thị là Trát đại nhân rồi!

Trát doanh tổng nghe vậy giật mình thầm nghĩ đã lâu quá rồi mà sao vẫn nhận ra mình, vội nói:

- Ông nhận nhầm người rồi. Tôi không phải họ Trát.

Ông già kia lập tức hiểu ra: “Nhất định là sợ ta nhận ra hấn rồi”, liền già bộ nói:

- Người trong thiên hạ sao giống nhau quá. Thật xin lỗi ngài. Trát doanh tổng hỏi:

- Hai vị tên gì?

Ông già đáp:

- Tiểu dân họ Tống, còn ông kia họ Cao. Hai người Tống, Cao cùng đồng thanh hỏi:

- Có việc gì ngài muốn hỏi tiểu nhân?

Trát doanh tổng đáp:

- Xin hỏi Trác Châu bên kia sông Lưu Ly có tất cả bao nhiêu thần đoàn?

Ông già họ Cao đáp:

- Thần đoàn đâu có số lượng rõ ràng. Hôm nay có 7, 8 trăm người, ngày mai đã là 7, 8 nghìn người rồi. Bây giờ nhìn thấy một tốp, lúc nữa lại thấy đầy người là người, chẳng biết ai với ai nữa rồi. Thần binh thì quả là lợi hại vô cùng. Tri phủ Trác Châu là một tên tham quan, nghe nói Đại Sư huynh sẽ giết mình nên nửa đêm phải dắt díu cả phu nhân lẫn tiểu thư chạy trốn.

Trát doanh tổng đã rõ huyện quan Tư Đồ Ích hóa ra phải chạy trốn vì lẽ đó. Ông ta lại nói với hai người dân:

- Tôi được hai vị khâm sai đại thần là Cương đại nhân và Triệu đại nhân phái đến. Tôi đây có danh thiếp của hai vị đại nhân, vậy nhờ hai ông chuyển danh thiếp đến Quan Đế điện ở bên sông Lưu Ly, mời Đại Sư huynh hôm nay đến khấu kiến khâm sai đại nhân, có việc gấp cần bàn.

Hai ông Tống, Cao tỏ ý không muốn đi, nói:

- Tiểu nhân không dám đi. Ngài hãy tự mình đi đi.

Trát doanh tổng vốn là một tay nổi tiếng ăn bớt tiền lương tiền thưởng của binh lính, nào dám tự mình đi đến thánh đàn, liền nói:

- Ta mặc quân phục, không tiện đi lại. Xin nhờ hai ông mời Đại Sư huynh đến đây cùng ta về Lương Hương khấu kiến hai vị khâm sai đại thần. Nếu như hai ông mời được Đại Sư huynh đến đây, ta lập tức sẽ thưởng mỗi người 20 đồng bạc tròn.

Hai ông già nghe đến 20 đồng bạc thì đưa mắt nhìn nhau. Ông họ Tống nói:

- Hay lắm, hay lắm! Nhưng nếu Đại Sư huynh chỉ cần nói một câu thôi thì cả hai chúng tôi sẽ trở thành chó săn, không biết sống chết ra sao.

Ông họ Cao nói:

- Không làm việc xấu, mà quý cũng chẳng thể đến nhà.

Trát doanh tổng nghe vậy, trong lòng vô cùng sung sướng, liền lấy từ thắt lưng ra 40 đồng bạc lấp lánh. Hai ông già, sau khi đã nhận mỗi người 20 đồng, liền cầm lấy 2 tấm danh thiếp chữ đỏ. Họ Trát dặn đi dặn lại hai ông này khi đưa danh thiếp phải thật cung kính. Trước khi hai ông họ Cao,

Tổng lên đường, Trát doanh tổng còn dặn với:

- Nếu mời được Đại Sư huynh đến đây ta sẽ thưởng gấp đôi, gấp ba lần.

- Tuy vậy, hai ông già đi rồi, họ Trát lại lo họ ra đi mà không quay lại.

Hai ông già đi bộ hơn 10 dặm, đến sông Lưu Ly miếu Quan Đế. mà y đứng vào lúc Đại Sư huynh thăng đàn, miệng đang xì xì thở khói.

Đại Sư huynh nhìn thấy hai ông già quỳ ở bên dưới, liền chỉ tay, lớn tiếng hỏi:

Người đang quỳ dưới kia là ai, mau đứng dậy có chuyện gì thì cứ nói ra.

Hai người vội vàng nói rõ danh tánh của mình, rồi đưa lên hai tấm danh thiếp của khâm sai đại thần, nói:

- Có người phụng lệnh của khâm sai đại nhân do Hoàng thượng phái đến, kính mời Đại Sư huynh đến Lương Hương huyện, có chuyện gấp cần bàn.

Đại Sư huynh nhìn hai tấm danh thiếp của khâm sai đại thần, nói:

- Ta là thiên thần thượng giới, chẳng lẽ lại đi gặp lũ quan nam tặc nữ yêu đó sao. Tây Thái hậu muốn xoay vần thời thế, nhưng sức của bà ta sắp cạn rồi. Bà ta cũng sắp hoàn thành sứ mệnh của Tiên đế mà quay về với tiên tổ rồi.

Đương kim Hoàng thượng cũng nhắm mắt mà tuân theo những gì bà ta nói ra. Các ngươi mau mau nói với hai tên cầu quan ấy rằng hãy cố gắng vì nước vì dân, nếu không thì hãy cẩn thận mà giữ cái đầu chó của bọn chúng, cấm không được bao che cho lũ chó thầy tu ở các nhà thờ.

Các ngươi hãy mau đi đi!

Hai ông Cao, Tổng đang quỳ dưới đất, nghe Đại Sư huynh nói vậy, sợ tưởng chừng ngất xỉu ngay tại chỗ. Mãi đến lúc nghe thấy tiếng quát: “Hai người không mau đi đi, còn đợi đến lúc nào nữa hả?” mới giật mình tỉnh ra, vội vàng khấn đầu lui ra.

Trên đường đi, họ Tổng nói:

- Bây giờ chúng ta cứ bỏ đi thì hơn, tạm thời cứ trốn vào chỗ nào đó là được.

Nhưng họ Cao lại nói:

- Không được, không được. Chúng ta vẫn phải quay lại Đâu điểm để gặp ông doanh tổng ấy. Ta cứ nói là Đại Sư huynh thấy danh thiếp của hai vị khâm sai đại nhân liền đốt hương rút quẻ, cầu Bao đại nhân nhập đàn, rồi chỉ trích hai vị khâm sai đại thần là lũ họa quốc hại dân, bao che cho bọn Thiên chúa giáo, lợi dụng luật pháp triều đình để làm càn, rồi lệnh cho quyền dân mau đi lùng bắt các vị. Như vậy, lão ta sẽ sợ mất mặt, phải lập tức về Lương Hương bẩm báo với khâm sai đại nhân. Khi lão ta sợ hãi thì chúng ta đòi bao nhiêu tiền mà chẳng phải đưa ra. Như thế không tốt hay sao?

Họ Tổng nghe xong, lập tức đồng ý.

Hai người về đến Đâu điểm liền nói lại với Trát doanh tổng:

- Thừa doanh tổng, không xong, không xong rồi. Đại Sư huynh đã sai

người đi bắt khâm sai đại thần rồi. Đại Sư huynh sau khi nhìn thấy hai tấm danh thiếp liền thấp hương xin quẻ, nói là Bao Đại nhân đã nhập đàn, liền sai 5 vạn quyền dân đi bắt khâm sai.

Trát doanh tổng nghe vậy mặt cắt không còn giọt máu nào, vội vàng hỏi:

- Thế năm vạn quyền dân đã đến chưa?

- Họ đang chinh đồn đội ngũ. - Họ Tổng trả lời.

Trát doanh tổng vội vàng quát tháo hai tên tùy tùng chuẩn bị ngựa. Họ Cao bỗng nắm chặt lấy ông ta nói:

- Ngài không thể đi được. Hai chúng tôi suýt nữa thì mất mạng, nếu ngài không trả thêm tiền cho chúng tôi thì đừng hòng mà đi.

Trát doanh tổng lắp bắp: “Ta trả, ta trả”, rồi vội rút ra một nắm tiền đồng, không kịp đếm, cứ Thế vút về phía hai người rồi vội vàng lên ngựa phóng thẳng.

Hai người họ Cao và họ Tổng liền thu tiền lại đếm, tất cả được 68 đồng, liền chia đôi mỗi người một nửa. Họ Tổng nói:

- Ông thật không hổ với cái họ “Cao” của mình, quả là rất cao minh. Nếu như sau khi gặp Đại Sư huynh liền cơ giò chạy trốn thì giờ đâu được món tiền lớn như thế này!

Trát doanh tổng lên ngựa, cố phi cho thật nhanh, trong lòng vô cùng lo sợ quyền dân đuổi kịp, một mạch đến tận huyện Lương Dương. Vừa xuống ngựa, ông ta vội sông sộc chạy vào đại sảnh, hồn hèn thưa với hai vị khâm sai:

- Hai vị đại nhân, không xong rồi, không xong rồi!

Họ Triệu và họ Cương thấy Trát doanh tổng sợ hãi như vậy vội hỏi:

- Tại sao không xong, mau nói đi!

Trát doanh tổng liền thuật lại những lời họ Cao và họ Tổng vừa nói, lại thêm vào một ít mắm muối rằng:

- Bì chức đến sông Lưu Ly Quan Đế miếu, uống vào một ngụm nước thánh, Đại Sư huynh lập tức thăng đàn. Bì chức cung kính tận tay dâng danh thiếp lên Đại Sư huynh, kính mời Đại Sư huynh đến Lương Hương, khâm sai đại thần có việc quan trọng cần bàn bạc. Đại Sư huynh nghe vậy liền gọi người đến thấp hương xin quẻ. Bì chức thấy Đại Sư huynh thờ đốc một hồi, nói là Bao Đại nhân đã giáng đàn. Rồi sau đó, ông ta liền mắng..., dạ mắng khâm... khâm sai đại nhân là cầu quan, họa quốc hại dân, bức ép lê dân bách tính. Đại Sư huynh truyền lệnh lập tức cử một triệu quyền dân đi bắt hai ngài...

Nói đến đây liền khóc rống lên.

Cương Nghị, Triệu Thư Kiều nghe vậy hồn bay phách lạc, vội hỏi:

- Thế quyền dân đã tới đây chưa?

Trát doanh tổng đáp:

- Họ đang chinh đồn đội ngũ, kéo dài từ Trác Châu đến tận Bảo Định, thật nhiều không kể xiết.

Cương Nghị, Triệu Thu Kiều không còn tâm trí đâu để nghe tiếp, vội vàng vợ lấy đồ đạc chuồn thẳng. Về đến Bắc Kinh, hai người vào bái kiến Đao Vương Tái Y trước, chỉ dám nói ra một phần những điều mà Trát doanh tổng đã nói, rằng đã tận mắt nhìn thấy Đại Sư huynh ở sông Lưu Ly, miếu Quan Đế. Họ là những người kiên quyết bảo vệ nhà Thanh, diệt trừ giặc Tây. Mọi quyền dân đều có thể hô gió gọi mưa, đao kiếm không thể chạm được vào người. Cả vùng Lương Hương, đâu đâu cũng có quyền dân, người nào cũng võ nghệ siêu quần, tinh thông phép thuật, trung quân ái quốc. Khẩu hiệu của họ là: “Nếu không giết hết giặc Tây, không thiết đến mạng sống của mình”.

Hôm sau, Tái Y, Cương Nghị và Triệu Thu Kiều cùng nhau vào cung bái kiến Thái hậu. Họ thao thao bất tuyệt trước mặt Thái hậu, toàn những lời dối trá. Tây Thái hậu gật đầu lia lịa, không chút nghi ngờ, ngay đêm đó liền lệnh cho tất cả mọi người trong cung quay về phía Nam thấp hương cầu mưa y, cầu trời cao phù hộ cho giang sơn Đại Thanh, tiêu diệt bọn giặc Tây càng sớm càng tốt.

Thấy Đao Vương, Cương Nghị xin Thái hậu dựa vào thế lực của Nghĩa Hòa Đoàn để chống chọi với bọn giặc Tây, Vinh Lộc biết không ổn, bèn khuyên Thái hậu nhất nhất không được động tĩnh gì. Tây Thái hậu lúc đó đang mất hết tinh tảo, lại nghe tin mấy vạn quân Nghĩa Hòa Đoàn đang tiến về kinh thành dưới sự hỗ trợ của Đao Vương, nên không nghe gì cả.

Quả thực, đoàn quân Nghĩa Hòa Đoàn anh dũng đang rầm rập tiến về Bắc Kinh - cả đoàn mấy vạn người nhưng suốt dọc đường đi không hề làm hại tí gì đến dân chúng. Đại Sư huynh, Nhị Sư huynh đều quần khăn màu đỏ, chân quần chặt lên tận gối, cầm đao sáng loáng, nhìn xa giống như hung thần giáng thế. Mục tiêu chủ yếu của họ là bọn giặc Tây, bọn chó săn bán nước, bọn tham quan ô lại và lũ ý thể ý tiền hoành hành ngang ngược.

Đao Vương đã tự mình suốt mấy ngày liền đi hiệu triệu nhân dân gia nhập Nghĩa Hòa Đoàn. Rất nhiều dân chúng và cả binh lính ra nhập đoàn quân.

Từ Hy Thái hậu ủng hộ chủ trương do Tái Y, Cương Nghị, Triệu Thu Kiều, Dư Đồng... khởi xướng ra là trước hết cứ đuổi giặc Tây sau hẵng hay.

Mặc dầu vậy vẫn có tin truyền đi, rằng người Tây phản đối Từ Hy Thái hậu, ủng hộ Quang Tự, yêu cầu chính phủ nhà Thanh trong vòng 24 tiếng đồng hồ phải giao pháo đài Cổ Khẩu cho liên quân tám nước tạm thời quản lý, và phải tiêu diệt toàn bộ Nghĩa Hòa Đoàn trong vòng 10 ngày.

Từ Hy Thái hậu nghe tin này nổi giận đùng đùng. Bà ta cho rằng có Nghĩa Hòa Đoàn ở bên cạnh thì sẽ không phải lo lắng gì cả, lập tức ra lệnh cho quân cơ tuân chỉ, quyết định hơn thua với liên quân các nước.

Quang Tự hoảng đé khi xem được đạo thượng dụ giả mạo danh nghĩa mình nói trên lập tức quỳ xuống cầu xin Thái hậu:

- Nước ta đã hai lần đánh nhau với giặc Tây, kết quả hai lần đều đại bại đến giờ vẫn chưa kịp lấy lại sức thì làm sao có thể đối mặt với các nước.

Nói xong gục xuống khóc nức nở hồi lâu.

Thái hậu nói:

- Không đánh nhau với họ! Nhà ngươi định ngồi đấy mãi làm vua một nước đã mất sao? Ta đã quyết định rồi, đừng có lảm nhảm vô ích.

Quang Tự Hoàng để dành chịu để hai viên thái giám đỡ ra ngoài.

Hộ bộ thượng thư Lập Sơn, Binh bộ thượng thư Từ Dung Nghị, Thái thường tự Hương Liên Nguyên và nhiều người khác đều biết rằng nếu lấy sức của Nghĩa Hòa Đoàn để đối phó với người Tây thì tai họa sẽ rất lớn. Lập Sơn nói:

- Nói mãi ở đây cũng vô ích thôi. Tôi phải đi gặp bọn ngu dân này mới được.

Mọi người đều khuyên ông ta đừng đi, cứ yên lặng nghe lệnh mà làm, nhưng Lập Sơn không nghe, quyết định tự mình đi tìm Thái hậu - Ông ta cố gắng can gián Thái hậu không nên cùng một lúc khởi chiến với các nước. Lệnh khởi chiến ban ra lúc nào, đất nước sẽ diệt vong lúc ấy.

Từ Hy Thái hậu nghe đến đây, hai mắt tròn ngược, nhổ ngay vào mặt Lập Sơn. Đoan Vương Tải Y lúc đó đứng sau Thái hậu, nghe Lập Sơn đứng về phía người Tây phản đối Nghĩa Hòa Đoàn liền co chân đá ông ta ngã lộn xuống đất. Lập Sơn bị Tải Y đá ngã, liền vùng dậy nói lớn:

- Cái chết của ngươi cũng chẳng còn xa nữa đâu!

# Hồi thứ hai mươi mốt: MẤT THIÊN TÂN, NGHĨA HÒA ĐOÀN ĐẠI BẠI GIẾT TRẦN PHI, TÂY THÁI HẬU ĐÀO VONG

Doan Vương Tải Y nói:

- Thánh mẫu không giết Lập Sơn, hẳn sẽ câu kết với bọn Tây phản lại chúng ta!

Thái hậu nói:

- Giết người vô cơ tất sẽ bị triều thần bàn tán.

Tải Y nói:

- Bọn Lập Sơn tự ý tâu xằng, buông ra toàn những lời bậy bạ, đó chẳng phải là cái có hay sao.

Theo sử sách ghi lại: Ngày 11 tháng 8 năm 1900 bọn ba tên Từ Dung Nghi, Lập Sơn, Liên Nguyên bị Từ Hy Thái hậu giết chết cùng một lúc. Thi thể của bọn chúng được chôn trong miếu chùa Gia Hưng. Khi liên quân tám nước tiến vào thành Bắc Kinh, Thống soái Ootori sai kỵ binh đem thi thể của chúng từ hậu linh miếu chùa Gia Hưng về an táng trong khu phần mộ riêng của từng gia đình.

Đó cũng là chuyện về sau.

Lại nói chuyện Từ Hy Thái hậu một lần nữa lấy danh nghĩa Quang Tự ban bố một đạo dụ, nội dung như sau:

Triều ta hơn hai trăm năm nay, nhân trạch thâm hậu, phạm những ai từ xa đến Trung Quốc, các vị liệt tổ liệt tông, không đời nào không ân cần đối đãi. Tiếp đó, vào những năm Đạo Quang, Hàm Phong đã cho phép họ vào buôn bán, đồng thời cho họ truyền giáo trong nước ta, Triều đình khuyến khích họ làm điều thiện, cố giúp đỡ những yêu cầu của họ.

Lúc đầu, họ cũng chịu ở trong phạm vi của ta, tôn trọng sự ràng buộc của ta, chẳng ngờ từ ba mươi năm lại đây, lợi dụng lòng nhân hậu của ta, muốn làm gì thì làm, lại coi thường, phóng túng, khinh rẻ đất nước ta, xâm phạm đất đai của ta, giày xéo nhân dân ta, cướp bóc tài sản của ta. Triều đình càng nhín, bọn chúng càng làm càn, càng ngày càng thậm tệ, không còn kiêng nể gì nữa. Giặc bé thì đè ép dân thường, giặc lớn thì xúc phạm thần thánh. Toàn dân nước ta thù oán đến tận xương tủy, người người một lòng, đó là nguyên do nghĩa dũng đốt cháy giáo đường, giết chết giáo dân vậy. Triều đình sợ thương tổn đến nhân dân ta, lại giáng chỉ thâm cấm, bảo vệ sứ quán, thăm hỏi giáo dân hơn nữa, như trước đây đã có dụ cho quyền dân, giáo dân. Vốn vì dân, giáo giải nổi bất hòa, triều đình đã chiều chuộng người xa đến thế là chu đáo, đến thế là cùng rồi. Vậy mà bọn họ không biết cảm kích, ngược lại còn hung hăng ăn hiếp, hôm qua ngang nhiên có tội hậu thư, đòi ta phải thoái binh khỏi pháo đài Đại Cổ Khẩu để cho họ chiếm giữ nếu không sẽ dùng vũ lực đánh lấy, dùng lời lẽ đe dọa, ý cực kỳ ngông ngạo.

Cái đạo giao hảo với các nước láng giềng, ta vốn rất cẩn trọng. Họ tự xưng là nước có giáo hóa, thế mà lại hoành hành vô lễ, chuyên ý vào quân lính vũ khí, tự cho phép mình quá đáng như vậy sao? Trẫm ở triều gần trọn ba mươi năm, coi dân như con, dân cũng coi trẫm như thiên đế.

Trẫm nay khóc lóc để cáo tiên miếu, khảng khái thề hưng sư, quyết giữ lễ thói cũ để khỏi thẹn



muôn đời, chỉ bằng cố sức mà đánh một trận sống mái. Suốt ngày triệu kiến các bệ tôi lớn nhỏ hoi han mưu kế, trên dưới một lòng. Gần kinh kỳ cho đến Sơn Đông và các tỉnh, nghĩa dân cùng ngày bất kỳ mà tụ tập đến, không dưới mấy chục vạn người, còn như trẻ nhỏ cũng có thể cầm gươm giáo để bảo vệ xã tắc. Họ dựa vào lời lẽ xảo trá, ta có thiên lý, họ dựa vào sức lực, ta có nhân tâm. Vô luận nước ta lấy trung nghĩa làm giáp trụ, lấy lễ nghĩa làm mái chèo, người người đều dám chết, đất rộng có hai mươi tỉnh, dân nhiều đến hơn bốn trăm triệu người, khó gì không chặt đứt hung hãn của họ, tỏ rõ cái uy của đất nước! Cùng lòng diệt địch, trăm trận xung phong, hoặc là vì nghĩa góp tiền, trợ giúp của cải lương thực. Triều đình không ngại phá cách, khen thưởng trung huân. Còn những kẻ sống dựa nước ngoài làm trận bỏ trốn, cam tâm theo giặc, làm kẻ Hán gian, tức khắc bị trừng trị, quyết không nương nhẹ. Nay phổ với trời thần dân cùng biết, để những ai ôm ấp lòng trung nghĩa, cùng tỏ lòng cảm phần với thần nhân, trăm vô cùng mong mỏi.

Khâm thủ.

Sau khi đạo thượng dụ này được ban ra, Doan Vương Tải Y ngày đêm luyện binh dưỡng ngựa, dự định sẽ giết hết bọn người Tây ở Đông Giao Dân, đồng thời điều động đề đốc Cam Túc mới nhận chức là Đồng Phúc Tường đến Lang Phòng, phối hợp với Nghĩa Hòa Đoàn chặn đứng liên quân tám nước. Tải Y cũng ra lệnh điều động đội quân chính quy của mình đến Bắc Kinh, phối hợp với Nghĩa Hòa Đoàn, cùng đánh vào Đông Giao Dân.

Công sứ ở sứ quán các nước nhất trí bầu võ quan nước Đức làm tổng chỉ huy bảo vệ khu sứ quán, điều động quân đội của tám nước đang ở Trung Quốc về phòng thủ các cửa ngõ của Đông Giao Dân.

Đạo thượng dụ của Hoàng thượng ban ra, nhưng không ghi rõ phải tuyên chiến với nước nào, nên từ Phụng Thiên (nay là Thẩm Dương), Thịnh Kinh tướng quân Tăng Kỳ viết thư dâng thỉnh thị lên triều đình, nội dung như sau: “Lần này đánh nhau sẽ nhằm vào nước nào, thượng dụ chưa chỉ thị rõ. Nay khẩn chờ chỉ thị để chuẩn bị ứng phó với địch”. Chiếu thư đến tay tướng quân và đốc phủ các huyện đều cảm thấy vô cùng bối rối, bởi vì trước đây một hôm, họ đã nhận được một đạo thượng dụ của triều đình với nội dung: “Độ này, khắp trong ngoài kinh thành, quyền dân thù địch với người Tây, với người theo đạo Thiên chúa, đánh nhau liên miên. Giáo đường và giáo dân bị đốt, bị giết không biết bao nhiêu. Người Tây tất cả tập trung ở Tân Cô. Máu cả hai bên đã đổ, sau này không biết sẽ thu xếp ra sao, thật khó mà lường được”. Từ đó có thể thấy vua tôi triều đình đều đã rối bởi sợ hãi như kiến trong nồi lửa cả rồi.

Công sứ nước Đức vô cùng tức tối, định đến gặp nha môn tổng lý của nhà Thanh để tranh luận. Khi ông ta ngồi xe ngựa không mui kiểu Tây đến cửa phía Tây gần cổng chào Đông Đơn liền bị một nghĩa sĩ yêu nước là Ân Hải bắn chết. Chuyện này về sau sẽ kể.

Nghĩa Hòa Đoàn giao chiến đã nhiều ngày mà vẫn không tiến vào Đông Giao Dân được, ngược lại, pháo đài Đại Cổ Khẩu và Thiên Tân lại thất thủ. Tây Thái hậu vội vàng hạ chỉ chặt đầu những kẻ chủ trương hòa hợp và dựa vào Nghĩa Hòa Đoàn như Cương Nghị, Dư Đồng v.v..., để giảm nhẹ trách nhiệm của mình.

Liên quân tám nước âm thầm từ Thiên Tân kéo về Bắc Kinh. Từ Hy Thái hậu trước đây vẫy tay một cái là ra mưa, ra gió, nay thấy quân giặc đã tiến đến sát thành, không còn cách nào khác đành truyền gọi Lý Hồng Chương về kinh giải quyết việc ngoại giao. Lý Hồng Chương trước đây đã có lần đề xuất không nên tin tưởng vào Nghĩa Hòa Đoàn, nay nhìn cục diện xảy ra như vậy, nên mặc dù đã rời khỏi Quảng Đông, nhưng ông ta vẫn nán lại ở Thượng Hải để quan sát tình hình.

Khang Hữu Vi ở Hồng Kông, Lương Khải Siêu ở Nhật Bản, thấy triều đình Mãn Thanh không có quan điểm rõ ràng đối với Nghĩa Hòa Đoàn, liền đi khắp nơi diễn thuyết, nội dung chủ yếu là: những quyền dân anh dũng này tuyệt đại đa số là nông dân nghèo, là những anh chị em đã từng bao ngày chịu nạn chịu khổ, cả năm cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, chịu sự đè nén của địa chủ,

quan lại. Ngày nay, nông thôn lại xuất hiện thêm lũ mục sư, cha cố chiếm đất, cho vay nặng lãi, tự xây công đường, làm muôn ngàn điều xấu. Vì thế những người dân khốn khổ mới vùng lên tạo phản. Lại có rất nhiều phản tử xấu đã trà trộn vào nhà thờ, dựa vào thế lực cha cố, thầy tu, mục sư, không từ bỏ một thủ đoạn nào khiến cho dân đen không còn đường sống. Nghĩa Hòa Đoàn đã vùng lên là vì lẽ đó. Bài diễn thuyết của hai người đã được đăng trên rất nhiều báo chí phương Tây và truyền về trong nước. Vậy là cả nước phổ biến câu nói: “Quan bức dân phản, Tây bức dân phản”.

Tây Thái hậu muốn triệu tập các đại học sĩ, lục bộ cửu khanh để cùng bàn bạc tìm ra kế sách, nhưng phần lớn đại thần lại đang chuẩn bị tìm đường tháo chạy. Nửa đêm, cả Tử Cấm thành lặng yên như đã chết. Trong cung Trữ Tú, tẩm cung của Từ Hy Thái hậu bỗng bắn lên một phát pháo sáng; Thái hậu đang cùng mấy vị trong phe cánh bàn bạc để tìm ra kế sách. Trời tờ mờ sáng, tiếng súng lớn nổ đi đùng khắp nơi, tiếng còi báo thức vang lên từng hồi đập vào tai bà ta, phá tan màn đêm yên tĩnh trong Tử Cấm thành.

Trong các nha môn bộ viện khác hẳn ngày thường, đến đâu cũng diễn ra “kế thành không”. Mọi người hoặc nấp im im trong nhà, hoặc chạy trốn đi thật xa. Từ Hy Thái hậu lại dựa vào danh nghĩa Quang Tự, viết một đạo dụ cho các Bộ, Viện:

Xét thấy nhân viên đương sai ở các nha môn Bộ Viện ào ào cáo nghỉ, thật không còn sự thể gì nữa, các nhà đường quan đứng đầu xét rõ, nếu còn người chưa cáo nghỉ tự cho nhân viên ra khỏi kinh, cách chức lập tức. Còn những nơi có người đệ trình xin cáo nghỉ, phải tức tốc trở về nơi làm việc.

Khâm thủ.

Thượng dụ này truyền xuống các Bộ, Viện nhưng đến cả người chuyên làm việc truyền tin cũng không còn một mống. Chỉ những kẻ cùng bè với Từ Hy là còn ở lại nha môn tìm phương giải quyết. Thái hậu liên tục nhận được tấu can gián tuyên chiến của Tổng đốc Hồ Quảng Trương Chi Động, Tổng đốc Lưỡng Quảng Lý Hồng Chương, Tổng đốc Lưỡng Giang Lưu Khôn. Tổng đốc Tứ Xuyên Khuê Tuấn, Tổng đốc Phúc Kiến Ứng Quỳ, Tuần phủ Sơn Đông Viên Thế Khải, Tuần phủ Quảng Tây Đức Thọ, Tuần thủ Hồ Nam Dụ Liên Tam, Tuần phủ Hồ Bắc Ân Lâm Đăng v.v... cũng lần lượt gửi sớ can gián. Từ Hy Thái hậu nói:

- Triều đình thì lo lắng như vậy, bọn họ đều là những đại quan giữ nước, không những khoan tay đứng nhìn, còn dám to mồm can gián, khinh triều đình hồ đồ chưa biết hết tình thế. Thật tội đáng chết.

Liên quân tám nước đã bắt đầu tiến vào Đông Hoa Môn của Tử Cấm Thành. Tiếng kêu khóc của phi tần, cung nữ hai mươi cung rung chuyển cả đại điện. Trong tình trạng hỗn loạn khủng khiếp đó, Từ Hy Thái hậu lại sai người đem lương thực, hoa quả đến khu sứ quán Đông Giao Dân và nhà thờ của người Tây để thăm hỏi.

Lý Hồng Chương nhận được điện khẩn triệu về cung của Thái hậu, lúc đó mặc dù đang ở Thượng Hải cách Bắc Kinh không xa là mấy, nhưng cứ chần chừ, nán nã không muốn về kinh thành.

Đại Cồ Khẩu, Thiên Tân, Bắc Thương, Dương Thôn... lần lượt rơi vào tay người Tây. Vũ Vệ tiên quân Thống lĩnh Nhiếp Sĩ Thành đã hy sinh vì nước. Tổng đốc Trực Lệ cũng tự mình uống thuốc phiện tự tử sau khi thua trận ở Dương Thôn. Quan lại của Vương triều, chỉ báo tin thắng chứ không báo tin thua. Thái hậu không hay biết gì về chuyện pháo đài Đại Cồ Khẩu thất thủ và Thiên Tân bị người Tây chiếm lĩnh. Khi nghe thấy tiếng súng đạn, bà ta mới giật mình, vội gọi thái giám đi xem rõ hư thực ra sao. Ngày 12/8/1900 (tức ngày 18/7 năm Quang Tự thứ 26), liên quân tám nước đã hoàn toàn chiếm lĩnh Thông Châu. Tám nước này bao gồm Anh, Mỹ, Nga, Pháp, Đức, Nhật, Ý và Úc. Liên quân của tám nước đế quốc đã cùng nhau đánh vào Trung Hoa. Đến ngày

14/8, liên quân đã đến sát chân thành. Phụ quốc công Tái Lan vội vàng chạy từ ngoài vào, quỳ trước rèm, bẩm:

- Đại sự hỏng rồi, liên quân tám nước đã tiến vào sát thành rồi, xin Thái hậu mau mau chạy trốn.

Thái hậu hỏi:

- Hoàng thượng đang ở đâu?

Trong lòng, Từ Hy không yên tâm một tí nào về Quang Tự, sợ rằng nếu người Tây chiếm được thành sẽ đưa Hoàng thượng lên, thì mạng sống của mình chắc khó bảo toàn. Lý Liên Anh vội vàng truyền chỉ mau tìm Vạn tuế gia đến.

Từ Hy vội vàng không còn biết làm sao, vớ lấy kéo cắt ngay bộ móng tay chăm chút nuôi dài bấy lâu, kêu người hầu lấy quần áo cũ đến, mặc luôn cả bộ quần áo thô của người này vào người, gọi Lý Liên Anh vào chải lại đầu theo kiểu Tô Châu, giả làm người Hán, sai người gọi tất cả các phi tần cung nữ, thái giám tập trung gấp ở bên ngoài cửa Trình Thuận trong cung. Vừa lúc ấy, một tốp người nhón nháo, rầm rầm kéo đến, đứng chặt cả sân trong Thần Vũ Môn. Thái hậu nhìn ngay ra Quang Tự Hoàng đế vẫn đang đội trên đầu mũ tua đỏ, mặc triều phục trên người. Hóa ra Hoàng thượng vừa làm lễ tổ tiên ở Phật Đường xong. Thái hậu nói:

- Hoàng thượng, chúng ta phải chạy trốn ngay bây giờ, Hoàng thượng như vậy làm sao được?

Quang Tự thấy Thái hậu ăn mặc y như một nữ bộc, biết ngay là mình cũng phải thay quần áo thường dân, liền kêu thái giám đi tìm quần áo. Tiểu thái giám mang đến một chiếc áo kếp vải màu xanh, một đôi giày vải, một cái mũ thường. Quang Tự vội vàng cởi bỏ Long bào, mặc quần áo thường dân vào.

Thái hậu nói với các nô tài:

- Giặc Tây giờ đã đến ngoại thành phía Nam, không còn cách xa đây là mấy nữa. Bây giờ chúng ta hãy thoát ra khỏi cung trước đã. Thế nhưng ta không thể đem nhiều người đi theo, các người ra khỏi cung rồi tự tìm đường mà trốn đi, người Tây chắc cũng không giết bọn nô tài các người đâu. Ta chỉ mang Hoàng thượng, Hoàng hậu, Cách cách và các đại thần tùy tùng đi theo mà thôi.

Mọi người nghe thấy không được cùng đi lánh nạn theo Hoàng hậu thì khóc òa lên. Tiếng kêu khóc quả là đinh tai nhức óc. Trong tiếng kêu, tiếng hét, tiếng khóc tùm lum, Thái hậu hạ giọng nói với Lý Liên Anh:

- Mau sai vài tên thái giám tìm phúc chôn ngay vàng bạc châu báu quý giá ở kho vào chỗ nào an toàn sau cung Ninh Thọ. Nhớ bảo chúng ở lại trong cung bí mật trông giữ.

Lý Liên Anh tuân chỉ, đi tìm mấy tên tâm phúc, mở kho và nhanh chóng hành động, sau đó còn dặn đi dặn lại mấy tên đó phải hết sức chú ý việc này.

Cần Phi đi đến bên Thái hậu hỏi:

- Vây chị Trân Phi có đi không?

Cần Phi chỉ hoàn toàn có ý tốt, ai dè một câu nói đã giết chết một sinh mạng con người. Lúc đó, Thái hậu mới nhớ ra Trân Phi, liền bảo nhị tổng quản Thôi Ngọc Quý đi dẫn Trân Phi tới. Thôi

Ngọc Quý đến Bắc Tam Sờ, nói với Trân Phi:

- Người Tây đã đánh vào kinh thành, Thái hậu đem Hoàng thượng cùng đi lánh nạn, sai tôi đến gọi cô.

Trân Phi đầu tóc rối bung như một phạm nhân, vào đến trong điện vẫn chỉ mặc chiếc áo ngắn chấm hoa; khi đến trước mặt Thái hậu liền quỳ xuống nghe chỉ. Thái hậu nói:

- Người Tây chẳng mấy sẽ đánh vào trong thành, ta chỉ có thể đưa Hoàng thượng, Hoàng hậu đi theo, nhà ngươi hãy ở lại đây vì có đem ngươi theo cũng rất phiền toái. Ngươi có thể ở lại đây cùng với cung nữ, chắc không có nguy hiểm gì đâu.

Trân Phi nếu như không mở miệng, chắc cũng bình an vô sự rồi. Nhưng không ai ngờ người con gái tính cách quật cường này lại lớn tiếng nói:

- Hoàng thượng cũng nên ở lại để ngồi vào bảo tọa.

Thái hậu lúc đó lòng dạ đang rối tung, nghe Trân Phi nói vậy, tức không nói được câu nào, quát mắc ném vào Trân Phi cái nhìn này lửa. Bà ta đứng dậy đi ra phía Trình Thuận Môn, bỗng nhiên quay đầu lại, mắt nhìn chăm chăm vào miệng giếng ở chân tường phía đông, ngẩng đầu lên dường như muốn nói với Thôi Ngọc Quý điều gì đó, nhưng lại không nói. Cứ như vậy vài lần, cuối cùng, bà ta ra lệnh:

- Tổng nó xuống giếng!

Thôi Ngọc Quý chần chừ muốn xin cho Trân Phi, nhưng tên tiểu thái giám Vương Tiếp Thần đứng bên cạnh ông đã sênh sếch lời Trân Phi đi - thấy Vương Tiếp Thần kéo mình ra miệng giếng, Trân Phi biết cái chết đã đến nơi, không còn biết sợ là gì, nàng vừa giãy giụa, vừa to tiếng chửi:

- Người Tây đến đây là do ai? Sao các người không chết đi cho rồi? Lại bắt Hoàng thượng phải cùng chạy? Ta có chết cũng không tha cho các người đâu...

Câu nói chưa hết, Trân Phi đã bị ném xuống lòng giếng.

Khi Trân Phi vừa giãy vừa chửi, bị mấy tên đồ tể Thái giám kéo đến bên miệng giếng, tất cả các đại thần, cung nữ đang đứng ở cửa Trình Thuận đều cúi đầu thảm khóc. Quang Tự Hoàng đế lòng đau như dao cắt, nhưng cũng không dám bật khóc thành tiếng.

Hai cung và các vương công đại thần như ong vỡ tổ chạy ra khỏi Thần vệ môn cửa sau hoàng cung. Trước khi đi, Thái hậu quay lại dặn dò Khánh Vương phải lập tức liên hệ và gọi Lý Hồng Chương về kinh để hấn thương lượng với người Tây, rồi lại nói với Vinh Lộc:

- Khanh nên ở lại trong cung để tiện việc liên lạc với ta.

Vinh Lộc hỏi:

- Không biết Thái hậu đi đâu lánh nạn?

Thái hậu đáp:

- Ta cùng Hoàng thượng, Hoàng hậu, cách cách sẽ đến Di Hòa Viên trước, rồi đến Sơn Tây, chỗ Dục Hiền, tạm thời lánh nạn.

# Hồi thứ hai mươi hai: CẨM QUÂN CHỊU ĐÓI RẾT CƯỚP GẠO DÂN TỪ HY Ở NHÀ TRANH ĂN TIÊU MẠCH

Phi tần, cung nữ, thái giám trong cung như ong vỡ tổ, bùng nhùng, rối loạn vây quanh ong chúa. Từ Hy Thái hậu quay sang nói với Khánh Vương:

- Nghe nói Lý Hồng Chương đã từ Thượng Hải lên đường đến Bắc Kinh rồi, chỉ vài ba hôm nữa là tới. Trên đường đi, chắc cũng không có trở ngại gì. Khi thương lượng với người Tây, cố sao giữ cho được ngại vàng, những điều khác nếu không được thì thôi. Truyền cho các phi tử của Đồng Tri nhất nhất phải ở lại trong cung, không được có bất cứ hành động nào.

Lý Liên Anh dìu Thái hậu đi trước, Vua, Hoàng hậu, phi tần, cách cách, đại thần, đại quan... lũ lượt kéo theo sau, ra đến đại lộ Mỗ Sơn Tô lên xe đi. Các đại thần người đi bộ, người đi ngựa. Một đoàn phi tần, cung nữ, thái giám bị bắt ở lại cũng rờn rợn theo sau, khóc lóc thảm thương chẳng khác nào đi đưa mà vậy. Khi đến Tây Trục Môn, cửa thành đã đóng chặt. Cẩm vệ quân thấy thánh giá đến, nhất loạt quỳ xuống nghênh giá. Đại thần, tần phi, cung nữ, thái giám... biết mình không được hộ giá rời kinh, nhất loạt khóc tướng cả lên.

Quân thần cơ, hồ thần, cẩm vệ từ phía sau tiến lên hộ giá. Trời lúc đó bỗng nhiên đổ mưa rào, quan quân đều ướt như chuột lột. Ra khỏi Tây Trục Môn, tất cả đi theo hướng Bắc, vượt qua cây cầu treo dẫn đến ngự đạo Di Hòa Viên. Đầu phía nam của ngự đạo này là âu thuyền, đầu bắc là bến nước, lại có cây cầu nhỏ bắc ngang, dưới chân cầu nước lơ lửng chảy. Nhưng Thái hậu, Hoàng thượng... đều hôn hã hãn hên, chẳng còn tâm trí đâu mà ngắm những cảnh nên thơ kia nữa.

Cả đoàn người không dám dừng dằng lưu lại lâu, vội vã lên thuyền rồng, rồi lại lên xe đi thẳng đến Di Hòa Viên. Ân Minh lúc đó đang trực ban, thấy một đoàn người ngựa đang tiến đến, Phổ Luân, Phổ Tuấn ngồi ở cỗ xe lừa đi trước, cảm thấy vô cùng lo sợ. Phổ Luân nói:

- Bọn giặc Tây đã kéo đến kinh thành. Thái hậu và Hoàng thượng đang chạy đến đây.

Ân Minh thấy một người đàn bà mặc quần áo nông dân của người Hán, phía sau có một người mặc áo dài màu xám cùng ngồi trên một chiếc xe. Nhìn kỹ hóa ra là Thái hậu và Hoàng thượng, vội quỳ xuống khấu đầu chào. Thái hậu nói:

- Bây giờ không phải lúc hành lễ, mau đứng dậy.

Hai cung xuống xe, vào điện Nhân Thọ nghỉ ngơi. Thái hậu vội ra lệnh cho Lý Liên Anh mang 8 chiếc hòm đựng vàng bạc châu báu và các giấy tờ quan trọng ở Đông Thọ Đường và Tây Tháo Môn ra, chuẩn bị đem đi theo.

Cả đoàn người ngựa rời Di Hòa Viên, tiến về phía Tây Bắc, qua cầu Thanh Long Kiều, Hồng Sơn Khẩu, Vọng Nhi Sơn, Tây Bắc Vương... mãi đến khi mặt trời xế bóng mới xuống ngựa, dừng chân ở Quan Thị - một nơi cách kinh thành chừng 70 dặm.

Hôm sau lại tiếp tục lên đường. Khi đến Xương Bình châu, Tri châu Bùi Mãn Trung đang ốm nặng. Tên lính gác thành thấy một đoàn người ngựa lờ lững nhếch nhác kéo đến cổng thành, tưởng là bọn cướp nên vội vàng đóng chặt cổng lại. Đám người bên dưới hô to:

- Thánh giá đến!

Tên này nghĩ bụng: “Bên dưới người ngựa hỗn loạn, đích thực là thổ phỉ”, không những không mở cửa lại còn nổ súng thị uy. Đoàn người của Thái hậu sợ người Tây đuổi theo phía sau, bắt buộc phải đi vòng qua thành.

Cả đoàn người ngựa lao đảo đi suốt 2 ngày 2 đêm, một hớp nước cũng không được uống. Thôn xóm bên đường không một bóng người; nhà cửa, đường sá đều đã bị giặc cò phá phách tan hoang. Đêm đó, họ dừng chân nghỉ lại bên một xóm vắng đồ nát. Một gia đình vừa nấu xong cơm tối, thấy có đoàn người ngựa kéo đến, ngỡ là thổ phỉ nên không thiết gì ăn uống, vội vàng kéo nhau bỏ chạy. Nhà khác cũng vừa thịt xong gà lợn, chưa kịp nấu nướng cũng bỏ chạy luôn, để lại một sân đầy thịt gà, thịt lợn làm mồi cho diều, quạ. Đoàn người của Thái hậu đến nơi, thấy vậy sững như bất được vàng, xông vào tranh nhau cùng diều, quạ. Thái hậu và mọi người khát nước, không chịu được nữa, bèn ngắt đại cam quýt xanh trong các vườn bên đường, ăn ngẫu nhiên. Cả đoàn người đi tới đâu, dân chúng đều tưởng là thổ phỉ, bỏ chạy tán loạn đến đấy.

Quân thần cơ, hổ thần như bầy hổ đói, sức sào cả vào những thôn trong cách xa đường cái, cướp bóc lương thực, nhòm nhào ăn uống. Ăn no rồi chúng liền đi lùng bắt phụ nữ để hãm hiếp, bắt kẻ tuổi tác già trẻ. Có khi mấy tên cùng nhau hãm hiếp một người. Nếu ai kháng cự, chúng liền đập chết rồi cùng nhau hành hạ xác chết.

Chiều xuống, khó khăn lắm cả đoàn người của Thái hậu mới đến được châu Diên Khánh. Tri châu Tần Khuê Lương được tin thánh giá đến vội vàng ra lệnh cho người trong dinh thự quỳ xuống nghênh tiếp. Các đại thần tùy tùng được bố trí ngủ trong các gian phòng làm việc, còn bọn binh lính thì vừa đến đã chiếm nhà dân ăn ngủ, không chờ sắp xếp gì hết. Số lương thực mà Tần Khuê Lương hô hào dân chúng để dành đã bị quan quân cướp sạch để đánh chén và mang đi theo. Thái hậu sợ người Tây đuổi đằng sau, chỉ dám nghỉ lại một đêm, sáng sớm hôm sau vội vàng lên ngựa đi tiếp.

Thái hậu và Hoàng hậu chuyển sang ngồi kiệu của viên Tri châu châu Diên Khánh, theo sau là 4 cỗ kiệu: Quang Tự và Luân Bội Từ cùng ngồi một kiệu; Đại A ca và Lý Liên Anh cùng ngồi một kiệu; bọn cách cách cùng ngồi một kiệu, các vương công, đại thần cũng cùng ngồi chung trong mười mấy chiếc kiệu đôi.

Sau khi qua Cư Dung quan, tổng số binh lính kỵ, bộ hộ giá chỉ còn lại gần hai trăm tên. Một số đã chết đói dọc đường đi; số khác không muốn hộ giá nên đã bỏ trốn dọc đường làm thổ phỉ.

Trên đường đi, bọn sĩ binh dễ gặp người nào, bắt kẻ vì già ốm, bệnh tật chưa chạy kịp đều bắt lấy, lột hết quần áo mang đi; tới đến thì tìm miếu đền hoặc để Thái hậu nghỉ đêm lại một nhà dân nào đó đã sợ hãi bỏ chạy. Những người phụ nữ chưa kịp chạy bị chúng bắt được liền bị lột hết quần áo ngoài để khỏi trốn đi, rồi bị bắt đi đun nước, nấu cơm, phục dịch cho chúng. Sau khi ăn uống no nê, họ lại bị chúng thỏa thuê hãm hiếp.

Hôm đó, đoàn người của Thái hậu đến được thành Dụ Lâm, cách huyện thành Hoài Lai chừng 25 dặm. Lý Liên Anh cho sứ giả cưỡi ngựa đến Hoài Lai, đưa thư do chính tay Tri châu châu Diên Khánh Tần Khuê Lương viết đến cho huyện lệnh Hoài Lai Ngô Vĩnh. Trời tối nhập nhèm, sứ giả mới đến được huyện thành, cổng thành đã đóng kín từ lâu. Sứ giả đưa ra ấn tín của Tần Khuê Lương; tên lính giữ thành từ trên dòng dây thừng xuống để sứ giả buộc chặt ấn tín vào, kéo lên, sau đó mới vào bẩm báo huyện lệnh Ngô Vĩnh.

Ngô Vĩnh đang cùng đồng僚 uống rượu giải sầu, nghe bên ngoài báo cáo có công văn khẩn muốn trình, lập tức ra xem, chỉ thấy một tập giấy nhàu nát như bị ai vò. Xem kỹ một lúc mới thấy ở trên có ghi chữ, lại có cả dấu của Tri châu Diên Khánh. Hóa ra đó chính là chỉ của hai cung, lệnh cho Ngô Vĩnh chuẩn bị lương thảo. Đồng僚 của Ngô Vĩnh đều tỏ vẻ hoài nghi, cho là công văn giả. Có người nói:

- Bây giờ thời buổi binh hoang ngựa loạn, chẳng thà từ quan bỏ trốn còn hơn. Nếu quả thật hai

cung giá lâm thì một tiểu huyện quan cũng làm gì có khả năng đón tiếp? Còn nếu là giả, một khi chúng kéo đến đây thì cả bọn chúng ta cũng bỏ mạng rồi.

Ngô Vĩnh cẩn thận xem lại chữ viết, thấy đúng là của Tri châu Tàn Khuê Lương, liền quyết định mời sứ giả vào để hỏi rõ ngọn ngành, tìm phương giải quyết.

Sứ giả nói:

- Tôi phụng chỉ Lý Đại tổng quản đưa công văn từ châu Diên Khánh đến
- Thánh giá đã đến thành Dụ Lâm, ước chừng sáng sớm mai sẽ tới đây.

Ngô Vĩnh nghe xong, một mặt ra lệnh cho quan quân trong thành chuẩn bị nghênh tiếp, một mặt cho người đi mời thân sĩ đến để kêu gọi dân chúng cùng đóng góp, tiếp đón Thái hậu. Thương nhân và dân chúng trong thành nghe tin Hoàng thượng đến, ai ai cũng tỏ vẻ sợ hãi. Ngô Vĩnh mời thân sĩ đến, dặn dò thương nhân không phải sợ hãi, đồng thời bảo ban dân chúng mỗi nhà xuất ra một nửa số lương thực dự trữ, chuẩn bị gạo, bánh bao, bánh nướng, cháo v.v... để đón tiếp quan quân triều đình. Tất cả giá trị bao nhiêu, xong việc, huyện đường sẽ có trách nhiệm chi trả không thiếu một xu, quyết không thất tín. Ngô Vĩnh cả đêm thức trắng đi mượn nhà dân, mượn cửa hàng, dọn dẹp sạch sẽ, quét sạch nhà cửa, đình miếu, chuẩn bị cho vương công đại thần, quan lại tùy tùng và binh lính nghỉ ngơi. Phía tây huyện đường có một hành cung vốn dành cho quan lại mỗi khi đi qua dừng chân lấy sức, Ngô Vĩnh quyết định dành cho Thái hậu. cả đêm ông thức trắng, dọn dẹp quét tường, dán câu đối, giăng đèn, kết hoa, trang trí căn phòng.

Tờ mờ sáng, Ngô Vĩnh dẫn một tốp kỵ binh ra ngoài thành nghênh giá. Đi được chừng 8 dặm, trời bỗng đổ mưa rào, mưa như trút nước làm người, ngựa, quan quân đều ướt hết cả. Lúc sau mưa tạnh, trời sáng dần lên. Phía trước, một đoàn người ngựa lòng thông đi tới, đi đầu là một người cưỡi ngựa, thấy tốp người của Ngô Vĩnh, đoán là quan quân huyện Hoài Lai, người này liền cất giọng hỏi:

- Trước mắt có phải huyện Hoài Lai không?

Ngô Vĩnh đáp:

- Dạ.

Người cưỡi ngựa lại nói:

- Quân cơ Triệu đại nhân đến.

Ngô Vĩnh định xuống ngựa, thấy Triệu quân cơ vén rèm kiệu lên, hỏi

- Phía trước có nơi nghỉ ngơi không?

Ngô Vĩnh đáp:

- Đã chuẩn bị trong huyện đường rồi ạ.

- Chuẩn bị rồi thì tốt! Người Tây đã đánh vào Bắc Kinh, không thể ở lại được nữa. Nhà ngươi hãy cố gắng cung phụng để hai cung tạm nghỉ...

Triệu quân cơ còn chưa nói hết câu thì kiệu của Lý Liên Anh đã đi tới, tiếp theo sau là kiệu của Thái hậu, Hoàng thượng, rồi các đại thần, quan quân cũng nhón nháo đến gần. Ngô Vĩnh vội tiến lên trước dẫn đường, đưa mọi người về phía tây huyện đường.

Lý Liên Anh, Thôi Ngọc Quý đi sau Ngô Vĩnh, dẫn Thái hậu, Hoàng thượng và mọi người vào ba gian phòng lớn của hành cung. Xong việc Ngô Vĩnh liền cáo lui. Lý Liên Anh vội từ gian giữa bước ra, gọi Ngô Vĩnh trở vào bái kiến Thái hậu.

Hành cung có một phòng chính và hai gian buồng; chính giữa bày án thư, hai bên là hai cỗ ghế thái sư; cạnh cửa sổ có đặt một chiếc ghế dài. Thái hậu quần áo nhàu nát ngồi trên chiếc ghế bên phải, Hoàng thượng ngồi chiếc ghế bên trái, mặc trên người chiếc áo dài xám đã cũ, nhăn nhúm, đầu tóc rối bù, mặt mũi đầy bụi, đáng vẻ rất tiêu tụy. Không thấy Hoàng hậu và các vị cách cách đầu cả; có lẽ họ đã vào hai gian buồng trong nghỉ ngơi rồi. Lý Liên Anh đứng bên cạnh Thái hậu. Ngô Vĩnh quỳ gối, khấu đầu theo nghi thức. Thái hậu hỏi sơ họ tên, quê quán, lai lịch ba đời. Ngô Vĩnh cũng trả lời từng câu rành rọt. Khi Thái hậu truyền cho Ngô Vĩnh bình thân ngồi xuống, ông này liền đưa mắt nhìn trộm về nhếch nhác bụi bặm của Thái hậu, thầm nghĩ thật không giống Hoàng Thái hậu trong tưởng tượng chút nào!

Thái hậu cất giọng hỏi:

- Mọi thứ chuẩn bị xong chưa!

Thái hậu quả đoán quá.

Ngô Vĩnh thưa:

- Dạ bẩm, đã chuẩn bị xong rồi. Tồi qua nhận được tin, thần lập tức sai người đi lo việc cơm nước. Có điều thời gian gấp gáp, mọi thứ đều chưa được chu đáo.

Thái hậu nói:

Có chuẩn bị là tốt rồi, cũng không cần cầu kỳ.

Thái hậu thờ dài, thấy lòng chua xót, rồi bỗng khóc òa lên, Lý Liên Anh vừa lau nước mắt, vừa an ủi Thái hậu:

- Ra khỏi cung rồi phải chú ý chăm lo sức khỏe. Có Ngô huyện lệnh ở đây, Thái hậu không phải lo lắng, xót xa gì cả! Thái hậu nói:

- Ta và Hoàng thượng đi rông rã mấy trăm cây số, hết ngày này qua ngày khác không nhìn thấy một bóng dân, càng không thấy tăm hơi quan lại đâu cả. Hôm nay huyện quan Hoài Lai nghênh giá tiếp đón được như vậy, có thể coi là bậc trung thân, tình hình rối ren như vậy mà không mất đi lễ tiết của một viên quan địa phương.

Rồi lại tiếp tục với giọng bí hiểm:

- Ngày đi đêm đi, vừa đói vừa rét, thức ăn không có, nước uống cũng không, Lý tổng quản đành phải hái cam quýt dọc đường cho ta ăn lấy nước. Đêm qua ở thành Du Lâm, cả ta và Hoàng thượng mới có được một cái ghế, dựa lưng vào nhau mà ngồi. Đêm đông gió Bắc lạnh thấu thịt thấu xương, chờ mãi mới đến sáng để lên đường đi tiếp. Đến bây giờ là hai ngày hai đêm không ăn uống gì rồi.

Ngô Vĩnh tâu:

- Dạ bẩm, bây giờ có cháo, bánh bao, bánh nướng ạ. Thái hậu mừng quá, vội nói:

- Có cháo rất tốt. Trong lúc hoạn nạn thế này, được như vậy là đủ lắm rồi.



Ngô Vĩnh lui về căn phòng phía Đông, sai nội giám đem cháo, bánh bao, dưa muối dâng lên Thái hậu. Nội giám lúng túng thưa:

- Dạ... dạ... nhưng còn chưa có dưa ạ.

Ngô Vĩnh nghe vậy liền quay sang hỏi bọn làm bếp:

- Tại sao không mang dưa sang một thê?

Bọn này sợ toát mồ hôi, do đêm hôm gấp gáp đã quên mang dưa sang. Ngô Vĩnh vội vàng lấy ra đôi dưa ngà thường đem theo mình dâng lên Thái hậu, nhưng còn Hoàng thượng, Hoàng hậu và những người khác vẫn chưa có dưa. Thái hậu liền ra lệnh cho bọn người hầu ra ngoài tìm cành cây, que nứa, phân phát cho mọi người làm dưa. Đến khi người của Ngô Vĩnh trình dưa lên, Hoàng thượng và mọi người mới vứt bỏ những cành cây, que nứa đó đi. Trong phòng, đâu đâu cũng có tiếng sì soạt húp cháo, tiếng tranh nhau thức ăn... Nếu đem so sánh với những bữa ăn sơn hào hải vị trong cung ngày trước, thật là khác nhau một trời một vực.

Lý Liên Anh từ trong phòng bước ra, chậm rãi đi đến trước mặt Ngô Vĩnh, gí ngón tay cái ra nói:

- Nhà ngươi khá lắm, Thái hậu rất hài lòng! Bây giờ Thái hậu muốn ăn trứng gà, liệu nhà ngươi có tìm được không?

Ngô Vĩnh “Dạ” một tiếng, liền đi ngay, không lâu sau mang lại 5 quả trứng, đem bỏ vào luộc, cho thêm nhúm muối, sai nội giám cung tiến Thái hậu. Khoảng nửa giờ sau, Lý Liên Anh cười hèn hèn bước ra, nói với Ngô Vĩnh:

- Hoàng Thái hậu rất vừa lòng, 5 quả trứng vừa dâng đã ăn hết 3 rồi, còn 2 quả thưởng cho Hoàng thượng. Thái hậu giờ lại thêm thuốc lao, nhà ngươi xem có tìm được không?

Ngô Vĩnh lại “Dạ” một tiếng rồi vội vã đi tìm. Khi tìm đến nhà một thân hào trong thành, quả nhiên thấy có một cái điều và rất nhiều giấy cuộn, Ngô Vĩnh liền mượn ngay đề tiến lên Thái hậu. Thái hậu cầm lấy điều, đứng lên, đi ra ngoài hành lang tự mình châm lửa hút, vẻ mặt thần nhiên như không có gì xảy ra. Lần này, tự Thái hậu gọi Ngô Vĩnh đến trước mặt, nói:

- Ra đi vội vã không kịp đem theo quần áo nên ai cũng bị lạnh, nhà ngươi có cách gì để giải quyết không?

Ngô Vĩnh đáp:

- Thần có nghĩ đến việc dâng y phục lên Thái hậu và Hoàng thượng, nhưng không biết Thái hậu khởi giá lúc nào, sợ mua vải rồi may không kịp. Thân mẫu của thần có rất nhiều quần áo không mặc đến, chỉ sợ xấu xí mà thôi.

Thái hậu nói:

- Chỉ cần ấm người là được rồi. Áo quần của Hoàng thượng cũng mỏng manh, các vị cách cách cũng chỉ duy nhất có một bộ quần áo trên người. Nếu có thể thêm được vài bộ thì càng tốt.

Ngô Vĩnh thưa:

- Mẫu thân của thần đã lo cả rồi, bây giờ tất cả đều đang ở nhà, xin cho thần quay về huyện đường chuẩn bị.

Ngô Vĩnh về đến huyện đường, mở rương quần áo, lấy chiếc áo kếp màu xanh của mẹ là Thái Hà phu nhân, lại lấy cả một chiếc áo bông màu tím, tính đem dâng lên cho Thái hậu. Ông ta lại lấy chiếc áo ngắn rộng tay bằng vải lụa điều; một chiếc áo lót, một chiếc áo dài bằng đoạn xanh đem dâng lên Hoàng thượng. Riêng quần áo của Thái hậu và các phi tử, các vị cách cách, do không ước được vóc người, lại nghĩ “Phụ nữ Mãn Châu có thể dùng quần áo nam giới được”, nên ông lại lấy thêm vài bộ quần áo tơ lụa của mình, cùng một số áo khoác, áo bông của đồng liêu trong thành, buộc lại thành túm, vút lẫn lộn lên nhau. Ngoài ra, Ngô Vĩnh còn lấy thêm một cái gương, vài hộp phấn trang điểm từ chỗ phu nhân của Liêu Thanh Dật, một quan lại trong phủ huyện đem đi. Nghĩ đến hai vị thái giám tổng quản cũng cần có quần áo, ông lại mang thêm 7, 8 bộ lấy từ chỗ đồng liêu, tất thảy bó vào thành một bó mang đi. Hôm sau, Thái hậu, Hoàng thượng, các vị cách cách được nghỉ ngơi, chăm sóc cẩn thận, lại thêm chút trang điểm, không còn vẻ nhếch nhác như hôm trước. Sang ngày thứ 3, Thái hậu chuẩn bị khởi giá. Trước khi đi, Lý Liên Anh tâu với Thái hậu:

- Huyện lệnh Ngô Vĩnh quả đúng một trung thần, khởi bẩm Thái hậu hạ chỉ đòi Ngô Vĩnh hộ giá theo hầu.

Thái hậu lập tức hạ chỉ, đòi Ngô Vĩnh đi theo hộ giá, chuyên lo việc lương thảo. Trong khi Ngô Vĩnh đi vắng, phong cho Liêu Thanh Dật tạm thời giữ chức huyện lệnh. Lý Liên Anh lại tâu:

- Tri châu Xương Bình Bùi Mẫn Trung thật không thể đem so với huyện lệnh Hoài Lai Ngô Vĩnh được. Khi Thái hậu đến Xương Bình, hẳn không những cho đóng chặt cửa thành, lại còn bắn súng thị uy, đúng là “Sự bại tở nạt chủ”.

Câu nói này thực đã làm Thái hậu nổi cơn thịnh nộ, đòi Lý Liên Anh phái người đến châu Bình Xương bắt ngay và trị tội Bùi Mẫn Trung.

May cho Bùi Mẫn Trung hồng phúc còn lớn. Ngô Vĩnh nghĩ đến tình cảm trước kia Trung là quan trên của mình nên đã sai người ngầm báo cho Trung biết, khuyên Trung nên treo ấn trốn đi. Khi người của Lý Liên Anh đến châu Xương Bình thì Trung đã trốn mất từ ngày hôm trước.

Đoàn người của Thái hậu nhằm thẳng phủ Tuyên Hóa mà đi. Trời lạnh, gió Đông Bắc thổi, Thái hậu với Hoàng thượng com no áo ấm, chẳng quản gì đến khổ sở của binh sĩ. Người chết đói rét, xác vút dọc đường, quang cảnh thảm thiết không kể xiết.

Khi đến phủ Tuyên Hóa, số người mà y mẫn sống sót vây chặt lấy Tri phủ Lý Khảm Đạo đòi com ăn, đòi áo mặc. Đòi mãi không được liền đánh nhau với nha dịch trong phủ.

Hóa ra có tên lính nhìn thấy người của phủ Tuyên Hóa chuẩn bị ngự tiệc thịnh soạn, mâm cao cỗ đầy ê hề thức ăn, lại có cả món lẩu cho hai cung; Vương công đại thần cũng được ăn lẩu và nhiều món rau ngon, trong khi binh sĩ đến com cũng không đủ no nên đã sinh lòng tạo phản.

Ý tạo phản ngày càng lan rộng. Lý Liên Anh sợ có binh biến, vội vàng cho gọi quan quân lương mới nhận chức Ngô Vĩnh và Bộ hộ thị lang Anh Niên đến, cùng với Tri phủ Lý Khảm Đạo bàn bạc để tìm cách đối phó.

Cuối cùng, do một huyện không thể lo đủ lương thảo, quần áo cho quân sĩ nên phải liên hệ với huyện Hoài Lai để cùng sắp xếp, lo cho mỗi người một bộ quần áo, giày, mũ; mỗi ngày phải cung cấp đủ 3 bữa cháo, bánh bao, dưa muối. Thế là cơn sóng tạo phản mới dậy lên đã dần dần lắng xuống.

Mặc dù vậy, đại thần lớn nhỏ đều đổ mọi trách nhiệm lên đầu Ngô Vĩnh. Một hôm, Lý Liên Anh nói với Ngô Vĩnh bằng giọng xảo trá:

- Nhà ngươi đã gây loạn lớn rồi đấy!

Ngô Vĩnh đáp:

- Binh sĩ tạo phản không phải là lỗi của tôi.

Lý Liên Anh tiếp tục:

- Thật là không phải! Hôm qua quân cơ vào tiếp kiến Thái hậu, Thái hậu rất tức tối, hỏi tình hình bên ngoài tại sao không chịu bẩm báo lên, lại nói: “Nếu không có Ngô Vĩnh bẩm báo thì cả ta và Hoàng thượng đều như mù như điếc”. Bây giờ mọi người đều căm hận nhà ngươi, tìm cơ hội báo thù. Người nghĩ đây chẳng phải là làm loạn hay sao?

Ngô Vĩnh đáp:

- Tôi xưa nay nghĩ rằng hai cung ít gần dân chúng, trong các đại thần cũng có người này nọ nhưng không hề nghĩ sự thực nghiêm trọng đến Thế. Nay mới biết mình đã suy nghĩ qua đơn giản, đồng thời cũng rõ được nguyên nhân thiên hạ loạn là do đâu mà ra.

Không lâu sau, các vị quân cơ hợp mưu với nhau, cùng tiến cử Ngô Vĩnh trước mặt Thái hậu:

- Ngô Vĩnh sáng suốt tài giỏi, trung quân ái quốc, nếu cử đi coi sóc công việc đình trê vùng Lương Hồ, chắc chắn sẽ có kết quả.

Thái hậu lập tức phê chuẩn.

Ngô Vĩnh tới Hồ Bắc, dành mấy ngày liền đi bá kiến các quan lại địa phương, được viên Thái thú họ Dư hết sức nể trọng. Dư Thái thú biết Ngô Vĩnh vợ chết, có ý muốn làm mà i cho một đám, qua nhiều lần giới thiệu, Ngô Vĩnh đã đính hôn với Hứ thị. Việc này đối với Ngô Vĩnh chẳng khác nào nắng hạn gặp mưa. Còn Hứ thị chồng chết đã lâu, sống một mình cô quạnh nên hết sức vui mừng. Vài ngày sau, dưới sự chủ trì của Dư Thái thú, hôn lễ được cử hành trọng thể ngay trong khánh thự.

Đêm động phòng hoa chúc, hai người như củi khô gặp lửa, như sơn như keo, khó mà cách xa nhau được. Sau đó, do thời cuộc rối ren, đường sá cách trở nên cả hai quyết định tạm thời ở lại Hồ Bắc.

Ngày 17 tháng 10 (tức ngày 24 tháng 8 nhuận), Lý Hồng Chương đã đến Bắc Kinh, cùng Dịch Khuông tiến hành nghị hòa với công sứ các nước. Ngày hôm đó, đoàn người của Thái hậu đã đến vùng ngoại vi phủ Thái Nguyên, Sơn Tây. Tuần phủ Sơn Tây là Dục Hiền đang ở Cổ Trấn nghe tin liền dẫn hơn một trăm quan viên văn võ dưới quyền ra tận trại Hoàng Thổ, một nơi cách thành 20 dặm về phía Bắc nghênh giá. Vào đến trong thành, lại sắp xếp tất cả nghỉ ngơi trong hàm môn tuần phủ.

Trong kho Thái Nguyên vẫn còn tất cả đồ đạc lúc Hoàng đế Càn Long đi tuần phía Nam và phía Bắc, đã dùng khi qua phủ Thái Nguyên, Dục Hiền liền sai lấy hết ra để hai cung sử dụng, còn mang thêm 24 lá cờ rồng cho thêm phần nghiêm trang.

Hai cung từ khi đến Thái Nguyên lại khôi phục nghi thức đại hội trong cung ngày trước. Năm đó, người Tây muốn đuổi Dục Hiền ra khỏi Sơn Đông, Thái hậu lại đưa ông ta lên ghé tuần phủ Sơn tây, Dục Hiền muốn báo đáp ơn này, hết lòng tiếp đãi Thái hậu và Hoàng thượng.

Ở tỉnh Sơn Tây, hễ Thái hậu đi tới nơi nào, quan viên châu, phủ, huyện nơi ấy nườm nượp đến cung tiến. Những người này, muốn vào được “cung môn” thì trước hết phải có “tiền vào cửa”, từ một chục lạng đến vài chục lạng tùy theo chức to, nhỏ mà định; nếu thiếu nhất định không được

vào. Trong khi đó, dân chúng mất mùa đói kém, có nơi người ăn thịt người, có người bán vợ đẻ con, khổ không kể xiết.

Từ Hy thái hậu sau khi đến Tây An, đốc phủ Tây An liền dành phủ tổng đốc làm “hành cung”. Lục bộ đường quan đều sống ở Tấn viện, giống như một tiểu triều đình. Kỳ viện mọc lên khắp nơi, người nào cũng mang trong mình tâm lý sống ngày nào uống rượu ngày ấy, sống ngày nào vui chơi ngày ấy, thật đúng là:

Gió Nam thổi tới say lòng khách

Cứ coi Trường An như Bắc Kinh.

Quả thật, Trường An khi đó thật đúng là quang cảnh kinh sư.

Từ Hy Thái hậu đâu có biết liên quân tám nước sau khi tiến vào Bắc Kinh lập tức bắt giam, trừng phạt đánh đập khảo tra hàng loạt đại thần của triều Thanh phản đối người Tây, không ít người đã treo cổ tự tử, số khác tìm cách thoát ra ngoài rồi mau chóng trốn đi. Người Tây đã câu kết với một số Hán gian lục lợi, tra xét từng nhà một. Rất nhiều tiểu thư và phu nhân của vương công đại thần sau khi cha, chồng tự tử hay bỏ trốn còn lưu lại trong kinh, đều bị đưa đến ngô Biều Bội, là nơi vui chơi giải trí cho bọn quan binh Tây. Đáng thương cho lá ngọc cành vàng, giờ trở thành hoa rơi liễu rụng.

Đầu năm Canh tý, việc Thượng thư bộ Hộ là Lập Sơn, do can gián Thái hậu không nên gây chiến với liên quân bị Thái hậu chặt đầu đến tai thống soái Đức. Ông này lập tức lệnh cho vệ binh khai quật thi thể đang chôn trong chùa Gia Hưng lên, cử hành tang lễ trọng thể rồi cải táng lại trong khu mộ phân gia họ Lập Sơn ở ngoại thành. Có bộ tư lệnh, hộ vệ, kỵ binh đưa tang về tận mộ phần.

Còn Từ Hy Thái hậu và các đại thần hộ giá cứ mặc nhiên xa xỉ, phóng túng, tiêu tiền như ném đất, hoàn toàn quên hết những ngày chạy trốn nhếch nhác, nhục nhã như chó hoang khi tháo chạy khỏi kinh thành.

Mùa thu, bầu trời Bắc Kinh vẫn cao vợi vợi, trong trẻo như xưa; Tử Cấm thành vẫn sừng sững, uy nghiêm như trước. Giang sơn vẫn đó, hầu như không đổi, nhưng thanh danh, tăm tiếng thì đã tiêu tan hết cả rồi.

# Hồi thứ hai mươi ba: GIẾT CÔNG SÚ, AN NGHĨA SĨ ĐẦU AN CỨU CÔNG TỬ, TRẠI KIM HOA ĐIỀU TRẦN

Oatoxi đang cùng vợ là mà rìa trên đường du lịch trong kỳ nghỉ ở Ba Trại thì nhận được điện báo của Hoàng đế Uyliam đề nghị nước Đức, lệnh cho ông ta giữ chức Tổng tư lệnh cao cấp liên quân vùng Đông Á, yêu cầu lập tức đi Bắc Kinh.

Hóa ra trước tết năm Canh tý, Nghĩa Hòa Đoàn được triều đình trước đánh, sau xoa, rồi dưới sự ủng hộ của Từ Hy đã liên tiếp đốt phá giáo đường. Viên Công sứ của Đức tại Bắc Kinh là Kalinton cũng bị Nghĩa Hòa Đoàn giết chết. Anh, Mỹ, Nga, Nhật, Đức, Pháp, Úc, Ý lấy cớ là bảo vệ giáo dân, đã đưa quân đội đến Trung Quốc, tấn công Bắc Kinh. Hoàng đế Đức Uyliam đề nghị đã đề nghị tiến cử Oatoxi làm tổng tư lệnh và đã được các nước khác đồng ý.

Nửa đêm trong thành Bắc Kinh, quốc kỳ tám nước xâm lược tung bay phấp phất bên cạnh lá cờ của Đại Thanh, dưới đất, bọn chó săn bán nước lòng sục khắp nơi, không một bóng quan viên nha môn, còn Từ Hy Thái hậu thì bật vô âm tín. Chỉ còn Nghĩa Hòa Đoàn dân và quân dân yêu nước Bắc Kinh ở lại ngoan cường chiến đấu.

Khắp nơi trong thành đâu đâu cũng ùng ùng tiếng súng và nhoang nhoáng ánh lửa. Những người dân sống trong tuyệt vọng, cuối cùng chỉ còn cách đào hầm chông ám sát, phóng lửa, thậm chí dùng cả nắm đấm để đối phó với súng đạn, thề quyết cùng sống chết trong máu lửa với quân xâm lược.

Việc đầu tiên của liên quân tám nước khi tiến vào trong thành Bắc Kinh là lập danh sách tất cả những ai chống lại người Tây, trong đó Từ Hy là kẻ cầm đầu, gồm có Thượng thư Cương Nghi, Đoàn Vương Tải Y, Trang vương Tải Huân, Phụ Quốc công Tải Lan, Tuần phủ Sơn Đông Dục Hiên.

Giáo chủ Phàn Quốc Lương và các giáo dân cũng lên tiếng đòi báo thù. Họ tập trung một số giáo dân kéo đến đánh đập cư dân ở vùng lân cận thẳng tay giết chết cư dân sống trong và ngoài thành Tây An.

Hình bộ Thượng thư Sùng Khởi, từ trước đến giờ sống hào hoa trên vàng bạc nhưng lạ nay bị liên quân bắt được, giải đi khắp thành để thị uy dân chúng.

Di Thân vương sau khi bị bắt, bị người Tây và Hán gian coi như khuyển mã, bắt phải cười lên xác con lừa đã chết để làm trò cười. Hộ bộ Thượng thư Dư Dụ bị lột trần truồng rồi lôi ra đánh đập.

Bộ tư lệnh liên quân coi Bắc Kinh là một trong những khu vực do quân đội quản chế. Chính phủ nhà Thanh ủy nhiệm Lý Hồng Chương làm đại thần toàn quyền, nhưng cũng nhiều lần bị Oatoxi từ chối không tiếp. Khánh Thân vương Dịch Khuông và Lý Hồng Chương bối rối hết hoàng như kiến trên chảo lửa, mời cả Âm Xương, một người đã từng du học, làm sĩ quan tại Đức và được Oatoxi rất khâm phục đến điện Nghi Loan ở Nam Hải, mong sao hấn chấp nhận cho được gặp mặt. Nhưng Oatoxi ý Thế người chiến thắng, cũng chẳng coi trọng Âm Xương - người dân của một nước bại trận - như trước nữa, mặc cho ông này có nói giỏi nói biển cũng không thêm để ý.

Việc tìm bắt hung phạm, bao gồm cả Từ Hy Thái hậu đã trở thành điểm nóng của quá trình nghị hòa. Từ Hy Thái hậu vội vàng vàng chạy trốn cũng chính là vì sợ liên quân 8 nước trừng phạt mình. Thật chẳng khác nào khi An Lộc Sơn đánh vào Trường An, Đường Huyền Tông phải chạy về phía Tây. Nhân dân cả nước căm hờn Dương Quý Phi và em trai của bà ta là Dương Quốc

Trung đến tận gan tận tủy. Có khác chẳng là Quang Tự không phải là Đường Huyền Tông, và Từ Hy Thái hậu cũng không phải là Dương Quý Phi.

Từ Hy trong lòng cũng biết chắc rằng Cương Nghị, Tái Y, Tái Huân, Tái Lan v.v... nếu bị thảm vắn giữa công đình sẽ trút hết mọi trách nhiệm lên đầu mình, cho nên từ lúc chuẩn bị, hoặc ngay cả trên đường chạy trốn, bà ta đã trực tiếp dặn dò hoặc điện báo cho những đại thần còn ở lại trong kinh thành chỉ cần cố gắng giữ được ngai vàng, các điều kiện khác không cần bàn đến, cho dù đây là mất nước hay mất quyền tự chủ. Bà ta cũng đã từng tính đến chuyện lấy tay chân đắc lực làm vật Thế tội cho mình.

Lý Hồng Chương và Âm Xương đã mấy lần thất bại khi đến gặp Oatoxi, mặc dù vậy, trong nội bộ liên minh cũng không phải là không có những bất đồng. Công sứ Nga Kốcxu cho rằng Từ Hy không phải là mầm họa dẫn đến việc quan quân dám tiến quân đánh vào sứ quán, giết chết các quan ngoại giao, mà chính là bọn Tái Y, Tái Huân, Cương Nghị, Dục Hiền... Còn công sứ Đức thì lại kiên quyết cho rằng Từ Hy Thái hậu là người chịu trách nhiệm chính, nhất định phải giết chết bà ta và đưa Quang Tự lại ngôi.

Vị Giáo chủ người Pháp dường như sợ Trung Quốc sẽ không còn loạn nữa, cũng đến đổ thêm dầu vào lửa. Mỗi lần ông ta nhìn thấy mộ phần của các mục sư Pháp ở ngoài Phụ thành môn bị Nghĩa Hòa Đoàn san phẳng đều cảm thấy đau lòng, lập tức đến gặp công sứ Pháp, một mục yêu cầu ông ta nói lại với Thống soái Đức cho phép mình giết hết cư dân trong vùng để báo thù. Công sứ Pháp bị ép nhiều quá, liền đi gặp Oatoxi để thương lượng. Oatoxi đã tổ chức liên hai cuộc họp để bàn về việc này. Sau vì đang trong thời gian nghị hòa nên không Thế tự ý ra lệnh đốt phá được. Và ông ta cũng hiểu rằng nếu cứ khăng khăng đòi trị tội Từ Hy Thái hậu thì sẽ không có ai để thu dọn cái trật tự Trung Quốc vốn đang nát bét như tương rồi, huống nữa ý kiến của các nước trong liên quân cũng không giống nhau, mà cái nhà ông Lý Hồng Chương kia cũng không thấy đến.

Lý Hồng Chương tuân theo ý chỉ của Từ Hy, đã khăng định với Oatoxi rằng cuộc binh lửa này chủ yếu là do Nghĩa Hòa Đoàn gây ra, cố gắng hết sức để gỡ trách nhiệm cho Từ Hy. Thấy thái độ của ông ta kiên quyết, Lý Hồng Chương cảm thấy bẽ tắc, suốt hai hôm đó buồn quá đến phát bệnh. Còn Oatoxi thấy Lý Hồng Chương đã hai ngày liền không đến, đâm ra hoang, vội sai người đến chùa Hiền Lương ở Đông Thành mời Lý Hồng Chương. Lý Hồng Chương bảo Âm Xương đi thỉnh thị Khánh Thân vương. Âm Xương tới phủ Khánh vương, liền kể lại việc Oatoxi cho người đến mời Lý Hồng Chương. Khánh vương liền bảo ông ta hãy đại diện cho Lý Hồng Chương, đến gặp Oatoxi.

Lần này, Oatoxi đã nói ra ý định của mình:

- Lần này triệu các ngài đến đây không có chuyện gì khác ngoài việc yêu cầu các ngài tìm cho ra thủ phạm đã giết công sứ Kalinton, các điều kiện khác sẽ bàn bạc sau.

Âm Xương trở về, báo lại với Lý Hồng Chương. Lý Hồng Chương nhấn nhó:

- Cứ ngồi lên là tôi lại đau đầu chóng mặt. Việc này ông có thể đến bàn bạc với Khánh Thân vương.

Tối hôm đó, trong Khánh vương phủ, mấy vị đại thần cùng ngồi với nhau nghiên cứu cách tìm ra hung thủ đã bắn chết Kalinton. Họ Đồng nói:

- Sự việc xảy ra cách đây lâu quá rồi, hơn nữa lại vào đúng lúc loạn, sao có thể tìm ra hung thủ kia chứ!

Khánh Thân vương nói:

- Hôm qua, theo như viên Đề đốc Cửu môn xưng ra, ngay đang lúc xảy ra chuyện ở Đông Đơn

tổng bố thì có mặt bọn lính của nha môn đề đốc và lính của Kỳ Chính Lam. Hiện nay Oatoxi đang muốn tìm ra hung thủ chính là một người của Nghĩa Hòa Đoàn. Lý Trung đường nói nếu bắt được hung thủ, tất sẽ được nói rộng các hạn định. Các ngài xem nên làm thế nào bây giờ?

Âm Xương trả lời:

- Bây giờ nên tìm Tháp Mộc Am, Tổng biện Công sở an dân đoạn thứ 2 ở Đông Đơn đến đây.

Khánh Thân vương lại nói:

- Việc này đã xảy ra cách đây hơn nửa năm, bây giờ lại còn lôi ra làm gì. Nếu như tìm không ra thủ phạm, bệnh tình của Lý Hồng Chương càng nặng hơn thì chúng ta thật chẳng còn cách nào nữa.

- Việc này quả đúng là mò kim đáy bể. Nhưng chuyện bắn chết công sứ Đức cũng đã vang dội khắp cả chín thành, nơi xảy ra vụ án thì đã rõ rồi, tôi nghĩ một vụ án lớn như Thế, chắc chắn sẽ có đầu mối thôi. Chúng ta cứ đi tìm Tổng biện Tháp Mộc Am sai ông ta tìm một thân sĩ nào đó ở gần đấy giúp đỡ điều tra. Tục ngữ đã nói rồi, “chẳng có giậu nào che nổi gió, giấy không bọc kín được lửa”.

Thực chất, “Công sở an dân” đó chính là tổ chức của bọn “Hán gian” mới thành lập tạm thời.

Hai ngày nay, tin triều đình tra xét người đã nổ súng giết chết Kalinton đồn khắp trong thành, ầm ầm như bão làm cho ai ai cũng hoảng cả hồn lên. Công sở an dân cho rằng hung thủ nhất định phải là một người trong giới quân đội, không thì lấy đâu ra vũ khí. Tất cả những người đã từng đi lính nghe vậy đều không dám ra khỏi nhà vào ban ngày; nửa đêm chỉ hơi nghe tiếng động nhẹ cũng đủ giật mình tỉnh dậy, tim đập thình thình.

Thực ra rất nhiều người đi lính trước khi thành Bắc Kinh rơi vào tay liên quân tám nước biết rõ ngọn ngành sự việc này, nhưng ai cũng sợ nói ra thì tính mạng của gia quyến, vợ con cũng khó mà giữ được. Vì Thế, chẳng ai dám nói. Về sau, Khánh Thân vương cho người cáo thị tuyên thưởng 5000 đồng cho người báo tin, lại nói rõ nếu không bắt được hung thủ, sẽ không thể tiến hành việc nghị hòa, quốc gia mãi mãi bị chiếm lĩnh, hai cung không được trở lại kinh thành và liên quân 8 nước không bao giờ chịu rút lui.

Khi Tháp Mộc Am và nhân viên của mình đang bàn việc để tìm ra đầu mối hung thủ trong Công sở an dân, thì bỗng thấy bên ngoài ầm ầm náo loạn. Tháp Mộc Am liền gọi to:

- Người đâu!

Tiếp đó Quê Tổng tuần vội vàng chạy đến, đứng nghiêm trước mặt Tháp

Mộc Am. Tháp Mộc Am vội hỏi:

- Ngoài kia có gì mà náo loạn lên như vậy? Ta hằng ngày đã nhắc các người phải chú ý, phía Tây là nơi ở của Lý Trung đường, bên trong lại có rất nhiều võ quan Đức sống. Bây giờ Lý Trung đường đang ốm, việc nghị hòa cũng phải hoãn lại. Nếu bây giờ có xảy ra chuyện gì, Lý Trung đường trách tội thì ta hay các người sẽ chịu nổi đây!

Quê Tổng tuần đã biết tính Tháp Mộc Am. Khi ông ta đang căn dặn điều gì thì việc gấp đến mấy cũng không được mở mồm, phải đợi ông ta nói hết hẵng hay. Đợi Tháp Mộc Am ngừng nói, Quê Tổng tuần thưa:

- Thuộc hạ vừa ra ngoài tra xét thì Tổng biện đại nhân gọi vào ạ.

- Vậy nhà ngươi đi xem mau lên, nhớ không để họ chửi nhau, kêu gào ầm ĩ nghe chưa!

Quê Tổng tuần thấy bên ngoài người đứng vòng trong vòng ngoài, hai tên tuần bộ đang giữ chặt một người thanh niên, một tên nhìn thấy Quê Tổng tuần, liền chỉ vào người thanh niên bẩm:

- Người này đến tự thú, nói là đã bắn chết Kalinton, hôm nay đến đây xin chịu tội.

Tháp Tổng biện nghe vậy, trong lòng không khỏi nghi hoặc. Vụ án long trời lở đất như vậy, làm gì có chuyện người đến tự thú! Tháp Mộc Am nói:

- Giải anh ta vào đây.

Hai tên tuần bộ đã giải người thanh niên vào. Người này đến trước công án liền quỳ xuống, Tháp Tổng biện thấy anh ta không có vẻ là hung thủ, liền hỏi:

- Nhà ngươi sống ở đâu, tên họ là gì, năm nay bao nhiêu tuổi?

Người thanh niên đáp:

- Tôi sống ở Thập Sát Hải, phía ngoài Địa An Môn, năm nay 25 tuổi, người Kỳ, tên là Ân Hải.

Tháp Mộc Am hỏi:

- là người Kỳ nào? Làm gì?

- Là người Bạch Kỳ, Mãn Châu, giữ chức hộ quân hiệu, từng làm mà Âm Chương Kinh trong Đình Tự đội, trại Thần Cơ.

Tháp Mộc Am hỏi tiếp:

- Nhà ngươi chính là sát thủ đã giết chết Kalinton sao?

- Vâng.

- Ta và các đại thần đang vô cùng lo lắng về chuyện này. Nhà ngươi hôm nay đến tự thú, thật là có tấm lòng trung với nước. Nhưng ta xem diện mạo ngươi, không giống phường du đãng chuyên việc giết người, nếu có ẩn tình gì bên trong thì cứ nói ra, vì nó không chỉ quan hệ đến sinh mạng nhà ngươi mà quan trọng hơn là liên quan đến sự tồn vong của xã tắc. Nhà ngươi cứ nghĩ kỹ đi.

Ân Hải thấy Tháp Mộc Am nói vậy, vội đáp:

- Ý tốt của đại nhân, Ân Hải sẽ ghi nhớ cho đến chết. Nhưng hôm nay Ân Hải đến đây tự thú, là hoàn toàn do mình chủ động, không có ai thao túng sau lưng.

Tháp Mộc Am liền nói:

- Hôm nay mới biết được hung thủ giết Kalinton chính là ngươi, coi như chúng ta đã có nhân chứng rồi, vậy hãy kể lại lúc đó ngươi đã hành động như thế nào?

Tháp Mộc Am còn chưa nói hết câu, Ân Hải đã cắt lời:

- Hôm đó, công sứ Đức từ bộ tư lệnh Đức ở Sùng Văn Môn đi ra. Ông ta ngồi trên cỗ xe 4 ngựa mui trần, đi qua cửa đông ngõ Mối Tra ở cổng chào Đông Đơn. Khi nhìn thấy một tốp quyền dân



Nghĩa Hòa Đoàn đang luyện tập ông ta liền giờ súng bắn vào họ. Mấy đồng bào của chúng ta đã chết ngay tại chỗ. Cảnh đó, binh lính nhà Thanh đứng trợn mắt nhìn không làm gì cả. Một lúc sau, cả quyền dân, cả binh lính mới náo loạn cả lên, nhưng chúng tôi không hề biết đây là công sứ Đức. Ông ta bắn xong liền đánh xe đi luôn. Mọi người có mặt đều tức nổ con người. Ai cũng nói không thể để ông ta ra đi một cách dễ dàng như vậy, nhưng không ai dám bắn. Tất cả náo loạn cả lên. Trời lúc đó đã nhá nhem. Mấy quyền dân lặng lẽ nhặt xác anh em rồi đưa đi. Lúc đó tôi nghĩ ngày mà ỉ, hẳn nhất định sẽ đi qua chỗ này, và tôi quyết rửa hận cho đồng bào. Quả nhiên, trưa hôm sau, ông ta lại ngồi trên cỗ xe đó, đi qua cổng chào Đông Đơn, rất nhiều anh em binh lính nhà Thanh đều nhìn thấy ông ta từ xa đi tới, nhưng ai cũng sợ gây rắc rối cho triều đình nên không dám bắn. Tôi đã giật ngay lấy súng của một anh lính đứng bên cạnh và nói:

- Nước nhà dùng các anh liệu có ích gì?

Họ trả lời:

- Chúng tôi không bắn không phải vì sợ hấn mà bởi vì hấn là người ngoại quốc, triều đình lại chưa có lệnh thì sao dám bắn hấn?

Tôi nói:

- Bây giờ, triều đình đã có thượng dụ tuyên chiến, bọn người Tây lễ ra đã phải rút khỏi Trung Quốc từ lâu rồi. Vậy mà cậ mạnh tiến đến tận Tổng lý hàm môn, còn dám bắn chết cả đồng bào chúng ta, rõ ràng là làm nhục Trung Quốc. Chúng biết nỏ súng giết người, chẳng lẽ chúng ta không được đánh lại chúng!

Những lời nói hào hùng, chính nghĩa của Ân Hải làm cho Thập Mộc Am và tất cả nhân viên trong công sở vô cùng khâm phục. Thập Mộc Am hỏi:

- Vậy nhà người có vật chứng gì không?

Ân Hải đáp:

- Có.

Nói rồi liền lôi ra một cái đồng hồ quả quýt màu xanh, một khẩu súng lục, dùng hai tay dâng lên, nói:

- Đây là những thứ tôi lấy được trong người Kalinton, mời đại nhân xem qua.

Thập Mộc Am liền cầm lên xem, là một chiếc đồng hồ quả quýt mặt lửa rất tinh tế, đẹp mắt và một khẩu súng ngắn loại hiện đại nhất. Ông ta nói:

- Từ hai vật chứng này, có thể thấy những lời người nói ra không phải là giả dối. Nhà người mang hai vật chứng này đến đây tự thú, rõ ràng là thật lòng muốn vậy.

An Hải đáp:

- Tôi nghe nói Khánh Thân vương tuyên bố thưởng 5000 đồng để tìm người biết đầu đuôi sự việc. Tôi cũng đã đọc cáo thị, hôm nay đến đây là quang minh chính đại. Tôi không muốn trốn tránh ở nhà để triều đình không tìm ra người tạo nên cơ sự. Tôi không muốn cuộc nghị hòa bị hoãn lại hoặc đổ vỡ, không muốn để dân chúng khắp nơi lâm than. Nhân dân được bình yên thì dầu Ân Hải này có chịu tội chết cũng cam lòng. Mong đại nhân hãy mau trối tôi lại, giải lên trình Khánh Thân vương và Lý Trung đường, giao cho Thống soái nước Đức, tiến hành nghị hòa cho đất nước.

Nói rồi liền dập đầu trước Tháp Mộc Am. Tất cả mọi người trong công sở không ai không cảm động. Tháp Mộc Am cũng cúi đầu, nước mắt lưng tròng. Rồi ông ta quay sang nói với Quê Tổng tuần:

- Hãy để cho Ân Hải nghỉ ngơi trước đã, mua cơm về cho anh ta ăn, rồi sau đó mau mau đi lo công chuyện, trình Vương gia và Trung đường định đoạt.

Trưởng cảo vội vàng soạn hai bản khẩu cung, một bản trình lên Khánh Vương gia, một bản đưa tới nhà của Lý Trung đường ở Hiền Lương tự. Vừa lúc Khánh Thân vương đang chuẩn bị sang hỏi thăm bệnh tình của Lý Hồng Chương, nghe người báo tin vội lập tức lên xe tới nhà Trung đường. Hai người mới nói vài câu, Khánh Vương gia đã nói:

- Có được người ra tự thú, thực là phúc lớn cho Đại Thanh chúng ta. Trung đường cũng đỡ vất vả.

Lý Hồng Chương nói:

- Đây đúng là hồng phúc của triều đình. Nhưng người này cũng thật là hiếm có. Nếu những vật chứng anh ta đưa ra không có vấn đề gì thì mau thông báo cho Oatoxi biết để tiến hành nghị hòa.

Lý Hồng Chương cử Ân Xương đi đến phòng làm việc của bộ tư lệnh quân đội Đức, dẫn theo cả Tháp Mộc Am, Quê Tổng tuần và năm tên tuần bổ áp giải Ân Hải, cùng hồ sơ vật chứng đến gặp Oatoxi. Oatoxi xem xong vật chứng, nhân chứng, lại nghe phiên dịch lại toàn bộ lời khai khẩu cung, không kìm được, giật mình nói:

- Trung Quốc bây giờ mà vẫn còn có được những anh hùng như vậy!

Ông ta nghĩ rằng, thậm chí nước Đức cũng không có được những người cao thượng đến thế. Rồi gọi tùy tùng cỡi trời cho Ân Hải, đưa anh ta sang một phòng khác, tạm thời canh phòng nghiêm ngặt để chờ thẩm vấn. Quan quân nhà Thanh lúc này đều lui về hết cả.

Ngày hôm sau, Oatoxi lập tức mời quan tư lệnh của các nước Anh, Nhật, Pháp, Nga, Mỹ đến, tự mình kể lại đầu đuôi sự việc Ân Hải bắn chết Kalinton như thế nào. Quan viên các nước có mặt tại hội nghị sau khi nghe hết câu chuyện, không ai không cảm kích trước hành động chính nghĩa của Ân Hải. Tư lệnh Nga nói:

- Mặc dù Ân Hải là người bắn chết Kalinton, nhưng vì anh ta nhìn thấy Kalinton bắn chết đồng bào mình trước, mới phần nộ và báo thù như vậy. Hơn nữa lý do để Nghĩa Hòa Đoàn nổi loạn chính là từ phía Từ Hy. Nếu chúng ta chỉ giết Ân Hải, bỏ qua Từ Hy thì chẳng khác gì đánh rắn không đập đầu. Nếu căn cứ vào điều lệ quốc sự phạm thì Ân Hải phải được bảo vệ chứ không thể tự ý xử tội chết.

Oatoxi nói:

- Người Trung Quốc thường có câu: “Giết người đền mạng, thiếu nợ đền tiền”. Ân Hải tuy giết người để báo thù cho đồng bào nhưng cũng không thể thoát được tội chết. Hơn nữa, anh ta đã cả gan giết chết sứ giả nước ngoài, tội ấy không thể dung tha.

Chỉ có duy nhất tư lệnh Nhật Bản đồng ý với ý kiến của ông ta. Những người khác đều tán thành ý kiến của tư lệnh Nga.

Đúng lúc hai bên ý kiến còn chưa thống nhất thì có người bên ngoài vào báo: Kalinton phu nhân đã đến. Bà này mặc trên người một chiếc áo khoác đen may bằng lụa, trên đầu đội chiếc mũ

đen có gắn một chiếc lông khổng tước, mang cặp kính màu xanh nhẹ, một chiếc khăn ren màu đen phủ kín đầu và mặt, đi giày da đen cao gót, tay xách chiếc ví màu đen, cổ đeo một chuỗi ngọc sáng bóng.

Oatoxi liền nói lại với phu nhân toàn bộ nội dung từ nãy đã nói với công sứ các nước, đưa cho ba ta cả tờ khai khẩu cung và các vật chứng ma Lý Hồng Chương đưa tới. Phu nhân sau khi nhận được chiếc đồng hồ và khẩu súng từ tay Oatoxi, bỗng òa lên khóc, nói:

- Tên hung thủ Ân Hải giờ đang ở đâu, mau đưa ra đây cho tôi xem mặt!

Một viên võ quan liền đưa Ân Hải từ phòng bên cạnh sang. Ân Hải ung dung bước vào, nhìn thấy trong phòng toàn là người nước ngoài, không những không run sợ, lại còn kiên cường đứng sừng sững giữa phòng, không chịu quỳ gối. Kalinton phu nhân nhìn thấy Ân Hải, tức đỏ cả mắt liền nhảy bổ vào túm chặt lấy đuôi sam tóc tết của Ân Hải. Ân Hải khàng khái nói:

- Muốn định tội gì thì cứ định, việc gì phải dã man như vậy!

Hành động của Kalinton phu nhân đã khiến cho công sứ các nước rất không đồng tình. ba ta tức tối nói:

- Đắt nước các người mới thật là dã man, giết cả người ngoại quốc đang ở trong nước mình. Người đã giết chết chồng ta, ta Thế sẽ bắn tan xác người cho hả giận.

Kalinton phu nhân đã sống ở Trung Quốc trong nhiều năm, ba ta nói tiếng Trung Quốc rất lưu loát. Chính lúc đó từ phòng trong, một phụ nữ Trung Quốc thong thả bước ra. Người này mặc một bộ quần áo kiểu Tây màu hồng đỏ, mặt hơi gầy, nhưng có vẻ rất tinh anh, sắc diện hơn người. Tư lệnh các nước thấy cô ta nhẹ nhàng đi ra, nhất loạt đều vỗ tay.

Kalinton phu nhân cảm thấy người này có vẻ quen quen, hình như đã từng gặp ở vũ trường Beclin rồi. Lúc đó Oatoxi còn là một viên tướng lục quân thường lên lút hò hẹn với Trại Kim Hoa để gặp nhau ở công viên, không để Hồng Quân biết. Câu chuyện phong lưu tài tử này, Kalinton phu nhân cũng biết rất rõ. Lúc này, Trại Kim Hoa ở phòng trong, thấy được hành động thiếu văn hóa của Kalinton phu nhân, cũng thấy vẻ hiên ngang bất khuất của Ân Hải nên trong lòng vô cùng cảm phục. Cô này liền đứng trước các công sứ, dùng tiếng Anh nói một cách lưu loát:

- Giết người đền mạng là lẽ đương nhiên, thế nhưng Ân Hải không giết công sứ Kalinton vì thù hận cá nhân mà bởi vì anh ta tận mắt nhìn thấy công sứ Kalinton đã giết hại đồng bào của anh ta trước, mới căm phẫn trả thù. Nghe nói sau khi xem được cáo thị của triều đình, Ân Hải lại tự mình ra đầu thú, hoàn toàn không phải do người khác tra xét rồi bắt được nộp lên. Anh ta là một người Trung Quốc, không màng gì đến lợi ích riêng tư, chỉ mong việc nghị hòa sớm được tiến hành, binh lính Tây nhanh chóng rút lui, lễ dân bách tính mau chóng được an cư lập nghiệp. Mong các vị ở đây suy nghĩ sâu xa một chút, nếu như đất nước các ngài cũng có được một người như Ân Hải thì các ngài sẽ đánh giá thế nào? Theo tôi, Ân Hải không có tội gì cả. Mầm mống tội lỗi không phải là Ân Hải mà chính là Từ Hy Thái hậu. Các vị ở đây đều là những người coi trọng chính nghĩa, nếu căn cứ vào điều lệ quốc sự phạm thì việc xử tử hình Ân Hải không phải là việc dễ thực hiện.

Nghe Trại Kim Hoa nói xong, mọi người đều đồng tình vỗ tay tán thưởng, khiến cho Kalinton phu nhân bối rối không biết nói sao cho phải.

Tuy Oatoxi chủ trương xử Ân Hải tội chết, nhưng những lời hào hùng vừa rồi của Trại Kim Hoa cũng làm ông ta chùn lại, liền ra lệnh:

- Trói Ân Hải lại, chờ xin ý kiến của Hoàng đế nước Đức rồi phán xét sau.

Trại Kim Hoa vì sao lại cùng Oatoxi hội ngộ tại Bắc Kinh? Kể ra thì cũng dài dòng: Thiên Tân vốn là nơi tập trung của rất nhiều người nước ngoài, Trại Kim Hoa đã từng hành nghề ở đó. Nhờ vốn nói được cả tiếng Anh lẫn tiếng Đức, chẳng mấy chốc Trại Kim Hoa đã nổi tiếng, khách làng chơi từ khắp nơi tìm đến. Một dạo, Kim Hoa sống với Viên Thế Khải, cuối cùng, do cuộc đại biến mới xảy ra, Trại Kim Hoa đã quyết định rời bỏ họ Viên.

Oatoxi sau khi đến Bắc Kinh, lúc nào cũng tâm tâm niệm niệm tìm cho được Phó Thái Vân để nối lại duyên xưa. Nhưng Trung Quốc to như vậy, biết tìm ở đâu, lại thêm Phó Thái Vân đã đổi tên thành Trại Kim Hoa, việc tìm kiếm càng như mò kim đáy bể. Song vì ông ta là tổng tư lệnh liên quân chức cao vói vói, bọn Hán gian để làm đẹp lòng ông ta, đã tìm mọi cách mời Trại Kim Hoa về Bắc Kinh.

Trại Kim Hoa và Oatoxi gương vỡ lại lành, chẳng khác gì nắng hạn gặp mưa, rom khô gặp lửa. Một người gió bão gặp vui, một người đêm mong ngày ngóng, gặp được nhau, họ không tin vào mắt mình, tưởng đang nằm mộng. Trại Kim Hoa, trong những ngày bên hoa dưới nguyệt, trăng ngó ngoài song cũng đã mời mơn về tắm ân tình hào hoa của Oatoxi. Từ đó, Trại Kim Hoa trở thành “phu nhân” của Oatoxi, chủ nhân chính thức của điện Nghi Loan.

Hằng ngày, Trại Kim Hoa cùng Oatoxi cưỡi ngựa đi trong thành Bắc Kinh, giống như đôi uyên ương rập rờn bên nhau khắp chốn. Khánh Thân vương và Lý Hồng Chương thấy được Thế mạnh của Trại Kim Hoa cũng bí mật cho người vào trong thành, xin Trại Kim Hoa đỡ lời trong việc hòa. Có điều, Trại Kim Hoa kiên quyết không nhận đỡ lời xin tội cho Từ Hy Thái hậu. Cung tần phi nữ trong các cung, cũng nhờ cung nữ của Trại Kim Hoa nói lại, nhờ cô ta xin công sứ Tây phê chuẩn nghiêm cấm binh lính Tây vào cung, cho phép thái giám đi ra ngoài mua hàng hóa, đồ dùng... Oatoxi đã phê chuẩn tất cả khi nghe Trại Kim Hoa nói.

Việc Ân Hải được ưu đãi trong khi đang bị giam giữ cũng chính là nhờ Trại Kim Hoa luôn luôn quan tâm giúp đỡ.

Chính nhờ việc tìm ra hung thủ Ân Hải, việc nghị hòa đã được tiến hành. Hoàng đế Uylyam đệ nhị của Đức đã điện báo sang, nêu rõ ý kiến của mình trong việc xử tội Ân Hải như sau: “Để giữ uy tín cho nước Đức, nhất quyết phải xử tử Ân Hải, đồng thời phải đặt bia tường niệm ở nơi Kalinton bị giết, dùng tiếng Đức và tiếng Hán ghi rõ Hoàng đế đại Thanh rất lấy làm tiếc trước sự việc không may mắn này.

Oatoxi đề xuất sẽ chặt đầu Ân Hải đúng vào lúc khánh thành bia tường niệm. Việc xây dựng bia đã bắt đầu, nhưng vì công trình này cũng tương đối lớn, nên việc xử tử Ân Hải cũng phải lùi lại.

Sau khi Ân Hải tự thú, Lý Hồng Chương và Khánh Thân vương đã điện báo cho hai cung ở Tây An được biết, mặt khác đẩy mạnh quá trình nghị hòa với công sứ các nước. Cuộc nghị hòa lần thứ hai lại được tiếp tục tiến hành tại phố Chùa Đông Đường, đưa ra kết luận cuối cùng về việc luận tội những người cầm đầu trong việc tấn công và giết chết võ quan của liên quân các nước như sau: Đoan Vương Tải Y, Phụ quốc công Tải Lan, khép tội tử hình “Định trăm giám hậu”, nếu Hoàng thượng gia ân, miễn tội chết sẽ phải đem tống giam ở Tân Cương, không bao giờ được giảm tội. Trang Thân vương Tải Huân, Đô sát Viện Tá, Đô ngự sử Anh Niên, Hình bộ Thượng thư Triệu Thư Kiều phải tự tử ngay tại Tây An. Tuần phủ Sơn Tây Dục Hiền, Lễ bộ Thượng thư Khôi Tú, Hình bộ Thị lang Dư Thừa Dục tất cả khép tội, xử phạt hành chính. Còn lại bộ Thượng thư Cương Nghị, Hiệp biện Đại học sĩ Dư Đồng đều phải tử hình, cách chức ngay lập tức.

Đến mục “Hòa nghị”, “bồi thường”, cả hai bên đều tốn rất nhiều công sức. Đại biểu các nước được voi đòi tiên, nhất nhất đòi bồi thường 9 trăm triệu lạng bạc. Nếu đem tính với dân số Trung Quốc lúc bấy giờ có 4 trăm triệu người, thì từ già đến trẻ, bất kể gái trai, mỗi người phải chịu hơn hai lạng bạc. Lý Hồng Chương lại cùng họ thương lượng. Người Tây thấy Lý Hồng Chương trước kia vốn khom lưng quỳ gối với mình nên càng tỏ ra kiên quyết, khiến cho hội nghị phải dừng lại đến 2, 3 lần.

Cuối cùng, hai bên thống nhất hạ xuống còn 450 triệu lạng, trả dần trong 39 năm, lãi năm 4%.

Từ Hy Thái hậu lại điện chỉ từ Tây An “Chi cần giữ được ngai vàng, các điều kiện khác đều không cần thiết”.

Chính Từ Hy cũng biết rằng Cương Nghị, Triệu Thụ Kiều, Dục Hiền.v.v... là những cánh tay đắc lực và trung thành với mình. Còn việc tấn công sứ quán, trọng dụng Nghĩa Hòa Đoàn, là hoàn toàn do mình quyết định. Bà ta cũng cảm thấy lương tâm cắn rứt, nhưng cũng thấy may có được bọn người này chết thay thì tính mạng và quyền lực của mình mới được bảo toàn.

Đáng thương cho những tấm bia đỡ đạn, chết đến nơi vẫn không nói được câu nào. Khởi Tú, lúc sắp bị chặt đầu ở Thái Thị Khẩu trong thành Bắc Kinh vẫn ngơ ngác hỏi quan xử trảm:

- Đây là ý chỉ của Hoàng Thái hậu hay là ý muốn của người Tây?

Từ Hy Thái hậu hạ chỉ đưa Dục Hiền về Tân Cương, định cho ông này thoát tội. Không ngờ khi Dục Hiền đi đến Lan Châu, Cam Túc, triều đình nhận được tin của Thống soái Đức, thông báo liên quân yêu cầu tử hình Dục Hiền.

Tuần phủ Cam Túc nhận được điện báo của triều đình ra lệnh xử tử Dục Hiền, lại có cả Hà Phúc Khôn đến giám sát việc xử trảm, liền báo cho Dục Hiền biết. Dân chúng Lan Châu, nghe được tin buồn này liền tập trung lại, kéo nhau đến xin tha tội. Dân chúng cho rằng Dục Hiền nếu bị đem ra hành quyết thì thật là oan uổng. Dục Hiền nói với Lý Đình Túc:

- Tội thân đáng chết nhưng chí thân vẫn còn, đáng quân tử phải chọn cho mình cái chết phân minh. Mong nhị huynh ở lại cố gắng cung phục hai cung.

Sáng sớm ngày mùng 6 tháng 1 năm Tân Sửu, Hà Phúc Khôn đã tới “Thập Tự quán” cho gọi Dục Hiền ra. Dục Hiền hướng về phía Bắc, quỳ xuống lạy 9 lần rồi từ biệt thế gian dưới lưỡi đao của võ sĩ.

Dục Hiền, tự là Tả thần, họ Diệp Hách Nhan Trát Thị, được coi là vọng Tộc của triều Thanh.

Năm 1840 (tức năm Đạo Quang thứ 20), triều đình tuyển chọn gái đẹp vào cung. Một cô gái dòng họ Diệp Hách Nhan Trát Thị đã trúng tuyển, nhưng không hề muốn phải vào cung. Do gia đình bức ép, cô này buộc phải lên kiệu. Nhưng trên đường về kinh liền dùng dao tự sát. Vào đến cung nội, mọi người mới phát hiện ra. Triều đình lập tức bắt Dục Hiền vào cung, xung vào phủ nội vụ, biên chế vào đội Chính Hoàng Kỳ.

Khi làm Tuần phủ Sơn Đông, Dục Hiền đã ủng hộ Nghĩa Hòa Đoàn, tạo điều kiện cho họ đi đốt phá nhà thờ, giết hại mục sư, làm công sứ Mỹ tức điên lên, can thiệp với Triều đình để Viên Thế Khải đến thế chức Tuần phủ Sơn Đông. Triều đình lại có ý đưa Dục Hiền sang nhận chức Tuần phủ Sơn Tây. Khi đến Sơn Tây, Thái Nguyên, Dục Hiền đưa cả mẹ là Phương Thị chín mươi tuổi đi cùng. Cha của Dục Hiền có tên là Cánh Dương, vốn là một tú tài nghèo rớt mồng tơi. Bận bề ngày trước cũng từng giới thiệu cho ông ta vài đám, song vì quá nghèo nên không thành duyên số. Sau có người giới thiệu, nên trở thành con rể của nhà tài chủ họ Phương ở huyện Lai Thủy. Vợ ông ta là Phương Thị, vừa xấu, vừa rồ mạt, nhưng Cánh Dương cũng không chê bai gì cả. Sau khi cưới thì ở luôn nhà vợ. Do chăm chỉ học hành, ông ta thi thố đỗ đạt, được bổ nhiệm làm Tri phủ Quảng Đông. Phương Thị sau sinh ra hai con là Dục Hiền và Dục Tuấn.

Dục Tuấn làm hậu bổ đạo Thiểm Tây, khi nghe tin anh mình bị phế, liền tới Thái Nguyên, nói dối với mẹ rằng:

- Đại ca phụng chỉ có việc đi sang tỉnh khác, kính mời mẹ trợ về Bắc Kinh.

Dục Tuấn đưa mẹ về Bắc Kinh, sống ở ngõ Phong Thịnh lâu Tây Từ. Vợ chính của Dục Hiền mất sớm. Ở Thái Nguyên, ông ta có 5 người thiếp là Trúc Quân, Cúc Tiên, Tuyết Thuyền, Tiểu Hồng và Tiểu Lục. Khi Dục Hiền bị phế, con trai của Trúc Quân là Ảnh Quan cùng với Tiểu Hồng và gia đình đi theo chăm sóc ông ta. Những người khác đều bị Dục Hiền bắt phải tự tử trước khi ông ta ra khỏi nhà. Lúc đầu Dục Hiền rơi xuống đất Lan Châu, Ảnh Quan đã chặt đầu một con gà trống để tiếp dẫn vong hồn, sau đó cùng Tiểu Hồng, nối đầu với thân Dục Hiền với nhau, mai táng cẩn thận.

Quay lại chuyện các nước gây sức ép bắt Trung Quốc phải cắt đất bồi thường, được phía Trung Quốc đồng ý, đã vô cùng thỏa mãn. Oatoxi lập tức bàn bạc với các nước về việc rút quân, chẳng cần đợi khánh thành bia tưởng niệm nữa. Còn việc xử tội Ân Hải, cử đại thần Đức đến gặp triều đình nhà Thanh, tiến hành theo đúng như bản nghị hòa đã định.

Rồi cũng đến ngày nghĩa sĩ Ân Hải bị đem ra xử tử. Cả buổi sáng, Ân Hải bị trói chặt vào bia tưởng niệm, rồi nghe chỉ tế viên Na Đồng đọc chiếu chỉ. Đến giữa trưa, mặc dù bị trói chặt, Ân Hải vẫn giữ nguyên dáng vẻ hiên ngang bất khuất, Na Đồng đọc xong chiếu chỉ, liền quỳ xuống hành lễ trước bia tưởng niệm Kalinton. Ân Hải hét to:

- Chi bọn không xương mới phải quỳ lạy người ngoại quốc! Rồi anh ta lớn tiếng nói hết lý do mình gây án, hùng hồn, bi tráng. Nói xong liền tự đưa đầu chịu chết, không hề sợ hãi.

Dân chúng đứng chật ních đoạn đường từ Đông Đơn lâu đến Tây Đơn lâu. Những khách du lịch ngoại quốc lúc đó đang ở Bắc Kinh, cả trẻ già trai gái đều kéo nhau đến xem, chụp ảnh Ân Hải rồi gửi về nước với những lời ca ngợi không dứt. Những bài báo cả ngợi Ân Hải đã rộ lên trên tất cả các tờ báo tiếng Anh, Pháp và tiếng Đức.

Hôm đó, rất nhiều đại thần toàn quyền của các nước cũng đến tận nơi chứng kiến. Đại thần toàn quyền các nước Anh, Pháp, Mỹ, Úc, Bỉ, Nhật, Ý, Hà Lan v.v... đại diện của 11 nước, không ai không ngỡ ngàng thán phục trước cái chết và những lời nói hùng tráng, bi thảm cũng như khí phách hiên ngang, coi thường cái chết của Ân Hải.

Bia tưởng niệm Kalinton gồm 5 bậc, cao hơn 2 trượng, tất cả tiêu hết 1 triệu 200 ngàn lạng bạc, xây trong nửa năm mới hoàn thành. Ngày 7/9/1901 (tức 25 tháng 7 năm Quang Tự thứ hai bảy) chính phủ nhà Thanh đã ký Điều ước Tân Sửu với đại diện 11 nước, trong đó có một điều là: dựng và công nhận tấm bia ô nhục này ở đường lớn Sùng Văn Môn, nơi Kalinton đã bị giết chết.

Tham gia ký kết điều ước Tân Sửu có Dịch Khuông, đại biểu toàn quyền của Trung Quốc, Lý Hồng Chương và đại biểu 11 nước gồm có Anh, Nga, Mỹ, Đức, Nhật, Pháp, Úc, Bỉ, Hà Lan và Tây Ban Nha. Bản điều ước có 20 khoản, nội dung chủ yếu gồm:

1. Trung Quốc phải bồi thường cho các nước 450 triệu lạng bạc, sẽ trả trong 39 năm, lãi 4% một năm. cả gốc lẫn lãi tổng cộng 980 triệu lạng, lấy thuế hải quan, thuế các mặt hàng thông thương và thuế muối làm thế chấp.

2. Toàn bộ khu vực Đông Giao Dân sẽ do nước ngoài quản lý, là khu sứ quán của nước ngoài, cấm người Trung Quốc không được xâm phạm đến.

3. Thu tiêu pháo đài Đại Cổ và tất cả các pháo đài từ Bắc Kinh đến Bắc Hải. Người nước ngoài có quyền đối với 12 cứ điểm, doanh trại từ Bắc Kinh đến Sơn Hải Quan.

4. Vĩnh viễn nghiêm cấm người Trung Quốc thành lập tham gia bất cứ tổ chức phản đế nào. Ai vi phạm sẽ bị tử hình. Các cấp quan chức chính phủ nhà Thanh phải nghiêm khắc đàn áp xử lý các cuộc đấu tranh phản đế của nhân dân. Ai không thực hiện sẽ bị cách chức ngay lập tức. Đồng thời nghiêm khắc xử phạt hơn 100 quan viên nhà Thanh đã dung túng cho Nghĩa Hòa Đoàn tấn công

người Tây.

5. Đổi tên Nha môn Tổng lý sự vụ các nước thành Bộ Ngoại vụ.

6. Chính phủ Mãn Thanh cử Vương công đại thần sang Đức, Nhật để tạ tội, lập bia tưởng niệm Kalinton tại nơi ông ta bị giết, phải làm lễ long trọng cho thư kí Nhật là Sinh San đã từng bị người Trung Quốc giết hại.

Đến đây, chắc hẳn bạn đọc sẽ hỏi: Liên quân trước kia chỉ có 8 nước Anh, Nga, Pháp, Mỹ, Đức, Nhật, Ý, Úc, giờ lại thành những 11 nước? Điều này thực tế chẳng có gì là lạ, nó chính là hiện tượng tranh nhau ăn một miếng mồi ngon. Bạn đã xem mục thế giới động vật trên T.V chưa? Sau khi một con hổ ăn thịt một con linh dương sẽ có rất nhiều cáo, chó ngao và điều hâu đến tìm ăn những thứ còn vương lại.

Điều ước Tân Sửu là một điều ước không bình đẳng mà chính phủ Mãn Thanh bị ép buộc phải ký. Tân Sửu chính là năm Quang Tự thứ 27, còn Canh Tí, năm Quang Tự thứ 26, là năm phong trào Nghĩa Hòa Đoàn nổi dậy. Chính vì vậy mới có cụm từ là: “Khoản bồi thường Canh Tí”.

# Hồi thứ hai mươi tư: TÊN CẮT TÓC VÀO CUNG HỌC QUỐC LỄ THUẦN VƯƠNG GIẢ SANG ĐỨC TẠ TỘI TO

Sau khi chiến tranh thế giới thứ 2 kết thúc, chính phủ Trung Quốc mới dám dỡ bỏ tấm bia tưởng niệm Kalinton đáng nhẽ xấu hổ này đi, chuyển một phần sang công viên Trung Sơn ở Bắc Kinh, đổi tên là: Bia công lý chiến thắng.

Năm 1952, hội nghị hòa bình hữu nghị khu vực châu Á Thái Bình Dương tổ chức ở Bắc Kinh, quyết định đổi tên tấm bia thành bia “Bảo vệ hòa bình”, do chính tay Quách Mạt Nhược đề từ.

Thực ra, sau khi Điều ước Tân Sửu được ký kết năm 1901, cả Bắc Kinh rơi vào tình trạng rã nát đầu. Các đại thần nhà Thanh còn lại trong kinh thành đề nghị đợi đến lúc liên quân các nước hoàn toàn rút hết, triều đình ổn định lại trật tự rồi mới điện thỉnh Thái hậu và Hoàng thượng về cung. Nhân dịp này, Từ Hy dựa cơ sở sách các nha môn trong kinh thành bị mất rất nhiều, ra lệnh cho cấp dưới đốt bỏ những sách sử không có lợi, mặt khác, lệnh cho các tỉnh thiết lập chính sách kinh tế, mưu tìm các nhân tài chính trị, các viện sĩ học viện hàn lâm ra sức chinh đốn, phá bỏ nếp cũ lạc hậu để bồi dưỡng nhân tài. Các đại thần khi ở nước ngoài đều hết sức chú ý đến việc tuyển chọn lưu học sinh đưa về trong nước, thông qua kiểm tra, trọng dụng tùy theo trình độ. Đây tất cả đều là ý kiến của Quang Tự trình lên Thái hậu.

Đêm trước khi về nước, Oatoxi vẫn cùng ngủ với Trại Kim Hoa. Hai người đang ngủ say bỗng giật mình tỉnh dậy vì những tiếng là hét bên ngoài, rồi tiếp tục nghe tiếng cháy lửa, vội mở mắt nhìn, thấy lửa cháy ngùn ngụt ở phòng ngoài. Oatoxi vội vàng bế thốc Trại Kim Hoa nhảy ra ngoài theo đường cửa sổ.

Mùa đông năm 1934, tác giả đang giữ chức Trưởng ban tin tức Đông Á, đã đến thăm Trại Kim Hoa, lúc đó đang sống như người ở ẩn tại khu Bắc Bình Thiên Kiều, hỏi ba ta về chuyện đêm trước khi Oatoxin về nước, hai người còn sống ở Trung Nam Hải, có thật là cả khu đó bị cháy không, cũng hỏi cả chuyện công sứ Kalinton bị Nghĩa Hòa Đoàn và binh lính nhà Thanh giết chết, việc liên quân gây sức ép bắt triều đình Mãn Thanh phải dựng bia tưởng niệm v.v... là thực hay giả, Trại Kim Hoa đều đáp là có thật. ba ta còn nói:

- Khi ở Đức, tôi đã gặp Kalinton phu nhân. Từ sau khi công sứ Kalinton bị giết chết, nhiều lần Khánh Thân vương thông qua cung nữ, nhờ tôi nói đỡ ông ta về việc dựng bia kỷ niệm, nhưng Oatoxi không đồng ý. Triều đình vô cùng lo lắng chuyện này. Hồi đó, nghe nói triều đình muốn tổ chức đàn tế cho Kalinton, sau đó cử đại thần truy điệu, đưa linh cữu ông ta về Đức, nhưng Oatoxi nhất định không chịu. Tôi có nói với Oatoxi là hãy dựng cho ông ta một tấm bia giống bia lầu Đông Sơn, nhưng không biết tại sao về sau lại đổi thành việc xây bia đá. Thực chuyện này tôi cũng không rõ lắm.

Sau khi điều ước Tân Sửu được ký kết năm 1901, Oatoxi đã yêu cầu Hoàng đế Đại Thanh phải cử đại thần là anh hoặc em mình sang Đức, tạ tội với quốc vương Đức về chuyện Kalinton bị giết. Chính phủ nhà Thanh đã quyết định cử Thuần Thân vương Tải Phong sang Đức tạ tội. Một số triều thần cho rằng làm như vậy là nhục quốc thể, chính Tải Phong cũng cảm nhận thấy không còn chỗ nào để giấu mặt đi, nhưng không có cách nào từ chối. Có người hiến lên một kế:

- Có thể tìm một vương gia giả, nếu tìm được một người có hình dạng, tuổi tác tương đối giống Tải Vương gia thì càng tốt. Được vậy sẽ đẹp cả đôi bên.



Nhưng tìm đâu ra được một người như thế, hơn nữa cũng không thể loan tin tìm một vương gia được.

Để gỡ rối cho Tái Phong, triều đình đã bí mật sai hai tên mật thám đi khắp thành Bắc Kinh, tìm những người có hình dáng giống Tái Phong. Hai ngày sau đã tìm được 21 người, tập trung tất cả ở Thuận Vương phủ, đối đãi cẩn thận, mỗi ngày 3 bữa cơm thừa thãi. Những người này cũng chỉ biết được mời đến đây vì có một “nhiệm vụ” mà thôi, còn nhiệm vụ gì cũng chẳng ai biết cả. Có người nói:

- Cho gọi chúng ta đến đây để ăn no uống say, thật cơ hội như vậy trên thế gian chẳng dễ chút nào!

Người khác lại nói:

- Có lẽ triều đình cho chúng ta ăn uống no nê rồi bắt đầu quân đi diệt quỷ cũng nên.

Lập tức có người phản đối:

- Không đúng. Vậy tại sao lại phải đối đãi chúng ta như khách quý thế này. Nếu chỉ muốn chúng ta đầu quân thì chỉ việc cho vài tên lính đồng bắt trói lại là xong rồi.

Có người lại nói:

- Các anh xem, ông vương gia đội mũ chóp tua đỏ kia tại sao cứ phải ngắm kỹ từng người chúng ta thế nhỉ!

Người khác lại nói:

- Các anh đều đoán bậy bạ cả. Các anh xem vương gia kia chẳng qua cũng chỉ hơn 20 tuổi một tí. Chúng ta được gọi đến đây nhất định để tuyển phò mã rồi.

Một người đáp:

- Xì, ỉa vào mồm anh. Anh cứ tưởng như là triều Tống chọn được Trần Sĩ Mỹ à, triều Đại Thanh không hứng gì chuyện tuyển phò mã đâu.

Liền có người phản đối anh ta:

- Chẳng lẽ chế độ cũng cứ thay đổi xoành xoạch thế à? Bây giờ không biết ai là người có số đào hoa!

Hơn hai chục người, người này một câu, người kia một câu, ầm ĩ cả lên. Đúng lúc mọi người đang hứng chí nhất thì có một người mặc áo dài, đầu đội mũ có tua đỏ bước vào. Ông ta chăm chú nhìn chàng trai đến từ phố Cẩm Thâm Phòng trong Bình Tác Môn, chẳng thèm để ý đến những người khác. Mọi người đều nghĩ thầm: thằng ranh này chắc gặp vận đỏ rồi.

Vương gia hỏi:

- Người tên là gì?

Đáp: Dạ, tên là Uông Hưng.

Hỏi: Năm nay bao nhiêu tuổi?

Đáp: Hai mươi tuổi.

Hỏi: Là người Hán hay người Mãn Thanh?

Đáp: Người Hán.

Hỏi: Nhà ở đâu?

Đáp: Không có nhà ở Bắc Kinh, quê ở Định Hưng.

Hỏi: Ở Bắc Kinh nhà ngươi làm nghề gì?

Đáp: Làm nghề cắt tóc trong Bình Tắc Môn.

Hỏi: Đã lập gia đình chưa?

Đáp: Dạ... dạ... chưa ạ.

Vương gia thấy anh ta lắp ba lắp bắp trả lời, bỗng bật cười, rồi sau đó nói với những người còn lại:

- Phiền mọi người quá rồi. Hai hôm nay có gì chưa chu đáo, mong lượng thứ cho. Hôm nay, tạm thời họ Uông này ở lại đây, các anh mỗi người được tặng 10 lạng bạc đem về.

Thái giám từ trước đã chuẩn bị xong 200 lạng bạc, lần lượt chia cho 20 người. Những người này vội vàng quỳ xuống vái tạ vương gia ba lần.

Ra khỏi cửa phủ, ai nấy bảo nhau:

- Sau này Uông Hưng trở thành phò mã, nếu chúng ta đến thăm, chẳng lẽ lại từ chối!

Người khác lại nói:

- Trần Sĩ Mỹ năm xưa đến Tần Liên Hương còn không dám gặp mặt. Anh ta đâu có gan để mà gặp chúng ta.

Uông Hưng được giữ lại trong phủ, tim cứ đập liên hồi, nghĩ mình nhất định đã được chọn làm phò mã. Nhưng làm phò mã rồi, sống trong thâm cung, biết khi nào mới được về nhà?

Uông Hưng còn đang nghĩ miên man thì vương gia bước vào nói:

- Uông Hưng, triều đình muốn anh làm Khâm sai đại thần, chuẩn bị ra nước ngoài. Bây giờ anh phải ở lại đây để còn học hành lễ tiết.

Uông Hưng lúc ấy mới biết là không phải giữ lại để làm phò mã, mà là để làm sứ thần đi ra nước ngoài. Thật đúng như nằm mộng! Tuy vậy, anh ta cũng biết rằng mình đang tỉnh.

Đêm trong vương phủ, đèn đuốc sáng trưng, nơi nơi đều sáng như ban ngày. Một vị vương gia cũng ngồi ăn tối với Uông Hưng. Vương gia nói:

- Ăn cơm xong có cần phải về chào chủ nhà một tiếng không?

Uông Hưng đáp:

- Ngài nói phải quá! Liệu tôi có thể ngủ lại cửa hàng một đêm không? Sáng sớm mai tôi sẽ quay lại.

Vương gia nói:

- Cứ ăn xong đi đã, rồi ta cho người đưa về, ngày mai lại sai người đi đón.

Ăn cơm xong, vương gia sai người đưa Uông Hưng về. Mọi người thấy một cỗ xe ngựa trắng có tua đỏ đưa Uông Hưng trở lại, vừa mừng vừa ngạc nhiên, không hiểu chuyện gì đã xảy ra.

Mọi người trong cửa hàng mỗi người một câu hỏi Uông Hưng không khác gì thăm vấn. “Hưng Vương” nói:

- Triều đình phái tôi đi ra nước ngoài, nhưng chưa biết sẽ ra nước nào. Có lẽ lúc quay về sẽ cho tôi kết hôn cùng công chúa.

Mọi người càng nghe càng hứng, cứ hỏi mãi đến tận đêm khuya. Chủ nhà thấy vậy vợ nói:

- Thôi, mọi người hãy để Uông sư phụ nghỉ ngơi một chút. Sáng sớm mai triều đình cử người đến đón sớm đấy!

Mọi người nghe vậy mới chịu giãn ra đi ngủ.

Uông Hưng cả đêm không sao ngủ được, cứ nghĩ mãi về chuyện kết hôn cùng công chúa. Trời vừa sáng đã nghe tiếng gọi, tiếng gõ cửa. Mọi người trong cửa hàng đều bừng tỉnh dậy. Chủ nhà ra mở cửa, thấy ngay một vị công công. Công công hỏi:

- Uông Hưng đã dậy chưa?

Uông Hưng cũng vừa dậy, vợ nói:

- Công công xin đợi một lát, tôi ra ngay bây giờ.

Hai cỗ xe ngựa trắng tua đỏ ung dung giữa phố. Trên cả đoạn đường, Uông Hưng cứ cảm thấy bồn chồn: sao lại chỉ chọn có một mình mình làm phò mã nhỉ? Thôi thì đây cũng là cái số, sau này kết hôn xong, mình nhất định sẽ đón cả thầy, u và các em vào phò mã phủ sống với mình. Trần Sĩ Mỹ thời Tống sợ dĩ phải táng tận lương tâm như vậy vì ông ta đã có vợ ở quê nhà, còn mình là trai tân một trăm phần trăm, chắc công chúa cũng không phản đối việc đem thầy u lên sống chung. Hoàng thượng cho mình ra nước ngoài, chắc chắn là để mở mang kiến thức.

Về đến Thuận vương phủ, công công đưa Uông Hưng vào tấn kiến Tái

Phong vương gia. Tái Phong dặn dò Uông Hưng:

- Ta không được khỏe lắm, nên ngươi sẽ thay ta đi sang nước Đức.

Rồi lại nói:

- Ngươi hãy nhìn ta một lúc, xem ta có giống ngươi không?

Uông Hưng đáp:

- Có hơi giống.

- Giống nhau thì tốt. Triều đình cho ngươi sang Đức để mở rộng tầm mắt, nhân thể giải quyết một việc.

Uông Hưng trầm nghĩ: “Mình đoán đúng quá! Ra nước ngoài mở rộng tầm mắt để khi về cưới công chúa”. Mặc dầu vậy vẫn tỏ vẻ khiêm tốn:

- Nếu yêu cầu tôi nhân lúc ở nước ngoài còn giải quyết công việc thì e rằng không được vì tôi không biết tiếng nước ngoài.

Vương gia nói:

- Không sao, còn có rất nhiều người cùng đi với ngươi. Ngươi không biết ngoại ngữ thì cũng đã có phiên dịch rồi.

Uông Hưng liền nói:

- Tôi lớn bằng này rồi, không cần nhũ mẫu Phiên quốc đi theo chăm sóc đâu!

Tải Phong đáp:

- Phiên dịch chứ không phải nhũ mẫu Phiên quốc, tức là cho một người biết tiếng nước ngoài đi cùng ngươi.

- Nếu cho tôi đi để giải quyết công việc thì chắc chắn tôi không làm được.

Tải Phong đáp:

- Đây là ý chỉ của Hoàng thượng, nhà ngươi không đi tức là kháng chỉ. Kháng chỉ thì sẽ bị chém đầu. Vậy ngươi có đi không?

Uông Hưng nghe vậy, sợ hãi lắp bắp nói:

- Tôi đi, đi, đi.

Tải Phong cho Uông Hưng mặc quần áo của vương gia vào, dạy anh ra phải đi thế nào, phải lễ thế nào. Tải Phong nói:

- Ta chính là Vương gia của Thuận Thân vương phủ, cũng chính là em của Hoàng đế Quang Tự. Ngươi đi thay ta nên nhất cử nhất động đều phải giống ta. Ra đến nước ngoài không được để lộ mình là Uông Hưng, phải xưng là Tải Phong vương gia. Nếu ngươi để lộ mình là Uông Hưng sẽ bị giết chết ngay lập tức, nghe rõ chưa?

Uông Hưng sợ toát mồ hôi hột, nghĩ thầm: “Không qua được cửa này chắc không làm phò mã được mất”.

Uông Hưng mặc quần áo vương gia, học cách đi đứng, hành lễ của vương gia, học cả cách nói, giọng nói của vương gia. Anh ta vốn thông minh lanh lẹ nên sau khi đã mặc triều phục vào thì chẳng có ai nghi ngờ gì cả. Chỉ sau ba ngày, Uông Hưng đã học xong các nghi thức, lễ nghĩa và cả cách tấn kiến Hoàng đế Đức Uyliam đề nghị, kể cả cách trình bân tấu tạ tội, cách tiến lên, lùi xuống, cách đi đi lại lại... Sau khi đã học tập thuần thục, Uông Hưng liền cùng tùy tùng lên đường sang tiếng nước với vai trò sứ giả của triều đình.

Chính phủ Đức được tin sứ giả đã tới biên giới, tể tướng Paola liền tâu với Hoàng đế Uyliam đề

nhị:

- Người Trung Quốc khi gặp mặt cấp trên đều phải quỳ lạy. Lần này em trai của Hoàng đế Đại Thanh đến, cũng phải bắt ông ta quỳ lạy bệ hạ mới được.

Hoàng đế Đức đáp:

- Được! Hãy thông báo với bọn họ khi vào tiếp kiến phải quỳ lạy.

Vậy là phía Đức đưa ra yêu cầu đối với Tải Phong:

- Khi đệ trình quốc thư lên Hoàng đế Đức, tất cả những người tham gia trong đoàn sứ giả đều phải quỳ lạy.

Điều này đối với Uông Hưng thì chẳng có gì đáng bàn, nhưng những người khác thì cho rằng như vậy là làm nhục quốc thể, liền điện báo về Tây An, nơi Từ Hy và Quang Tự đang lánh nạn xin chỉ. Từ Hy điện báo trả lời rằng:

- Theo hiệp định giữa Đại Thanh với nước ngoài ký năm Đồng Trị thứ 12 (tức năm 1873), người Trung Quốc và người nước ngoài khi có quan hệ qua lại với nhau không cần thi lễ. Việc này được tâu lại với Hoàng đế Đức. Cuối cùng phía Đức cũng đồng ý sứ thần không cần quỳ lạy nữa.

Ngày 22/7, “Thuần Thân vương” đã đến Berlin, thủ đô nước Đức, được Hoàng đế Uylam đệ nhị đồng ý tiếp kiến. Thư tạ tội được tùy viên Âm Xương dịch sang tiếng Đức. Vị “Sứ thần Trung Quốc” khi đến tấn kiến Hoàng đế Đức, phong độ ung dung, hoàn thành xuất sắc lễ tiết của một cuộc tấn kiến cung kính; sau đó khi gặp mặt các đại thần nước Đức cũng thể hiện một lối lễ nghi thích hợp, vừa phải. Quan hệ bang giao Trung, Đức vì thế được tăng lên rất nhiều.

Nhưng đúng như người xưa đã dạy, “tuồng nào gió chẳng lọt qua”, khi cả đoàn sứ thần tạ tội đã ra khỏi biên giới Berlin, mật thám quốc gia Đức đã nghe được chuyện giả dối, liền bí mật đến Trung Quốc điều tra, biết đích xác một tên thợ cắt tóc đã đóng giả sứ thần, liền điện báo về cho Hoàng đế Đức:

- Sứ thần mà triều đình Mãn Thanh cử sang tạ tội chính là một tên thợ cắt tóc. Họ đã mạo danh thay người để lừa gạt nước Đức.

Uylam đệ nhị biết đích xác tin này tức tối vô cùng, lập tức nói với tể tướng:

- Người Thanh thật không có tí tín nghĩa nào, lấy một tên thợ cắt tóc giả làm quý tộc sang tạ tội với nước ta. Thật là làm nhục nước ta quá thể. Hãy mau tìm cách trừng trị.

Paola sau khi nghe vậy liền bí mật họp với các đại thần bàn đối sách. Các đại thần đều nói:

- Bây giờ họ đã ra khỏi biên giới nên cũng chẳng cần nói ra làm gì. Tuy đây là sứ thần giả nhưng chúng ta cũng không có căn cứ gì. Nếu chuyện này để lộ ra ngoài, e rằng sẽ bị các nước khác xem làm trò cười, còn nhục hơn nữa. Chẳng gì đây cũng là đoàn sứ giả nhà Thanh đến tạ tội, dù là giả hay thật thì cũng là phụng mệnh triều đình đến đây, điều ấy là có thật. Đã chẳng ai biết được chuyện này thì tốt nhất là cứ im lặng.

Paola bầm lại với Hoàng đế Đức ý kiến của các đại thần. Ông này thấy vậy cũng có lý. Thế là trận phong ba lắng xuống.

Nhưng có điều muốn nói xoay quanh chuyện này: căn cứ vào tập sách “Nửa đời trước của tôi”

của Phở Nghi thì chuyện vừa nói trên quả là đã bị tô vẽ quá nhiều. Sách này kể: “Sau Canh Tý, Thống soái Oatoxi yêu cầu anh hoặc em của Hoàng đế phải sang Đức, tạ tội với Hoàng đế Đức. Tái Phong, cha tôi, sau khi đến nước Đức đã được Hoàng đế Đức đón tiếp rất long trọng. Từ Hy cho rằng người Tây rất xem trọng Quang Tự và các anh em, như vậy còn đáng sợ hơn cả việc duy tân của Khang Hữu Vi cho nên vô cùng lo sợ cha tôi thay lòng đổi dạ, vội vàng sắp xếp để Vinh Lộc, một đồng đảng của ba ta kết thân với Thuần vương phủ. Chính vì thế, năm Quang Tự thứ 27 (tức năm 1901) khi cha tôi từ Đức tạ tội trở về, đã gặp thánh giá đang trên đường hồi cung ở Khai Phong. Tháng 11 theo giá về Bảo Định rồi nhận được ân chỉ kết hôn”.

Đoạn truyện trên cho thấy sứ thần sang Đức tạ tội hoàn toàn không phải là sứ thần giả. “Ân chỉ kết hôn” vừa nói bên trên chính là ý muốn của Từ Hy, gả con gái Vinh Lộc, tâm phúc của mình, là Qua Nhĩ Giai thị cho Tái Phong.

Thái hậu lời vàng ý ngọc, hễ mở miệng nói gì thì đó là ý chỉ, ai kháng chỉ sẽ chịu tội chặt đầu. Lúc đó, mẹ Tái Phong là Lưu Giai Thị đã đính hôn cho con trai mình từ lâu với con gái của Nội các học sĩ Phúc Lâm. Trong xã hội phong kiến thì đã đính hôn với một người không thể coi là chuyện vớ vẩn, nó cũng như đã đăng ký với nhau thời nay vậy. Lễ giáo xưa nay vẫn tuân thủ “người nữ không lấy hai chồng”, cho nên mẹ của Tái Phong vì chuyện này mà phát điên, còn con gái của Phúc Lâm cũng đã tự sát khi lễ vật bị trả lại.

Tại sao Từ Hy Thái hậu lại ra chỉ kết hôn cho Tái Phong? Mục đích của ba ta là vừa có thể giàng buộc Tái Phong, lại vừa có thể nắm được quân quyền trong tay Vinh Lộc.

Như vậy, chuyện một người thợ cắt tóc vào cung học lễ tiết, giả làm Thuần Vương đi Đức tạ tội có phải là do tác giả tô phịa ra không? Xin trả lời rằng không phải. Đoạn truyện này viết ra là căn cứ vào nội dung trong tập tư liệu lịch sử cận đại Trung Quốc của Tiền Bác Tấn. Tác giả này đã có một đoạn sử phản ánh những sự kiện xảy ra trong giai đoạn cuối của triều đình Mãn Thanh mang tên là “Kỷ sự Canh Tý” và tôi đã trích đoạn sử này vào tiểu thuyết của mình.

Sau sự kiện Canh Tý lịch sử, điều ước Tân Sửu đã được ký kết. Vinh Lộc vội vàng lên đường đi Tây An tiếp kiến Thái hậu, kể lại tường tận những chuyện đã xảy ra, tiếng là để báo hi, nhưng cũng là báo công nữa! Thái hậu lập tức thưởng cho ông ta một chiếc áo vàng, hai cặp lông công hoa, gia phong hàm Thái Tử Thái Bảo, Đại học sĩ điện Văn hoa. Vinh Lộc được hưởng nhiều ân điển như vậy, tự mình biết phải góp công khuyến mã.

Từ Hy Thái hậu vừa tin tưởng, vừa lo ngại Vinh Lộc. Thuần Thân vương Tái Phong khi ở Đức, được phía Đức đón tiếp vô cùng trọng vọng, chứng tỏ người Đức rất coi trọng anh em Quang Tự. Điều này còn nguy hiểm hơn cả việc duy tân của Khang Hữu Vi. Từ Hy lo lắng Tái Phong sau khi từ Đức trở về sẽ thay đổi, nên vội vàng chỉ hôn, gả con gái của Vinh Lộc cho Tái Phong, sau sinh ra Phở Nghi. Vinh Lộc trở thành ông ngoại của Tuyên Thống Phở Nghi.

# Hồi thứ hai mươi lăm: TRÂN PHI HIỂN LINH TỪ HY KHIẾP SỢ THUẬT SĨ ÁC MỘNG VƯƠNG PHẦN CHẶT CÂY

Ngày 6 tháng 10 năm 1901 (tức ngày 24 tháng 8 năm Quang Tự thứ 27), Từ Hy Thái hậu từ Tây An khởi gia về kinh. Thái hậu dẫn theo cả Hoàng đế Quang Tự, chỉ riêng hành lý đã chất đầy

trên 300 cỗ xe. Mỗi khi đoàn của Thái hậu đi qua châu huyện nào thì số xe chở hành lý lại tăng thêm không biết bao nhiêu mà kể. Số xe chở hành lý cuối cùng tăng đến hơn 3000 cỗ. Riêng hành lý của Lý Tổng quân cũng đến hơn 300 xe rồi. Xe nào cũng nặng trĩu. Người nào túi cũng căng phồng.

Ra khỏi Đồng Quan, đến công sở của huyện Lâm Đồng, Lý Liên Anh truyền lệnh cho thái giám thị tòng đòi 1200 lạng tiền mừng. Tri huyện Hạ Sở Khanh nhăn nhó thưa rằng:

- Huyện Lâm Đồng vô cùng nghèo khó, thực sự không có khả năng lo đủ khoản tiền lớn như vậy.

Tiểu thái giám liền báo lại với Lý Tổng quân. Lý Liên Anh nói:

- Hãy nói với hắn, nếu không có tiền thì có thể dùng vàng bạc, trang sức dâng lên.

Hạ Sở Khanh đáp:

- Gia quyến của hạ quan không cùng tới đây thì sao có vàng bạc trang sức!

Lý Liên Anh biết Hạ Sở Khanh không chịu “nôn” ra, liền cho năm, sáu mươi tên cấm vệ quân, giả danh người của Triệu đại nhân đến cướp hết cỗ bàn yến tiệc Hạ Sở Khanh chuẩn bị để buổi trưa tiếp đãi Thái hậu.

Hạ Sở Khanh không kịp trở tay, quá trưa mà tiệc vẫn chưa được dọn ra. Thái hậu hỏi Lý Liên Anh đã xảy ra chuyện gì, Lý Liên Anh đáp:

- Bọn người của Triệu đại nhân làm loạn, đã cướp hết cỗ tiệc đi rồi.

Họ Lý tưởng như vậy, Thái hậu sẽ phạt nặng Tri huyện Hạ Sở Khanh và chỉ trích Triệu đại nhân vốn là người có nhiều thù hằn với hắn. Chẳng ngờ Thái hậu lại nói:

- Chúng ta vừa mới lên đường, nên làm điều gì đó tốt lành. Thôi có hay không cũng được, không xét nét làm gì!

Lý Liên Anh vẫn chưa hả được nổi tức giận với Hạ Sở Khanh nên đến bữa tối liền lệnh cho tiểu thái giám lén thêm muối vào canh dâng lên Thái hậu. Thái hậu hớp một miếng, quả không sao nuốt được. Lý Liên Anh đứng bên cạnh liền xúc xiêm:

- Tên tri huyện Lâm Đồng này thực đáng chết. Có người nói với nô tài là chính hắn đã nói rằng năm ngoái sở dĩ phải chạy trốn là do Thái hậu gieo gió thì phải gặt bão. Hắn còn nói từ lâu đã muốn từ quan, không thèm làm quan làm lại vào luồn ra cúi gì cho khổ sở.

Thái hậu nghe vậy nổi giận dưng dưng, nói:

- Hồi trưa ta đã tha cho hấn rồi, bây giờ cơm canh lại thế này. Lại còn dám nhục mạ cả ta, nói ta bất nhân bất nghĩa. Liên Anh hãy lập tức trị hấn theo luật pháp!

Lý Liên Anh không chần chừ truyền chi chém đầu tên ô lại Hạ Sở Khanh.

Tối hôm ấy, Thái hậu bỗng nằm mơ thấy Trần Phi đầu tóc rối bù đến trước mặt, cười lạnh lùng rồi nói:

- Ngọc Hoàng Thượng đế lệnh cho ta đến tìm ngươi. Ngươi và Lý Liên Anh đã giết tất cả 1926 công thần, bách tính. Chẳng mấy nữa ngươi sẽ phải xuống âm tào địa phủ chịu thẩm vấn. Vạc dầu đã được chuẩn bị rồi. Ngọc Hoàng Thượng đế phong ta làm ngự tiền phán quan, chuyên thẩm vấn bọn phụ nữ hiểm độc, đã man xảo trá.

Từ Hy Thái hậu sau khi tỉnh dậy, biết Trần Phi đã hóa thân, sợ hãi không biết đâu mà kể.

Cả đoàn thánh giá về đến phủ Khai Phong, tuần phủ Hà Nam là Tùng Thợ ra nghênh giá từ xa. Vào đến hành cung, Từ Hy vội ra lệnh lập bài vị cúng bái Trần Phi, phía trên khắc chữ “Thần bị Trần Quý Phi”, tỏ ý đề cao Trần Phi.

Trưa hôm đó, trong lúc đang ngủ, Từ Hy lại nằm mơ thấy Bao Chửng triều Tống cùng với Trần Phi đến trước mặt mình, Trần Phi nói:

- Ta không cần ngươi gia phong cho ta. Nhà ngươi cũng không có tư cách để gia phong ta. Ta đã thành thần thánh rồi.

Từ Hy trong lòng bứt rứt, tại sao cả Bao Chửng cũng đến chứ! Đang lúc còn bối rối chưa hiểu ra thế nào thì Bao Công nói:

- Nhà ngươi hôm nay đã đến phủ Khai Phong rồi. Trần Phi phán quan đã nhiều lần kể hết tội ác của ngươi trong cung cấm. Ta đã tâu lên Ngọc Hoàng Thượng đế. Ngươi sẽ bị bắt xuống 8 tầng địa ngục.

Thái hậu sợ hãi bừng tỉnh, thấy Lý Liên Anh đang ở bên cạnh. Lý Liên Anh thấy vậy vội hỏi:

- Thái hậu đang ngủ ngon, sao lại giật mình dậy thế?

Thái hậu nói:

- Tiểu lý tử, đừng hỏi nữa, mau khâu đầu lạy trước bài vị của Trần Phi đi, cầu xin hãy tha thứ cho mẹ con chúng ta.

Hai ngày hôm sau, Lý Liên Anh cũng sợ hãi không yên, cho rằng từ khi lập bài vị, linh hồn Trần Phi đã đến đây thật. Do mê tiền hám bạc, lúc nào hấn cũng muốn làm giàu nên từ lâu đã không nhớ gì đến chuyện của Trần Phi. Tháng 9 ở phủ Khai Phong, trời bỗng dưng chuyển lạnh. Trong hành cung mỗi ngày đốt đến hơn 30 cân than củi. Lý Liên Anh nói với tiểu thái giám:

- Phủ Khai Phong phải có 3000 lạng tiền mừng. Nếu không sẽ không có tiền mà mua than củi đâu.

Tùng Thợ nghe được tin này, liền nói với Đạo đài Dục Hùng:

- Nhất định chúng ta phải qua cửa của Lý tổng quản thì mới ổn. Ông có nghe Tri huyện Lâm Đồng mới xây ra chuyện cách đây không lâu không?



Đạo đài phủ Khai Phong là Dục Hùng “dạ” một tiếng, trở về phủ, nói lại với các viên chức chuyện này. Mọi người đều cho rằng:

- Dù cho có phải bán vợ đợ con, rồi buộc mồm buộc miệng dành dụm tiền cũng phải lo cho đủ 3000 lạng.

Một buổi sáng, Thái hậu đang lo lắng không yên thì Tuần phủ Tùng Thọ từ ngoài vội vàng vào bẩm báo Đại thần toàn quyền Lý Hồng Chương vừa ốm chết ở Bắc Kinh, trong điện báo có di ngôn là tiến cử Viên Thế Khải giữ chức Tổng đốc Trực Lệ kiêm chức Bắc Dương Đại thần. Từ Hy nghe vậy giật mình hỏi lại:

- Khi ở Đồng Quan ta vẫn nhận được tấu trần của ông ta, sao lại tạ thế mau đến vậy!

Tùng Thọ trình bức điện báo lên cho Thái hậu rồi nói:

- Điện báo mới đến sáng nay, bị huyện vội trình lên.

Hoàng đế Quang Tự nghe được tin này vừa mừng vừa lo. Ông cảm thấy nhẹ nhõm khi nhận được tin Lý Hồng Chương, một kẻ thương quyền nhục quốc đã chết, nhưng lại vô cùng buồn thảm khi biết tên nối giáo cho giặc Viên Thế Khải sẽ thay chỗ Lý Hồng Chương. Thái hậu sau khi nghe Tùng Thọ bẩm báo, nói rằng:

- Làn nghị hòa này hoàn toàn là nhờ ở ông ta và Dịch Khuông. Bây giờ, đại cục có vẻ yên ổn nhưng vẫn còn nhiều việc phải làm. Sao ông trời không cho ông ta thêm vài ba năm nữa để giải quyết cho xong đi.

Nói xong ra lệnh cho đại thần hộ giá soạn chỉ dụ, gia phong Lý Hồng Chương làm Đại phu, tấn phong Nhất đẳng hầu tước, Thụy hiệu là Văn Trung. Tất cả các tỉnh Lý Hồng Chương đã có công và thành Bắc Kinh, đều lập bài vị thờ cúng. Và, cũng vì trước khi chết ông ta đã tiến cử Viên Thế Khải nên hạ chỉ dụ phong cho Viên giữ chức Tổng đốc Trực lệ kiêm chức Bắc Dương đại thần.

Hoàng hậu của vua Quang Tự thưa với Thái hậu rằng:

- Cũng chẳng bao lâu nữa là đến dịp tổ chức lễ mừng thọ của Thánh mẫu.

Thái hậu nói:

- Ta cũng đang suy nghĩ. Nếu khởi giá thì cũng phải hơn hai tháng mới về tới Bắc Kinh, e rằng không kịp ngày 10 tháng 10. Có lẽ cứ ở đây tổ chức đơn giản thôi cũng được.

Suốt mấy ngày liền tuần phủ Tùng Thọ cùng với cấp dưới chuẩn bị ngày lễ thọ cho Thái hậu, thật bận rộn chẳng khác nào ăn tết. Phủ Khai Phong chỗ nào cũng chăng đèn kết hoa. Khắp cả phủ trở nên nhộn nhịp lạ lùng.

Các tỉnh, đạo, phủ, huyện lân cận biết tin, cũng lần lượt đến mừng thọ Thái hậu. Ngày 5/10, Thái hậu lệnh cho Ngự tiền đại thần đúc một loạt tiền bạc, hạn phải làm xong trước ngày mùng 10. Trên mặt đồng tiền khắc 4 chữ “Ngự thưởng thị dân”. Các đại thần đều không biết đồng bạc này sẽ dùng vào việc gì. Đến tận mùng 10 mới biết, Từ Hy đã thưởng cho mỗi người già trong phủ một đồng tiền đó để mua lòng dân, làm ra vẻ kính trọng bô lão lắm.

Sau lễ mừng thọ, trên đường từ phủ Khai Phong trở lại Kinh thành, Thái hậu đã cùng Hoàng thượng đốt hương tế lễ thần sông trên sông Hoàng Hà. Quan địa phương đã chuẩn bị sẵn thuyền rồng từ trước. Thái hậu, Hoàng thượng, Hoàng hậu, tần phi, cách cách cho đến đại thần v.v. lần lượt

ngồi trên 20 chiếc thuyền rồng. Lại có đến 10 chiếc thuyền lớn chở kiệu và hòm xiềng.

Khi đến phủ Thuận Đức, tức là đã vào địa phận Trục Lê, sở đốc Viên Thế Khải đích thân ra ngoài nghênh giá. Hôm sau lại tiếp tục lên đường. Rất nhiều đại thần trong cung đến tận điện Bảo Định nghênh giá hai cung. Họ còn chuẩn bị một chuyến xe lừa đặc biệt để cung phụng hai cung về kinh.

Từ Hy Thái hậu và Lý Liên Anh tuy đã lên xe lừa rồi, nhưng trong lòng vẫn tâm tâm niệm niệm số mệnh của mình còn ở bên dưới. Thái hậu nhìn qua cửa sổ, mãi đến khi thấy hành lý của mình đã đưa cả lên xe lừa mới thôi.

Tháng Giêng năm 1902, đúng vào cuối năm âm lịch, đoàn người của Thái hậu sau hơn ba tháng rong ruổi đã về tới ga xe lừa Ma Gia Bảo ở gần Bắc Kinh.

Trước đây từ Mã Gia Bảo về Bắc Kinh cũng có đường xe lừa. Nhưng khi Nghĩa Hòa Đoàn tràn vào Bắc Kinh đã dỡ bỏ đoạn đường ray này.

Một lũ quan lại lớn nhỏ ầm nập như chuột khi liên quân 8 nước kéo vào thành cùng bọn bán nước thương quyền nhục quốc giờ kéo cả ra Ma Gia Bảo nghênh giá.

Từ Hy Thái hậu cùng Hoàng thượng, Hoàng hậu, lần lượt xuống tàu, mỗi người ngồi lên một cỗ kiệu đã được chuẩn bị từ trước. Khánh vương đi trước xe thỉnh thánh an, tiếp đến là Viên Thế Khải. Thái hậu hỏi thăm qua loa tình hình của mọi người. Khánh vương lập tức thỉnh Thái hậu khởi giá.

Thái hậu miệng nói: “Cứ từ từ đã”, nhưng mắt lại ngó nghiêng xung quanh như tìm kiếm cái gì. Lý Liên Anh từ ngoài chạy vào, trình lên danh sách hòm xiềng. Thái hậu nhận lấy danh sách, xem kỹ một lượt rồi đưa lại cho Lý Liên Anh.

Viên Thế Khải dẫn theo Tổng biên cục hòa xa người Tây đến ra mắt Thái hậu. Thái hậu tươi cười, thái độ vô cùng thân mật nói chuyện với người này một lúc, sau đó mới khởi giá về kinh.

Khi Thái hậu trở về cung, Du phi, Tân phi và những người còn lưu lại từ thời Đồng Trị cùng các cung nữ, thái giám đều nhất loạt quỳ xuống nghênh giá.

Thái hậu nói:

- Thương cho các người phải ở lại sợ hãi khổ sở.

Du phi đáp:

- Nhờ hồng phúc Thái hậu, trong cung cũng không có gì đáng khổ sở hãi cả. Nghe nói có một vị tên là Trại Kim Hoa đã dận dò quân lính Tây không được tự ý vào cung. Ngày ngày đều có cơm ăn đầy đủ, bình an vô sự.

Thái hậu nói:

- Tất cả nhờ vào anh linh của tổ tiên mới được như vậy.

Rồi Thái hậu dẫn Hoàng thượng, Hoàng hậu đến cung Ninh Thọ, thấy mấy nơi chôn giấu vàng bạc châu báu lúc chuẩn bị chạy nạn vẫn còn nguyên dạng, trong lòng vui như hoa nở. Sau đó lại đến Nghi Loan điện, thấy cảnh xơ xác hoang tàn, tường lở ngói vỡ, không tìm được nước mắt tuôn rơi.

Thái hậu trở về Đại nội, chủ động đi tới Trân Thuận môn, nhìn lại miệng giếng đã ném Trân phi

xuống trước khi bỏ chạy. Cảnh xưa như hiển hiện trước mắt. Từ Hy bất chợt nghĩ rằng những người ghi sử sách sau này nhất định sẽ cho ta là tàn bạo, rồi không biết bọn tao nhân mặc khách sẽ bôi xấu ta đến mức độ nào. Nghĩ vậy nên khi về tới cung Trường Xuân, Thái hậu lập tức hạ chỉ truy phong Trân phi là Quý phi, truy hiệu là Các hoàng Quý phi, phong thờ cúng hình tháp nóc cao bằng vải hoa, xung quanh quây vải đen. Chính giữa nóc đặt bài vị có ghi “Linh hồn Trân quý phi”, lệnh cho Hoàng hậu dẫn đầu các phi tần, cung nữ khấu lạy trước bài vị. Mặt khác, Thái hậu lệnh cho phủ nội vụ tổ chức vớt thi thể Trân phi lên, chôn ở cánh đồng bên ngoài Tây Trục Môn ở Bắc Kinh.

Tiếp đó, Thái hậu cho gọi Nhị tổng quản Thôi Ngọc Quý đến trước ngự tọa, nói rằng:

- Trước khi rời khỏi kinh thành, Trân phi có nói hỗn với ta vài câu. Ta tức tối nói ra một câu, sao nhà ngươi lại để Vương Tiệp Thần ném Trân phi xuống giếng? Ta nể mặt Quế công gia, không trừng phạt gì ngươi. Nhưng từ hôm nay, ngươi phải ra khỏi hoàng cung, trở về làm thứ dân. Nếu không hề nhìn thấy ngươi ta lại nhớ đến Trân phi.

Thôi Ngọc Quý quỳ trước Thái hậu, khóc không ra tiếng. Em trai Thái hậu là Quế Tường nghe được tin này, lập tức chạy vào cung gặp chị, nói đỡ cho Ngọc Quý. Hai chị em nói chuyện với nhau rất lâu trong thâm cung. Quế công gia từ trong bước ra, thở dài một hơi, rồi an ủi Ngọc Quý:

- Ra khỏi cung cũng tốt. Lưu lại trong cung có hại ho gì đâu!

Thực ra, trong số hai quyền giám của Từ Hy Thái hậu, Quế Tường không thích đáng về vô liêm sỉ, xấu tàn xấu tệ của Lý Liên Anh, nhưng Thái hậu lại vô cùng sùng ái hần, việc gì cũng nghe theo hần. Thực ra, Lý Liên Anh chẳng coi Quế Tường ra gì cả. Hai người thường có ý kiến đối nghịch nhau, nhưng Thái hậu bao giờ cũng nghe lời họ Lý.

Việc lớn nhỏ trong triều đình, chỉ có Lý Liên Anh và Thôi Ngọc Quý được biết tường tận nhất, cho nên Quế Tường đã kéo Ngọc Quý về phía mình, nhận làm con nuôi và tìm mọi cách để bảo vệ Quý.

Thôi Ngọc Quý tên thật là Thôi Đoạn Đường, người Hà Gian, Trục Lệ. Năm 1868 (năm Đồng Trị thứ 7), lúc ông ta mới lên bảy, cả vùng đói kém, mẹ chết đói, cha lang thang khắp nơi, gánh con trai lên tận kinh thành. Lúc đó gặp được vị thái giám tốt bụng đã dẫn Ngọc Quý vào cung, tịch thân thành thái giám. Vị thái giám này đưa cho cha Ngọc Quý một số tiền làm vốn buôn bán tìm cơ sinh sống.

Trong cung Thôi Ngọc Quý chịu nhục chịu khổ suốt 10 năm, sau đó theo sư phụ Doãn Phúc học võ thuật, tiến bộ rất nhanh. Từ Hy Thái hậu thấy Ngọc Quý đáng vẻ cao to, làm việc cẩn thận, chịu khó, lại thấy Ngọc Quý có thể nhảy qua bức tường cao gần tới cổ nên đã đề bạt Thôi Ngọc Quý làm nhị tổng quản khi ông ta tròn 20 tuổi. Lúc đó, cũng có người mai mối cho ông ta, nhưng Thôi Ngọc Quý tìm đủ cách từ chối. Ông nói:

- Đã tự làm khổ mình rồi, không nên làm khổ thêm cho con gái người ta.

Thường thì các thái giám khi đã có tiền rồi, liền ra ngoài thành nạp năm Thê bảy thiếp. Nhưng Ngọc Quý đã không làm như vậy. Năm 1884 (tức năm Quang Tự thứ 10), anh trai của Thôi Ngọc Quý là Thôi Trí Phương đưa cả vợ con lên kinh thành. Ngọc Quý đã mua căn nhà số 3 khu Vạn Khánh ở Đông Trục Môn cho anh chị ở. Trí Phương đã giấu Ngọc Quý cưới thêm ba ba thiếp nữa, rồi phân nhà ra làm đôi, một nửa ở Nam Uyển. Ngọc Quý biết được chuyện này thì sự đã rồi, chẳng còn làm gì được nữa. Tuy vậy, ông ta hết mực kính trọng chị dâu cả, vợ chính của Trí Phương và bất bình với việc làm của anh.

Khi chị dâu còn ở Vạn Khánh, Thôi Ngọc Quý đã nhận nuôi một đứa bé hai tuổi họ Trịnh, đặt tên là Thôi Hán Thần, nhờ chị dâu thay mình chăm sóc nuôi nấng. Khi Hán Thần 13 tuổi, được

Thôi Ngọc Quý gửi vào học ở “Kinh sư Đồng Văn quán” của tổng lý hàm môn sự vụ các nước. Đây là trường học kiểu Tây được thành lập sớm nhất, khi mở ra, chỉ hạn chế đào tạo cho con cháu người Mãn và người Hán trong hàng ngũ bất kỳ, dạy ngoại ngữ, thiên văn, toán học v.v.

Khi Thôi Hán Thần 16 tuổi, Viên phó đường quan Thái Y là Trương Ngọc Tiều rất thích vẻ anh tuấn của Hán Thần, liền bàn với Thôi Ngọc Quý, muốn gả con gái mình là Trương Dục Thư cho Hán Thần. Nhưng Viên chính đường quan thái y là Điều Bảo Sinh cũng có con trai, cùng tuổi với con gái của Trương Ngọc Tiều. Điều Bảo Sinh biết con gái của Trương Ngọc Tiều không những xinh đẹp mà còn tinh thông Anh ngữ và Nhật ngữ nên muốn làm thông gia với Trương Ngọc Tiều. Khi chuyện này được nói ra, Trương Ngọc Tiều liền đáp:

- Con gái tôi đã định gả cho con nuôi Thôi Ngọc Quý là Thôi Hán Thần rồi.

Điều Bảo Sinh cho rằng Trương Ngọc Tiều xem thường mình, vì thế mâu thuẫn nảy sinh giữa hai vị đường quan. Thôi Ngọc Quý nghe được chuyện này, cảm thấy khó xử, liền nói lại với Lý Liên Anh. Lý Liên Anh lại đem bẩm chuyện này với Thái hậu. Thái hậu nói:

- Cứ đưa cả 3 đứa vào cung cho ta xem.

Ba thanh niên được đưa vào cung, quỳ lạy Thái hậu. Thái hậu lần lượt hỏi tên tuổi, học vấn rồi xem kỹ tướng mạo của từng người. Cả ba đều biết Thái hậu đang làm gì. Trương Dục Thư xấu hổ đỏ cả mặt. Còn hai cậu thanh niên cứ lấp ba lấp bắp.

Sau khi ba thanh niên ra về, Thái hậu gọi Thôi Ngọc Quý đến, nói với ông rằng:

- Ta thấy con trai ông có vẻ xuất chúng hơn con trai của Điều Bảo Sinh, Vậy gả Dục Thư cho Tiểu Tự vậy.

Tiểu Tự chính là tên nữ của Thôi Hán Thần. Thái hậu lời vàng ý ngọc, Điều Bảo Sinh chẳng còn gì để nói. Sau đó trong cung ngoài thành đồn đại nhau Thái hậu chỉ hôn cho con trai Thôi Ngọc Quý chính là vì thế.

Bấy giờ, việc Thôi Ngọc Quý bị ép ra khỏi cung về làm dân thường, cả anh trai chị dâu lẫn con trai đều không hề biết.

Thôi Ngọc Quý ra khỏi cung môn liền đi đến Hồng Ân Quan, đằng sau gác chuông Địa An Môn. Đây là nơi tập trung của các thái giám già yếu bệnh tật, cũng có thể gọi là nhà dưỡng lão của các thái giám. “Nhà dưỡng lão” này cũng như khi xưa xây dựng Bạch Vân Quan, do mọi người góp tiền xây nên.

Thôi Ngọc Quý đến Hồng Ân quan được 4 hôm thì anh trai và chị dâu mới biết tin, vội vàng kéo cả cháu trai, cháu dâu đến một mực đòi đón ông ta về nhà. Nhưng Ngọc Quý tính tình cứng rắn. Ông nói:

- Anh chị đừng có lo, vài hôm nữa em sẽ về nhà. Ông cầm tay con trai, nói tiếp:

- Con nhất định phải yêu thương, sống hạnh phúc với vợ, phải hiếu thuận với bác.

Sau đó, dặn dò Hán Thần phải cố gắng làm việc, tôn trọng kỷ cương phép nước.

Thôi Ngọc Quý trong cung tuy là Nhị tổng quản, nhưng chưa bao giờ dựa vào thế lực của mình để tìm cho con một chức quan để sống trong triều đình.

Ông nói:

- Hán Thần cũng mới học hành xong, còn chưa biết tốt xấu ra sao nên chưa thể giao cho nó giữ chức vụ quan trọng.

Ông đã phải tranh luận với Trương Ngộ Tiều về chuyện này. Cuối cùng, Trương Ngộ Tiều cũng đồng ý với ý kiến của ông, để Hán Thần giữ chức Trung lang trong Pháp bộ (Từ năm Quang Tự thứ 32, Hình bộ đổi tên là Pháp bộ).

Từ ngày ra khỏi hoàng cung, Thôi Ngọc Quý cứ 10 ngày lại trở về nhà một lần. Ông có một thói quen là cứ hễ đến khi ăn cơm lại bỏ tất cả các thứ ra nằm trước. Mọi người cũng biết ông làm thế cốt là để nhắc mình nhớ tới quãng đời ngày trước nên cũng không ai phàn nàn gì.

Thôi Ngọc Quý khi còn ở trong cung, được Thái hậu cho vào đại nội để “chăm sóc” hoàng đế Quang Tự trong quãng thời gian dài, ý đồ để ông giám sát Quang Tự và các quan hệ của Quang Tự với Duy Tân đảng, cũng như giám sát hoạt động của các thái giám của Quang Tự và Trân phi. Song suốt cả thời gian dài, Thái hậu chẳng nhận được một tin mật báo nào cả. Sau đó, ba ta lại sai một tiểu thái giám là Khấu Liên Tài đi theo dõi hoàng thượng. Không ngờ Khấu Liên Tài không những chẳng có tin gì mật báo, ngược lại dâng lên một bản điều trần can gián, chỉ trích Lý Hồng Chương làm việc thất trách, mong tiếp tục khai chiến với Nhật Bản v.v. Thái hậu xem xong bản điều trần, tức điên lên. Không ngờ người của mình sai đi lại trở thành cái loa phóng thanh cho Quang Tự, lập tức hạ chỉ bắt Khấu Liên Tài giao cho bộ Hình, chém đầu vì cái tội “Nội giám không được can dự việc triều chính”. Sau đó, lại đưa Thôi Ngọc Quý trở lại Di Hòa Viên.

Tổng quản thái giám Lý Liên Anh sau khi từ Tây An trở lại Bắc Kinh cùng với Thái hậu, việc đầu tiên là chạy về tư thất của mình ở đường Bắc Trường bên ngoài hoàng cung, thấy nhà mình đã bị cướp phá tan hoang, liền dẫn tiểu thái giám đem của cải đang chất đầy trên 300 xe hàng cướp được dọc đường mang vào nhà, sắp xếp bố trí lại. Lý Liên Anh đã có ba “con trai” là Lý Phúc Đức, Lý Phúc Lập và Lý Phúc Hải, ngoài ra còn có cả ba bà vợ và các a đầu, thái giám, thính sai, gia đình v.v. Những người này đã tán tác mỗi người mỗi ngả khi sự cố Canh Tí xảy ra, nay nghe tin hai cung trở lại kinh thành, thê thiếp, con cái Lý Liên Anh lại lục tục tìm đường trở lại. “Tình cảm ruột rà” đao cắt không đứt. Mọi người gặp lại, ôm nhau mà khóc.

Từ Hy từ khi trở lại kinh thành, ngày đêm tìm cách hắt chân Quang Tự. ba ta hận Quang Tự, và cũng hận cha đẻ Quang Tự là Dịch Huyền. Có người đã nói với Thái hậu rằng trên mộ của Thuần vương gia Dịch Huyền mọc lên một cây bạch quả. Như vậy một chữ “bạch” ở trên, bên dưới lại có chữ “vương”, chẳng phải là chữ “Hoàng” trong “Hoàng đế” sao. Vì thế Quang Tự chắc chắn sẽ giết Hoàng Thái hậu, tự mình làm Hoàng đế.

Từ Hy suy nghĩ mãi, càng nghĩ càng thấy có lý, cứ nhắc đi nhắc lại:

- Không ngờ là ta mù quáng thật, sao lại đưa Tái Diêm lên ngôi kia chứ! Rồi ra lệnh cho lính chặt ngay cây bạch quả trên mộ Thất vương gia Dịch Huyền đi. Vài ngày sau, ba ta vẫn chưa an tâm, đích thân dẫn người đến tận khu mộ phần kiểm tra xem đã chặt hết hay chưa, sau đó ra lệnh phải đào cả góc lên, không được để lại một tí nào. Quả nhiên khi đào lên, đào được cả hàng trăm con rắn.

Dịch Huyền là con trai thứ 7 của Đạo Quang hoàng đế. Vì Đồng Trị hoàng đế không có con trai nên sau khi Đồng Trị băng hà, Từ Hy đã chọn con trai Dịch Huyền là Tái Diêm lên ngôi kế vị. Hoàng đế Quang Tự vô cùng tức tối về chuyện chặt cây bạch quả. Thôi Ngọc Quý nói với Hoàng đế rằng:

- Thái hậu đã tự tìm rắc rối cho mình rồi. Thất vương gia dưới kia biết được chuyện này, chắc chắn sẽ tìm Thái hậu tính sổ khi Thái hậu xuống đất cho mà xem.

# Hồi thứ hai mươi sáu: MỪNG NĂM MỚI THÁI HẬU KHẢO PHI TẦN QUÊN NHỤC NƯỚC HOÀNG GIA VUI NHƯ HỘI

Lại nói về Từ Hy Thái hậu, sau khi đã lấy Thôi Ngọc Quý làm bia đỡ cho mình liền ra lệnh cho Hoàng hậu cứ ngày rằm, mừng một phái dẫn đầu phi tần, cung nữ đến lễ trước bài vị của Trần phi. Hoàng hậu rất bất mãn về chuyện này, song cũng không biết phải làm gì hơn. Để xoa dịu nỗi hân học của Hoàng hậu, Thái hậu thường nói:

- Khi Trần phi mới vào cung ta đã thấy được nét thông minh, trí tuệ rồi. Trần phi đối xử với Hoàng thượng cũng một mực hiền hậu, nhu mì. Khi được ta mời nội đình Miêu Gia Huệ dạy vẽ cho, chẳng bao lâu nó đã vẽ người, vẽ cảnh xinh tươi như thật. Chuyện này hẳn các người đã biết. Rồi chuyện Hoàng thượng thưởng riêng cho Trần phi quyền được đi kiệu tám người khiêng, ta cũng rất đồng tình. Các người chắc còn nhớ chứ!...

Không chỉ hết lời ca ngợi Trần phi, Thái hậu còn cho tuyên dương, cả ngợi Trần phi cả trong sách sử, hòng che tội cho mình. Điều 51 trong cuốn “Lục Đông Hoa” triều Quang Tự, tháng 11 năm Quang Tự thứ 27 có ghi: “Khâm phụng ân chi Từ Hy: Trong cơn biến loạn năm ngoái, giữa lúc hỗn độn, Trần phi không kịp theo giá; để bảo vệ sự thanh tịch trong cung cấm, đã tiết liệt hy sinh, thật đáng khen ngợi. Vì thế gia ân truy tặng danh hiệu Quý Phi để tỏ lòng thương nhớ”.

Vậy là Trần phi, người trước đó bị chính tay Thái hậu giết chết, bỗng nhiên trở thành nhân vật anh hùng tiết liệt hy sinh vì dân vì nước.

Cuộc đời Trần phi nhục vinh lẫn lộn. Ngày 16/10/1911 (tức năm Tuyên Thống thứ 3) trong hoàng thất Thanh triều đã tổ chức lễ long trọng, đem linh cữu của ba táng cạnh lăng tẩm của Quang Tự hoàng đế ở huyện Di Tây Lăng. Sau đó bọn ăn trộm đã đào bới mộ của ba lên. Những năm 80, bọn trộm cổ vật đã đột nhập vào viện bảo tàng Cổ Cung ở Bắc Kinh, lấy đi duy nhất bức khám vàng có 4 chữ “Trần phi chi ấn” (nghĩa là dấu ấn của Trần phi), may thay Chính phủ bắt lại được. Nhưng đó là chuyện về sau.

Từ Trường An (nay là Tây An - ND) về lại Bắc Kinh, Từ Hy Thái hậu từng bước tăng cường mối quan hệ với sứ quán các nước, hàng ngày đều mời các công sứ phu nhân vào cung, qua đó, nhờ các bà này truyền đạt ý kiến của mình đến các công sứ. Thái hậu vô cùng mong muốn được lòng các vị công sứ phu nhân, nhờ đó có thể nhờ cậy người Tây trợ lực cho.

Sắp sang năm mới, khắp hoàng cung nội viện, chỗ nào cũng chẳng đèn kết hoa muôn hồng ngàn tía. Qua ngày 23 tháng Chạp cúng ông Công ông Táo, chỉ vài ngày nữa là đến 30 tết. Phủ nội vụ tâu trình lên Thái hậu, chiếu theo luật cũ của triều đình thông báo cho tổng quản các cung chuẩn bị đón tết, đồng thời thông báo cho các phúc tấn (tức là vợ các vương gia, tiếng Mãn - ND), mệnh phụ, cách cách (con gái hoàng tộc) cùng con gái của các đại quan nhất phẩm, nhị phẩm vào cung mừng tuổi vào ngày 25 tết. Thái hậu nói:

- Lễ mừng tuổi năm nay không tán loạn như năm ngoái ở Trường An nữa. Năm nay phải làm cho đàng hoàng hơn năm ngoái mới được!

Tám giờ sáng ngày 25 tết, mọi người đều tập trung cả ở Thương Trấn Môn của Tử Cấm thành. Lý Liên Anh mặc áo rộng hình măng xà đứng đón trước cửa. Các phúc tấn bên ngoài đều mặc áo khoác đồ thêu hoa, trong mặc áo lót màu phấn hồng, còn các cách cách thì muôn màu muôn sắc. Tất cả đều được Lý Liên Anh dẫn vào cung Ninh Thọ.

Thái hậu thẳng tọa, cho gọi đám cách cách vào triệu kiến trước tiên. Một hàng cách cách theo nhau vào cung, sau khi quỳ lại liền phân ra đứng hai bên Thái hậu. Thái hậu nhìn chúng một lượt, có đến hơn một nửa mặt mày lạ hoắc, dường như chưa gặp lần nào, cảm thấy lũ trẻ bây giờ chẳng còn biết giữ gia pháp tập tục gì cả. Thái hậu lần lượt hỏi tuổi tác, học hành, ở phủ đệ nào rồi cho chúng lui ra hết. Loạt người thứ hai vào triệu kiến là các phúc tấn và mệnh phụ phu nhân. Hoàng hậu, phi tử và cách cách trong nội cung tham gia đón tiếp những người này. Sau khi hành lễ, Thái hậu nói với tất cả:

- Mọi người hãy vui vẻ mà chúc mừng nhau, đừng có buồn rầu gì cả. Cái đạo quân gia của người phụ nữ trước hết phải thể hiện ở việc thù thu may vá. Quần áo, giày hài bắt buộc phải do mình tự cắt, tự may mới được. Gia pháp triều ta nghiêm ngặt. Mọi quần áo Hoàng thượng ngự dùng đều do Hoàng hậu và phi tử tự tay may cắt lấy. Ta thấy các cách cách trong các phủ đệ, rất nhiều người chẳng biết làm ăn gì cả, chưa nói đến cắt may quần áo mà ngay cả việc khâu vá cũng chẳng biết gì, chỉ hay ăn mà lười làm, như vậy sau này lấy chồng rồi chẳng biết sẽ làm nên cái trò trống gì. Hôm nay ta sẽ kiểm tra các người, cho Hoàng hậu và các phi tử hướng dẫn mỗi người cắt hai bộ quần áo rồi sai các cách cách mỗi người may một bộ; may đẹp sẽ được thưởng. Hẹn cho các người hai ngày để làm việc này.

Trong số các phúc tấn, có người nghe Thái hậu nói vậy liền nghĩ: thế này mà gọi là mừng tuổi à. Rõ là cứ như đày đoạ chúng tôi. Rất nhiều người nghe lệnh sợ toát mồ hôi, nghĩ rằng mình tuy đã nhiều năm không cầm đến kéo, nhưng chắc cũng không đến nỗi nào; song còn con gái từ trước đến giờ chẳng biết mũi kim dọc ngang thế nào, chân tay vụng thối vụng nát thì làm sao khâu cho được quần áo! Cũng có số khác biết con mình khéo đường may vá nên vô cùng sung sướng, chỉ mong nhân dịp này thể hiện tài năng. Thái hậu nói với Hoàng hậu:

- Cho mọi người cắt thống nhất theo một cỡ để sau này còn chăm ai dở ai khéo.

Sau đó, Thái hậu lại nói rõ yêu cầu dài ngắn và số đo cụ thể, gọi thị tùng thái giám sai chuẩn bị hai ba chục cái bàn nhỏ, Thái hậu sai các phi tử truyền đạt lại cho các phúc tấn:

- Hôm nay, các vị cắt xong để đấy. Hẹn trong hai ngày 26, 27, cách cách phải khâu xong. Khâu xong rồi ta sẽ tự mình kiểm tra.

Cách cách trong các phủ đệ, những ai khéo léo biết may vá đều vui mừng nhảy cẫng cả lên. Ngược lại, những cô nàng hay ăn lười làm thì buồn rầu vô hạn. Đến ngày may quần áo, mỗi cách cách ngồi vào chiếc bàn đã dán tên của mình, ai nấy tim đập thình thình: nhờ Thái hậu giữa chừng kiểm tra không biết sẽ ra sao.

Hoàng hậu cùng Cẩn phi của Quang Tự và Du phi, Tấn phi, Tuân phi từ đời Đồng Trị Hoàng đế để giám sát cuộc thi. Họ trông thấy rất nhiều cách cách lên đưa vải cho các chị em khác vốn tinh thông may vá, lấy những bộ quần áo mà họ đã làm xong đặt lên bàn của mình, nhưng đều làm ngơ như không nhìn thấy.

Tuy vậy, Hoàng hậu cũng sợ nhờ ra Thái hậu vào kiểm tra, thấy vậy lại khiển trách mình nên nói với các phi tử:

- Phải chặn ngay mấy cách cách đang làm rối loạn trật tự kia đi. Phi tử nghe Hoàng hậu nói vậy liền đi tới trước mặt các vị cách cách gian dối cảnh cáo họ.

Trong số đó, cũng có được vài vị thật thà, tự mình khâu khâu, vá vá, cứ theo đường cắt của mẹ mà khâu, không tìm cách che đậy, đẹp là đẹp, xấu là xấu.

Sau 2 ngày, mỗi người đều đem sản phẩm của mình nộp lên cho Hoàng hậu và các phi tử kiểm tra, sau đó ghi tên của mình vào, đặt ngay ngắn trên bàn chờ Thái hậu đến xem xét.

Thái hậu dẫn đầu một tốp người, mặt cười hi hi bước đến các bàn xem xem ngó ngó, nhưng cũng chỉ cười ngửa xem hoa chứ không xem kỹ từng cái một. Thái hậu thấy trên bàn, quần áo bày gọn gàng ngăn nắp, rất lấy làm hài lòng. Sau khi đi một lượt, Thái hậu nói:

- Hôm nay thấy các cháu làm đều rất đẹp.

Các vị cách cách ai nấy vui mừng. May mà Thái hậu không nhìn ra những cái vụng về.

Xong xuôi đầu đây, mọi người chơi đùa vui vẻ trong ngự hoa viên. Có bậc cha mẹ nhân lúc vui đã nói với con cái mình rằng:

- Xem xem từ giờ chúng bay ở nhà có chịu làm việc hay không. Việc trong nhà không thể giao hết cho kẻ ăn người ở, tự mình phải học mà làm. Biết làm rồi thì không sợ gì nữa.

Sau tiết mục khâu vá, Thái hậu lại nghĩ thêm ra một tiết mục nữa, liền truyền chỉ cho Hoàng hậu, Cẩn phi, Du phi, Tuân phi, Tán phi... ngày 29 tết cùng tất cả các phúc tấn, cách cách không mặc quần áo lụa là quyền quý, chỉ mặc quần áo vải thô mà thôi. Mọi người nghe vậy đều không biết chuyện gì sẽ xảy ra. Sáng hôm đó, Thái hậu cũng chỉ mặc mỗi bộ quần áo vải thô màu xanh nhạt. Hoàng hậu, phi tử thấy vậy vội vã cởi bộ quần áo đang mặc, chỉ dám mang áo ngắn màu xanh, cách cách thì vội vàng đổi quần áo cho cung nữ đi theo, nhưng không ai biết sẽ xảy ra việc gì. Hóa ra phủ nội vụ đã chuẩn bị để các vị cách cách thi tài nấu ăn. Cá, thịt, rau, gia vị... đã được chuẩn bị đầy đủ, lại có đến cả hai ba chục cái bếp nữa. Thái hậu nói:

- Đã là phụ nữ thì tự mình phải biết nấu nướng, 5 món gia vị phải biết làm cho khéo, các món thức ăn cũng phải tự biết làm mà ăn. Các kiểu xào, nấu, hấp, nướng, om, vị mặn, nhạt, cay, đắng hay chua cũng có từng bài riêng, làm đúng bài, đúng vị khi ăn ngon miệng; không đúng bài đúng vị, đưa lên mồm rồi cũng không muốn nuốt. Đã là phụ nữ thì phải biết lo việc bếp núc. Tuy có người hầu kẻ ở nhưng tự mình cũng phải biết làm như thế nào.

Nói xong, quay sang bảo Du phi và Tán phi:

- Hai người hãy tự làm mỗi người một món xem sao. Rồi quay sang nói với đám cách cách:

- Các cháu phải cố gắng mà học làm.

Du phi cầm dao lên thái thịt, chuẩn bị gia vị, nhặt rau... sau đó đặt chảo lên bếp, chẳng mấy chốc hương thơm ngào ngạt bốc lên. Du phi ném ra đĩa, đưa cung nữ đặt vào mâm, dâng lên Thái hậu. Thái hậu tươi cười ném mấy miếng, nói:

- Mặn, ngọt vừa phải, vị cũng rất ngon.

Sau đó món cá chua ngọt của Tán phi cũng được dâng lên. Thái hậu ném xong, khen rằng:

- Quả là làm mát dạ người ăn!

Rồi quay sang đám cách cách, nói:

- Trong cung này có tất cả 20 cái bàn, 10 cái bếp nhỏ. Bây giờ cứ 2 cháu nấu chung một món.

Cả bọn cách cách, dù biết hay không biết nấu ăn đều nhất loạt vâng lời. Các cô tiểu thư cũng cầm muôi, cầm đĩa, tự mình chọn “đối tác” rồi xào xào nấu nấu. Chỗ này có tiếng xuyết xoa:

- Ôi, nhầm đám với tương rồi! Chỗ kia có tiếng kêu:



- Đủ rồi đủ rồi, cho nhiều muối thê!

Cả gian bếp cứ nhộn nhạo cả lên. Một hồi sau các phi tử nghiệm thu các món ăn, ghi tên từng người rồi bày ngay ngắn lên các bàn. Thái hậu cười ngửa xem hoa một lượt, nhìn nhìn ngó ngó. Hai tiểu thư quá tay cho nhiều muối, cặp tiểu thư nhảm dăm với tương thót tim khi Thái hậu đi qua đĩa thức ăn của mình. Còn những tiểu thư vốn khéo chuyện bếp núc thì chỉ muốn Thái hậu nếm thử món mình làm. Nhưng dù ngon dù dở, Thái hậu cũng không động đũa, chỉ nói:

- Gọi đại công chúa đến chấm xem ai nấu ngon.

Nói rồi quay về đại điện. Mọi người cũng trở về nghỉ ngơi.

Hôm sau đã là 30 tết, Thái hậu dậy sớm hơn mọi ngày. Hoàng hậu và các phi tần cũng dậy từ lúc tờ mờ, chuẩn bị lên điện. Các vị cách cách cũng dậy sớm chải đầu trang điểm. Hôm nay, phục sức của mọi người khác hẳn mọi ngày. Hoàng hậu, phi tử, đại công chúa và các phúc tấn đều mặc cung phục, đầu cài thúy điện, mặc áo dài hồng có gài đá quý, tai đeo khuyên rủ. Các vị cách cách đều mặc áo khoác đỏ, trên đầu đều cài thúy điện rủ xuống tận vai.

Thái hậu ngủ dậy, cũng cài thúy điện lên đầu. Trong người mặc áo lót màu vàng thêu hoa, bên ngoài khoác áo dài hồng, phía trước, sau và hai vai thêu 4 con rồng bằng chỉ màu vàng, bên dưới dùng chỉ ngũ sắc thêu các ngọn sóng. Lý Liên Anh cũng mặc áo dài hoa trắng. Sau khi Thái hậu thăng tọa, Hoàng hậu và mọi người đều quỳ xuống hành lễ. Lễ xong, Thái hậu lệnh cho Hoàng hậu dẫn đầu phúc tấn dâng hoa lễ Phật; đại công chúa dẫn đầu cách cách dâng bánh kẹo cúng Phật. Mọi người bận rộn mãi đến lúc ăn trưa mới xong.

Sau bữa trưa, Thái hậu tự tay viết liền 20 tờ giấy vuông các chữ “Phúc”, “Thọ”, rồi nói:

- Ai thích viết chữ thì cứ nhìn vậy mà viết. Đừng sợ khó, chữ càng viết càng đẹp. Không mạnh dạn thì không bao giờ viết được chữ đẹp cả.

Các vị cách cách mới lớn “điếc không sợ súng” liền hăm hở cầm lấy bút viết, chữ nghiêng nghiêng ngã ngã. Có người viết nhầm chữ “Phúc” thành chữ “Họa”. Thái hậu thấy vậy cười mà rằng:

- Vẽ hồ chẳng thấy giống, lại trông giống chó hơn.

Mọi người cười ầm cả lên, làm cho vị cách cách viết sai ngượng đỏ bừng cả mặt.

Đúng 5 giờ chiều, Quang Tự Hoàng đế dẫn đầu tôn thất chi gần, các vương công người Mãn và các quan nhất, nhị phẩm người Hán đến cung Ninh Thọ làm lễ từ tuế. Đây là tập tục lâu đời của người Mãn Châu. Đầu tiên, Lễ bộ Tán lễ lang là Vương Vũ Thần cùng những người khác hát vang bài ca tán lễ. Sau đó, Hoàng thượng và các Thân vương cùng nhảy múa trước mặt Thái hậu. Điệu múa này tư thế lúc ra, lúc vào uyển chuyển. Những người trong đội tán lễ thì hát theo nhịp múa nhảy. Dưới điện có 4 người mặc áo hoa da báo, mỗi người trên tay cầm một ống dài như sáo, đập vào miếng trúc, sao cho nhịp đập khớp với nhịp nhảy và nhịp hát tán lễ. Điệu múa này có tên là “Hi khởi vũ”.

Hoàng thượng Lễ Vũ Thân vương vùng nhảy với nhau, Khánh Thân vương với Thuần Thân vương là một đôi; Luân Bội tử và Na vương một đôi, tất cả có tới hơn 10 đôi cùng nhảy múa. Sau đó, Hoàng thượng đứng trước, các đại thần đứng sau, lễ Thái hậu ba lễ. Thái hậu thưởng cho mỗi người một hạt hà bao. Cuối cùng, Hoàng thượng quay về Càn thanh cung.

Sau khi Hoàng thượng lui về, Hoàng hậu dẫn đầu các phi tử, phúc tấn, mệnh phụ, cách cách vào cung nhảy múa. Cũng có nữ tán lễ lang của phủ vụ hát lấy nhịp. Quân áo, điệu bộ của vị nữ tán lễ này cũng giống hệt của vị nam tán lễ lúc trước, cũng có mũ triều đình, giày triều phục, áo dài hoa

báo, chỉ khác là những người này mặt hoa da phấn, tai đeo khuyên vàng mà thôi. Cuối cùng đến các cung nữ, thái giám làm lễ. Họ cúi đầu trước Thái hậu, đồng thanh hô to:

- Bọn nô tài kính lễ Thái hậu!

Số người này quá đông, quỳ kín cả sân rồng. Thái hậu ra lệnh cho Lý Liên Anh thưởng cho mỗi người một lạng bạc. Hành lễ xong xuôi, Thái hậu trở về phòng nghỉ. Lúc này, các phi tử, đại công chúa, phúc tấn, mệnh phụ... hành lễ trước phi tử. Sau đó, các phúc tấn, mệnh phụ lại phân ngôi bậc hành lễ trước sau. Cách cách cũng hành lễ tỏ ý chúc thọ cho bậc phụ huynh, cha mẹ, người trên của mình.

Trong ngoài hoàng cung treo đủ loại đèn lồng, sáng rực như ban ngày. Không chỉ Thái hậu phát quà cho mọi người đến hành lễ, các bậc lớn tuổi cũng phân phát quà và tiền mừng tuổi cho con cháu, nô tì... đến hành lễ mừng tuổi. Cách cách, cung nữ, thái giám, mỗi người đều nhận được rất nhiều tiền mừng tuổi. Sau khi ăn tối, mỗi người một trò, người đánh tú lơ khơ, người xóc đĩa, đều chơi đùa rất là vui vẻ.

Đúng 12 giờ đêm, Thái hậu lệnh cho mọi người tập trung ở đại điện, chuẩn bị một cái bàn to và các loại bột, rau, gia vị chuẩn bị làm bánh hấp có nhân. Mọi người ai vào việc ấy, khắp gian đại điện náo nhiệt cả lên. Hoàng hậu, phi tử, đại công chúa chuẩn bị nhân bánh. Thái hậu đứng bên quyết định độ đậm nhạt.

Nhân bánh xong xuôi, người lăn vỏ bánh, người gói bánh, người chưng hấp... mãi đến gần sáng mới xong. Thái hậu lệnh cho mọi người vào trong chính lại quần áo, chải đầu, trang điểm. Lúc sau Hoàng hậu dẫn đầu cả đoàn người bước vào đại điện. Thái hậu ngồi trên án đoạn, Hoàng hậu, phi tử, đại công chúa đứng quanh bên án. Thái hậu lệnh cho cung nữ dâng bánh lên rồi nói:

- Bây giờ bắt đầu một giờ mới, ngày mới, năm mới, tháng mới. Hôm nay, chúng ta có thể quên đi những giờ khắc đã qua, có thể ngồi đây ăn bát cơm thái bình là nhờ sự chở che của Phật thánh, nhờ sự chở che của liệt tổ liệt tông.

Lúc đó, trời vẫn chưa sáng hẳn, Thái hậu cho phép phúc tấn các phủ ai muốn về thì về. Có vài người nghe Thái hậu có chỉ như vậy, liền khấu đầu hành lễ rồi ra về.

Lúc này, bên ngoài có người vào bẩm báo thánh giá Hoàng thượng đã đến để chúc Tết Thái hậu. Mọi người nghe vậy, nhất loạt lui vào sau tấm bình phong.

Hoàng thượng bước vào trong điện. Thấy Thái hậu thẳng tọa liền dùng hai tay dâng lên một cây như ý, quỳ xuống trước mặt Thái hậu, thưa:

- Thần tử kính chúc Thái hậu tân niên tân hi!

Thái hậu nhận lấy cây như ý, Hoàng thượng lập tức khấu đầu hành lễ. Để giữ điềm lành nhân dịp đầu năm mới, Thái hậu tỏ ra vô cùng khách khí với Hoàng thượng, vừa cười vừa nói:

- Chúc quốc gia ngày càng phồn thịnh; mong Hoàng đế ngọc thể bình yên.

Hoàng thượng hành lễ xong, Thái hậu liền ngồi xuống như cũ, ban cho Hoàng thượng được ngồi ăn bánh ngay trong điện, Hoàng hậu và các phi tử đứng bên phục vụ.

Hoàng thượng ăn hết hai cái bánh, liền đứng dậy nói:

- Bánh năm nay rất ngon! Thái hậu đáp:

- Bánh năm nay thơm hơn năm ngoái làm ở Trường An rất nhiều.

Sau khi Hoàng thượng súc miệng, rửa tay, Hoàng hậu dẫn đầu phi tử cùng cung nữ đều quỳ xuống hành lễ trước Hoàng thượng, rồi một đám Thái giám cũng quỳ xuống, miệng hô vang “Kính chúc Hoàng thượng tân niên tân hỉ”. Hoàng thượng sau khi hành lễ trước Thái hậu và nhận lễ của mọi người liền lên kiệu về điện Bảo Hòa nhận lễ của quần thần.

Từ xa vọng lại tiếng trống, kèn, thanh là inh ỏi, Lý Liên Anh liền tâm với Thái hậu:

- Các hội đầu đã đến chúc Tết Thái hậu.

Thái hậu đáp:

- Bảo họ đến Nam Hải Tử đi đã.

Chỉ một lúc sau, đội múa sư tử Hồ phường kiều, đội múa ngũ hổ Nam cung tượng, đội cả vũ Thạch An Môn, đội cử tạ Địa An Môn, đội nhảy cao tung hứng Lục Lang Trang, đội tiểu xa Thiên Tân, đội thuyền vượt cạn Trắc Lộc và đội vũ đạo Phong Đài...đã quỳ trước thềm, miệng hô to chúc mừng Thái hậu.

Đúng 8 giờ sáng, sau khi tiếp lễ các hội đầu, Thái hậu bắt đầu xem họ biểu diễn.

Các đội tiểu xa, thuyền vượt cạn, các tiết mục cả múa đều vô cùng đặc sắc, thuần thực; múa ngũ hổ, múa sư tử lớn, sư tử nhỏ..., kỳ công, hoành tráng mãi đến trưa mới hết. Thái hậu ngồi xem rất vui vẻ, bọn cách cách thì hứng khởi quá chừng. Thái hậu ban thưởng cho mỗi hội đầu 200 lạng bạc rồi trở về cung.

Từ đêm 30 đến cả ngày mồng một, tiếng pháo nổ đi đùng khắp nơi, cả thành Bắc Kinh đâu đâu cũng tràn ngập không khí tết xuân. Sáng sớm mồng một, nhà nào nhà ấy thi nhau ra đường, đi chúc Tết bạn bè, người thân, làng xóm. Hễ gặp ai là chúc mừng năm mới, chúc phát tài, vạn sự như ý, chúc năm mới làm ăn thuận lợi v.v..

Ngoảnh đi ngoảnh lại đã tới Tết nguyên tiêu rằm tháng giêng. Theo lệ cũ sẽ có đốt pháo hoa ở Tam Hải. Hai năm nay, do tình hình thời cuộc rối ren, Tam Hải đã trở thành Tử Hải. Sau khi hỏi cung, Từ Hy Thái hậu đã trùng tu lại Tam Hải cho sạch sẽ, sáng sủa. Thái hậu truyền chỉ: “Văn võ bá quan từ tam phẩm trở lên, tết Nguyên tiêu năm nay đều được cho phép vào quan thưởng pháo hoa ở Tam Hải”.

Sau bữa tối, phúc tấn, cách cách các phủ đệ đổ dồn cả về Phúc Hoa Môn dẫn vào nội điện bái kiến Thái hậu. Sau đó, Thái hậu dẫn đầu mọi người đến Trung Nam Hải xem đốt pháo hoa.

Giá của cây pháo được đặt ngay giữa Tam Hải, bên trong dùng pháo dây quấn làm nhiều lớp, bên ngoài có gài rất nhiều pháo hoa, vô cùng kỳ công. Ánh sáng pháo hoa biến đổi không lường, có hình chậu hoa, gia nhô và pháo hoa hình các loại chim thú, trông xa như cả một vườn hoa. Lửa được châm lên, dẫn qua hoa sấm và thảo hoa đình, một tiếng nổ vang, lập tức từ trên đình cao rơi xuống mấy người giấy lơ lửng. Ngọn lửa được nối từ tay những người giấy này, dẫn tới cây pháo. Toàn bộ cây pháo sáng rực lên với hàng đèn lồng muôn sắc, rồi pháo hoa trong đèn lồng bắt đầu được phóng lên, sáng lòa khắp không gian. Lúc đó cả thảo đình, hoa sấm và cả khu Tam Hải sáng chói như ban ngày. Không trung tưởng như có hàng vạn vì sao lấp lánh, hàng ngàn con rồng lửa đang bay. Nhìn xuống mặt nước phản chiếu lung linh hàng triệu ánh màu, khung cảnh còn sinh động hơn nhiều!

Xem hết pháo hoa, Thái hậu liền truyền cho phúc tấn và các bá quan văn võ cùng đến điện Nghi Loan thưởng thức bánh nguyên tiêu. Khi mọi người ăn bánh, hơn chục vị thái giám múa rồng

dưới sân góp vui.

Tiết mục múa rồng kéo dài đến 2 giờ đồng hồ. Sau đó, Thái hậu sai đem ra rất nhiều đèn lồng đã được phủ nội vụ chuẩn bị từ trước, chiếc nào chiếc ấy đều cực kỳ đẹp đẽ, tinh xảo, ban thưởng cho mỗi người có mặt một chiếc. Nến được thắp lên. Mọi người tay cầm đèn lồng, lần lượt đến khấu tạ Thái hậu rồi lên kiệu ra về. Ai nấy đều hớn hơ ra mặt.

Từ Hy Thái hậu đã hoàn toàn quên mất nỗi nhục thương quyền, nỗi đau mất nước. Mùa xuân năm 1902, trong Di Hòa Viên trăm hoa đua nở: bích đào, hồng hạnh, ngọc lan, du diệp mai, tử bạch đình hương, muôn màu nghìn sắc làm người ta say đắm. Thái hậu cho mời các phu nhân, quýn thuộc công sứ tất cả các nước đến Di Hòa Viên cùng vui.

# Hồi thứ hai mươi bảy: VẠN BẠC VẼ TRANH CẦU ĐẸP MÃI THÁI GIÁM CHĂM CHÓ MONG ĐƯỢC VUI

Mùa xuân năm 1902, tiệc nghênh xuân được tổ chức tại Di Hòa Viên. Đại sứ phu nhân các nước nhận lời mời của Từ Hy Thái hậu đã đến dự đông đủ.

Phu nhân công sứ Mỹ kenton dẫn đầu đoàn quan khách nước ngoài, tiếp sau là phu nhân tham tán Mỹ niliam, phu nhân đại sứ Tây Ban Nha catsito, phu nhân công sứ Nhật Bản Cát Điền, phu nhân công sứ Tây Ban Nha anomita v.v... ba công sứ Mỹ kenton còn dẫn theo một cô con gái mi thanh mục tú, tươi xinh duyên dáng, đến Từ Hy cũng phải khen là tuyệt sắc giai nhân. Thái hậu rất thích cô gái này, liền hỏi tên họ là gì. Dung Linh phiên dịch, đáp cô ta tên là hastunien, là họa sĩ.

Từ hôm đó, Từ Hy Thái hậu vô cùng yêu thích cô gái của phu nhân kenton. Một hôm, Thái hậu lệnh truyền mời cô này vào cung nói chuyện.

Thái hậu hỏi:

- Cô vẽ tranh gì đẹp nhất?

Đáp: Tôi chuyên vẽ chân dung người và động vật. Tôi rất thích vẽ một bức chân dung Thái hậu để gửi về Mỹ tham gia triển lãm tranh.

Thái hậu nghe tới chuyện mang tranh về mình ra triển lãm ở nước ngoài, có vẻ không hài lòng, nói:

- Theo luật cũ của triều đình Đại Thanh, Hoàng đế, hậu, phi... phải chờ đến lúc quy tiên rồi con cháu mới vẽ lại chân dung. Người sống sờ sờ sao có thể vẽ rồi đem đi triển lãm được!

Hastunien nói:

- Bây giờ thế giới đã mở rộng giao lưu qua lại với nhau, càng là đế vương nổi tiếng càng phải lưu truyền chân dung của mình sang các nước khác.

Ảnh nữ hoàng Victoria nước Anh hầu như nước nào cũng có. Thái hậu phúc thọ song toàn, sao không phá vỡ lệ cũ một lần chứ!

Thái hậu nghe xong, im lặng hồi lâu rồi nói:

- Để ta suy nghĩ đã, vài hôm nữa sẽ trả lời cô.

Sau khi dùng bữa trưa, Thái hậu dẫn các công sứ phu nhân đi thưởng ngoạn Di Hòa Viên muôn hồng ngàn tía đang tràn sắc xuân. Hai bên Thái hậu đều có phiên dịch. Mọi người cười cười nói nói, phấn chấn vui vẻ như lạc vào tiên cảnh.

Hai hôm sau, phủ nội vụ thông báo tới sứ quán Mỹ cụ thể ngày tháng Hastunien tiếp tục vào tiếp kiến Thái hậu.

Hastunien là người Mỹ, nhưng đã học hội họa ở Pháp nhiều năm, từng là bạn thân của Dung Linh từ khi hai người ở Pháp. Lần này được Dung Linh tâng bốc, Thái hậu phấn khởi vô cùng, muốn được lộ diện trước toàn thể giới.

Dụ Canh, cha của Dung Linh nhận chức công sứ tại Pháp năm 1899. Hai chị em Đức Linh, Dung Linh đã thi đỗ vào trường vũ đạo Paris và gặp Hastunien tại đó. Qua lời kể của Dung Linh, Hastunien cảm thấy Từ Hy Thái hậu có cái gì đó rất thú vị. Chính vì thế sau khi đến Trung Quốc, cô này tìm mọi cách đòi theo mẹ vào cung nội để nhìn tận mắt Từ Hy Tây Thái hậu.

3 giờ chiều hôm đó, Hastunien đến Di Hòa Viên. Thấy Dung Linh ra đón, Hastunien liền nói:

- Miss Dụ, bạn có nhớ một câu chuyện bạn đã kể cho tôi nghe hồi ở Paris không?

Dung Linh đáp:

- Tôi chẳng nhớ được.

- Một câu chuyện ý mà.

- Chuyện gì, bạn nhắc lại đi.

- Bạn nhớ lại xem, một câu chuyện về Thái hậu.

- Ôi, tôi thực sự quên rồi.

- Bạn đã từng nói với tôi, Trung Quốc từ xưa đến giờ chỉ có 2 người đẹp...

Dung Linh ngắt lời:

- Ô, bạn nhớ kỹ quá đấy. Bạn nói cho tôi nghe nào!

Hastunien nói:

Tôi nói sai chỗ nào mong bạn sửa giúp nhé: Trung Quốc xưa kia, ở Tây thôn dưới chân núi Trữ là có một mỹ nhân tên là Tây Thi. Việt Vương Câu Tiễn muốn trả thù Ngô Vương Phù Sai đã dùng ngàn vàng, mời Tây Thi về kinh, chuẩn bị hiến cho Ngô Vương. Bách tính nước Việt nghe danh mỹ nhân đều đổ xô đến xem, sợ sau khi đã cống sang Ngô thì không còn cơ hội chiêm ngưỡng người đẹp nữa. Một đại thần tên là Phạm Lãi đã ra lệ rằng: ai muốn xem mỹ nhân phải nộp 1 đồng tiền vàng trước. Vậy mà bách tính gần xa vẫn ùn ùn kéo đến. Số tiền vàng thu được gom đầy mấy cái rương to. Tây Thi đứng dựa vào lan can trên lầu cao nhìn xuống, chỉ cười mỉm một cái, bách tính từ dưới nhìn lên, ai ai cũng như mê như tỉnh. Hôm nay tôi đến ngự hoa viên, chủ yếu để ngắm một người đẹp khác, đó là Tây Thái hậu. Tôi thấy Thái hậu còn đẹp hơn cả Tây Thi ấy. Nếu tôi vẽ lại được, nhất định sẽ vượt cả Tây Thi.

Dung Linh nói:

- Bạn nói nhỏ thôi! Đây là tôi nói với bạn về những năm trước kia, lúc Thái hậu còn rất trẻ. Khi ấy Thái hậu mắt không vẽ cũng đen, môi không tô cũng đỏ, tóc không nhuộm cũng suôn, da không phấn vẫn trắng, đẹp đẽ vô cùng. Nhưng bây giờ Thái hậu đã 67 tuổi rồi, sao đẹp như xưa kia chứ!

Hastunien vẫn cương quyết:

- Không, tôi vẫn thấy Thái hậu có những nét đẹp bạn vừa nói ra. Nếu vẽ lại được, tôi đảm bảo sẽ làm sống lại được vẻ đẹp lúc thanh xuân.

Thái hậu tiếp kiến Hastunien ở trong Nhân Thọ điện. Sau khi chuyện phiếm một hồi, Thái hậu hỏi cô ta phong tục tập quán và lễ tiết trong tòa Bạch Ốc.

Hastunien nói:

- Nước Mỹ là một nước cộng hòa. Lễ tiết trong tòa Bạch Ốc đơn giản hơn trong cung nhà Thanh nhiều.

Thái hậu thấy Hastunien mang theo rất nhiều dụng cụ vẽ liền hỏi:

- Cô đem theo dụng cụ gì nhiều thế? Cô này trả lời:

- Dạ, đây là giá vẽ và bảng pha màu.

Thái hậu lại hỏi:

- Tại sao cô vẽ mà không dùng bút lông và nghiên mực?

Dung linh nghe vậy bèn nói:

- Tranh sơn dầu phương Tây không giống tranh thủy mặc của Trung Quốc. Tranh sơn dầu đầu tiên phải vẽ phác cấu dạng hình ảnh lên khung rồi mới tô màu sau.

Thái hậu nghe vậy liền nói:

- Vậy cứ để cô ấy vẽ cho ta xem.

Từ Hy lúc đó mặc một chiếc áo bào thêu hoa rất đẹp, xung quanh đầu gài rất nhiều trâm phi thúy, lóng lánh muôn màu. Thái hậu ngồi ngay ngắn trên bảo tọa. Hai bàn tay có đeo bộ móng giả bằng vàng đặt lên đùi, dáng vẻ dương dương tự đắc.

Hastunien vẽ được một lúc, Thái hậu liền nói:

- Mang lại đây cho ta xem chút đã.

Thấy cấu họa những nét nguệch ngoạc, Từ Hy không khỏi giật mình, thốt lên:

- Ôi da, sao lại vẽ ta thế này!

Dung Linh vội nói:

- Đây là cấu hình, tô màu vào sẽ đẹp ngay thôi mà. Tranh sơn dầu phương Tây không giống quốc họa của ta, phải xem từ xa mới đẹp.

Hastunien nói:

- Thái hậu mỗi ngày phải ngồi 3 giờ, liền 5 ngày mới vẽ xong được. Từ Hy không đợi Dung Linh phiên dịch hỏi liền:

- Cô ta nói gì mà cứ liên thoảng lên vậy, titi tata một tràng dài, không mệt chết đi à!

Dung Linh nói:

- Nếu người Trung Quốc nói nhanh, người ngoại quốc nghe như súng nổ, chẳng hiểu gì cả. Vừa nãy, Hastunien nói là muốn vẽ được một bức họa, Lão Tổ phải ngồi liền 3 ngày, mỗi ngày 2 tiếng mới được.

Thái hậu nghe vậy mày nhíu lại, cảm thấy hơi ngao ngán, nói:

- Chỉ cần vẽ xong mặt là được, còn phía thân dưới, cho phép khanh mặc quần áo của ta ngồi làm mẫu cũng được.

Dung Linh tuân mệnh, ngày hôm sau liền mặc quần áo của Thái hậu ngồi yên cho Hastunien vẽ.

Nhưng khi vẽ đến đôi tay Thái hậu, Hastunien lại nói:

- Miss Dụ này, bạn phải mượn bộ móng tay giả của Thái hậu đeo vào mới được.

Dung Linh nghe vậy vừa cười vừa đi vào trong mượn bộ móng tay của Thái hậu.

Hastunien ở trong cung gần 1 năm, vẽ được 2 bức tranh chính Thái hậu cho là rất thành công. Hai bức tranh này đã biến một Từ Hy chuyên quyền, tàn bạo, đánh đá thành một Tây Thi hiền hậu, lương thiện, nhân từ, còn mang cả nét từ bi của Quan Âm Bồ tát.

Khi Hastunien chuẩn bị về nước, Thái hậu liền lệnh cho Bộ ngoại vụ lo sắm một món quà hậu tạ công vẽ tranh. Theo ý Thái hậu, đưa tiền cho Hastunien sẽ không hay bằng tặng cho cô ta một món quà quý. Nhưng đại sứ Trung Quốc tại Mỹ lại nói với Khánh vương Dịch Khuông rằng: “Họa sĩ ở nước ngoài sống bằng nghề vẽ tranh, tốt nhất cứ trả tiền cho cô ta”. Cuối cùng, Thái hậu quyết định trả cho cô 2 vạn lạng bạc và một tám huân chương. Toàn bộ số bạc và tám huân chương, bộ ngoại vụ chuyển đến sứ quán Mỹ, sứ quán Mỹ sẽ có trách nhiệm chuyển tiếp tới tận tay Hastunien.

Hai bức tranh Hastunien vẽ cho Thái hậu, một bức giữ lại trong cung, còn một bức được đại diện Hoàng tộc là Phổ Luân cùng công sứ Trung Quốc tại Mỹ Ngũ Đình Phương đem sang Mỹ để trưng bày triển lãm.

Từ Hy Thái hậu đích thân thiết kế khung tranh rồi nói với Ngũ Đình Phương:

- Sau triển lãm sẽ tặng bức tranh này cho Tổng thống Mỹ. Rồi còn dặn thêm:

- Khi mang tranh đi, nhất định phải để tranh đứng theo chiều dọc, không được để ngang hay đặt nằm vì như thế không may mắn. Hai khanh phải thật cẩn thận mới được.

Ngũ Đình Phương và Phổ Luân đều “dạ, dạ” tuân mệnh. Nhưng khi vừa ra khỏi cung môn, Ngũ Đình Phương đã nói với Phổ Luân:

- Chỉ cần tuân chỉ đoạn đường từ Bắc Kinh đến Thượng Hải thôi. Ra khỏi Trung Quốc lên thuyền Tây rồi, khỏi cần phải để ý dọc hay ngang nữa.

- Chuyển sang chuyện một bộ phận người Nga sống ở Lão Sào, Mãn Châu. Nga hoàng của Thái đế nhị muốn chiếm Mãn Châu nên không hề thực hiện những quy định đã đề ra trong “Điều ước 3 tỉnh biên giới Nga - Trung”. Chính vì thế, nước Nga trở nên mâu thuẫn nghiêm trọng với kế hoạch xâm lược vùng Đông Bắc Trung Quốc của Nhật Bản.

Ngày 8/2/1904, Hải, lục quân của hai nước Nga, Nhật bắt đầu đánh lẫn nhau trên lãnh địa Trung Quốc. Lục quân Nhật Bản từ Tân Nghĩa châu tiến sát Thẩm Dương theo đường Lư Giang, kẹp chặt lực lượng chủ lực của Nga ở hai vùng Liêu Thẩm, 1 cánh quân khác đổ bộ vào đất liền, đánh vào quân chủ lực Nga ở Doanh Khẩu, Thiết Tân và liên quân đóng trên cảng Lữ Thuận. Hai bên đánh nhau ác liệt trên lãnh địa Trung Quốc. Điện báo của các phủ vùng đông bắc tới tấp đánh về triều đình báo cáo việc các nước Nga, Nhật tàn sát nhau trên lãnh thổ của mình, xin chỉ thị đối



phó. Nhưng Từ Hy lại cho rằng:

- Họ đều là lân bang của ta. Chúng ta chỉ nên đứng trên lập trường trung lập.

Thái hậu cố tỏ ra bình tĩnh nhưng thực ra trong lòng ngồn ngộn lo lắng.

Hàng ngày, bà đến Nghi Loan điện ở Trung Nam Hải rất sớm nghe việc quân sự.

Hàng loạt vương công đại thần lần lượt quỳ dưới bệ rồng, trước xưng tên họ của mình, sau cung kính bẩm báo với Thái hậu tình hình chiến sự Nga, Nhật đang diễn ra trên đất nước mình.

Suốt mấy ngày liền sau khi từ điện Nghi Loan trở về, thái hậu buồn bã mặt mày cau có, chẳng nói chẳng rằng, cơm không muốn ăn, trưa cũng không màng nghỉ ngơi: bà một mình buồn bã quỳ trước tượng Phật, thành kính khẩn cầu:

- Nam mô cứu khổ cứu nạn Quan Thế âm Bồ tát, nhân li nạn, nạn li thân, nhất thiết tai ương hóa vì trần...

Một buổi sáng, khi Thái hậu mới từ Nghi Loan điện trở về, thấy Lý Liên Anh tâu rằng:

- Công sứ phu nhân nước Nga mới gửi đến một lá thiệp, mời các nữ quan và các vị cách cách đến sứ quán dùng cơm trưa.

Thái hậu nói:

- Không biết lại thêm trò gì nữa đây. Hay là họ muốn thăm dò thái độ của ta với Nhật?

Lý Liên Anh liền đáp:

- Trước khi đi, dặn trước các vị cách cách và nữ quan khi nói chuyện phải chú ý cẩn thận là được.

Gần trưa, đại công chúa con gái Cung Thân vương, tam cách cách, tứ cách cách - con gái của Khánh vương, tiểu nhị cách cách cháu ngoại Cung Thân vương, tiểu tam cách cách con gái Thuận thân vương, hai cô con gái Đức Linh, Dung Linh của công sứ tại Pháp Dụ Canh và nữ quan phiên dịch Tuấn Thọ chuẩn bị đi dự tiệc. Trước khi đi, Thái hậu dặn:

- Nếu họ nói đến việc Nga, Nhật đánh nhau thì nhớ phải lảng sang chuyện khác đấy.

Hôm sau, phu nhân công sứ Nhật Bản là Cát Điền biết việc phu nhân công sứ Nga mở tiệc mời cách cách và các nữ quan triều đình Đại Thanh, liền cho người đưa thư xin được vào bái kiến Thái hậu. Việc này quả khiến Từ Hy phân vân, liền nói với Liên Anh:

- Người hãy nói với Khánh Vương là ta sẽ suy nghĩ rồi định ngày sau. Cứ nói mấy hôm nay ta hơi mệt.

Lý Liên Anh lập tức truyền lệnh cho Thái giám trực ban thưa lại với Khánh Vương. Thái hậu lại nói với Lý:

- Người xem, hôm qua phu nhân công sứ Nga vừa mời cách cách ăn cơm, hôm nay phu nhân công sứ Nhật lại xin vào cầu kiến, rõ ràng hai việc này có quan hệ với nhau. Hai nước đó đánh nhau để chúng ta ở giữa mắc kẹt. Bây giờ cho ba ta vào tiếp kiến thì không hay mà không cho cũng chẳng hay gì.

Sau đó lại quay sang nói với Dụ Canh phu nhân:

- Khanh thấy chuyện này thế nào?

Dụ Canh phu nhân là người Pháp, vốn không hay màng chuyện chính trị nên đáp:

- Không gặp ba ta cũng không được. Thần thấy Cát Điền phu nhân là người thông minh, biết nói tiếng Anh lưu loát, chắc sẽ không nói thẳng vấn đề ra đâu. Chắc ba ta sẽ thăm dò chúng ta từ nhiều góc cạnh khác.

Từ Hy nghe vậy liền lệnh cho Lý Liên Anh:

- Hãy nói lại với Khánh Thân vương cứ để Cát Điền phu nhân tự sắp xếp ngày vào bái kiến vậy.

Rồi quay sang nói với Dụ Canh phu nhân:

- Hôm nào Cát Điền phu nhân đến bái kiến, Khanh và Dung Linh sẽ phiên dịch cho ta. Khi phiên dịch chú ý một tí là được.

Dụ Canh phu nhân đáp:

- Thế này ạ, khi Cát Điền phu nhân đến, nô tài sẽ đứng bên cạnh Thái hậu, để Dung Linh phiên dịch. Dung Linh còn trẻ, phản ứng nhanh, nếu Cát Điền phu nhân có nói ra điều gì không tiện chắc sẽ tìm cách lảng ra được. Và lại Dung Linh chỉ là một đứa trẻ, có nói gì sai sót cũng không ai trách cả.

Từ Hy Thái hậu rất đồng tình.

Đến ngày đã chỉ định, sau khi nghe chính sự ở Nghi Loan điện, hơn 10 giờ sáng, Thái hậu trở về Phúc Xương điện tiếp kiến Cát Điền phu nhân. Cát Điền phu nhân mặc trên người một bộ quần áo thêu hoa, có cả một người nữa đi cùng. Từ Hy Thái hậu cùng Cát Điền phu nhân hàn huyên hồi lâu, cũng toàn những việc gia đình, việc nội trợ đông dài. Nhưng đến khi Từ Hy Thái hậu hỏi thăm tình hình sức khỏe, Cát Điền phu nhân lại đáp:

- Hiện nay mọi người trong sứ quán đều rất bận, công sứ lúc nào cũng có tâm sự, lúc nào cũng lo lắng vì chuyện chiến tranh giữa hai nước Nga, Nhật...

Dung Linh nghe vậy nhanh trí cắt ngang, nói:

- Thái hậu rất thích bộ quần áo ba đang mặc, Thái hậu khen quần áo may rất đẹp.

Câu nói sau hoàn toàn chẳng khớp gì với câu trước, Cát Điền phu nhân nghe vậy thấy hăng một cái, đành lên tiếng:

- Tôi cũng rất thích áo kỳ bào của Thái hậu. Tôi đang định may một bộ. Thái hậu liền nói:

- Vậy để ta tặng ba một bộ kỳ bào nhé!

Cát Điền phu nhân nghe vậy vội cung kính cúi xuống cảm ơn. Từ Hy liền bảo Dung Linh truyền lại cho Lý Liên Anh mang hai tấm kỳ bào thêu hoa tới.

Lúc sau, Lý Liên Anh dâng lên hai tấm kỳ bào Tô Châu thêu hoa và một chiếc áo lộ tay cũng thêu hoa. Dụ Canh phu nhân nhận lấy chuyển dâng cho Thái hậu xem. Cát Điền phu nhân lại đứng

dậy cúi mình, miệng nói cảm ơn liên tục. Lý Liên Anh gói số quần áo lại, để sang một bên - Cát Điền phu nhân cả ngại kỹ năng thêu vải của Trung Quốc một lúc, chuyển sang nói chuyện gia đình rồi xin phép ra về.

Vậy là Từ Hy Thái hậu đã sắp xếp ổn thỏa bữa tiệc của phu nhân Công sứ Nga lẫn lần bái kiến của phu nhân Công sứ Nhật. Mặc dù vậy, nỗi buồn nặng trĩu vẫn chưa được giải tỏa.

Lý Liên Anh tìm mọi cách giải khuây cho Thái hậu. Hôm đó trong số 100 con chó được nuôi trong ngự khuyển phòng, một con trên là Hắc Bảo Ngọc sinh được 4 con chó con. Lý Liên Anh được tin này như được tin đại hi. Ông ta biết rằng Thái hậu yêu chó vô cùng, mọi buồn bực lo lắng về chiến tranh Nga Nhật chắc chắn sẽ tiêu tan trước những con tiểu cầu mới sinh. Quả nhiên sau khi nghe Lý Liên Anh bẩm báo, Thái hậu nở nụ cười tươi, bỏ cả tập tấu chương đang xem, dẫn đầu một đám cung nữ đi thẳng đến ngự khuyển phòng.

Lũ chó trong ngự khuyển phòng nhìn thấy Thái hậu đến vẫy đuôi nhặng xi, sủa ầm cả lên, sau đó tự giác xếp thành hàng ngang, vươn thân lên, hai chân trước đưa ra lễ như kiểu đón chào. Thái hậu thấy vậy vui mừng hơn cả khi thấy đại thần vào hành lễ. Mẹ con Hắc Bảo Ngọc nằm trong một chiếc lồng trúc rộng. Thái hậu nhìn 4 con chó nhỏ chưa mở mắt, lòng rộn ràng hơn cả lúc nhìn thấy Đồng Trị ra đời.

Thái hậu nhìn bốn con chó nhỏ nằm yên trong lòng Hắc Bảo Ngọc, vui không tả xiết, quay sang dặn dò 8 tên thái giám coi sóc ngự khuyển:

- Phải chăm sóc cẩn thận đấy!

Thái giám mời Thái hậu đặt tên cho 4 con chó mới sinh. Từ Hy nghĩ một lúc rồi căn cứ vào màu sắc của từng con lần lượt đặt tên.

- Từ trái qua phải là Thu Diệp, Hồ Phách, Tử Yên và Sương Thị.

Trong số 100 con chó trong Ngự khuyển phòng, Thái hậu thích nhất con Hải Long có bộ lông màu hồng đỏ. Hải Long chỉ to hơn loài mèo lão hoa một ít, đám lông trên đầu rất dài, người thon nhỏ, đuôi nhún cùn. Chính vì Thái hậu yêu chó nên việc các thái giám trong cung nuôi chó đã trở thành mốt. Rất nhiều vị chuyên nuôi chó đực, dạy nó liếm phần kín của mình sau khi đi đại tiện.

Chó đã phần nào an ủi được tinh thần Thái hậu. Tuy vậy thù trong giặc ngoài, tình hình đất nước vẫn vô cùng nghiêm trọng. Và chó, đương nhiên cuối cùng không cứu vãn nổi chính phủ Mãn Thanh lúc đó như con thuyền chòng chành giữa muôn vàn gió bão.

# Hồi thứ hai mươi tám: HUẤN LUYỆN VỆ UỐN LƯỠI TỤNG THÁI HẬU NÉM TIỀN BẠC TRƯỢT BĂNG TRÊU PHÚC TẤN

Một hôm, Viên Thế Khải tới yết kiến Thái hậu, theo lễ cũ trước hết hãy cứ đến phòng Lý tổng quản chuyện phiếm một hồi đã. Lý Liên Anh nói:

- Khi gặp Thánh mẫu, ông nói năng phải để tâm cẩn thận; gần đây Nga Nhật khai chiến, Thái hậu tâm thần bất định, ăn không ngon, ngủ cũng không yên. Tôi lo sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của ngài thì giang sơn nhà Đại Thanh lấy ai chèo chống cho? Khi yết kiến, những chuyện không vui nên nói in ít thôi, ông phải nghĩ cách mà giảng giải khuyên bảo.

Viên Thế Khải nói:

- Gần đây có một đoàn xiếc thú từ Ấn Độ sang, có thể mời Thái hậu xem để giải sầu.

Viên Thế Khải vào gặp Thái hậu, tuôn ra một tràng đầy những lời lẽ lừa bịp ngút trời về chuyện quốc gia đại sự, chỉ báo tin vui chứ không báo tin buồn.

Bấy giờ Lý Liên Anh mới thề thọt với Thái hậu:

- Viên đại thần nói, có đoàn xiếc thú từ Ấn Độ tới, mang theo rất nhiều dã thú, có cả sư tử, hổ, voi, lại còn có rất nhiều tài tử nữa.

Viên Thế Khải tiếp lời, bổ sung thêm:

- Có khá nhiều tiết mục mạo hiểm hết sức đặc sắc, muốn dâng lên Thái hậu ngự lãm.

Từ Hy là người thích chơi bởi hưởng thụ, nghe thế liền nói:

- Hãy tìm một chỗ trống trong Di Hòa Viên, gọi đoàn xiếc ấy vào biểu diễn.

Hai hôm sau, khán đài được dựng lên trên một khoảng đất trống trong Di Hòa Viên, chọn định ngày lành tháng tốt, đoàn xiếc thú kia liền kéo vào biểu diễn.

Hôm đó, Từ Hy Thái hậu dẫn Hoàng đế Quang Tự, Hoàng hậu, công chúa và các cách cách đến thưởng thức. Diễn viên của đoàn xiếc này đều biết nói tiếng Anh, Dụ Dung Linh phiên dịch. Đầu tiên, có một chiếc lồng sắt lớn được chuyển ra, bên trong nhốt một con sư tử, trong lồng còn có một người dạy thú tay cầm chiếc roi da, mở chiếc lồng sắt ra, một thiếu nữ xinh đẹp bước vào, cô nhảy múa, lượn vòng xung quanh con sư tử trong lồng. Chân tay cô đã mấy lần chạm vào mõm sư tử, con sư tử kia liền nổi giận gầm lên nhưng thần thái thiếu nữ vẫn như không, cười duyên đáng lui ra khỏi lồng, nắm mép váy cúi xuống kính chào khán giả.

Thái hậu lập tức sai người gọi nữ diễn viên đến khen thưởng mấy câu và hỏi cô ta:

- Người nhảy múa bên cạnh sư tử có sợ không?

Cô gái đáp:

- Mỗi lần nhảy múa bên cạnh sư tử, trong lòng đều rất sợ hãi, tuy biết có người trông nom

nhưng mỗi lần đều phải đợi nhảy xong bước ra khỏi lồng mới có thể yên tâm. Còn nhớ lần đầu tiên khi bước vào lồng sắt sợ hãi đến chết khiếp.

Tiếp đó lại có tiết mục nữ diễn viên đi trên dây thép dầy hổ, đều là những tiết mục đặc sắc.

Diễn xong, Từ Hy bảo Lý Liên Anh đến mời người chủ đoàn xiếc lại khen thưởng, chủ đoàn biếu Từ Hy một cái nhẫn kim cương hào quang rực rỡ. Từ Hy lập tức đeo nó vào tay ngay. Khi đoàn xiếc sắp dời đi, Từ Hy sai Lý Liên Anh bảo Khánh vương thưởng cho chủ đoàn một vạn lạng bạc, mỗi diễn viên một tấm vải.

Hôm sau, Lý Liên Anh gặp Viên Thế Khải, nói:

- “Phương thuốc” của ông linh nghiệm thật đấy. Đoàn xiếc đã nở cả ruột gan mà trên mặt Thái hậu cũng đã có nét vui lên rồi.

Viên Thế Khải nói:

- Hai hôm nay tôi đang chuẩn bị một việc rất thú vị nữa đấy.

- Chuyện gì thế?

- Tôi mua được một đôi vẹt từ Ấn Độ về, lông của nó màu đỏ và xanh lục. Hai hôm nay, tôi đang sai người chuyên môn huấn luyện cho nó nói.

- Huấn luyện để làm gì kia?

- Lẽ nào Tổng quân không biết, tôi sai người chỉ huấn luyện cho vẹt nói hai câu, đợi đến khi nào nó nói được, sẽ đem dâng tặng lên Thái hậu.

- Hai câu gì vậy?

- Câu thứ nhất là: “Cát tường như ý”. Câu thứ hai là: “Hoàng Thái hậu thánh thể bình an”.

Lý Liên Anh nghe thế khoái chí vô cùng.

Hai hôm sau quả nhiên đã huấn luyện được vẹt, Viên Thế Khải giao cho Lý Liên Anh. Hai con vẹt lúc nào cũng nheo nhéo luôn miệng: “Cát tường như ý!”, “Hoàng Thái hậu thánh thể bình an!”.

Hai con vẹt này được treo trên hai giá đồng mạ vàng hình trăng non. Chân của mỗi con vẹt được xích bằng một sợi xích vàng. Đưa thẳng đến điện đường của Thái hậu.

Vẹt còn chưa đến tầm cung của Thái hậu, mấy tiếng “Cát tường như ý”, “Hoàng Thái hậu thánh thể bình an” đã nheo nhéo văng đến tận tai Thái hậu.

- Chà! Của ai tiến cống đấy? - Từ Hy Thái hậu vội hỏi.

Lý Liên Anh bẩm:

- Của Viên Thế Khải dâng Thái hậu đấy ạ!

“Cát tường như ý”, “Hoàng Thái hậu thánh thể bình an”. Từ Hy nghe xong, những thứ hàng ngày triều thần tâu lên về chiến tranh Nga, Nhật lờ mờ rồi đều quên phất hết. bà ta nói:

- Liên Anh, người phải sai người tinh thông nuôi dưỡng cẩn thận rồi treo chúng ở trước đình cho ta!

Hai câu “Cát tường như ý”, “Hoàng Thái hậu thánh thể bình an!” cứ nheo nhéo mãi bên tai. Vừa lúc Dụ Canh phu nhân từ bên ngoài đi vào, đập đầu chào Thái hậu rồi nói:

- Thánh mẫu hồng phúc đầy trời, cảm động đến mức cảm thú cũng phải tới chúc phúc.

Lý Liên Anh nói với Dụ Canh phu nhân:

- Ngũ cô nương chẳng phải đã từng học múa ba lê và múa Hy Lạp ở học viện vũ đạo Paris nước Pháp đấy sao? Có thể gọi cô ấy đến múa một chút làm vui lòng Lão Tổ Tông chăng?

Chưa dứt lời, Ngũ cô nương Dung Linh đã bước vào, sau khi cô ta cúi chào Thái hậu, Dụ Canh phu nhân nói:

- Đại thúc con vừa rồi bảo con hãy múa cho Lão Tổ Tông xem.

Dung Linh nói:

- Con đang học múa cổ điển Trung Quốc, điệu “Hà hoa tiên tử”, điệu “Phiến tử” và điệu “Nư ý”, nếu bảo con múa điệu nước ngoài, phục trang thì có, nhưng không có âm nhạc nước ngoài thì không thể múa được.

Thái hậu đang tập trung tinh thần nghe vệt nói thì bỗng nhiên Dụ Canh phu nhân xen vào:

- Viên Thế Khải có ban nhạc Tây Dương, có được không?

Dung Linh đáp:

- Được ạ.

Lý Liên Anh nói:

- Để tôi bảo Viên Thế Khải điều ban nhạc của ông ta từ Thiên Tân về. Trước ngày tết Đoan Ngọ, trong sân của Lạc Thọ đường trải một tấm thảm lớn màu đỏ, bên trái là ban nhạc Tây Dương của Viên Thế Khải, bên phải là đội nhạc Trung Quốc của các thái giám, đầu tiên là múa Tây Ban Nha và múa Hy Lạp, sau đó là múa điệu “Nư ý” và múa điệu “Hoa sen”. Ngai báu của Từ Hy đặt chính giữa hành lang, Quang Tự ngồi bên cạnh Từ Hy, đứng hai bên là Hoàng hậu Long Dụ, Cẩn phi và phúc tấn các phủ.

Hai bên sân cũng chen chặt các thái giám và cung nữ, cảnh tượng hết sức náo nhiệt, khi múa xong, Từ Hy nói:

- Ngũ cô nương múa rất đẹp, sau này còn phải múa trong Đại Nội nữa.

Nỗi sầu muộn của Từ Hy Thái hậu chưa phải là tiêu tan hẳn. bà ta vốn muốn dựa vào lực lượng của Sa hoàng Nga, liên kết với Nga để chống Nhật, gửi gắm hy vọng vào Sa hoàng, đây là chủ trương nhất quán của Từ Hy. Mấy năm trước khi Nga hoàng lên ngôi, Trung Quốc đã ủy phái Lý Hồng Chương làm đại thần toàn quyền, ký kết “Mật ước Trung - Nga” Từ Hy cho rằng: Chỉ cần có sự giúp đỡ của Nga, cường quốc phương Bắc, cùng đối phó với Nhật Bản thì mình có thể bình chân như vại được. Nào ngờ nước Nga tuy đất đai nằm cả ở Châu Âu lẫn châu Á, lãnh thổ rộng lớn, bề ngoài có vẻ hùng mạnh nhưng thực chất lại không phải là đối thủ của Nhật Bản, trong khi đã tâm

muốn nuốt chửng Trung Quốc thì lại rất giống Nhật. Từ sau khi hồi loạn, quốc khổ rỗng tuếch, lòng người sinh biến, Từ Hy Thái hậu vô cùng rầu rĩ, nhất là mấy hôm nay, phu nhân công sứ nước Nga và phu nhân công sứ Nhật Bản giờ “đấu pháp” ra với nhau và với Từ Hy khiến ba ta càng ủ rũ mất vui.

Lý Liên Anh luôn luôn để tâm đến nỗi buồn lo của Thái hậu. Đột nhiên hắn nhớ ra một chuyện liền nói với Thái hậu:

- Nghe nói bốn con chó con do Hắc Bảo Ngọc sinh hạ đã biết chạy, rất đáng yêu.

Thái hậu nói:

- Nếu khanh không nói thì quả thật ta quên mất bốn con chó con ấy đấy, bây giờ chúng ta cùng đi xem xem ra sao.

Lý Liên Anh tìm trăm phương ngàn kế làm cho Thái hậu vui lòng nhưng nỗi sầu muộn trong lòng bà ta vẫn không xóa bỏ được. Gần đây Thái hậu buồn vui thất thường. Đến phòng của chó nhất là khi nhìn thấy bốn chó con do con Hắc Bảo Ngọc mới đẻ, mặt mũi ba ta tươi tỉnh lên được một lúc. Còn khi nhìn thấy người, đặc biệt là Hoàng đế Quang Tự hoặc đại thần thân cận của Quang Tự thì ba ta chỉ nghiêng rằng nghiêng lợi.

Mấy hôm nay, tâm tình Thái hậu càng bất ổn, bao nhiêu lửa giận trong lòng ba ta để hết lên đầu tả hữu, không đánh thái giám thì đánh cung nữ, người nào người nấy sợ run cầm cập, nhiều người thậm chí rơi nước mắt. Có người đến tìm Lý Liên Anh cầu cứu, coi Lý Liên Anh như cha đẻ.

Một hôm đại công chúa đến. Lý Liên Anh nói:

- Lão Tổ Tông cứ sầu muộn bức bối như thế, sợ rằng lâu ngày sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe.

Đại công chúa nói:

- Nếu vào mùa xuân mùa hạ còn có thể leo núi ngắm cảnh, nhưng hiện nay, thời tiết dần dần giá lạnh, chẳng có chỗ nào có thể du ngoạn được cả.

Lý Liên Anh nói:

- Tôi có một cách, có thể làm cho Thái hậu giải sầu vào lúc trời đông hàn giá lạnh này.

- Mùa đông thì có chuyện gì mà giải sầu?

- Tôi nghe người ta nói, thời xưa trong quân đội có một số người biết trượt băng, sắp xếp thành đội ngũ, thao luyện như tập trận, nào là chạy thi cướp cờ, nào là thao luyện các trò vui. Thịnh hành nhất là vào thời Gia Khánh, Đạo Quang, đặc biệt là thời Đạo Quang, đến thời Hàm Phong mới xóa bỏ trò trượt băng này. Tôi muốn bẩm tấu với Thái hậu về việc phục hồi trò đó, may ra có thể làm cho Lão Tổ tông sẽ vui lòng chẳng.

Đại công chúa nói:

- Để khi hậu hạ bữa tối, nhân cơ hội sẽ nhắc đến xem. Khi Thái hậu dùng bữa, đại công chúa quả nhiên nói:

- Nô tài nghĩ một năm bốn mùa thì xuân, thu là đẹp nhất, mùa hạ nóng quá, mùa đông lạnh quá.

Thái hậu nói:

- Xét cho cùng, cảnh mùa hạ vẫn hơn cảnh mùa đông nhiều. Mùa hạ cho dù nóng như thế nào đi nữa, cũng vẫn vui vẻ, mùa đông trời băng đất tuyết biết đi đâu, đến ra khỏi cửa cũng không ra được.

Đại công chúa nói:

- Đúng là các cụ xưa biết tầm lạc thật, đầu tiên là đức Gia Khánh, cứ đến mùa đông là sai quân lính trong trại tập trượt băng, cũng thao luyện như trận địa trên cạn vậy.

Lý Liên Anh xen vào:

- Nô tài nghe nói, thời trước trong trại quân có đủ mọi hình thức trượt băng đấy ạ.

Thái hậu nói:

- Đội trượt băng đó là do thị vệ nội đại thần quản lý. Đại công chúa nói:

- Mùa đông Lão Tổ Tông cũng buồn rầu nấu rượu thể chi bằng lệnh cho thị vệ học theo kiểu xưa luyện tập một trận để lệnh ba giải buồn.

Thái hậu nói:

- Gần đây ta xem cái gì cũng thấy buồn, trò trượt băng này có lẽ mới là đây.

Lý Liên Anh vội nói:

- Nếu lão Tổ Tông vui lòng muốn xem, nô tài sẽ truyền cho Khánh Vương bảo ông ta cứ theo lệ mà làm. Đội hôm nào lạnh hơn một chút, nước đóng băng lại thì chọn ra những binh sĩ con em trong bát kỳ lập thành một đội trượt băng, diễn tập có được không.

Thái hậu nói:

- Khanh đi làm đi.

Lý Liên Anh liền truyền thánh dụ muốn lập đội trượt băng của Thái hậu đến Khánh Vương Dịch Khuông. Đội trượt băng đã được thành lập. Dựng ngay lều thao luyện. Màu sắc trang phục theo y như quân đội, chia làm hai đội áo xanh áo đỏ, mỗi ngày luyện tập một cao hơn và được Khánh Vương phái Tích Liên Đồ, người tinh thông về kỹ thuật trượt băng chỉ đạo.

Diễn tập bắt đầu. Trước hết là biểu diễn thế Tràng xà trần hàng ngang, nhị long xuất thủy, lưỡng dục hổ tập, lưỡng nghi hóa tứ tượng, tứ tượng hóa bát quái, sau đó lại diễn tập trò trượt băng bắn tên, nhị long đoạt ngọc, chạy thi cướp cờ, cuối cùng là biểu diễn cá nhân: Đồng Từ bá Quan Âm, Triều thiên đấng, Thuận phong Kỳ và các trò trượt ngang, trượt ngồi xổm, phượng hoàng vẩy một cánh... Thái hậu rất vui vẻ, nói:

- Những quân lính này vốn đã biết trượt băng rồi, nếu không thì sao thuận thực được đến như thế?

Lý Liên Anh nói:

- Là do hồng phúc ngút trời của Lão Tổ Tông nên mới được thế này đây. Thái hậu là người đã



ham vui chơi và lại rất hiếu kỳ, ba ta nói với Lý Liên Anh:

- Chúng ta không biết trượt băng nhưng chẳng lẽ cũng không biết chơi trên băng sao? Khi về khanh truyền cho Khánh Vương, vào ngày 16 gọi các phúc tấn, cách cách, mệnh phụ các phủ đến, chúng ta cùng mở một đại hội trượt băng trên Hải Nội.

Vào ngày 16, ngoài cửa Phúc Hoa Môn, ngựa xe như nước, Phúc Tấn cách cách các phủ, ai nấy dẫn theo thái giám, u già, nữ tì... tiến vào Trung Hải, đến điện Nghi Loan quỳ thỉnh thánh an Thái hậu. Chỉ thấy Thái hậu mặc chiếc áo khoác da lông chồn màu xanh da trời, chung quanh thêu hạc trắng, viền mép bằng hai sợi đăng ten thêu hạc bay; dưới mép váy thắt ba sợi tua màu xanh lam, trên tấm áo da còn một cái áo khoác ngoài bằng đoạn màu cánh sen thẫm, chung quanh cũng viền đăng ten, trên thêu cô linh chi vàng đỏ, đầu đội một chiếc mũ da chồn màu xanh lam, trên đỉnh mũ thêu chữ trường thọ bằng kim tuyến, dưới chân quàng một tấm thiên ma bằng đoạn có vân mây màu vàng thẫm, sau lưng hai sợi dây mũ thêu chữ thọ bằng kim tuyến tím. Còn lại, mọi người từ Hoàng hậu trở xuống ăn mặc cũng rất hào hoa phú quý, ai nấy đều khoác áo thêu hoa. Bọn cách cách đã số đều chải tóc hai bím. Bọn phúc tấn Mông Cổ đều mặc măng bào, chải tóc kiểu Mông Cổ, trên môi cũng đều thoa son. Cách phục sức kiểu dáng, màu sắc, hoa văn của cung đình nhà Thanh đều có một quy củ nhất định. Không được tùy tiện ăn mặc theo ý mình, bây giờ xem ra thì lại không khỏi “kỳ hình quái trạng”.

Trên mặt băng của Hải Nội ngày hôm ấy đã được phủ nội vụ chuẩn bị sẵn sàng mấy chục chiếc xe trượt tuyết. Sau khi Thái hậu giá lâm liền lập tức lệnh cho cứ ba người ngồi trên một xe trượt tuyết. Sau khi Thái hậu giá lâm liền lập tức lệnh cho cứ ba người ngồi trên một xe trượt tuyết do hai tên thái giám kéo đi; những thái giám, nhà tiền hiệu úy trẻ tuổi này đều mặc đồ ngắn, đầu đội mũ có thắt dải đỏ, chân đi giày bằng vải đen có răng cưa.

Xung quanh mặt băng cắm hàng nghìn là cờ màu sắc sắc sỡ bay phấp phới theo gió, tiếng trống nhạc huyền ảo râm trời.

Thái hậu nói:

- Các cách cách có thể chạy trước xe trượt của ta, các xe còn lại thì đi cả phía sau xe ta.

Xe trượt bắt đầu từ từ chuyển động rồi tăng nhanh dần, về sau các xe trượt dường như đang bay trên băng. Từ bờ nhìn ra thấy giống hệt đàn du long đang bay lượn.

Khoảng một giờ sau, Thái hậu ban khản dụ cho dừng lại, Lý Liên Anh truyền chỉ bắt các xe trượt cùng nhất loạt dừng lại cả. Thái hậu sai Lý Liên Anh đi lấy năm nghìn đồng bạc tròn hình rồng, Lý Liên Anh vâng lệnh đi ngay, mọi người không biết lấy nhiều bạc tròn như thế ra để làm gì, đang bàn tán thì bỗng nghe tiếng Lương thái giám:

- Lão Tổ Tông có lệnh, tất cả mọi người đều tới trước xe trượt của Thái hậu nghe ý chỉ.

Tất cả các hậu phi, cung phi, thái giám và phúc tấn, nữ tỳ các phủ đi theo du ngoạn vừa ngã vừa bò vội vàng tới vây quanh Thái hậu.

Thái hậu cười nói:

- Các người hãy chia thành ba nhóm, nhóm thứ nhất gồm hoàng hậu, phi tử, cách cách, cung nữ, nhóm thứ hai gồm thái giám, nhóm thứ ba là nữ nhân các phủ.

Lúc này Lý Liên Anh đã phái thái giám mang bạc tròn tới. Thái hậu dặn dò bốn vị phúc tấn Mông Cổ:

- Các người sức lực khỏe, mỗi người cầm năm trăm đồng bạc ném ra giữa Hải Nội.

Bấy giờ mọi người mới biết Thái hậu muốn xem cảnh người ngã. Thái hậu nói.

- Ta nói “ném” một cái, các người hãy dùng sức ném từng vốc đi.

Cánh thanh niên nghe thấy vui sướng đến nhảy cẫng cả lên, còn bọn phúc tấn lớn tuổi thì rầu rĩ như đưa tang. Thái hậu phán truyền:

- Chú ý khẩu lệnh: Ném!

Cả đám thấy tiền mất sáng lên, những đồng bạc tròn ném ra nhờ vào độ trơn nhẵn của băng lăn đi rất xa. Người đuổi người vơ càng gắng sức dưới chân càng trơn. Trong một trăm người có đến bảy tám chục trượt ngã nhào nhào. Thái hậu cười đến mức da bụng dường như muốn nứt toác ra. Bạn nghe mà xem, tiếng cười, tiếng kêu, tiếng ngã oành oạch hòa quyện vào nhau. Mọi người đều cười chảy nước mắt, vừa ngồi dậy lại ngã tiếp. Chỉ những ai kéo xe trượt đi giày có răng cưa là ít ngã và cướp được nhiều tiền nhất, có người cố ý trượt ngã để cho toàn thân từ đầu đến chân và cả mặt mũi chân tay nhoe nhoẹt những tuyết và bùn, chỉ là để lấy lòng Thái hậu Lão Tổ Tông thôi.

Thì xong, luận công ban thưởng, cướp được bao nhiêu thưởng cho bấy nhiêu. Bốn vị phúc tấn Mông Cổ chuyên ném tiền không cướp được đồng nào. Có hai tiểu thái giám toàn thân bùn đất như hai con khi con. Thái hậu rất vui, nói:

- Các người mỗi người cũng được thưởng một trăm đồng.

Thái hậu tìm vui giải sầu trên băng chán chê, tận đến khi thái giám tấu mời về cung dùng bữa, mới coi như ngừng hoạt động.

Trên đường bọn cách cách mặt mày hơn hờ. Vừa đã mất, vừa được chơi xe trượt băng, vừa kiếm được tiền. Thái hậu thấy vẻ hí hửng của họ, trong lòng hết sức mãn nguyện, liền nói với Lý Liên Anh:

- Hôm nay chơi rất vui, mọi người cũng đều vất vả, khi về thưởng thêm cho mỗi người năm mươi đồng nữa.

Toàn thể mọi người đưa Thái hậu về điện Nghi Loan, tự đến lĩnh tiền thưởng phần mình, tạ ân rồi ra về.

# Hồi thứ hai mươi chín: RẦM RỘ HIỂN HÁCH TỪ HY TẾ TỔ QUỐC SUY NGUY NGẬP TRƯƠNG KIẾN LẬP HIỂN

Bọn phúc tán sau khi về ngủ, mới trút được cơn tức trong bụng, trách móc Thái hậu không nên lấy việc trêu chọc người làm vui. Phúc tán các phủ tuổi tác đã trên năm chục cả rồi, vạn nhất trượt ngã, gãy xương trên băng, là chuyện của cả đời người, họ ca cảm rằng đây đều là do Thái hậu rồi việc rùng mớ mà giờ trò, lại thêm việc Nhật, Nga đang đánh đấm tàn sát nhau trên lãnh thổ Trung Quốc, bà ta càng lo lắng không yên mới nghĩ cách lấy phúc tán các phủ ra làm trò để giải tỏa nỗi sầu muộn trong lòng đó thôi.

Hai bên Nga, Nhật đánh nhau trên lãnh thổ Trung Quốc chỉ để tranh giành quyền làm chủ vùng Đông Bắc. Trải qua hơn một năm, Sa hoàng Nga vội sớm kết thúc chiến tranh để trấn áp cách mạng trong nước, mong muốn thỏa hiệp với Nhật. Bọn giặc xâm lược Nhật Bản thì lại giống như những con chó dại, để tranh đoạt Trung Quốc, miếng mồi “béo bở” chúng cũng đã sức cùng lực kiệt. Dưới sự điều đình của Mỹ, hai bên Nga - Nhật đã ký kết hòa ước tại Mỹ. Nội dung chủ yếu là: Nga thừa nhận quyền không chế thực tế của Nhật Bản đối với Triều Tiên. Đồng thời cắt nhượng cho Nhật Bản phần phía Nam đảo Khố Liệp của Trung Quốc và toàn bộ các hòn đảo lớn nhỏ gần đó, Nga chuyển nhượng cho Nhật Bản vùng tô giới Lữ Thuận, Đại Liên và tuyến đường sắt từ Trường Xuân đến Lữ Thuận cùng mọi đặc quyền có liên quan khác. Như vậy đế quốc Nhật Bản đã đánh bại được Nga Sa hoàng, hoàn toàn có thể rảnh tay quay sang đối phó với Trung Quốc.

Nhật Bản cưỡng ép chính phủ Thanh ký kết “Điều ước hội nghị Trung-Nhật bàn về ba tỉnh phía Đông”. Điều ước này do Ngoại tướng Nhật Bản Tiểu Thôn Thọ Thái Lang ký kết với đại thần Tổng lý ban ngoại vụ chính phủ Thanh Dịch Khuông tại Bắc Kinh. Nội dung chủ yếu là:

1. Chính phủ Thanh thừa nhận những quy định có liên quan đến ba tỉnh phía Đông trong “Hòa ước Nga Nhật”. Tức: Nga nhượng cho Nhật Bản vùng tô giới Lữ Thuận Đại Liên, tuyến đường sắt từ Trường Xuân đến Lữ Thuận cùng các đường nhánh của nó và mọi quyền lợi có liên quan đến vùng tô giới, tuyến đường sắt nói trên.

2. Cho phép mở mang các nơi: thành Phượng Hoàng (nay là Phượng Thành), Liêu Dương, Tân Dân Đồn, Thiết Lĩnh, Thông Giang Tử (nay là Thông Giang Khẩu), Pháp Khố Môn (nay là Pháp Khố), Trường Xuân, Cát Lâm, Cáp Nhĩ Tân, Ninh Cổ, Hải Lạp Nhĩ, Ái Hồn (nay là Ái Huy), Mãn Châu thành thành phố thông thương với nước ngoài.

3. Cho phép Nhật Bản hoạch định tô giới ở Phụng Thiên, Doanh Khẩu, An Đông và trực tiếp kinh doanh đường sắt An Phụng.

4. Cho phép Nhật Bản khai thác dẫn cây lấy gỗ rừng ở hữu ngạn sông Áp Lục...

Triều thần và đại sứ Phong Cương phản đối điều ước mất quyền nhục nước này, tấu sớ bay về tới tấp như bướm bướm. Cử nhân, tú tài các tỉnh thỉnh nguyện các đức phủ, tụ tập trước sân đốc phủ, đầu đón kêu khóc. Từ Hy Thái hậu vẫn bất chấp tất cả mặc sức tìm vui.

Hàng ngày ngoài buổi triều sớm, lắng nghe các đại thần tấu báo đại sự quân quốc ra, bà ta chỉ qua lại giữa Đại Nội và Di Hòa Viên. Trong lúc buồn chán vô vị, bà ta không khỏi nghĩ đến Mãn Châu. Là chúa tể một nước, không quay về nhìn cổ hương của mình thật là việc đáng tiếc cả đời. Nếu trở về Phụng Thiên cũng nên đến chiêm ngưỡng cung điện cũ, chiêm ngưỡng di tượng tổ tiên. Cũng có thể, đến núi Trường Bạch một chuyến. Đó là đất hưng nghiệp của Lão Tổ Tông Diệp Hách.

Quần thần biết Thái hậu có ý viễn du Đông Bắc, ngầm nói rằng Thái hậu đã không quan tâm đến đất nước, đến cả phúc thể an khang cũng không phải lẽ nổi. Có đại thần nói:

- Đây là Thái hậu đi “từ đạo” đó. Có người nghe thể cảnh cáo:

- Nói vậy nhờ ra Lý Tổng quản biết thì sao?

Trong đó có một số đại thần lòng trung canh cánh can gián Thái hậu không nên đi. Nhật bản thả sức trắng trợn muốn làm gì thì làm ở Đông Bắc, e rằng đi sẽ nguy hiểm. Thái hậu kiên quyết nói:

- Đã ký kết hòa ước rồi, Phụng Thiên đã trở thành thành phố thông thương với nước ngoài, dân chúng có thể tự do qua lại buôn bán, ai có nghề nấy. Ta đi lần này, với Nhật Bản, không có ý xâm phạm lẫn nhau, có can hệ gì?

Thái hậu vốn chí cao, vô thượng, lại quá quen thói độc tài, mỗi câu nói của người đều là “lời vàng ý ngọc”, ai dám không nghe, vì vậy lập tức đánh điện báo cho phía cố cung Phụng Thiên biết, một mặt sai người đi bố trí chuẩn bị, mặt khác lệnh cho Khâm Thiên Giám chọn ngày lành tháng tốt để xuất phát.

Trong chuyến đi Đông Bắc này, có nên đem theo Hoàng đế Quang Tự không vẫn làm Thái hậu trù trừ do dự. Nếu đem đi theo thì sợ ông ta sẽ làm ảnh hưởng đến hứng thú của mình, mất vui. Nếu để Hoàng đế lại trong cung thì sợ ông ta mưu đồ chống đối lần nữa, làm những việc phản lại ý chỉ của bà ta. Cuối cùng Thái hậu và Lý Liên Anh bàn bạc tỉ mỉ với nhau, quyết định vẫn đem Hoàng đế đi theo là tốt hơn. Hôm xuất phát, trong Tử Cấm Thành không khí rất vui vẻ, từ Thái hậu, Hoàng hậu đến cách cách, thái giám, đại thần tùy hành bận rộn tíu tít khác với thường ngày. Có người nói nhỏ:

- Thái hậu không có thời gian nữa!

Thái hậu ngồi trên chiếc kiệu lớn màu vàng hơi đỏ, chung quanh vây bằng vóc, do mười sáu thái giám khiêng, đến ga xe lửa Vĩnh Định Môn một cách bình an. Cục trưởng cục đường sắt Bắc Kinh - Phụng Thiên Mạnh Phúc Tường quỳ phục trên sân ga, cùng đám quan viên đi tổng tiền hô to:

- Vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế!

Thái hậu xuống kiệu. Bọn thái giám túm tụm hộ tống Thái hậu đi trên tấm thảm nhung tơ màu vàng. Theo sau là Hoàng đế Hoàng hậu, cách cách và các quan viên khác.

Tàu hỏa xinh xịch chuyển bánh theo con đường Bắc Kinh Phụng Thiên. Trong toa bố trí theo hương sắc cổ, giống như một góc tẩm cung trong Đại Nội. Từ Hy Thái hậu luôn nhìn ra ngoài cửa sổ ngắm cảnh sắc đất nước. Những núi xa cây gần, thôn làng khe suối, cuối cùng cũng làm cho bà ta vui tươi thanh thản lên.

Đoàn tàu đã đến Thiên Tân, trên sân ga treo vô số cờ rồng phấp phới theo gió, màu sắc rực rỡ. Ngọn cung đăng lớn có tua đỏ điểm xuyết cho không khí vui mừng này. Trên sân ga trải thảm nhung màu vàng hơi đỏ, chuẩn bị sẵn nếu vạn nhất Thái hậu có xuống tàu thì có mà dùng. Đoàn tàu từ từ dừng lại. Viên Thế Khải dẫn đầu đám quan viên trọng yếu của các nha môn ở Thiên Tân đã quỳ mọp trước đợi thánh giá từ lâu, ai nấy đầu đội mũ cấm lông công, rạp người dưới đất. Ánh mặt trời chiếu rọi xuống từ xa nhìn lại giống hệt bức tranh một bầy gà rừng đang cúi đầu mổ thức ăn. Viên Thế Khải quỳ giữa sân ga, đứng vào chỗ toa xe của Thái hậu dùng. Viên Thế Khải thân hình cao lớn, khuôn mặt trắng nõn nà, hai chòm râu hình chữ bát, mặt là mây lét nhìn trộm vào toa tàu. Trên toa xe Thái hậu liếc thấy Viên Thế Khải, một bộ mặt xéo mắt cười nịnh, sát hại “Lục quân tử”, giam cầm Hoàng đế Quang Tự trong “chính biến Mậu Tuất” lại hiện ra trước mắt Thái hậu, bà ta

nghĩ: Nếu không phải Viên Thế Khải này quyết đoán kịp thời lập được công lao hiển hách thì xã tắc Đại Thanh suýt nữa chẳng còn. Qua cửa sổ, Thái hậu nhìn thấy rất nhiều các quan viên ra nghênh giá, ai nấy nghiêm túc cung kính, nếu không ra gặp họ e sẽ làm họ thất vọng. Nhất là Viên Thế Khải đang quỳ ở hàng đầu kia, thế là bà ta đành phải xuống tàu. Rồi quyết định dẫn Hoàng đế, Hoàng hậu và các đại thần tùy hành xuống tàu đón nhận sự yết kiến của mọi người. Viên Thế Khải quỳ rạp trước mũi chân Thái hậu, dập đầu chào hết sức cung kính. Hoàng đế Quang Tự lúc này đang đứng sau Thái hậu, Viên Thế Khải bội tung hô:

- Vạn tuế phúc thể kang ninh.

Hoàng đế Quang Tự nhìn thấy Viên Thế Khải như thấy kẻ thù, vô cùng căm giận. Hai con mắt Quang Tự bốc lửa như sắp phụt ra, từng sợi tóc cũng như dựng đứng cả lên, hồi hận là lúc đầu đã trọng dụng hắn để bị hắn bán đứng. Viên Thế Khải cũng nhận thấy thần sắc của Quang Tự nhưng hắn lại nghĩ: “Quang Tự ngày nay có chức mà không có quyền, giống như thằng bù nhìn. Làm gì được mình?” Vì vậy hắn giả bộ như không nhìn thấy, vẫn ung dung đáp lại lời Thái hậu.

Dừng lại ở ga Thiên Tân khoảng mười phút, trong tiếng hòa tấu rinh rinh của đội nhạc, đoàn tàu từ từ rời ga, vẫn lao về hướng Sơn Hải Quan. Chỉ thấy bên ngoài cửa sổ là một dải đất bằng, nhà cửa thưa thớt. Qua huyện Tân Dân, núi non nhấp nhô, Thái hậu lặng nhìn rất lâu, mong sao cho sớm đến Phụng Thiên. Đoàn tàu dường như cũng hiểu được lòng Thái hậu, tăng nhanh tốc độ. Chỉ thấy ngoài cửa sổ cây cối cứ vun vút lùi lại phía sau.

Đoàn tàu tiến vào ga Phụng Thiên, Thịnh Kinh, đã có một tốp đông các quan viên xếp hàng quỳ đợi ở đó. Thái hậu xuống tàu, lên chiếc kiệu lớn do mười sáu người khiêng, đằng sau là kiệu của Quang Tự, Hoàng hậu Long Dụ và Cần Phi. Các tùy viên khác theo thứ tự đi sau.

Đoàn người đi qua cái cổng thành không cao lắm của Thịnh Kinh, tiến vào một con đường rộng. Đường ở đây đã được đem bằng đất hoàng thổ, rải nước sạch. Từ trong kiệu, Thái hậu thấp thoáng thấy chỗ nào cũng có dân chúng đang rụt đầu rụt cổ nhìn trộm. Bà ta phá lệ truyền dụ.

- Dân chúng không phải lần tránh, cứ việc quỳ nghênh thánh gia ở hai bên đường.

Ấy là để tỏ vẻ hào phóng ra ân của bà ta. Các quan viên lớn nhỏ địa phương cùng tới quỳ nghênh thánh giá, nằm rạp xuống như những con cóc, miệng gần như đang hôn đất. Đội danh dự khí thế rầm rộ, uy vũ chinh tề, binh lính ngựa nghèo của đội giới bị nghiêm ngặt. Dọc đường dày đặc cảnh vệ, Thái hậu có thể yên tâm hơi hé rèm ngắm nhìn cảnh tượng sôi nổi bên ngoài.

Dân chúng tuy được quỳ nghênh quỳ tống nhưng chỉ nhìn thấy thánh giá, nghi trượng, kiệu xe chứ khó mà được nhìn thấy thánh dung Thái hậu, Hoàng thượng và Hoàng hậu.

Khi kiệu loan tiến vào hoàng cung xưa, lập tức tiếng nhạc cổ từ hai bên thánh thót vọng lại. Âm nhạc và nghi thức này là lễ nghi mấy trăm năm khó có một lần. Lũ kiệu loan của Thái hậu từ từ tiến vào qua cổng chính, quan viên quỳ nghênh trong cung vẫn im lìm bất động như tượng gỗ. Trong các đình viện các cung điện đã có rất nhiều thái giám chấp dịch ở đó. Trong đó có thái giám bản địa, cũng có thái giám đặc biệt từ Bắc Kinh đến.

Thái hậu khẽ gật đầu nói:

- Hãy về điện nghỉ ngơi đã.

Thế là kết thúc phần đầu cuộc tuần du tốt đẹp, trở về điện nghỉ ngơi.

Sau bữa cơm sáng hôm sau, Thái hậu vẫn không giảm hứng thú, truyền dụ đi chiêm ngưỡng di tượng của các vị tổ tông. Thái hậu, hoàng đế, hậu phi... tiền hô hậu ủng kéo đến các điện chiêm

ngưỡng di tượng và di vật của các vị từ Thái Tổ, Thái Tông đến các tiên đế Thuận Tri Khang Hy, Ung Chính, Càn Long, Gia Khánh, Đạo Quang. Khi sắp bước đến trước di tượng của Hàm Phong và của Đồng Tri, con trai của Thái hậu, có người lo lắng sợ sẽ làm cho Thái hậu khó chịu, bi ai, đau khổ, hối hận... Để tránh gây cho ba ta đau đớn và phiền não, Lý Liên Anh khởi bẩm với Thái hậu:

- Tâu Lão Tổ Tông, điện sau chính là điện của Hàm Phong gia, hôm nay không đi nữa nhé?

Thái hậu nghe thế dừng dừng nổi giận, nói:

- Ta đi chuyến này là để thăm cha con ông ấy đấy!

Quan viên tùy tùng đành phải đi theo vào chiêm ngưỡng di tượng Hàm Phong.

Vừa vào điện đường, di tượng Hàm Phong và Đồng Tri đã đập vào mắt Từ Hy Thái hậu. Nước mắt Từ Hy lăn rơi xuống, ba ta rút chiếc khăn thêu hoa ra lau rồi đứng lặng hồi lâu trước di tượng Hàm Phong, lòng đầy chua xót, đứng trước Hàm Phong ba ta không khỏi không nhớ lại câu chuyện cũ: trên “mặt chiếu” mà Hàm Phong đưa cho Nữ Hộ Lộc thị lúc lâm chung có hai chữ “ngự thưởng”, mặt chiếu nói: “Nếu Lạp Thị kia cây có con trai kế ngôi Hoàng đế, kiêu ngạo ngang ngược bất chấp phép tắc, ý thể hiếp người sẽ bị trừng phạt theo phép nhà...”. Nếu không phải Đồng Thái hậu Nữ Hộ Lộc thị nói ra thì ta vẫn mộng muội chẳng biết gì. Nếu không biết diệt bọn Túc Thuận, tám tên đại thần phụ chính kia thì hậu quả thật không thể tưởng tượng nổi. Nghĩ đến đây, bất giác Thái hậu trợn tròn hai mắt, khí bốc lên đầu. Khi bước đến trước di tượng Hoàng đế Đồng Tri, hàng trăm sợi dây tình cảm đang xen trong lòng Thái hậu. ba ta nghĩ: Con à, con là Hoàng đế thứ tám kể từ khi khai quốc, có vị Hoàng đế nào từng bị chứng bệnh như con không? Nghe nói con chơi bời kỹ nữ, thật là mất thể diện tổ tông, nhưng hận là ngự y cũng giấu ta, nói con bị bệnh “đau mùa” gì đó. Xem ra chỉ có Lý Liên Anh mới là nô tài đáng tin cậy. Lại nghĩ: “Nếu Đồng Tri không chết sớm thì Quang Tự sẽ không kế ngôi Hoàng đế, cũng sẽ chẳng có những thứ khốn nạn như duy tân biến pháp con khi đó được?”.

Ngày thứ ba sau khi đến Thịnh Kinh, Thái hậu nói với Lý Liên Anh:

- Quả là xem cảnh không bằng nghe cảnh, ở đây đúng thật không bằng kinh thành. Tục ngữ có câu: “Đi một ngày đàng học một sàng khôn”. Chúng ta đến đây chẳng qua cũng là vì thế.

Lý Liên Anh nói:

- Lão Tổ Tông còn phải nói, hôm qua Hoàng hậu và đại công chúa cũng nói ở đây không thú vị lắm, chỉ mong Lão Tổ tông khởi giá sớm trở về cung thôi.

Lập tức Thái hậu truyền dụ cho Khâm Thiên Giám, chọn ngày tốt mau chóng trở về, trên đường về bất luận đi qua nơi nào, các huyện, phủ, đạo dọc đường tuy có cho người nghênh tống thánh giá, tàu cũng vẫn chạy như thường chứ không dừng lại.

Khi tàu đi quan Thiên Tân, Viên Thế Khải vẫn dẫn đầu các quan viên quỳ trên sân ga, nhưng tàu hú còi chạy qua, Thái hậu nhắm mắt không nhìn ra bên ngoài cửa sổ nữa.

Tàu đi qua ga Phong Đài, khi tới ga Vĩnh Định Môn, trong cung từ hoàng thân đến cung nữ thái giám như đàn chim vỡ tổ đã ùa cả đến quỳ trên sân ga. Đường sá sạch như rửa nước, khắp đất vàng chói, giới bị thâm nghiêm, phía trước hai tốp binh mã mở đường, phía sau mới là kiệu loan của Thái hậu, đám người khác theo thứ tự lần lượt theo sau trở về trong cung.

Thái hậu cát bụi dặm trường, đi đường mệt nhọc, thân thể không thoải mái, dường như có ý hối hận vì đã đi chuyến này. Về món biến pháp duy tân của Quang Tự, ba ta vẫn không yên tâm. Thái hậu trở về Di Hòa Viên, Hoàng đế Quang Tự hàng ngày đều có bẩm báo dâng lên Thái hậu, chỉ có

điều là chỉ được báo hi chứ không báo ưu mà thôi. Thái hậu cũng cho rằng hiện nay chắc sẽ không có việc rối loạn gì, liền sai người biểu diễn kịch ở sân khấu Đức Hòa Viên, ba ta lại mê đắm vào trong cung đàn nhịp trống.

Đức Hòa Viên này là một đại hý lâu với rào đỏ cột xanh, sơn son thếp vàng, kết cấu hùng vĩ, tầng trệt rộng 17 mét, có thể phân thành ba tầng thượng trung hạ. Trên đỉnh có bảy cửa lấy ánh sáng, dưới sàn có giếng đất, khi biểu diễn kịch thần quái, thần tiên có thể từ trên giáng xuống, yêu quái cũng có thể dưới đất chui lên khiến người ta không thể ngờ trước được.

Năm 1905 (năm Quang Tự thứ 31) dưới sự thỉnh cầu của Hoàng đế Quang Tự, Thái hậu đã phái bọn Tái Trạch, Đoan Phương ra nước ngoài khảo sát nền chính trị dân chủ, năm sau bọn Tái Trạch lần lượt từ các nước Âu Mỹ, Nhật Bản khảo sát trở về, dâng lên bản tấu “Xin cải định chế độ cung đình để chuẩn bị lập hiến”, bí mật trình bày rằng “lập hiến” có ba điểm tốt lớn: Ngồi vị Hoàng đế có thể xác lập vĩnh cửu, họa ngoại xâm từ đó có thể biến mất, họa thù bên trong cơ thể dần dần xóa bỏ.

Cơ quan hành chính phong kiến sơ dĩ chuẩn bị mô phỏng thực hành “nền chính trị dân chủ” mục đích là để tiêu trừ cách mạng, thông qua cải cách chế độ quan lại để giảm bớt quyền thế của đốc phủ địa phương, tăng cường tập quyền trung ương hơn nữa.

Thực hành nền chính trị dân chủ chỉ là bông hoa vừa nở đã tàn, làm một đảng ra một nẻo, cuối cùng do thiếu kinh phí nên đã cáo chung. Đây hoàn toàn là do khoản bồi thường chiến phí khổng lồ cho liên quân tám nước, kinh phí cho nền chính trị mới cũng khổng lồ và sự tiêu phí xa xỉ hàng ngày đã khiến cho quốc khố trống rỗng.

Để cứu vãn tình hình kinh tế đang đứng bên bờ phá sản, chỉ còn cách khéo vẽ ra muôn hình ngàn vẻ để tước đoạt bóc lột của nhân dân, tăng thêm thuế má. Vì vậy trên thị trường vật giá tăng vọt, đại thần trong triều, quan viên phủ đạo không đứa nào không ra sức vơ vét mồ hôi nước mắt của nhân dân. Rất nhiều quan viên cao cấp đoán trước được rằng triều Thanh sắp đến lúc sụp đổ, nên đã sớm thi nhau dắt lưng vạn quan, “cưỡi hạc bay lên Dương Châu” rồi. Áp bức đến mức tiêu dân chỉ còn cách đứng dậy làm phản. Cuộc đấu tranh chống đối rết của nhân dân cả nước sục sôi như sóng trào, tấn công mãnh liệt vào chính phủ nhà Thanh, một con thuyền nát đã sắp chìm ngìm, cuộc bạo động vũ trang của nhân dân hùng hực khí thế như lửa nóng dầu sôi.

Tháng 9-1908 (năm Quang Tự thứ 34) “Công hội chuẩn bị lập hiến” phát động ở ba tỉnh Giang Tô, Triết Giang, Phúc Kiến do Trương Kiến đứng đầu đã thỉnh nguyện với chính phủ Anh; đốc phủ các tỉnh cũng mong muốn thông qua việc “lập hiến” mở rộng thế lực của mình, vì vậy các tỉnh đều ủng hộ nổi dậy của “Công hội lập hiến” của Trương Kiến, họ nhất loạt phái đại biểu “lập hiến” tụ tập về Bắc Kinh.

“Công hội lập hiến” do Trương Kiến phát động là để ủng hộ việc triều đình tiếp tục ban bố lệnh “lập hiến” ủng hộ chính sách “lập hiến” của Hoàng đế Quang Tự.

Sứ quán các nước thấy âm thanh của “lập hiến” ngày càng vang xa cũng cùng đứng cả về phía Thế lực “lập hiến”. Ngay đến Viên Thế Khải của triều đình cũng một mặt ủng hộ việc “lập hiến”, một mặt liên hợp với đảng cách mạng của Tôn Trung Sơn với sứ quán các nước, ông ta biểu thị là đứng về phía thế lực duy tân.

Từ Hy Thái hậu thì cho rằng chắc chắn “tên hôn quân” lại đang làm cái biến tướng của “biến tướng Mậu Tuất”, trong lòng ba ta vô cùng bức bối. ba rất sợ phe Duy Tân đảng sau này sẽ co cẳng đá đổ bà ta đi.

## Hồi thứ ba mươi: TRỪ QUANG TỰ TỪ HY MỚI NHẮM MẮT PHỦ HỒI GIANG LIÊN ANH VẤN MẮT ĐẦU

Mấy ngày nay, Từ Hy Thái hậu trong lòng buồn bực vô cùng. Sắp đến ngày mừng thọ 70 tuổi, vậy mà bao nhiêu chuyện cứ ập đến, thực đúng là ngón trang trăm mối. ba ta vô cùng căm tức Quang Tự đã gây nên Biến pháp Mậu Tuất để một trận đại họa lại đang treo lơ lửng trên đầu. Từ Hy cũng trách mình đã buông lỏng việc quản chế Quang Tự. ba ta nghĩ rằng cần phải quản lý chặt chẽ “tên hôn quân” này. Lý Liên Anh nói:

- Qua lễ đại thọ, khi trở về đại nội sẽ tiến hành chỉnh đốn ngay lập tức. Một ngày đại thọ của Thái hậu, thực trong lòng buồn nẫu như dưa mà ngoài mặt cứ phải làm ra vẻ vui hơn hơn. Thái hậu triệu tập Hoàng hậu, Cẩn Phi, nữ quan Đức Linh, Dung Linh, Lý Liên Anh và vài cung nữ, thái giám tâm phúc lên thuyền máy trên hồ Côn Minh hóa trang biểu diễn. Chiếc thuyền lay động rập rờn giữa làn sóng xanh biếc lẫn tẩn. Lý Liên Anh được phân diễn vai Vĩ Đà, tay cầm chùy kim cương, hóa trang thành chàng trai khỏe mạnh. Từ Hy Thái hậu đóng vai Bồ Tát.

Vị Vĩ Đà này chuyên bảo vệ Phật pháp, xua đuổi tà ma yêu quái, thực ra để chỉ Hoàng thượng và những người cải cách duy tân, đồng thời nói lên nghĩa vụ bảo vệ quyền lực của vương triều. Vĩ Đà mình mặc giáp trụ, oai phong lẫm liệt. Tương truyền rằng: ma vương của thiên giới lên trộm đi một viên xá lị trở về.

Lúc diễn Vĩ Đà trảm ma vương “trên mặt hồ Côn Minh, Từ Hy Thái hậu trong vai Bồ Tát chột nghĩ đến Quang Tự và những người trong phái Duy Tân, lòng thầm mong có một vị Vĩ đã thực đến chế phục hết bọn này.

Thái hậu đột nhiên nghĩ nếu chụp được một tấm ảnh lúc đang hóa trang biểu diễn trên hồ để làm kỷ niệm thì thật là hay. Trước kia, Hoàng thượng và Trân Phi vẫn thường cùng nhau đi chụp ảnh, ảnh và người cứ giống nhau như tạc vậy. Nghĩ thế nên nói với nữ quan Dung Linh:

- Anh hai của nhà người là Huân Linh trước đây đã từng cùng nhà người và Đức Linh theo mẹ sang Pháp phải không?

Dung Linh đáp:

- Dạ, đúng vậy.

Thái hậu nói tiếp:

- Nghe nói anh hai nhà người lúc ở Pháp có học chụp ảnh, sao hôm nay không gọi anh ta tới đây chụp vài kiểu cho vui?

Dung Linh trả lời:

- Thánh mẫu Thái hậu không biết đấy thôi, anh trai của thần bị cận thị, đến trước Thái hậu sao dám đeo kính ạ. Nếu anh hai của thần mà bỏ kính ra thì sẽ chẳng khác gì một người mù, vì vậy không dám đến khấu kiến Thánh mẫu.

Thái hậu nói:

- Không sao, cứ gọi anh ta đến, đeo kính cũng được.



Lệnh trên giáng xuống, thái giám truyền tin lập tức ra roi thúc ngựa vào thành triều Huân Linh đến. Huân Linh vẫn đeo kính cận giập đầu hành lễ trước Thái hậu. Chuyện này, ở Trung Quốc, đây là lần đầu tiên.

Thái hậu nói với Huân Linh:

- Ta nghe nói ai chụp ảnh sẽ bị hao tổn nguyên khí phải không?

Huân Linh đáp:

- Đây là sản phẩm khoa học của người Tây, Thánh mẫu cứ yên lòng, không thể thương tổn nguyên khí được.

Huân Linh đưa máy ảnh lên trên một chiếc thuyền khác, lấy ánh sáng cẩn thận. Lúc này Bồ Tát, Vĩ đã và cả tốp tiên nữ đều chăm chú nhìn vào ống kính. Đức Linh thấy anh trai mình cứ đứng sừng sững trên thuyền, vội hét to:

- Anh hai, quỳ xuống!

Huân Linh nghe vậy cứ lúng ta lúng túng chẳng biết làm sao. Đức Linh quay sang nói với Đức Linh:

- Chị à, nhìn xem kia: máy ảnh cao thế kia, nếu anh hai quỳ xuống làm sao mà chụp được?

Hai chị em nói chuyện với nhau, Thái hậu đã nghe rõ mồn một, lập tức hạ lệnh:

- Thôi được, miễn quỳ cho Huân Linh. Đức Linh nghe vậy lại hét to lên:

- Anh hai, không cần quỳ đâu. Anh cứ chụp đi!

Huân Linh thấy lúc nãy bắt quỳ, giờ lại miễn quỳ, thật chẳng biết phép tắc trong cung ra làm sao, trong bụng thầm nghĩ: “Bây giờ cả nước cứ rối tung cả lên chính là do triều đình cả, mỗi lúc một ý khác nhau”. Chuẩn bị xong xuôi, Huân Linh nói to:

- Xin chú ý, ảnh chụp ngay đây, đừng động đây.

Đám “tiên nữ” vây quanh Thái hậu nghe vậy đều đứng yên bất động một lúc.

Trên thuyền không ngớt tiếng chụp ảnh tanh tách. Thái hậu nói với Đức Linh:

- Hôm nào bảo Huân Linh vào đại nội, đem cả dụng cụ chụp ảnh cho ta xem kỹ một lát.

Hai chị em Đức Linh nghe vậy liên tục “ạ, dạ”.

Hôm sau, Đức Linh xin nghỉ về nhà, đem chuyện Thái hậu muốn gọi anh vào cung kể lại cho bố là Dụ Canh nghe.

Dụ Canh hỏi:

- Hôm qua anh hai con chụp ảnh trong Di Hòa Viên, Thái hậu có thích không?

Đức Linh đáp:

- Thái hậu rất thích, còn nói là chưa rõ nguyên lý của máy ảnh nên muốn xem tường tận một chút.

Dụ Canh gọi con trai đến trước mặt căn dặn:

- Em con đã tiến cử nên Thái hậu truyền gọi con vào cung chụp ảnh lần nữa. Nếu ảnh chụp Thái hậu bị hỏng thì cả kiếp này không bao giờ ngóc mặt lên được. Còn nếu chụp đẹp thì phú quý cả đời không hưởng hết. Nếu con có thể nói rõ với Thái hậu về nguyên lý chụp ảnh, Thái hậu tất sẽ sủng ái con.

Dụ Canh là một nhà ngoại giao, vốn thuộc tộc người Bạch Kỳ, được mọi người gọi là Bát Kỳ tài tử, năm 1889 đã từng phục vụ quân đội trong cuộc chiến Trung Pháp ở Đài Bắc, sau đó đi sứ sang Nhật Bản. Ông đã kết hôn với một người Pháp, tháng 6 năm 1889 được triều đình cử đi sứ sang Pháp.

Huân Linh nghe cha giáo huấn xong, nói:

- Kiến thức về chụp ảnh thì con biết, nên nhất định kết quả sẽ không tồi. Có điều con chưa từng học qua nghi lễ trong cung, sợ sẽ làm hỏng chuyện.

Đức Linh đứng bên cạnh liền nói:

- Nghi lễ trong cung cũng chẳng có gì là khó cả. Gặp mặt Thái hậu trước tiên phải quỳ xuống, tung hô Thái hậu là Lão Tổ Tông; Hoàng thượng thì gọi là Vạn tuế hoặc Hoàng thượng, Hoàng hậu thì gọi là Hoàng hậu hoặc chủ nhân.

Nhưng phải nhớ rằng tự mình phải xưng là nô tài. Có điều Thái hậu tâm tính bất thường, khi nói chuyện phải thật chú ý đến sắc diện của ba ta mới được.

Dụ Canh nói với Đức Linh:

- Anh con chưa gặp phải chuyện này bao giờ nên đến nói chuyện với Thái hậu quả là khó thực.

Đức Linh đáp:

- Con nghĩ cũng chẳng có gì là khó. Lúc con mới vào cung liền đưa cho Tổng quản Lý Liên Anh mấy món lễ vật để ông ta quan tâm hơn một chút. Chỉ cần ông ta nhận lời thì việc lớn bằng trời cũng sẽ không sao cả.

Huân Linh hỏi:

- Lý Liên Anh chỉ là một tên thái giám, sao lại có quyền lực lớn vậy trước Thái hậu?

Đức Linh đáp:

- Ông ta người ngợm chẳng ra sao, ăn nói vô duyên, dáng người thô kệch, mặt đen như dầu, lại hơi bị rỗ, tâm địa gian tà, kiểu cách éo lá, đối với thuộc hạ thì kiêu căng ngạo mạn, đối với người trên thì nịnh nọt bợ đỡ, tiếng nói như mèo kêu. Em nghe nói ông ta tuy là nam giới nhưng khi đi đái cũng phải ngồi như đàn bà vậy.

Dụ Canh ngắt lời:

- Đừng có nói lung tung.

Đức Linh nói:

- Thật đấy. Ông ta biết rất rõ tính khí và hành động của Thái hậu. Trong triều văn võ bá quan lớn nhỏ không ai dám trái lời Thái hậu, chỉ một mình ông ta dám mà thôi. Ông ta là người tâm phúc, hẳn nói sao là Thái hậu nghe vậy.

Dụ Canh nghe con nói thế liền tiếp ngay:

- Nếu đã vậy, mau bảo mẹ con chuẩn bị mấy món đồ quý giá đem tặng cho hắn. Nhớ phải nói năng khéo léo một chút.

Phu nhân của Dụ Canh sau khi biết chuyện liền đi lục tìm các hòm tủ, lấy ra một chiếc đồng hồ quả quýt mạ vàng, một chiếc đồng hồ quả lắc có hình vũ nữ đang nhảy, cùng một số thứ khác tổng cộng là 8 món đồ đưa ra cho con. Hôm sau, Đức Linh trở lại Tam Hải, việc đầu tiên là đem quà đến tặng Lý Liên Anh, cô này nói:

- Mai anh trai tôi sẽ đem mấy ảnh vào cung chụp ảnh Hoàng Thái hậu, xin đại thúc quan tâm một chút.

Lý Liên Anh xem xong quà nhận lời ngay.

Đức Linh lên điện thỉnh an Thái hậu, sau đó tâu rõ trước buổi trưa ngày mai, Huân Linh sẽ vào triều triệu kiến, chụp ảnh cho Lão Tổ Tông. Thái hậu nghe xong vô cùng vui vẻ.

Hôm sau, Huân Linh đến Trung Nam Hải thấy Lý Liên Anh liền cúi mình thật thấp, kính chúc đại an. Lý Liên Anh thấy Huân Linh đã đến, tỏ vẻ sẵn đón, vồn vã nói:

- Anh cứ ngồi xuống đây nghỉ chút đã. Lão Thái hậu vừa mới bãi triều, đợi người nghỉ ngơi xong, ta sẽ vào bẩm báo liền. Lễ nghi trong cung anh đã biết cả chưa?

Huân Linh đáp:

- Dạ, có biết chút ít, nhưng sợ là vẫn chưa đủ, mong Tổng quản đại nhân vui lòng chỉ bảo thêm cho.

Lý Liên Anh cười thỏa mãn nói:

- Không sao, lão Thái hậu nhất cử nhất động đều nghe lời ta cả. Bảo đảm sẽ không có chuyện gì đâu!

Huân Linh lập tức bái một lễ, miệng nói:

- Cảm ơn Tổng quản quan tâm.

Một lúc sau, Lý Liên Anh từ ngoài bước vào, vừa cười vừa nói với Huân Linh:

- Nào! đi theo ta! Hoàng Thái hậu biết anh đã đến rất chi vui mừng. Huân Linh theo sau Lý Liên Anh, đi đến ngoài điện thì dừng lại chờ đợi.

Lúc này, Hoàng hậu, Cần Phi theo lệ thường đã lui ra cả. Đức Linh và Dung Linh cũng chuẩn bị lui ra. Thái hậu nghĩ họ đều là anh em một nhà nên có ý giữ lại.

Lý Liên Anh bẩm với Thái hậu xong mới dẫn Huân Linh vào trong điện. Thấy Lý Liên Anh nói:

“Huân Linh đến vấn an Lão Tổ Tông”, Huân Linh lập tức quỳ xuống kính cẩn hô:

- Nô tài kính chúc Lão Tổ Tông thánh thể an khang.

Thái hậu vui vẻ:

- Đứng lên, ta rất mong ngươi đến. Tấm ảnh hôm trước chụp trên hồ Côn Minh thế nào.

Huân Linh đáp:

- Dạ, nô tài đã rửa xong rồi.

Nói xong lấy ảnh trình lên Thái hậu. Thái hậu nhìn vào ảnh tươi cười nói:

- Ô, thật giống lắm, chẳng sai chút nào, giống y như thật vậy. Quả đúng là đoạt hết quyền của tạo hóa mất rồi.

Đức Linh nói:

- Nghề chụp ảnh ở nước ngoài rất phát triển. Ảnh chụp sông, ngòi, núi, vườn, người hay phong cảnh đều sống động như thật cả.

Thái hậu nói:

- Vậy hôm nay trời đẹp, mẹ con ta sẽ ra vườn chụp ảnh chơi.

Ra khỏi điện, Thái hậu lệnh cho gọi Hoàng hậu và Phi tử đến cùng chụp. Thị nữ vội quay vào trong mời Hoàng hậu và Cẩn Phi ra. Huân Linh nhìn thấy lập tức khấu đầu hành lễ. Hoàng hậu vội đỡ Huân Linh dậy. Thái hậu hỏi:

- Chụp ở đâu bây giờ?

Huân Linh đáp:

- Lão Tổ Tông đứng chỗ nào cũng được. Hoàng hậu làm ra vẻ đang đi lại. Nô tài đứng đằng trước. Cứ đối diện nhau là có thể chụp được.

Thái hậu hỏi:

- Mấy người cùng chụp có được không?

Huân Linh đáp:

- Một người hay nhiều người cũng vậy.

Thái hậu nói: “Tốt lắm” rồi quay sang Hoàng hậu, Cẩn Phi và hai chị em họ Dụ, nói:

- Bây giờ sang vườn đằng trước chụp. Ta ngồi giữa, bốn người các ngươi đứng ở hai bên. Năm mẹ con ta cùng chụp một kiểu.

Huân Linh đang đứng trước máy ảnh đột nhiên quỳ xuống hành lễ. Thái hậu thấy vậy nói:

- Không phải quỳ, ta miễn lễ cho đỡ mất thời gian. Huân Linh lấy xong ảnh sáng, nói to:

Thái hậu lệnh cho Hoàng hậu chụp một kiểu một mình. Thái hậu vốn là người tò mò, trong lúc Huân Linh đang điều chỉnh ánh sáng, liền đi ra đằng sau ống kính, vén tấm vải che sáng lên, chui đầu vào trong đó. Thấy bóng ảnh trong kính kỳ lạ quá liền kêu to lên:

- Tại sao chân lại chổng lên trời, đầu cắm xuống đất thế này!

Huân Linh đáp:

- Đó là ánh sáng phản xạ đấy ạ.

Hoàng hậu chụp xong, Thái hậu lại gọi Cẩm Phi và hai chị em họ Dụ, mỗi người chụp một kiểu.

Chụp xong, Dung Linh liền nói với Huân Linh:

- Anh hai này, rửa ảnh xong phải đem cả phim đến đây, đừng để lưu lạc ra ngoài.

Thái hậu nghe vậy cười nói:

- Mi nhỏ tuổi nhưng tâm cơ không nhỏ chút nào. Nói đúng lắm. Sau đó, Thái hậu, Hoàng hậu và mọi người hề thấy chỗ nào cảnh đẹp là lập tức dừng lại chụp, vui quên cả về.

Từ hôm hóa trang thành Quan Thế âm Bồ tát chụp ảnh kỷ niệm trên hồ Côn Minh rồi lại chụp trong Di Hòa Viên, trong đại nội, ngày này qua ngày khác, Thái hậu đam mê chụp ảnh. Cuối mùa thu, tiết trời sẽ se se lạnh, Thái hậu bỗng dưng bị cảm. Ngày đại thọ 73 tuổi, mùng 10 tháng 10 sắp tới, Thái hậu hằng ngày vẫn đều đặn uống thuốc theo đơn của ngự y, mà bệnh tình chẳng thuyên giảm chút nào. Từ Hy trong lòng phân vân: mình đã 73, 74 tuổi rồi, có lẽ sắp đến lúc Diêm vương gọi rồi cũng nên, liền nói với Lý Liên Anh:

- Tiểu Lý tử này, chẳng lẽ hôm ta đóng vai Bồ Tát, người đóng vai Vĩ Đà trên hồ Côn Minh, Quan Âm Bồ Tát đã biết được nên trách tội nhĩ? Sắp đến lễ đại thọ 73 rồi mà bệnh tình chẳng thuyên giảm tí nào cả. Ta lo sẽ không qua khỏi cái cửa 73 này mất.

Lý Liên Anh đáp:

- Thánh mẫu hồng phúc ngập trời. Ngọc Hoàng Thượng đế chắc không trách tội người đâu. Thánh mẫu cứ yên tâm mà dưỡng bệnh.

Sáng sớm ngày mùng 10 tháng 10, Quang Tự hoàng đế dẫn các quan đến mừng thọ Thái hậu. Các quan dừng lại phía ngoài Huân Phong môn, Quang Tự một mình vào Xương Đức môn, bỗng nhiên nhận được chỉ rằng:

- Thái hậu đang bệnh, miễn cho bách quan hành lễ.

Hoàng đế nghe vậy không chút kinh ngạc, ngược lại hình như còn mỉm cười nữa.

Từ Hy Thái hậu vô cùng lo lắng, vạn nhất nếu mình có điều bất trắc, Quang Tự sẽ thừa cơ “bày lại cuộc cờ” vì vậy cứ suy nghĩ mông lung. Tiểu Thái giám trực ban vào báo với Lý Tổng quản:

- Tổng quản, Tổng quản! Lúc nãy Hoàng thượng nghe tin Thái hậu bệnh liền cười rồi dẫn bách quan quay về rồi.

Lý Liên Anh nghe vậy thêm mắm thêm muối vào rồi tâu lên Thái hậu. Thái hậu nghe xong những lời lừa cháy thêm dầu của Lý Liên Anh, hằm hằm nói:

- Giải lắm, ta không thể chết trước nó được.

Một tuần sau đột nhiên có tin: Hoàng đế Quang Tự đã băng hà! Đại thần trong triều ai ai cũng kinh hãi, hoài nghi không ngớt. Ngự tiền đại thần nói trước văn võ bá quan:

- Hôm qua tôi còn phụng sự cùng Vạn tuế bàn chuyện, hôm nay sao đã băng hà rồi?

Trong lúc hết thảy quần thần đều nghi ngờ không dứt thì Từ Hy Thái hậu và Lý Liên Anh lại biết quá rõ vì sao vị Hoàng đế thứ chín của nhà Đại Thanh mới 38 tuổi, từng ở trong thâm cung một thời gian dài, cũng từng là một bù nhìn, một tội phạm chính trị bị tước hết tự do lại chết một cách mờ hồ như vậy trong điện Hàm Nguyên ở Doanh đài Trung Nam Hải.

Từ Hy Thái hậu cho rằng mình chưa thể quy tiên. Bà ta không cam tâm chịu chết trước Quang Tự Hoàng đế. Bà ta cảm thấy nếu mình chết trước Hoàng thượng thì chắc chắn biến cố Mậu Tuất lại sẽ được tái diễn.

Hoàng đế Quang Tự đã băng hà. Nhưng các thái giám, thị nữ trong cung cũng đều có mặt cả. Họ nói:

- Hôm qua, Thượng thư Phô Lương từ Đông Lăng về, và Trục Lệ học sử Phó Tăng Tường còn tâu việc với Vạn tuế, sao hôm nay đã băng hà rồi?

Ngự sử Uẩn Dục Đình trong lòng rất bất bình. Ông nói:

- Lúc Tây Thái hậu lâm trọng bệnh, mọi người đều thấy Vạn tuế còn mạnh khỏe, sao có thể chết trước Thái hậu vậy?

Thực ra, cái chết của Quang Tự đã được Từ Hy Thái hậu, Lý Liên Anh và Viên Thế Khải sắp đặt từ trước. Một thái giám tính tình cương trực tên là Lý Trường An nói:

- Hôm trước, Vạn tuế gia vẫn còn rất khỏe, chỉ uống một viên thuốc do Viên Thế Khải đưa tới, hôm sau đã băng hà rồi. Thuốc này Lý Tổng quản đã trình lên cho Thái hậu kiểm tra sau đó mới trình lên để Hoàng thượng phục dụng. Tôi nghĩ phải kiểm tra ngay xem loại thuốc mà Viên Thế Khải dâng lên Hoàng thượng là thuốc gì.

Mấy năm gần đây, một số “tú tài” căn cứ vào hơn bốn vạn hồ sơ thuốc trong phòng lưu trữ của cung điện nhà Thanh đã khẳng định Quang Tự chết bởi bệnh lao. Họ cho rằng chứng cứ của việc bị hại không rõ ràng. Quang Tự Hoàng đế nhiều năm uất hận, u buồn thành bệnh, tâm tình không được thư thái nên nhiễm phải bệnh lao.

Việc Quang Tự chết trước Từ Hy Thái hậu chưa đầy mười tiếng đồng hồ, quả là việc kỳ lạ vô cùng.

Ông bà cụ kỳ những người viết truyện này phần lớn trước kia đã làm trong phủ Nội vụ, cũng có người là hoàng thân quý tộc trong triều. Phúc tấn cả của Dịch Huyền, cha đẻ của Quang Tự, là em gái của Từ Hy Thái hậu. Phúc tấn thứ của Dịch Huyền là Nhan Trát thị chính là bà cô của tôi. Phúc tấn nhỏ của Dịch Huyền là Lưu Giai thị, người sinh ra Tái Phong. Lúc Từ Hy Thái hậu sắp trút hơi thở cuối cùng đã đem con của Tái Phong là Phổ Nghi vào cung, cho kế thừa ngôi báu của Quang Tự, lấy hiệu là Tuyên Thống. Tái Phong được làm Giám quốc Nhiếp chính vương, phụ tá cho vị Hoàng đế Tuyên Thống mới ba tuổi. Chính vì vậy, những điều tôi viết ra đây chắc chắn không phải là bịa đặt xằng bậy.

Có rất nhiều sự việc trong cung không qua mắt được Phủ Nội vụ. Năm xưa, Hoàng đế Đồng Trị

chết vì bệnh giang mai, nhưng hồ sơ trong cung điện nhà Thanh lại ghi chết vì bị đậu mùa? Thực ra việc Hoàng đế Đồng Trị mắc bệnh giang mai mà chết, các đại thần đều biết tường tận, nhưng Thái y muốn tránh lời ra việc Hoàng đế lên lút rồi cung nên đã dùng phương pháp điều trị bệnh đậu mùa chữa chạy. Vì thế muốn tìm được hai chữ “giang mai” trong cái chết của Đồng Trị Hoàng đế thì không bao giờ tìm được.

Sáu giờ chiều ngày 14 tháng 11 năm 1908 tức ngày 21 tháng 10 năm Quang Tự thứ 34, Hoàng đế Quang Tự băng hà. Hôm sau, tức là ngày 22, đúng một giờ chiều, Từ Hy Thái hậu cũng tắt thở. Từ Hy Thái hậu trước lúc chết, có hiện tượng gì không? Trong cuốn “Nội khởi cư chư” của cung đình có ghi:

Từ ngày 16 đến 19 tháng 10, Từ Hy Thái hậu và Hoàng đế Quang Tự đều không có hoạt động chính trị nào cả. Hằng ngày, ngoài việc đến thỉnh an Thái hậu một cách máy móc, Hoàng thượng cũng không đến dùng bữa với Thái hậu nữa. Căn cứ vào kết quả khám bệnh của Trương Trung Nguyên và Đới Gia Dụ những ngày cuối thì: Mạch của Thái hậu đã yếu đi, khí độc ở trên làm chướng dạ dày khiến người rệu rã, miệng khát. Phổi không điều tiết được không khí, bài tiết liên tục, khí nóng xông vào phổi nên ho liên tục, mình mẩy đau đớn, lưng ngũ cốc trong người thiếu nhiều nên chân tay mềm yếu, không có lực, cần phải điều chỉnh âm dương một cách hợp lý. Sau đó Thái y liền kê một bài thuốc. Tiên thạch học 3 tiền, cát cân 1 tiền 5 phân, đông tang điệp 3 tiền, hàng cúc 2 tiền, tiên thanh 10 quả cắt nhỏ, mạch đông 3 tiền, hà tứ nhục 3 tiền, dương sâm 8 tiền, và 2 lạng gạo tẻ rang dần thuốc.

Trước lúc hôn mê, Thái hậu đột nhiên nói lung tung. Trước mắt bà ta dường như diễn ra một đoạn phim. Đầu tiên là quý ảnh của cố mệnh đại thần Túc Thuận thời Hàm Phong tay xách một chiếc đầu người đầy máu đến trước mặt bà ta đòi mạng. Sau đó, Đông Thái hậu Nữ Hộ Lộc thì, Trân Phi lao vào đòi mạng. Còn có số hồn ma của những đại thần, phi tần, cung nữ, thái giám, cả Đàm Tự Đồng và những người của đảng Duy Tân v.v..., tất cả những người hàm oan mà chết đều chập chờn lúc ẩn lúc hiện trước mặt Từ Hy. Thái hậu sợ dựng tóc gáy, mở nhoàng mắt lăm bầm:

- Ôi, bọn quý đối đang đến đòi mạng.

Từ lúc đó, Thái hậu nằm im thít trên giường, mắt nhắm nghiền không dám mở. Những hồn ma đang vây quanh bà ta để đòi nợ. Thái hậu khẽ mở mắt ra là khiếp hãi vô cùng. Rồi bà ta lại lăm nhăm nói:

- Hoàng thượng, Hoàng thượng, đừng nhìn ta như vậy, ta tha thứ tất cả cho con...

Lý Liên Anh đang trực bên giường liền nói với Thái hậu:

- Có nô tài ở đây, Thánh mẫu đừng sợ.

Tự Lý Liên Anh cũng thừa biết Thái hậu mê sảng như vậy là vì trong bụng bà ta đã nung nấu ý xấu và hành động xấu với Hoàng đế. Điều bí mật này chỉ có Thái hậu, Viên Thế Khải và hẳn biết rõ mà thôi.

Ngày 22, hai vị thái y Trương Trung Nguyên và Đới Gia Dụ đến thăm bệnh, mạch Thái hậu rất yếu, thờ đốc, sức cạn. Hai ông này hết sức cứu chữa nhưng mạch của Thái hậu đã trầm hẳn xuống.

Một giờ sau, hai ông này phát hiện lục mạch của Thái hậu đã tuyệt. Ba khắc sau Thái hậu băng hà.

Lúc ấy trong điện, ngoài di sương của Quang Tự và một đứa cháu họ nội của Từ Hy ra còn có Cẩn Phi, mấy ngự tiền thái y, mấy cung nữ thân tín của Thái hậu và Lý Liên Anh. Mọi người nín thở nhìn Từ Hy Thái hậu trút hơi thở cuối cùng. Trừ Lý Liên Anh và di sương của Quang Tự là Thái hậu

Long Dụ đau buồn thực sự, những người còn lại đều chỉ buông lời khóc hờ, mắt khô hoảnh không một giọt nước.

Lý Liên Anh đứng lúc tang lễ cử hành đã sai người tâm phúc đến cung Trường Xuân của Từ Hy, thấy thứ gì đẹp đẽ quý báu là đem đi bằng hết.

Sau khi ra khỏi cung, Lý Liên Anh lập tức rời ngôi nhà được ban thưởng ở đường Bắc Trường đến sống ở khu nhà hẩn tự mua trong ngõ Miên Hoa chùa Hộ quốc. Lý Liên Anh từ đó đóng cửa không ra ngoài cũng không gặp gỡ bất cứ khách nào đến thăm viếng. Hẩn tự biết rằng kẻ thù của mình đầy rẫy khắp thiên hạ, chỗ nào cũng có.

Quang Tự băng hà, Tuyên Thống đăng cơ điều này khiến di sương của Quang Tự là Long Dụ Thái hậu tha hồ tác oai tác phúc. Tên thái giám được Long Dụ thái hậu sủng ái là Tiểu Đức Trung (tên cúng cơm là Trương Lan Đức) vốn trước kia đối đầu quyết liệt với Lý Liên Anh, nay thừa cơ Lý Liên Anh thất thế liền liên hiệp với bọn thái giám trong cung, quyết giáng cho Lý Liên Anh một đòn chí mạng.

Thái giám trong cung tuy chia làm hai phái, nhưng nghĩ tới món tài sản của Lý Liên Anh lớn như vậy bên cùng một bè với nhau, hợp tác với Tiểu Đức Trung, liền tiếp cử tâm phúc đi điều tra, cuối cùng biết được Lý Liên Anh ngoài số tài sản hiện có và các khoản tiền gửi trong kho bạc, trong các hiệu vàng còn có rất nhiều thứ để trong cung chưa mang ra được; đây là chưa kể đến số ruộng đất khắp nơi, không sao thống kê nổi.

Tiểu Đức Trung biết vậy liền tâu với Long Dụ Thái hậu. Thái hậu lập tức xuống một đạo chỉ dụ, lệnh cho phủ nội vụ kiểm tra nhà Lý Liên Anh. Lý Liên Anh được tin gan ruột rồi bởi, vội cho quân gia đến Nam Trì Từ cầu cứu Giang đại nhân ở phủ Nam Loan.

Giang đại nhân tức Giang Triều Tông tự là Vũ Đăng vốn người Vũ Đức An Huy, là một tay chân thân tín của Viên Thế Khải. Từ khi giúp Từ Hy tiêu diệt Tân Đảng năm Mậu Tuất, Viên Thế Khải càng ngày càng được trọng dụng. Sau khi Lý Hồng Chương mất, Khải được cử làm Tổng đốc Trực Lệ kiêm Bắc Dương đại thần. Mặt khác, hẩn cũng đang nắm trong tay số tân binh ở tiểu trạm nên nghiêm nhiên trở thành nhân vật quan trọng nhất trong Triều đình Đại Thanh. Và hẩn đã cho tên đầu mục từng luyện binh ở tiểu trạm là Giang Triều Tông ở yên trong kinh thành, tìm cách tiến sâu vào nội bộ nhà Thanh. Nhờ đó, Giang Triều Tông và Lý Liên Anh đã thân thiết với nhau như chân với tay. Họ Lý tham quyền, họ Giang tham bạc, mặt cửa mướp đáng lợi dụng lẫn nhau.

Lý Liên Anh vốn dự định sẽ ở yên một chỗ, sống cuộc sống bình lặng hưởng phúc an nhàn, bỗng nghe tin Long Dụ Thái hậu và Tiểu Đức Trung muốn tra xét tài sản của mình, ngày đêm khó ăn khó ngủ. Thêm vào đó, các báo không ngừng đăng tải những tin tức có liên quan đến hẩn. Quốc văn báo của Thiên Tân, Thời vụ báo của Thượng Hải, Tương báo của Hồ Nam, Tri Tân báo của Quảng Tây vv... liền tiếp đưa tin, bàn về cuộc sống xấu xa ô trọc của hẩn suốt bốn năm chục năm qua. Mỗi bài báo là một nhát dao sắc nhọn chọc đúng vào chỗ hiểm để hại Lý Liên Anh. Lúc này hẩn thực đúng là tám bề có địch.

Lý Liên Anh đã đến bước đường cùng, chỉ còn cách tìm đến người cũ Giang Triều Tông, nên các tài vật quý báu cứ lần lượt, lần lượt được đưa sang Giang phủ. Tiền bạc quả nhiên có ma lực rất lớn. Giang Triều Tông biết Long Dụ Thái hậu muốn thanh toán tài sản của Lý Liên Anh và lập tức xóa sổ hẩn nên cho mời Tiểu Đức Trung đến nhà, nhờ Trung chuyển lời tới Thái hậu, ý là không nên ngay lập tức dồn Lý Liên Anh đến bước đường cùng. Long Dụ Thái hậu xét mối quan hệ mật thiết giữa Viên Thế Khải với Giang Triều Tông đành nể mặt Giang, bãi bỏ lệnh truy xét Lý Liên Anh.

Tiểu Đức Trung thấy Lý Liên Anh thủ đoạn tinh vi nên quyết một hai phân bằng với hẩn, và cũng ùn ùn đem ngọc ngà châu báu đến Giang Phủ. Giang Triều Tông vốn là tên tham lam vô độ nên không hề từ chối, lại thấy Lý Liên Anh giờ như con hổ cùng đường, ngược lại Tiểu Đức Trung



đang trong lúc thịnh lại là người thân tín của Long Dụ Thái hậu nên có ý muốn thiết lập quan hệ với Trung. Tiểu Đức Trung cũng thường xuyên kể tội Lý Liên Anh với Giang Triều Tông khiến lòng tử tế của Tông với Lý Liên Anh giảm đi rất nhiều.

Người viết truyện này sinh năm 1912 (năm Dân quốc nguyên niên) mà Lý Liên Anh chết năm 1911 (năm Tuyên Thống thứ ba). Khi tôi đủ lớn để nhớ được các sự việc thì Viên Thế Khải đã thăng chức cho Giang Triều Tông làm Chính dương thống lĩnh bộ quân, nắm giữ cửu môn. Tiên phụ (cha) tôi húy là Ngọc Thái, tên thật là Dục Thái; bác ruột là Dục Hiền, Tuần phủ Sơn Đông, Sơn Tây thời cuối triều Thanh; một bác nữa là Đức Thái, đại thần Nội vụ. Giang Triều Tông có thời thân với Lý Liên Anh như chân với tay thì cha tôi cũng có lúc đối với ông ta chẳng khác nào kim với chỉ. Những năm đầu Dân Quốc, tiên phụ tôi là thư ký riêng của Giang Triều Tông, vì thế hai nhà thường xuyên qua lại thân mật. Giang Triều Tông chỉ có một con trai là Giang Trạch Xuân, tự là Bảo Thương bằng tuổi tiên phụ tôi. Trước kia tôi thường gọi Giang Triều Tông là “Ông Giang” gọi Giang Bảo Thương là Đại gia. Hồi năm 30, Giang Triều Tông giữ chức Hội trưởng Tổng hội Hồng thập tự của Trung Quốc, tiên phụ tôi nhận chức Trưởng ban tổng vụ, cho nên cả nhà đã dời vào ở trong Can Diện Hồ Đồng hội. Sau nhận lời mời của cha con họ Giang, bèn chuyển vào khu viện phía Nam của Giang Triều Tông ở Nam Loan Tử.

Hai nhà từ đó tiếp xúc với nhau nhiều hơn.

Những lúc ngồi với Giang Triều Tông, tôi thường nghe ông ta kể lại chuyện của Lý Liên Anh và Tiểu Đức Trung. Ông cũng nhắc chuyện Lý Liên Anh đắc tội với nhiều người nhưng không bao giờ nói đến nguyên nhân việc Lý Liên Anh bị giết cả. Còn Giang Bảo Thương đối xử với mọi người rất thoải mái, cương trực.

Một hôm, Giang Bảo Thương ngồi chuyện phiếm với tôi. Lúc nhắc tới Lý Liên Anh, ông nói:

- Sau khi Từ Hy Thái hậu chết, Phổ Nghi lên ngôi Hoàng đế, Long Dụ Thái hậu muốn tịch thu tài sản của Lý Liên Anh. Nếu không có lão gia xin cho thì gia sản của ông ta đã mất từ lâu. Tiểu Đức Trung vốn có thù với Lý Liên Anh. Một hôm lão gia đưa thiệp mời Lý Liên Anh đến hội Hiền Đường ở Thập Sát Hải dùng tiệc. Bình thường ông ta chẳng bao giờ ra khỏi cửa nhưng hôm ấy lại đến rất đúng giờ. Ông ta vô cùng cảm tạ lão gia đã cứu sống cả nhà. Tiệc tan, trên đường về, lúc qua Hậu hải, Lý Liên Anh gặp phải thổ phỉ, đã bị giết chết. Mọi người chỉ nhìn thấy đầu của ông ta bên sông Hậu Hải.

Tự nhiên tôi cảm thấy nghi hoặc. Liệu Giang Triều Tông có liên quan đến việc này không? Nhưng không tiện hỏi kỹ. Đây là bí mật của Giang Triều Tông, người ngoài không thể biết, con trai ông ta là Giang Bảo Thương cũng chưa chắc đã biết.

Giang Bảo Thương cũng nhắc đến một số chuyện sau khi Lý Liên Anh chết:

- Lý Liên Anh bị giết ngày hôm trước, sáng sớm hôm sau, em trai ông ta liền đến Nam Loan tử báo tin. Ông này vừa đến còn chưa kịp mở mồm, Giang Triều Tông đã hỏi trước:

- Tối qua lệnh huynh về nhà vui vẻ chứ?

Người này đáp:

- Gia huynh tối qua trên đường về nhà đã bị người ta sát hại. Giang Triều Tông tỏ vẻ kinh hãi, nói ngay:

- Ông yên tâm, tôi nhất định sẽ hạ lệnh tróc nã hung thủ.

Ngay hôm ấy, Giang Triều Tông sai Giang Bảo Thương đến chia buồn với nhà họ Lý tại căn

nhà ở ngõ Miên Hoa mới biết đêm hôm qua, người nhà Lý Liên Anh thấy đã khuya mà lão gia vẫn chưa về liền phái gia đình đến hội Hiền Đường tìm. Đang trên đường thì gặp tên phu xe và bọn người hầu hốt hải chạy về, kể lại tình hình bị cướp bên sông và chuyện Lý Liên Anh bị giết. Gia đình lên xe kiệu, vội vàng trở lại báo cáo. Cả nhà nghe tin hoảng loạn không biết xoay xở ra sao, cuối cùng cho gia đình ngay trong đêm gọi tất cả các anh em đến rồi cùng phu xe và gia đình đến nơi xảy ra sự việc ở Hậu Hải tìm thi thể. Mãi đến lúc lờ mờ sáng mới tìm được đầu của Lý Liên Anh, còn thân thể có thể đã bị ném xuống sông hay ném vào một bờ bụi nào đó không tìm thấy.

Anh em của Lý Liên Anh không thể đợi đến lúc trời sáng, lập tức trở về nhà bàn bạc, thấy việc này không thể công bố cho người ngoài biết. Họ dặn đi dặn lại bọn gia nhân phải giữ kín chuyện, ai làm lộ sẽ phải chịu trách nhiệm. Nếu để báo chí biết được đăng tin thì sẽ rầy ra to.

Khi Giang Bảo Thương phụng mệnh cha đến chia buồn với nhà họ Lý, anh em của Lý Liên Anh đã nhờ Giang Bảo Thương về bẩm lại với cha mình không cần hạ lệnh truy tìm hung thủ, giữ kín chuyện này, rồi báo tin ra ngoài là Lý Liên Anh bị ốm mà chết.

Lý Liên Anh sinh ngày 12 tháng 11 năm 1848 (tức ngày 17 tháng 10 năm Đạo Quang thứ 28) chết ngày 4 tháng 3 năm 1911, thọ 64 tuổi.

Tác giả đã đọc bia mộ của Lý Liên Anh thấy viết rằng: “Thái thượng hiếu khâm, hiền Hoàng hậu thăng giá, công chi thoái chí quyết hi, thoái cư chi thời, niên dĩ viên lão, công uân vu Tuyên Thống tam niên nhĩ nghiệp sơ tứ nhật”.

Dịch là: “Sau khi Thái hậu và Hoàng thượng băng hà, người thoái chí quyết bỏ về nhà. Trong thời gian ở nhà, vì già yếu bệnh tật nên mất vào ngày mùng 4 tháng 2 năm Tuyên Thống thứ ba”.

Bia mộ không hề nói đến chuyện Lý Liên Anh bị giết, chứng tỏ người nhà đã giữ gìn vô cùng nghiêm mật cái chết của hắn. Vì vậy, người đời sau nghĩ rằng Lý Liên Anh đã chết rất bình thường. Nếu không có chuyện Hồng Vệ Binh ra lệnh cho hiệu trưởng và các giáo sư thuộc phái tư sản, bị gọi là “ngưu qui xa thần” lúc bấy giờ đào mộ của Lý Liên Anh lên thì chính tác giả tôi cũng không dám tin rằng những điều mình được nghe kể trên đây là sự thật một trăm phần trăm. Mặc dù vậy, tôi vẫn xin trích ra sau đây đoạn truyện “Cái chết của Lý Liên Anh” của tác giả Đồng Tuần trích trong tập “Sử tích Kinh Hoa cận đại”, Viện nghiên cứu lịch sử triều Thanh trường đại học nhân dân Trung Quốc xuất bản:

“Có thể có người hoài nghi: phải chăng mộ phần của Lý Liên Anh đã bị đào đặc đào lên ăn trộm? Không thể dựa vào việc thi thể không đầy đủ trong quan tài mà cho rằng ông ta đã chết một cách không bình thường.

Lập luận này hoàn toàn không chấp nhận được.

Thứ nhất, khi đồng chí Triệu Quảng Chí tiến hành khai quật, tường đá, cửa đá và nắp mộ của Lý Liên Anh chưa hề bị tổn thất, chưa hề có dấu hiệu đã từng bị mở ra.

Thứ hai, khi khai quật mộ vào năm 1966, mở nắp quan tài ra, người ta thấy có một hình người đắp chẵn nằm trong đó, chẵn vẫn còn nguyên vẹn, không có dấu hiệu bị lật ra. Nhưng dưới lớp chẵn không phải là một bộ xương hoàn chỉnh mà là một hình nộm có mặc quần áo. Nếu bọn đạo tặc đã tìm đến khu mộ này, sau khi lấy đi của cải, chúng chắc sẽ không đặt hình nộm nằm lại ngay ngắn rồi lấy chẵn đắp lên như vậy.

Thứ ba: khi khai quật mộ Lý Liên Anh năm 1966, người ta đã thấy trong quan tài có một chiếc mũ đính viên đá quý còn nguyên vẹn (đường kính 16mm), một chiếc nhẫn đá quý có khảm kim cương, một vòng ngọc xanh cẩm thạch, một cây kiếm gia bằng ngọc làm từ thời Hán, 4 hạt trân châu v.v..., tất cả có hơn 56 thứ. Nếu khu mộ đã bị đào trộm, chẳng lẽ bọn ăn trộm từ chối số báu

vật đó, từ chối cả viên đá quý thậm chí còn to hơn viên đá nam trên vương miện của nữ hoàng Anh?

Hoặc giả, nếu bọn đạo tặc không phải vì vàng bạc châu báu mà là vì thi thể của Lý Liên Anh thì sao không lấy đi nốt cả cái đầu?

Vì thế có thể khẳng định rằng mộ của Lý Liên Anh chưa hề bị đào bới. Còn Từ Hy Thái hậu, tuy được táng tại Mã Lan Dụ, Đôn Hóa, Hà Bắc cách Bắc Kinh 125km, nhưng theo lời kể lại, U Linh của ba ta vẫn quanh quẩn trong ba tòa điện lớn của Tử Cấm Thành. Đêm đêm, người ta nghe thấy tiếng khóc thút thít, rất giống tiếng của Từ Hy khi còn sống. Vì thế từng có lời truyền miệng về việc trong cung có quỷ. Lăng mộ của Từ Hy được xây dựng cùng lúc với khu lăng mộ của Đông cung Từ An Thái hậu ngay sau khi Đồng Trị lên ngôi, cứ xây lên rồi sửa lại mãi tới khi ba ta chết mới tạm coi là thành công.

Riêng việc xây lăng mộ của Từ An và Từ Hy đã hao tốn 227 vạn lạng bạc. Đông cung Thái hậu Từ An sau khi chết đúng ra phải được táng ngay bên trái của Hoàng đế Hàm Phong, mộ của Từ Hy đứng hàng thứ ba. Nhưng khi còn tại thế Từ Hy đã ngang ngạnh di táng Từ An thái hậu tại ngôi thứ ba, chuẩn bị cho mình tương lai sẽ nằm cạnh Hoàng đế Hàm Phong ở ngôi thứ hai.

Căn cứ lịch sử ghi chép lại, Hoàng đế Hàm Phong có tất cả mười lăm phi tử, một hoàng hậu, đó chính là Đông cung Từ An. Từ Hy là một trong số mười lăm phi tử kia, nhưng vì ba ta sinh ra cho Hàm Phong một người con trai duy nhất Đồng Trị, nên sau khi Hàm Phong mất, dựa theo lệ cũ phong ba ta là Từ Hy Tây Thái hậu. Như vậy, Từ Hy Thái hậu chưa một lúc nào được làm Hoàng hậu, thật đúng là:

“Hậu cung giai nữ tam thiên nhân

Tam thiên sủng ái tại nhất thân”

(Trong cung có đến 3000 mỹ nhân nhưng chỉ một người được sủng ái). Năm 1881 (năm Quang Tự thứ 7) Hàm Phong Hoàng đế băng hà. Trong thời gian hai cung Thái hậu buông rèm chấp chính, Từ Hy đã hại chết Từ An.

Đúng ra theo lệ, thi thể của Từ An phải được táng bên cạnh Hàm Phong. Nhưng vào tận lúc Từ Hy nhắm mắt đoàn tụ với chồng ở thế giới bên kia ấy, Từ Hy vẫn còn ghen, chẳng những đem thi thể ba dời sang ngôi mộ thứ ba mà còn cho xây dựng lại khu lăng tẩm thứ hai hào hoa, tráng lệ hơn cả khu lăng mộ của Hoàng đế Hàm Phong. Vật táng trong địa thất này khiến người người đều tán thán. Năm 1928 (năm Dân Quốc thứ 17), tên quân phiệt Tôn Điện Anh lấy danh nghĩa là diễn tập quân sự, dùng đại pháo bắn trúng lăng tẩm của Từ Hy, ngoài việc lấy đi tất cả số lượng lớn châu báu và đồ quý, còn đập cả quan tài, lấy sạch của cải trong đó không bỏ sót thứ gì.

Từ Hy Thái hậu được mai táng đã hơn hai mươi năm, thi thể không hề bị mục nát, vẫn tươi tốt như khi còn sống. Viên ngọc Đình Hải Châu độc nhất vô nhị trong miệng Từ Hy ngậm khi chết cũng bị bộ hạ của Tôn Điện Anh, một tên trưởng dinh dùng tay móc ra. Tên trưởng dinh này còn lột hết y phục của Từ Hy, đem thân thể ba ta phơi ra giữa nắng.

Phế đế Phổ Nghi lúc đó đang sống tại Thiên Tân đã tố cáo lên Chính phủ, song Tôn Điện Anh đã dùng một phần số châu báu này lấp kín mồm lũ quan lớn nhỏ đang cầm quyền thời đó. Vụ án chưa đem ra xét xử đã bị khép lại.

Những người trong gia tộc Ái Tân Giác là thị đánh gia Từ Hy Thái hậu ra sao? Tham sự Ủy ban thành phố Bắc Kinh Đỗ Nhan Hưng một lần nói với tôi.

- Em gái thứ hai của Phổ Nghi là Uẩn Hòa biết ông viết tiểu thuyết lịch sử cuối triều Thanh nên muốn đọc một chút.

Tôi trả lời:

- Hình tượng Từ Hy miêu tả hơi quá một chút, tôi chẳng dám cho ba ấy xem đâu.

Vài hôm sau, ông Đỗ lại đến, nói với tôi rằng:

- Nhị công chúa rất hận Từ Hy Thái hậu.

Nghe vậy tôi mới yên tâm đến thăm ba vào một buổi sáng thứ năm.

Hỏi: Liên quân tám nước đánh vào Bắc Kinh, định ra “Điều ước Tân Sửu” lại bắt cha ba là Tải Phong đại diện triều đình sang Đức dâng lễ vật tạ lỗi, việc này là thật hay dối?

Đáp: Đúng là có chuyện bất công này. Sau khi ký kết điều ước Tân Sửu, thống soái liên quân tám nước Oatoxi bắt anh em của Hoàng đế phải sang Đức tạ lỗi về việc công sứ Kalinton bị Nghĩa Hòa Đoàn giết chết. Từ Hy Thái hậu quyết định phải cha tôi năm ấy 19 tuổi làm sứ thần sang Đức tạ tội. Khi trở về đến phủ Khai Phong, cha tôi đã gặp đoàn ngự giá lánh nạn trở về. Từ Hy đã đem con gái của tâm phúc Vinh Lộc là Qua Nhĩ Giai thị chỉ hôn cho cha tôi. Lúc ấy, ba nội tôi là Lư Giai thị đã đính hôn cha tôi với người khác, nhưng không dám kháng chi, đành phải thoái hôn với nhà người ta. Năm 1902, cha tôi tổ chức cưới mẹ tôi. Lúc ấy cha mới 20 tuổi. Năm 1906, mẹ tôi sinh anh cả Phổ Nghi. Năm 1908, Quang Tự Hoàng đế đột ngột băng hà. Từ Hy Thái hậu trên giường bệnh ra lệnh lôi anh cả tôi lúc đó mới có ba tuổi ra khỏi lòng mẹ, bắt vào trong cung. Chẳng ai ngờ Quang Tự Hoàng đế chết xong, Thái hậu cũng băng hà.

Hỏi: Quang Tự Hoàng đế vì sao mà chết?

Đáp: Tôi cũng chỉ được nghe nói mà thôi. Năm 1911 tôi mới ra đời, đến chuyện anh tôi trong cung ra sao cũng đều chỉ là nghe nói. Cha tôi kể rằng, một hôm trước khi chết, Hoàng đế Quang Tự vẫn hành lễ sớm với Thái hậu theo lệ thường. Nói Quang Tự có bệnh là chính xác. Thái hậu có nói với Quang Tự:

- Người có bệnh thì không phải đến thỉnh an nữa. Quang Tự vẫn hành lễ quỳ lạy, miệng nói:

- Đây là lần cuối cùng.

Thái hậu nghe vậy cũng rơi nước mắt. Tôi nghĩ có thể lúc này lương tâm ba ta đang cắn rứt vì tâm địa xấu xa của mình. Chồng tôi, ông Trịnh Quảng Nguyên, cháu của Trịnh Hiếu Tư lúc ở Luân Đôn đã kể cho Tranxiton nghe chuyện này để ông ta bổ sung vào cuốn “Bút ký mặt Thanh” của mình.

Hỏi: Sau đó, tình hình trong cung ra sao?

Đáp: Sau khi Thái hậu và Hoàng đế mất, anh cả tôi lên ngôi Hoàng đế, bắt đầu năm Tuyên Thống đầu tiên. Đến năm Tuyên Thống thứ ba, khởi nghĩa Vũ Xương nổ ra, Long Dụ Thái hậu ban bố chiếu thư Tuyên Thống thoái vị. Do điều khoản ưu đãi của Dân Quốc đối với Hoàng thất triều Thanh, anh cả tôi vẫn ở trong cung sống cuộc sống triều đình thu nhỏ.

Hỏi: Nghe nói mẹ ba là Qua Nhĩ Giai thị bị Đoan Khang thái phi (Cần Phi của Quang Tự) chửi mắng, tức mà chết phải không?

Đáp: Đâu chỉ có tức mà chết! Phổ Nghi sống trong triều đình thu nhỏ cũng không bị câu thúc, trói buộc gì cả. Lúc anh ấy 16, 17 tuổi bắt đầu không nghe lời Đoan Khang, thậm chí còn dám cãi lại ba ta. Đoan Khang trong cơn thịnh nộ truyền ba nội tôi là Lư Giai Thị và mẹ tôi vào cung. Khi đến

tâm thất của Thái Phi, thấy ba ta nộ khí xung thiên ngồi trên giường lò, trợn mắt trợn mũi lên nhìn. Mẹ và ba nội tôi cũng cúi đầu lạy xong, cứ quỳ trước mặt Thái Phi không dám đứng dậy. ba ta gần giọng hỏi:

- Các người dạy dỗ Hoàng thượng ra sao vậy? Nó không nghe lời ta, đúng là một tên hôn quân, hôm nay ta hỏi các người vậy.

Mẹ và bà nội tôi cùng nói:

- Nô tài có tội.

- Lui ra!

- Dạ.

Chỉ có vèn vèn như thế.

Bà nội tôi vốn đã bị kích động bởi chuyện Phỗ Nghi bị cướp đi, nay lại bị Doan Khang khiển trách như vậy, thần kinh càng thêm thác loạn. Nhưng không ngờ ba đã giấu chúng tôi lên dùng rượu đốt nha phiến rồi tự tử trong làn khói ấy. Việc này mầm họa chính là từ Từ Hy.

Hỏi: ba có tất cả bao nhiêu anh chị em?

Đáp: Tất cả có 10 người. Phỗ Nghi, Phỗ Kiệt, Uẩn Anh, Uẩn Đình và tôi đều do Qua Nhĩ Giai Thị sinh ra. Còn năm người nữa do thứ mẫu Đặng Giai Thị sinh.

Hỏi: ba và ông Trịnh Quảng Nguyên tổ chức khi nào?

Đáp: Khi Trịnh Hiếu Tư giảng sử “Tư trị thông giám” cho anh tôi ở Thiên Tân, anh ấy đã “chi hôn” cho tôi. Lúc tôi 22 tuổi đã kết hôn với cháu trưởng của Trịnh Hiếu Tư là Trịnh Quảng Nguyên ở Trường Xuân. Sau đó không lâu, nhận lời mời của thầy giáo dạy Anh văn cho Phỗ Nghi là Tranxiton, tôi và ông Trịnh cùng sang Anh, chủ yếu là tham quan và du lịch.

Tôi ở trong nhà của Tranxiton, ông Trịnh tiếp tục tiến tu ở trường Đại học Luân Đôn. Trong thời gian sống trong nhà Tranxiton, tôi mời một cô gái người Anh đến dạy Anh ngữ.

Hỏi: ba sống ở Anh mấy năm? Chắc tiếng Anh của ba giỏi lắm?

Đáp: Chúng tôi sống ở Anh hai năm. Tiếng Anh của tôi đã trả hết cho thầy rồi... Năm 1934 (năm Dân Quốc thứ 23), chúng tôi về đến Trường Xuân, sống trong cung của Phỗ Nghi. Còn cha tôi thì dẫn các em gái lên vùng Đông Bắc để thăm anh ấy. Ít lâu sau, cha tôi lại trở về Bắc Kinh. Cha tôi rất không tán thành việc anh cả tôi làm một Hoàng đế bù nhìn. Ông có tư tưởng khá tiến bộ. Sau Cách mạng Tân Hợi, ông là người đầu tiên trong đám vương gia cắt bỏ bím tóc dài. Ông không mê tín, không tin là trong cung có tà ma quỷ quái. Hồi ở Bắc Phủ, trong hoa viên rộng lớn thường có hình cáo, nhím... những thứ mà người ta gọi là bát quái tiên. Có lần cha tôi phát hiện ra có người trong phủ thấp hương lễ những con vật này liền dùng chân đá bát hương như đá bóng văng đi.

Hỏi: Nghe nói có rất nhiều người đến thăm hỏi bà?

Đáp: Cũng có một số người đến thăm. Rất nhiều người trong nước và nước ngoài muốn biết tình hình sinh hoạt của hậu bối hoàng thất bây giờ ra sao. Tôi và ông Trịnh đều đã nghỉ hưu, hưởng lương hưu, cuộc sống rất an nhàn. Giờ đây chúng tôi đều đã trở thành công dân của nước Trung Quốc mới.

Song anh cả tôi cứ khẳng khẳng muốn khôi phục lại tổ nghiệp và vương triều phong kiến thời  
nát xưa kia, nên đã phạm phải những tội hình nghiêm trọng không tha thứ được.

# Hồi thứ ba mươi mốt: VIÊN THẾ KHẢI ỨC HIẾP TIỂU PHỔ NGHI TÔN TRUNG SƠN NHƯỜNG GHẾ ĐẠI TỔNG THỐNG

Sau khi Phổ Nghi ba tuổi lên làm Hoàng đế, cha đẻ là Nhiếp chính vương Tài Phong muốn dựa vào thế lực đó để tra thù mối hận Quang Tự Hoàng đế. Nhưng Khánh Thân vương Dịch

Khuông vốn là chú họ xa của Tài Phong lại cấu kết với Viên Thế Khải nhằm ngăn cản chuyện này. Một lần, di sương (vợ góa) của Quang Tự nói với Tài Phong:

- Tôi lục tìm thấy một thư dụ của Hoàng đế giấu trong hộp nghiên bút trên án thư. Tiên đế dùng bút son viết rằng: “Phải giết Viên Thế Khải”.

Nói xong liền lấy đao chỉ dụ trong người ra đưa cho Tài Phong. Từ đó Tài Phong lúc nào cũng ghi sâu việc này vào trong dạ.

Viên Thế Khải đã gây dựng được một thế lực hùng mạnh trong quân đội, trực tiếp uy hiếp triều đình nhà Thanh. Không ít đốc phủ các tỉnh là do Viên Thế Khải đề bạt lên. Giang Triều Tông vốn là tâm phúc của Viên Thế Khải đóng ở kinh thành hiện đang nắm giữ chìa khóa của cửu môn. Tất cả bọn chúng đều là tay chân của Viên Thế Khải từ khi còn luyện quân ở tiểu trạm Thiên Tân.

Viên Thế Khải, kẻ trước kia từng đập tan biến pháp Duy Tân, được Từ Hy Thái hậu bổ nhiệm làm Hộ lý Bắc Dương đại thần, gia phong được phép cưỡi ngựa qua Tây Uyển môn. Đây là một việc vô cùng hiếm thấy đối với mọi người Hán trong triều Thanh. Viên Thế Khải hàng ngày vào cung triệu kiến Hoàng đế ba tuổi Phổ Nghi, hành lễ “tam quỳ cửu bái”. Vậy nhưng Tài Phong vẫn không có cách gì đối phó với hắn.

Thời gian gần đây, rất nhiều vương công đại thần hiền kẻ cho Tài Phong, vị giám quốc mới 26 tuổi rằng: giết cá trong chậu có gì là khó. Nhưng Khánh vương Dịch Khuông ngấm ngấm câu kết với Viên Thế Khải, xem thường Tài Phong vẫn còn là trẻ con. Ông ta hận Từ Hy Thái hậu khi lâm chung không cho ông ta trở thành Nhiếp chính vương. Tài Phong trẻ tuổi nào hay biết gì dã tâm của ông chú Dịch Khuông đó, việc gì trọng đại cũng đem ra bàn bạc với chú, kể cả việc muốn tiêu diệt Viên Thế Khải cũng đem ra nói hết hai năm rở mười với y.

Trương Chi Động vội vàng đến gặp Tài Phong, với tư cách là một người thuộc thế hệ trước khuyên nhủ như sau:

- Nghe Khánh vương nói lại, biết được ông muốn giết Viên Thế Khải. Tôi thấy vậy cánh họ Viên chỗ nào cũng có, không thể giết bừa ông ta. Sự còn mất của Viên Thế Khải chính là kẻ sách của cục diện Triều đình vậy.

Mọi nguồn tin tức của Viên Thế Khải được truyền đi vô cùng mau lẹ. Sau khi biết tin trên, Khải liền điện thoại cho bè đảng của hắn là Dương Sĩ Nưởng Đốc biện cục đường sắt Bắc Kinh, Thiên Tân. Sau đó một mình hắn đi đến ga phía đông Tiền Môn, Dương Đốc biện đích thân đưa hắn đến Thiên Tân, trú tại khách sạn Lợi Thuận trong khu tô giới của Anh. Xong việc Dương Sĩ Nưởng quay lại Bắc Kinh, mật báo cho Khánh vương Dịch Khuông biết tin này. Nhờ đó, Dịch Khuông biết Khải đã được bình an ở Thiên Tân.

Việc bỏ trốn của Viên Thế Khải là một bất lợi đối với Triều đình. Dịch Khuông lập tức đi tìm Tài Phong, vừa dọa nạt, lại vừa làm ra vẻ tốt bụng khuyên nhủ:

- Giết Khải thì dễ, nhưng đối phó với hậu quả thì mới là việc khó. Cần phải biết rằng nếu đầu Khải rơi xuống, tay chân bẽ bàng của hắn là Giang Triều Tông hiện đang cần phòng bảo vệ kinh sư sẽ lấy đầu ông ngay đó.

Tải Phong vốn nhất gan sợ sinh đại sự, nghe Dịch Khuông dọa vậy, càng thêm sợ hãi, vội nói với Dịch Khuông:

- Tất cả nhờ tài lực chú xoay chuyển lại tình thế.

Khánh vương Dịch Khuông lại cấp tốc báo ngay cho Dương Sĩ Nương:

- Bình an vô sự rồi, mời Viên Thế Khải về triều lo việc đi. Nói với ông ta rằng có Dịch Khuông tôi đây thì không phải sợ gì cả!

Viên Thế Khải về tới Bắc Kinh, trong lòng vẫn hoài nghi lo sợ, không dám bước vào hai cung, chỉ viết một bản tấu trình lên Tuyên Thống Hoàng đế, nội dung là: “Thần bị đau chân, đi lại vất vả, xin nghỉ ở nhà một thời gian”.

Lúc này Tải Phong liền tương kế tựu kế, ngày 1 tháng 5 năm Tuyên Thống đầu tiên đã phê chuẩn, cho phép Viên Thế Khải “về quê dưỡng bệnh”.

Lịch sử cận đại ghi rằng: “Viên Thế Khải nhận được mệnh lệnh của Triều đình lập tức quay về quê cũ Chương Đức, Hà Nam”. Đọc đến đây, bạn đọc chắc sẽ thắc mắc: Viên Thế Khải là người Hạng Thành, Hồ Nam sao lại nói là về Chương Đức?

Thực ra câu chuyện khá dài dòng. Viên Thế Khải sinh ngày 14 tháng 9 năm 1859 (tức ngày 24 tháng 8 âm lịch năm Hàm Phong thứ chín). Sau tết Trung Thu không được bao lâu, Lưu Thị ở Hạng Thành đã mang thai đến tháng thứ 10 kêu là đau bụng. Mọi người trong nhà vội vàng đi mời ba đỡ và chuẩn bị đồ dùng cho đứa trẻ sắp ra đời. Em dâu của Lưu Thị là Ngưu Thị cũng mang thai tới tháng thứ 10. Mọi người trong nhà họ Viên vừa vui vẻ ăn xong tết Trung Thu, ai cũng nghĩ họ Viên sẽ có liền hai tin vui một lúc.

Khi biết Lưu Thị sinh con trai, cả nhà vui mừng không sao kể xiết. Trong trang trại, già trẻ gái trai lớn bé đều biết họ Viên đã sinh quý tử. Đội nhạc tung bừng kéo đến trước cửa nhà họ Viên kèn sáo âm ỉ suốt cả ngày. Viên đại nhân thưởng cho họ 20 lạng bạc. Đội nhạc giải tán trong niềm hồ hởi, trong nhà người nào cũng tranh nhau ôm tời mà nói:

- Vừa mới qua tết Trung Thu, phải tìm đặt cho đứa trẻ cái tên nào mang hơi hướng, không khí ngày hội mới được.

Nói chưa dứt lời tiếng thanh la, tiếng trống bên ngoài văng vẳng, dồn dập, tới tấp bên tai Viên Bảo Trung. Ông ta vốn người linh hoạt, liền nói:

- Khi đội nhạc ra về đã tấu bản khải hoàn ca. Vậy đặt tên cho quý tử là Viên Thế Khải hay lắm!

Người lớn người nhỏ trong nhà vừa nghe ba tiếng “Viên Thế Khải” liền nhảy lên reo hò: Hay, hay! Viên Thế Khải!” rồi đồng loạt reo to “Được rồi, hay rồi, tên là Viên Thế Khải”.

Trong lúc cả nhà họ Viên đang tung bừng thì nhận tin báo em dâu là Ngưu Thị cũng sinh con trai. Không khí vui vẻ lại càng vui hơn. Thật không gì may mắn bằng. Vừa qua tết Trung Thu lại ra đời liền hai quý tử. Đúng là song hỷ lâm môn. Viên Bảo Trung đại nhân lúc đó liền nói:

- Con trai Ngưu Thị sẽ đặt tên là Viên Thế Hoàn. Tên hai đứa ghép vào nhau sẽ là Khải Hoàn.



Con trai Thế Hoàn của Ngu Thị chỉ sống được có ba ngày. Sau khi Thế Hoàn chết yếu, có người nói:

- Ngu Thị vẫn còn nhiều sữa, không có trẻ bú cũng rất khó chịu, chỉ bằng bế Thế Khải sang để Ngu Thị cùng chăm sóc.

Cha Thế Khải là Viên Bảo Trung rất đồng ý. Từ đó, Thế Khải trở thành đứa con chung của hai ba mẹ. Mẹ đẻ Lưu Thị và mẹ nuôi Ngu Thị. Viên Thế Khải lớn dần lên, hình thành thói quen gọi Lưu Thị là mẹ đẻ, Ngu Thị là mẹ nuôi. Vợ cả của Viên Bảo Trung cũng rất yêu quý Khải. Thế Khải tuy nghịch ngợm nhưng hiếu biết và nói năng lễ phép, lưu loát, đến mức có gì ngon lành người ta biếu, Viên đại nhân đều để phần cho Thế Khải cả.

Viên Bảo Trung mời thầy riêng về dạy dỗ con cái. Viên Thế Khải học hành mau lẹ, sớm thể hiện khả năng học một biết mười. Khi đến tuổi thành niên, Viên Thế Khải rất mực hiếu thuận với cả hai ba mẹ. Khi bước vào con đường quan chức, Viên Thế Khải đã thê thiếp thành đàn, phân ra sống riêng ở Bắc Kinh, Thiên Tân, Chương Đức. Mẹ đẻ của Thế Khải là Lưu Thị sống ở Thiên Tân, sau chết vì ốm bệnh. Viên Thế Khải khi biết mẹ đã nằm xuống liền xin triều đình cho nghỉ, đưa thi thể mẹ về quê Hạng Thành an táng.

Trên đường trở về Hạng Thành, Viên Thế Khải mỗi khi qua phủ, huyện, đạo hay một thôn quan trọng nào đó cũng đều được tiếp đón bằng cờ, hoa, lễ tế. Khi linh cửu về tới trang trại của họ Viên ở ngoại ô Hạng Thành, viên tri sự Lục Kiên Chương và bộ hạ đã quỳ sẵn ở đó nghênh đón linh cửu rồi.

Anh cả của Viên Thế Khải là Viên Thế Đôn mới thực là con đẻ của ba cả lúc đó tự nhiên nổi giận đùng đùng. Ông ta vốn không kính trọng Lưu Thị là vợ bé của cha, nên khi linh cửu đưa về tới trang trại của họ Viên, liền hăm hăm nói với Viên Khải:

- Không thể đưa linh cửu của mẹ chú vào chính huyệt. Họ Viên ta có quy định từ xưa, vợ lẽ không được đưa vào chính huyệt, chỉ được chôn ở vùng lân cận.

Viên Thế Khải là con của một ba vợ bé, được các ba vợ bé nuôi dưỡng thành người, hơn nữa từ nhỏ rất sợ anh cả Viên Thế Đôn, nên nghe xong chẳng nói chẳng rằng, ra lệnh cho bọn khênh linh cửu mang linh cửu mẹ quay về phủ Chương Đức, an táng tại thôn Tuyên Thượng rồi xây bia dựng “chủ phần”.

Chính vì thế, khi Tái Phong phê chuẩn Viên Thế Khải về quê dưỡng bệnh họ Viên đã không về Hạng Thành mà lại về Chương Đức như trên đã viết.

Lại nói Viên Thế Khải khi về đến thôn Tuyên Thượng Chương Đức, Hồ Nam, nhanh chóng ổn định vị trí điều ngư đài (nơi câu cá) của mình. Ông ta liên kết trong ngoài vừa có Thế thao túng triều đình, lại vừa có thể bày trò ngã giá với Tôn Trung Sơn. Trên danh nghĩa triều đình phê chuẩn Viên Thế Khải về quê dưỡng bệnh nhưng thực tế, ông ta đã về Tuyên Thượng xây dựng cứ điểm phản lại Triều đình, phản lại đảng cách mạng của Tôn Trung Sơn. Vô số bộ hạ của ông ta đang giữ chức trong, ngoài thành Bắc Kinh như Dư Thế Xương, Phùng Quốc Chương, Đoàn Kỳ Thụy v.v... liên tục bí mật đến Chương Đức cùng ông ta họp bàn.

Cơ cấu của Viên Thế Khải ở Chương Đức cũng được kiện toàn nhanh chóng, có cả hệ thống điện đài riêng truyền đạt những tin tức xảy ra trong triều đình. Các tướng võ, phần lớn là bọn quan lại được Khải đề bạt khi còn luyện quân ở tiểu trạm Thiên Tân. Mục đích rõ ràng của Viên Thế Khải là tiêu diệt quân cách mạng trước, sau đó lật đổ thế lực Triều đình nhà Thanh, rồi chính mình sẽ ngồi vào ngôi Thiên tử.

Dư Thế Xương, một tên cùng bè đảng vốn như chân tay của Viên Thế Khải lúc đó đang giữ

chức Hiệp lý đại thần trở thành con hổ già nằm bên cạnh Tái Phong, ngày ngày đều đặn vào triều họp bàn nghị sự. Tái Phong cùng Dư Thế Xương và các đại thần khác một hôm họp bàn về việc giảm dần Thế lực trong quân đội của Viên Thế Khải, đưa em trai Tái Phong là Tái Cầu giữ chức Lục quân đại thần. Tái Thọ giữ chức Tư Phủ đại thần nắm giữ hải quân. Chỉ một giờ sau khi cuộc họp bàn kết thúc, Viên Thế Khải đang yên vị trên “điều ngư đài” đã biết được tường tận nội dung cuộc họp.

Năm Tuyên Thống thứ ba, chính phủ nhà Thanh thành lập nội các hoàng tộc, Khánh Thân vương Dịch Khuông một lần nữa trở thành “hoàng thúc” tin cậy của Tái Phong. Chỉ loáng một cái, ngày 10 tháng 4, ông ta nghiễm nhiên trở thành Tổng lý đại thần.

Khi con lốc khởi nghĩa Vũ Xương đã lan truyền khắp cả Trung Hoa, Tái Phong liền tâu mời Tôn Thụy Vi lúc đó đang giữ chức Kỳ thiện về làm Tổng đốc Hồ, Quảng, đối phó với quân khởi nghĩa. Sau đó không lâu, tin chiến thắng liên tiếp truyền về. Triều đình đánh điện đi khắp nơi truyền lệnh ban thưởng. Ngày 10 tháng 10 năm 1911 (tức ngày 19 tháng 8 năm Ất Hợi, năm Tuyên Thống thứ ba), khởi nghĩa Vũ Xương thực sự nổ ra. Ngày 11 Thụy Vi điện báo về cho Triều đình biết: “Vũ Xương đã bị quân cách mạng chiếm giữ”. Triều đình Mãn Thanh lập tức truyền điện dụ cách chức Thụy Vi, nhưng vẫn cho ở lại Vũ Xương để lập công chuộc tội.

Lúc đó Viên Thế Khải đang tung bừng tổ chức lễ sinh nhật lần thứ 50 của mình ở thôn Tuyên Thượng, bằng hữu, tay chân đến đông nghìn nghịt, tiếng tụng chúc mừng không ngớt, ai ai cũng bàn tán tung bừng chuyện Thụy Vi thua thảm hại trước quân cách mạng, trèo tường cổng sau nhà môn thoát chạy ra ngoài. Điện đài thôn Tuyên Thượng nhận được tin Thụy Vi đầu tiên trốn lên hạm pháo Anh quốc cầu xin người Anh che chở, sau đó, dưới sự giúp đỡ của quân Anh đã cải trang trốn về Thượng Hải. Những tin tức tình báo Viên Thế Khải nhận được bao giờ cũng nhanh và cụ thể, xác thực hơn cả Triều đình.

Từ khi Vũ Xương thất thủ, quân cách mạng như thế che tre kéo về miền Bắc. Tổng lý đại thần nội các Dịch Khuông, Hiệp lý đại thần Dư Thế Xương cùng Na Đồng đề nghị Nhiếp chính vương Tái Phong khẩn cầu Viên Thế Khải trở lại Triều đình. Theo họ, chỉ có cách ấy mới có thể thay đổi càn khôn. Ngược lại, nếu để quân cách mạng đánh đến tận Bắc Kinh thì sẽ trở tay không kịp nữa!

Tái Phong vừa nghe tới chuyện gọi Viên Thế Khải quay lại Triều đình đã kiên quyết không đồng ý, trong lòng thâm nghĩ: “Làm như thế mình chẳng sẽ đi đời sao!”. Dịch Khuông ra về, lại cùng Na Đồng, Dư Thế Xương bàn bạc với nhau. Dư Thế Xương nói:

- Tái Phong không đồng ý để Viên Thế Khải quay lại Triều đình à? Bây giờ cả ba chúng ta cùng họp lại phân đối, xem hán có đồng ý không!

Na Đồng nghe vậy, xua tay:

- Không được. Việc này làm căng ra không hay, hãy cứ mềm mỏng nhẹ nhàng đã. Tôi có diệu kế này, không biết hai vị có chấp nhận không?

Dịch Khuông và Dư Thế Xương cùng đồng thanh nói:

- Xin nói mau đi.

Na Đồng chậm rãi:

- Tôi già rồi, bây giờ xin cáo lão về quê; còn Dư Công tại sao không thác bệnh xin nghỉ ốm? Dịch Vương coi như thuộc hàng tiền bối, thấy tôi và Dư Công, người cáo lão, người nghỉ ốm, lấy lý do đó mà không tham triều nữa. Nếu ba người chúng ta cùng hành động một lúc, thì còn sợ gì Tái Phong không khuất phục nữa!

Thế là Dư Thế Xương cáo bệnh xin nghỉ, Na Đồng tấu thỉnh triều đình cáo lão về quê. Tái Phong thấy vậy vội vàng tìm Dịch Khuông để thương lượng, nhưng Dịch Khuông không thấy đến tham triều, cũng chẳng thấy xin nghỉ gì hết. Tái Phong phái người đến Khánh vương phủ hỏi giá tham triều nghị sự nhưng sứ giả bị từ chối, không được vào phủ. Tái Phong lúc này mới vỡ lẽ họ cùng nhau “bãi công” trong tình trạng “kêu trời trời chẳng thấu, hỏi đất đất không thừa”, đành tự mình đến Khánh vương phủ nhận lỗi, đồng ý đưa Viên Thế Khải lên ghế Tổng đốc Hồ, Quảng, tổng chỉ huy tiêu diệt quân cách mạng do Tôn Trung Sơn lãnh đạo. Viên Thế Khải biết việc Tái Phong đã “nhận lỗi” như thế nào, không có mình không xong nhưng khi sứ giả đến vẫn làm cao mà rằng:

- Không có ý chỉ của Hoàng đế, gọi ta đi ta cũng không thêm.

Một số đại thần trong triều biết được việc này đều chê trách Tái Phong, rằng xưa kia không nên thả hổ về rừng nay càng không nên rước cáo vào nhà, không thể hết sai lầm lần này đến sai lầm khác. Cung Thân vương Dịch Hân tính tình ngay thẳng, liền đi gặp Tái Phong. Tái Phong nghe tin chú Sáu tới, biết có đại sự rồi.

Dịch Hân nói:

- Trước kia sao không giết ngay Viên Thế Khải đi mà lại cho hắn về quê dưỡng bệnh? Trước đã thả hổ về rừng rồi lại định rước cáo vào nhà nữa sao?

Tái Phong lúc đó thật bị kẹt giữa năm bè bảy mối, liền đáp:

- Viên Thế Khải có tài làm tướng, nên phải triệu ông ta quay lại.

Dịch Hân nói:

- Đây là lời nói từ đáy lòng cháu sao?

Tái Phong từ nhỏ vốn có tật nói lấp, lúc này không bình tĩnh được nên lú cả lưỡi:

- Dạ...dạ...không...không phải ạ... người...người nước ngoài cũng... cũng muốn triệu Viên Thế Khải quay lại... ạ!

Trong một tờ báo phát hành tại Luân Đôn thời ấy có một vị ký giả đã viết rằng: “Ngày tàn của chính phủ nhà Thanh sắp tới. Công sứ Anh tại Trung Quốc lúc đó đã điện báo về Bộ Ngoại giao Anh như sau: Cách mạng Vũ Xương đã đánh thắng vào các quan lại triều Thanh. Chính phủ Mỹ đã lệnh cho công sứ Mỹ ở các nước Trung Quốc, Pháp, Nga, Nhật, Đức phải can thiệp vào cuộc cách mạng đang xảy ra ở Trung Quốc, đồng thời cho người vào cung xin được tấn kiến, yêu cầu triều Thanh sử dụng Viên Thế Khải.

Dịch Khuông lúc đó dương dương tự đắc nói với Tái Phong:

- Muốn mời Viên Thế Khải trở lại cũng phải danh chính ngôn thuận, phải có thánh chỉ của Triều đình, phải phái Nguyễn Trung Khu đến Chương Đức khuyên mời mới được.

Nguyễn Trung Khu vốn là một cử nhân cuối đời Thanh, sau khi tham gia quân Bắc Dương được Viên Thế Khải vô cùng tín nhiệm. Nguyễn Trung Khu nói gì Viên Thế Khải cũng nhất nhất nghe theo. Tái Phong nghe Khánh Thân vương Dịch Khuông nói vậy, bèn phái Nguyễn Trung Khu thân hành đến Chương Đức.

Nguyễn Trung Khu đến thôn Tuyên Thượng phủ Chương Đức, bái kiến Viên Thế Khải rồi đọc to thánh chỉ. Viên Thế Khải sau khi quỳ tiếp thánh chỉ liền nói:

- Các hạ tôi nay cứ nghỉ lại đây, mai sẽ lên đường. Từ lâu Viên Thế Khải đã chuẩn bị sẵn một bản tấu chương đóng dấu phủ Chương Đức, đưa cho Nguyễn Trung Khu đem trở lại Bắc Kinh. Nội dung bản tấu như sau:

Nhận được thánh chỉ của Hoàng thượng, thần thực sự cảm thấy mình được thánh ân sủng ái vô cùng. Thần suốt đời ghi sâu ân điển của Triều đình. Nhưng lúc này thật khó đền đáp ân điển của bệ hạ, thần cảm thấy áy náy vô cùng. Nhận được lời vàng ban khen và quà thưởng của Hoàng thượng, thần càng cảm thấy vinh dự, nhưng nay về quê chữa bệnh, không thể nào góp sức khuyên mã của mình được. Hiện nay nước loạn dân cùng, lẽ ra thần phải tuân theo thánh chỉ, gánh vác nhiệm vụ nặng nề, hết lòng vì đất nước. Nhưng chân của thần trước đã bị đau, giờ vẫn chưa khỏi hẳn. Mùa đông năm ngoái tay trái lại đau, thường xuyên giờ chứng hoành hành. Tất cả các bệnh này đều do nhiều năm lao lực mà thành, rất khó chữa khỏi trong khoảng thời gian ngắn. Thần dù trăm ngàn thứ bệnh nhưng chưa bao giờ xao nhãng trách nhiệm với Triều đình. Độ này thần khi lạnh khi nóng, lại thêm sốt, ho, đau đầu, tức ngực, bệnh tình càng ngày càng nặng. Thần buộc phải ở lại quê nhà tiếp tục chữa bệnh theo phương pháp cũ. Cục diện đất nước hiện nay vô cùng cấp bách, thần không dám trái lệnh Hoàng thượng nhưng với tình hình sức khỏe hiện nay, thật không có cách nào khác là ở nhà chữa bệnh. Thần đã thỉnh mời thầy thuốc chữa chạy thật nhanh, mặt khác cũng cố gắng sắp xếp công việc. Khi bệnh thần thuyên giảm, thần sẽ lập tức tuân theo thánh chỉ, gánh vác trọng trách, hết lòng dốc sức phục vụ Triều đình.

Tải Phong xem xong bản tấu của Viên Thế Khải lập tức phê rằng: “Sự việc ở Hán Khẩu vô cùng cấp bách, cần mau điều trị, khỏi phụ sự ưu ái của Triều đình”.

Viên Thế Khải nhận được lời phê này, biết rằng việc đối phó với cách mạng thực sự cần thiết đến mình nên điện báo cho nội các chính phủ, nội dung như sau:

- Khải tôi bệnh tật đầy mình, không thể gánh vác trọng trách, nhưng được nhận ân cao đức dày của Triều đình, nên lúc nào cũng cố gắng vắt kiệt tâm lực đền đáp ơn sâu. Nay tình Hồ Bắc xảy ra binh biến, quân loạn kho tàng, Khải tôi cũng không một chút quyền trong tay, không người giúp sức trừ tể, tất không làm nổi trò trống gì để thu phục đất đai, chống chọi với các thế lực khác”.

Cũng ngày hôm đó, Viên Thế Khải điện tấu Triều đình chiêu mộ tráng đinh ở Hồ Nam, Sơn Đông, Trục lễ v.v... để tuần phòng Hồ Bắc, yêu cầu Triều đình mở kho ngân xuất ra bốn triệu lạng bạc để chi dụng.

Triều đình Mãn Thanh đã phê chuẩn tất cả các yêu sách này. Mặc dù vậy, Viên Thế Khải vẫn cứ bằng chân như vại cổ thủ trong “điều ngư đài” của mình ở Chương Đức, khiến Tải Phong lo đến phát sốt phát rét, vội vàng sai người anh em của Viên Thế Khải là Dư Thế Xương đến Chương Đức khuyên mời.

Dư Thế Xương đến thôn Tuyên Thượng, Chương Đức sau khi bí mật cùng Viên Thế Khải bàn bạc hồi lâu quay lại triều đình, mang theo 6 điều kiện sau:

1. Yêu cầu họp quốc hội vào năm sau (1912).
2. Tổ chức lại nội các.
3. Mở rộng các thành phần tham gia cuộc chống tạo phản lần này.
4. Giải tán tiêu diệt đảng kín.
5. Giao lại toàn quyền chỉ huy lực quân và quyền biên chế quân đội.
6. Cung cấp đầy đủ chi phí cho quân đội.

Tất cả các đại thần triều Thanh, bất kể thuộc phái tiến bộ hay bảo thủ, thấy được sự ngạo mạn cùng dã tâm Viên Thế Khải, đều cho rằng: đây là hậu quả nguy hiểm mà Tải Phong do nhu nhược, yếu hèn đã không giết chết hần từ trước, giờ cái nhọt lớn rồi muốn nặn đi cũng khó. Sáu điều kiện trên của Viên Thế Khải nhanh chóng truyền tới phía Nam; quân cách mạng và các phần tử thỏa hiệp lúc đó đều thấy rõ việc Viên Thế Khải đã biến Tải Phong thành trò hề và dã tâm trở thành Hoàng đế của hần. Tải Phong cũng tự mình cảm thấy khó mà chấp nhận nổi sáu điều kiện trên. Tình hình cách mạng trước mắt lại đang phát triển nhanh chóng: quân cách mạng đã thành lập chính phủ quân đội Hồ Bắc ở Vũ Xương, tiến cử Lý Nguyên Hồng, nguyên thống lĩnh quân đội của triều Thanh giữ chức Đại đô đốc quân đội chính phủ.

Long Dụ Thái hậu và Tải Phong bắt đầu rối tung cả lên. Họ lại theo gương Hàm Phong Hoàng đế xưa kia, chuẩn bị cùng Phổ Nghi chạy về Thừa Đức “cố thủ”.

Tin tức đến với Viên Thế Khải vô cùng mau lẹ. Khi ở Tuyên Thương nghe tin tiểu Hoàng thượng chuẩn bị chạy trốn, họ Viên vội nghĩ: Nếu cái kế “ba sáu chức chức chuồn là hơn hết” này thực hiện rồi thì Khải ta làm gì còn vai mà diễn nữa nên một mặt điện về kinh ngăn mọi người không nên chạy trốn, mặt khác vội vã rời Chương Đức quay lại kinh thành. Trong lòng Viên Thế Khải nặng một nỗi niềm rằng Hoàng thượng đi rồi, mình sẽ mất đứt cơ hội thay trời ra lệnh làm chủ chư hầu. Nếu quân giải phóng với tư thế chẻ tre ùn ùn kéo về Bắc Kinh, chẳng bao lâu mình sẽ rơi vào cái cảnh “tứ bề Sở ca” của Tây Sơ bá vương hay sao? Viên Thế Khải tức tốc đến Tín Dương gặp Âm Xương lúc đó đang phụng mệnh Triều đình thống lĩnh Thanh binh đánh trả quân cách mạng, tạm thời giao hết quân quyền cho Âm Xương. Bố trí xong xuôi đầu đuôi, Viên Thế Khải lại hấp ta hấp tấp lên đường về thẳng Bắc Kinh, trong lòng không lúc nào nguôi nỗi lo Hoàng thượng đã bị Long Dụ Thái hậu và Tải Phong đưa về Sơn Trang nghỉ mát ở Thừa Đức Nhiệt Hà lánh nạn rồi.

Viên Thế Khải về đến nội viện hoàng cung ở Bắc Kinh, trông thấy Hoàng thượng vẫn chưa rời đi, trong lòng thâm cảm tạ trời đất. Ông ta quỳ xuống khấn cầu Thái hậu và Tải Phong không nên rời đi, đã có ông ta ở đây bảo vệ, đảm bảo sẽ không xảy ra chuyện gì cả.

Khánh vương Dịch Khuông lúc đó đang giữ chức Tổng lý đại thần. Chính Tải Phong đã đề bạt ông ta lên ghế cao quý ấy; nhưng khi thấy Viên Thế Khải xuất hiện, Dịch Khuông nghĩ: “Tốt nhất vẫn là từ chức”. Rồi sau đó dâng tấu xin từ chức. Các đại thần quốc vụ khác thấy Viên Thế Khải, con cáo già đã quay lại, nên cũng lần lượt xin về vườn...

Ngay hôm sau, Triều đình lập tức xóa bỏ tước vị Tổng lý đại thần nội các của Dịch Khuông, chức Hiệp lý đại thần của Dư Thế Xương và Na Đồng.

Thay vào đó, Dịch Khuông giữ chức Viện trưởng viện Bật Đức, Dư Thế Xương và Na Đồng cùng giữ chức Viện phó đại thần.

Viên Thế Khải sau khi đã làm yên lòng Long Dụ Thái hậu và Tải Phong, biết chắc chiếc ghế Tổng lý nội các đại thần sẽ về tay mình liền vội vàng lên tàu hỏa đi Hồ Bắc ngay. Biết tin Phùng Quốc Chương, Đoàn Kỳ Thụy đang ở Hữu Cầm, Viên Thế Khải quyết định đến đó trước, ba người cùng bàn đại kế với nhau.

Ngày 1 tháng 11, Triều đình quyết định đưa Viên Thế Khải lên chức Tổng lý Nội các đại thần, điện triệu về kinh gấp, lệnh cho Viên Thế Khải tiếp quản quân đội ở Hồ Bắc; quân thủy ở Trường Giang cũng thuộc quyền điều chế của họ Viên.

Viên Thế Khải nhận được chiếu chỉ liền có ý điện tấu từ chối rằng: “Tổng lý Nội các đại thần phải do Quốc hội công khai bầu ra, thần không dám phụng chiếu”. Tải Phong nhận được điện tấu, biết Viên Thế Khải đòi hợp pháp hóa chức vụ trên nên cấp tốc triệu tập bầu cử Viên Thế Khải giữ chức Tổng lý Nội các đại thần. Đến mùng 10, họ Viên được tin Quốc hội đã chính thức phê chuẩn

thông qua nên giao lại toàn bộ việc quân nơi tiền tuyến cho thân tín là Phùng Quốc Chương, Đoàn Kỳ Thụy, còn mình về Bắc Kinh. Ngày 13 tháng đó, Viên Thế Khải về tới Kinh thành.

Hôm sau khi tiếp kiến Viên Thế Khải, Long Dụ Thái hậu và Tái Phong đã nhắc đi nhắc lại rằng: “Sự an nguy của xã tắc hoàn toàn trông đợi vào khanh”.

Viên Thế Khải đáp:

- Thế Khải nhận lệnh lớn gánh vác trọng trách nặng nề ngày đêm lo lắng không biết làm thế nào để trên báo đáp được thánh ân, dưới lo sao cho dân khỏi khổ. Thế Khải Thế sẽ hết mình về sự an ổn của xã tắc.

Đến ngày 16, Viên Thế Khải tổ chức thành phần nội các như sau:

Đại thần bộ ngoại vụ là Lương Đôn Nhan (nhưng Nhan chưa làm lễ nhận chức đã bị Hồ Duy Đức thay chân), Phó đại thần là Hồ Duy Đức Dân, chính đại thần Triệu Bình quân, phó đại thần Ô Trân; Đô chỉ đại thần Nghiêm Phục, Phó đại thần Trần Cẩm Đào, Học vụ đại thần Đường Cảnh Sùng, Phó đại thần Dương Độ; Lục quân đại thần Vương Sỹ Trân, Phó đại thần Điền Văn Liệt, Hải quân đại thần Tát Trấn Bằng, Phó đại thần Đàm Học Hoàn; Tư pháp đại thần Thẩm Gia Bản; Phó đại thần Lương Khải Siêu; Nông công thương đại thần Trương Kiển, Phó đại thần Hy Nhan, Bưu truyền đại thần Dương Sỹ Kỳ, Phó đại thần Lương Như Hảo; Lý phiêu đại thần Đạt Thọ, Phó đại thần Vinh Huân.

Sau khi danh sách đại thần công bố ra, Trương Kiển và Lương Khải Siêu không tán thành nên không ra nhận chức.

Đầu tiên, Viên Thế Khải nắm chặt quyền lực quân sự trong mình: điều động Phùng Quốc Chương về kinh; giành lấy cấm vệ quân từ tay hoàng tộc, đổi tên thành Cung vệ quân do Phùng Quốc Chương và Đoàn Chi Quý nắm giữ.

Viên Thế Khải bắt đầu bước thứ nhất tiến công Triều đình bắt ép giám quốc Nhiếp chính vương Tái Phong từ chức; bước sau đó, nhằm vào mẹ góa con côi trong hoàng cung ép Long Dụ Thái hậu dùng công văn tuyên bố rõ ràng việc cho Tái Phong về nghỉ, không tham gia chính sự nữa. Làm như vậy, Viên Thế Khải đã cắt bỏ tay chân Thái hậu, khiến Long Dụ thân cô thế cô, muốn kêu cũng không ai đáp. Long Dụ Thái hậu biết vậy, nhưng vì thế lực của Viên Thế Khải quá lớn, nên không dám trái ý hấn. Nhất cử nhất động của Viên Thế Khải đều nhằm cả vào Tái Phong. Vì thế Tái Phong quyết định rời xa chính sự càng sớm càng tốt, về nhà trông con còn nhẹ nhõm hơn.

Theo hồi ký của phúc tấn Tái Phong là Qua Nhĩ Giai thị, Tái Phong hôm đó về nhà, vừa vào đến cửa đã nói:

- Lần này thì tốt rồi, ta có thể về trông nom con cái được rồi.

Ngày 9 tháng 11 năm 1911 (tức ngày 19 tháng 9 năm Tuyên Thống thứ ba) tỉnh Quảng Đông tuyên bố độc lập, thành lập chính phủ quân đội. Lê Nguyên Hoàng sau đó đã gọi điện cho các tỉnh, mời các đại biểu đến Vũ Xương thảo luận việc “tổ chức Chính phủ Trung ương”. Khi các đại biểu tập trung đầy đủ ở Vũ Xương thì Hán Dương đã thất thủ bởi đạn pháo quân Bắc Dương của Viên Thế Khải. Đại biểu các tỉnh không còn cách nào khác, đành phải chạy cả vào khu tô giới người Anh ở Hán khẩu và tổ chức cuộc họp liên hợp lần thứ nhất ở đó. Mọi người đồng ý bầu Đàm Nhân Phụng, một người đã từng tham gia hội đồng minh do Tôn Trung Sơn thành lập ở Nhật, sau về nước là nguyên thủ đảng cách mạng ở Hồ Nam, giữ chức Nghị trưởng.

Hôm đó, Viên Thế Khải thông qua lãnh sự Anh quốc đưa ra đề nghị hòa đàm, các đại biểu lập tức đồng ý. Quân của Viên Thế Khải và quân nổi dậy tạm thời đình chiến.

Ngày 2 tháng 12, hội nghị đại biểu thống nhất đưa ra hai quyết định: một là tạm thời tổ chức cơ cấu chính phủ, hai là nếu Viên Thế Khải đồng ý hợp tác, có thể công khai bầu cử ông ta làm Đại tổng thống lâm thời. Ngày mùng 7 chính phủ Mãn Thanh ủy nhiệm Viên Thế Khải là đại biểu toàn quyền quân dân phía Nam. Lúc đó, đại hội đại biểu các tỉnh đã thông qua nghị quyết, bầu Hoàng Hưng, lễ Nguyên Hồng làm chánh, phó nguyên soái và chính phủ lâm thời sẽ đặt ở Nam Kinh.

Tôn Trung Sơn lúc đó ở Paris được tin chính phủ Mãn Thanh cử Viên Thế Khải làm đại biểu, tỏ ra rất vui mừng. Ông lập tức điện báo về trong nước, nội dung như sau:

“Hôm nay được tin hội nghị đã tổ chức ở Thượng Hải, tôi vô cùng vui mừng và gửi lời hỏi thăm các vị. Tôi đã tự nhường chức cho ông Lê, lại nghe nói ông Lê muốn nhường lại cho Viên Thế Khải, như vậy cũng tốt. Tóm lại, mọi việc tùy các vị định liệu, chỉ mong nước nhà sớm được bình yên”.

Ngày 25 tháng 12 năm 1911, Tôn Trung Sơn về đến Thượng Hải. Ngày 29, đại biểu 17 tỉnh đồng loạt nhất trí bầu Tôn Trung Sơn là Đại tổng thống.

Ngày 1 tháng 1 năm 1912, (tức ngày 12 tháng 11 năm Tuyên Thống thứ ba), Tôn Trung Sơn tuyên Thế nhận chức ở Nam Kinh. Nội dung bản tuyên thệ như sau:

“Chính phủ chuyên chế Mãn châu, cùng cố Trung Hoa Dân Quốc, mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân - đây là ý nguyện lớn lao của dân quốc. Nguyên trung với nước, vì nhân dân phục vụ, chính phủ chuyên chế bị lật đổ nhưng trong nước không biến loạn, Dân Quốc thành lập, được thế giới, lân bang công nhận. Đồng thời tôi xin đảm nhiệm chức Đại tổng thống lâm thời”.

Từ hôm đó, Trung Quốc bắt đầu sử dụng dương lịch, từ bỏ cách dùng âm lịch, lấy năm 1912 là năm đầu tiên của Trung Hoa Dân Quốc. Viên Thế Khải lúc đó mới đau đớn cảm thấy mình đã bị đảng cách mạng lừa gạt, liền gọi Phùng Quốc Chương, Đoàn Kỳ Thụy và hơn 40 người khác đến chủ trương quân chủ lập hiến, phản đối chính thể cộng hòa, thề rằng sẽ chống lại đến cùng.

Tôn Trung Sơn biết ý Viên Thế Khải, lập tức đánh điện cho ông ta, nội dung như sau:

“Văn không đành lòng ngồi nhìn chiến tranh Nam, Bắc xảy ra, dân chúng lầm than, khổ cực; chính vì vậy, tôi không hề phản đối việc bầu cử, nghị hòa. Việc duy trì dân chủ hay quân chủ không còn thời gian tính toán nữa, còn sự khổ tâm của ông chắc chắn sẽ có người lo lắng. Nếu tâm lực của ông không dốc vào chiến tranh mà chăm lo cho dân quốc, cho sự hòa hợp dân tộc thì cả đất nước sẽ được an lạc, một việc ông làm sẽ mang lại muôn vàn điều tốt, tất cả rồi công luận sẽ quyết định. Tôi được đại biểu các tỉnh bầu cử, lời thề nhận chức vẫn còn đây, nơi nơi một lòng, ý trời đã định. Nếu lấy ý chí của riêng mình mà không nhìn thấy những cái khác thì sai lầm rồi đó”.

Nhưng Viên Thế Khải vẫn một mực giữ ý định nắm ngôi Hoàng đế, cho dù Tôn Trung Sơn có chân thành khuyên nhủ đến mức nào, ông ta cũng không hề thay đổi.

Viên Thế Khải hạ mật lệnh cho các đạo quân chuẩn bị tham chiến. Ông ta muốn tiêu diệt gọn quân cách mạng. Tôn Trung Sơn thấy Viên Thế Khải thực sự vẫn là tên hại nước hại dân, không có thành ý trong hòa đàm, nên quyết định xuất quân tiến lên phía Bắc. Tôn Trung Sơn tự lãnh trách nhiệm Tổng chỉ huy, tự mình vạch ra kế hoạch tiến về phía Bắc từ 6 phía: cánh quân thứ nhất từ Ngạc Tương thẳng tiến qua đường Bắc Hán, cánh quân thứ hai từ Ninh Viên tiến thẳng qua Hà Nam, cánh quân thứ ba xuất phát từ Hoài Dương, cánh quân thứ tư từ Yên Thái tiến đến Sơn Đông, cánh quân thứ năm ở ngoài Hợp Quan còn cánh quân thứ sáu từ Sơn Hiệp tiến thẳng vào Bắc Kinh.

Đoàn quân cách mạng cùng một lúc rầm rộ thế như chẻ tre kéo về Bắc Kinh.

Tướng Bắc phạt Bạch Văn Uy vừa ra trận đã có tin báo tiếp từ Túc Châu, Từ Châu báo về. Chiến thắng oai hùng liên tiếp báo về từ Hà Nam, An Huy, Hồ Bắc. Lúc này, không chỉ mình Viên

Thế Khải rợn tóc gáy mà cả triều đình nhà Thanh ai nấy đều như kiến bò trên chảo lửa.

Đợi đến lúc Viên Thế Khải xin cầu hòa, Tôn Trung Sơn mới ra lệnh dừng cuộc Bắc phạt, đồng thời đánh điện cho Viên Thế Khải, nội dung như sau:

“Nếu Hoàng đế nhà Thanh thoái vị, công bố cộng hòa thì Chính phủ lâm thời nhất quyết không nuốt lời, tôi sẽ chính thức tuyên bố từ chức, nhường công lao và năng lực của mình cho họ Viên”.

Viên Thế Khải đồng ý ngay lập tức. Từ phút đó, ông ta tiến hành ráo riết khẩn trương hơn việc ép buộc các cung.

Thấy Tôn Trung Sơn kiên quyết “nhường ngôi”, Viên Thế Khải vội vã vào cung, đưa cho Long Dự Thái hậu xem những điều kiện ưu đãi hoàng tộc nhà Thanh - một “viên mật ngọt” đã được chuẩn bị từ trước - nội dung bao gồm 8 điểm:

1. Sau khi Hoàng đế nhà Thanh thoái vị, danh hiệu vẫn được giữ nguyên; Chính phủ quốc dân sẽ đối xử bằng nghi lễ tiếp đón quân chủ ngoại quốc.

2. Sau khi Hoàng đế thoái vị, Chính phủ quốc dân vẫn chu cấp bốn triệu lạng bạc tiêu dùng hàng năm.

3. Hoàng đế sau khi thoái vị sẽ tạm thời ở trong cung cấm, thị vệ, nhân viên v.v... vẫn được tiếp tục giữ lại hầu hạ bảo vệ.

4. Các lăng tẩm vua trước sẽ do Chính phủ quốc dân cất đặt về binh canh giữ.

5. Lăng tẩm của Hoàng đế Quang Tự khi tu sửa xong sẽ tổ chức nghi lễ trọng thể theo lễ cũ, chính phủ quốc dân chịu trách nhiệm lo kinh phí.

6. Các nhân viên chấp sự trong cung vẫn được lưu lại sử dụng, nhưng không được tiếp tục triệu thêm hoạn quan.

7. Tài sản tư của hoàng thất do chính phủ quốc dân đặc biệt bảo vệ.

8. Cấm vệ quân sẽ biên chế vào lực lượng quốc dân, số lượng và lương bổng giữ nguyên như cũ.

Viên Thế Khải trong lòng chắc chắn với 8 điều kiện trên, Long dự Thái hậu sẽ chẳng có gì để phản đối nữa nên hồ hởi từ tư dinh ở ngõ Tư Lạp lên xe vào cung ngay. Khi cỗ xe vừa đến Đông An Môn thì có tiếng nổ lớn bên mé phải đại lộ. Một quả lựu đạn từ trên không rớt xuống, cỗ xe hai ngựa chở Viên Thế Khải vừa đi qua thì lựu đạn nổ tung. Đúng là chuyện may mắn nghìn năm có một: họ Viên không hề xây sát đến một sợi lông, trong khi hai tên vệ sĩ, tên tiểu đoàn trưởng đội hộ vệ Viên Trấn Bang và tên quan nội úy Đỗ Nhan Minh cùng chết ngay tại chỗ; tên quan tùy tổng Giáp Minh Thiên bị thương nặng. Con ngựa kéo xe bên phải cũng bị thương nhẹ.

Tên xà ích Lưu Nhị vô cùng lanh lẹ cho xe quay lại, ra roi phóng trở về ngõ Tư Lạp.

Viên Thế Khải sau khi xuống ngựa, ba chân bốn cẳng chạy vào trong nhà, lớn tiếng cười ha ha. Lũ thê thiếp đang thưởng hoa trò chuyện ngoài vườn, nghe thấy tiếng cười của đại nhân hôm nay có vẻ bất thường, tất thấy im bật. Viên Thế Khải nói:

- Hôm nay có kẻ đùa ta!

Rồi làm ra vẻ bình tĩnh đi đến trước bàn làm việc trong phòng, lệnh cho quan thị vệ quan tâm,



lo liệu cho những người bị chết và bị thương, thăng cho Lưu Nhị làm Tư tiền hiệu úy, lệnh cho thân tín đưa “điều kiện ưu đãi” vào cung trình lên Thái hậu, lại viết thêm một bức thư phân tích thiệt hơn của việc Tuyên Thống thoái vị. Nội dung thư như sau:

“Nếu quân cách mạng tiến vào thành Bắc Kinh, Thái hậu và Hoàng thượng chắc chắn sẽ chẳng còn lấy nửa thước đất mà lo hậu sự sau này. Tôn Văn đã trở thành Tổng thống, mà Tổng thống cũng chính là Hoàng thượng. Nay Tôn Văn đã ưng thuận nếu Hoàng đế thoái vị sẽ nhường lại chức Tổng thống cho thần. Như vậy, thần sẽ có điều kiện bảo vệ Tuyên Thống đế, thật là chỉ một việc nhưng mang lại trăm ngàn lợi ích. Lúc đó, thần có thể lập ra hiến pháp, họp quốc hội, dựa vào quốc hội để lập pháp, lấy pháp quản tư pháp, dựa vào chính phủ hành pháp, mọi người sẽ cùng chung sống với nhau. Việc Minh Trị duy tân ở Nhật Bản thật là một tấm gương sáng. Thần danh nghĩa là Tổng thống nhưng thực chất vẫn là Nội các đại thần, Tuyên Thống đế có thể phục vị. Như vậy, chỉ ba năm sau, vương triều đại Thanh sẽ có thể cường thịnh, Nhật Bản sẽ không thể mãi mãi đi trước chúng ta được. Thần trước sau trung thành với triều đình, nhất định không đứng về phe cộng hòa. Mong Thái hậu chấp nhận “điều khoản ưu đãi”, lúc đó Tôn Trung Sơn sẽ giao lại chức Tổng thống Nam Kinh cho thần. Như vậy sẽ đẹp tất các đường”.

Trận công tâm chiến của Viên Thế Khải quả nhiên đem lại thành công. Long Dụ Thái hậu xem xong các điều kiện ưu đãi, liền chuẩn bị chiếu thoái vị cho Tuyên Thống sau khi Viên Thế Khải thực sự nhận chức Đại Tổng thống lâm thời thay Tôn Trung Sơn.

Họ Viên liền điện liên lạc với Nam Kinh: Tán thành cộng hòa, Hoàng đế nhà Thanh sẽ lập tức thoái vị. Tôn Trung Sơn nhận được điện báo liền thực hiện lời hứa của mình: tuyên bố thoái vị, tiến cử Viên Thế Khải giữ chức Đại Tổng thống lâm thời của Trung Hoa Dân Quốc.

Long Dụ Thái hậu lập tức triệu Viên Thế Khải vào cung. Viên Thế Khải nơm nớp lo sợ lại bị ám sát lần nữa trên đường đi nên xin Triều đình cho nghỉ dưỡng bệnh tại tư thất, tấu thỉnh ngoại vụ đại thần Hồ Duy Đức sẽ thay mình vào triều.

Ngoại vụ đại thần Hồ Duy Đức vốn là viên quan ngoại giao trong Bộ tư lệnh Bắc Dương, đã từng làm công sứ ở nước ngoài, được Viên Thế Khải hết sức ưu ái.

Hôm đó, Hồ Duy Đức lấy danh nghĩa Đại thần triều đình, dẫn đầu các đại thần quốc vụ vào cung, chuẩn bị lễ thoái vị. Dân chính đại thần Triệu Bình Quân, Đô chỉ đại thần Nghiêm Phục; Lục quân đại thần Vương Sĩ Trân; Hải quân đại thần Đàm Học Hoàn, Hạ bộ đại thần Lương Sĩ Đài, Công nông thương đại thần Hy Nhan, Lý Phiên đại thần Đạt Thọ v.v... đều mũ cao áo dài, triều phục mũ măng chỉnh tề.

Lễ trao chiếu thư bắt đầu. Hồ Duy Đức dẫn đầu cả đoàn tiến thẳng vào trong điện. Đến trước cửa, các đại thần lần lượt chia làm hai hàng, đứng ở hai bên Hồ Duy Đức. Thái hậu dẫn tiểu Hoàng đế Phổ Nghi từ trong bước ra.

Hồ Duy Đức hô to:

- Toàn thể đứng nghiêm! Bắt đầu hành lễ trước thái hậu và tiểu Hoàng đế! Lễ thứ nhất! Lễ thứ hai! Lễ thứ ba! Hết lễ!

Long Dụ Thái hậu cảm thấy kinh ngạc. Đây là lần đầu tiên trong hơn 200 năm Triều Thanh đến đóng đô tại Bắc Kinh, đại thần vào cung tâu kiến Hoàng đế chỉ hành ba lễ. Thái hậu sau khi gật đầu liền ngồi lên Bảo tọa. Phổ Nghi cũng được thái giám bế lên ngồi trên chiếc ghế kế bên.

Hồ Duy Đức bước lên một bước, nói:

- Tổng lý Viên Thế Khải sau khi bị ám sát, thân thể bất an, không tự đến kiến gia được nên lệnh

cho thần đến thỉnh an Thái hậu và Hoàng thượng.

Long Dụ Thái hậu cầm chiếu thư trên tay, nói:

- Viên Thế Khải được hưởng hoàng ân, cũng đã hết sức vì Tổ quốc, vì hoàng thất. Nay Nam Bắc nghị hòa, ai nấy vui mừng, lại làm được tám điều ưu tiên hoàng thất để mọi người được yên ổn. Ta và Hoàng thượng sẽ vì đất nước được nhanh thống nhất, bách dân trăm họ nhanh được an cư sinh sống thái bình, bằng... bằng lòng chấp thuận... chấp thuận tám điều kiện đã đưa ra. Hôm nay (khóc)... ban bố chiếu thư, tiến... tiến hành thoái vị...

Thái hậu nước mắt rơi lã chã, nói xong liền giao chiếu thư cho Hồ Duy Đức. Hồ Duy Đức toàn thân run bắn nhận lấy chiếu thư.

Long Dụ Thái hậu nói:

- Hãy giao lại cho Viên Thế Khải.

Nói xong, liền quay gót đi vào. Phổ Nghi cũng được thái giám bế ra khỏi ghế rồng.

Nội dung toàn bộ chiếu thư như sau:

“Ngày 25 tháng 12 năm Tuyên Thống thứ ba; khâm phụng ý chỉ của Hoàng Thái hậu. Người xưa nói thiên hạ là của cả thiên hạ. Triều Thanh ta vào Trung Nguyên là do triều đình rước mời, lúc đó Trung Nguyên vô chủ, bốn bề trống không, Thế Tổ triều ta thể theo đạo trời yêu dân, kế thừa vận mệnh, không thể không chủ trì thay để cứu lấy muôn dân lẽ thứ. Thế tổ ta thay đổi tận gốc nền chính của triều trước, ân trạch sâu sắc vững bền vượt cả các triều Hán, Đường. Hai trăm năm nay gia pháp được giữ gìn, chưa hề xuất hiện một bạo quân hung ác, ngang ngược. Điều này trăm họ ai ai cũng biết. Từ thời Đồng Trị trở lại đây, các vua đều mệnh đoản, không thể không nhờ cậy vào hoàng thất vương công. Các đại thần hiền sĩ đã vô tư, mất nhiều công sức chăm lo công việc quốc gia đại sự, giúp đỡ hoàng thất giải quyết chính sự. Như thời gian lâu rồi tất xuất hiện nhiều điều tệ hại. Đã có một số người bội phản hoàng thất, chỉ nghĩ đến lợi ích riêng mình. Đức Tông Hoàng đế ta sống trong hoàng cung kín cổng cao tường, canh gác nghiêm ngặt, không dễ gì biết chuyện bên ngoài. Thực ra, đây cũng là lỗi Triều đình. Đức Tông Hoàng đế ta muốn chấn hưng đất nước, kháng khái tiến hành Biến pháp Duy tân, đưa đất nước Trung Hoa vào cục diện mới suốt hai nghìn năm lại đây chưa từng có, hạ chỉ lập hiến, chỉ muốn bảo toàn đất nước, yên ổn nhân dân, không hề ích kỷ vị lợi. Hoàng đế kế thừa đại thống dốc tâm dốc sức làm việc, nhưng không ít vương công đại thần làm việc gian dối, ngoài lấy danh nghĩa lập hiến, trong thì lén lút tiến hành chuyên trị. Điều này hoàng thất thực không thể lường trước. Triều đình dùng người không đúng, còn biện bạch gì được nữa. Binh biến Vũ Xương chính là do lũ ô quan đó bức bách nhân dân, khiến họ không chịu nổi mà nổi dậy. Không đầy một tháng các tỉnh cùng đua nhau hưởng ứng, càng thấy nền chính trị hư bại, lòng người chứa chất căm hờn đã lên đến cực điểm. Đến nay sửa đổi tổ chức, hoàn toàn chính đáng, đúng là cơ hội để phục hưng nước Trung Quốc đã suy vi đến cực độ vậy. Ta và Hoàng đế kế thừa các bậc liệt thánh yêu dân như con, thực không dám lấy cái cách chính trị mà phương hại đến mệnh dân. Kìa như một trận Hán Khẩu quan quân, dân quân, thân phôi chiến địa, thật vô cùng thương xót. Lại nghe tính mệnh tài sản của lương dân bất hạnh gặp phải tai nạn thảm thê không sao tính nổi. Từ thâm cung biết được, lòng đau như cắt. Tự nghĩ ta là phụ nữ, Hoàng đế nay còn nhỏ tuổi, lại ở trên đầu thần dân, không sao xoay xở nổi muôn phương, đã hết sức đau lòng sao còn nhẫn tâm để sinh linh cay đắng...

Vô luận là quân chủ lập hiến, dân chủ lập hiến, ta và hoàng cung mong cho được thành công. Đó chính là tám lòng vì thiên hạ. Triều đình xuất phát từ thành tâm, đó là vì lòng tin của muôn dân bốn biển, cũng chính là để cáo với Liệt tổ trên trời cao, các tông chi hoàng tộc và các vương công đại thần cùng lượng thứ cho vậy.

Tuyên bố để toàn dân trên dưới cùng biết.

Ngay sau khi Tuyên Thống thoái vị, Tôn Trung Sơn lập tức xin từ chức tại nghị viện lâm thời chính phủ Nam Kinh, đưa ra văn bản đề cử Viên Thế Khải làm Tổng thống chính phủ lâm thời, nội dung như sau:

Lần này Hoàng đế nhà Thanh thoái vị, đất nước thống nhất. Viên Thế Khải đã nói ra chính kiến, đồng tình việc thống nhất, thực có công lớn trong chuyện này. Được làm công bộc của nhân dân tất sẽ phải tận trung với nước. Hơn nữa Viên quân là người giàu kinh nghiệm. Dân quốc thống nhất rồi cần phải dựa vào nhân tài dựng nước. Chính vì vậy, tôi bạo gan lấy danh nghĩa cá nhân tiến cử Viên Thế Khải. Mong sao đây là kẻ hay cho tiền đồ Dân quốc".

Viên Thế Khải biết Tôn Trung Sơn đã kiên quyết từ chức trong lòng mừng rỡ vô cùng. Ông ta cũng đem Tôn Trung Sơn so sánh với Nghiêu, Thuấn, trong lòng thầm nghĩ: "Tôn Trung Sơn nhân nghĩa như vậy thì không còn lo gì về thế lực quân cách mạng miền Nam rồi, bây giờ tha hồ rảnh rang mà đối phó với lũ mẹ góa con côi. Bảo tọa Hoàng đế đã chắc trong tay, sau này chỉ cần đổi tên Đại Tổng thống thành Hoàng đế là được rồi".

# Hồi thứ ba mươi hai: THÊ THIẾP THÀNH ĐÀN TRANH LÀM HOÀNG HẬU “THIÊN TỬ” ĐOÀN MỆNH DỨT MỘNG KIM LOAN

Viên Thế Khải thực sự trở thành Đại Tổng thống một cách ngon lành danh chính ngôn thuận, thỏa lòng mơ ước bấy lâu. Việc Tôn Trung Sơn từ chức lần lượt gặp phải sự phản đối của các đảng phái cách mạng khắp nơi. Điện liên tiếp đánh về Nam Kinh tỏ ý bất đồng, yêu cầu Bắc phạt. Tôn Trung Sơn và Hoàng Hưng không còn cách nào khác, đành phải lần lượt giải thích cho họ biết. Tôn Trung Sơn cũng đã điện cho Đàm Nhân Phương, giải thích việc nhường ngôi cho Viên Thế Khải. Nội dung cuộc điện đàm đã đăng trên báo “Dân lập” như sau:

“Việc xây dựng đất nước hãy dành cho người có nhiều kinh nghiệm chính trị. Viên Thế Khải đã dùng biện pháp hòa bình thực hiện mục đích của mình, qua đó có thể nhìn thấy thành ý và bản lĩnh của ông ta. Hơn nữa, Tổng thống chẳng qua là người phục vụ nhân dân, thực thủ hiến pháp. Tôn Văn tôi đã tận trung với quốc dân, chắc rằng Viên Thế Khải cũng không thể không làm như vậy. Trong Đảng chúng ta, không ai cần phải tham quyền cố vị, mỗi người có thiên chức của mình, cũng đừng nghĩ đến chuyện tiến thoái trong Đảng là chỉ đơn giản vì danh lợi, địa vị của mình”.

Cuối cùng, Quốc hội chính thức đầu tiên của Trung Hoa Dân quốc cũng được thành lập. Viên Thế Khải đã cử Lương Sĩ Đàm là đại biểu đến tham dự, đọc một bài diễn văn, kết thúc bằng những câu như sau:

“Các vị đều là những bậc tuấn kiệt thức thời, tất sẽ cùng ra tay góp sức hiến mưu dâng kế vì đất nước. Từ đây, Trung Hoa Dân Quốc sẽ được củng cố, cuộc sống hạnh phúc, ấm no của nhân dân năm tộc đã ngày một đến gần. Đồng tâm hợp lực xây dựng một nước Trung Quốc lớn mạnh, để ngọn quốc kỳ năm sắc phấp phới tung bay khắp thần châu đại lục. Đó là ý nguyện chung của tôi và các vị. Xin được tung hô: Trung Hoa Dân Quốc vạn tuế! Quốc hội quốc dân Vạn tuế!”.

Sau khi đại hội kết thúc, Viên Thế Khải vội vã lệnh cho Triệu Bình Quân ký hợp đồng vay một khoản tiền lớn của nước ngoài. Ông ta bắt đầu trừ bị kinh phí chiến tranh, vốn tiền vay lên tới 25 triệu bảng Anh, lãi suất 5%, lại trừ chiết khấu, cuối cùng còn 21 triệu bảng. Toàn bộ gốc và lãi tổng số lên tới 65 triệu 850 nghìn bảng. Tiền thuế muối, thuế quan của cả nước và tiền thuế của bốn tỉnh Trực Lệ, Sơn Đông, Hà Nam, Giang Tô lấy ra để thế chấp cho khoản vay.

Tin này lan ra, cả nước đâu đâu cũng ầm ầm vang lên tiếng phản đối, đòi thanh toán Viên Thế Khải.

Tôn Trung Sơn cũng chỉ trích Viên Thế Khải “vay tiền phạm pháp làm kinh phí chiến tranh, thúc đẩy chiến tranh”.

Viên Thế Khải trên danh nghĩa là Đại Tổng thống nhưng thực tế thì lại là một ông Đại Hoàng đế, liền bắt tay từng bước, từng bước biên chế cơ cấu thành một Triều đình.

Di nương của Quang Tự đế là Long Dụ Thái hậu ngày đêm trần trọc lòng không sao yên được. ba hận Viên Thế Khải trước hại chết chồng mình sau bức Tuyên Thống thoái vị, lâu dần tích tụ thành bệnh. Hai năm sau khi công bố chiếu thoái vị của Tuyên Thống, Long Dụ Thái hậu cũng từ giã thế gian.

Viên Thế Khải nghe tin Long Dụ Thái hậu qua đời, liền vào cung chia buồn. Thực ra, trong lòng ông ta còn muốn ba bà phi tử của Đồng Trị và một ba phi tử của Quang Tự cũng mau mau trở

về nơi thiên cổ, danh nghĩa là đến thăm viếng, thực chất là dòm ngó thâm cung của các phi tử. Sau một hồi hỏi han thăm viếng, Viên Thế Khải mời bốn vị phi về sống ở Trung Nam Hải, nhưng các ba phi đều nhìn thấy lòng dạ đen tối của Viên, nên từ chối. Viên Thế Khải lại nảy thêm một kế nữa, đề xuất với phủ nội vụ của hoàng thất, tấn phong và gia phong tôn hiệu cho bốn ba phi, mục đích là thu dọn hết tàn tích của hoàng thất, cũng để lấy lòng các bà. Trở về đến phủ Tổng thống, Viên liền lập tức viết một bản tấu phong bốn phi rồi giao lại cho đại thần phủ nội vụ nhà Thanh như ra lệnh. Các đại thần thấy vậy không ai dám phản đối, lập tức soạn công văn, định ngày làm lễ tấn phong. Căn cứ vào danh sách Đại Tổng thống Viên Thế Khải đã định trước, Dụ Phi của Đồng Trị được tấn phong Hoàng Quý phi, tôn hiệu Kính Hi; Cần phi tấn phong Hoàng Quý phi, hiệu là Trang Hòa; Tấn phi tấn phong Hoàng Quý phi, hiệu là Vinh Huệ; Cần phi của Quang Tự cũng tấn phong Hoàng Quý phi, hiệu là Đoan Khang.

Viên Thế Khải cử người tham dự lễ tấn phong, biết buổi lễ đã thành công, trong lòng hồ hởi vô cùng, hí hửng nghĩ thầm rằng bốn vị phi tử xinh đẹp chắc chắn rồi sẽ lọt vào vòng ma quái của hắn. Lần này, nếu mời bốn vị ấy vào phủ Tổng thống Trung Nam Hải sinh sống, chắc sẽ vui lòng nhận lời thôi.

Nhưng không ngờ bốn ba phi tử vô cùng nghiêm túc và đoan chính, đã nghiêm khắc từ chối lời mời xuất cung vào Trung Nam Hải của hắn. Khi Vu thị, vợ cả Viên Thế Khải biết được chuyện này, đã dùng đòn nổi cơn tam bành mắng Viên:

- Ông đã lần lượt rước về chín ba vợ bé còn chưa đủ chơi hả? Đúng là cóc nhái còn đòi ăn thịt thiên nga!

Viên Thế Khải rất sợ vợ cả Vu thị, bà là người đã cùng kết tóc với Viên từ khi còn ở Hàng Thành Hà Nam. Viên Thế Khải sau đó lần lượt cưới thêm chín người nữa, có người là con gái nhà lành, nhưng cũng có người là kỹ nữ hoàn lương, Vu thị đều dung thứ cả. Lần này, khi đã trở thành Đại Tổng thống, quân vương một nước mà còn muốn lôi kéo thêm phi tử của Đồng Trị và Quang Tự thì bà quả thật không sao chịu được nữa.

Thế Khải bị Vu thị mắng cho một trận, càng căm tức bốn vị phi tử vừa được tấn phong kia không biết nghe lời, vong ân bội nghĩa, trong lòng còn nghĩ: Giá Trân Phi còn sống, tính cách phong lưu, tư tưởng tiến bộ vậy, chắc không cần gia phong gì, cũng có thể thành đôi rồi, tiếc là nàng đã bị Từ Hy giết chết.

Khoản năm trong “điều kiện ưu tiên hoàng thất” đã ghi rõ:

Khu lăng tẩm của Quang Tự tu sửa xong sẽ tiến hành đại lễ theo nghi thức cũ. Chính phủ quốc dân sẽ lo toàn bộ kinh phí”. Sau khi Long Dụ Thái hậu mất, Viên Thế Khải có nghĩa vụ phải qua lại xem xét quá trình tu sửa. Năm 1913, khu lăng mộ hoàn toàn tu sửa xong. Ngày 16 tháng 11 năm đó, linh cữu Quang Tự và Hoàng hậu của ông ta là Long Dụ được đưa vào trong khu lăng mộ. Linh cữu của Trân Phi cũng được đưa từ cánh đồng phía ngoài Tây Trục Môn - Bắc Kinh vào trong khu lăng mộ phi tử. Để truy niệm Trân Phi, Viên Thế Khải đã đề xuất với phủ nội vụ của triều Thanh, phong tôn hiệu cho Trân Phi là Khái Thuận Hoàng Quý phi. Phủ nội vụ lập tức nghe lời.

Ngày mùng 2 tháng 3 âm lịch năm Dân quốc thứ hai (1913) Viên Thế Khải đích thân ra tận ga xe lửa Chính Dương Môn tiễn đưa linh cữu.

Linh cữu của Trân Phi được đưa từ ngoài Tây Trục Môn, qua Bình Tác Môn, Tây Tứ Bài, Tây Trường An đến thẳng ga xe lửa Trục Dương Môn, cùng với linh cữu của Quang Tự, Long Dụ, được đưa thẳng đến khu lăng mộ mới an táng. Viên Thế Khải đứng ở tiền môn ga xe lửa nhìn ba linh cữu lần lượt được đưa lên bát giá rơi nước mắt. Ông ta hình như cảm thấy xót xa cho Quang Tự đế, mà hình như đang sợ Quang Tự tố cáo tội ác của mình ở âm tào địa phủ.

Ngày 19 tháng 9 năm Dân quốc thứ tư (1915), Bắc Kinh thành lập “Hội liên hiệp tình nguyện toàn quốc” do Thâm Nguyên Bái làm hội trưởng, Na Nhan Đồ, Trương Trấn Phương làm hội phó. Hội đã phát động các nhân sĩ có tài tuyển cử “Hoàng đế Đế quốc Trung Hoa”. Trước khi bỏ phiếu chính thức, các tỉnh khu trong toàn quốc đã tham gia “bầu cử đại biểu quốc dân toàn quốc”, gửi danh sách những người trúng cử lên Bắc Kinh. Bắc Kinh sau đó cũng đề ra một số ghế trống để chờ các tỉnh còn bỏ sung thêm.

Viên Thế Khải vẫn một lòng muốn làm Hoàng đế. Nhật Bản sau đó muốn ủng hộ Khải nên đã đề xuất với Khải “hai một điều” đủ để xóa bỏ các điều ước của Trung Quốc, nhưng Khải sợ dân cả nước phản đối nên không dám chấp nhận.

Tuy đã định trước là Tết Nguyên Đán năm sau (1915) sẽ làm lễ đăng cơ, nhưng Viên Thế Khải vẫn mời thầy số Vương Đoan Phủ đến tính bát quái lục sát. Thầy bói nói:

- Tổng thống hiện nay ngũ hành tương khắc, lục sát hữu biến. Ngay sáng sớm hôm sau, Dư Thế Xương đến báo với Thế Khải:

- Nhật Bản lấy cớ thay đổi phòng vệ đã đưa thêm quân đội vào Trung Quốc, lại đưa ba hạm đội vào Bắc Hải thị uy, yêu cầu Trung Quốc đưa ra thông điệp trả lời trong vòng 48 tiếng nữa.

Viên Thế Khải phát hoảng, nghĩ thầm thầy bói Vương Đoan Phủ nói thật đúng, lập tức triệu tập họp “Ngự tiền hội nghị”. Trong cuộc họp, mọi người đều nhất trí rằng: nội dung điều ước tuy tổn hại đến lợi ích của Trung Quốc nhưng cũng không phải điều kiện làm mất nước.

Các nội dung chủ yếu để Nhật Bản ủng hộ việc “xưng đế” là: Công nhận Nhật Bản được tiếp tục thừa hưởng tất cả quyền lợi của Đức trước đây, và thêm các điều khoản sau: Thừa nhận đặc quyền của Nhật Bản ở phía Đông Nội Mông - phần lãnh thổ phía Nam của vùng Đông Bắc Trung Quốc; Gia hạn các khu tô giới của người Nhật ở Đại Liên Lữ Thuận và kỳ hạn liên quan đến các đường xe lửa; tiến hành liên doanh thành lập công ty Hán Tri Bình; các cửa biển và các đảo trong vùng duyên hải Trung Quốc không được cắt nhượng cho nước khác; chính phủ Trung Quốc bắt buộc phải mời cố vấn Nhật Bản trong các lĩnh vực quân sự, tài chính, các xưởng công binh, cảnh chính của Trung Quốc đều phải liên doanh với Nhật Bản v.v...

Viên Thế Khải vội vàng cử tâm phúc là Tổng trưởng ngoại giao Lục Vi Tường, Thứ trưởng Tào Nhữ Lâm bí mật đến đàm phán với Công sứ Nhật Bản. Cuộc đàm phán không đem lại kết quả, hai ông Lục, Tào ừ rũ quay về. Nhật Bản nhắc lại yêu cầu thông điệp cuối cùng, hạn trả lời trong vòng 48 tiếng. Phía Nhật còn nói: “Đối với 21 điều khoản đã đề ra, chỉ có hai từ: đồng ý hay không. Nếu không sẽ phải dùng đến vũ lực, không có cách chọn lựa nào khác”.

Viên Thế Khải mong muốn được mặc long bào càng sớm càng tốt, nên vội vàng triệu tập văn võ bá quan bên mình, mở cuộc họp thảo luận cấp tốc. Mọi người tham gia cuộc họp, từ Viên Thế Khải trở xuống đều tỏ ý đồng ý ký kết thỏa ước nhục nhã ấy. Cuối cùng, cuộc họp đưa ra quyết định đồng ý tất cả các điều khoản khác trừ việc phải mời cố vấn Nhật Bản và liên doanh các xưởng công binh, cảnh chính.

Sau khi Viên Thế Khải ký kết thỏa ước 21 điều, khắp Trung Quốc dấy lên làn sóng phản đối, bài trừ hàng Nhật. Nhân dân cả nước đều hiểu rõ Viên Thế Khải lừa gạt Tôn Trung Sơn, sau khi đoạt được chức Tổng thống liền lộ rõ bộ mặt gian thần, chạy vào luồn nép dưới chân đế quốc Nhật Bản. Còn phía Nhật chẳng lẽ lại thật lòng muốn giúp hấn làm Hoàng đế, chỉ đơn giản dùng lại với 21 điều khoản thôi sao? Làm gì có chuyện cáo lạy gà như vậy!

Thủ tướng Nhật Bản khi sắp rời khỏi vũ đài còn nói trắng ra rằng:

“Nội các mời đòi phía Trung Quốc chấp nhận 21 điều đã khiến cho toàn dân Trung Quốc căm

hòn, còn Nhật Bản thì khó có được lợi ích thực tế. Khi tôi còn đương chức, đã cho Trung Quốc vay số tiền lớn gấp ba lần trước. Điều đó làm tăng thêm rất nhiều quyền lực của Nhật Bản ở Trung Quốc. Nếu chúng ta được lợi ích gấp mười lần của 21 điều trên cũng vẫn chưa đủ”.

Từ câu nói trên có thể thấy rằng: câu cá cũng không hay bằng thả lưới đánh cá. Lòng họ như rắn muốn nuốt voi, Nhật Bản nuốt chửng toàn bộ Trung Quốc càng nhanh càng tốt.

Phía Nhật thấy Viên Thế Khải cứ nán nã ngập ngừng “21 điều” hết như gái làng chơi lần đầu tiếp khách, liền cho ba hạm đội ở Bắc Hải diễn tập thị uy, bức Thế Khải phải trả lời trong vòng 48 tiếng.

Thực ra Viên Thế Khải chính do tay Lý Hồng Chương nặn lên, chúng đều giống nhau ở chỗ cam tâm tình nguyện quỳ gối ôm chân nước ngoài mà sống.

Trong trận chiến năm Giáp Ngọ - năm Quang Tự thứ 20, sau khi hải quân đại bại trước quân Nhật, Quang Tự đã bỏ qua sự cản trở của Từ Hy, cố gắng phục thù nên mới dẫn đến biến pháp Mậu Tuất năm Quang Tự thứ 24, hạ chiếu thư “Minh định quốc thi”, chiếu thị cho dân chúng. Cũng trong năm đó, Quang Tự quyết định chấn hưng thủy quân học đường, phái Tát Trán Bạng và nhiều người khác sang Anh học kỹ thuật thuyền hải quân, đồng thời đặt mua của Anh và Đức rất nhiều thuyền trọng tải 3000 tấn trở lên, bắt đầu thời kỳ cùng cố, phát triển của hải quân Trung Quốc. Từ thời Đạo Quang đến Hàm Phong, các nước mạnh liên tiếp uy hiếp, xâm lược xâu xé Trung Quốc. Năm Đồng Trị thứ tư, Tổng đốc vùng Lưỡng Giang là Tăng Quốc Phiên đã tâu xin thành lập xưởng chế tạo pháo thuyền ở Hồng Khẩu, Thượng Hải, rồi đến Tổng đốc Hà Nam, Triết Giang Tả Tổng Đường cũng xin thành lập xưởng đóng thuyền ở Phúc Châu. Người dân Trung Quốc lúc đó cũng đều cảnh giác trước, tiếc cho triều Thanh sắp tàn, vì một lũ quan lại tham ô hủ bại, lòng quân không hừng, nhân dân nhìn người Tây như nhìn mãnh hổ. Khi Viên Thế Khải bức Tuyên Thông thoái vị, Long Dụ Thái hậu trong chiếu thư đọc thay Tuyên Thông có đoạn viết:

Đức Tông ta muốn chấn hưng đất nước, kháng khái tiến hành biến pháp duy tân, đưa đất nước Trung Hoa vào cục diện mới suốt hai nghìn năm lại đây chưa từng có, hạ chỉ lập hiến, chỉ muốn bảo toàn đất nước, yên ổn nhân dân, không hề ích kỷ vị lợi. Hoàng đế kế thừa đại thống dốc tâm dốc sức làm việc, nhưng không ít vương công đại thần làm việc gian dối, bề ngoài lấy danh nghĩa lập hiến, bên trong thì lén lút tiến hành chuyên trị. Điều này hoàng thất thực không thể lường trước. Triều đình dùng người không đúng, còn biện bạch gì được nữa?...

Thực ra trong chiếu thư, Long Dụ Thái hậu ngầm chỉ Viên Thế Khải dựa vào danh nghĩa lập pháp âm mưu tiến hành chuyên trị”.

Viên Thế Khải lòng dạ hiểm độc, lật lọng như trở bàn tay thật khó lường: trước giúp Từ Hy tiêu diệt đảng Duy tân của Quang Tự, mượn tay của Từ Hy giết chết sáu vị quân tử anh hùng, sau đó khi Từ Hy không còn nữa thì bức Tiểu Hoàng đế thoái vị, tự mình muốn trở thành ông vua.

Con trai lớn của Viên Thế Khải là Viên Khắc Định lại thường xuyên tác động đến cha, làm Thế Khải càng thêm lúng túng.

Một hôm, Khắc Định đã cắt đầu đề một bài báo của thời báo “Thuận thiên” thay vào đó một đầu giả với dòng chữ “Khắp trong ngoài nước, ai ai cũng ủng hộ Viên Đại Tổng thống tiến hành đế chế”, đưa cho Thế Khải xem. Thế Khải nói:

- Các báo cả nước đều phản đối đế chế, chỉ mỗi thời báo “Thuận thiên” của Nhật là công bằng. Trung Quốc mấy nghìn năm nay là một quốc gia có vua, dân chúng nghe đến hai từ “cách mạng” là sợ hãi, nên phải ủng hộ đế chế mới đúng.

Đến khi tâm phúc Dư Thế Xương và những người khác báo cáo cho Viên Thế Khải tình hình thực tế Khải đối chiếu cả hai bài báo thật, giả bấy giờ cái đuôi của Viên Khắc Định mới lộ ra. Viên

Thế Khải tức tối đùng đùng, lệnh cho tùy tùng chuẩn bị roi, sai thị vệ đi gọi Khắc Định. Khi được thị vệ thông báo “Đại nhân gọi ngài”, Khắc Định vui mừng khôn tả, nghĩ rằng cha gọi mình để bàn việc xác lập hoàng thái tử, sau khi cha chết mình sẽ được kế thừa hoàng vị như Nghiêu, Thuần, Hạ, Thường, Văn, Vũ, Chu Công, rồi đến các vị Hoàng đế Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh cứ tiếp nhau lên ngôi, nghĩ rằng Viên Khắc Định mình sao lại không cùng họ ngang hàng với nhau được chứ!

Viên Khắc Định đi như chạy đến trước cửa phòng cha. Vừa vào trong phòng, Viên Thế Khải không nói một lời liền giơ tay đánh từ đầu đến chân không chừa một chỗ nào, đánh đến mức gãy cả chân Viên Khắc Định, biến hắn trở thành một tên tàn phế.

Bên ngoài chẳng bao giờ ai biết được tất cả mọi việc trong nhà Viên Thế Khải, thậm chí cả chuyện của Viên Khắc Định cũng không ai được rõ. Rất nhiều ba vợ của Viên Thế Khải cũng chỉ biết Khắc Định bị đại nhân đánh bị thương chứ không hay ngọn ngành ra sao cả.

Đêm Trung thu, Viên Thế Khải hoan hỷ nói với vợ là Vu thị:

- Tối nay chúng ta sẽ vui vẻ qua tết đoàn viên, ăn bánh Trung thu.

Vu thị đáp:

- Đại nhân chẳng mấy nữa sẽ trở thành Hoàng đế, thiếp thấy nên gọi cả các em tới, tất cả chúng ta cùng hưởng một cái tết đoàn viên sẽ hay hơn.

Vu thị tính tình thiện lương, từ trước đến giờ chưa bao giờ ghen với chín ba vợ lẽ, lại coi tất cả như chị em ruột thịt cả. Nha đầu lập tức đi mời cả chín ba vợ lẽ của Viên Thế Khải cả bọn vợ lẽ vội vàng bước vào Hoài Nhân đường đồng thanh nói:

- Đại nhân hôm nay sao phát thiện tâm như vậy. Đúng là mặt trời sắp mọc từ phương Tây rồi.

Vu thị nói:

- Hôm nay đại nhân rất vui vẻ, mời tất cả các em đến đây, cả nhà cùng qua tết đoàn viên, ăn bánh đoàn viên.

Mọi người đều ngồi quây cả lại. Nha đầu bày bánh nguyên tiêu lên bàn, mời:

- Mời lão gia, lão thái thái dùng bánh nguyên tiêu.

Viên Thế Khải nghe vậy liền chửi:

- Cha nhà nó chứ, sao cứ gọi là nguyên tiêu, không biết từ triều đại nào truyền lại đến tận bây giờ!

Thẩm thị, vợ thứ hai hiểu ý Viên Thế Khải liền nói:

- Nguyên tiêu hay Viên tiêu cũng vậy, thật chẳng hay tí nào. Ngoài kia có người bán bánh còn gọi là “thượng viên” đấy.

Vợ thứ ba của Viên Thế Khải là Lý thị vốn là công chúa thứ hai của Hàn Vương nước Cao Li đã học tiếng Hán từ nhỏ nên cũng góp lời:

- Vậy đem “nguyên tiêu” đổi thành “Thang viên” rất hay. Chữ “Thang” này vốn là hiệu của



Thành Thang vua triều Thương mà người xưa gọi là “trừ tàn trừ nghịch”. Có thể thấy Thương Thang Vương chính là một vị vua nhân nghĩa. Trong “Lễ ký”, Thang Vương có ghi rằng: “Mỗi ngày mới, ngày ngày mới, càng ngày càng mới”. Những câu nói này đều có ý cả ngợi sự quang huy của các quân vương. Trung Quốc cổ đại đều gọi Hoàng thượng là quân chủ, đến đời Tần mới bắt đầu đổi từ Quốc vương, hay quân chủ thành Hoàng đế.

Viên Thế Khải nghe Lý thị nói vậy, lòng thầm nghĩ thật không hổ là công chúa Hàn Quốc, liền nói:

- Vị “thần sấm” say rượu này nói hay lắm! vậy hãy cho người cáo thị toàn quốc từ nay gọi “Nguyên tiêu” là “Thang viên” vậy.

Sau khi ăn xong “Thang viên” a hoàn liền dọn cơm tối thịnh soạn lên: Viên Thế Khải uống say rồi, khê khê nói:

- Khi... khi ta trở thành... Hoàng thượng thì... thì Vu thị đương... đương nhiên trở thành... Hoàng hậu. Những... những người khác cũng đương... đương nhiên trở thành quý... quý phi, và tần nường cả.

Lý thị nghe vậy, tỏ ra không vui, nói:

- Trước đây, cha của thần thiếp Lý Hy là quốc vương Cao Li, thiếp và ngài danh chính ngôn thuận thành hôn với nhau, sao lại liệt thiếp vào hàng tần phi chứ!

Viên Thế Khải vốn là đứa vô cùng quý quý, ở nhà đã có vợ là Vu thị nhưng nói dối chưa, để cưới Lý thị bèn bảo:

- Nàng quên là ngay trong Thanh thất cũng có Đông cung Từ An Thái hậu lại có cả Tây cung Từ Hy Thái hậu đó sao. Tây Thái hậu khi mới vào cung, Hoàng đế Hàm Phong cũng chỉ phong là một quý nhân thôi. Về sau lại trở thành Thái hậu chứ?

Nếu Vu thị là người khác thì khi nghe Thế Khải đem mình so với Từ An, Lý thị so với Từ Hy chắc sẽ tức tối vô cùng. Thế nhưng Vu thị không những không tức mà còn nói:

- Tranh nhau mà làm gì. Đây chẳng qua cũng chỉ là lời nói đùa của đại nhân thôi mà.

Tại sao Lý thị lại tỏ ra tức tối như vậy? Thực ra chuyện cũng dài dòng: Năm 1894 (năm Quang Tự thứ 20), Lý Hồng Chương đã tiến cử Viên Thế Khải sang Xêun, thủ đô Cao Li làm đại diện toàn quyền ngoại giao thông thương sự vụ. Hàn Vương Lý Hy rất nhanh chóng trở thành bạn thân với Viên Thế Khải. Một hôm Lý Hy hỏi:

- Các hạ năm nay bao nhiêu tuổi?

- ba mươi lăm ạ.

- Tại sao không mang theo quý thuộc?

Đáp: Vẫn chưa có gia đình.

Hỏi: Đến tuổi lập thân rồi sao vẫn chưa có gia đình.

Đáp: Vẫn chưa tìm được người thích hợp, hơn nữa công việc bận rộn, không có thời gian lo chuyện này.

Hàn vương Lý Hy đã bị lừa. Viên Thế Khải khi còn ở Hán Thành, vừa mười mấy tuổi đã nghe lời cha kết duyên cùng Vu thị. Lý Hy nói với Thế Khải:

- Con gái thứ hai của tôi năm nay 21 tuổi, cũng chưa tìm được người nào thích hợp cả.

Viên Thế Khải biết Lý Hy có ý muốn bày lại trò Tây Thi ở Trung Quốc nên cả mừng:

- Tôi không dám mơ cao. Hàn vương nói:

- Chính tôi cũng không dám mơ cao.

Hàn vương thấy Viên Thế Khải cũng có ý, liền nói:

- Nếu các hạ không chê, muốn ở lại chơi trong cung, tôi sẽ rất vui mừng. Con gái thứ hai của tôi cũng biết các hạ anh hùng hào hiệp, chắc cũng vui mừng mời các hạ vào cung chơi đùa.

Viên Thế Khải vốn là “thợ săn” phụ nữ nổi tiếng nên từ hôm đó như một kẻ điên, suốt ngày ra vào cung Hàn.

Thời gian lâu rồi, Viên Thế Khải và Hàn nhị công chúa đã thân thiết như người trong một nhà. Thực ra Viên đã cùng công chúa Hàn “tình trong như đã”. Hàn vương và Hàn phi tử thấy vậy cũng mừng thầm trong bụng.

Từ khi Hàn vương Lý Hy đề xuất việc cầu hôn với Viên Thế Khải, rồi Khải và nhị công chúa qua lại tình cảm với nhau, Hàn vương và Hàn phi tử đã có ý chuẩn bị đám cưới cho con gái mình. Không đầy ba tháng sau, lễ cưới long trọng được tổ chức. Có một điều Viên Thế Khải không hề nghĩ đến là sau khi kết hôn, nước Hàn lại cử hai mỹ nhân nữa cùng về Trung Quốc theo công chúa: một người là em của Vương phi Kim thị, một người thuộc dòng quý tộc Ngô thị. Khải thực sự đã vào vạ đào hoa, trong lòng đại hi, thật là mua một được ba, bán một tên ba hươu chết. Một năm sau, Hàn nhị công chúa cùng Viên Thế Khải vâng mệnh triều đình về nước, công chúa mới biết Khải đã thành thân từ năm mười mấy tuổi, và Vu thị chính là vợ chính thức. Sau đó, Viên Thế Khải còn rước thêm cô kỹ nữ Thầm thị ở kỹ viện Tô Châu về làm vợ lẽ nữa rồi. Thầm thị vốn con quan lại nhà Thanh, cha tham gia quân đội, bị bắt và cầm tù khi tham gia đội quân cách mạng Thái Bình Thiên Quốc, Thầm thị mới rơi vào kỹ viện. Thế Khải đã dùng 200 lạng bạc mua Thầm thị hoàn lương, lấy làm vợ lẽ đầu tiên. Hàn công chúa Lý thị lúc đó không cách nào khác chấp nhận làm vợ lẽ thứ hai. Tiếp đó, hai mỹ nhân nước Hàn theo giá là Kim thị và Ngô thị cũng lần lượt trở thành vợ lẽ thứ ba thứ tư của Viên Thế Khải.

Ba người Lý thị, Kim thị, Ngô thị trước thế lực của Viên Thế Khải, lại là thân phận người nước ngoài, chỉ dám hận mình mệnh bạc, thường ôm nhau mà khóc. Một hôm, khi ba người đang ôm mặt khóc thì Viên Thế Khải từ ngoài bước vào. Thấy hết cảnh tượng trên, Khải liền nghĩ thầm trong bụng nếu dùng lời nhẹ nhàng khuyên nhủ chắc bọn họ sẽ lần tới nên trợn ngược mắt lên, tỏ vẻ lòng lộn rút ngay con dao găm mà các chỉ huy quân đội thường mang theo người ra. ba cô gái nhìn thấy lưỡi dao sáng loáng, sợ mất mật vội quỳ xuống xin tha chết. Thế Khải thấy nước mắt chảy đầy sàn, biết cả ba người sợ đến mức ấy rồi mới buông dao xuống hạ lời khuyên nhủ:

- Thôi ba người hãy đứng cả dậy đi... Nước các nàng đã bị Nhật Bản chiếm rồi, các nàng có nghĩ đến chuyện đó không? Cả ba nàng đều là quý tộc, nếu bây giờ về nước, chắc chắn sẽ bị người Nhật giết ngay hoặc không thì cũng cho vài trăm tên lính tha hồ mà hãm hiếp ấy chứ!

Ba người đều gạt nước mắt nói:

- Bẩm đại nhân, chúng thiếp không về nữa rồi.

Viên Thế Khải lúc đó mới gọi nha đầu vào đưa ba bà vào phòng tắm rửa, thay quần áo.

Lý thị nước Hàn đã sinh cho Viên Thế Khải hai gái, bốn trai; Kim thị cũng sinh ra hai trai, hai gái; Ngô thị sinh được hai gái, một trai.

Quả thực, Khải đã “được mùa” lớn đối với con gái nước Hàn.

Không khí Viên Thế Khải sắp làm Hoàng đế càng ngày càng rầm rộ; ngày đăng cơ cũng một ngày một gần, cả bọn thê tử, đứng đầu là Lý thị suốt ngày tìm đại nhân đòi phong vị trước. Viên Thế Khải vào hậu cung nghỉ ngơi, họ cũng vào theo nhao nhao người này câu này, người kia câu khác. Lý thị vẫn một lòng muốn làm Đồng cung hoặc Tây cung Hoàng hậu nên hỏi thẳng:

- Cuối cùng đại nhân phong thiếp là gì ạ?

Thế Khải thấy mọi người cứ nhao nhao cả lên liền đập bàn quát:

- Ta phong cái con mẹ chúng mày!

Mọi người thấy Thế Khải tức tối như vậy, lùi lui kéo nhau đi ra. Ngày 12 tháng 12 năm 1915 (tức ngày 5 tháng 11 năm dân quốc thứ tư), Viên Thế Khải tuyên bố xưng Đế, là Trung Hoa Đế quốc, định đến năm 1916 sẽ chính thức đăng cơ, lấy quốc hiệu là Hồng Hiến.

Lễ đăng cơ bắt đầu. Bách quan văn võ tham gia buổi lễ đều mặc áo dài hoa, đầu đội mũ bình thiên.

Tự nhiên hôm đó Viên Thế Khải bỗng cảm thấy bồi hồi không yên, đầu óc rối tinh đi đến Kim Loan điện, trên người mặc long bào đỏ tía nạm sợi vàng, đứng bên bảo tọa như người mất hồn, tay vịn vào bảo tọa, cũng không ngồi xuống, nghe bưng bưng bên tai quần thần tung hô vạn tuế. Viên Thế Khải cố gắng định thần, sau khi nhận hết tam quỳ cửu bái, liền nói như trong mộng: “Ta có ngày hôm nay sẽ cùng các người chung hưởng”. Tiếng nói càng về sau càng nhỏ. Quần thần bên dưới không nghe rõ ông ta nói những gì, chỉ thấy nói xong thì vội vã đi vào. Quần thần đều cảm thấy Hoàng thượng có gì đó không ổn.

Hóa ra Viên Thế Khải thấy phong trào “diệt Viên” của dân chúng càng ngày càng cao, cả thành Bắc Kinh chìm trong im lặng, nhưng dù thế nào ông ta cũng phải ngồi vào Kim Loan điện, dù chỉ một phút cũng được, vậy nên đã cùng quân sư nghiên cứu kỹ càng, sẽ tuyên bố cùng toàn dân phục vị Đại Tổng thống, phế bỏ tất cả lễ đăng cơ, chiếu thư, Trung Hoa Đế quốc v.v.. nhằm làm giảm đi làn sóng “diệt Viên” trong cả nước.

Nhưng các giới, các nơi trong cả nước nào có dung tha cái nhà ông Viên Thế Khải cứ lật mào trở giọng kia. Làn sóng “diệt Viên” càng ngày càng cao. Viên Thế Khải sợ hãi, tức tối, hối hận, buồn phiền triền miên rồi phát bệnh. Ngày 6 tháng 6 năm 1916 (tức ngày 6 tháng 5 năm Dân Quốc thứ năm) là ngày kết thúc giấc mộng xuân kéo dài trong 83 ngày tại cố đô của Viên Thế Khải, hưởng dương 58 tuổi. Từ Thế Xương, lễ Nguyên Hồng, Đoàn Kỳ Thụy cùng gia quyến khi khâm liệm Viên Thế Khải vào quan tài, cũng đã đóng bộ long bào cho ông ta, gọi là để an ủi chút ít cho linh hồn ông ta lúc về với tiên tổ.

THE END

Cực tây của hòn đảo.

Đó là “phá hủy những cột trụ mà hiệp ước với Alexander được khắc trên đó”. Arrian diễn đạt đoạn này có phần lỏng lẻo: hiệp ước, như trong trường hợp của Tenedos (xem phần sau trong quyển này), chắc chắn được ký kết giữa “Alexander và những người Hy Lạp”, chẳng hạn người Mitylene là thành viên của Liên minh Corinth.

Được gọi theo tên của một người Sparta, người chịu trách nhiệm chủ yếu trong việc đàm phán hòa bình năm 386. Hiệp ước này cũng thường được gọi (một cách chính đáng) là Hiệp ước Hòa bình của Hoàng đế, vì hoàng đế Ba Tư đã giành quyền kiểm soát các thành bang Hy Lạp ở Tiểu Á, trong khi điều khoản lại quy định rằng tất cả những thành bang ở Hy Lạp nên có quyền tự trị, ngăn chặn việc sản sinh nên bất kỳ một đế chế thù địch nào.

Thymondas đã mang số lính này, di chuyển bằng đường biển, tới Tripolus và từ đó, nhập vào lực lượng của Darius tại Sochi. Họ đã chiến đấu tại bờ Issus. Sự rút lui hiệu quả của đội quân này đã phá hủy bất kỳ cơ hội tấn công thành công nào của hải quân.

Alexander đã quyết định giải tán hạm đội, một lực lượng mà chắc chắn sẽ khiến ngài phải tốn nhiều tiền bạc để duy trì, vào thời điểm Memnon qua đời.

Trong thời đại của Alexander, điều này ám chỉ Đế chế Ba Tư.

Phrygia nhỏ hơn. Vùng Phrygia lớn hơn (sau này là Galatia) do Antigonos cai trị (xem Quyển một).

Có lẽ đây là một thủ lĩnh địa phương. Sau đó không nghe được thông tin nào khác về nhân vật này.

Ngày nay là Golek-Boghaz, con đường chính băng qua dãy Taurus, giữa Cappadocia và Cilicia. Xem Xenophon Anabasis 1.2.20-1.

Trái ngược với cách đối xử của ngài với Philotas khoảng bốn năm sau (xem Quyển ba).

“Cổng thành Syrian” (còn được gọi là cổng thành “Assyria” trong phần sau) là con đường Beilan, băng qua dãy Amanus, phía đông nam của Alexandretta.

Chẳng hạn kiểu viết chữ hình nêm.

Nguyên văn: “Sardanapalus, son of Anakyndaraxes, built in one day Tarsus and Anchialus. O stranger, eat, drink, and play, for everything else in the life of a man is not worth this”. Từ “play” ở đây còn được hiểu là ám chỉ việc làm tình. (ND)

Về Orontobates, xem Quyển ba.

Chắc chắn lòng biết ơn này là vì sự hồi phục của Alexander sau trận sốt tại Tarsus.

Theo Aeschines, Against Ctesiphon 164, Demosthenes cũng đưa ra một tường thuật tương tự trong thời gian này.

Từ Cilicia, có hai con đường đi tới những vùng đất phía đông, băng qua Cổng thành Syrian gần Alexandretta và Cổng thành Amanian (Đường Bogtche) ở phía bắc, đi tới Euphrates ở Apamea. Alexander hoặc không được báo cáo về đường đi hoặc đã nghĩ rằng nó không quan trọng; chắc chắn tin tức về việc Darius chặn đường là một bất ngờ đối với ngài. Plutarch (Alexander tr.20) viết rằng “hai lực lượng đã không đụng độ nhau trong đêm”, thực tế, khi Darius hành quân về phía bắc từ Sochi, họ đã bị chia tách bởi sự rộng lớn của dãy Amanus.

Tại Cunaxa, cách Babylon khoảng 72 kilômét.

Xem thêm, ngoài các sử gia viết về Alexander, Polybius 12.17-22, người chỉ trích ghi chép của Callisthenes về trận chiến. Callisthenes cho biết chiều rộng của đồng bằng khoảng 14 stade [stade là đơn vị đo khoảng cách của Hy Lạp cổ đại, 1 stade bằng khoảng 183 mét].

Về những binh lính này, xem Strabo 14.3.18. Fuller cho rằng hầu hết những binh lính này là bộ binh hạng nhẹ.

Plutarch đưa ra số liệu tương tự. Diodorus and Justin 400.000, và Curtius 250.000. Tất cả những số liệu này đều là không tưởng, nhưng giờ đây chúng ta không thể tìm được số liệu chính xác.

Những người Macedonia này là ai? Nếu đó là một đơn vị Macedonia, có lẽ họ là “các lính trinh sát”.

Chúng ta có thể đoán rằng từ “Macedonia” là để thay thế cho một từ khác, chẳng hạn như Paeonia. Cả hai đơn vị này đều được nhắc tới ở đoạn sau.

Anabasis 1.8.21, 22.

Đây không phải là hai đội Chiến hữu vừa được nhắc tới, mà theo Curtius (3.11.2) là “hai đơn vị kỵ binh” được nhắc tới cùng với quân Agrianes ở trên. Họ chắc chắn là lính đánh thuê.

Chỉ huy một tiểu đoàn bộ binh hạng nặng.

Plutarch, Curtius và Diodorus thống nhất về số thương vong, nhưng số liệu về phía quân Ba Tư thì không đáng tin. Số thương vong của Macedonia do Curtius (3.11.27) đưa ra là 450 người bị giết và 4.500 người

bị thương.

Về một vài chi tiết, xem Plutarch, Alexander 20.11-13. Như Fuller lưu ý, Damascus cách Sochi hơn 300 kilômét về phía nam là một địa điểm nổi bật để lựa chọn.

Năm 333 TCN.

Việc Alexander bị thương nhẹ là chính xác. Tuy nhiên, Chares đã khẳng định rằng vết thương này là do chính Darius gây ra, điều mà Plutarch (Alexander 20.9) cho là bịa đặt và đã trích dẫn lá thư của Alexander để bác bỏ.

Điều này có nghĩa là họ đã nhận được không ít hơn 150 ta-lăng, một số tiền khá lớn nếu người ta biết rằng khoản lợi tức của Athens năm 431, bao gồm cả đồ cống nạp từ các thành bang lệ thuộc, chỉ vào khoảng 1.000 ta-lăng.

Plutarch (Alexander 22.5) trích dẫn một lá thư do Alexander viết cho Parmenio, trong đó ngài khẳng định không bao giờ tơ tưởng tới vợ của Darius.

Nhiều kỵ binh Ba Tư trốn tới Cappadocia, nơi họ liên kết với các binh lính địa phương trong nỗ lực giành lại Phrygia nhưng sau đó đã bị Antigonos đánh bại. (Curtius 4.1.34-5, ở đây “Lydia” bị nhầm sang “Phrygia”).

Lính đánh thuê Hy Lạp.

Diodorus (17.48.2-5) và Curtius (4.1.27-33) đưa ra nhiều chi tiết hơn về những sự kiện ở Ai Cập. Vì họ chỉ nhắc tới Amyntas và 4.000 lính đánh thuê, có thể lực lượng đã bị chia nhỏ. Có thể có 4.000 lính khác phục vụ cho Agis, vua Sparta; tương truyền vị vua này đã thuê 8.000 lính trốn chạy từ Issus. Xem E. Badian, JHS 1963, 25-6.

Không hề nao núng khi nghe tin thất bại của Darius tại Issus, Agis tiếp tục chuẩn bị cho cuộc chiến, và vào mùa xuân năm 331, ông “đã hô hào hợp nhất những người Hy Lạp để đấu tranh vì tự do của họ” (Diodorus 17.62.6). Sau những thành công ban đầu, cuối cùng Agis bại trận dưới tay Antipater tại Megalopolis vào mùa thu năm 331. Về bằng chứng, xem Diodorus 17.48.1-2; 62.6-63.4; 73.5-6; Curtius 6.1; và, về ghi chép gần đây về Agis, xem E. Badian, Hermes 1967, từ tr.170.

Diodorus (17.39.2) thuật lại một câu chuyện lạ lùng rằng Alexander đã giấu lá thư của Darius và thay thế bằng một lá thư khác “phù hợp hơn với các quyền lợi” mà ngài đặt ra trước các chiến hữu để bảo đảm việc bác bỏ đàm phán hòa bình. G. T. Griffith (Proc. Camb. Phil. Soc. 1968, từ tr.33) cho rằng lá thư trong trước tác của Arrian là giả mạo. Chẳng hạn, ông chỉ ra rằng, Darius không đưa ra những gợi ý về tài chính hoặc lãnh thổ (như ông đã nêu trong các lá thư trong trước tác của Diodorus 17.39 và Curtius 4.1.7), và rằng việc đưa ra vấn đề tội ác chiến tranh là một hành động sai lầm ở vị trí của Darius. Về những tranh luận khác của Griffith, xem hai chú thích tiếp theo.

Chúng ta không biết được gì về liên minh giữa Philip và Artaxerxes trong một thời kỳ được ghi chép tương đối chi tiết. Chẳng hạn, Demosthenes không hề nhắc tới điều này.

Artaxerxes III (Ochus) đã cai trị từ năm 359-338, còn con trai ông, Arses, cai trị từ năm 338 tới năm 336. Darius nhắc tới cuộc xâm lược Tiểu Á của quân Macedonia vào mùa xuân năm 336. Cuộc chiến đó không phải là vô lý, vì chính Ba Tư đã hỗ trợ Perinthus tấn công Philip vào năm 340; tuy nhiên, Philip đã trở thành kẻ xâm lược vào năm 342 khi liên minh với Hermeias của Atarneus và hãn Darius muốn nhắc tới chi tiết này.

Không có bằng chứng nào cho việc này.

Alexander (hoặc Arrian) đã nhầm lẫn. Bagoas đã đầu độc Arses cùng các con của ông, và giành ngai vàng của Ba Tư cho Darius. Sau này, khi ông ta toan tính đầu độc Darius, nhà vua đã giành lại ưu thế về phía mình. Xem Diodorus 17.5.3-6.

Aeschines (Against Ctesiphon 239) khẳng định rằng Darius đã gửi 300 ta-lăng cho người Athens nhưng họ đã từ chối và Demosthenes đã bỏ túi 70 ta-lăng trong số đó.

Liệu Alexander có bị ảnh hưởng bởi việc ông nội của ngài, Amyntas III, đã nhận anh trai của Iphicrates làm con nuôi? Aeschines, On the Legation 28. Việc Iphicrates hỗ trợ về quân sự cho Alexander là không chắc chắn.

Tại Sidon, Alexander đã phế truất Strato, người ủng hộ Ba Tư và chỉ định vua Abdalonymus thay thế vị trí của Strato. (Curtius 4.3.4.)

Trên thực tế, “Heracles” này là thần Melcarh của người Tyria (thần Baal của Syria).

Diodorus (17.40.3) nhấn mạnh lòng trung thành của họ đối với Darius. Người ta nói rằng Alexander đã phải làm lễ hiến tế ở một ngôi đền nằm ngoài thành phố. Những lý do của Alexander về việc dùng vũ lực này đã được ra trong bài diễn văn bên dưới.

Hòn đảo cách bờ biển gần 1 kilômét. Theo Diodorus (17.40), mũi đất rộng khoảng 60 mét. Những tảng đá được lấy từ thành Tyre cũ và các khúc gỗ được lấy từ núi Libanus.

Đơn vị đo chiều sâu, 1 sải bằng 1,82 mét. (ND)

Đây là bước ngoặt của cuộc vây thành.

Antilibanus là ngọn núi phía đông trong số hai dãy núi vây quanh thung lũng Coele-Syria; dùng từ Ả Rập có phần không chính xác. Những người bản địa đã giết khoảng 30 lính Macedonia, những người đi kiếm gỗ để làm bè và pháo đài. (Curtius 4.2.18; 4.3.1)

Vua của Salamis, một trong chín thành phố trụ cột của Syprus.

Cả hai thành phố đều nằm ở bờ biển phía nam của Cyprus.

Agenor, cha của Cadmus, được cho là người đã thành lập cả Tyre và Sidon.

Cuộc vây thành kéo dài bảy tháng, từ tháng Một tới tháng Tám năm 332.

Theo Diodorus (20.14), những người Carthage đã dâng một phần mười ngân khố của họ cho thần Melcarth, và cử các sứ thần tham dự lễ hội hằng năm ở Tyre. Tương truyền, họ đã hứa giúp đỡ những người Tyre vào giai đoạn đầu của cuộc vây thành, nhưng sau đó không thể thực hiện lời hứa vì cuộc chiến với Syracuse (Curtius 4.2.10; 4.3.19).

Diodorus (17.46.4) đưa ra con số 13.000 tù nhân, nhưng ông cũng lưu ý rằng 2.000 người đã bị tra tấn. Curtius (4.4.15) bổ sung (số liệu này chưa được xác thực) rằng có 15.000 người đã trốn thoát an toàn, do người Sidon đã góp phần vào đợt kích cuối cùng. Liệu có phải là một sự trùng hợp khi tổng số của các số liệu này là khoảng 30.000 người?

Diodorus (17.39.1) và Curtius (4.11.1) thuật lại (có thể là thiếu chính xác) rằng Darius đã cử sứ thần cùng với những điều khoản tương tự ngay trước trận Gaugamela. Về câu chuyện phức tạp của các sứ mệnh, xem thêm C. B. Welles trong phiên bản Loeb [trong thư viện cổ điển Loeb] của Diodorus.

Plutarch (Alexander 25.4) thuật lại rằng con chim sau đó vướng vào những sợi dây buộc máy lăng đá và bị mắc kẹt ở đó, Curtius (4.6.11) kể rằng con chim bị kẹt trong một pháo đài vì dính phải nhựa đường và lưu huỳnh. Do đó, có thể đoán được tại sao Aristander lại tiên đoán Alexander sẽ hạ được thành.

Curtius kể rằng Alexander đã tránh được một vụ ám sát của một người Ả Rập ngay trước khi ngài bị thương.

Furlong: đơn vị đo chiều dài, 1 furlong bằng 1/8 dặm Anh, tức khoảng 201 mét. (ND)

Thông tin về công sự cao khoảng 17 mét có thể đã được sửa chữa, vì trong bản thảo ghi là “khoảng 76 mét”.

Chúng ta không cần tin vào câu chuyện (Curtius 4.6.29) cho rằng Alexander đã kéo lê Batis, trong khi ông ta vẫn còn sống, khắp tường thành phía sau chiến xa của ngài như Achilles đã kéo lê xác của Hector khắp thành Troy (Homer, Iliad). Cuộc vây thành kéo dài hai tháng (tháng Chín đến tháng Mười năm 332), và số người bảo vệ thành bị giết lên tới 10.000 người.

Thống đốc cũ, Sabaces, đã bị giết tại Issus. Theo Curtius (4.7.4), Mazaces đã giao lại kho tàng lên tới 800 ta-lăng.

Một pháo đài vững chắc, cửa ngõ vào Ai Cập, nơi những người Ai Cập đã vài lần đương đầu với quân xâm lược.

Apis chính là thần Ptah của Memphis. Alexander tôn trọng tôn giáo này của người Ai Cập (và của những dân tộc khác mà ngài chinh phục) và đã được tôn làm Pharaoh tại Thebes. Trái lại, Cambyses đã xúc phạm thần Apis (Herodotus 3.27-8).

Nữ thần của tình mẹ, phép thuật và sự sinh sản. (ND)

Đây là thành phố đầu tiên và vĩ đại nhất trong nhiều thành phố mà Alexander sáng lập, được kiến thiết (không giống như phần lớn các thành phố) để trở thành trung tâm thương mại lớn. Plutarch (Alexander 26.4) đồng ý với Arrian rằng việc sáng lập thành phố diễn ra trước khi Alexander tới thăm Siwah, nhưng cũng có những ghi chép khác (tiêu biểu như trước tác của Curtius, Diodorus và Justin) cho rằng sự kiện này diễn ra sau chuyến viếng thăm. Về các tranh luận thiên về ý kiến sau, xem C. B. Welles, *Historia* 11 (1962), từ tr.271.

Đoạn này có thể hiểu là Alexander muốn phác thảo lại sơ đồ các chốt phòng vệ, trong khi lúc đó lại không có phần hoặc các phương tiện khác để vẽ lại. (ND)

Xem Quyền hai.

Tướng quân người Athens, người đã tự nguyện xin quy hàng vào năm 335; lần cuối cùng nhân vật này được nhắc đến là vào mùa xuân năm sau đó, khi ông trao vương miện bằng vàng cho Alexander tại Sigeium. Xem Quyền một.

Mặc dù sắc lệnh của Alexander cho người Chios (Tod 192) vào khoảng một năm trước đó đã tuyên bố rằng Hội đồng của Liên minh Corinth nên xét xử những kẻ phản bội.

Đền thờ của thần Ammon, một vị thần mà người Hy Lạp biết đến trong hơn một thế kỷ và được họ coi tương đương với thần Zeus, được đặt ở ốc đảo Siwah cách Thebes khoảng 644 kilômét. Chuyến viếng thăm này đã được nhiều sử gia mô tả, cụ thể Diodorus 17.49-51, Curtius 4.7.5-30, Plutarch Alexander 26-27 và Strabo 17.1.43 (dựa theo Callisthenes).

Người anh hùng trong Thần thoại Hy Lạp, đã giết quái vật tóc rắn Medusa Gorgon. (ND)

Tác giả của bình luận đầy hoài nghi này (cũng được Curtius đưa ra) có thể là Ptolemy, người không đồng ý với việc Alexander tin rằng ngài có nguồn gốc thần thánh. Được tôn làm Pharaoh tại Thebes, Alexander, cũng giống như mọi Pharaoh khác, đều tự coi mình là con của thần Ammon.

Mersa Matruh. Ở đây, Alexander đã gặp các sử thần đến từ Cyrene, những người đã thương thuyết với ngài về hiệp ước hòa bình và liên minh (Diodorus 17.49.2).

Về miêu tả ốc đảo Siwah và đền thờ thần Ammon, xem Diodorus 17.50, Curtius 4.7.16, và đặc biệt là H. W. Parke, *The Oracles of Zeus*, (Oxford, 1967) từ tr.196.

Arrian có thể đang nhắc tới triều đại của Ptolemy, ám chỉ nguồn gốc văn hóa Hy Lạp cổ đại.

“Ngón tay” có thể là đơn vị đo lường nhỏ nhất, khoảng 1,8 centimet.

Chắc hẳn vị trưởng tư tế đã chào Alexander (với vai trò một Pharaoh) là “con trai của thần Ammon” (hoặc “con trai của thần Zeus”) và vị hoàng đế trẻ tuổi đã một mình bước vào đền thờ. Nếu đúng như vậy, những lời tiên tri do Plutarch, Diodorus và Curtius thuật lại về việc Alexander là hậu duệ của thần Ammon và ngài sẽ trở thành người thống trị thế giới đều đáng ngờ, trừ phi chúng ta giả định rằng các vị tư tế hoặc chính Alexander, sau đó, đã loan báo thông tin này. Callisthenes rõ ràng đã viết về dòng dõi thần thánh của Alexander (chẳng hạn, xem Plutarch Alexander 33.1) với sự đồng thuận của Alexander. Plutarch (Alexander 28) và Arrian (7.29) coi việc này là một thủ thuật phi chính trị, làm kinh sợ những người còn đang bối rối, trong khi chắc chắn rằng, điều này ít nhiều cho thấy niềm tin của Alexander về việc ngài thực sự là con trai của thần Ammon.

Naucratis là căn cứ của người Milesia và là một thành phố Hy Lạp. Về lá thư của Alexander gửi Cleomenes, xem Quyển bảy.

Trong xã hội La Mã cổ đại, hệ thống đẳng cấp được phân chia theo dòng dõi và sự giàu có. Hai đẳng cấp cao nhất là tầng lớp nguyên lão và hiệp sĩ (eques/knight). Các nguyên lão thường là tầng lớp thống trị truyền thống, nổi lên thông qua con đường chính trị, còn các hiệp sĩ nổi lên thông qua con đường binh nghiệp. (ND)

Tin tức đầu tiên về cuộc nổi loạn của Agis (xem Quyển hai).

Nhiệm vụ của Philoxenus có thể bao gồm cả việc thu “phần đóng góp” của các thành phố Hy Lạp ở Tiểu Á chừng nào họ vẫn còn tiếp tục phải đóng thuế. Sau này, Philoxenus có quyền (hoặc tự cho là mình có quyền) can thiệp vào các thành phố này. Về thảo luận gần đây nhất về danh hiệu và nhiệm vụ của ông, xem Badian, *Ehrenberg Studies*, từ tr.55. Việc ông có phải là nhân vật Philoxenus được nhắc tới trong phần sau hay không vẫn còn là điều chưa chắc chắn.

Không giống như những lần kết hôn khác của vua Philip, lần kết hôn này với một nữ quý tộc người Macedonia đã đe dọa vị trí của Olympias và Alexander, và cảnh tượng đáng xấu hổ tại tiệc cưới đó đã dẫn tới việc hai mẹ con Alexander phải trốn khỏi Macedonia. Sau khi trở về từ Illyria vào cuối năm, Alexander đã nỗ lực kết thân với Pixodarus, người cai trị Caria, điều này đã dẫn tới việc trục xuất những người bạn của ngài. Xem Chương 9, Chương 10 cuốn Alexander của Plutarch.

Chú (và anh rể) của Alexander Đại đế. Ông đã hỗ trợ Tarentine tấn công người Lucania và Bruttium, nhưng đã bị đánh bại và bị giết vào năm 331/330.

Thay thế Asander, anh trai của Parmenio, mặc dù ông đã góp phần đánh bại Orontobates (xem Quyển hai); xem E. Badian, *Transactions of the American Philological Association* 91 (1960) 329.

331 TCN. Về các sự kiện diễn ra vài tháng sau đó, xem E. W. Marden, *The Campaign of Gaugamela* (Liverpool, 1964).

Một loại chiến xa thời cổ đại, bao gồm một cỗ xe ngựa có các lưỡi dao sắc hình lưỡi liềm được gắn vào mỗi đầu của trục xe. Lưỡi dao có chiều dài khoảng 1 mét, được sử dụng như một vũ khí. (ND)

Chỉ có Curtius (4.12.13) đưa ra số liệu hợp lý, 200.000 người cho bộ binh Ba Tư, nhưng dù có một vài học giả chấp nhận số liệu này, cũng không có bằng chứng nào cho thấy nó được đưa ra dựa trên nguồn cứ liệu đáng tin. Curtius cho rằng số kỵ binh là khoảng 45.000 người. Marsden (tr.31-37) ước lượng số đó khoảng 34.000 người.

Khazir, một nhánh của sông Lycus. Trận chiến có thể đã diễn ra ở gần Tell Gomel, phía bắc con đường hoàng gia Ba Tư đi từ Nineveh tới Arbela (Erbil); xem Marsden, tr.20.

Ngoài những nguy cơ phải đối mặt trong một cuộc tấn công ban đêm (xem Thucydides 7.43-4; Xenophon, *Anabasis* 3.4.35), Alexander hiểu rõ giá trị của việc lan truyền tin tức nếu đánh bại quân Ba Tư trong điều kiện đó. Darius có thể tuyên bố rằng tại Issus, ông ta đã thất bại vì thiếu không gian (xem Quyển một); còn ở lần này, Alexander không có ý định để Darius có thể viện dẫn bất kỳ lý do nào nhằm biện hộ cho sự yếu kém của ông ta.

Mệnh lệnh viết tay này không tiết lộ số lượng binh lính trong lực lượng Ba Tư.

Họ đã bị ép buộc phải chuyển tới Trung Á.

Những chiến xa cũng không hề được sử dụng hiệu quả tại Cunaxa (Xenophon, *Anabasis* 1.8.19-20)

Vì việc người đưa tin có thể bắt kịp Alexander nếu ngài đang ráo riết truy đuổi Darius là một chuyện khó tin, câu hỏi được đặt ra là: “Lúc đó Alexander đang ở đâu?” G. T. Griffith, *JHS* 1947, 87, cho rằng ngài đã quay lại ngay để hỗ trợ cánh trái đang bị đe dọa, còn Marsden, từ tr.58, cho rằng Alexander đã di chuyển sang cánh trái để bao vây trung quân và cánh phải của quân Ba Tư.

Những người Ấn Độ và Ba Tư này không phải “một vài kỵ binh Ấn Độ và Ba Tư” đã được nhắc tới ở đoạn trước. Những người sau là một nhóm nhỏ, và không thể cướp bóc doanh trại của Macedonia ở cách đó vài kilômét rồi trở về đối đầu với Alexander trong khoảng thời gian đó.

Lần đầu tiên là tại Issus (xem Quyển một).

Chắc hẳn là một số liệu thấp hơn thực tế. Curtius (4.16.26) đưa ra con số 300 người, Diodorus (17.61.3) đưa ra con số 500 người, cùng với “rất nhiều người bị thương.”

Số liệu của Diodorus (90.000) và Curtius (40.000) là hợp lý hơn.

Nguyệt thực (xem phần trước trong quyển này) đã diễn ra vào đêm ngày 20/21 tháng Chín và trận chiến diễn ra vào ngày 1 tháng Mười, nghĩa là vào ngày thứ 26 của tháng Boedromion theo lịch Athens.

(Plutarch, *Alexander* 31.4; *Camillus* 19.5).

Alexander cho rằng việc chiếm cứ Babylon và Susa quan trọng hơn về mặt chính trị so với việc truy đuổi một đội quân bại trận khắp một vùng đất có địa thế hiểm trở.

Tên một vị vua Ba Tư. (ND)

Điện thờ thần Bel (Marduk) đã không được xây dựng lại trước khi Alexander quay trở lại Babylon vào năm 323. (xem Quyển bảy)

Mazaesus là người phương Đông đầu tiên được chỉ định giữ chức thống đốc. Liệu đây có phải là một phần thưởng cho đóng góp của ông tại Gaugamela (xem Tarn (*Alexander* 2.109), trích Curtius 5.1.18), hoặc vì ông đã giao nộp Babylon?

Arrian dùng từ “Chaldaean” là để chỉ những vị tư tế của thần Marduk.

Harmodius và Aristogeiton (mất năm 514 TCN): là hai người Athens đã giết chết bạo chúa Hipparchus.

Những người này được dân Athens tôn kính vì đã khôi phục nền tự do cho họ. (ND)

Sau này, Arrian nói rằng (xem Quyển bảy) các bức tượng này đã được gửi trở lại Athens vào năm 323. Về Harmodius và Aristogeiton, xem Quyển bốn.

Demeter và Persephone.

Arrian đã nhầm lẫn. Thống đốc Abulites đã gửi con trai ông là Oxathres cho Alexander. Ông vẫn giữ vị trí của mình.

Từ Hy Lạp được dịch thành “thống đốc” là “Hyparchos”, một từ có thể dùng để chỉ nhiều vị trí; xem Tarn, *Alexander* 2.173. “Menes là... một vị tướng, chịu trách nhiệm về một phần rất quan trọng trong thông tin liên lạc” (Tarn, 2.177).

Gần 15.000 người tất cả, tính cả 6.000 bộ binh Macedonia và 500 kỵ binh Macedonia. Chi tiết, xem Diodorus 16.65.1, Curtius 5.1.40-2.

Fuller (tr.227) so sánh với khoản thuế mà người Anh phải trả cho các thành viên bộ lạc ở biên giới Tây Bắc Ấn Độ.

Mục đích của Alexander là ngăn không cho Ariobarzanes di chuyển lượng của cải khổng lồ ra khỏi Persepolis.

Khoản tiền này, theo Diodorus (17.71) và Curtius (5.6.9), là khoảng 120.000 ta-lăng, còn theo Plutarch (*Alexander* 37) và Strabo (15.3.9) là 40.000 ta-lăng.

Pasargadae là thủ phủ cũ của Ba Tư, do Cyrus sáng lập. Quân Macedonia đã chiếm được 6.000 ta-lăng ở đây.

Đây là phiên bản chính thức, liên quan tới tính liên-Hy Lạp của cuộc viễn chinh. Plutarch (*Alexander* 38),



Diodorus (17.72) và Curtius (5.7) nói rằng việc đốt phá cung điện là ý của Thais, một gái điếm hạng sang người Athens trong tiệc rượu. Theo biên niên sử chính xác của Curtius, việc này diễn ra vào giữa tháng Năm, vào cuối khoảng thời gian bốn tháng Alexander lưu lại Persepolis. Về việc phá hủy Persepolis, xem các tranh minh họa xuất sắc trong Mortimer Wheeler, *Flames over Persepolis*, hoặc Jean-Louis Huot, *Persia* (London, 1965) trong các seri *Archaeologia Mundi*.

Ecbatana chính là Hamadan thời hiện đại. Cổng Caspian, con đường chính từ Media băng qua những ngọn núi Elburz tới Hyrcania và Parthia, cách Teheran khoảng 64 kilômét về phía tây.

Lúc này Alexander cho rằng cuộc chiến Liên minh đã tới hồi kết.

Số tài sản được tập kết tại Ecbatana, tương truyền, lên tới 180.000 ta-lăng (Diodorus 17.80; Strabo 15.3.9).

Parmenio vẫn còn ở Ecbatana cho tới khi ông mất. Mệnh lệnh của ông có thể đã được hủy bỏ. 6.000 bộ binh Macedonia dường như đã tái nhập vào lực lượng của Alexander tại Susia ở Aria (xem phần sau trong quyển này).

Rhagae (Rei) nằm cách Teheran khoảng 8 kilômét về phía đông nam, cách cổng Caspia không ít hơn 70 kilômét.

Darius bị giết gần Damghan hoặc Shahrud. Alexander đã hành quân khoảng 338 hoặc 402 kilômét từ Cổng Caspian trong khoảng hơn một tuần vào giữa mùa hè, rong ruổi khắp một đất nước mà phần lớn là sa mạc.

Về các lăng mộ hoàng gia, xem Diodorus 17.71.2.

Năm 330 TCN.

Barsine, thường được gọi là Stateira. Về việc nàng kết hôn với Alexander, xem Quyển bảy.

Biển Caspian tuy được gọi là biển, nhưng thực chất là một cái hồ. Đây là hồ nước lớn nhất thế giới. Nước hồ mặn như nước biển và các sinh vật sống ở đây cũng là các sinh vật biển. (ND)

Ngày nay là Asterabad.

Có thể là Meshed.

Còn được gọi là Zariaspa (Strabo 11.11.2), và là Balkh thời hiện đại.

Arrian cũng gọi vùng đất này là Drangiana, xem phần trước trong quyển này. Vùng này nằm ở phía tây Arachotia.

Tại Phrada, sau này được gọi Prophthasia, âm mưu phản loạn đã bị phát hiện. Về âm mưu của Philotas, xem Plutarch, Alexander 48-9, Diodorus 17.79.1-80.2, Curtius 6.7-11, tất cả những sử gia này đều nói Philotas đã bị tra tấn để lấy lời khai.

Theo Plutarch, Alexander đã được Antigone, tình nhân của Philotas, cho biết về âm mưu phản loạn.

Trên thực tế, không có bằng chứng nào chống lại Philotas, ngoại trừ việc ông đã hai lần không sắp xếp cho một người Macedonia tên là Cebalinus tiếp kiến Alexander trong khi ông ta khẳng định có thông tin quan trọng cần báo lên hoàng đế. Việc này được suy diễn thành nó có liên quan tới âm mưu chống lại Alexander.

Hoặc bị ném đá cho tới chết (Curtius 6.11.38).

Chi tiết, xem Curtius 7.2.11-35.

Xem Quyển một. Kỵ binh Thessaly được đặt dưới quyền chỉ huy của Parmenio, kỵ binh Pharsalus tương đương với Kỵ binh Hoàng gia của Alexander (xem phần trước trong quyển này).

Về việc xét xử Amyntas, xem Curtius 7.1.10-2.10.

Cleitus “Đen”, người đã cứu mạng Alexander tại Granicus.

Khi nhắc tới “Caucasus của Ấn Độ”, Arrian muốn nhắc tới Các ngọn núi ở Ấn Độ [Hindu Kush]; xem phần sau trong quyển này, và Strabo 11.8.1. Thành phố thường được biết tới với tên gọi “Alexandria gần dãy Caucasus”, có lẽ được sáng lập ở Begram, cách Kabul khoảng 40 kilômét về phía đông bắc.

Cây silphium thuộc họ thì là, được dùng nhiều ở vùng bờ biển Cyrenaica (Lybia ngày nay). Tương truyền loại cây này được sử dụng như một phương thuốc tránh thai của người cổ đại. (ND)

Loại cây này xuất hiện trên đồng tiền Cyrene.

Về Tanais, xem phần sau trong quyển này.

Về Bactra, xem phần trước trong quyển này. Những thị trấn khác giờ là Kunduz và Tashkurgan. Alexander đã băng qua Hindu Kush qua đèo Khawak, có độ cao 3.536 mét.

Arrian đã nhầm lẫn. Ông không biết rằng dòng Oxus (Amu Darya) đổ vào biển Aral.

Lập lại cách bày binh bố trận ở Danube năm 335 (xem Quyển một).

Hiện nay là Samarcand.

Orexartes là tên Aristobulus gọi dòng Jaxartes (Syr Darya), dòng sông cũng giống như sông Oxus, đổ vào biển Aral.

Dòng Tanais mà Herodotus gọi (4.45.57) là sông Don và hồ Maeotis chính là biển Azov. Alexander và những người theo ngài đã đồng nhất dòng Jaxartes với dòng Tanais (Plutarch, Alexander 45.5), và Strabo (11.7.4) cho rằng việc đồng nhất đó là một phần của “âm mưu” khẳng định rằng Alexander đã chinh phục được toàn bộ châu Á. Gadeira hiện nay được gọi là Cadiz. Giống như nhiều sử gia cổ đại khác, Arrian coi Libya là một phần của lục địa Á châu.

Iliad 13.6.

“Alexandria xa nhất” chính là Chojend ngày nay.

Arrian đã không nhắc tới việc chiếm đóng bảy chốt biên phòng này.

Nhiều khả năng Alexander đã suy nghĩ lạc quan về việc sắp đặt một sự hòa giải chung.

Chojend, đã được nhắc tới trước đó.

Xem Herodotus 4.122-142.

Curtius 7.7.24-29 thuật lại rằng Aristander đã thay đổi lời tiên tri và tuyên bố rằng chưa bao giờ lễ hiến tế lại thuận lợi như vậy.

Về các cuộc hành quân chống người Scythia, xem Fuller, tr.236-41.

Khoảng 1.000 người, theo Curtius (7.6.10).

Curtius (4.7.30-9) đồng ý với Aristobulus rằng quân Macedonia đã rơi vào ổ phục kích, mặc dù ghi chép của ông có nhiều khác biệt so với ghi chép của Arrian. Có tới 2.000 người trong tổng số 3.000 bộ binh, 300 người trong tổng số 800 kỵ binh thiệt mạng.

Hiện nay là Zarafshan.

Năm 329/328 TCN.

Về chuyến khởi hành từ Nautaka một năm sau đó, xem phần sau trong quyển này.

Arrian viết thiếu chính xác. Menes được cử đi từ Susa vào cuối năm 331, Epocillus được cử đi từ Ecbatana vài tháng sau đó (xem Quyển ba).

Nói chung, người ta cho rằng tên Bessus ở đây là để chỉ Bessus, kẻ giết vua Darius, được nhắc tới ngay trước đó. Dòng sửa lại có thể là “Asclepiodorus, xatrap của Syria, và Menes, “thống đốc”” (xem Tarn, Alexander 2.179-80). Từ Hy Lạp mang nghĩa “thống đốc” cũng là “Hyparchos”; xem Quyển ba. Chi tiết về quân tiếp viện, tổng số là 19.000 người, xem Curtius 7.10.11-12.

Về hình thức cắt xẻo “dã man” này, xem Herodotus 3.154.

Trong cuốn Alexander, Plutarch nói rằng Alexander đã chấp nhận và sử dụng trang phục pha trộn của Ba Tư và Media, tránh những yếu tố “dã man” của trang phục Media. Sau này, Arrian (xem Quyển bảy) cho rằng việc này là do động cơ chính trị.

Việc này diễn ra tại Markanda vào mùa thu năm 328. Về một số ghi chép khác biệt về nơi diễn ra, xem Plutarch, Alexander 50-2 và Curtius 8.1.20-2.12. Những phiên bản khác biệt này đã được T.S Brown phân tích trong AJP 1949, từ tr.236.

Tương truyền, họ đều là con của Leda, nhưng lại có hai ông bố khác nhau: Castor là đứa con trai phạm tục của Tyndareus – vua Sparta, và Polydeuces là đứa con trai thần thánh của thần Zeus – người đã dụ dỗ và cưỡng hiếp Leda. Truyền thuyết về họ có nhiều dị bản, cũng có dị bản kể rằng cặp song sinh này được sinh ra từ một quả trứng, cùng với một cặp song sinh khác là chị em Helen và Clytemnestra. (ND)

Triết gia này sinh ra ở Abdera thuộc Thrace và là thầy dạy triết học Khắc kỷ của Pyrrhon. Quan điểm của ông thường xuyên mâu thuẫn với quan điểm của Callisthenes; xem Plutarch, Alexander 52-3.

Mối quan hệ giữa thần Công lý và thần Zeus đã được thuật lại từ rất lâu đời, ít nhất là trong thơ ca của Hesiod (Works and Days, từ tr.256); Sophocles, Oedipus at Colonus, từ tr.138; Anaxarchus phân tích thần thoại cổ xưa theo hướng phù hợp với quan điểm của ông ta.

Rất có thể nỗ lực của Alexander đưa nghi lễ phủ phục (proskynesis) vào trong triều đình, cũng giống như việc ngài sử dụng trang phục của người Ba Tư, là vì mong muốn người Macedonia và người Ba Tư có thể chung sống hòa thuận với nhau. Luận bàn sâu nhất về vấn đề này là bài báo của J.P.V.D. Balsdon trong Historia 1950, từ tr.371. Xem thêm T. S. Brown, AJP 1950, từ tr.242.

Về vấn đề này, xem Plutarch, Alexander 2-3.

Hipparchus đã bị giết vào năm 514 và Hippias đã bị trục xuất khỏi Athens vào năm 510; xem Thucydides 6.54-9.

Người Ba Tư không cho rằng những vị hoàng đế của họ là những vị thần, mặc dù người Hy Lạp coi việc thực hiện nghi lễ phủ phục là một hành động thờ cúng; xem Herodotus 7.136.

Thân mẫu của Alexander, Olympias, là con gái của Neoptolemus, vua của Epirus, vốn là hậu duệ của vị tổ tiên trùng tên với ông là Neoptolemus, con trai của Achilles, cháu trai của Aeacus.

Xem Herodotus 1.204-14 và 4.83-144.

Theo Curtius (8.5.22), đó là Polyperchon, người đã chế nhạo người Ba Tư.

Đây là phiên bản được viên thị thần hoàng gia Chares thuật lại (Plutarch, Alexander 54.4-6).

Hoàng đế Ba Tư thường hôn lên môi “họ hàng” của mình (Xenophon, Cyropaideia 1.4.27, 2.2.31; Herodotus 1.134).

Plutarch (Alexander 55.1-2) thuật lại rằng Hephaestion xác nhận rằng Callisthenes đã tán thành việc thực hiện nghi lễ prokynesis rồi sau đó đã phá bỏ cam kết này, và những kẻ xu nịnh Alexander lại càng khiến Callisthenes trở thành cái gai trong mắt ngài.

Xem thêm Curtius 8.6.2-6.

Việc này diễn ra ở Bactra vào đầu năm 327. Curtius (8.6.8-8.23) cũng đã thuật lại việc này một cách chi tiết. Ông đưa ra một danh sách có một chút khác biệt về những kẻ dính líu tới vụ này và cũng khác biệt về một số chi tiết so với Arrian.

Và theo Curtius.

Plutarch (Alexander 55.6) trích một lá thư Alexander viết cho các tướng lĩnh của ngài là Craterus, Attalus, và Alcetas, những người đang tham gia chiến dịch ở Pareitacene, trong đó ngài nói rằng chỉ có Những cận thần trẻ tuổi dính líu tới âm mưu ám sát ngài. Về độ tin cậy của lá thư này, xem CQ 1955, từ tr.219.

Curtius (8.7) cũng đi theo truyền thống này.

Plutarch (Alexander 55.7) xác nhận đây là cách mà những người này bị giết chết. Curtius (8.8.20) thuật lại rằng họ bị tra tấn.

Plutarch thuật lại cả hai dị bản. Hơn nữa, sử gia này còn cho rằng, theo lời Chares kể lại, Callisthenes đã bị giam giữ trong suốt bảy tháng cho tới khi ông qua đời.

Về dịp tiếp kiến đầu tiên, xem phần trước trong quyển này.

Người Chorasmia cư trú ở khu vực nằm giữa vùng Caspian và biển Aral.

Tên gọi thời cổ đại của biển Marmara, bắt nguồn từ từ “pro” nghĩa là trước, còn “pontos” nghĩa là biển Đen. Sở dĩ có tên gọi này là vì người Hy Lạp phải đi thuyền qua biển này để tới được biển Đen. Propontis là biển nằm sâu trong đất liền, nối liền biển Đen và biển Aegean. (ND)

Đây là lần đầu tiên nhắc tới dầu trong văn học Hy Lạp.

Massagetae là một tộc người Scythian, sống ở phía đông Caspian, những người đã đánh bại và giết Cyrus Đại đế (Herodotus 1.201-16).

Vì hành động anh hùng của Aristonicus, Alexander đã cho dựng một bức tượng đồng hình ông tại Delphi, với một tay ôm đàn lia, một tay nâng cao cây giáo (Plutarch, Moraliatr.334).

Curtius (6.5.4) thuật lại rằng Artabazus đã 95 tuổi vào năm 330, nhưng điều này hoặc là một sự phóng đại hoặc là chúng ta nên đoán chừng rằng độ tuổi của Artabazus là khoảng từ 55 đến 95. Alexander đã có ý định để Cleitus kế nhiệm Artabazus, nhưng ông đã qua đời trước khi đảm nhiệm vị trí này.

Những điều này không được biết tới, trừ phi, như đã nói từ trước, báo cáo về việc họ đã tới Bactra vào mùa đông trước (xem Quyển ba) là một sự nhầm lẫn và lúc này đi cùng với họ là Arsames và Barzans.

Curtius (7.11) cũng mô tả việc chiếm Pháo đài đá, mà ông gọi là Pháo đài đá của Ariamazes. Curtius thuật lại, với một sự phóng đại lộ liễu, rằng pháo đài có chiều cao 5486 mét. Sự kiện này diễn ra vào năm 327 TCN.

Tương đương với một ta-lăng.

Cho dù tình cảm của Alexander đối với Roxane có hay không thì chắc chắn rằng ngài đã hy vọng dùng cuộc hôn nhân này để chiếm được cảm tình của các quý tộc Bactria.

Về cách hành xử của Alexander với hoàng gia Ba Tư, xem Quyển hai. Vợ của Darius, Stateira, đã mất khi sinh con vào đầu năm 332 TCN (Plutarch, Alexander 30).

Được Curtius (4.10.25-34) và Plutarch (Alexander 30) thuật lại.

Nghĩa là Ahura Mazda. Theo Plutarch, chính xác hơn là Darius đã gọi tên các vị thần tổ tiên của ông.

Người Pareitacae sống giữa lưu vực hai con sông Oxus và Jaxartes. Curtius (8.2.19) gọi họ là người Chorienes Sisimithres.

Năm 327.

Hiện nay là sông Kabul.

Người cai trị một thành phố lớn của Taxila, nằm ở phía tây bắc của Rawalpindi, và lãnh thổ nằm giữa sông Ấn và sông Hydaspes. Taxiles là tên hiệu của ông, tên riêng của ông là Omphis (Ambhi); xem Curtius

8.12.14.

Tại Ohind, cách Attock 26 kilômét.

Hiện nay là lãnh thổ của Bajaur và Swat. Alexander đang tiến về phía dòng sông Ấn, phía trên Attock. “Có thể là Nawagai, thủ phủ hiện tại của Bajaur” (Fuller, tr.126).

Leonatus chịu trách nhiệm về tiểu đoàn bộ binh của Attalus và lính đánh giáo của Balacrus, Ptolemy quản lý tiểu đoàn bộ binh của Philotas, và đơn vị của Philip có thể là một đội quân khinh giáp (xem Tarn, Alexander 2.144).

Khu vực này chưa được xác định.

Diodorus (17.84) cho rằng hành động bội bạc này là do Alexander, người đã tấn công đám lính đánh thuê mà không hề có sự kích động nào; xem Plutarch Alexander 59.3-4.

Diodorus và Curtius (8.10.22) thuật lại rằng Nữ hoàng Cleopis xinh đẹp đã được phục hồi tước vị. Có người (Curtius) còn cho rằng Alexander đã có một đứa con trai với nữ hoàng.

Lần lượt là Bir-kot và Ude-gram, theo Ngài Aurel Stein, On Alexander's Track to the Indus (London, 1929), 43, từ tr.59.

Được Stein xác định vào năm 1926 là Pir-Sar, một đỉnh núi có chiều cao trên 2.134 mét, cách sông Ấn khoảng 120 kilômét về phía bắc Attock. Xem Fuller, tr.248-54.

Về truyền thuyết này, xem Diodorus 17.85.2 và Curtius 8.11.2. Arrian thuật lại những truyền thuyết khác về Heracles trong phần sau của quyển này.

Fuller đã chỉ ra tầm quan trọng về chiến thuật của Pháo đài đá và ảnh hưởng của việc hạ được pháo đài đối với những tộc người Ấn Độ lân cận.

Có lẽ là Charsadda, thủ phủ của Gandhara.

Người cai trị của Kashmir.

Arrian có phần sa đà khi nói về thành phố Nysa, địa điểm chiến lược cho việc vượt sông Ấn, nhằm làm rõ thái độ đối với truyền thuyết kể về vị vua trong vùng đất thần thoại này của Ấn Độ. Nysa dường như nằm ở thung lũng Kabul, có thể là gần Jalalabad. Chuyến viếng thăm thành phố này của Alexander đã được Curtius (8.10.7-18) thuật lại ngay sau những sự kiện mà Arrian đã nhắc tới tại 4.23.

Theo thần thoại Hy Lạp, Dionysus vốn là “con rơi” của thần Zeus và Semele. Tương truyền, Semele chỉ là một người phạm nhưng có nhan sắc tuyệt trần. Thần Zeus tìm đến với Semele trong hình dạng của một người đàn ông bình thường và hai người rất yêu nhau. Khi Semele mang thai Dionysus, bà nghe theo lời xúi bẩy của Hera – vợ của thần Zeus, xin thần Zeus xuất hiện trước mắt nàng trong hình dạng của một vị thần. Thần Zeus đáp ứng yêu cầu của nàng, và Semele chết ngay tức khắc, do người phạm không thể sống sót nếu nhìn thẳng vào thần Zeus. Bào thai Dionysus được Zeus giữ lại, khâu vào bắp đùi, và đủ ngày đủ tháng thì Zeus rạch đùi, “đẻ” ra vị thần Rượu nho. (ND)

Cây thường xuân là một trong những biểu tượng của thần Dionysus. (ND)

Bacchus là tên của thần Dionysus bằng tiếng La Mã. (ND)

Trong nguyên văn, những sĩ quan này đã kêu những tiếng “Euoi, Euoi”, là những tiếng kêu say mê và sung sướng trong những lễ hội vinh danh thần Dionysus cổ xưa. (ND)

Eratosthenes (276-195/194 TCN): là một người Hy Lạp xuất sắc trong nhiều lĩnh vực: toán học, địa lý, thiên văn học, thơ ca, v.v... (ND)

Nhà thông thái vĩ đại của thế kỷ thứ III TCN, người đứng đầu thư viện Alexandria từ năm 246, người đã bị những kẻ ghen tị gọi là công dân hạng hai. Thành tựu lớn nhất của ông là cuốn Geography, cuốn sách đã được Strabo sử dụng rộng rãi.

Chúng ta có thể so sánh với những điều Strabo nói trong phần đầu của Quyển 15, cuốn Geography, đặc biệt là trong Chương 7-9. Ông là người hoài nghi hơn Arrian rất nhiều. Xem thêm các bình luận của Arrian trong cuốn Indica (1.7; 5.10-13) của ông.

Taxila, cách Rawalpindi khoảng 32 kilômét về hướng tây bắc.

Trên thực tế, sông Ấn bắt nguồn từ dãy Himalaya.

Lần lượt là các dòng Jhelum, Chenab, Ravi và Beas. Punjab là “mảnh đất của Năm dòng sông”.

Ctesias, một người Cnidos, là ngự y của Artaxerxes (404-359). Ông đã viết một cuốn lịch sử về Ba Tư và một cuốn sách về Ấn Độ mà hiện nay chỉ còn lại một vài đoạn trích ngắn. Ctesias là người nổi tiếng về chuyện cường điệu. Xem Aristotle, History of Animals 8.27. Sông Ấn không có nơi nào rộng hơn 4 kilômét.

Xem Herodotus 3.102, 4.13; Strabo 15.1.44.

Xem Xenophone, Cyropaideia 7.5.67.

Những điều này sẽ được Arrian đề cập tới trong cuốn sách khác của ông là *The History of Indica* (*Indica*). Trước tác này vẫn còn tồn tại cho tới ngày nay.

Trước tác đã bị thất lạc này đã được Arrian sử dụng triệt để trong *Indica*. Về chuyến hải hành, xem các chương 17-43.

Megasthenes (350-290 TCN): một nhà dân tộc học, nhà thám hiểm thời Hy Lạp cổ đại. Ông cũng có một tác phẩm tên là *Indica*. (ND)

Biển Azov và biển Caspian.

Đây là quan điểm phổ biến trong thời cổ đại. Herodotus và Aristotele (*Meteorology* 2.1.10) biết điều này, nhưng sau đó Patrocles, người đã được cử đi để khám phá vùng biển Caspian vào khoảng năm 284/283, báo cáo rằng vùng biển này thực chất chỉ là vịnh. Quan điểm này đã được Eratosthenes thừa nhận và được phổ biến, cùng với một vài phản đối cho tới tận thế kỷ XIV. Về chuyến thám hiểm của Alexander, xem Quyển bảy.

Sandracottus là Chandragupta, người sáng lập ra triều đại Mauryan, người đã trục xuất những người Macedonia khỏi Punjab sau khi Alexander qua đời và đã cai trị phần lớn Ấn Độ, kể cả lãnh thổ phía Tây sông Ấn mà Seleucus đã nhượng lại cho ông vào năm 304. Megasthenes là sứ giả của Seleucus và trước tác của ông đã hình thành nên kiến thức nền tảng của Hy Lạp về Ấn Độ; xem Strabo, Quyển 15 và *Indica* của Arrian.

Cybele, phần núi Dindymus ở Phrygia đã được thánh hóa.

Xem Herodotus 2.5, và 2.10-34.

Theo thần thoại Hy Lạp, Menelaus là vua của Sparta trong thời kì Mycenae và là chồng của nàng Helen. (ND)

*Odyssey* 4.477, 581.

Arrian đã nêu tên của những dòng sông này trong cuốn *Indica* (4.8-12) của ông.

Herodotus 7.33-6; 4.83, 97.

Vua của Pauravas, vương quốc nằm giữa lưu vực sông Hydaspes và Acesines.

Địa điểm hạ trại của Alexander và nơi ngài vượt sông không được biết tới. Dự đoán có vẻ khả quan nhất là do Ngài Aurel Stein đưa ra. Ông cho rằng Alexander đã dừng quân hạ trại tại Haranpur và đã vượt sông tại Jalalpur. Thảo luận về nhiều giả thuyết, xem Fuller, tr.181-5. Về các cuộc hành quân tấn công Porus, xem Diodorus 17.87-89; Curtius 8.13-14; Plutarch, Alexander 60.

Arrian đã nhầm lẫn. Quả thực, trong phần sau, ông thuật lại rằng cuộc chiến nổ ra vào tháng Năm. Theo Nearchus (Strabo 15.1.18; Arrian, *Indica* 6.5), vào hạ chí, tức là vào khoảng 21 tháng Bảy, Alexander đã hạ trại bên dòng Acesines.

Tương đương với những tiểu đoàn bộ binh của họ (Tarn, Alexander 2.191).

Seleucus Nicator đã lập nên triều đại Seleucid, triều đại đã cai trị phần lớn lãnh thổ châu Á mà Alexander đã chinh phục.

Ghi chép của Arrian là không chính xác. Tarn (Alexander 2.191-2) cho rằng Ptolemy đã viết: "Alexander đã đặt trung đoàn vệ quân Hoàng gia và những trung đoàn vệ quân khác dưới quyền chỉ huy của Seleucus, và kề cận với họ là những tiểu đoàn phalanx, tùy theo từng ngày mà lựa chọn ưu tiên các trung đoàn vệ quân hay các tiểu đoàn bộ binh."

Những đơn vị bộ binh được liệt kê trước đó có tổng số khoảng hơn 6.000 người. Vì Arrian viết rằng các con thuyền đều cố gắng chở được càng nhiều lính bộ binh càng tốt nên có lẽ toàn bộ số lính bộ binh không được chuyển qua sông trong thời điểm này.

Điều lạ lùng là Alexander hy vọng đánh bại toàn bộ lực lượng của Porus chỉ bằng kỵ binh của ngài. Ghi chép của Plutarch (Alexander 60.7) cơ bản dựa trên lá thư của Alexander lại viết rằng hoàng đế đã dự tính về khả năng kỵ binh Ấn Độ tấn công.

Đôi khi lời bình luận về Aristobulus dường như là của chính Arrian chứ không phải của Ptolemy. Do đó, đoạn văn này không phải là bằng chứng cho thấy Ptolemy viết sau Aristobulus.

Theo Plutarch (Alexander 60.8), con trai của Porus đã mang theo 1.000 kỵ binh và 60 chiến xa. Ông đồng ý với Arrian rằng quân Ấn Độ đã thiệt hại 400 kỵ binh và toàn bộ chiến xa. Curtius (8.14.2) cho rằng anh trai của Porus đã được cử đi cùng với 1.000 kỵ binh và 100 chiến xa.

Curtius (8.13.6) đồng ý với số liệu của Arrian về số lượng bộ binh và chiến xa, nhưng khác về số voi chiến (85 voi chiến). Ông đã không hề nhắc tới kỵ binh. Diodorus (17.87.2) đưa ra số lượng là 50.000 bộ binh, 3.000 kỵ binh, trên 1.000 chiến xa và 130 voi chiến; trong khi số liệu của Plutarch (Alexander 62.1) là 20.000 bộ binh và 2.000 kỵ binh.

Diodorus (17.89.1-3), sử gia duy nhất ngoài Arrian nhắc tới số thương vong, đưa ra con số 12.000 quân Ấn Độ thiệt mạng và 9.000 người bị bắt giữ; về phía Macedonia, thiệt hại 280 quân kỵ và trên 700 quân bộ.

Diodorus (17.88.4) đồng ý với Arrian rằng Porus cao khoảng 5 cubit, nghĩa là khoảng 2,3 mét theo đơn vị cubit của Athens. Tuy nhiên, Tarn (Alexander 2.170) cho rằng đơn vị cubit của người Macedonia chỉ khoảng 36 centimet. Nếu như vậy, Porus chỉ cao khoảng 1,8 mét.

Xem Diodorus 17.89.6; Curtius 8.14.45; Plutarch, Alexander 60.15.

326 TCN. Diodorus (17.87.1) đã nhầm lẫn khi nói rằng cuộc chiến nổ ra khi Chremes làm quan chấp chính, nghĩa là vào tháng Bảy năm 326 – tháng Sáu năm 325.

Plutarch (Alexander 61) nói rằng phần lớn những sử gia cho rằng Bucephalus chết vì vết thương, nhưng Onesicritus thuật lại rằng con thần mã này chết vì tuổi già vào năm nó 30 tuổi. Chúng tôi không cho rằng độ tuổi của Bucephalus tương đương với tuổi của Alexander hoặc Alexander không thể “thuần hóa” con ngựa này cho tới khi nó 16 tuổi. Bucephalus có thể đã sống tới năm 30 tuổi, và Alexander đã cưỡi nó khi nó khoảng 7 hoặc 8 tuổi. Về miêu tả công cuộc thuần hóa Bucephalus, xem Plutarch, Alexander 6.

Nghĩa là ở khu vực nằm giữa Susa và Persepolis. Plutarch (Alexander 44.3-4) cho rằng sự việc này diễn ra ở Hyrcania, Diodorus (17.76.5) và Curtius (6.5.18) cho rằng vụ việc xảy ra ở khu vực của người Mardia, tới phía tây Hyrcania.

Diodorus (17.89.6) nhắc tới một cuộc dừng chân kéo dài 30 ngày.

Arrian đã nhắc tới trước đó về sự xuất hiện của các sứ thần của Abisares, người cai trị Kashmir.

Strabo (15.1.30) cho rằng vị Porus này chính là cháu của Porus, vua Paurava.

Vì Nicanor đã được chỉ định làm thống đốc của lãnh thổ phía tây Sông Ấn (xem Quyển bốn) và lần gần nhất Sisicottus được nhắc đến là với vai trò thủ lĩnh của một pháo đài gần Aornus (xem Quyển bốn), có thể Sisicottus là cấp dưới của vị xatrap đã bị sát hại, Nicanor.

Trong Indica (3.10), Arrian đã viết là điểm giao với sông Ấn có bề rộng khoảng 6 kilômét, nhưng đó là sau khi nó nối với dòng Hydaspes và Hydraotes.

Cả Sangala lẫn Pimprama (được nhắc tới sau đó) đều không xác định được; dĩ nhiên chúng đều nằm trong địa hạt Amritsar. Tộc người Malli và Oxydracae sinh sống ở khu vực xa hơn về phía nam.

Người Hy Lạp chia đêm thành ba canh, người La Mã chia thành bốn canh. Ở đây Arrian viết theo người La Mã.

Eumenes, người Cardia vùng Thrace, là thư ký của Philip. Sau khi Alexander qua đời, ông coi giữ vùng Cappadocia và Paphlagonia, và đóng một vai trò quan trọng trong cuộc chiến của Những người kế vị cho tới khi chết dưới tay Antigonus vào năm 316. Cả Cornelius Nepos và Plutarch đều viết tiểu sử về ông. Đây là lần duy nhất trong cuộc viễn chinh Eumenes được nhắc đến với vai trò là chỉ huy quân sự.

Strabo (15.1.27) cho rằng quân Macedonia đã chịu tổn thất nặng nề sau trận mưa dữ dội. Trận mưa này đã đổ xuống từ khi họ rời Hydaspes; xem Diodorus 17.94.3. Về chuyện dịch bệnh, xem thêm Diodorus 17.93-5; Curtius 9.2.1-3.19 (cùng với các bài diễn văn của Alexander và Coenus); Plutarch, Alexander 62.

Tarn (Alexander 2.287) nghi ngờ rằng bài diễn văn của Alexander có thể chỉ là một tác phẩm chấp vá, vì nó không tách biệt rõ ràng với lời đáp của Coenus và Coenus đã ở lại Acesines (xem Quyển bốn), nơi ông qua đời ít lâu sau đó. Nhưng Coenus đã được sắp xếp để gửi các nhu yếu phẩm, và giống như Porus, ông chắc chắn đã hợp nhất với lực lượng của Alexander. Ông đã mất tại Hydaspes. Tuy nhiên, bài diễn văn có những câu nói mà tính xác thực của chúng vẫn còn bị nghi ngờ; xem Tarn.

Hiểu biết về sông Ganges của Alexander là khá đầy đủ, nhưng điều nghi vấn là Alexander vẫn cho rằng biển Đông ở gần đó, như Aristotle có thể đã dạy ngài. Dù trong hoàn cảnh nào, Nearchus đã viết rằng hành trình đi qua các vùng đồng bằng của Ấn Độ đã mất bốn tháng (Strabo 15.1.12).

Quan điểm cho rằng biển Hyrcanian (Caspian) là vịnh không phải là của Alexander mà là từ địa lý học của Eratosthenes (và Arrian). (Xem phần trước trong quyển này).

Xem Xenophon, Anabasis 1.7.4.

Ở đây, có thể có nhầm lẫn. Lĩnh Thessaly đã được cho về quê từ lúc ở Ecbatana chứ không phải ở Bactra.

Đầu năm 325, khi tin đồn lan tới Bactria rằng Alexander đã bị giết ở Malli, 3.000 lính đánh thuê đã nổi loạn và cuối cùng bỏ chạy về Hy Lạp (Curtius 9.7.1-11). Ngay sau cái chết của Alexander, một cuộc nổi loạn có quy mô lớn hơn của lính đánh thuê đã nổ ra ở Bactria (Diodorus 18.4.8; 7.1-9).

Carthage là tên gọi một thành phố cổ, thuộc xứ Tunisia ngày nay. (ND)

Diodorus (17.95.1) và Curtius (9.3.19) cũng xác nhận việc xây dựng 12 điện thờ cho 12 vị thần Olympia.

Theo Diodorus, điện thờ có chiều cao 23 mét. Không dấu tích nào của các điện thờ này còn sót lại, nhưng vì các dòng sông của Ấn Độ đã thay đổi rất nhiều sau thời đại của Alexander nên điều này không có gì đáng ngạc nhiên. Diodorus, Curtius và Plutarch (Alexander 62) còn bổ sung rằng Alexander cũng đã hạ lệnh xây dựng nơi ăn ngủ cho binh lính và chuồng ngựa cho ngựa chiến lớn hơn mức bình thường nhằm gây ấn tượng với hậu thế.

Điều này không được nhắc tới trước đó.

Xem Quyển năm.

Các sử gia nhìn chung đều xác nhận lá thư là có thật, nhưng rất khó có thể xác định ai là người biết về việc gạch xóa trong đó.

Curtius (9.3.20) cho rằng Coenus qua đời tại Acesines, nhưng vì ông và Diodorus đã nhầm lẫn khi cho rằng Alexander đã quay trở lại dòng sông này để gặp hạm đội của ngài nên chẳng có lý do gì để nghi ngờ Arrian. Về Coenus, xem Badian, JHS 1961, từ tr.20, mặc dù chúng ta không cần phải giả định rằng cái chết của Coenus là vì lý do khác chứ không chết một cách tự nhiên.

Theo Nearchus (Arrian, Indica 19.5), tổng số có 120.000 lính, bao gồm cả “những người dã man”.

Địa điểm này không được xác định. Diodorus (17.91.4) và Curtius (9.1.24) đã nhầm lẫn khi cho rằng vương quốc của Sopeithe nằm ở phía đông Cathaei, giữa hai dòng sông là Hydraotes và Hyphasis. Xem Strabo 15.1.30.

Xem Arrian, Indica 18.9-10. Strabo (15.1.28) nhận xét rằng Onesicritus xứng đáng là hoa tiêu chính trong số tất cả những hoa tiêu của Alexander, và rằng ông ta vượt trội hơn tất cả những người đi theo Alexander trong việc kể những câu chuyện kỳ lạ.

Trong Indica, Arrian đã đưa ra tổng số 800 tàu thuyền, hiển nhiên là từ số liệu của Nearchus. Diodorus và Curtius đưa ra con số là 1.000 tàu thuyền.

Nearchus (Indica 18.11) nói rằng Alexander đã làm lễ hiến tế các vị thần tổ tiên của ngài theo chỉ dẫn của các nhà tiên tri, đó là các vị thần: Poseidon, Amphitrite, các nữ thần Nereid, thần Biển cả và ba thần sông.

Theo Aristobulus (Strabo 15.1.17), Alexander đã bắt đầu lên đường “một vài ngày trước khi chòm Thất tinh xuất hiện”, nghĩa là khoảng đầu tháng Mười một năm 326.

Xem Indica 7.8-9.

Theo Curtius, lực lượng người Malli và Oxydracae khoảng 90.000 bộ binh, 10.000 kỵ binh và 900 chiến xa. Diodorus cho rằng lực lượng này gồm 80.000 bộ binh, 10.000 kỵ binh và 700 chiến xa. Arrian chỉ nhắc tới 50.000 quân Malli (xem phần sau trong quyển này).

Diodorus (17.97.2) so sánh cuộc vượt sông này với cuộc chiến của Achilles trên sông Scamander (Iliad 21.228).

Sa mạc Sanda-Bar.

Fuller chỉ ra rằng những “thị trấn” này chính là nhiều ngôi làng Ấn Độ hiện nay – “được hình thành từ nhiều túp lều đắp bằng đất bùn, chúng tạo nên một bức tường bảo vệ theo vòng tròn có chiều cao và độ dày không lớn lắm.”

Xem Curtius 9.4.26.

Strabo (16.1.3) đưa ra một ghi chép tương tự. Ông đã giải thích tại sao Gaugamela (có nghĩa là “nơi chặn thả lạc đà”) lại mang cái tên này.

Curtius (9.5.14) nhắc tới Timaeus và Aristonus cũng như Peucestas và Leonnatus, Plutarch (Moralia 327b, 344d) nhắc tới Ptolemy và Limnaeus. Peucestas và Leonnatus sau đó cũng được nhận vương miện bằng vàng vì họ đã góp phần cứu mạng Alexander.

Curtius (9.5.21) chỉ trích Cleitarchus và Timagenes vì đã thuật lại rằng Ptolemy có mặt trong trận chiến này. Trong cuốn History, chính Ptolemy đã thuật lại rằng thời điểm đó ông đang thực hiện một nhiệm vụ viễn chinh khác. Ptolemy nhận được danh hiệu “Vị cứu tinh” từ người Rhodian vào năm 304 vì đã giúp đỡ họ trong suốt cuộc vây thành Rhodes của Demetrius.

Curtius (9.6.6) nói rằng Craterus đã phê bình Alexander nhân danh các sĩ quan cấp cao, và đã nhận được sự ủng hộ của Ptolemy cũng như những người khác.

Một đoạn thuộc một trong những vở bi kịch đã bị thất lạc của Aeschylus.

Curtius (9.8.9) cho rằng tên của vị thống đốc cũ là Terioltes và ông ta đã qua đời.

Về mô tả vùng đất này của Onesicritus, xem Strabo 15.1.34.

Diodorus (17.102.5) và Curtius (9.8.11-13) ghi chép rằng Oxycanus, người mà họ gọi là Porticanus, đã qua đời; các tù binh đã bị đem bán và những thị trấn trong vương quốc của ông đều đã bị phá hủy.

Theo Diodorus và Curtius (người sử dụng trước tác của Cleitarchus làm cứ liệu chính), trong vùng này

có 80.000 lính Ấn Độ đã bị giết và nhiều người đã bị bắt làm tù binh.

Xem Arrian, *Indica*, Chương 11. Strabo (15.1.59) đưa ra một mô tả tốt hơn về những người Bà La Môn, dựa vào ghi chép của Megasthenes.

Nghĩa là Drangiana. Craterus có thể đã di chuyển thông qua con đường của các thủ lĩnh Hồi giáo.

Chính là điểm cao nhất của đồng bằng sông Ấn trong thời đại của Alexander. Nó thường được biết đến với tên gọi Hyderabad hoặc Bahmanabad. Alexander đã tới đó vào khoảng giữa tháng Bảy năm 325.

Gió mùa tây nam.

Theo Plutarch (Alexander 66.1), Alexander gọi hòn đảo này là Scyllustis, còn những người khác gọi nó là Psiltucis.

Những lễ hiến tế này, giống với những lễ tế được thực hiện vào đầu cuộc hành trình xuôi dòng sông Ấn (xem Quyển năm), là lễ tạ ơn của Alexander vì chuyến đi thành công của ngài.

Xem *Indica* 20.10. Wilcken, Alexander 196, coi việc hiến tế và rót rượu cúng là lễ tạ ơn mà Alexander thực hiện vì đã chạm tới “cực hạn của thế giới” cũng như là một lời cầu nguyện cho tương lai. Điều này dường như xuất hiện rất nhiều trong văn bản của Arrian. Chuyến hải hành của Nearchus đã được miêu tả trong *Indica*, chương 21-43.

Đó là số liệu của Nearchus; Aristobulus cho rằng các cửa sông Ấn cách đó khoảng 200 kilômét (Strabo 15.1.33). Nhánh sông phía đông của sông Ấn thời điểm đó được cho là đổ về phía đầm lầy Rann of Kutch.

Khoảng đầu tháng Mười một.

Nearchus đã rời Pattala vào khoảng ngày 21 tháng Chín năm 325, nhưng đã phải đợi ở nhánh sông phía đông của sông Ấn suốt 24 ngày cho tới khi gió mùa Đông Bắc xuất hiện (*Indica* 21).

Sông Hab, không phải là sông Purali. Về phát hiện này và đường hành quân của Alexander nói chung, xem Ngài Aurel Stein, *Geographical Journal* 1943. 193-227.

Về những động lực thúc đẩy Alexander hành quân qua Gedrosia, hiện nay là Makran, xem phần sau trong quyển này.

Các sư đoàn được đặt dưới quyền chỉ huy của Leonnatus, Ptolemy và Alexander (Diodorus 17.104.6).

Diodorus chắc chắn đã phóng đại khi viết rằng “hàng nghìn người” đã bị giết.

Vị trí của Rhambacia chưa được xác định. Diodorus (17.104.8) nói rằng Alexandria mới nằm ở bờ biển, nhưng Stein (tr. 215) cho rằng thị trấn mới nằm ở khu vực nội địa, gần Bela hiện tại.

Arrian sử dụng từ “Oreitae” và “Oria” một cách tùy tiện.

Một loài cây nhỏ, có gai, có mùi thơm mát rất dễ chịu. Nhựa của cây mật nhỉ lạp có thể sử dụng như một loại nước hoa, làm thuốc, hoặc để xức cho người chết. (ND)

Loài cây này, mà từ nó người ta tạo ra được một loại dầu thường được nhắc tới trong Kinh thánh, mọc nhiều đến nỗi người Macedonia sử dụng để lót giường ngủ (Strabo 15.2.3).

Xem thêm Strabo 15.2.6-7.

Đó là những người Ichthyophagi. Họ được Arrian mô tả chi tiết hơn trong cuốn *Indica* (chương 29). Xem Strabo 15.2.2; Diodorus 17.105.3-5; Curtius 9.10.8-10; Plutarch, Alexander 66.6.

Một thị trấn ở Thrace cạnh biển Đen, được những người khai khẩn đất mới từ Miletus xây dựng.

Bampur, nằm cạnh một con sông cùng tên, gần biên giới Carmania. Thời điểm mà Alexander hành quân tới đây có thể là vào cuối tháng Mười một năm 325.

Theo truyền thuyết, Semiramis là hoàng hậu của vua Ninus và là người kế tục ngai vàng của ngài, trở thành nữ hoàng của người Assyria. (ND)

Sự kinh dị của Alexander với Hercules và Perseus cũng là một động lực khiến ngài đi tới Siwah. Arrian (*Indica* 9) nhận xét rằng những người Ấn Độ phủ nhận việc từng có một người khác (ngoại trừ Hercules và Dionysus) đã xâm lược Ấn Độ trước Alexander; xem Strabo 15.1.6.

Chúng ta có thể loại bỏ tuyên bố của Plutarch (Alexander 66.4) rằng Alexander mang theo 120.000 bộ binh và 15.000 kỵ binh. Nearchus (Arrian, *Indica* 19.5) đáng tin hơn khi thuật lại rằng Alexander đã mang theo 120.000 binh lính khi bắt đầu cuộc hải hành xuôi dòng Hydaspes. Từ số liệu này, chúng ta có thể trừ đi số thương vong ở Ấn Độ, số binh lính được gửi trở lại cùng với Craterus, số người được để lại Ấn Độ và số binh lính cùng với Leonnatus ở lại lãnh thổ của người Oreitae. Ước tính số lính mà Alexander mang theo có thể trong khoảng từ 8-10.000 người (Tarn, Alexander 1.107) – chắc chắn là một số lượng quá thấp – tới 60-70.000 người (H. Strasburger, *Hermes* 1952, từ tr.486). Trong bất cứ trường hợp nào, chúng ta đều không biết rõ tỷ lệ sống sót sau cuộc hành quân đó là bao nhiêu.

Plutarch (Alexander 42.7) nói rằng sự việc diễn ra trong cuộc truy đuổi Darius, Curtius (7.5.10) cho rằng



nơi xảy ra sự việc này là ở Sogdiana gần sông Oxus.

Chòm Tiểu Hùng Tinh có Sao Bắc Đẩu; Đại Hùng Tinh còn được gọi là chòm Gấu Lớn, hoặc Cái Cày, mà từ đó, người ta có thể tìm thấy Sao Bắc Đẩu.

Apollophanes đã bị giết ngay sau chuyến khởi hành của Alexander trong một cuộc đại chiến chống lại người Oreitae (Arrian, *Indica* 23.5). Có thể nhiệm vụ của Apollophanes là cung cấp các nhu yếu phẩm cho quân đội của Alexander.

Việc này đã không được thực hiện vào thời điểm mà Alexander qua đời, tức là khoảng 18 tháng sau đó. Curtius (10.1.1) còn thêm vào Agathon. Ông thuật lại rằng cả bốn người này đều bị giam giữ và 600 người đi theo họ bị xử tử. Mặc dù Curtius không nói gì hơn về số phận của bốn sĩ quan này nhưng chắc hẳn họ đều bị tử hình. Về “thời gian cai trị kinh hoàng” của các xatrap của Alexander trong thời gian này, xem E. Badian, *JHS* 1961, từ tr.16.

Điều này không được xác minh nhờ vào lá thư của Alexander gửi Cleomenes (xem Quyển bảy).

Theo Diodorus (17.105.7) và Curtius (9.10.17), Alexander đã chỉ thị cho Phrataphernes và Stasanor cung cấp thực phẩm cho quân đội. Phrataphernes chắc hẳn đã bị nhầm sang Pharismanes; ở đây không thấy nhắc tới việc Phrataphernes đã tới nơi và tái hợp với lực lượng của Alexander.

Xem những mô tả tỉ mỉ trong Curtius (9.10. từ tr.24), Plutarch (Alexander 67) và Diodorus (17.106.1).

Câu chuyện có thể liên quan tới lễ hội được nhắc tới ở đoạn sau.

Arrian đã mô tả sinh động buổi gặp gỡ của Nearchus với Alexander tại Harmozeia (Hormuz) trong *Indica* (chương 33-6). Diodorus (17.106) cho rằng họ đã gặp nhau ở một thị trấn ven biển có tên là Salmus.

Chính là cuốn *Indica*, chương 18-43.

Đó là vào đầu tháng Mười hai năm 325.

Tức Aria.

Orxines là hậu duệ của Cyrus (Curtius 10.1.22).

Lăng mộ này ngày nay được biết tới như là lăng mộ của thân mẫu vua Solomon. Nó thường xuyên được mô phỏng lại, xem Jean-Louis Huot, *Persia* (London, 1965).

Các Magus thuộc giai cấp thầy tu người Media. Bên cạnh nhiệm vụ canh giữ lăng mộ của Cyrus, họ còn là người giải thích các giấc mơ và khi một người Ba Tư muốn thực hiện lễ hiến tế, họ cũng phải nhờ tới một Magus. Xem Herodotus 1.120.132.

Cyrus Đại đế là con trai của Cambyses I và là cha của Cambyses II. (ND)

Chính là Persepolis; xem phần trước.

Curtius (10.1.22-38) kể một câu chuyện khác. Theo sử gia này, Orxines vô tội và cái chết của ông là do Alexander nghe theo lời sàm tấu của hoạn quan Bagoas, kẻ đã nhận hối lộ của các nguyên cáo để đưa ra chứng cứ sai lầm. E. Badian (CQ 1985, từ tr.147) cho rằng dị bản này có phần chuẩn xác hơn.

Tuy nhiên, quân Macedonia lại lấy làm tức giận trước lối sống ngày càng theo lối phương Đông của Peucestas (xem Quyển bảy).

Xem Curtius 10.1.17-19 và Plutarch, Alexander 68.1. Trong số những kế hoạch (*Hypomnemata*) còn lại sau cái chết của Alexander có một cuộc viễn chinh tấn công Carthage, Bắc Phi, Tây Ban Nha, và bờ biển nước Ý tới Sicily (Diodorus 18.4.4). Tranh luận về tính xác thực của những kế hoạch này, xem E. Badian, *Harvard Studies in Classical Philology* 1968, từ tr.183. Châu Á, ở đây thường bao gồm cả châu Phi.

Một câu chuyện tương tự về Calanus cũng được Plutarch nhắc đến (Alexander 65.6).

Diogenes là một triết gia Khắc kỷ nổi tiếng, người dành phần lớn cuộc đời mình để sống tha hương ở Athens. Mặc dù ông có thể đã gặp Alexander tại Corinth vào năm 336, giai thoại này, cũng giống như các giai thoại khác trong đó triết gia luôn khôn ngoan hơn hoàng đế, có thể là hư cấu. Trong trước tác của Plutarch (Alexander 14) và những sử gia khác – không ít hơn 22 lần nhắc tới câu nhận xét của Alexander: “Nếu ta không phải là Alexander, ta muốn là Diogenes.”

Arrian dường như đã dựa vào ghi chép của Aristobulus đã được Strabo (15.1.61) đưa ra.

Strabo (15.1.63-5) giữ được một phiên bản đầy đủ hơn về ghi chép của Onesicritus, người đã được cử tới thăm các triết gia Ấn Độ. Các học thuyết của họ là “học thuyết theo trường phái triết học Khắc kỷ”. (T. S. Brown, *Onesicritus* 45).

Plutarch (Alexander 65.5-6) nói rằng tên của triết gia này là Sphines, nhưng những người Hy Lạp khác gọi ông là Calanus bởi ông sử dụng lời chào là “Cale” theo tiếng Ấn Độ thay vì từ “Chaire” theo tiếng Hy Lạp.

Theo Strabo (15.1.68), Calanus mất ở Pasargadae, nhưng Diodorus (17.107.1) lại cho rằng ông mất ở vùng biên giới giữa Ba Tư và Susiane. Câu chuyện này rất phổ biến trong thời xưa; xem M. Hadas, *Hellenistic Culture*, từ tr.178.

Arrian, *Indica* 10.

Xem Plutarch, Alexander 69.8, và Strabo 15.1.68. Chares và Onesicritus thuật lại rằng Calanus đã lao mình vào ngọn lửa.

Atropates là thống đốc của Media. Abulites và Oxathres lần lượt cai trị Susiane và Paraetacene (xem Quyền ba). Theo Plutarch (Alexander 68.7), nhà vua đã phóng cây sarissa hay cây thương vào người Oxathres.

Xem Curtius 10.1.39. Về việc xử tử các thống đốc trong giai đoạn này, xem E. Badian, *JHS* 1961, 16.

Barsine là tên chính thức. Còn thông thường, cô được gọi là Stateira.

Nhờ việc kết hôn với các cô gái dòng dõi quý tộc, Alexander đã tự kết nối ngài với các nhánh của hoàng gia Ba Tư. Artaxerxes III Ochus đã cai trị Ba Tư từ năm 359 tới 338 TCN.

Chares, viên thị thần hoàng gia, người đã mô tả chi tiết các lễ hội, đã đưa ra con số là 92 chú rệp; xem Athenaeus 12.538b-539a. Về mục đích của Alexander, xem Wilcken, Alexander 208.

Xem Diodorus 17.109-1-2; Curtius 10.2.9-11; Plutarch, Alexander 70.3. Plutarch và Curtius đều đưa ra con số là 9.870 ta-lăng, trong khi Diodorus nói rằng số này “ít hơn 10.000 ta-lăng”.

Xem Arrian, *Indica* 23.5; Curtius 9.10.19.

Curtius (8.5.1) xác định thời điểm gây dựng lực lượng này là vào khoảng năm 327; tương tự với Plutarch (Alexander 47.6). Diodorus (17.108) cho rằng sự kiện này xảy ra sau cuộc binh biến ở Hyphasis.

Xem thêm Phụ lục A.

Có một sự sửa chữa nhỏ trong văn bản (xem E. Badian, *JHS* 1965, 161). Ở đây nên hiểu là “đạo quân kỵ binh thứ mười lăm hầu hết là lính phương Đông, nên sức mạnh của toàn kỵ binh được gia tăng nhờ vào lượng binh lính nước ngoài được thêm vào.”

Sau khi nối với dòng Coprates, dòng sông này được biết tới với tên gọi Pasitigris, mà vào thời của Alexander nó đổ vào vịnh Ba Tư. Nearchus đã giong buồm ngược dòng Pasitigris tới khu vực lân cận của Susa; xem Arrian, *Indica* 42. Dòng Pasitigris ngày nay đổ vào sông Shatt-al-Arab, như một hợp lưu của dòng Euphrates và Tigris. Trong thời cổ đại, hai dòng sông này đều đổ vào vịnh Ba Tư qua những cửa sông khác nhau, như Arrian đã thuật lại.

Xem Strabo 16.1.9-10; Herodotus 1.193. Strabo (16.1.11) mô tả, dựa trên cứ liệu của Aristobulus, cách Alexander cải thiện được việc tưới tiêu của vùng này.

Xem Strabo 16.1.9.

Curtius (10.2.12-30) và Diodorus (17.109), người đã bị bắt giữ sau bài diễn văn của Alexander, nói rằng Alexander đã tự tay bắt những kẻ cầm đầu cuộc nổi loạn. Về sự kiện này, xem Plutarch, Alexander 71.

Những mỏ vàng mỏ bạc tại núi Pangaeum gần Philippi được cho là đã mang lại hơn 1.000 ta-lăng mỗi năm cho vị hoàng đế này (Diodorus 16.8.6).

Vào năm 346 TCN.

Chắc chắn, Alexander muốn nhắc tới đóng góp của mình trong trận Chaeroneia vào năm 338; xem Plutarch, Alexander 9.2-4; Diodorus 16.86.

Demosthenes (Halonnesus 12) cho rằng đó là thời gian người Macedonia phải nộp cống vật cho Athens.

Người Thebes dưới sự chỉ huy của Pelopidas đã dần xếp ổn thỏa các sự vụ với người Macedonia vào năm 368. Philip đã đóng vai trò là con tin tại Thebes vào các năm 368-365 TCN.

Về những sự kiện sau trận Chaeroneia, xem Wilcken, Alexander, từ tr.41.

Xem Curtius 10.2.24; Plutarch, Alexander 15.2. Về vấn đề tài chính của Alexander, xem A. R. Bellinger, *Essays on the Coinage of Alexander the Great* (New York, 1963) tr.35.

Về sự xa hoa của các tướng lĩnh dưới quyền Alexander, xem Plutarch, Alexander 42; Athenaeus 12.539; Aelian, *Varia Historia* 9.3.

Plutarch đã liệt kê những vết thương của Alexander trong *Moralia* 327a-b và 341a-c.

Chắc chắn đây là một sự phóng đại. Chúng ta chỉ được nghe về lễ kỷ niệm tại Susa (xem Quyền ba).

Nhưng dường như chỉ có 25 Chiến hữu hy sinh trong trận Granicus được đúc tượng. Plutarch (Alexander 71.9) nói rằng Alexander đã trợ cấp một khoản tiền cho con cái của những người đã hy sinh trong cuộc viễn chinh.

“Người thân/họ hàng” [Kinsman] là một danh hiệu mà vua Ba Tư ban cho những người đứng đầu đất nước này. Curtius (3.3.14) cho rằng số lượng những người này lên tới 15.000 người. Về nộ hôn theo phong tục, xem Quyền bốn.

Tên gọi sau là dành cho vệ quân (hypaspists). Diodorus (17.57.2) sử dụng tên gọi Những tám khiên bạc cho vệ quân trong trận Gaugamela. Xem Tarn, Alexander 2.151-2.

Đây rõ ràng là một sự phóng đại, trừ phi “những người Macedonia” được hiểu là các sĩ quan người Macedonia.

Dạ yến này được tổ chức để kỷ niệm sự hòa giải giữa Alexander và những người đồng hương Macedonia cũng như (hy vọng là) giữa người Macedonia và người Ba Tư. E. Badian (Historia 1958, từ tr.428) đã bác bỏ ý kiến của Tarn (Alexander 2. từ tr.434) rằng Alexander đã cầu nguyện cho “sự đoàn kết của toàn nhân loại.” Về bài tụng ca sau dạ yến, xem Xenophon, Symposium 2.2.1.

Theo mong muốn của Alexander; xem phần trước trong quyển này.

Xem Diodorus 17.114.1; Plutarch, Alexander 47.9-10; Curtius 6.8.2. Craterus được cho là (Plutarch, Eumenes 6.3) sĩ quan được binh lính Macedonia quý mến hơn cả vì sự chống đối của ông với cung cách ngày một phương Đông hóa của Alexander.

Nghĩa là thay thế Antipater, trở thành người ủy quyền của Alexander trong việc lãnh đạo Liên minh Corinth.

Vào thời điểm Alexander qua đời, khoảng chín tháng sau, Craterus vẫn chưa đi quá vùng Cilicia.

Về mối bất hòa giữa Antipater và Olympias, xem Diodorus 17.118.1, Plutarch, Alexander 40.11-13; Curtius 10.10.14. Về mối quan hệ giữa Alexander và Antipater, xem E. Badian, JHS 1961, từ tr.36 và G. T. Griffith, Proceedings of the African Classical Associations 1965, từ tr.12.

Có một trang bị mất kể từ đầu (\*)

Xem Plutarch, Eumenes 2.

Từ Opis tới Ecbatana (Hamadan).

Về ngựa Nesaea, xem Herodotus 7.40.2; Strabo 11.13.7. Diodorus (17.110.6) đưa ra số liệu có chút khác biệt; số lượng ngựa trước kia được chặn thả ở đồng bằng Nesaea là 160.000 con và chỉ còn khoảng 60.000 con khi Alexander đặt chân tới vùng này.

Nhiều sử gia thuật lại rằng Nữ hoàng Amazon đã tới thăm Alexander tại Hyrcania hoặc khu vực gần Jaxartes; Diodorus 17.77.1, Curtius 6.5.24-32, gọi nữ hoàng là Thalestris. Plutarch (Alexander 46) đã đưa ra một danh sách dài các sử gia chấp nhận hoặc phủ nhận câu chuyện này.

Xenophon có nhắc tới trang bị vũ khí của nữ tộc Amazon trong Anabasis (4.4.16) nhưng điều đó không có nghĩa là ông đã gặp bất cứ ai trong số họ.

Không một sử gia cổ đại nào nghi ngờ sự tồn tại của nữ tộc Amazon trong quá khứ, kể cả người hoài nghi nhất là Strabo (11.5.3).

Xem Plutarch, Theseus 27.

Trận chiến thứ hai là trận Marathon vào năm 490. Cả hai bức tranh đều do Micon, một người nổi danh vào khoảng năm 460, vẽ và được trưng bày tại Stoa Poikile ở Athens. Xem Pausanias 1.15, 8.11; Aristophanes, Lysistrata 678. Chúng ta có thể hiểu rằng “Cimon” ở đây nghĩa là “Micon”, cho dù rất có thể đây là sai sót của Arrian.

Xem Herodotus 4.110-17; 9.27.

Xem Lysias, Epitaphios 1; Isocrates, Panegyricus 19; Plato, Menexenus 239B.

Xem Plutarch, Alexander 72.1; Diodorus 17.110.7-8.

Xem Plutarch, sdd.

Về sự ganh đua của Alexander với Achilles, và về mối quan hệ của ngài với Hephaestion, xem Quyển một.

Về sự tiếc thương của Achilles trước cái chết của Patroclus, xem Homer, Iliad 23.141, 152.

Xem Herodotus 7.35. Theo sử gia Herodotus, trong cuộc chiến của Xerxes Đại đế chống lại người Hy Lạp, vị vua này đã cho xây dựng một cây cầu từ cây lanh và cây cói để vượt qua eo biển Hellespont. Khi cây cầu sắp được hoàn thành thì một cơn bão dữ dội kéo tới khiến nó bị phá hủy hoàn toàn. Vô cùng tức giận vì điều này, Xerxes đã ra lệnh chém đầu các kỹ sư xây cầu và thậm chí còn “trừng phạt” eo biển Hellespont bằng cách dùng roi quất vào mặt nước 300 lần, vừa đánh vừa lớn tiếng đọc các tuyên cáo sỉ nhục. (ND)

Trung tâm của việc thờ cúng Asclepius thuộc vùng Argolid.

Ở phần trước, Arrian thuật lại rằng sự việc này là có thật.

Plutarch cũng kể rằng giàn thiêu đó có giá 10.000 ta-lăng, nhưng Diodorus lại nói là 12.000 ta-lăng. Về mô tả chi tiết “giàn thiêu”, xem Diodorus 17.115. Plutarch cho rằng đó là “một lăng mộ”, và hiển nhiên nó được xây dựng để vinh danh Hephaestion; xem Wilcken, Alexander 234-6.

Xem Diodorus 17.114.4-5; Plutarch, Alexander 72.3; 75.3; Eumenes 2; Pelopidas 34.2; Aelian, Varia Historia 7-8.

Xem phần trước trong quyển này. Ghi chép về cuộc tranh cãi của hai sĩ quan này đã bị mất.

Cuộc chinh phạt kéo dài 40 ngày. Plutarch (Alexander 72.4) cho rằng những người Cossaea đã bị thảm sát như là một “lễ hiến tế” dâng lên Hephaestion. Tuy nhiên, trong cuốn *Indica* (40.6-8), Arrian nói rằng Alexander đã thành lập nhiều thành phố để khuyến khích người Cossaea định cư và chung sống hòa bình; xem Diodorus 17.111.6.

Diodorus (17.113.1-2) đưa ra một danh sách tương tự nhưng không giống hoàn toàn.

Công trình của hai sử gia này hiện đã bị thất lạc. Aristus, thuộc vùng Salamis của Cyprus, đã mô tả lăng mộ của Cyrus (Strabo 15.3-8), và có thể đồng nhất với mô tả được tin tưởng của Antiochus II.

Cleitarchus (trong Pliny, *Natural History* 3.57) cũng thuật lại rằng những người La Mã đã gửi sứ thần tới tiếp kiến Alexander.

Quan điểm này về biển Caspian, xem Quyển năm. Alexander chắc chắn đã được Aristotle kể rằng Caspian không phải là vịnh, nhưng việc khám phá ra vịnh Ba Tư đã khiến ngài nghi ngờ điều này.

Về đoạn này, xem Tarn, Alexander 2.11.

Các vị tư tế của Bel (Marduk).

Euripides (480-406 TCN): nhà bi kịch nổi tiếng thời Hy Lạp cổ đại. (ND)

Trích từ một vở bi kịch đã thất truyền. Câu này thường được trích dẫn mà không hề nhắc tới tác giả nhưng Plutarch (*Moralia* 432c) cho rằng nó là của Euripides.

Xem Herodotus 1.32; Plutarch, Solon 27.

Xem Strabo 16.1.5. Herodotus (1.181) mô tả đền thờ, và nói rằng nó vẫn còn tồn tại cho tới thời của ông (xem chú thích của How và Wells cho đoạn này). Về mệnh lệnh khôi phục đền thờ của Alexander, xem Quyển ba. Diodorus (17.112.2) thuật lại một cách lạ lùng rằng các vị tư tế đã nói với Alexander rằng ngài có thể thoát khỏi nguy hiểm nhờ vào việc tái xây dựng đền thờ.

Xem Quyển ba. Về câu chuyện này, xem thêm Plutarch, Alexander 73.3-5; Appian, *Civil Wars* 2.639.

Xem Cicero, *On Divination* 1.119, 2.32.

Perdiccas bị chính binh lính của mình giết hại tại Memphis vào năm 321 (Diodorus 18.36). Còn trận Ipsus diễn ra tại Phrygia vào mùa hè năm 301.

Xem Plutarch, Alexander 69.7; Cicero, *On Divination* 1.47.

Vì lúc đó là mùa xuân năm 323, thời điểm này có vẻ muộn hơn so với sự kiện Hy Lạp gửi các sứ thần tới chúc mừng Alexander. Diodorus (17.113.3-4) cho rằng những sứ thần của Hy Lạp xuất hiện vào thời điểm đó với nhiều mục đích khác nhau, bao gồm cả việc đưa ra những tranh luận chống lại việc triệu hồi những người bị trục xuất khỏi thành bang của họ, như Alexander đã yêu cầu. Về mệnh lệnh này, xem Diodorus 18.8.2 (17.109.1), Curtius 10.2.4; Tod, các trang 201, 202.

Xem các quyển trước.

Ở đây Arrian dựa vào trước tác của Aristobulus; xem Strabo 16.1.11.

Tương đương với cụm từ trong nguyên tác, nghĩa là “chủ yếu nhằm chống lại những người Ả Rập.”

Strabo (16.1.11) sử dụng trước tác của Aristobulus làm cứ liệu chính cho những tuyên bố cho rằng những người Ả Rập đã không hề cử sứ thần tới tiếp kiến Alexander và vị hoàng đế trẻ tuổi “đang nuôi tham vọng trở thành chúa tể của toàn thế giới”. Arrian dĩ nhiên chấp nhận quan điểm này của Alexander.

Xem Herodotus 3.8 (cùng với chú thích của How và Wells).

Mặc dù không ghi rõ nguồn ở đây, nhưng trong đoạn này nguồn cứ liệu chính của Arrian vẫn là trước tác của Aristobulus (Strabo, Sđd).

Một hòn đảo thuộc quần đảo Sporades, phía Tây Samos, hiện nay được gọi là Nikaria. Về câu chuyện của Daedalus và Icarus, xem Ovid, *Metamorphoses* 2.21-96.

Hiện tại là Bahrein.

Báo cáo về chuyến hải hành này đã được Theophrastus sử dụng trong các tác phẩm về thực vật của ông. Đó là bán đảo Ras Mussandam (Maketa), mà Nearchus đã nhìn thấy từ Hormuz.

Arrian, *Indica* 32.

Nhánh sông này đổ vào vịnh Ba Tư gần Teredon.

Strabo 16.1.9-11.

Khoảng một năm trước đó (tháng Tư/Năm năm 324) Alexander đã thành lập thị trấn Alexandria (sau này là Charax) giữa hai cửa sông của sông Tigris và sông Eulaeus; xem Pliny, *Natural History* 6.138.

Diodorus (17.116.5-7) viết là “một trong những người chèo thuyền”. Ông không nói gì về số phận của người này.

Menidas được nhắc tới gần nhất là vào mùa đông năm 328/327, khi ông được cử đi từ Nautaca tới Macedonia để mang viện quân tới (xem Quyển bốn).

Điểm quan trọng là những sứ thần này đội trên đầu những vòng hoa theo nghi lễ. Điều này cho thấy họ là các theoroi, những đại diện của thần linh và khẳng định nguồn gốc thần thánh của Alexander. Plutarch (*Moralia* 219e) và Aelian (*Varia Historia* 2.19) nhắc tới việc chính Alexander đã yêu cầu họ thừa nhận ngài là một vị thần. Về vấn đề gây tranh cãi này, xem J. P. V. D. Balsdon, *Historia* 1950, từ tr.383 và tốt hơn nữa là xem Wilcken, *Alexander* tr.209-215.

Xtator là một đơn vị tiền tệ Hy Lạp cổ. (ND)

Đồng xtator được nhắc tới ở đây có thể là xtator bạc, tương đương với một đồng tetradrachm của Athens, và một lính “mười-xtator” nhận được 40 dracma mỗi tháng. Lính “lương-dúp” có thể nhận được 60 dracma, còn lính thường thì nhận được 30 dracma mỗi tháng. Theo một ghi chép rời rạc, số tiền phải trả hàng ngày cho một Hypaspist trong lực lượng viễn chinh là 1 dracma.

Về thông điệp của các sứ thần, xem tr. 372. Plutarch (*Alexander* 72.2) đồng ý với Arrian, tuy nhiên Diodorus (17.115.6) thuật lại rằng thần Ammon cho phép vinh danh Hephaestion như một vị thần.

Về việc bổ nhiệm ban đầu của Cleomenes, xem Quyển ba. Cleomenes được Alexander bổ nhiệm làm thống đốc (xatrap) của Ai Cập. Đây chính là người đã khiến nạn đói ở Hy Lạp (330-26) thêm trầm trọng bằng cách độc quyền xuất khẩu ngũ cốc từ Ai Cập và bán chúng với giá cao; ngoài ra Cleomenes còn chiếm đoạt một lượng lớn tài sản của các tư tế (Ngụy Aristotle, *Oeconomica* 2.33; Ngụy Demosthenes 56.7). Cleomenes sau này bị khép vào tội chết dưới tay của Ptolemy, người đã giành được Ai Cập bằng cách chia rẽ các địa hạt sau khi Alexander qua đời.

Pharos nằm cách bờ biển khoảng 1,6 kilômét, cách châu thổ sông Nile khoảng 32 kilômét về phía tây.

Alexander đã nối hòn đảo này với đất liền bằng đê chắn sóng, và nhờ đó xây dựng hai cảng biển cho Alexandria. Ngọn hải đăng do Ptolemy II xây dựng. Xem mô tả của Strabo về thành phố, 17.1.6-10.

Về tính xác thực của lá thư này, xem CQ 1953, từ tr.157.

Plutarch (*Alexander* 73) nói rằng đó là một người Messenia tên là Dionysius. Cả ông và Diodorus (17.116) đều nói rằng đó là một tù nhân đang chịu án treo, nên việc giam giữ anh ta có phần lợi lòng. Người ta cho rằng hành động của tù nhân này hoặc là tự phát hoặc là do thần linh dẫn động.

Plutarch và Diodorus nói rằng người đàn ông này đã bị khép tội chết.

Trong cuộc viễn chinh tấn công người Ả Rập tiếp theo.

Xem Plutarch, *Alexander* 75.4, Diodorus 17.117.1.

Plutarch (*Alexander* 76) đưa ra một bản khác về nhật ký hoàng gia mà ông khẳng định phần lớn là trích dẫn nguyên văn. Bản của Plutarch chỉ khác một vài chi tiết so với bản mà Arrian đưa ra. Aelian (*Varia Historia* 3.23) đưa ra một bản thứ ba được cho là của Eumenes, người giữ Nhật ký. Bản này có ít điểm giống với hai bản trước. Về vấn đề liệu Nhật ký này có phải là một cứ liệu đáng tin về những ngày cuối cùng của Alexander hay không, xem Pearson, *Historia* 3 (1954/55), từ tr.429, và A. E. Samuel, *Historia* 1965.

Về cuộc viễn chinh tấn công Ả Rập.

Demophon và Cleomenes đều là các nhà tiên tri người Hy Lạp, những người còn lại đều là những người Macedonia lỗi lạc, Attalus là chỉ huy một tiểu đoàn và là anh rể của Perdicas.

Thông thường, người ta cho rằng Sarapis (hoặc Serapis) là tên hiệu của Ptolemy I và vị thần có tên Separis chắc hẳn là một vị thần có tên gọi tương tự hoặc có quyền năng giống như thần Bel (Marduk). Về Sarapis, xem W. W. Tarn (*Historia* 1962 từ tr.238). Tuy nhiên, cũng có nhiều tranh luận cho rằng Alexander đã sáng lập nên giáo phái Sarapis, mà ngày nay vẫn tồn tại ở Ai Cập, và sau đó mang giáo phái này tới phương Đông cùng với ngài.

Cụm từ này cũng có thể có nghĩa là “người mạnh nhất”. Xem Diodorus (17.117.4-5) và Curtius (10.5.4-5), người thuật lại rằng Alexander đã đưa nhẫn của ngài cho Perdicas.

Xem Diodorus 17.118; Curtius 10.10.14; Plutarch, *Alexander* 77.2.

Không thứ nào trong số này có thể chứa thuốc độc. Người ta thường kể lại rằng đó là nước sông Styx, con sông bắt nguồn ở gần Nonacris ở phía bắc Arcadia; xem Pliny, *Natural History* 30.149; Pausanias 8.17.6. Nói chung, giả thuyết về việc Alexander bị đầu độc không đáng tin lắm. Tuy nhiên, có thể tham khảo tài liệu R. D. Milns, *Alexander the Great* (London, 1968) 255-8, người cho rằng thuốc độc là mã tiền với liều lượng thấp.

Về “chiếc cốc của Hercules”, xem Diodorus 17.117.1-2 (cùng với chú thích của Welles trong phiên bản Loeb). Plutarch (*Alexander* 75.5) đã hoàn toàn phủ nhận câu chuyện này.

Theo lịch hiện đại, Alexander mất vào ngày 10 tháng Sáu năm 323 TCN.

Về các ví dụ cho việc này, xem Plutarch, *Alexander* 39.

Plutarch (Alexander 28.6) cũng cho rằng đây là những động lực thúc đẩy Alexander khẳng định ngài là con trai của thần Zeus. Tuy nhiên, hãy xem CQ 1953, từ tr.151 về tầm quan trọng của lá thư Alexander đã gửi cho người Athens mà Plutarch đã trích dẫn trong cùng một chương.

Arrian trước đó đã bình luận về thói nghiện rượu của Alexander.

Xem những câu chuyện đã được Plutarch (Alexander 2) kể lại.

JHS 83 (1963), 27-46. Câu trích dẫn nằm ở tr. 29.

Như G. T. Griffith đã nhấn mạnh trong “A Note on the Hipparchies of Alexander” trong JHS 83 (1963), 68-74, tại tr.71.

Trong Greek, Roman and Byzantine Studies 7 (1966), 159-166.

Trong JHS 85 (1965), tr.160-161.

Vào khoảng thế kỷ thứ III SCN, có một tác phẩm đã tập hợp các truyền thuyết, huyền thoại xung quanh các cuộc chinh phạt của Alexander Đại đế với nhan đề là Alexander Romance, trong đó có một số câu chuyện ghi tên tác giả là Callisthenes. Tuy nhiên, sử gia này đã chết khi Alexander còn chưa qua đời nên ông không thể có một ghi chép đầy đủ về cuộc đời của Alexander. Tác giả khuyết danh của cuốn Alexander Romance, bởi vậy, thường được gọi là Ngụy Callisthenes. (ND)

Sự kiện sáng lập Alexandria thường được đặt trước chuyến viếng thăm Siwah theo cú liệu của Arrian. Tuy nhiên, xem thêm C. B. Welles, Historia 1962, từ tr.276.

Theo Curtius (5.6.12), việc đốt cung điện diễn ra sau cuộc viễn chinh tấn công Mardi, sự kiện bắt đầu vào khoảng ngày 6 tháng Tư và kéo dài khoảng 30 ngày.

Xem D. M. Lewis trong Classical Review 1969, tr. 272.

Những chú thích của người dịch (ND) và người biên tập (BT) sẽ được ghi chú rõ. Những chú thích khác là chú thích của bản dịch tiếng Anh.

Epictetus (50-120 SCN): triết gia vĩ đại thuộc trường phái Khắc kỷ [Stoicism]. Triết lý này đề cao sự tri túc [contentment – nghĩa là biết đủ]. Tri túc đem đến một đời sống lặng lẽ, bình yên, không có gì đáng để bận tâm phiền não. Sự bình an tâm hồn là điều đáng quý trọng hơn cả. Niềm an lạc ấy được tìm thấy thông qua sự tự kiểm chế [self-control] hay tự chủ [self-mastery]; đó là khả năng chế ngự lòng ham muốn và làm chủ bản thân, không để mình buông thả theo dục vọng. (ND)

Hoàng đế Hadrian (76-138 SCN): Hoàng đế La Mã trị vì từ năm 117 cho đến khi ông qua đời vào năm 138 SCN. (ND)

Hội đồng Areopagus còn được gọi là Hội đồng Công tố hay Hội đồng Quý tộc, là hội đồng tư pháp và lập pháp cao nhất của Athens thời cổ đại. (ND)

Cuốn sách này được viết bằng tiếng Hy Lạp. Đây là lời tựa của bản dịch tiếng Anh do Aubrey de Selincourt chuyển ngữ.

Hoàng đế Marcus Aurelius (121-180 SCN): hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 161 cho tới khi ông qua đời vào năm 180. Cuốn sách nổi tiếng được nhắc đến ở đây là cuốn Meditation (tạm dịch: Suy ngẫm), một trong những tác phẩm được đánh giá là kinh điển của triết học Khắc kỷ. (ND)

Appian (95-165 SCN): sử gia người Hy Lạp của La Mã. Ông là tác giả của cuốn Roman History (tạm dịch: Lịch sử La Mã) gồm 24 quyển được viết bằng tiếng Hy Lạp. (ND)

Pausanias (nổi danh vào khoảng 143-176 SCN): nhà địa lý người Hy Lạp. (ND)

Galen (129-200/ 217-216 SCN): thầy thuốc, nhà văn, nhà triết học nổi tiếng người La Mã gốc Hy Lạp. Ông có viết một tác phẩm nhỏ mang tên That the Best Physician is also a Philosopher (tạm dịch: Thầy thuốc giỏi cũng là một nhà triết học). Học thuyết của ông đã chi phối và gây ảnh hưởng tới y học châu Âu từ thời Trung cổ cho đến giữa thế kỷ XVII. (ND)

Lucian (125/120- sau 180 SCN): một nhà trào phúng, nhà hùng biện và viết luận bằng tiếng Hy Lạp. (ND) Ý nói việc Arrian và một số nhà văn cùng thời với ông cố gắng mô phỏng ngôn ngữ Hy Lạp cổ đại của ba, bốn trăm năm trước. (ND)

Phương ngữ Hy Lạp cổ đại được sử dụng ở vùng Attica, Athens và Ionia. (ND)

Thomas North (1535-1604): dịch giả người Anh. Ông là người đã dịch cuốn Parallel Lives (tạm dịch: Những cuộc đời song hành) của Plutarch sang tiếng Anh. (ND)

Percy Bysshe Shelley (1792-1822): nhà thơ, nhà triết học Anh, một trong những nhà thơ lớn nhất của thế kỷ XIX. Ông là người đã dịch tác phẩm Symposium của Plato sang tiếng Anh. (ND)

Philip A. Stader (Greek, Roman and Byzantine Studies 8, 1967, từ tr.155) đã chỉ ra rằng Xenophon không chỉ là tên hiệu, mà còn là một phần trong tên của nhà sử học.

Arrian được bầu làm quan chấp chính vào năm 129 hoặc 130 SCN, và trong thời đại của ông, thông

thường người được bổ nhiệm giữ vị trí này phải vào khoảng 42 tuổi; xem JRS55 (1965), tr.142.

Nữ thần Nông nghiệp, một trong mười hai vị thần trên đỉnh Olympus. (ND)

Còn được gọi là nữ thần Persephone, con gái của thần Zeus và nữ thần nông nghiệp Demeter. (ND)

Ám chỉ triều đại Flavia, một triều đại La Mã kéo dài từ năm 69 đến năm 96 SCN. Những hoàng đế Flavia bao gồm Vespasian (trị vì từ năm 69-79 SCN), và hai con trai của ông là Titus (trị vì từ năm 79-81 SCN) và Domitian (trị vì từ năm 81-96 SCN). (ND)

Chúng ta không rõ tại sao Arrian lại chọn theo học triết gia Epictetus tại Athens. Trong một bài báo quan trọng về vai trò thống đốc của Arrian đăng trên tờ English Historical Review năm 1896 (được in lại trong cuốn Essays của ông, F. Haverfield biên tập, Oxford, 1906), Giáo sư H. F. Pelham cho rằng Arrian chắc hẳn chịu ảnh hưởng của truyền thống bên dòng họ ngoại, “gen” Arrian, một dòng họ nổi tiếng về Chủ nghĩa Khắc kỷ La Mã. Giáo sư ước đoán rằng tên hiệu Arrianus là ngăm chỉ họ của người mẹ, một kiểu thường thấy vào thế kỷ thứ I và thứ II SCN.

Trong một lá thư gửi Lucius Gellius, Arrian đưa ra lý do cho việc xuất bản những lời giảng dạy của thầy mình. Chúng ta biết rằng vị Gellius này là một công dân nổi tiếng của thành Corinth, L. Gellius Menander, người cùng với con trai mình, L. Gellius Iustus, đã cho xây dựng một văn bia vinh danh Arrian tại Corinth; xem G. W. Bowersock trong Greek, Roman and Byzantine Studies 8 (1967), tr. 279-280.

Trích dẫn này được lấy từ trang 218, dòng thứ 3, trong một bài báo của Pelham.

Dion (408-305 TCN): bạo chúa vùng Syracuse, thuộc Sicily. (ND)

Timoleon (411-337 TCN): tướng lĩnh, chính trị gia người Hy Lạp. (ND)

Điều này khiến Arrian còn được gọi là “Xenophon thứ hai”. Bản thân ông thường tự nhận mình là “Alexander giữa các nhà văn”. (ND)

Quyển thứ 17 của Diodorus đã được C. Bradford Welles dịch (cùng với những chú thích bổ ích) trong bộ sách của Thư viện sách kinh điển Loeb (The Loeb Classical Library), cuốn sách của Curtius cũng đã được J. C. Rolfe dịch trong cùng bộ này, và Justin (cùng Cornelius Nepos và Eutropius) ở Thư viện của Bohn. Tác phẩm về Alexander của Plutarch là tác phẩm thường xuyên được chuyển ngữ, bản dịch gần đây nhất của cuốn này là của dịch giả Ian Scott-Kilvert, có tên The Age of Alexander (Penguin Books). Những tác giả này là đối tượng nghiên cứu chi tiết của Lionel Pearson trong cuốn The Lost Histories of Alexander the Great (New York, 1960).

Callisthenes được coi là sử gia chính thức của Alexander cho tới khi ông bị thất sủng và bị hành hình vì tội mưu phản. (ND)

Về phần này, xem thêm nghiên cứu của tôi, Plutarch Alexander: A Commentary (Oxford, 1969), lx-lxii.

Xem thêm phân tích thuyết phục của C. B. Welles trong bài “The reliability of Ptolemy as an historian”, Miscellanea... A. Rostagni (Turin, 1963), từ tr.101. Curtius, người đã đọc cuốn sách của Ptolemy, có thể đã nhắc tới khía cạnh này về tác phẩm của Ptolemy khi ông mô tả Ptolemy (9.5.21) là một người đàn ông “chắc chắn không có khuynh hướng nói giảm nhẹ sự vẻ vang của riêng mình”.

R. M. Errington, “Bias in Ptolemy’s History of Alexander”, CQ, 1969, từ tr.233, đưa ra một vài ví dụ về việc Ptolemy kể sai sự thật. Errington nhận định rằng Aristonous bị tước đoạt đi niềm vinh dự là đã cứu sống Alexander, nhưng ông lại không thừa nhận quan điểm phổ biến cho rằng Ptolemy đã “phốt lờ” những chiến thắng vang dội của Antigonos trước những kẻ sống sót ở Issus, vì sự kinh địch của Ptolemy với Antigonos chỉ xuất hiện sau năm 314.

Proskynesis là hành động cúi chào hoặc quỳ lạy. Đây là phong tục của người Ba Tư, nhằm thể hiện lòng kính trọng với những người có địa vị cao hơn. Nghi lễ này không được người Hy Lạp chấp thuận vì họ cho rằng việc quỳ lạy là nghi lễ chỉ dành cho thần linh. Sự bất đồng quan điểm này đã dẫn tới âm mưu sát hại Alexander Đại đế, mà những người chủ mưu được cho là Philotas và Callisthenes. (ND)

Strabo (63/64 TCN-24 SCN): sử gia, nhà địa lý và nhà triết học Hy Lạp. (ND)

Quintus Curtius Rufus: một sử gia La Mã, viết dưới triều đại của hoàng đế Claudius (41-54 SCN) hoặc Vespasian (69-79 SCN). Tác phẩm còn lại duy nhất của ông là Historiae Alexandri Magni, một tiểu sử bằng tiếng Latinh về Alexander Đại đế gồm mười quyển. Trong đó, hai quyển đầu đã bị thất lạc. (ND)

Polypius (200-118 TCN): sử gia Hy Lạp. (ND)

Xem P. A. Brunt, “Persian Accounts of Alexander’s Campaigns” trong CQ, 1962, từ tr.141. Trích dẫn này được lấy trong tr.141.

Bessus (mất vào mùa hè năm 329 TCN): xatrap (tương đương với chức thống đốc hoặc phó vương) vùng Bactria, sau tự xưng là Vua của các vị vua Ba Tư. Năm 329 TCN, Bessus bị bắt. Alexander Đại đế đã trừng phạt ông bằng cách ra lệnh cắt bỏ tai và mũi của Bessus, hình phạt dành cho những kẻ nổi loạn

chống lại nhà vua theo tập tục của người Ba Tư. (ND)

Ốc đảo Siwah nằm trong vùng sa mạc phía đông Ai Cập là nơi có đền thờ thần Ammon. Tương truyền rằng vào tháng Hai năm 332, Alexander đã tới đây để hỏi ý kiến các nhà tiên tri của Ammon. Không ai biết vị hoàng đế này đã hỏi gì và được trả lời ra sao, nhưng từ sau chuyến đi này, Alexander bắt đầu tự coi mình là con trai của thần Ammon. (ND)

Liên quan đến những chi tiết về binh lính của Alexander, xem thêm Trung tướng J. F. C. Fuller, *The Generalship of Alexander the Great* (London, 1958); E. W. Marsden, *The Campaign of Gaugamela* (Liverpool, 1964), Phụ lục I và II; A. R. Burn, “The Generalship of Alexander”, trong *Greece and Rome* 1965, tr.140-54.

Sarissa (hoặc sarisa) là một cây giáo dài khoảng 4-7 mét được sử dụng trong chiến tranh Hy Lạp cổ đại. Vũ khí này được vua Philip, cha của Alexander Đại đế, đưa vào đội hình phalanx truyền thống của Macedonia. (ND)

Xem G. T. Griffith, *Proceedings of the Cambridge Philological Association*, 4 (1956/7), từ tr.3.

Gukhas theo tiếng Nepal nghĩa là chiến binh. Họ nổi tiếng vì sự thiện chiến và lòng trung thành. (ND)

P. A. Brunt, “Alexander’s Macedonian Cavalry”, trong *JHS* 83 (1963), tr.27-46, thảo luận về nhiều vấn đề liên quan tới đội kỵ binh của Alexander.

R. D. Milns đã chứng minh trong *Greek, Roman and Byzantine Studies* 7 (1966), tr.159-166.

Về các trung đoàn (Hipparchy), xem Phụ lục A.

Tên một dãy núi nằm giữa Afghanistan và Pakistan. Tên gọi Hindu Kush có nguồn gốc từ tiếng Ả rập, có nghĩa là “Các ngọn núi Ấn Độ”. (ND)

E. Badian trong *JHS* (1965), tr.161.

Một cấp bậc quân sự thời cổ đại, chỉ người chỉ huy một đội quân gồm 1.000 người. (ND)

*JHS* 83 (1963), tr.39.

Về Ptolemy và Aristobulus, xem phần Dẫn nhập.

Vua Philip bị ám sát vào mùa hè năm 336 TCN. Kẻ ám sát nhà vua là một quý tộc trẻ tuổi tên là Pausanias, người nhiều năm trước đó đã bị Attalus, cha một thứ phi của Philip, xúc phạm. Tương truyền rằng, một trong những lý do khiến Pausanias ra tay ám sát vị hoàng đế của mình là Pausanias lấy làm oán hận việc Philip không cho phép anh ta chống lại Attalus. Alexander và mẹ ông, Olympias, lúc đó đã xa cách với vua Philip, bị nghi ngờ dính líu tới vụ việc này, dù những người anh em của Alexander ở vùng Lyncestis đã bị hành hình vì tội đồng lõa, và sau này Alexander đã buộc tội vua Ba Tư vì đã khoe khoang rằng ông ta đã mua chuộc Pausanias. Về chi tiết, xem Diodorus 16.93-4; Aristotle *Politics* 1311b2. E. Badian, *Phoenix* 17 (1963) từ tr.244, cung cấp những thảo luận tốt nhất gần đây. Ngoài ra, xem thêm A. B. Bosworth, *CQ* 1971, từ tr.93.

Trong tác phẩm *Alexander* (3.5), Plutarch đưa ra ngày sinh của Alexander là vào khoảng 20 tháng Bảy năm 356 TCN.

Tóm tắt của Arrian quá ngắn gọn nên dễ gây hiểu lầm. Theo ghi chép của Diodorus (17.3-4), Alexander, khi đương đầu với tình trạng bất ổn ở Hy Lạp, đã giành được sự thừa nhận vị trí của ông như là “người lãnh đạo” của Liên minh Corinth từ Liên minh Thessaly và Liên minh Amphictyonic tại Delphi, cũng như từ những quốc gia riêng lẻ ở bên trong và bên ngoài vùng Peloponnese. Cuối cùng, ông đã tổ chức được một cuộc gặp gỡ những người đại diện tại Corinth và được chỉ định là “Tổng chỉ huy” của Liên minh. Tường thuật về cuộc chinh phạt này, xem Fuller từ tr.219. Những người Triballia sống ở phía nam sông Danube, một khu vực hiện tại thuộc Plevan.

Như trong nhiều bản ghi chép dùng cụm từ “những thương gia” (trader), Alexander có thể đã gặp một đoàn lái buôn có vũ trang.

Không phải Philotas, con trai của Parmenio, thủ lĩnh của kỵ binh Liên minh. Nhân vật này được nhắc tới ở phần sau.

Arrian miêu tả (từ đông sang tây) những tộc người sống dọc bờ bắc của sông Danube trong thế kỷ thứ II TCN, chứ không phải trong thời đại của Alexander. Ông đã từng phục vụ ở biên giới Danube, (*Indica* 4.15). Người Getae là những người Thrace mà người La Mã gọi là người Daci. Cuối cùng, họ bị khuất phục bởi người Trajan vào thế kỷ thứ II SCN. Lãnh thổ của họ được gộp vào khu vực của Dacia. Herodotus thuật lại rằng họ tin rằng những người đã khuất không hề mất đi mà tham dự vào nhóm các vị thần Salmoxis.

Alexander rõ ràng đã không chỉ lên kế hoạch cho một cuộc viễn chinh trừng phạt mà đã lên kế hoạch để thiết lập dòng Danube như là đường biên giới phía bắc cho lãnh thổ của ngài.



Đây là lần đầu tiên Arrian sử dụng từ “pothos”, “khao khát, hấp dẫn”, một từ mà ông và các sử gia về Alexander Đại đế sử dụng để mô tả khao khát chinh phục, khám phá điều chưa biết và điều bí ẩn. Victor Ehrenberg, *Alexander and the Greeks*, tr.52, cho rằng từ này được chính Alexander sử dụng. Tuy nhiên, ông lại cho rằng đoạn văn này là một ngoại lệ.

Các vị vua của Macedonia tin rằng họ chính là hậu duệ của Heracles.

Khoảng gần 50 năm trước khi người Celtic xâm lược Macedonia và Hy Lạp.

Cleitus đã quy phục Philip vào năm 349. Người Taulanti và Autariates đều là những tộc người Illyria, người Taulanti sống gần Epidamnus (Durazzo), người Autariates sống ở vùng lãnh thổ xa hơn về phía bắc, ở biên giới Paeonia.

Cyna là em gái cùng cha khác mẹ với Alexander, con gái của vua Philip và một phụ nữ người Illyria. Về số vợ của Philip, xem Athenaeus 13.557c.

Erigon là một nhánh sông của Axios (Vardar), giờ là Tzerna. Pelium là pháo đài biên giới của Macedonia đặt ở phía nam hồ Lychnitis.

Diodorus (17.8-14) đưa ra một ghi chép chi tiết hơn về những sự kiện diễn ra ở Thebes, ít ưu ái Alexander hơn nhiều.

Từ năm 338, Cadmeia, thành lũy của Thebes, đã bị một đơn vị đồn trú của Macedonia chiếm đóng.

Timolaus là thủ lĩnh của một nhóm Macedonia (Demosthenes, *On the Crown* 295). Về Amyntas, có lẽ nên đọc Anemoitas, người mà Demosthenes nhắc tới cùng với Timolaus như là một kẻ phản bội người Thebes.

Từ “tự trị” (autonomy) không có trong bản thảo, nhưng cần thiết phải cho từ này vào. “Tự do ngôn luận” đã được đề cập tới (nhưng từ “tự trị” dường như được ưa thích hơn). “Tự do” và “tự trị” luôn đi cùng với nhau, và các thành bang Hy Lạp rõ ràng muốn bảo vệ những quyền này trong “Hiến chương” của Liên minh Corinth (xem Ngụy Demosthenes 17.8). (Ngụy Demosthenes là tên thông thường để ám chỉ tác giả khuyết danh của một số bài diễn văn được gán cho nhà hùng biện Demosthenes.)

Người ta thuật lại rằng ở Athens, Demosthenes đã đem đến một người lính, người khẳng khẳng định rằng Alexander đã bỏ mạng trong một trận chiến mà cũng trong trận đó, anh ta đã bị thương.

Onchestus nằm trên đường bờ biển L. Copais, cách Thebes khoảng gần 10 kilômét về hướng đông bắc.

Khoảng cách từ Pelium tới Onchestus không ít hơn 400 kilômét. “Những công thành” mà Arrian nhắc tới là chỉ con đường tới Thermopylae.

Diodorus và Plutarch đã khẳng định việc Alexander trì hoãn tấn công Thebes. Plutarch thuật lại (Alexander 11.7) rằng ngài đã yêu cầu giao nộp những thủ lĩnh chống đối người Macedonia, Phoenix và Prothytes, và hứa rằng sẽ tha thứ cho những người này. Tuy nhiên, ngài chỉ nhận được một sự lảng mạn. Theo Diodorus (17.12.3), Perdiccas hành động theo mệnh lệnh của Alexander.

Khoảng 6.000 người Thebes đã bị giết và hơn 30.000 người bị bắt làm tù binh. Số tiền thu được từ việc bán các tù binh này là khoảng 440 ta-lăng (Diodorus 17.14; Plutarch, Alexander 11.12).

Cuộc viễn chinh Sicily là cuộc viễn chinh quân sự của người Athens tới Sicily vào khoảng năm 415 TCN tới năm 413 TCN, và đã chuốc lấy thất bại thảm hại. Cuộc viễn chinh này còn được gọi là thảm họa Sicily.

Không thể tính toán một cách chính xác những thiệt hại của người Athens trong cuộc viễn chinh Sicily (415-13) vì chúng ta không rõ trong số các thủy thủ đoàn của hơn 200 thuyền chiến ba tầng chèo, hơn 40.000 con người, có bao nhiêu người là người Athens. Tuy nhiên, ít nhất cũng có 4.000 kỵ binh, bộ binh hạng nặng và hạng nhẹ người Athens đã bỏ mạng. Về lực lượng lính đánh thuê ở Sicily, xem các đoạn văn của Thucydides được N. G. L. Hammond trích dẫn trong *History of Greece* 390, chú thích 1. Người Ba Tư đã bước vào cuộc chiến năm 412 và dân Athens đã chống cự kiên trì cho tới mùa xuân năm 404.

Thất bại tại Aegospotami (tháng Tám năm 405) đã khiến việc quy phục Athens trở nên bất khả. Những điều kiện quy phục bao gồm “phá hủy Trường Thành và các công sự Peiraeus, giao lại hạm đội 12 tàu chiến, bỏ quyền kiểm soát hoàn toàn, triệu hồi những người lưu đày, và tuân phục Sparta trong mọi vấn đề về chính sách ngoại giao” (Hammond, tr.418). Có thể xác định niên đại cho việc khôi phục sức mạnh trên biển của người Athens từ tháng Tám năm 394, khi Conon đánh bại hạm đội Sparta tại Cnidus. Việc tái xây dựng Trường Thành, được bắt đầu ngay trước thời điểm này, đã được hoàn thành vào khoảng năm 391. Cả hai việc này phần nhiều đều nhờ vào sự trợ giúp của người Ba Tư.

Liên minh của người Boeotia dưới sự lãnh đạo của Thebes đã đánh bại Sparta tại Leuctra vào năm 371 và tại Mantinea vào năm 362. Cuộc xâm lược Sparta diễn ra vào năm 369. Về các sự kiện này, xem Xenophon, *History of Greece* 6.4.4-15, 7.5.18-27; và 7.1.15-22.

Cả ba thị trấn này đều bị ép quy phục trong suốt cuộc Chiến tranh Peloponnesia. Sau một thời gian vây

thành kéo dài, Plataea quy phục Sparta vào năm 427, Melos và Scione quy phục Athens lần lượt vào các năm 415 và 421. Trong các trường hợp này, đàn ông đều bị giết, còn phụ nữ và trẻ em bị bán làm nô lệ. Quân Thebes đã đột kích Plataea vào tháng Ba năm 431, nhưng đã buộc phải rút lui khỏi thị trấn. Gần Plataea, vào năm 479, người Hy Lạp đã đánh bại quân Ba Tư do Mardonius chỉ huy và khiến họ phải rút quân khỏi Hy Lạp. Thebes đã được sử dụng như một căn cứ quân sự của Ba Tư và một đạo quân Thebes cũng đã chiến đấu bên phe Ba Tư. Vào cuối cuộc Chiến tranh Peloponnesia, Erianthus người Thebes đã đề nghị phá hủy Athens và đem giết bỏ hoặc bán làm nô lệ các công dân của thành bang này. Sparta, với thể lực của mình, đã bác bỏ đề nghị này.

Diodorus (17.10) đã nhắc tới nhiều điềm báo xấu.

Trách nhiệm đạo đức thuộc về Alexander, mặc dù chắc chắn ngài đã đệ trình quyết định của mình cho các đồng minh. Cuộc nổi loạn đã gây ra mối bất hòa trong Hiệp ước Hòa bình và Alexander (với vai trò một thống lĩnh) đã kêu gọi các binh lính Đồng minh mặc dù chỉ có các khu vực lân cận Thebes gửi quân tới – bao gồm người Plataea, Phocia, Thespieae và Orchomenus. Nhưng Alexander không sai khi nhận ra rằng hình phạt dành cho Thebes khiến nhiều kẻ thù của thành bang này cảm thấy nhiều ân oán cũ đã được giải quyết. Ngài chắc hẳn cũng mong muốn lấy số phận của Thebes làm lời cảnh báo chết chóc cho bất kỳ thành bang nào có ý định nổi loạn chống lại ngài.

Sau Chaeroneia, Philip có ý định xây dựng lại Plataea và Orchomenus, những thị trấn bị Thebes phá hủy hai lần vào năm 373 và năm 364, nhưng rõ ràng việc này đã không được thực hiện.

Một nghi lễ của Hy Lạp cổ đại. Trong nghi lễ này, người ta sử dụng rượu và các kỹ thuật thôi miên để đưa con người về trạng thái bản năng nhất. (ND)

Nghi lễ Huyền bí vinh danh thần Demeter được tổ chức tại Eleusis từ ngày 15 tới ngày 23 tháng Boedromion theo lịch Athens, tương ứng với tháng Chín/tháng Mười.

Theo Plutarch (Demosthenes 23.3), những sử gia đáng tin nhất đưa ra tám cái tên, mặc dù những người khác thường nhắc tới 10 người. Những tên tuổi được lưu lại này cũng không hoàn toàn thống nhất. Tất cả những sử gia mà Arrian nhắc tới đều là các nhà hùng biện, ngoại trừ các tướng quân Chares, Charidemus và Ephialtes. Arrian có lẽ đã tính tới những cống hiến của Demosthenes về lăng mộ của Pausanias, vụ ám sát Philip (Aeschines 3.160), và trao đổi thư từ của ông với tướng quân Macedonia, Attalus, người đã cùng với Parmenio mở chiến dịch tấn công Ba Tư vào đầu năm 336.

Những người khác cũng rời khỏi Athens. Chares gặp Alexander tại Sigeum vào năm 334, trong khi Ephialtes và Thrasybulus (những cái tên mà người ta nghĩ rằng đã bị bỏ qua trong danh sách của Arrian) chiến đấu bên phe Ba Tư tại Halicarnassus (Diodorus 17.25.6).

Vua của Macedonia từ năm 413 tới năm 399 TCN. Ông nổi tiếng là người bảo trợ cho văn học và nghệ thuật, chính dưới triều đại của ông, Euripides đã dành những năm cuối đời để viết cuốn *Bacchae*.

Các nữ thần thơ ca. (ND)

Một thể loại thơ được trình bày rất oai nghiêm và trang trọng. (ND)

Hiện tượng này, xảy ra do sự hóa đặc hơi ẩm, thường được nhắc tới trong văn học cổ điển. Người ta nói rằng hiện tượng này xảy ra vào đúng thời điểm Alexander tới Thebes. Aristander là nhà tiên tri mà Alexander (cũng có thể là cả Philip) tin nhiệm nhất, là người được Arrian nhắc tới thường xuyên với những lời tiên đoán vô cùng chính xác. Các cư dân của Telmissus ở Caria đã được nhắc tới khá sớm, vào khoảng giữa thế kỷ thứ VI, do khả năng tiên đoán của họ (Herodotus 1.78).

Antipater nhận lệnh ở lại cùng với 12.000 bộ binh và 1.500 kỵ binh. Những số liệu của Arrian cũng đã được Diodorus khẳng định (17.17) khi ông đưa một danh sách các lực lượng của Alexander sau khi vượt eo biển tới lục địa Á châu: 32.000 bộ binh và 5.100 kỵ binh. Những số liệu cao hơn cho bộ binh (43.000; 40.000) được các sử gia khác đưa ra, có thể bao gồm 10.000 binh lính, những người đã ở châu Á vào năm 335, mặc dù phần lớn lực lượng này, trong khoảng thời gian đó, đã rút lui. Người ta không tìm thấy lời giải thích thỏa đáng nào cho các số liệu đưa ra số lượng kỵ binh ít hơn. Về vấn đề này, gần đây nhất, xem P. A. Brunt, *JHS* 1963, từ tr.33, và E. W. Marsden, *The Campaign of Gaugamela* (Liverpool, 1964), từ tr.24.

Một eo biển hẹp thuộc tây bắc Thổ Nhĩ Kỳ, nối liền biển Aegean và biển Marmara. (ND)

Homer, *Iliad* 2.701; Herodotus 9.116.

Phía tây bắc của thành Troy, gần Mũi đất Sigeum.

Diodorus (17.17.2), thuật lại rằng Alexander, trước khi đặt chân lên bờ, đã quẳng cây thương của ngài xuống để khẳng định lục địa Á châu là phần thưởng của cuộc chiến. Nếu điều này là sự thật, nó chứng tỏ rằng Alexander đã quyết tâm chinh phục Đế chế Ba Tư.

Tấm khiên này đã được Peucestas mang theo trong cuộc tấn công vào thành lũy của thị trấn Malli. Con trai của Achilles và là người sáng lập triều đại Moloosian. Alexander khẳng định mình thuộc dòng dõi của Neoptolemus, thông qua mẹ ngài là Omlypias.

Hephaestion là người bạn thân thiết nhất của Alexander từ thuở thiếu niên. Việc đội vòng hoa tại lăng mộ của Achilles và Patroclus tượng trưng cho mối quan hệ giữa hai người. Chính vì điều này, khi Hephaestion qua đời, Alexander đã vô cùng đau khổ.

Hieoro và Gelo đã cai trị Syracuse và Thero Acragas (Agrigentum) vào đầu thế kỉ thứ V. Những thành tựu của họ đã được Pindar và Bacchylides vinh danh.

Trong Anabasis của Xenophon, số phận của Clearchus được thuật lại trong Quyển hai.

Chỉ huy của quân đánh thuê người Hy Lạp. (ND)

Memnon không chỉ là một tướng lĩnh [condottiere] của quân đánh thuê mà còn là một trong những người thuộc giai cấp thống trị của Ba Tư, và là người đã kết hôn với em gái của Artabazus. Vào năm 335, Memnon đã ngăn chặn thành công mũi tiến quân của quân Macedonia tới Tiểu Á, và cũng trong thời gian này, ông đã tán thành cuộc chiến xâm lược châu Âu (Diod, 17.18.12). Về những hành động sau đó và cái chết của Memnon, xem Quyển hai. Có lẽ một phần động cơ thúc đẩy các xatrap từ chối kế hoạch của Memnon là do lòng ghen tị của họ đối với ông.

Không có gì làm Alexander hài lòng hơn là quyết định chiến đấu của người Ba Tư. Ngài hiểu được chiến thắng sẽ có tác động như thế nào đối với các thành bang Hy Lạp ở Tiểu Á, và hy vọng rằng các thủ lĩnh Ba Tư không có lời biện hộ nào cho điều mà ngài coi là thất bại rõ ràng của họ. Đây là ví dụ đầu tiên trong số nhiều ví dụ cho việc Alexander từ chối lời khuyên của lão tướng Parmenio, một vài ví dụ trong số này, ít nhất, có thể là do trí tưởng tượng của Callisthenes, với vai trò là sử gia chính thức của Alexander, để làm giảm nhẹ những lời chê trách Alexander vì đã xử tử Parmenio trong một vụ nổi loạn sau này.

Do đó, việc này đã tước bỏ cơ hội tấn công của kỵ binh và bộ binh (một lực lượng khoảng 20.000 người). Lý do cho sai lầm ngớ ngẩn này không được nêu rõ.

Vụ thám sát này là một sai lầm, vì theo thỏa thuận với Liên minh Corinth, số tù binh Hy Lạp phải được gửi đi lao động khổ sai. Ngay từ giai đoạn đầu khi vây thành Miletus, Alexander đã nhận ra điều này và cho phép 300 lính đánh thuê, những người có ý định chống trả đến cùng, được tuyển mộ vào đội quân của ngài.

Nhà tạc tượng Hy Lạp nổi tiếng. Cùng với Scopas và Praxiteles, ông được coi là một trong những nhà điêu khắc vĩ đại nhất của Hy Lạp cổ đại. (ND)

Arrian dường như đã nhầm lẫn. Theo Velleius (1.11.4), những bức tượng này đã được Metellus Macedonicus chuyển tới La Mã vào năm 148.

Những số liệu về tổn thất của quân Macedonia thấp một cách đáng ngờ, vì họ thường không tính đến lính đánh thuê.

Theo quan điểm của một nhóm nhỏ trong số những người Hy Lạp đã tham gia trận chiến, lời khắc (cùng với việc bỏ qua, không hề nhắc gì tới người Macedonia) chắc hẳn được coi như một sự tuyên truyền hướng tới các đồng minh Hy Lạp. Alexander đã nhấn mạnh sự vắng mặt của người Sparta.

Zeieia là một thành phố Hy Lạp, nhưng có thể đoán rằng họ cũng phải chịu các khoản thuế tương đương với các cư dân khác trong vùng. Về sự phát triển trong chính sách ngoại giao hướng tới các thành phố Hy Lạp của Alexander, xem E. Badian, "Alexander the Great and the Greeks of Asia", trong *Ancient Society and Institutions. Studies Presented to Victor Eberhard*, Oxford, 1966, từ tr.37.

Như sắp xếp của Alexander đã cho thấy, những người này được đối xử giống như trước kia, không ưu ái hơn cũng không tệ bạc hơn.

Một phần của Troad.

Alexander đã đề nghị xây dựng một điện thờ mới – điện thờ cũ đã bị đốt cháy hoàn toàn vào đêm ngài ra đời – nhưng những người Ephesian đã từ chối. Lưu ý rằng đồ cống nạp không được hoàn lại.

Việc thiết lập các nền dân chủ không phụ thuộc vào thiên kiến của Alexander đối với chính quyền dân sự (thực sự thì tại sao Alexander lại thích chính quyền kiểu này hơn?) mà là vì người Ba Tư đã hỗ trợ các tập đoàn chính trị đầu sỏ.

Miletus cách cửa sông Maeander khoảng 16 kilômét.

Alexander chắc chắn không hề tin tưởng lòng trung thành của các đồng minh Hy Lạp. Ngài đã giữ lại hai mươi tàu thuyền của Athens mà thủy thủ đoàn của chúng được coi như những con tin.

Về một số ghi chép khác biệt về cuộc vây thành, đặc biệt là những giai đoạn cuối, xem Diodorus 17.23-

27.

Myndus nằm ở cực tây của bán đảo, nơi có thị trấn Halicarnassus.

Theo Diodorus, nhân vật này đã bị giết khi chiến đấu bên phe Macedonia.

Hecatomnus, người cai trị Caria, đã để lại ba người con trai: Mausolus, Hidrieus, Pixodarus và hai người con gái: Artemisia và Ada. Artemisia kết hôn với Mausolus, còn Ada kết hôn với Hidrieus, và họ thừa kế ngai vàng của Hecatomnus.

Sự kháng cự duy nhất diễn ra ở Marmara, nơi cư dân đã quyết định đốt bỏ thị trấn (Diodorus 17.28).

Milyas là tên cũ của Lycia, nhưng tên Lycia được sử dụng để chỉ vùng đất cao, mở rộng về phía đông bắc tới tận Pisidia.

Cả hai đều bị xử tử.

Hellespontine Phrygia. Alexander đã giao vùng này cho Calas.

Plutarch (Alexander 17.6) nhận xét rằng nhiều sử gia đã tìm thấy trong sự kiện này cơ hội nói về cách hành xử “ấn tượng và khoa trương”, và viết về “cú đánh may mắn của định mệnh”. Sử gia này trích một lá thư mà trong đó, Alexander không nói bất cứ điều gì về sự việc kỳ lạ này, nhưng Callisthenes chắc chắn đã viết về điều này, dĩ nhiên là với sự chấp thuận của Alexander.

Badian (Ehrenberg Studies, 65, chú thích 50) bình luận rằng 50 ta-lăng là một số tiền quá lớn mà một thành phố Hy Lạp phải cống nạp và yêu cầu này cho thấy nhu cầu về tiền bạc của Alexander trong thời gian đó.

Thị trấn này là Termessus, nhưng có thể Arrian đã nhầm lẫn.

Bất chấp những đóng góp lớn của Antigonos trong việc giữ vững phòng tuyến Phrygia cho Alexander Đại đế – Curtius (4.1.35) chỉ nhắc tới ba chiến thắng của ông trước quân Ba Tư sau trận Issus – trong Anabasis, chỉ có duy nhất một lần sử gia này nhắc tới Antigonos “một mắt”, cha của Demetrius Người vây thành. Tarn (Alexander 2.110) cho rằng sự im lặng này là do Ptolemy là kẻ thù của Antigonos trong Cuộc chiến của Những người kế vị.

Họ đã được thả vào đầu năm 331, sau khi Alexander trở về từ Ai Cập.

1. David Hume (1711–1776): Nhà triết học, sử học và kinh tế học người Xcốtlen. Các tác phẩm chủ yếu của ông là Luận thuyết về bản chất của loài người (A Treatise of Human Nature), Nghiên cứu về sự nhận thức của con người (An Enquiry Concerning Human Understanding), Luận văn về kinh tế chính trị (A discourse on political economy).

2. Thành phố Philadelphia thuộc tiểu bang Pennsylvania nằm giữa vùng đất New England, căn cứ phe của Hamilton và thành phố Richmond, thủ phủ tiểu bang Virginia, căn cứ phe Cộng hòa của Madison và Jefferson.

1. Sau này, Ngân hàng Quốc gia như Hamilton đề xuất hết hạn hiệu lực sau đó 20 năm, đúng vào nhiệm kỳ đầu tiên Madison giữ chức Tổng thống Mỹ, năm 1811. Nhưng sang nhiệm kỳ thứ hai, chính Madison lại yêu cầu Quốc hội Mỹ thành lập Ngân hàng thứ 2, thực hiện đúng những chức năng như ngân hàng thứ 1 mà Madison từng bác bỏ.

2. 'Quan điểm về tính hợp hiến của Ngân hàng quốc gia': Opinion as to the Constitutionality of the Bank of the United States.

3. Ngân hàng Quốc gia (The First Bank of The United States), thành lập năm 1791 và chấm dứt sự tồn tại năm 1811. Năm 1816, một ngân hàng Trung ương khác được thiết lập (The Second Bank of The United States), tồn tại đến năm 1836. Qua nhiều biến động, ngân hàng quốc gia tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau, năm 1913, Đạo luật dự trữ Quốc gia được phê chuẩn thiết lập hệ thống Dự trữ Liên bang (FED) bao gồm 12 ngân hàng khu vực do một ban lãnh đạo điều hành do chính Tổng thống bổ nhiệm như ngày nay nhằm đối phó với tình hình khó khăn về kinh tế và tài chính.

1. William Howe (1729-1814): Hiệp sĩ và Đại tướng, là viên tướng Anh có binh nghiệp sáng chói. Năm 1759-1780, ông được bầu vào Nghị viện Anh, phản đối việc đàn áp các thuộc địa Mỹ, nhưng tuân lệnh Vua George III sang làm Tổng tư lệnh quân đội Anh tại Mỹ, thất bại tại trận Germantown (tháng 10/1777), Howe xin từ chức.

2. Horatio Gates (1727-1806): Sinh tại Anh rồi tham gia quân đội Anh, có mặt trong nhiều trận đánh với quân Pháp và người Da Đỏ tại các thuộc địa Mỹ. Khi cuộc Cách mạng Mỹ bùng nổ, ông tham gia phe thuộc địa chống Anh, có công lao lớn trong trận Saratoga. Năm 1780, Gates được giao chỉ huy đội quân miền Nam nhưng bị thất bại ở Camden, S.C. rồi bị cách chức. Vợ và con trai duy nhất của ông đều chết trong chiến tranh.

3. John Burgoyne (1722-1792) : Có mặt trong cuộc chiến tranh 7 năm, được bầu vào Nghị viện năm

1761. Năm 1776, Burgoyne từ Canada đánh chiếm New York nhưng thất bại, bị tướng Horatio Gates bắt tại trận Saratoga năm 1777. Khi trở lại Anh, ông bị chỉ trích dữ dội nên chuyển sang lĩnh vực văn học và xã hội, sau này trở thành một nhà viết kịch lớn.

4. George Clinton (1739-1812): Luật sư, đại biểu Quốc hội New York, đại biểu Đại hội các thuộc địa lần 2, Thống đốc tiểu bang New York (1777). Sau này, Clinton kịch liệt chống bản Hiến pháp Mỹ vì e sợ mất quyền hành. Trong những năm 1790, Clinton đứng về phe Cộng hoà-Dân chủ. Năm 1804, ông là phó Tổng thống cho Thomas Jefferson. Thất bại trong cuộc đua Tổng thống năm 1808, ông lại chấp nhận làm Phó Tổng thống cho James Madison. Ông là địch thủ trong suốt nhiều năm của Hamilton.

5. Benjamin Franklin (1706-1790) : Nhà ngoại giao, chính khách, học giả, nhà khoa học, nhà báo nổi tiếng ở cả Mỹ và châu Âu. Năm 1775, ông là lãnh tụ của Đại hội các thuộc địa khoá 1; tham gia uỷ ban soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập; Chủ tịch Hội nghị Lập hiến của Pennsylvania. Những năm 1776-79, là một trong ba đặc sứ ký kết hiệp định liên minh với Pháp; cùng John Jay và John Adams đàm phán Hiệp ước Paris (1783) chấm dứt chiến tranh. Năm 1785, là Chủ tịch Hội đồng Hành pháp Tối cao Pennsylvania; tham dự Hội nghị Lập hiến và có đóng góp to lớn.

6. Henry Clinton (1738-1795): Trung tướng, Hiệp sĩ, từng tham gia Nghị viện Anh. Trong cuộc chiến tranh, Clinton là phó Tư lệnh quân đội Anh tại Mỹ cho tướng William Howe. Năm 1778, ông thay Howe làm Tổng tư lệnh quân Anh nhưng gặp nhiều thất bại nên từ chức năm 1781.

7. Tướng Charles Cornwallis (1738-1805): Hầu tước, Đại tướng, ông tham gia hoạt động chính trị và giữ nhiều chức vụ quan trọng. Ông giành nhiều chiến thắng lớn trước quân Mỹ nhưng bị đánh bại tại trận quyết định ở Yorktown, và đầu hàng ngày 19/10/1781. Sau này, ông là Công sứ tại Phổ, Toàn quyền tại Ấn Độ (1786-1793). Năm 1795, được bổ nhiệm vào Nội các Anh; giữ chức Bộ trưởng Quốc phòng; Tổng trấn Aixola (1798).

8. Benedict Arnold (1741-1801): Arnold tham gia quân đội Lục địa, được phong chức Thiếu tướng năm 1776. Arnold phản bội lại quân Mỹ trao nộp vùng West Point cho quân Anh. Vụ việc bại lộ nhưng Arnold may mắn trốn thoát.

9. Hầu tước, Đại tướng, ông tham gia hoạt động chính trị và giữ nhiều chức vụ quan trọng. Ông giành nhiều chiến thắng lớn trước quân Mỹ nhưng bị đánh bại tại trận quyết định ở Yorktown, và đầu hàng ngày 19/10/1781. Sau này, ông là Công sứ tại Phổ, Toàn quyền tại Ấn Độ (1786-1793). Năm 1795, được bổ nhiệm vào Nội các Anh; giữ chức Bộ trưởng Quốc phòng; Tổng trấn Aixola (1798). Benedict Arnold (1741-1801): Arnold tham gia quân đội Lục địa, được phong chức Thiếu tướng năm 1776. Arnold phản bội lại quân Mỹ trao nộp vùng West Point cho quân Anh. Vụ việc bại lộ nhưng Arnold may mắn trốn thoát.

1. Bộ luật Các điều khoản Hợp bang: The Articles of Confederation, chủ yếu do John Dickinson soạn thảo, có hiệu lực từ năm 1781 đến năm 1789, khi chính quyền Washington được thành lập theo bản Hiến pháp mới cho đến ngày nay.

2. Robert Morris (1734-1806): Một trong những nhà lãnh đạo quan trọng của Cách mạng Mỹ, tham gia Đại hội các thuộc địa Khoá 1 và 2, từng ký tên vào bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776. Ông làm Giám sát Tài chính cho Hợp bang (1781-84) và có nhiều đóng góp to lớn cho nền tài chính của cuộc Cách mạng; tham gia hội nghị Annapolis và Hội nghị Lập hiến; là Thượng nghị sĩ Liên bang (1789-95). Cuối đời do buôn bán thất bại nên ông bị phá sản và suýt phải vào tù.

1. Adam Smith (1723-1790): Nhà triết học và kinh tế học người Anh nổi tiếng với tác phẩm 'Sự giàu có của các quốc gia' (1776).

1. Francis Bacon (1561-1626): Hiệp sĩ, luật sư, chính khách đồng thời là nhà triết học lớn người Anh nổi tiếng với các tác phẩm 'Lợi ích của việc học' (The Advancement of Learning, 1605 và 'Những bài luận văn' (Essays) rất nổi tiếng.

2. Gaius Julius Caesar (100 BC-44 BC): Thống chế, chính khách La Mã, là Tổng tài từ 58-56 (B.C), lập nhiều chiến công lớn, chinh phục xứ Gaules, sau này bị ám sát. Ông cũng là một sử gia lớn với nhiều tác phẩm viết về chiến tranh như 'Bình luận về cuộc chiến tranh với người Gaules' và 'Cuộc nội chiến La Mã'.

3. Venable (1758-1811): Hạ nghị sĩ rồi là Thượng nghị sĩ phe Cộng hoà, Chủ tịch Ngân hàng Virginia.

4. Muhlenberg (1750-1801), đại biểu Đại hội các thuộc địa (1779-1780); Chủ tịch Hạ viện Pennsylvania (1780-1783); Chủ tịch Hội nghị phê chuẩn Hiến pháp ở Pennsylvania (1787); Chủ tịch Hạ viện Liên bang Mỹ (1789-1791; 1793-1795).

1. Gouverneur Morris (1752-1816): Đại biểu Đại hội các thuộc địa khoá 2. Ông là một trong những đại biểu trẻ nhất và xuất chúng nhất và có nhiều đóng góp lớn cho cuộc Cách mạng Mỹ. Morris có vai trò nổi

bật trong Hội nghị Lập hiến, tích cực ủng hộ chủ nghĩa quốc gia, chính ông là người chấp bút viết bản Hiến pháp. Sau này, Morris là Công sứ tại Pháp và là Thượng nghị sĩ, bạn thân và đảng viên Liên bang nhiệt thành ủng hộ các chính sách của Hamilton.

2. Edmund Randolph (1753-1813): từng là tùy tùng của Washington rồi tham gia chính quyền tiểu bang Virginia, đại biểu Đại hội các thuộc địa. Dưới chính quyền Washington, Edmund Randolph giữ chức Tổng chương lý Liên bang, rồi thay Thomas Jefferson làm Ngoại trưởng (1794-95). Trong cuộc xung đột Jefferson-Hamilton, ông cố gắng giữ quan điểm trung lập.

3. Hamilton đề xuất rằng cả nước Mỹ sẽ chia thành một số quận bầu cử nhất định bằng nhau không phân biệt biên giới tiểu bang để bầu chọn Thượng nghị sĩ một cách cân bằng.

4. Hội nghị Lập hiến họp theo cách thức đề ra những giải pháp rồi các đại biểu bỏ phiếu thông qua hay cần sửa đổi từng điểm một, nhưng mỗi bang chỉ có một phiếu bầu chung cho các đại biểu. Vấn đề được thông qua nếu có đa số các bang bỏ phiếu thuận, chứ không phải căn cứ theo số lượng đại biểu bỏ phiếu thuận. Vì vậy, Hamilton luôn ở thế thiếu số so với Yates và Lansing, nên phiếu của ông hầu như chẳng có tác dụng gì.

5. Yates là Thẩm phán toà án tối cao New York còn Lansing là luật sư và là Thị trưởng thành phố Albany. Việc xử án khi đó được tiến hành tại một vài thời điểm nhất định, chứ không phải tổ chức liên tục trong năm. .sup

1. Napoleon Bonaparte (1769-1821): Là một trong những nhà quân sự xuất sắc nhất thế giới, tự lên ngôi Hoàng đế Pháp năm 1804, từng có tham vọng xây dựng một Vương quốc châu Âu.

2. William Pitt (1759-1806), Thủ tướng Anh trẻ nhất trong lịch sử, nhận chức năm 1783 khi mới 24 tuổi.

3. Charles Maurice de Talleyrand (1754-1838): Có vai trò lớn trong cuộc Cách mạng Pháp, Bộ trưởng Ngoại giao Pháp dưới thời Napoleon, chính trị gia xuất sắc, đại diện cho Pháp tại Hội nghị Vienna (1814-1815).

1. Đảng Cộng hoà (Republic Party) do Thomas Jefferson sáng lập, là đảng của những nhà tiểu nông, chủ đồn điền tập trung chủ yếu ở các bang miền Trung Tây, và miền Nam nước Mỹ, giành quyền lực từ năm 1801 đến 1815. Sau nhiều biến động, ngày nay là Đảng Dân chủ Mỹ. Thường được gọi là Đảng Cộng hòa - Dân chủ để phân biệt với Đảng Cộng hoà ngày nay thành lập năm 1854 trên cơ sở đảng Liên bang trước đây. Đảng Dân chủ là đảng của cựu Tổng thống Bill Clinton.

2. Khi mới thành lập, 13 tiểu bang của nước Mỹ rất khác nhau về đặc điểm kinh tế và xã hội. Trong khi các bang miền Bắc có nền kinh tế và ngành thương mại khá phát triển thì các bang miền Nam lại mạnh về nông nghiệp với các vùng đồn điền với rất nhiều lao động nô lệ. Điều khoản hạn chế tiến tới chấm dứt hoàn toàn việc buôn bán nô lệ thật sự ảnh hưởng lớn đến nền sản xuất của miền Nam đã làm họ rất lo ngại.

3. Đảng Liên bang: Federal Party. Chấm dứt sự hoạt động sau khi Hamilton qua đời. Sau này, năm 1865, những người theo tư tưởng liên bang tập hợp lại dưới một cái tên mới là Đảng Cộng hoà. Và tồn tại đến ngày nay. Đây là đảng của Tổng thống đương nhiệm George Bush (con).

1. Sau này, mãi tới năm 1812 dưới quyền Tổng thống của Madison, khi nước Mỹ đã có một sự chuẩn bị tốt hơn về quân sự sẵn sàng cho một cuộc chiến tranh thì những xung đột và bức bách của quân Anh mới hoàn toàn chấm dứt.

2. Hiến pháp khi đó qui định ai có phiếu bầu nhiều nhất của các đại cử tri sẽ trở thành Tổng thống.

3. Nhưng thể chế chính trị Mỹ không thể chấp nhận được sự mâu thuẫn giữa hai người lãnh đạo cao nhất của đất nước thuộc hai đảng khác sau vì thế sau này sửa chữa điều kiện rằng Tổng thống và Phó Tổng thống phải là người cùng một đảng.

4. John Curtis Marshall (1755-1835). Ngoại trưởng Mỹ dưới thời Adams (1800-1801); Chánh án Toà án Tối cao Mỹ cho tới khi mất. Được coi là Chánh án vĩ đại nhất trong lịch sử tư pháp Hoa Kỳ, người kế tục tư tưởng của Hamilton về một chính quyền liên bang vững mạnh.

5. Elbridge Gerry (1744-1814). Một trong những lãnh tụ của cuộc cách mạng Mỹ. Năm 1789, được bầu vào Quốc hội khoá đầu tiên, Gerry ủng hộ những chính sách của phe Liên bang; Thống đốc Massachusetts (1810); Phó Tổng thống cho James Madison (1813).

6. Charles Cotesworth Pinckney (1746-1825). Sớm tham gia cách mạng, đại biểu Hạ viện (1778 và 1782) và Thượng viện tiểu bang Nam Carolina (1779). Ông là ứng cử viên Phó Tổng thống của Đảng Liên bang (1800), ứng cử viên Tổng thống (1804 và 1808) nhưng đều thất bại.

1. Sự bế tắc trong cuộc bầu cử Tổng thống này đã dẫn tới việc Quốc hội Mỹ và năm 1804 đã thông qua điều khoản sửa đổi Hiến pháp thứ 12, qui định rằng các đại cử tri phải ghi rõ ràng tên cử Tổng thống và

Phó Tổng thống mà mình lựa chọn.

1. Timothy Pickering (1745-1829): người bang Massachusetts, từng giữ chức Ngoại trưởng dưới thời Washington, bị Adams sa thải sau khi phát hiện ra ông câu kết với Hamilton chống lại các chính sách của mình.

2. Nguyên văn câu của Troupe là 'Delenda est Carthago'. Carthage là một vương quốc cổ đại do người Phoenici thành lập hồi thế kỷ IX trước CN ở bờ biển Bắc Phi. Đây là một vương quốc thương mại giàu có với lãnh thổ rộng lớn bao gồm tất cả các miền ven biển Địa Trung Hải, địch thủ lớn nhất của đế chế La Mã. 'Delenda est Carthago' là câu nói nổi tiếng của Cato, nghị sĩ Viện Nguyên lão La Mã. Cứ mỗi lần nói chuyện hay diễn thuyết bất cứ điều gì đều kết thúc bằng lời kêu gọi 'Delenda est Carthago', có nghĩa là nhất định phải tiêu diệt Carthage. Carthage bị người La Mã phá hủy năm 146 trước CN.

1. Samuel Adams (1722 - 1803): Lãnh tụ chủ chốt của cuộc Cách mạng Mỹ. Ông học trường Harvard, tham gia nhiều hoạt động chính trị chống lại nước Anh, là người sáng lập Hội những người con Tự do (Sons of Liberty). Ông là người phác thảo hầu hết các chỉ thị của cuộc Cách mạng, là lãnh tụ chính thành lập các Ủy ban Liên lạc liên Thuộc địa, chỉ huy vụ Lô chè Boston (1773), góp phần soạn thảo Các điều khoản Hợp bang; sau này là Thống đốc Massachusetts (1794 -1797).

2. Elias Boudiot, sau này là một viên tướng xuất sắc trong cuộc chiến tranh giành Độc lập, rồi là đại biểu Quốc hội Mỹ.

3. John Adams (1735-1826): Tổng thống thứ 2 của Mỹ. Ông nổi tiếng với vụ bào chữa cho lính Anh trong vụ thảm sát ở Boston năm 1770, và viết nhiều bài báo nổi tiếng bảo vệ quyền của các thuộc địa Mỹ. John Adams tham gia Đại hội các thuộc địa lần 1; tham gia Ủy ban soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập; là Chủ tịch Ủy ban Hậu cần và Chiến tranh. Năm 1783, ông tham gia ký Hiệp định Paris kết thúc chiến tranh.

4. William Blackstone(1723-1780): Hiệp sĩ, luật sư xuất sắc người Anh, nổi tiếng với tác phẩm 'Những lời bình luận về luật pháp nước Anh'.

5. John Lock (1632-1704): Triết gia nổi tiếng người Anh với các tác phẩm 'Bàn về lòng khoan dung' (1689), 'Bàn về trí tuệ con người' (1690), 'Luận văn về nguồn gốc, sự phát triển và chấm dứt của chính quyền'. Ông chủ trương xã hội phải có pháp luật mà vua chúa cũng phải tuân theo, nếu không người dân sẽ có quyền nổi dậy.

6. Montesquieu (1689-1755): Triết gia xuất sắc người Pháp của Thế kỷ Ánh sáng, nổi tiếng với các tác phẩm 'Những bức thư của người Ba Tư' (1721), 'Bàn về chính trị' (1723), 'Suy nghĩ về chính thể quân chủ phổ thông' 1724, 'Tinh thần pháp luật' (1748). Ông là người đề xướng chủ trương Tam quyền phân lập.

7. Patrick Henry (1736-1797): Một trong những lãnh tụ nổi tiếng nhất của cuộc Cách mạng Mỹ. Năm 1774, Henry kêu gọi các thuộc địa khác cử đại biểu thành lập Đại hội các thuộc địa lần thứ 1. Cách mạng nổ ra, Henry là Tư lệnh quân đội Virginia và góp phần soạn thảo Hiến pháp đầu tiên cho tiểu bang; Thống đốc Virginia (1776-79, 1784-1786) nhưng từ chối tham dự Hội nghị Lập hiến năm 1787, là lãnh tụ phe chống Liên bang nhiều năm sau đó.

8. Richard Henry Lee (1756-1818): một trong những lãnh tụ hàng đầu của cuộc Cách mạng Mỹ, người đề xướng nền Độc lập cho các thuộc địa. Sau này là Thống đốc Virginia (1792-1795) và là Thượng nghị sĩ Mỹ (1799-1801).

9. Thomas Jefferson (1743-1826): Tổng thống thứ 3 của Mỹ (1801-1809). Là một học giả, kiến trúc sư, nhà khoa học lớn, ông cũng là người sáng lập Trường Đại học Tổng hợp Virginia.

10. Tướng Henry Knox (1750-1806): Viên tướng xuất sắc của quân đội Mỹ, có mặt tại hầu hết các trận đánh lớn trong cuộc chiến tranh. Trong thời kỳ 1785 - 1794, ông là Bộ trưởng Chiến tranh trong chính quyền Hợp bang cũng như chính quyền Liên bang của George Washington. Knox hoàn toàn tán thành quan điểm Liên bang của Hamilton.

11. Tướng Nathanael Greene (1742-1786): Viên tướng xuất sắc của quân đội Mỹ, chỉ đứng sau Washington. Sau khi quân Mỹ ở miền Nam thất bại tại trận Camden, S.C. (1780), Greene được cử thay thế tướng Horatio Gates và lập nhiều chiến công lớn.

1. James Madison (1751-1836): Tổng thống thứ 4 của Mỹ. Ông là một chính trị gia và học giả rất uyên thâm. Tham gia hoạt động chính trị từ khi còn rất trẻ; ông đã đóng vai trò quan trọng tại Hội nghị Annapolis (1786) và Hội nghị Lập hiến năm 1787, được mệnh danh là “Cha đẻ của Hiến pháp Mỹ” vì những đóng góp to lớn. Là Hạ nghị sĩ Liên bang (1789-97), Madison tham gia xây dựng tuyên ngôn Nhân quyền, góp phần tổ chức các cơ quan hành pháp và tạo nên một hệ thống thuế liên bang. Là lãnh tụ phe chống đối các chính sách của Hamilton, ông và Jefferson thành lập Đảng Cộng hòa - Dân chủ (1791).

Ông là ngoại trưởng Mỹ dưới thời Tổng thống Jefferson. Sau này, ông là đồng chủ tịch tại Hội nghị Lập hiến của Virginia năm 1829-30, Hiệu trưởng Trường Đại học Tổng hợp Virginia.

2. Bộ luật Các điều khoản Hợp bang quy định rằng, bất cứ một đạo luật quan trọng nào muốn có hiệu lực phải được tất cả 13 tiểu bang thông qua, và chỉ cần 1 tiểu bang chống đối thì dự luật không thể được ban hành.

3. Tướng Anthony Wayne (1745-1796): tham gia quân đội thuộc địa và có mặt tại nhiều trận đánh lớn, đặc biệt là tại trận Yorktown. Năm 1792, Wayne là chỉ huy quân Mỹ trong cuộc chiến chống người Da Đỏ ở vùng Tây Bắc; tham gia đàm phán hiệp ước Greenville với người Da Đỏ. Sau Hiệp ước Jay, năm 1796 Wayne chỉ huy quân đội Mỹ tại vùng đất này.

4. James Monroe (1758-1834): Từng tham dự nhiều trận đánh quan trọng và có mặt tại Thung lũng Forge. Ông là đại biểu tại Quốc hội Hợp bang cho tới năm 1786, là Thượng nghị sĩ Mỹ thuộc phe Cộng hoà kịch liệt chống chính sách của Hamilton. Sau này, ông là Công sứ tại Pháp; Thống đốc Virginia, Công sứ tại Anh, Ngoại trưởng Mỹ; Bộ trưởng Chiến tranh, trước khi trở thành Tổng thống thứ 5 của Mỹ (1816-1825).

5. Phố Wall: Wall Street, thuộc quận Manhattan, thành phố New York, nay là Trung tâm Tài chính của Mỹ và thế giới.

6. Phocion: (402 - 318 trước CN): Một người anh hùng Hy Lạp cổ đại. Phocion đã cứu dân chúng thành bang Athens khỏi sự sụp đổ. Ông là người rất dũng cảm và đức hạnh, được Plato rất ca ngợi.

Trong tiếng Trung, từ “Doanh” đọc là /yíng/, Tô Duyệt Duyệt nghe thành /yín/, nghĩa là “Dâm” nên gán cho anh ta cái tên này.

Human Resource officer: chuyên viên nhân sự.

Jianshang: phiên âm tiếng Trung, có nghĩa là gian thương. Ở đây, Tô Duyệt Duyệt muốn nói Tập đoàn JS là viết tắt của Tập đoàn gian thương.

Hàn Tín: còn gọi là Hoài Âm Hầu, là một danh tướng bách chiến bách thắng, một trong “tam kiệt nhà Hán” thời Hán Sở tranh hùng.

Trong tiếng Trung, Tô đọc là /su/, đọc lái ra là Sue.

Gió Tây Bắc: gió khô nóng, hay còn gọi là gió Lào, là loại thời tiết tương đối nguy hiểm.

Logistics: là quá trình lên kế hoạch, áp dụng và kiểm soát các luồng chuyển dịch của hàng hóa hay thông tin liên quan tới nguyên liệu vật tư (đầu vào) và sản phẩm cuối cùng (đầu ra) từ điểm xuất phát tới điểm tiêu thụ.

Một trò chơi bắn bong bóng cổ điển và tuyệt vời nhất, rất được giới trẻ ưa chuộng.

Đàn ông ngoại tình thường mua xe Polo cho bồ, nên xe Polo được gọi là xe nhân tình.

Mì qua cầu là một món mì ở Vân Nam.

Nhiều quá chẳng, không nhiều.

Già Lưu: một nhân vật trong truyện Hồng lâu mộng, là người có cá tính trong sáng, tràn đầy sức sống.

Mụ Sói Đỏ là nhân vật trong phim hoạt hình Cừu vui vẻ và Sói xám.

Zilgo: tên một loại băng dán vết thương.

Chỗ dựa vững chắc.

Kim Ôc: một cuốn tiểu thuyết nổi tiếng ở Trung Quốc. A Kiều là Trần A Kiều, nhân vật nữ chính có số phận hẩm hiu.

Tàng không được phép hút thuốc.

Ý chỉ người đàn ông độc thân kiệt xuất.

Có nghĩa là: ngoài sáng giả vờ làm việc khác để che giấu việc chính trong bóng tối, chọn cách tấn công không ai nghĩ tới.

Một loại mì xào

Durex là một hãng sản xuất bao cao su nổi tiếng.

Chứng rối loạn tâm lý sau khi bị tổn thương nặng nề.

Vị thần truyền dịch bệnh.

Anh chàng đẹp trai

MicroBlog: trang blog cá nhân, ngắn gọn, công cụ giao tiếp hữu hiệu và đáng tin cậy trong các doanh nghiệp.

(\*) Cuộc họp triều đình.

Vạn thặng: xưa ở Trung Quốc, thiên tử có muôn cỗ binh xa, gọi là vạn thặng.

(\*) Ác sáo: cũng gọi là Song Lục kỳ - Một trò chơi giống như cờ tướng.



Tạm dịch: Tiếng cười ai đó khá khen thay Quyển rũ quân vương chịu đắng cay. Nước mắt bên chân đầu ngó lại Còn vui sẵn bản hát đàn say.

(\*) Hốt lý đài đại hội: tiếng Mông Cổ có nghĩa là họp triều đình.

(\*) Thanh từ: một thể văn được dùng ở đời Minh, xuất phát từ lối viết văn của Đạo gia.

(\*) Nhi nam là hai thiên chu nam và thiên nam trong Kinh thi nói về tình yêu vợ chồng.

(\*) Bắc Dương là chỉ các tỉnh duyên hải miền Bắc như Liêu Ninh, Hà Bắc, Sơn Đông.

(1) Cuộc đời mãi mãi bao la, Tâm tư theo đuổi cho già tình sâu. Thực tâm thương, hạnh ban đầu. Càng thương yêu lắm càng giàu nghĩa ân.

(2) Lập chí sao cho tần tiện, Tài giới lòng chớ tham lam. Lấy biết làm tâm niệm, Bớt đi lạm dụng lợi danh.

\* Một dân tộc ở Tân Cương Trung Quốc.

1. Văn bản được đưa ra sau Hội nghị Postdam (Đức). Nội dung chính của hội nghị là quyết định các chính sách về việc giải quyết nước Đức phát xít sau chiến tranh, yêu cầu Nhật đầu hàng và đưa ra phương châm quản lí nước Nhật thời hậu chiến - ND.

2. Quan chức phụ trách hành chính giáo dục quốc gia hoặc địa phương. Giám học có nhiệm vụ thị sát giáo dục, giám sát việc giảng dạy, đặc biệt các giám học ở địa phương nắm quyền quyết định nhân sự giáo viên. Chế độ này bắt đầu từ năm 1871 dưới thời Minh Trị - ND.

3. Các công ty độc quyền thao túng nền kinh tế Nhật Bản. Các công ty này thường thuộc quyền kiểm soát của các dòng họ và có mối quan hệ chính trị, kinh tế rất mật thiết với chính phủ - ND.

4. Cơ sở giáo dục xã hội mang tính tổng hợp, xúc tiến các hoạt động giao lưu văn hóa, giáo dục, học tập của cộng đồng cư dân sống trong khu vực - ND

5. Lưu Cầu là tên gọi cũ của Okinawa được sử dụng như tên gọi chính thức từ năm 1372 đến năm 1879 - ND

6. Văn bản hướng dẫn về khóa trình giáo dục từ tiểu học tới trung học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục công bố - ND

7. Viết tắt của cụm từ Government Appropriation for Relief in Coccupied Area (Ngân sách chính phủ cứu trợ cho các khu vực bị chiếm đóng) - ND

1. Viết tắt của cụm từ The Council for Mutual Economic Assistance (Hội đồng tương trợ kinh tế) - ND

2. Hiệp ước được kí ngày 8 tháng 9 năm 1951 với sự tham gia của Nhật và 48 nước khác là thành viên của Liên Hợp Quốc - ND

3. Quốc kì và quốc ca Nhật Bản. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai một bộ phận không nhỏ người Nhật cự tuyệt quốc kì và quốc ca vì cho rằng, nó có liên quan đến chủ nghĩa phát xít - ND.

4. Chức quan phụ trách giúp việc cho tư lệnh quân đội ở những vùng quân Nhật chiếm đóng - ND

5. Hanshin là cách nói gọn cho hai địa danh Osaka và Kobe - ND

6. Shinkansen là tàu điện cao tốc hình viên đạn. “Giờ học Shinkansen” có nghĩa tương tự như “giờ học cười ngửa xem hoa” trong tiếng Việt - ND

7. Trước đó, đặc biệt là thời Ê-đô (1603-1868), trong xã hội Nhật tồn tại chế độ phân biệt địa vị xã hội theo trật tự “sĩ-nông-công-thương” - ND

8. Thời kì tỉ lệ sinh đột ngột tăng cao. Đặc biệt là những năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai (khoảng từ năm 1947-1949) - ND

9. Các trung tâm học thêm, luyện thi vượt cấp - ND

1. Gia đình gồm vợ, chồng và những người con chưa kết hôn - ND

2. Paul Lengrand (1910-2003), nhà tư tưởng giáo dục Pháp - ND

1. Giáo dục hiện đại ở đây là chỉ nền giáo dục có từ thời Minh Trị trở đi - ND.

1. Ở Nhật sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, giáo dục phổ thông được chia ra làm Tiểu học (6 năm), Trung học bậc thấp (4 năm) và Trung học bậc cao (3 năm). Ở đây để dễ hiểu sẽ thống nhất dịch là Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông - ND.

2. Yutori trong tiếng Nhật có nghĩa là nhân nhả, thông thả - ND.

3. Sắc chỉ thể hiện nguồn gốc đạo đức của quốc dân, triết lí cơ bản của giáo dục quốc dân được Thiên hoàng Minh Trị ban bố ngày 30 tháng 10 năm 1890 (năm Minh Trị thứ 23) - ND.

1. Các cuốn sách giáo khoa sơ cấp được dùng từ cuối thời Heian (thế kỉ 8-thế kỉ 12) tới đầu thời Minh Trị - ND.

2. Cuộc chiến tranh diễn ra giữa quân đội chính phủ Minh Trị với binh lính Mạc phủ diễn ra trong khoảng thời gian từ năm 1868 đến năm 1969-ND.

3. Thống nhất giữa tôn giáo và chính trị-ND.

4. Cơ quan hành chính tối cao trong chính quyền Minh Trị. Cơ quan này được thành lập năm 1868 sau hai lần cải cách trở thành chế độ tam viện: Tả viện, Hữu viện và Chính viện trong đó Chính viện đóng vai trò trung tâm-ND.
5. Cuốn sách gồm 6 quyển do Fukuzawa Yukichi biên soạn, xuất bản năm 1869. Sách được viết dưới dạng xướng ca nói về địa lý, lịch sử thế giới - ND.
6. Cuốn sách giải thích về vật lý thường thức do Fukuzawa Yukichi biên soạn. Sách có một tập được xuất bản vào năm 1868 - ND.
7. Kana là văn trong tiếng Nhật. Tiếng Nhật có hai hệ thống chữ “Hira- gana” và “Katakana” - ND.
8. Nguyên tác của đoạn này lấy từ tập văn vần “Wilson Reader” được sử dụng trong các trường tiểu học ở miền Đông nước Mỹ do đó mà nội dung của nó cách khá xa cách sử dụng từ ngữ thông dụng hàng ngày.
9. Sứ đoàn do Iwakura đứng đầu được chính phủ Minh Trị phái sang các nước Âu Mỹ trong khoảng thời gian từ 1871-1873 tiến hành các hoạt động ngoại giao, điều tra phục vụ cho việc đàm phán sửa đổi lại các hiệp ước đã kí với các nước phương Tây trước đó-ND.
10. Cuộc chiến tranh chống chính phủ Minh Trị do Saigo Takamori (1827-1877) lãnh đạo - ND.
11. Nhà giáo dục học người Thụy sĩ (1746-1827)-ND.
12. Mori Arinori (1847-1889), chính trị gia thời Minh Trị, Bộ trưởng Giáo dục đầu tiên trong Nội các của Thủ tướng Ito Hirobumi vào năm 1885 - ND.
13. Cơ quan tối cao ra đời sau khi Viện Thái chính bị đình chỉ vào năm 1877-ND.
1. Tòa nhà được thiết kế theo kiểu phương Tây bắt đầu khởi công xây dựng năm 1881 và hoàn thành vào năm 1883 ở Tokyo. Nơi đây diễn ra nhiều hoạt động văn hóa và chính trị của giới thượng lưu trong xã hội đương thời -ND
2. Người đứng đầu cơ quan tư vấn lập pháp vốn được lập ra từ tháng 3 năm 1869-ND.
3. Chỉ thể chế nhà nước - ND
4. Johann Friedrich Herbart (1776-1841) nhà triết học, giáo dục học Đức - ND.
5. Các sắc chỉ này với tư cách là mệnh lệnh của Thiên hoàng theo quy định của Hiến pháp Đại đế quốc Nhật Bản không cần Đế quốc nghị viện thông qua – ND.
6. Được thành lập năm 1888 với mục đích bàn thảo các đề án. Hiến pháp quy định đây là cơ quan tư vấn của Thiên hoàng – ND.
7. Motoda Nagazane (1818-1891) nhà Nho học xuất thân ở Kumamoto. Thừa lệnh của Thiên hoàng, ông đã biên soạn nhiều sách, văn bản liên quan đến giáo dục thời Minh Trị - ND.
8. Hi sinh lợi ích bản thân phục vụ lợi ích nhà nước - ND.
9. Uchimura Zou (1861-1930) nhà tư tưởng Thiên chúa giáo, nhà báo, nhà truyền giáo thời Minh Trị. Ông có nhiều đóng góp trong cuộc đấu tranh chống chiến tranh, bảo vệ môi trường và hòa bình - ND.
10. Diễn ra trong khoảng thời gian 1894 -1895 - ND
11. Một nhân vật lịch sử thời Nam-Bắc triều ở Nhật (thế kỉ 14) - ND
1. Mutsu Munemitsu ( 1844-1897). Ông có viết cuốn sách mang tựa đề “Kenken Roku” (Kiến kiến lục) – ND.
2. Sự thương thảo giữa ba nước Nga, Đức, Pháp xoay quanh việc phân đối Nhật chiếm bán đảo Liêu Đông sau chiến tranh Nhật-Thanh - ND
3. Tên gọi khu vực phía tây Nhật Bản (Quan Tây) bao gồm Kyoto, Osaka và các tỉnh phụ cận-ND.
4. Misson-School-ND
5. Tsuda Umeko (1864-1929), nhà giáo dục thời Minh Trị, Taisho. Năm 8 tuổi, bà đến Mỹ du học và trở thành nữ du học sinh đầu tiên của Nhật Bản. Sau khi về nước bà đã có nhiều đóng góp cho giáo dục Nhật Bản - ND.
6. Yoshioka Yayoi (1871-1959), bác sĩ, nhà giáo dục Nhật - ND..
7. Vụ án được coi là có liên quan đến kế hoạch ám sát Thiên hoàng Minh Trị. Có rất nhiều người bị bắt và bị xử tử trong vụ án này – ND.
8. Tranh luận về tính chính thống của hai vương triều Nam và Bắc tồn tại trong khoảng thời gian từ 1336 đến 1392 – ND.
9. Hệ thống tư tưởng có hạt nhân trung tâm là tôn vương luận được hình thành ở phiên (han) Mito thời Edo – ND.
1. Natsume Soseki (1867-1916), tiểu thuyết gia, nhà nghiên cứu văn học Anh – ND.
2. Nằm ở cực nam bán đảo Liêu Đông (Trung Quốc) – ND.

3. John Dewey (1859-1952) nhà triết học, nhà cải cách giáo dục, nhà tư tưởng xã hội Mỹ - ND
  4. Alfred Binet, nhà tâm lý học người Pháp (1857-1911), người đã tạo ra phương pháp kiểm tra trí thông minh đầu tiên trên thế giới dựa trên thành quả nghiên cứu của T.Simon (1873-1961) – ND.
  5. Phương pháp giáo dục mới do nhà giáo dục học Helen Parkhurst (1887-1973) đề xướng năm 1920 tại thành phố Dalton, bang Massachu- set, Mỹ. Phương pháp này là một trong các phương pháp học tập cá biệt, ở đó các phòng thí nghiệm cho từng môn học được thiết lập và học sinh sẽ tự chủ học tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Phương pháp này đã có ảnh hưởng lớn trên phạm vi thế giới – ND.
  6. Trường học tự do – ND.
  7. Học viện văn hóa – ND.
  8. Trường Meijo – ND.
  9. Trường Tezukayama – ND.
  10. Trường tự do Mino – ND.
  11. Trường Showa – ND.
  12. Vụ bạo động đốt công viên Hibiya ở Tokyo diễn ra vào ngày 5/9/1905 xuất phát từ những bất mãn xung quanh vấn đề tiền bồi thường sau chiến tranh Nhật-Nga – ND
  13. Gốc tiếng Anh là Settlement chỉ cơ sở được thiết lập cố định ở một khu vực nào đó với các dịch vụ xã hội phục vụ đời sống toàn diện của người dân như giáo dục, nhà trẻ, y tế... – ND.
  14. Suihei trong tiếng Nhật có nghĩa là chân trời, nằm ngang. Ở đây nó ám chỉ sự công bằng, không có sự phân biệt – ND.
  15. Cuộc bạo động do nguyên nhân chính là giá gạo quá cao. Năm 1890, 1897 phong trào nổ ra ở các địa phương và đến năm 1918 thì trở thành cuộc bạo động có quy mô toàn quốc – ND.
1. Chữ Vũ ( chỉ nóc nhà) diễn đạt ý nhóm họp thế giới lại thành một nhà. Đây là câu khẩu hiệu chính phủ Nhật hay dùng để nhấn mạnh tính chính đáng của quân đội Nhật trong cuộc Chiến tranh Thái Bình Dương. Nguồn gốc của câu khẩu hiệu này bắt nguồn từ sách Nhật Bản thư kỉ - cuốn sách gồm 30 quyển, tập hợp nhiều câu chuyện thần thoại về nước Nhật và Thiên hoàng được biên soạn vào năm 720 -ND.
  2. Trong Hiến pháp Đại đế quốc Nhật Bản có ghi chủ thể nắm quyền thống trị là nhà nước và Thiên hoàng là người đứng đầu nhà nước. Mi- nobe Tatsukichi và những người khác có chủ trương tăng cường vị trí của nội các và nghị viện đã gây ra sự đối lập với những người tôn sùng, bảo vệ Thiên hoàng. Kết quả là năm 1935 ông buộc phải từ nhiệm nghị viện Viện quý tộc và các cuốn sách do ông viết bị cấm phát hành - ND
3. Tên Đoàn Thiếu niên cộng sản của Liên Xô (Pioner = tiền phong) – ND.
- Edom là một khu vực lịch sử định cư của người Semite thuộc miền Nam Levant nằm ở phía nam của xứ Judea và Biển Chết, phần lớn ở Negev. Nó được đề cập trong các hồ sơ Kinh Thánh là Vương quốc Edom thời kỳ đồ sắt tại thiên niên kỷ 1 TCN.
- Cựu Thế giới (The Old World): bao gồm các phần của trái đất được người châu Âu biết đến trước khi Christopher Columbus trong chuyến hải hành của mình phát hiện ra châu Mỹ vào năm 1492, bao gồm: châu Âu, châu Á và châu Phi (một cách tổng thể gọi là đại lục Phi-Á – Âu) và các đảo bao quanh. Thuật ngữ này được dùng phân biệt với thuật ngữ Tân Thế giới (The New World), gồm cả châu Mỹ.
- Sephardic Jews / Sephardi Jews / Sephardim: nhóm người Do Thái có tổ tiên sống ở Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha. Những người này bị trục xuất khỏi Tây Ban Nha vào năm 1492 và phải chạy trốn sang các nước Hồi giáo thuộc Đế quốc Ottoman, tạo ra ngôn ngữ của riêng mình chủ yếu là tiếng Tây Ban Nha pha lẫn với một số từ Hebrew.
- Baron von Rothschild: thuộc Gia tộc Rothschild là một gia tộc Do Thái có nguồn gốc từ Frankfurt, Đức. Họ đã tạo nên một đế chế tài chính – ngân hàng tại châu Âu bắt đầu từ cuối thế kỷ 18.
- Khả Hãn (Khan): một danh hiệu dành cho những người cai trị và các quan chức ở các vùng Trung Á, Afghanistan và một số quốc gia Hồi giáo khác.
- Dhimmi: là một thuật ngữ lịch sử đối với công dân không phải Hồi giáo sống tại một nhà nước Hồi giáo. Theo nghĩa đen có nghĩa là “người được bảo vệ.” Theo các học giả, quyền lợi của các dhimmis được bảo vệ đầy đủ trong cộng đồng của họ, nhưng trong vai trò là những công dân trong quốc gia Hồi giáo, họ phải chịu những hạn chế nhất định và phải trả thuế jizya.
- Great Schism: Sự chia rẽ chính thức (1054) giữa Chính thống giáo Đông Phương (Eastern Orthodox Church) và Giáo hội Công giáo Rôma (Roman Catholic Church).
- Mizrahic Jews / Mizrahim: nhóm người Do Thái sống trong các cộng đồng ở Trung Đông và Bắc Phi.
- Gen: một đơn vị di truyền được chuyển từ cha mẹ sang con cái và được dùng để xác định một số đặc

tính của con cái.

Khazars: là một dân tộc Turkic bán du mục đã tạo ra một đế chế giữa những năm cuối thế kỷ 7 và thế kỷ 10 (650-965). Đế chế Khazars thống trị khu vực rộng lớn kéo dài từ Thảo nguyên Volga-Don đến Đông Crimea và Bắc Caucasus.

DNA ty thể: mitochondrial DNA – mtDNA. DNA ty thể là cơ sở của nhân tố di truyền ngoài nhân.

Châu Phi hạ-Sahara (Sub-Saharan Africa): về mặt địa lý, là khu vực của lục địa châu Phi nằm ở phía nam của sa mạc Sahara.

Y-chromosome: nhiễm sắc thể Y. Là một cấu trúc có tổ chức của ADN và protein nằm trong các tế bào.

Haplotype: là một đại diện của DNA nằm dọc theo sợi nhiễm sắc thể.

Khazar Khaganate (Hãn quốc Kazan): là tên một liên minh các dân tộc du mục thuộc các dân tộc Turk ở khu vực dãy núi Altai và cũng là tên gọi một hãn quốc hùng mạnh ở Trung Á trong giai đoạn từ thế kỷ 6 tới thế kỷ 7.

Cách ly di truyền: genetic isolation.

Lowlands (các vùng đất thấp): các khu vực của Scotland nằm ở phía nam và phía đông của vùng cao nguyên.

Ngôn ngữ Slavic: một nhóm các ngôn ngữ liên quan khá chặt chẽ của các dân tộc Slavơ và một nhóm nhỏ của các ngôn ngữ Ấn – Âu, được dùng ở hầu hết các nước Đông Âu, phần lớn các nước vùng Balkan, các bộ phận của Trung Âu và vùng Bắc của châu Á.

Anusim là những người Do Thái, theo luật Do Thái (halakha), đã bị buộc phải từ bỏ đạo Do Thái ngược lại ý muốn của họ, thường khi buộc phải chuyển đổi sang tôn giáo khác. Thuật ngữ này xuất phát từ cụm từ Talmudic “*averah b'ones* (Hebrew: *עבריה ב'אונס*)”, có nghĩa là “một sự vi phạm bắt buộc”.

Krymchaks: là một cộng đồng sắc tộc – tôn giáo của vùng Crimea bắt nguồn từ các tín đồ nói tiếng Turkic của Rabbinic Judaism. Theo lịch sử họ sống ở gần gũi với người Crimean Karaites.

Crimean Karaites: là những người thực hành Karaism là hình thức ban đầu của Do Thái giáo theo mặc khải của Thiên Chúa trong Kinh Torah. Karaite Judaism từ chối những bổ sung sau này của Tanakh (Kinh Thánh Hebrew như Khẩu Luật Rabbinic (Rabbinic Oral Law) và đặt trách nhiệm cuối cùng của việc giải thích Thánh Kinh cho từng cá nhân.

Turkic: Các dân tộc Turkic là một nhóm các sắc tộc sống ở miền Bắc, Đông, Trung và Tây Á, Tây Bắc Trung Quốc và các vùng của Đông Âu.

Do Thái giáo Rabbinic hay Rabbinitism là dòng chính của Do Thái giáo từ thế kỷ thứ 6, sau khi Talmud Babylon được quy điển hóa. Phát triển từ Do Thái giáo Pharisaic, Do Thái giáo Rabbinic dựa trên niềm tin rằng tại núi Sinai, Moses đã nhận được từ Thiên Chúa “Torah Viết”, cùng với lời giải thích bằng miệng, được gọi là “Torah Nói” mà Moses đã truyền lại cho mọi người.

Do Thái giáo Karaite hay Karaism là một phong trào của người Do Thái đặc trưng bởi sự công nhận Tanakh là thẩm quyền pháp lý tối cao duy nhất trong Halakha và thần học. Đó là khác biệt của Do Thái giáo Karaite với Do Thái giáo Rabbinic. Do Thái giáo Rabbinic coi Torah Nói, như đã hệ thống hóa trong Talmud và các văn bản tiếp theo, là những giải thích có thẩm quyền của Torah. Còn Do Thái giáo Karaite giữ thái độ rằng tất cả các giới răn mà Thiên Chúa truyền lại cho Moses đã được ghi nhận trong Torah Viết mà không cần bổ sung hoặc giải thích của Torah Nói. Kết quả là, người Do Thái Karaite không chấp nhận các truyền thống truyền miệng trong Talmud và các văn bản khác.

Châu Phi Hạ Sahara (Sub-Saharan Africa): về mặt địa lý, là phần lục địa châu Phi nằm ở phía nam của sa mạc Sahara. Về mặt chính trị, nó bao gồm tất cả các nước châu Phi toàn bộ hay một phần nằm ở phía nam của sa mạc Sahara (ngoại trừ Sudan).

Đế chế Songhai (Songhai Empire): là quốc gia Songhai đã thống trị Tây Sahel trong thế kỷ 15 và 16. Sahel là vùng khí hậu sinh thái và địa sinh học của quá trình chuyển đổi ở châu Phi giữa sa mạc Sahara ở phía bắc và Sudanian Savanna ở phía nam.

Do Thái giáo quy phạm (normative Judaism): theo truyền thống, việc thực hành Do Thái giáo được dành cho việc nghiên cứu Kinh Torah và chấp hành các luật lệ và điều răn. Trong Do Thái giáo quy phạm, Torah và luật Do Thái là không thay đổi, nhưng cách diễn giải của luật là cởi mở hơn. Nó được coi là một mitzvah (giới luật) để nghiên cứu và hiểu luật.

The Syrian Malabar Nasrani là một nhóm ethno-religious từ Kerala, Ấn Độ. Nó ám chỉ những người đã trở thành Kitô hữu ở bờ biển Malabar trong những ngày đầu của Kitô giáo, bao gồm cả người bản địa và người Do Thái Diaspora ở Kerala. Tên gọi Nasrani được cho là xuất phát từ tên Nazarét được sử dụng bởi các Kitô hữu Do Thái cổ xưa ở vùng Cận Đông đã tin vào thiên tính của Chúa Jesus, nhưng vẫn bám víu

vào rất nhiều các nghi lễ Mosaic.

Nhiễm sắc thể Y Aaron (Y-chromosomal Aaron): là tên được đặt cho giả thuyết tổ tiên chung gần đây nhất của nhiều người trong tầng lớp tư tế Do Thái (Jewish priestly caste) theo phụ hệ được gọi là Kohanim (số ít là “Kohen”, “Cohen”, hoặc Kohane). Theo Kinh Torah, tổ tiên này được xác định là Aaron, anh em trai của Moses. Do đó, tổ tiên chung gần đây nhất theo giả thuyết được đặt tên là “nhiễm sắc thể Y Aaron”, tương tự với “nhiễm sắc thể Y Adam”.

Amerindian: là bất kỳ thành viên của các dân tộc sống ở Bắc hay Nam Mỹ trước khi người châu Âu đến. Sabra (Hebrew: צבר) là một từ lóng không chính thức dùng để chỉ người Do Thái Israel sinh ra tại Israel. Sephardic Haredim là những người Do Thái gốc Sephardi và Mizrahi theo Do Thái giáo Haredi.

Moses Mendelssohn (1729-1786) là một triết gia Do Thái Đức, là người đã khởi nguồn Haskalah.

Yishuv là tên gọi cộng đồng người Do Thái ở Vùng đất Israel giữa những năm 1880 và 1948, khi Israel tuyên bố trở thành một nhà nước độc lập. Cộng đồng Do Thái Yishuv đóng vai trò quan trọng trong việc đặt nền móng cho một Nhà nước Israel đã được trù liệu. Trong khi truyền thống và lịch sử Do Thái là lớp nền móng đầu tiên trong việc định hình Nhà nước Israel hiện đại, Yishuv là lớp thứ hai.

Con đường này được cho là bắt đầu từ nơi Chúa Jesus bị xét xử tới nơi Người bị đóng đinh và chôn cất tại đồi Golgotha.

Halutz trong tiếng Hebrew có nghĩa là tiên phong.

Hindu đề cập đến bất cứ ai tự coi mình như văn hóa, sắc tộc hoặc tôn giáo gắn liền với các khía cạnh của Ấn Độ giáo (Hindusm).

Intifada: phong trào nổi dậy của người Palestine chống lại Israel.

Um Kulthoum: một ca sỹ, nhạc sỹ và nữ diễn viên điện ảnh Ai Cập nổi tiếng quốc tế trong những năm 1920-1970.

Trong ý nghĩa chính của nó, mitzvah trong tiếng Hebrew đề cập đến giới luật và những điều răn của Chúa. Nó được sử dụng trong Do Thái giáo Rabbinic để nói đến 613 điều răn trong Torah ở núi Sinai và cộng thêm bảy điều răn khác đặt ra sau đó, tổng số là 620.

Aggadah đề cập đến văn bản chủ giải không mang tính pháp lý trong văn học cổ điển của giáo đoàn Do Thái giáo, đặc biệt được ghi lại trong Talmud và Midrash.

Midrash là một phương pháp giải thích những câu chuyện Kinh Thánh vượt ra ngoài những chất lọc đơn giản của giáo lý tôn giáo, pháp lý, hoặc đạo đức. Những giải thích này được các Rabbi điền vào những “khoảng trống” được tìm thấy trong Kinh Torah.

Beatnik là một khuôn mẫu truyền thống thịnh hành trong suốt những năm 1950 đến giữa những năm 1960, trưng bày những khía cạnh nông cạn của phong trào văn hóa Beat trong những năm 1950.

Định cư Pale (The Pale of Settlement): là thuật ngữ được đặt cho một khu vực của Đế quốc Nga, trong đó người Do Thái được phép thường trú, còn vượt qua đó thì bị cấm.

Nickelodeon: rạp chiếu phim nhỏ, vé năm xu, thịnh hành ở Mỹ trong những năm 1905-1915.

Miriam là chị gái của Moses và Aaron, và là con gái duy nhất của Amram và Jochebed. Bà là một tiên tri và xuất hiện đầu tiên trong Sách Xuất Hành trong Kinh Thánh Hebrew.

Deborah là một tiên tri của Thiên Chúa của Israel, Thẩm phán thứ tư của Israel thời tiền quân chủ, cũng là một chiến binh và là vợ của Lapidoth theo Sách Thẩm Phán. Là nữ thẩm phán duy nhất được đề cập trong Kinh Thánh, Deborah dẫn đầu cuộc phản công thành công chống lại các lực lượng của Jabin – Vua Canaan – và chỉ huy quân đội của ông là Sisera. Câu chuyện được kể lại trong chương 4 Sách Thẩm Phán.

Amidah cũng gọi là Shmoneh Esreh (שמנה עשרה, 18 lời cầu nguyện), là kinh cầu nguyện chính của nghi lễ Do Thái giáo. Người Do Thái giáo cầu nguyện Amidah tại mỗi trong ba lễ cầu nguyện trong một ngày điển hình: buổi sáng, buổi chiều, và buổi tối.

Bức tường Âm thanh chính là tốc độ của âm thanh truyền trong không khí, khoảng 336m/s. Khi tốc độ của một vật di chuyển trong không khí từ thấp hơn, tăng dần đến mức đạt và vượt tốc độ này thì người ta nói rằng nó đã vượt qua “bức tường âm thanh”.

Indie rock là một thể loại nhạc alternative (Alternative rock) có nguồn gốc từ Vương quốc Anh trong những năm 1980.

Haggadah là một văn bản Do Thái quy định thứ tự của bữa ăn tối trong ngày lễ Vượt Qua.

Shtetls là những thị trấn nhỏ với dân số Do Thái lớn tồn tại ở Trung và Đông Âu trước Holocaust.

Arcade: hành lang có mái che với các cửa hàng và quầy ở hai bên.

Mesopotamia: vùng Lưỡng Hà nằm giữa hai con sông Euphrates và Tigris, ngày nay bao gồm lãnh thổ

Iraq, Kuwait, Đông Bắc Syria, và phần nhỏ của Đông Nam Thổ Nhĩ Kỳ và Tây Nam Iran. Đây được coi là “cái nôi của văn minh” nhân loại.

Đế quốc La Mã (Roman Empire) (thế kỷ 1 TCN – thế kỷ 5, 6 CN): là một đế quốc lớn nhất trong lịch sử thế giới bao gồm lãnh thổ các quốc gia bao quanh Địa Trung Hải ngày nay của châu Âu, châu Phi và châu Á. Ba thành phố lớn của nó là Rome (thuộc Ý), Alexandria (thuộc Ai Cập) và Antioch (thuộc Thổ Nhĩ Kỳ). Năm 285, Hoàng đế Diocletianus phân chia Đế chế thành Đế quốc Tây La Mã (Western Roman Empire) và Đế quốc Đông La Mã (Eastern Roman Empire). Đế quốc Tây La Mã kéo dài đến năm 476; còn Đế quốc Đông La Mã (còn có tên gọi khác là Đế quốc Byzantine) kéo dài đến năm 1453.

Aliyah là sự nhập cư của người Do Thái từ các cộng đồng Diaspora về lại Vùng đất Israel.

Palestine: trong thế kỷ thứ nhất, Đế chế La Mã đánh bại dân tộc Judea 1.000-năm-tuổi, phá hủy Đền Thờ Jerusalem và đẩy ải hàng trăm nghìn người Do Thái. Để xóa tất cả ký ức về xứ Judea, Rome đổi tên Judea thành ‘Palestine’ theo tên kẻ thù của người Do Thái trong Kinh Thánh – Philistines – là dân tộc đã từng định cư dọc theo bờ biển xứ Canaan. Về sau, người phương Tây gọi Đất Thánh Do Thái-Kitô giáo là Palestine. Dân tộc Ả-rập đã không chấp nhận rộng rãi tên ‘Palestine’ cho đến thế kỷ 20.

Plato (424/423 TCN – 348/347 TCN): Triết gia Hy Lạp cổ đại.

Aristotle (384 TCN – 322 TCN): Triết gia Hy Lạp cổ đại. Học trò của Plato.

Jehovah: trong Kinh Thánh Torah, Jehovah là tên riêng của Thượng Đế, như đã mặc khải cho Moses trên núi Sinai. (xem Câu chuyện Do Thái: lịch sử thăng trầm của một dân tộc)

Noah: theo Sách Sáng Thế, ông Noah đóng con tàu lớn mà ngày nay gọi là tàu Noah để tự cứu ông và gia đình, bảo tồn thế giới động vật, thực vật khỏi bị diệt vong bởi trận trừng phạt đại hồng thủy của Thiên Chúa.

Mari Letters: là một bộ sưu tập các thư từ hoàng gia từ Mari, một thành phố cổ trên sông Euphrates.

Amarna Letters: thư từ ngoại giao, trên bảng đất sét, chủ yếu giữa chính quyền Ai Cập và đại diện của họ ở Canaan và Amurru trong khoảng thời gian những năm 1300 TCN.

Semitic: nhóm các ngôn ngữ có liên quan với nhau được nói bởi 470 triệu người tại Tây Á, Bắc Phi và Sừng châu Phi. Chúng là một nhánh của họ ngôn ngữ Phi – Á. Ngôn ngữ Semitic được nói nhiều nhất hiện nay là tiếng Ả-rập, Amharic, Hebrew, Tigrinia và Aramaic.

Babylon: một thành quốc của Lưỡng Hà cổ đại, nằm ở Al Hillah, tỉnh Babil, Iraq, khoảng 85km về phía nam thủ đô Baghdad (Iraq).

Pharaoh: tước hiệu của vua Ai Cập cổ đại.

Mặc khải: một từ thần học hay được dùng trong Kitô giáo, có nghĩa là vén mở ra bức màn bí mật để cho thấy một điều gì đó.

Ba Tư (Persia): một quốc gia cổ ở phía tây nam châu Á, nay là Iran.

Jericho: thành cổ nằm gần Bờ Tây của sông Jordan.

Về mặt địa lý, Transjordan gồm các khu vực phía đông của sông Jordan, bao phủ phần lớn Jordan ngày nay.

Xức dầu (anointing) diễn tả hành động xoa dầu trên cơ thể, hay đổ dầu lên đầu nhằm một mục đích nào đó. Sự xúc dầu bao gồm nhiều mục đích và ý nghĩa khác nhau. Trong thời Cựu ước, xúc dầu được xem là một nghi thức quan trọng nhằm xác chứng rằng: người được xúc dầu được Đức Chúa Trời chỉ định để thi hành một sứ mệnh đặc biệt.

Samaritans là một nhóm sắc tộc-tôn giáo của Levant, hậu duệ của cư dân Semitic cổ của khu vực.

Đế quốc Byzantine (Byzantine Empire) (330-1453): còn gọi là Đế quốc Đông La Mã, đóng đô ở Constantinople (nay là Istanbul, thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ).

Gnosticism: Thuyết Ngộ Đạo (từ tiếng Hy Lạp cổ đại: gnostikos γνωστικός, “học”, từ Gnosis γνώσις, kiến thức) mô tả một tập hợp các tôn giáo cổ xưa xa lánh thế giới vật chất – mà họ xem như được tạo bởi các đấng tạo hóa – và chấp nhận thế giới tâm linh.

Thời Trung cổ: giai đoạn giữa sự sụp đổ của Đế quốc La Mã và sự trỗi dậy của các quốc gia châu Âu hiện đại, tức là từ thế kỷ 5 kéo dài đến thế kỷ 15.

Levant là một thuật ngữ lịch sử địa lý đề cập phóng chừng đến một khu vực rộng lớn ở Tây Nam Á bao bọc bởi dãy núi Taurus của Anatolia ở miền Bắc, Biển Địa Trung Hải ở phía tây, và sa mạc miền Bắc Ả-rập và Mesopotamia ở phía đông. Một số các quốc gia hoặc các bộ phận của các quốc gia nằm trong khu vực Levant là Cyprus, Ai Cập, Iraq, Israel, Jordan, Lebanon, Palestine, Syria, Thổ Nhĩ Kỳ. Đôi khi bán đảo Sinai cũng được bao gồm, mặc dù phần nhiều được coi là một vùng trung gian, ngoại biên tạo thành một cầu nối giữa Levant và Bắc Ai Cập.

Aramaic: thuộc cận họ Semitic, nằm trong họ ngôn ngữ Phi – Á (Afro-asiatic). Tiếng Aramaic là một phần trong nhóm ngôn ngữ Tây-Bắc Semitic, trong nhóm này còn có các ngôn ngữ Canaanite như tiếng Hebrew và tiếng Phoenicia. Aramaic là ngôn ngữ chính của xứ Syria.

Bộ Luật Do Thái: (Hebrew: הלכה, Sephardic: (halaxa); phiên âm như halacha hoặc chalachah) hoặc halocho (Ashkenazic: (halocho)) là tập hợp các luật tôn giáo của người Do Thái có nguồn gốc từ Torah Viết và Torah Nói. Bao gồm 613 điều răn, luật Talmudic và Rabbinic, các phong tục và truyền thống biên dịch trong Shulchan Aruch (thường được gọi là “Code of Jewish Law” – “Bộ Luật Do Thái”).

Bán đảo Iberia nằm ở cực tây nam châu Âu, được bao quanh bởi Địa Trung Hải về hướng đông và nam, và bởi Đại Tây Dương về hướng tây và bắc. Dãy núi Pyrenees làm thành biên giới đông bắc của bán đảo. Gibraltar, điểm cực nam của bán đảo, được ngăn cách với châu Phi bởi eo biển cùng tên. Đây là bán đảo lớn nhất châu Âu với diện tích 582.860km<sup>2</sup>. Bán đảo Iberia gồm có các quốc gia và vùng lãnh thổ: Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Andorra và Gibraltar.

Sephardi Jews hay Sephardic jews hay Sephardim: nhóm người Do Thái có tổ tiên sống ở Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha.

Ashkenazi Jews hay Ashkenazic Jews hay Ashkenazim: nhóm người Do Thái gốc Đức sống trong các cộng đồng ở Trung và Đông Âu mà hiện nay là miền Bắc nước Pháp, Đức và Thụy Sĩ.

Bán đảo Balkan là một khu vực địa lý của khu vực Đông Nam châu Âu. bao gồm toàn bộ hoặc một phần của Albania, Bosnia và Herzegovina, Bulgaria, Croatia, Hy Lạp, Kosovo, Cộng hòa Macedonia, Montenegro, Serbia, Slovenia, và phần châu Âu của Thổ Nhĩ Kỳ.

Novorossiya là một thuật ngữ lịch sử của Đế chế Nga biểu thị một khu vực phía bắc của Biển Đen (nay là một phần của Ukraina).

Đế quốc Ottoman: còn gọi là Turkish Empire – Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ theo lịch sử.

Mizrahi là những người Do Thái đến từ Trung Đông và Bắc Phi.

Zionist: Người theo Chủ nghĩa Phục quốc Do thái

(1) Gaius Jūlius Caesar (phát âm như “Gai-us Giu-li-us Xê- da”; trong tiếng Latin như “Khai-xơ”; 12 tháng 7 hoặc 13 tháng 7 năm 100 TCN 15 tháng 3 năm 44 TCN) là một lãnh tụ quân sự và chính trị của La Mã và là một trong những người có ảnh hưởng lớn nhất trong lịch sử thế giới. Ông đóng một vai trò then chốt trong sự chuyển đổi Cộng hòa La Mã thành Đế chế La Mã.

1. Pháp nộ: cái giận của pháp.

2. Hồi thủ ngạn: trở lại bờ này.

1. Hạc nội không có lương thực mà đất trời rộng rãi.

1. Ba cõi không an, như ở trong nhà lửa.

2. Thân người khó được, Phật pháp khó nghe (khó vì đi ngược dòng đời)

1. Phật một thước, Ma một trượng.

1. Dịch từ câu thơ: <br /> “Nhất bát thiên gia phạm <br /> Cô thân vạn lý du <br /> Kỳ vi sinh tử sự <br /> Giáo hóa độ xuân thu.”

(1) Lệ học ở làng Câu Hoan xưa, Bùi Thị Tân - Cửa Việt số 15 (Bộ cũ) tr. 86.

(\*) Chữ dùng của Hồ Chí Minh cho bọn tham ô, lãng phí, quan liêu.

\* Trọng Thi: chữ dùng của Lê Thần Trần Trọng Kim

(\*): GS- KTS Hoàng Đạo Kinh - Phó Chủ tịch Thường trực Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Ủy viên Hội đồng Di sản văn hóa Quốc gia, Ủy viên Hội đồng lý luận và phê bình Văn học Nghệ thuật Trung ương.

1\ Xem bài viết của Hồ Chủ tịch năm 1952, sách Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, Nhà xuất bản Sự Thật, 1970, trang 131.

(1) Creatio dei (tiếng La tinh): tạo vật của Thượng đế.

(2) Trong nguyên bản 'Galuleh' cho hợp vần điệu và bài ba-lát thêm hài hước. Người dịch giữ nguyên.

(1) Thời Trung cổ việc mổ xẻ xác người bị Giáo hội nghiêm cấm.

(2) Ý nói ít cổ đạo.

(3) Tương tự như ta có câu: được đăng chân, lân đăng đầu!

(1) Phần lớn nước Ý bấy giờ bị Tây Ban Nha chiếm. Khi dân chúng vùng Nam Ý nổi loạn, Giáo hoàng lại đứng về phe Tây Ban Nha.

(2) Âm chỉ cuộc chiến tranh ba mươi năm (dưới danh nghĩa tôn giáo) diễn ra ở Đức vào đầu thế kỷ 17 - dựa trên bối cảnh này Brecht đã sáng tác vở kịch 'Bà mẹ dũng cảm và những người con'.

(3) Phong trào cải cách tôn giáo ở châu Âu thời Trung cổ, đưa tới việc thành lập các giáo hội Tin Lành.

(4) Giáo hoàng bí mật liên kết với vua Thụy Điển Gustav Adolf II (theo đạo Tin Lành) vì quyền lực Giáo

hội bị dòng họ Habsburg (Áo) thuộc phe Thiên Chúa đe dọa.

(5) Phái Luther: đạo Tin Lành (bây giờ bị gọi là 'phản Chúa') theo đường lối cải cách của Martin Luther (1483-1546).

(6) Âm chỉ Galilei.

(7) Lời Kinh Thánh (xem màn 6).

(8) Zither: một loại đàn với khoảng 30 dây, gốc từ Trung Á

(9) Wien (Vienne): thủ đô nước Áo.

(10) Ý tác giả: những dụng cụ để tra khảo ở Tòa án Tôn giáo.

(1) Discorsi (tiếng Ý): mạn đàm.

(2) Nước Cộng hòa Venedig.

(3) Hieme et aestate... (tiếng Latin): 'trong mùa đông và mùa hạ, gần và xa, bao lâu ta còn sống và cả sau đó nữa.'

(4) Elle: đơn vị chiều dài cổ, khoảng từ 60 đến 80 cm.

(1) Kinh Thánh (Tân ước).

(2) Tác phẩm 'De imitatione Christi' (Nối bước Chúa Cứu thế) của Thomas von Kempen (1379-1471).

(3) Ý nói Kinh Thánh.

(4) Những nước theo đạo Tin lành ở Châu Âu.

(5) Mailand (Milano): thành phố công nghiệp lớn thứ hai ở Ý hiện nay.

(6) Đại công tước Florenz.

(7) Được vùng Lưỡng Hà (Tigris và Euphrat) thờ là nữ thần phồn thực.

(8) Âm chỉ chế độ Hitler đang lộ hành ở Đức - khi Brecht sáng tác vở 'Cuộc đời Galilei' này.

(1) Toscana: một vùng ở Trung Ý, nay gồm chín tỉnh, thủ phủ là Florenz (Florence).

(2) Quan nội quân: tạm dịch từ Hofmarschall (maréchal du palais), viên quan quản lý sinh hoạt trong hoàng cung.

(3) Thường thì rất ít người tóc đỏ, nên họ bị coi là phù thủy!

(4) Đường ngoại luân (Epizykloide): đường do một điểm nằm trên một vòng tròn vạch ra khi vòng tròn này lăn trên một vòng tròn khác cố định.

(5) Tiếng La tinh: Vũ trụ của Aristoteles thần thánh.

(1) Một dòng từ thiện do bà thánh Angela Merici (1474-1540) thành lập.

(1) Tiếng La tinh: nhẹ dạ, cả tin tới mức thành kẻ khờ khạo, mê muội.

(2) Venus: vừa là sao Kim, vừa là tên của nữ thần ái tình - thần 'Vệ nữ' (thần thoại La Mã).

(3) Brecht chơi chữ: 'Schwindel' vừa có nghĩa chóng mặt, vừa có nghĩa sự lừa gạt. Do đó, câu 'Tôi bị chứng chóng mặt' có thể thay bằng: 'Tôi đau khổ vì bị lừa gạt.'

(4) Như chú thích trên. Câu này nghĩa là 'Trong Collegium Romanum thì đừng hòng mà lừa gạt được.'

(5) Tycho Brahe (1546-1691): nhà thiên văn và toán học Đan Mạch. Năm 1572, ông phát hiện ra một ngôi sao mới, trước khi có kính viễn vọng.

(6) Tiếng La tinh: Hãy đấu tranh chống lại ngay từ lúc sự việc còn manh nha.

(7) Kinh Thánh, Cựu ước, Josua 10:12.

(8) Kinh Thánh: Đức Chúa Cha gửi con là Chúa Giêsu xuống thế gian, chịu đóng đinh để cứu loài người tội lỗi.

(1) Có hai nàng Thais: một là vũ nữ, gái điếm ở Athènes (Hy Lạp), thế kỷ 4 tr.TL, người tình của đại đế Alexandre; nàng kia là một cô gái giang hồ Ai Cập, hồi cải, được một ẩn sĩ cải đạo, sau được phong thánh. Không rõ ở đây Brecht nói về nàng Thais nào.

(2) Salomo (965-926 tr.TL): vua Do Thái, tương truyền rằng rất sáng suốt.

(3) Những câu Hồng y Barberini 'nghĩ thầm' được in nghiêng đậm cho rõ ý.

(4) 'Das Heilige Offizium': cơ quan tối cao phụ trách các vấn đề thuộc về 'Đức tin' - vấn đề hàng đầu của Giáo hội.

(5) Biến tượng (Phase): những trạng thái khác nhau của mặt trăng hay một hành tinh không tự chiếu sáng, dạng xuất hiện của nó tùy theo được mặt trời chiếu sáng như thế nào.

(6) Nguyên văn: đừng nên vì muốn đồ chậu nước tắm mà hất luôn cả đứa bé đi.

(1) Âm chỉ các Giáo hoàng.

(2) Kinh Thánh (Sáng thế ký): Chúa Trời tạo ra con người mang hình ảnh của Người.

(3) Ở đây Brecht cũng cho Galilei gọi khi thì 'ông', khi thì 'cậu'.

(4) Priap: thần phồn thực.



(5) Horace (65-8 tr.TL): nhà thơ La Mã cổ đại.

(6) Esquiline: tên một trong bảy ngọn đồi ở Rome.

(7) Kinh Thánh (Cựu ước): Bị quỷ dữ xúi giục, Adam và Eve - tổ tiên loài người - đã ăn trái táo cấm trong vườn Địa đàng để được thông hiểu mọi sự 'như Đức Chúa Trời', nên hai người bị Chúa đuổi khỏi vườn Địa đàng, từ đó con cháu đời đời bị trừng phạt.

(1) Người dịch lược bỏ phần đầu rất dài của Hans Mayer viết về kịch nghệ của Brecht và về các vở 'kịch điển' khác của ông.

(2) Ngoài nghĩa sử thi, anh hùng ca, 'episch' còn có nghĩa 'tường thuật, kể'. Brecht là người đề xướng kỹ thuật cho xen kẽ những màn đọc thơ hoặc hát ca khúc giữa những đối thoại hoặc màn diễn trên sân khấu, nhằm mục đích giúp khán giả hiểu một cách có ý thức ý nghĩa sâu xa của cốt truyện, tâm lý nhân vật, hậu ý tác giả, thay vì để họ - như thói thường - bị lôi cuốn theo tình tiết, buồn thương, giận ghét theo nhân vật trên sân khấu.

(3) Robert Oppenheimer (1904-1967): nhà vật lý nguyên tử Mỹ, một trong những cha đẻ của hai quả bom nguyên tử thả xuống Nhật Bản cuối Thế chiến II. Về sau ông chống lại việc chế bom H vì lý do đạo đức, nên không được tham gia những chương trình quan trọng nữa. Từ 1947 đến 1966, ông chỉ còn là giám đốc một viện nghiên cứu tại Princeton. (Thậm chí, năm 1954 - thời 'săn' Cộng sản của McCarthy - Oppenheimer còn phải ra điều trần trước một ủy ban điều tra về khuynh hướng chính trị của ông).

(4) Friederich Dürrenmatt (1921-1990): nhà văn, nhà viết kịch nổi tiếng Thụy Sĩ. Trong vở Die Physiker - các Nhà vật lý, ông đã cho những nhà khoa học này chạy trốn vào nhà thương điên để khỏi phải cộng tác.

(5) Vở 'Flüchtlingsgespräche' (1940) cũng của Brecht.

(6) Thời Hitler cầm quyền (1933-1945), nước Đức có tên là Đế chế thứ ba.

(7) Theo cách phân loại và định nghĩa thông thường trong văn học phương Tây, vở kịch được gọi là hài kịch (Komoedie) khi kết thúc tốt đẹp - 'có hậu', còn bi kịch (Tragoedi) luôn kết thúc với nhân vật chính bị thất bại, thua cuộc.

(8) Ý nói: hiện tượng các nhà khoa học dùng cảm tính chân lý, đánh đổ học thuyết cũ.

(9) Có lẽ Hans Mayer muốn nói tới thời kỳ phôi thai của 'xã hội dân quyền' chăng, vì lúc đó còn là thời Trung cổ?

(1) 'Luận về chuyển động tròn của các thiên thể'.

(2) Salviati là người diễn đạt quan điểm của Galilei; Sagredo là người ham tìm hiểu (giống một người bạn của Galilei); còn Simplicio (nghĩa là ngây thơ) bênh vực quan điểm cũ của Aristoteles. Galilei đã phải mang vạ, vì bị vu cáo rằng nhân vật Simplicio này tượng trưng Giáo hoàng đương thời.

(3) Những 'giáo phái khác' ở đây có lẽ là những giáo hội Cơ Đốc 'ly khai', không chấp nhận quyền cai quản của Vatican, như Giáo hội Chính Thống, Giáo hội Tin Lành.

(4) Johannes Kepler (1571-1630): nhà thiên văn Đức; ông cho rằng mặt trời đã phát ra lực gây nên sự chuyển động của các hành tinh.

(1) Otto Hahn (1879-1968) là nhà hóa học Đức - không phải nhà vật lý như trong lời giới thiệu của Nxb Suhrkamp. Năm 1944, ông được trao giải Nobel Hóa học. (Mọi chú thích đều của người dịch).

(1) Nikolaus Kopernikus (1473-1543): giáo sĩ Ba Lan, lập ra thuyết thái dương hệ với mặt trời là trung tâm (thuyết nhật tâm). Thuyết này chỉ được công bố sau khi ông qua đời.

(2) Nghĩa bóng là tránh ngôi nhà này.

(3) Claudius Ptolemaeus (100-160): nhà nghiên cứu Hy Lạp, lập ra thuyết về vũ trụ với quả đất là trung tâm (thuyết địa tâm).

(4) Tám lớp như sau (từ tâm ra): 1. mặt trăng 2. sao Thủy (Merkur) 3. sao Kim (Venus) 4. mặt trời 5. sao Hỏa (Mars) 6. sao Mộc (Jupiter) 7. sao Thổ (Saturn) 8. tầng của các định tinh.

(5) Thế kỷ 14, bệnh dịch hạch hoành hành khủng khiếp ở châu Âu khiến hàng triệu người chết, nên thời bấy giờ người ta luôn nơm nớp lo sợ.

(6) Brecht cố ý để Andrea nói sai, vì ông chơi chữ: kippen nghĩa là hất đổ (học thuyết cũ)!

(7) Skudo là đồng tiền vàng.

(8) Nước Cộng hòa: từ thế kỷ 7 Venedig (Venice) đã xưng là Cộng hòa San Marco, do một Hội đồng (Signoria) - gồm đại diện các gia đình quý tộc - cai trị, đứng đầu là một Đại thống lãnh (Doge) được bầu miễn đời.

(9) Cremonini: một thời là bạn của Galilei.

(10) Inquisition, một thứ 'tòa án' cực đoan của Giáo hội Thiên Chúa giáo thời Trung cổ, nhằm tiêu diệt

mọi 'tà giáo' và ảnh hưởng của chúng trên mọi lãnh vực - kể cả trong khoa học, như vụ án Giordano Bruno và Galileo Galilei. Bản án khủng khiếp nhất là 'thiêu'.

(11)Giordano Bruno (1548-1600): triết gia Ý, tu xuất dòng Dominique, dựa trên thuyết của Kopernikus đặt nghi vấn về sự hiện hữu của Chúa trong không gian và thời gian trong vũ trụ. Năm 1592 Venedig giao ông cho Rom, năm 1600 ông bị Tòa án Tôn giáo kết án thiêu.

(12) Nghĩa bóng là gây dư luận xôn xao.

(13) Prag: thủ đồ Tiếp.

(14)Trước khi người Âu học được kỹ thuật làm giấy của Trung Quốc, họ phải viết lên da cừu hay dê - nhưng nhờ đó mà nhiều văn thư cổ vẫn giữ được đến ngày nay.

(15)Com pa tỷ lệ (Proportionalzirkel): một thứ thước tính thời bấy giờ, gồm hai 'thước' có chia độ để tính toán; chúng được bắt ốc ở một đầu, xoay được như cái com pa.

(16)Mượn ý câu 'Người không nên cột mõm con bò đang đập lúa' ( Cưu Ước, Moses quyển 5 - 25,4).

(17)Gracia Dei (tiếng La tinh): Chúa lòng lành vô cùng.

(1) Klafter (đọc là clap-tơ): đơn vị cổ cho gỗ, bằng khoảng 3 mét khối gỗ.

(2) Âm chỉ Giordano Bruno.

(3)Âm chỉ Giordano Bruno.

(4) Nơi có ngọn tháp nghiêng nổi tiếng, tương truyền Galilei đã thí nghiệm 'luật rơi tự do' của ông tại tháp này.

(5)Dòng họ nổi tiếng ở Ý, giàu có nhờ làm ngân hàng, do tiền nhiều, thế lực mạnh, nhiều người trong dòng họ này được làm Giáo hoàng. Đã hỗ trợ nghệ thuật và khoa học suốt nhiều thế kỷ, với những tên tuổi như Michelangelo, Leonardo da Vinci, Galileo Galilei...

(6)Thế kỷ 17 nước Ý vẫn còn chia làm nhiều vùng nhỏ. Mỗi đại công quốc tuy không gọi là nước, song các đại công tước vẫn có triều đình riêng.

(1) Vết đen thỉnh thoảng xuất hiện trên bề mặt mặt trời, gây rối loạn và nhiễu về điện.

(2) Tên một quyển sách của nhà thần học kiêm thiên văn học Johann Fabrizius (1587-1615).